上清黃庭內景經

THƯỢNG THANH HUỲNH ĐÌNH NỘI CẢNH KINH

Tìm hiểu thuật tu Tiên của Trung Quốc

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN I - KHẢO LUẬN

CHƯƠNG 1 - Những khái niệm cơ bản của đạo Lão

1. Đầu tiên có nhất thể: Thuyết thiên địa vạn vật nhất thể
2. Nhất thể biến vạn thể
3. Các danh hiệu của nhất thể
4. Tâm điểm và vòng tròn (nhất thể và vạn thù)
5. Nhất thể vạn thù ở hai thế đối đỉnh
6. Nhất thể vạn thù với hai chiều thuận nghịch
7. Con đường trở về nhất thể là con đường qui tâm hướng nội
8. Hiểu chữ Nhất là hiểu được tinh hoa đạo giáo của Á đông nói chung và Lão giáo nói riêng

CHƯƠNG 2 - Xuất xứ và tác giả Huỳnh Đình

1. Hai nghĩa rộng hẹp của Huỳnh Đình
2. Tác giả Huỳnh Đình
3. Huỳnh Đình kinh được phổ biến vào thời kỳ nào?
4. Huỳnh Đình kinh dưới mắt Nho gia
5. Nhận định về tác giả Huỳnh Đình

CHƯƠNG 3 - Huyền nghĩa hai chữ Huỳnh Đình

1. Nguyên nghĩa hai chữ Huỳnh Đình: **Huỳnh Đình là Thái cực, bản thể vạn hữu bản thể con người.**

2. Huỳnh Đình là Chân Trung là Tâm điểm là Trung nhất.

3. Huỳnh Đình hay Trung điểm ở nơi đâu trong con người?

CHƯƠNG 4 - Nội dung chính yếu của Huỳnh Đình

a. Tư tưởng then chốt thứ 1 của Huỳnh Đình:

- Đâu là tâm điểm con người?

- Đâu là Linh Đài, Tổ Khiếu, Huỳnh Đình?

- Tâm điểm con người, Huỳnh Đình thực sự là Nê Hoàn cung

b. Tư tưởng then chốt thứ 2 của Huỳnh Đình:

- Trong con người có đủ các tầng trời.

- Chư thần, đều có đủ trong con người.

- Các vị tối thượng thần đều ở trong các xoang não con người.

c. Tư tưởng then chốt thứ 3 của Huỳnh Đình: Đời sống đạo hạnh chân chính phải là một đời sống toàn diện viên mãn. Muốn được thế, Huỳnh Đình dạy:

* Tiết dục

* Án ma, đạo dẫn.

* Yết tân.

* Vận khí, điều tức.

* Thích ứng với hoàn cảnh.

* Nội quan phản chiếu.

* Điềm đạm, vô vi, vô dục.

* Quán tưởng thần minh.

Công trình tu luyện tóm lại là:

* Bảo tinh, hàm khí, dưỡng hình.

* Luyện hồn phách.

Kết quả:

* Nạn tai tiêu, tật bệnh thuyên, phản lão hoàn đồng

* Tâm hồn an lạc thanh sảng.

* Phối Thiên.

CHƯƠNG 5 - Lược khảo về những lễ nghi trì tụng Huỳnh Đình

CHƯƠNG 6 - Ít nhiều nhận định về kinh Huỳnh Đình

A. Người xưa nhận định về kinh Huỳnh Đình

- Huỳnh Đình và Đạo Đức kinh bổ túc lẫn nhau.

- Huỳnh Đình dạy về sở cư của thần Chân Nhất.

B. Những nhận định của riêng tôi về kinh Huỳnh Đình

1. Huỳnh Đình có nhiều bản văn khác nhau.

2. Huỳnh Đình là một kinh khó hiểu.

3. Huỳnh Đình chủ trương Tính mệnh song tu.

4. Những khám phá của Huỳnh Đình về các xoang não.

5. Huỳnh Đình kinh coi con người là toàn thể vũ trụ.

6. Đọc Huỳnh Đình và các kinh đạo Lão cần thấu triệt chủ trương: Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui nhất thể

7. Huỳnh Đình kinh dạy phép quán tưởng thần linh, tồn thần linh, hô thần linh, cầu thần linh

8. Huỳnh Đình dạy cầu thần khi đau ốm.

9. Huỳnh Đình là Thái Cực là Cốc Thần ở Nê Hoàn cung.

10. Huỳnh Đình kinh bàn nhiều về ngũ tạng và đởm.

PHẦN II - BÌNH DỊCH

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

SÁCH THAM KHẢO | **Trọn bản chữ Hán Nội Cảnh và Ngoại Cảnh** | **Phụ lục**

上 清 黃 庭 內 景 經

THƯỢNG THANH HUỲNH ĐÌNH NỘI CẢNH KINH

Tìm hiểu thuật tu Tiên của Trung Quốc

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục



LỜI NÓI ĐẦU

Huỳnh Đình kinh là một kỳ thư của Lão giáo, có tự lâu đời. Danh mục Huỳnh Đình kinh đã được ghi trong Tấn thư nghệ văn chí [1] 晉 書 藝 文 志 và Tống sử nghệ văn chí [2] 宋 史 藝 文 志. Như vậy Huỳnh Đình kinh tối thiểu đã có từ hơn 1600 năm nay.

Huỳnh Đình kinh có mục đích giúp ta trở thành thần tiên. Đọc chính kinh và các khẩu quyết trì tụng kinh này nơi đầu kinh ta thấy ngay điều đó. Chẳng hạn như:

- Muốn thọ lĩnh kinh này, phải trai giới trước 9, 7, hay 3 ngày.

- Phải có phòng thất đặc biệt thanh tịnh để tụng kinh này.

- Khi bước vào phòng để tụng kinh này, phải quán tưởng như có chư thần cùng theo vào.

- Khi tụng kinh này, phải quán tưởng như trong lòng mình có đủ các cung trời, và các vị Thượng thần trên trời đều có đủ trong lòng mình.

- Tụng kinh này 10.000 lần sẽ trở thành thần tiên.

Nếu mỗi ngày tụng kinh này một lần phải mất 28 năm mới đủ một vạn lần. Nếu mỗi ngày tụng 10 lần, phải mất ngót 3 năm. Thu thần định trí, đem chư thần trong trời đất vào lòng mình, xác tín rằng: chư thần trong trời đất luôn đi đứng cùng mình, chẳng phải một lần mà ngàn vạn lần, chẳng phải một ngày một buổi mà nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm. Nếu được như vậy, chẳng phải là thần minh thì còn là gì?

Tử Vi chân nhân 紫 微 真 人 nói: «Xưa Mạnh tiên sinh tụng Huỳnh Đình theo đường lối đó trong 8 năm. Huỳnh Đình chân nhân giáng nhập vào ông. Đó là điều hết sức huyền diệu. Bí quyết Huỳnh Đình chính tại điểm này. Nếu suốt ngày, từ sáng đến chiều, lúc nào cũng quán tưởng chư thần trong thân mình, thì khỏi cần đọc Huỳnh Đình kinh vậy.» [3]

Kinh này hết sức khó hiểu, phải có căn cơ đặc biệt mới mong hiểu nổi. Tuy nhiên nếu mỗi khi trì tụng

kinh này mà tâm trí luôn tưởng có chư thần hiện diện trong thân tâm mình, thì không hiểu kinh, kinh này vẫn là phương tiện quý báu, giúp ta trở thành thần tiên.

Ở Việt Nam đã có người phiên dịch Huỳnh Đình,[4] nhưng bí quyết của Huỳnh Đình chưa được phanh phui. Tôi có được một bản Huỳnh Đình Nội Cảnh, dịch theo nguyên bản của Tử Hà chân nhân 紫霞真人 bình chú. Tam Tông Miếu có nhã ý cho tôi mượn nguyên bản chữ Hán nói trên. Sách này in mộc bản năm Dân Quốc thứ 5 (1916) vào đầu mùa hạ năm Bính Dần (1916) do Mộng Giác Tử 夢覺子 Hồng Huệ Sâm 洪惠琛 soạn ở Sán Đầu 汕頭 nơi trường học Tam Thụy 三瑞. Tôi lại có được Huỳnh Đình Nội Cảnh Vụ Thành Tử chú bằng chữ Hán, không biết được in ra từ năm nào.

Về Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tôi có bốn bản Hán văn:

- Bản Lương Khưu Tử 梁丘子 chú, không đề năm in.

- Bản Vụ Thành Tử 務成子 chú, không đề năm in.

- Bản Tử Hà chân nhân 紫霞真人 chú (Viên Kiều Sơn 圓橋山, Tử Hà động 紫霞洞, Hàm Hư Tử 涵虛子).

- Bản của Tung Ẩn Tử 嵩隱子 Thạch Hòa Dương 石和陽 thuật, in thạch bản năm Càn Long thứ 58 (tức 1793).

Huỳnh Đình Nội Cảnh theo truyền thuyết là do đức Đại Đạo Ngọc Thần Quân 大道玉神君 (Linh Bảo Thiên Tôn 靈寶天尊) chép. Huỳnh Đình Ngoại Cảnh theo truyền thuyết là do đức Lão Tử chép, toát lược, giản yếu lại Nội Cảnh. Tuy phân nội ngoại khác nhau nhưng cả hai cùng chủ trương:

1. Con người là tiểu vũ trụ.

2. Trong con người có đủ ba tầng trời Tam Thanh và đủ chư thần.

3. Con người có thể tu luyện trở thành thần tiên.

4. Bí quyết trở thành thần tiên đại khái vẫn là:

- Trừng phẫn diệt dục.

- An thần, định trí, thanh tâm.

- Diệt phàm tâm cho thiên tâm hiện.

Vì không nắm được vi chỉ của Huỳnh Đình nên dân gian Việt Nam thường nghĩ rằng Huỳnh Đình bất quá là dạy người ăn ngay ở lành; nếu mình đã ăn ngay ở lành thì cần gì đọc Huỳnh Đình nữa. Cụ Nguyễn Đình Chiểu viết trong Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật như sau:

«Xin lòng nhân dục cho thanh,
Trau mình nào phải tụng kinh Huỳnh Đình.
Xin lòng luân lý cho minh,
Nuôi lòng nào phải đọc kinh Âm Phù.
Cho hay Tiên Phật rằng tu,
Cũng trong bảo dưỡng đương đầu mà ra.» [5]

Huỳnh Đình, cả nội cảnh lẫn ngoại cảnh, đều được viết theo thể thơ thất ngôn, cổ phong. Kinh có một lối gieo vần hết sức đặc biệt. Gieo vần bằng thì cứ vần bằng mãi; gieo vần trắc thì cứ vần trắc mãi. Đọc lên, có một âm thanh khác lạ. Chính vì vậy mà có nhiều vị đạo sư ở Việt Nam cho rằng nếu biết tụng kinh này cho phải phép thì âm thanh của kinh cũng có thể chuyển hoá tâm hồn con người, cũng như khi trì tụng

các chú kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, v.v. Tôi không tin như vậy.

Huỳnh Đình kinh - cả nội lẫn ngoại - có nhiều bản, do nhiều người chú giải. Chánh kinh thì dị biệt không bao lăm, nhưng lời bình chú thì khác nhau trời vực, vì tuỳ thuộc vào căn cơ, trình độ học vấn tu luyện của người bình giải. Chính vì vậy mà ta không câu nệ vào lời bình. Lời bình nào hữu lý thì mới chấp nhận.

Trong khi phiên dịch, tôi không chấp văn nệ tự, vừa dịch mà cũng vừa giải. Đôi khi gặp lúc chính kinh quá khúc mắc, tôi liền dựa vào lời bình để lấy ý, dịch thoát. Có thể nhiều độc giả không đồng ý với tôi về điểm này. Để biện minh cho lập trường của mình, thay vì trích dẫn Trang tử [6] hay Mạnh Tử,[7] tôi xin cống hiến quý vị bài thơ của Tùng Giang Vương Cảnh Dương Duy Nhất 松江王景陽惟一:

«Tự nhiên chi đạo bản vô vi,	自然之道本無為
Nhược chấp vô vi, tiện hữu vi.	若執無為便有為
Đắc ý vong ngôn, phương liễu triệt,	得意忘言方了徹
Nệ hình chấp tượng chuyển hôn mê.	泥形執象轉昏迷
Thân tâm tĩnh định bao thiên địa,	天心靜定包天地
Thần khí xung hòa hội khảm ly.	神氣沖和會坎離
Liệu đắc giá ta chân diệu quyết,	料得這些真妙訣
Kỷ nhân hội đắc kỷ nhân tri.» [8]	幾人會得幾人知

Tạm dịch:

Cái đạo tự nhiên vốn vô vi,
Nếu chấp vô vi, ấy hữu vi.
Được ý quên lời rằng liễu triệt,
Nệ văn chấp tượng hoá hôn mê.
Thân tâm tĩnh định bao thiên địa,
Thần khí xung hòa hội khảm ly.
Chỉ có bấy nhiêu chân diệu quyết,
Mấy ai hiểu được, mấy ai tri?

Quyển Huỳnh Đình kinh bình dịch này gồm hai phần: (1) Phần khảo luận và (2) Phần bình dịch.

Phần khảo luận gồm các chương sau:

- Chương 1: Những khái niệm cơ bản của đạo Lão
- Chương 2: Xuất xứ và tác giả Huỳnh Đình kinh
- Chương 3: Huyền nghĩa hai chữ Huỳnh Đình
- Chương 4: Các quan niệm then chốt của Huỳnh Đình
- Chương 5: Lược khảo lễ nghi trì tụng Huỳnh Đình
- Chương 6: Ít nhiều nhận định về Huỳnh Đình kinh

Phần bình dịch theo thứ tự sau:

- Kinh có 36 chương. Tên mỗi chương là hai chữ đầu chương bản chữ Hán.

- Trình bày chính kinh bằng chữ Hán kèm theo phiên âm.
- Ghi những dị biệt của các bản kinh, nếu có.
- Lược dịch bằng thể thất ngôn cổ phong.
- Chú giải những chữ khó.
- Bình giải.

Để kết thúc lời phi lộ này, tôi mượn lời kinh Huỳnh Đình, nơi chương một:

Từ cung trời thẩm thượng thanh thiên,
Kinh được viết ra, Ngọc Đế tiền.
Lời thơ bảy chữ đầy châu ngọc,
Biến được thân mình thành vạn tiên.
Huỳnh Đình mỹ hiệu gọi nội thiên,
Khiến tâm linh sảng thướng Tam thiên.
Tâm thần hòa hợp cùng Ngọc Đế,
Mắt tỏa hào quang rực ánh tiên.
Đó chính ngọc thư phải tinh nghiên,
Đọc quá vạn lần thăng Tam thiên.
Thiên tai vạn bệnh đều qua khỏi,
Hổ lang chẳng hại, lại diên niên.

Viết xong năm 1976 tại Việt Nam
Nhân Tử Bác sĩ Nguyễn văn Thọ
Cẩn bút



CHÚ THÍCH

[1] Đời Tấn 晉 (265 - 402)

[2] Đời Tiền Tống, tức Nam Triều Tống 南 朝 宋 (420 - 479). Đời Tống 宋 (960 - 1278)

[3] Tử Vi chân nhân viết: «Tích Mạnh tiên sinh tụng Huỳnh kinh, tu thử đạo bát niên. Huỳnh Đình chân nhân giáng chi. Thử diệu chi cực dã. Huỳnh Đình bí quyết tận ư thử hĩ. Hình trung chi thần, diệc khả tòng triêu chí mộ hằng niệm vật vong, bất tất tụng Huỳnh Đình kinh hĩ.» (Vụ Thành Tử 務 成 子 chú, Thái Thượng Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh 太 上 黃 庭 內 景 經, tr. 5b) 紫 微 真 人 曰: 昔 孟 先 生 誦 黃 庭 經, 修 此 道 八 年. 黃 庭 真 人 降 之. 此 妙 之 極 也. 黃 庭 秘 訣 盡 於 此 矣. 形 中 之 神, 亦 可 從 朝 至 暮 恆 念 勿 忘, 不 必 誦 黃 庭 經 矣.

[4] Không rõ dịch giả là ai, chỉ biết cụ Nguyễn Hoà Hiệp nhờ dịch. Bản này chỉ phiên âm chính kinh và

dịch lời bình giải của Tử Hà Hàm Hư Tử.

[5] Nguyễn Đình Chiểu, Ngư tiều vấn đáp y thuật, Phan văn Hùm hiệu đính, chú thích, Nhượng Tống tăng bình, bổ chú, Tân Việt 1952, tr. 209.

[6] Ngôn giả sở dĩ tại ý, đắc ý nhi vong ngôn. 言 者 所 以 在 意. 得 意 而 忘 言 (Trang Tử 莊 子, Ngoại Vật 外 物).

[7] Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại ý, dĩ ý nghịch chí, thị vi đắc chi. 不 以 文 害 辭. 不 以 辭 害 意. 以 意 逆 志, 是 為 得 之 (Mạnh Tử 孟 子, Vạn Chương 萬 章, chương cú thượng, câu 4)

[8] Minh Đạo Thiên 明 道 篇. Xem Lý Lạc Cầu 李 樂 俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙 學 妙 選, tr. 139.

» Mục Lục

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 1

Những khái niệm cơ bản của đạo Lão

1. Đầu tiên có nhất thể: Thuyết thiên địa vạn vật nhất thể
2. Nhất thể biến vạn thể
3. Các danh hiệu của nhất thể
4. Tâm điểm và vòng tròn (nhất thể và vạn thù)
5. Nhất thể vạn thù ở hai thế đối đỉnh
6. Nhất thể vạn thù với hai chiều thuận nghịch
7. Con đường trở về nhất thể là con đường qui tâm hướng nội
8. Hiểu chữ Nhất là hiểu được tinh hoa đạo giáo của Á đông nói chung và Lão giáo nói riêng

Xưa nay rất nhiều người thường cho rằng các đạo giáo và triết thuyết Á Đông hết sức là mơ hồ, huyền ảo. Khảo về các học thuyết Á Đông nhiều người cảm thấy như mình lạc vào một mê đồ trận, hay vào một khu rừng rậm giữa đêm tăm, không còn biết đầu đuôi phương hướng ra sao. Ấy chính là vì họ không có những khái niệm cơ bản chỉ nam. Cho nên muốn khảo sát các đạo giáo Á Đông nói chung, đạo Lão và Huỳnh Đình kinh nói riêng, chúng ta phải nắm vững ít nhiều tư tưởng then chốt của Tam giáo Đông phương.

1. Đầu tiên có nhất thể

Trước hết các đạo giáo Đông phương đều xác tín rằng có một thực thể tuyệt đối, một bản thể duy nhất uyên nguyên, vô hình vô ảnh, nhưng lại linh động biến hóa không cùng. Bản thể ấy đã sinh xuất ra vũ trụ hiện tượng hữu hình, hữu tướng này. Đó là thuyết thiên địa vạn vật nhất thể 天 地 萬 物 一 體.

2. Nhất thể biến vạn thể

Bản thể duy nhất vô sinh, vô diệt, vô thuỷ, vô chung ấy là căn nguyên sinh xuất ra vũ trụ hữu hình, hữu sinh, hữu diệt, hữu thuỷ, hữu chung này. Nó mang muôn vàn danh hiệu. Dưới đây chỉ đan cử ít nhiều danh hiêu để rọi sáng vào ít nhiều tính cách của bản thể uyên nguyên ấy.

3. Danh hiệu của nhất thể

Bản thể ấy trước hết được gọi là Nhất 一 vì cũng như số một sinh ra mọi con số khác, bản thể duy nhất ấy cũng sinh ra mọi hiện tượng, mọi sinh linh.

Bản thể ấy cũng còn được gọi là Trung 中 vì nó lồng trong mọi hiện tượng, mọi sinh linh, để làm chân tâm, làm khu nữu, làm cốt lõi, nâng đỡ giữ gìn vạn sự, vạn loài.

Trung này vừa vô định tại, vô phương sở, vì bao trùm vũ trụ, vì là bản thể vũ trụ; vừa hữu định tại, hữu phương sở, vì nằm sâu trong lòng muôn loài muôn vật, từ tinh tú, nhật nguyệt đến vi tử, vi trần.

Phật giáo gọi bản thể ấy là:

- Tâm địa 心 地, vì sinh xuất muôn loài.

- Bồ đề 菩 提, vì đó là sở đắc của chư Phật.

- Pháp giới 法 界, vì dung nhiếp vạn tượng.

- Niết bàn 涅 槃, vì tịch nhiên thường lạc.

- Bất lậu 不 漏, vì không tì ố bợn nhơ.

- Chân như 真 如, vì vô vọng bất biến.

- Phật tính 佛 性, vì siêu xuất thị phi.

- Viên giác 圓 覺, vì phá sạch quần mê.

- Như lai 如 來, vì hàm nhiếp vạn linh.

- Mật nghiêm quốc 密 嚴 國, vì siêu việt huyền bí.

- Bản lai diện mục 本 來 面 目, vì là bộ mặt thật của con người từ muôn thủa.[1]

- Kim cương 金 剛, vì là bản thể bất diệt, trường sinh, vĩnh cửu nơi con ngườ i.[2]

Lão giáo gọi bản thể đó là:

- Tạo hóa chi nguyên 造 化 之 元, vì là căn cơ sinh hóa.

- Tiên thiên chủ nhân 先 天 主 人, vì sẽ tạo dựng ra đất trời vạn hữu.

- Vạn tượng chủ tể 萬 象 主 宰, vì sinh xuất mọi hiện tượng.

- Huyền tẫn chi môn 玄 牝 之 門, vì bao quát âm dương (huyền 玄: dương; tẫn 牝: âm).

- Tổ khiếu 祖 竅, vì là nơi xuất phát muôn loài.

- Cốc thần 谷 神, vì ở sẵn ngay trong đầu não con người.

- Chân nhất xứ 真 一 處, vì bản thể ấy duy nhất.

- Trung hoàng cung 中 黃 宮, Mậu kỷ môn 戊 己 門, Chân thổ 真 土, Huỳnh đình 黃 庭, Qui trung 歸 中, v.v. vì là tâm điểm của vạn hữu.

- Ngưng kết chi sở 凝 結 之 所, vì có đắc nhất thì công cuộc luyện đơn mới thành.

- Qui căn khiếu 歸 根 竅, Phục mệnh quan 復 命 關, vì đó là cùng đích muôn loài.

- Huyền quan khiếu 玄 關 竅, vì là cửa sinh xuất vạn loài. (...)

Thực không sao kể xiết. Quí vị độc giả nào muốn thâu lượm thêm các danh từ về bản thể mà đạo Lão thường dùng, xin đọc Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 nơi các hình: Phổ chiếu đồ 普 照 圖 (quyển Nguyên, tr. 7b), Tâm trung đồ 心 中 圖 (quyển Nguyên, tr. 10b), Thái dược qui hồ đồ 採 藥 歸 壺 圖 (quyển Lợi, tr.1b), Kiền khôn giao cấu đồ 乾 坤 交 媾 圖 (quyển Lợi, tr. 8a), An thần tổ khiếu 安 神 祖 竅 (quyển Hanh, tr. 9a).

Khổng giáo gọi bản thể đó là: Vô cực 無 極, Thái cực 太 極, Nhất 一, Trung 中; và Dịch kinh 易 經 cũng triển khai mấy quan niệm đó.

Nhất thể ấy, khi thì được đạo Lão coi là vô ngã 無 我, và được hài danh bằng những danh từ như: Đạo 道, Hư vô 虛 無, Hư 虛, Vô 無, Vô cực 無 極, Đơn 丹, Tiên thiên nhất khí 先 天 一 氣, Thái hòa nguyên khí 太 和 元 氣, Hạo nhiên chi khí 浩 然 之 氣. Lão Tử và Trang Tử theo chủ trương này. Đó cũng chính là chủ trương của Phật, của các đại hiền triết Hy Lạp cổ thời như Pythagore, Héraclite, Parménide, Platon, Anaximandre, v.v.[3] Đó là quan niệm Nhất nguyên vô ngã 一 元 無 我 theo danh từ triết học ngày nay.

Cũng nhất thể ấy, khi thì được đạo Lão coi như là hữu ngã 有 我, và được gọi là Thái Thượng Lão Quân 太 上 老 君, Nguyên Thuỷ Thiên Tôn 原 始 天 尊, Ngọc Hoàng Thượng Đế 玉 皇 上 帝. Đó là quan

niệm Nhất nguyên hữu ngã 一 元 有 我, tương đương với quan niệm Đại Nhật Như Lai 大 日 如 來 trong Phật giáo, và Thượng Đế 上 帝 trong các đạo giáo.

Đạo Lão có khi còn dung thông hai quan niệm nói trên làm một và gọi bản thể vũ trụ là Tiên Thiên Nhất Khí Thái Thượng Lão Quân 先 天 一 氣 太 上 老 君.[4]

4. Tâm điểm và vòng tròn (nhất thể và vạn thù)

Quan niệm Thiên địa vạn vật nhất thể, nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui nhất thể còn được kinh Dịch và các Đạo gia thuở xưa biểu hiệu, tượng trưng bằng Tâm điểm và Vòng tròn.

Tâm điểm tượng trưng cho bản thể, căn nguyên, gốc gác, cùng đích của muôn loài.

Vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho hiện tượng, cho luân lưu biến hoá. Trong Huỳnh Đình nội cảnh do Tử Hà Hàm Hư Tử chú có một câu hết sức ý vị:

«Nhất thần chính vị nhi trung lập,

一 神 正 位 而 中 立

Vạn thần triều củng nhi hoàn trần.»

萬 神 朝 拱 而 環 陳

(Một thần chính vị nơi trung điểm,

Vạn thần chầu chực thành vòng quanh.)

Thể và dụng của Huỳnh Đình nằm trong hai câu đó.[5]

5. Nhất thể vạn thù ở hai thế đối đỉnh

Từ hình vẽ tâm điểm và vòng tròn ta dễ dàng suy diễn được rằng vũ trụ này gồm có hai phần:

- Một thế giới của Bản Thể, của thực thể, lý tưởng, siêu việt, thế giới của chân thiện mỹ, vĩnh cửu trường tồn. Đó là thế giới khinh thanh, bao la, tiềm ẩn và đồng đẳng, vô phân biệt. Đó là Chân như môn 真 如 門 theo danh từ Phật giáo, là Vô vi 無 為, là Diệu 妙 theo danh từ Lão giáo, là Thể 體 theo danh từ Nho giáo.

- Một thế giới của hiện tượng, của giác quan, của thiên nhiên, của những gì phù du, biến ảo, những gì trọng trọc, chất chưởng, hữu hạn, những gì bị chi phối bởi sự duyên. Ở nơi con người nó bao quát tất cả tâm tư, trí não, giác quan, hình hài, tóm lại là tất cả những gì là vọng tâm 妄 心, vọng ngã 妄 我, là tứ đại giả hợp 四 大 假 合 theo từ ngữ Phật giáo. Đó là Sinh diệt môn 生 滅 門 theo Phật giáo, là Hữu vi 有 為 hay Khiếu 竅 theo Lão giáo, là Dụng 用 theo Nho giáo.

Phàm nhân thì sống phù phiếm, lênh đênh chìm nổi trên cái thế giới hiện tượng ấy, chỉ biết những gì là sắc tướng, chỉ thích những gì là phù hoa, chỉ mê những gì là hào nhoáng bên ngoài, lạc lõng trong muôn vàn sai biệt, bị ngoại cảnh chi phối, thất tình lục dục đẩy đưa, từ ngữ và tư tưởng ám nhãn, manh tâm; thu hẹp con người vô hạn của mình vào trong gông cùm không gian và thời gian, hình hài sắc tướng hữu hạn.

Thánh nhân trái lại, đi xuyên qua được bức màn hiện tượng ấy để vào thế giới chân tâm, vô biên vĩnh cửu, thế giới bản thể vĩnh cửu trường tồn, xuyên qua được tâm thức để vào tới cõi hư vô chân thể, đồng đẳng với Thái hư.

Chính vì thế mà Tham Đồng Khế 參 同 契 có câu: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung.» 真 人 潛 深 淵 , 浮 游 守 歸 中.[6] Tạm dịch:

Chân nhân sống rất thâm trầm,

Nhởn nhơ khinh khoát ôm cầm khuông thiêng.

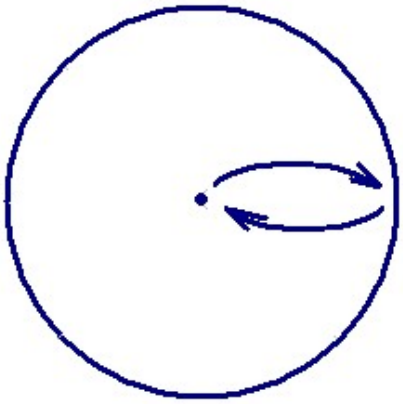
Tính Mệnh Khuê Chỉ có câu: «Ly chủng chủng biên, doãn chấp quyết trung.» 離 種 種 邊 允 執 厥 中. [7] Tạm dịch:

Lìa xa hết mọi vòng ngoài,

Trung tâm giữ vững, chẳng rời tấc gang.

6. Nhất thể vạn thù với hai chiều thuận nghịch

Tâm điểm và vòng tròn còn giúp ta nhìn thấy được hai chiều thuận nghịch biến hoá của trời đất và của con người.



Ở nơi trời đất, thì chiều từ Bản thể ra Hiện tượng là chiều từ tâm ra biên, từ nhất sinh vạn, là chiều thuận, là chiều sinh hoá ra vạn hữu. Đó là chiều đi ra, chiều ly tâm, và đồng thời cũng có thể gọi là chiều đi xuống, chiều thoái hoá, từ khinh thanh xuống dần, ra dần tới trọng trọc, từ phác giản xuống dần, ra dần tới tần phiền.

Ở nơi con người thì chiều thuận chính là chiều ly tâm, là chiều phóng ngoại, hướng ngoại, từ Thần ra tới tâm tư, ý thức, hình hài, ngoại cảnh.

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ, chiều thuận nơi con người được phác hoạ như sau: Tính 性 ➜ Tâm 心 ➜ Ý 意 ➜ Tình 情 ➜ Vọng 妄 (Mê vọng 迷 妄).[8]

Ở nơi trời đất thì chiều từ hiện tượng biến hoá trở ngược mãi về bản thể, chiều từ biên trở về tâm điểm, từ vạn qui hoàn về nhất, là chiều nghịch, là chiều thăng hoa, sinh thánh sinh thần. Đó là chiều đi vào, chiều hướng tâm, đồng thời cũng được gọi là chiều đi lên, chiều tiến hoá, từ trọng trọc trở lại dần tới khinh thanh, từ tần phiền trở ngược về phác giản.

Ở nơi con người thì chiều nghịch đó chính là chiều hướng tâm, chiều hồi hướng, hướng nội, từ hình hài quay trở về với thiên tính, với thần linh, với Đạo tâm, Chân tâm nội tại.

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ, chiều nghịch nơi con người được phác hoạ như sau: Vọng 妄 (Mê vọng 迷 妄) ➜ Tình 情 ➜ Ý 意 ➜ Tâm 心 ➜ Tính 性.[9]

Chiều nghịch này mới là quan trọng. Đạo Đức Kinh viết: «Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, tĩnh viết phục mệnh, phục mệnh viết thường.» 夫 物 芸 芸, 各 歸 其 根, 歸 根 曰 靜, 靜 曰 復 命, 復 命 曰 常 (chương 16). Tạm dịch:

Muôn loài sinh hoá đa đoan,

Rồi ra cũng phải qui hoàn bản nguyên.

Hoàn bản nhiên, an nhiên phục mệnh,

Phục mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng.

Ở nơi vòng Dịch, thì chiều thuận là chiều Quan nguyệt quật 觀 月 窟 theo từ ngữ của Thiệu Khang Tiết 邵 康 節, từ quẻ Cấu 姤 đến quẻ Khôn 坤. Còn chiều thuận là chiều Kiến thiên căn 見 天 根 theo từ ngữ của Thiệu Khang Tiết, từ quẻ Phục 复 đến quẻ Kiền 乾 rồi vào trung cung Thái cực, «Hoàng trung thông lý, chính vị cư thể» 黃 中 通 理 正 位 居 體. Dịch chủ trương chiều nghịch mới là chiều quan trọng, và thánh hiền xưa đã định nghĩa Dịch là Nghịch số.[10]

7. Con đường trở về nhất thể phải là con đường qui tâm hướng nội

Hiểu được hai chiều biến hoá ngược xuôi ấy ta thấy ngay:

– Đi ra ngoại cảnh là đi ra Đời bất kể ngoại cảnh ấy là đền đài, miếu mạo, thần phật chi chi đi nữa.

– Đi vào nội tâm mới là đi vào Đạo.

Có như vậy ta mới hiểu lời lẽ sau của Tính Mệnh Khuê Chỉ: «Muốn thoát luân hồi, phải thể hợp với Chí đạo. Muốn thể hợp với Chí đạo, tất phải quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm, tất phải nhắm mắt hồi quang nhìn vào hư không, đem ánh sáng tuệ quang chiếu diệu vào nơi thất tình lục dục chưa nhen nhúm, nơi mà bản thể chưa bị bát thức làm ô nhiễm. Ngoài thì tuyệt hết chư duyên, trong thì tuyệt hết chư vọng, hợp nhãn quang, ngưng nhĩ vận, điều tị tức, khoá thiệt khí, tứ chi bất động, để cho ngũ thức của tai, mắt, mũi, lưỡi, thân quay trở về gốc gác. Như vậy tinh, thần, hồn, phách, ý sẽ an vị. Suốt cả 12 giờ trong ngày, mắt luôn luôn nội quan quán chiếu nhìn vào khiếu ấy, tai trở ngược lại lắng nghe khiếu ấy, đầu lưỡi thường phong bế khí ấy, vận dụng thi vị,niệm niệm không rời khỏi khiếu ấy.» [11] Khiếu ấy chính là bản thể thần linh của con người, là bản thể tuyệt đối mà chúng ta đã đề cập trong suốt chương này.

Thái Thượng nói: «Ta từ vô lượng kiếp đã quan tâm đắc đạo, và tới được hư vô.»[12] Hiểu được bản thể là hiểu được căn nguyên và cùng đích của vũ trụ và con người. Hiểu được hai chiều thuận nghịch nói trên là hiểu được lẽ biến dịch tuần hoàn của vũ trụ và vạn hữu và của con người.

8. Chung qui: Hiểu chữ Nhất là hiểu được tinh hoa đạo giáo Á Đông nói chung, Lão giáo nói riêng

Dù đứng trên lập trường hữu ngã hay vô ngã mà nhìn vào Nhất thể, dù gọi Nhất thể đó là Khí, Thể, Thần, Lão, hay Thiên, khái niệm cơ bản vẫn là: Nhất thể đó linh minh, huyền diệu, có khả năng sinh xuất biến hoá ra vạn sự, vạn hình.

– Nhất thể đó có thể biến thành tam thể, vạn thể.

– Nhất khí đó có thể biến thành tam khí, vạn khí.

– Nhất thần đó có thể biến thành tam thần, vạn thần.

– Nhất lão đó có thể biến thành tam lão, vạn lão.

– Nhất thiên đó có thể biến thành tam thiên, vạn thiên.

Thế tức là hiểu lẽ Một sẽ hiểu được căn cơ gốc gác của muôn loài muôn vật, và có thể đi đến một kết luận hết sức triết học và khoa học sau đây: Thiên địa, nhân vật nhất tính, đồng thể.[13] Suy ngược lại ta có:

– Nếu nhất thần hoá chúng thần thì chúng thần qui nhất thần; nhất khí hoá vạn khí thì vạn khí qui nhất khí.

– Nếu con người có chúng thần thì cũng có nguyên thần, nhất thần.

– Nếu trong người có vạn khí, ngũ khí, tam khí, thì ắt cũng có chân nguyên nhất khí hay nguyên khí.

Vì hiểu lẽ Một nên người đạo sĩ: Chọn cái tinh hoa, bỏ cái bác tạp. Chọn cái giản dị, bỏ cái tầm phiền.

Chọn cái chân tâm, bỏ cái thất tình lục dục, tứ đại, tam thi, âm dương đối đãi.

Vì hiểu lẽ Một, người đạo sĩ biết rằng mình là Tiên thiên Nhất Khí hoá thân, nghĩa là đồng thể với Tối Thượng thần trong trời đất.

Vì hiểu lẽ Một nên hiểu rằng mình và chân thần trong mình và chân thần trời đất là một. Mình đây chẳng qua là hoá thân của chân thần đó mà mình chẳng hay.

Hoạ sĩ Wyzowa đã viết năm 1893: «Cái mà ta gọi là thực tại, chẳng qua chỉ là hình ảnh của bản thể thầm kín nơi ta, phóng phát ra hư cảnh bên ngoài mà thôi.» [14]

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết: «Vì thế nói thánh nhân tẩy rửa tâm hồn, trở về náu ẩn trong nơi thầm kín. Trong đó vốn đã có bản thể uyên nguyên cùng với thái hư hỗn thành nhất khối. Vì thế nói: Thánh nhân đồng thể với thái hư.» [15]

Lão giáo vì thế mà chủ trương Thủ trung bão nhất 守 中 抱 一, Khổng giáo vì thế mà chủ trương Ngô đạo nhất dĩ quán chi 吾 道 一 以 貫 之. Tính Mệnh Khuê Chỉ chép: «Xưa Hoàng Đế lên núi Nga Mi gặp thiên chân Hoàng Nhân ở Ngọc Đường và hỏi về cái đạo Chân Nhất. Hoàng Nhân đáp: Đó là điều quí trọng nhất của Đạo gia. Kinh của đạo này, Thượng Đế giấu trong năm thành của núi Côn Lôn, cất trong hòm ngọc, viết vào thẻ vàng, phong bằng bùn tía, đóng ấn bằng chữ Trung. Nhất đó ở Thái uyên Bắc cực, trước có Minh đường sau có Ngọc chẩm, trên là Hoa cái, dưới là Giáng cung.» [16] Với những lời lẽ mơ hồ đó, ta thấy Hoàng Nhân muốn nói như sau: Muốn tìm Trời, tìm Chân đạo, tìm Nhất, tìm Trung, phải tìm nơi trung điểm đầu não con người.

Trước đó vài dòng, Tính Mệnh Khuê Chỉ đã khéo léo đề cập Nê hoàn cung và trích dẫn lời kinh Huỳnh Đình:

Nê hoàn cửu chân giai hữu phòng,	泥 丸 九 真 皆 有 房
Phương viên nhất thốn xứ thử trung.	方 圓 一 寸 處 此 中
Đồng phục tử y, phi la thường,	同 服 紫 衣 飛 羅 裳
Đãn tư nhất bộ thọ vô cùng.	但 思 一 部 壽 無 窮

Viết đến đây tôi liên tưởng đến lời chú của Phật giáo Tây Tạng: Um Mani Padme Hum (Ôi ngọc châu viên giác nằm tại liên hoa tâm). Liên hoa tâm, theo lời bình giải của các đạo sư Tây Tạng, chính là trung tâm đầu não con người.

Mở đầu chương bằng bản thể uyên nguyên của vũ trụ và của con người, kế đến bàn hai chữ Trung và Nhất, cuối cùng kết thúc bằng chữ Nhất, và đem chữ Nhất ấy vào trung tâm đầu não con người, vào nê hoàn cung nơi mà từ vô lượng kiếp đức Thái Thượng đã dạy đạo cho chúng ta, đúng như lời kinh Huỳnh Đình nơi chương 7: «Thị tích Thái Thượng cáo ngã dã.» 是 昔 太 上 告 我 也 (Ấy chính là nơi mà xưa kia đức Thái Thượng đã dạy ta), thiết tưởng tôi cũng đã phát quang được gai góc và để lộ ra con đường Đại đạo.

CHÚ THÍCH

[1] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Hanh 亨, tr. 2b.

[2] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Hanh 亨, tr. 1a.

[3] Nghiêm Xuân Hồng, Nguyên tử, Hiện sinh, và Hư vô, Hoàng đông phương xb, 1969, quyển thượng.

[4] Tử Hà 紫 霞, Huỳnh đình nội cảnh kinh tường chú 黃 庭 內 景 經 詳 注, tr. 2a: Phù Lão Quân giả, Đạo khí chi tổ, vạn hoá chi tông, tòng tiên thiên, tiên địa, không động hư vô trung sinh xuất nhất khí, danh

viết Đạo khí. Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh cửu, cửu sinh vạn. Vạn khí sinh vạn thần. Cố trì thánh hiệu viết: Tiên Thiên Nhất Khí Thái Thượng Lão Quân. 夫 老 君 者, 道 氣 之 祖, 萬 化 之 宗, 從 先 天, 先 地, 空 洞 虛 無 中 生 出 一 氣, 名 曰 道 氣. 道 生 一, 一 生 二, 二 生 三, 三 生 九, 九 生 萬. 萬 氣 生 萬 神. 故 持 聖 號 曰: 先 天 一 氣 太 上 老 君.

[5] Tử Hà 紫 霞, Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh Tường Chú 黃 庭 內 景 經 詳 注, tr. 3a.

[6] Lý Lạc Cầu 李 樂 俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙 學 妙 選, tr. 86.

[7] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Hanh 亨, tr. 8b. Lý Lạc Cầu Tiên Học diệu tuyển 仙 學 妙 選, tr. 71, 86, 87.

[8] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, Thuận nghịch tam quan đồ 順 逆 三 關 圖, q. Nguyên, tr. 13a.

[9] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, Thuận nghịch tam quan đồ 順 逆 三 關 圖, q. Nguyên, tr. 13a.

[10] Dịch nghịch số dã 易 逆 數 也. Dịch Kinh 易 經, thuyết quái 說 掛, chương 3.

[11] Doãn chân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Hanh 亨, tr. 2b. Dục tức luân hồi, mạc nhược thể hồ chí đạo. Dục thể chí đạo, mạc nhược quán chiếu bản tâm. Dục chiếu bản tâm, ưng tu phổ nhãn hư giám, thường giáo lãng nguyệt huy minh, mỗi hướng định trung huệ chiếu, thời thời bảo đắc thử thất tình vị phát chi trung, thời thời toàn đắc thử bát thức vị nhiễm chi thể. Ngoại tức chư duyên, nội tuyệt chư vọng. Hàm nhãn quang, ngưng nhĩ vận, điều tị tức, giam thiệt khí, tứ chi bất động, sử nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân chi ngũ thức các phản kỳ căn, tắc tinh, thần, hồn, phách, ý chi ngũ linh các an kỳ vị. Nhị lục thời trung, nhãn thường yếu nội quán thử khiếu, nhĩ thường yếu nghịch thính thử khiếu, chí ư thiệt chuẩn thường yếu đối trước thử khiếu, vận dụng thi vi niệm niệm bất ly thử khiếu, hành lập tọa ngọa tâm tâm thường tại thử khiếu. 欲 息 輪 回, 莫 若 體 乎 至 道. 欲 體至 道, 莫 若 觀 照 本 心. 欲 照 本 心, 應 須 普 眼 虛 鑒, 常 教 朗 月 輝 明, 每 向 定 中 慧 照, 時 時 保 得 此 七 情 未 發 之 中, 時 時 全 得 此 八 識 未 染 之 體. 外 息 諸 緣, 內 絕 諸 妄. 含 眼 光, 凝 耳 韻, 調 鼻 息, 緘 舌 氣, 四 肢 不 動, 使 眼, 耳, 鼻, 舌, 身 之 五 識 各 返 其 根, 則 精, 神, 魂, 魄, 意 之 五 靈 各 安 其 位. 二 六 時 中, 眼 常 要 內 觀 此 竅, 耳 常 要 逆 聽 此 竅, 至 於 舌 准 常 要 對 著 此 竅, 運 用 施 為 念 念 不 離 此 竅, 行 立 坐 臥 心 心 常 在 此 竅.

[12] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Hanh 亨, tr. 3a. Thái thượng viết: Ngô tòng vô lượng kiếp lai, quán tâm đắc đạo nãi chí hư vô. 太 上 說 : 吾 從 無 量 劫 來 觀 心 得 道 乃 至 虛 無.

[13] Doãn chân nhân 尹 真 人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, quyển Nguyên 元, tr. 6a. 天 地 人 物 一 性 同 體.

[14] Ce que nous appelons la réalité n'est que la projection au néant externe de l'image de notre essence intime. Cf. Pierre Francastel, Art et Technique, p.198.

[15] Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, Trung tâm đồ 中 心 圖, quyển Nguyên 元, tr. 10b. Cố viết: thánh nhân dĩ thử tẩy tâm thối tàng ư mật, kỳ trung bản hư nguyên dữ thái hư hỗn nhi vi nhất. Cố viết: thánh nhân dữ thái hư đồng thể. 故 曰: 聖 人 以 此 洗 心 退 藏 於 密, 其 中 本 虛 原 與 太 虛 渾 而 為 一. 故 曰: 聖 人 與 太 虛 同 體.

[16] Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, Kiền Khôn giao cấu 乾 坤 交 媾, quyển Lợi 利, tr. 9b. Tích Hoàng Đế thướng Nga Mi sơn kiến thiên chân Hoàng Nhân ư Ngọc đường, thỉnh vấn chân nhất chi đạo. Hoàng Nhân viết: Thử Đạo gia chi chí trọng, kỳ kinh Thượng Đế bí tại Côn Lôn ngũ thành chi nội, tàng dĩ ngọc hàm, khắc dĩ kim trát, phong dĩ tử nê, ấn dĩ Trung chương. Ngô văn chi kinh vân: Nhất tại Bắc cực Thái uyên chi trung, tiền hữu Ngọc đường, hậu hữu Ngọc chẩm, thượng hữu Hoa cái, hạ hữu

giáng cung. 昔 黃 帝 上 峨 嵋 山 見 天 真 皇 人 於 玉 堂, 請 問 真 一 之 道. 皇 人 曰: 此 道 家 之 至 重, 其 經 上 帝 秘 在 昆 侖 五 城 之 內, 藏 以 玉 函, 刻 以 金 札, 封 以 紫 泥, 印 以 中 章. 吾 聞 之 經 云: 一 在 北 極 太 淵 之 中, 前 有 明 堂, 後 有 玉 枕, 上 有 華 蓋, 下 有 絳 宮.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 2

Xuất xứ và tác giả Huỳnh Đình

1. Hai nghĩa rộng hẹp của Huỳnh Đình
2. Tác giả Huỳnh Đình
3. Huỳnh Đình kinh được phổ biến vào thời kỳ nào?
4. Huỳnh Đình kinh dưới mắt Nho gia
5. Nhận định về tác giả Huỳnh Đình

1. Huỳnh Đình Kinh hiểu theo hai nghĩa rộng và hẹp

Theo Vương Thị Pháp Thiếp Thư Uyển Ngôn 王 氏 法 帖 書 苑 言 thì Đạo gia có nhiều bộ Huỳnh Đình:

– Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh 黃 庭 內 景 經

– Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh 黃 庭 外 景 經

– Huỳnh Đình Độn Giáp Duyên Thân Kinh 黃 庭 遁 甲 緣 身 經

– Huỳnh Đình Ngọc Trục Kinh 黃 庭 玉 軸 經

Dân gian gọi tất cả các bộ kinh này là Huỳnh Đình, thế là hiểu theo nghĩa rộng. Còn hiểu theo nghĩa hẹp và thông thường hơn, chỉ có hai bộ: Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh 黃 庭 內 景 經 và Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh 黃 庭 外 景 經.

2. Tác giả Huỳnh Đình Kinh

Theo truyền thuyết, Huỳnh Đình Nội Cảnh được đức Đại Đạo Ngọc Thần Quân 大 道 玉 神 君 (tức là Linh Bảo Thiên Tôn 靈 寶 天 尊) viết ra ở Nhụy cung 蕊 宮 trên bầu trời Thượng Thanh); Huỳnh Đình Ngoại Cảnh được đức Lão Tử chép ra. Thật ra Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh chỉ là phần san định và toát lược Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh mà thôi.

Trong Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh, Tử Hà Hàm Hư Tử chú, nơi chương một có ghi: “Đức Lão Tử lúc thư nhàn, đem Nội Cảnh Kinh ra giản hoá lại, cũng viết theo thể thất ngôn, vẫn gọi là Huỳnh Đình, chỉ ghi thêm là Ngoại Cảnh.» [1]

Trong tiểu sử của Mạo Cô, nơi cuối bộ Huỳnh Đình của Tử Hà chú, cũng thấy ghi: «Thái Thượng viết Huỳnh Đình, trước hết truyền cho Chuyên Húc (2295 tr. CN), tổng cộng 50 quyển, theo như số Hà Đồ. Sau truyền cho Mạo Cô, rút gọn 50 quyển thành một quyển, gọi là Nội Cảnh. Kế đó truyền cho Đông Hoa; lại nhân nghĩa Huỳnh Đình, rút gọn hơn thành một quyển mà truyền bá gọi là Ngoại Cảnh. Đông Hoa truyền cho Ngụy phu nhân. Phu nhân quảng truyền cho hậu thế...»

Tôi đã đối chiếu hai quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh và Ngoại Cảnh với nhau, thì thấy: Huỳnh Đình Nội Cảnh có 36 chương; Huỳnh Đình Ngoại Cảnh có 24 chương (ngắn hơn Huỳnh Đình Nội Cảnh).

Mỗi câu kinh của Ngoại Cảnh có thể tìm thấy một câu tương tự trong Nội Cảnh. Thông lệ là như vậy. Dĩ nhiên có một trong hai bộ cũng đã đủ, mà có cả hai bộ thì càng quý. Nội Cảnh có 36 chương đó là dương số (9x4=36), Ngoại Cảnh có 24 chương đó là âm số (6x4=24). Ý nói hai bộ kinh bổ túc lẫn cho nhau.

3. Huỳnh Đình Kinh được phổ biến vào thời kỳ nào?

Có nhiều thuyết:

a. Huỳnh Đình kinh được phổ biến vào khoảng năm 364 Công nguyên.

Theo thuyết này, thì quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh, và Ngoại Cảnh được các tiên nhân truyền cho Ngụy phu nhân 魏 夫 人.

Năm Hưng Ninh 興 寧 thứ 2 đời Tấn Ai Đế 晉 哀 帝 (năm 364; Tư Mã Phi 司 馬 丕), đệ tử của phu nhân là Tư đồ Công phủ trưởng sử 司 徒 公 府 長 史 Dương Quân 楊 君 cho chép kinh lại theo lối chữ lệ, sau đó dần dà mới được quảng bá đi, theo ngả Chiết Giang 浙 江 ...

Thiết tưởng cũng nên đề cập quan đến tiểu sử Ngụy phu Nhân 魏 夫 人, người có công truyền bá Huỳnh Đình kinh.

Ngụy phu nhân là người ở Nhâm Thành 任 城 nước Tấn, tên gọi là Hoa Tồn 華 存, tự là Hiền An 賢 安, con Tấn tư đồ Kịch Dương 晉 司 徒 劇 陽 Văn Khang công 文 康 公.

Hoa Tồn ngay từ khi còn bé, đã yêu chuộng đạo thần tiên, lại bác lãm quần thư. Năm 24 tuổi mẹ cha ép lấy Thái bảo Duyện Nam Dương Lưu Văn 太 保 掾 南 陽 劉 文, tự Ấu Ngạn 幼 彥.

Bà sinh được hai con, con lớn tên là Phác 璞, con nhỏ tên là Hà 瑕. Khi hai con bắt đầu hơi lớn, bà liền biệt cư, tu trai. Sau đó ít tháng thần tiên hiện ra, tặng phẩm vật và truyền cho hai bộ Huỳnh Đình. Khi Ấu Ngạn qua đời, bà đem hai con qua sông Hoàng Hà lập cư. Phác và Hà sau đều làm quan... Bà mất năm Hàm Hòa 咸 和 thứ 9 đời Tấn Thành Đế 晉 成 帝 (334) thọ 83 tuổi.

Tuy nhiên có nhiều người thường cho rằng, Ngụy phu nhân chỉ truyền bá bộ Huỳnh Đình Nội Cảnh. Còn quyển Ngoại Cảnh là do Vương Hữu Quân 王 右 軍 (tức thư pháp gia kiêm đạo gia Vương Hi Chi 王 羲 之) quảng bá. Vương Hữu Quân mất năm Thăng Bình 昇 平 thứ 5 đời Tấn Mục Đế 晉 穆 帝 (361).

Như vậy cả Ngụy phu nhân lẫn Vương Hữu Quân đều mất trước khi các bản kinh Huỳnh Đình được truyền bá vào năm Hưng Ninh 興 寧 thứ 2 đời Tấn Ai Đế 晉 哀 帝 (364).

b. Huỳnh Đình kinh có từ thời trước vua Đế Cốc 帝 嚳 (2217)

Để tăng phần huyền bí cho kinh, đạo Lão đã có chủ trương rằng Huỳnh Đình là sách để tu đạo đắc tiên, có vào khoảng thời Thiên Hoàng thị đến Đế Cốc (2217 trước Công nguyên).

c. Huỳnh đình kinh có từ thời Chuyên Húc 顓 頊 (2295)

Có người lại cho rằng, Quảng Thành tử 廣 成 子 truyền Nội Cảnh cho vua Chuyên Húc, sau lại truyền cho Mạo Cô, sách mới đầu gồm 50 quyển. Sau rút lại còn một quyển, gọi là Nội Cảnh. Đông Hoa đế quân 東 華 帝 君 sau đó được truyền sách. Kinh lại được rút gọn hơn lại thành Ngoại Cảnh. Đông Hoa truyền tất cả cho Ngụy Phu Nhân. Ngụy phu nhân truyền cho hậu thế.

Như vậy, cả hai quyển Nội Cảnh và Ngoại Cảnh đã ẩn tích trong một khoảng thời gian dài. Mãi đến đời nhà Hán (202-220) Ngoại Cảnh mới xuất hiện, và mãi đến đời nhà Tấn vào khoảng năm 364, Nội Cảnh mới được truyền bá.

Dẫu chủ trương Ngoại Cảnh được truyền bá trước Nội Cảnh, nhưng không ai nghĩ rằng Ngoại Cảnh đã được chép ra trước Nội Cảnh.

4. Huỳnh Đình kinh dưới mắt Nho gia

Nho gia cho rằng Huỳnh Đình kinh được căn cứ theo các bản chép từ thời nhà Tần, nhưng đó chỉ là bản giản lược. Âu Dương công 歐 陽 公 (Âu Dương Tu 歐 陽 修,1007-1072) đời Tống nói: «Huỳnh Đình là

một quyển sách dạy về dưỡng sinh của các đạo sĩ, khoảng giữa đời Ngụy Tấn (Ngụy 魏: 220-265; Tấn 晉: 265-420). Sách chuyên dạy về Dưỡng nội (Tu dưỡng bên trong). Có nhiều điều kỳ quái. Lại vì sách truyền ra từ lâu, nên có nhiều điều sai suyễn. Đâu đâu cũng có những bản Huỳnh Đình khác nhau, rất khó hiểu đâu là chính bản. Tôi có một bản Huỳnh Đình kinh in thạch bản do một người đời Tấn viết năm Vĩnh Hòa 永 和 thứ 30 (khoảng năm 374). Lời văn giản dị, đem so với các bản kinh lưu hành hiện nay, thấy rất có lý. Cho nên, nếu muốn hiệu đính những dị biệt thấy ở các bản kinh hiện hành, thì nên lấy bản kinh này làm tiêu chuẩn.»

Tô Đông Pha 蘇 東 坡 (1036-1101) cũng đã chép quyển kinh này và tặng cho đạo sư Bảo Quang 葆 光. Về sau Long Miên cư sĩ 龍 眠 居 士 đem đặt kinh ra phía trước và vẽ tượng Tô Đông Pha và Bảo Quang cư sĩ từng phía sau. Nét bút tinh vi. Tô Đông Pha thấy cảnh tượng đó, cảm kích và làm bài thơ sau:

«Thái Thượng Hư Hoàng xuất linh thiên,

太 上 虛 皇 出 靈 篇

Huỳnh Đình chân nhân vũ thai tiên.

黃 庭 真 人 舞 胎 仙

Nhiệm kỳ lưỡng khanh tương hậu tiền,

髯 耆 兩 卿 相 後 前

Quán diệu hiệp thị, thanh thả nghiên.

丱 妙 俠 侍 清 且 妍

Thập hữu nhị thuần phục nhuệ kiên,

十 有 二 神 服 銳 堅

Nguy nguy đường đường, nhân trung thiên.

巍 巍 堂 堂 人 中 天

Vấn ngã hà tu, quả thử duyên,

問 我 何 修 果 此 緣

Thị tâm triều không, tịch liễu nhiên.

是 心 朝 空 夕 了 然

Khủng phi kỳ nhân, thế mạc truyền,

恐 非 其 人 世 莫 傳

Điện dĩ nhị sĩ thương hộc hiên.

殿 以 二 士 蒼 鵠 騫

Nam tùy đạo sư lịch sơn uyên,

南 隋 道 師 歷 山 淵

Sơn nhân nghênh tiếu hỉ ngã hoàn,

山 人 迎 笑 喜 我 還

Vấn thùy khiển hóa Lão Long Miên.» [2]

問 誰 遣 化 老 龍 眠

5. Nhận định về tác giả Huỳnh Đình

Nếu ta chấp nhận rằng Huỳnh Đình Nội Cảnh 36 chương, Ngoại Cảnh có 24 chương như sự sắp xếp nơi kinh, thì tên tác giả đều đã được ghi rõ nơi đầu chương một của Nội và Ngoại Cảnh, và như vậy:

Nội Cảnh do đức Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân chép: «Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân, nhàn cư Nhụy cung tác thất ngôn.» 太 上 大 道 玉 神 君 閑 居 蕊 宮 作 七 言 (Nội Cảnh, ch.1)

Ngoại Cảnh là do đức Lão tử chép: «Lão tử nhàn cư tác thất ngôn.» 老 子 閑 居 作 七 言 (Ngoại Cảnh, ch.1)

Nhưng tiếc thay, sự việc không đơn giản như vậy.

Khi bình chương 1 của Nội Cảnh, Tử Hà Hàm Hư tử nhận định rằng hai câu: «Thái Thượng đại đạo Ngọc Thần Quân, nhàn cư Nhụy cung tác thất ngôn.» là do Vương Thiếu Dương tổ sư, người kế vị đức Đông Hoa Đế Quân viết thêm vào.

Bình chương một của Ngoại Cảnh, ông cũng cho rằng chương này là của Vương Thiếu Dương viết thêm vào.

Trong truyện nói về Mạo cô, Ma cô, nơi cuối bộ kinh Huỳnh Đình Nội và Ngoại Cảnh của Tử Hà, có ghi: «Chương đầu của Nội Cảnh và Ngoại Cảnh là do đức Đông Hoa Đế Quân viết để tán dương bộ kinh Huỳnh Đình. Một thời gian lâu sau, chúng được coi là chương 1 của kinh. Ít người biết được rằng chính văn kinh Huỳnh Đình bắt đầu từ chương 2...»

Viên Đốn tử 圓 頓 子 trong bài Biền ngôn 弁 言 của ông nơi đầu sách Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa 黃 庭 經 講 義 viết rằng: «Huỳnh Đình kinh, không ghi rõ tác giả và thời đại.» [3]

Về vấn đề tác giả, tôi cũng đồng ý với Viên Đốn tử là không biết rõ ai đã viết ra bộ kinh Huỳnh Đình. Nói là của đức Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân (Linh Bảo Thiên Tôn) viết, hay soạn ra lại càng không phải. Vì Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân là một trong ba ngôi Trời, không không thể nào có lối hành văn đầy sắc tướng như vậy được. Dĩ nhiên là Huỳnh Đình không thể ngang hàng với Đạo Đức kinh được.

Trong truyện Mạo Cô, Ma cô, nơi cuối kinh Huỳnh đình của Tử Hà ta thấy ghi: «Quyển kinh này (Huỳnh Đình) với Đạo Đức kinh trợ giúp lẫn nhau. Đạo Đức kinh nói nhiều về Diệu (Vô hình tướng). Huỳnh Đình kinh nói nhiều về Khiếu (Hữu hình tướng).» [4]

Trong kinh đề cập những phương pháp dưỡng sinh, thổ nạp, kim tân ngọc dịch, đúng theo như trào lưu các đạo sĩ thời Ngụy Tấn. Cho nên chúng ta có thể kết luận rằng Huỳnh Đình kinh đã được chép vào khoảng năm 300-360.

CHÚ THÍCH

[1] Tổ sư (Vương Thiếu Dương) viết: Lão Tử nhàn cư vô sự, thường tức Nội Cảnh Kinh san phồn tựu giản tác vi thất ngôn, nhưng danh viết Huỳnh Đình, biệt chi viết Ngoại Cảnh. 祖 師 (王 少 陽) 曰: 老 子 閑 居 無 事, 常 即 內 景 經 刪 繁 就 簡 作 為 七 言, 仍 名 曰 黃 庭, 別 之 外 景.

[2] Tất cả chương này đều dựa vào các tài liệu sưu khảo của Tử Hà Hàm Hư Tử, ở câu đầu hay ở cuối bộ kinh Huỳnh Đình của ông, (Tam Tông miếu tàng bản) nhất là ở nơi chương Huỳnh Đình khảo ký.

[3] Lý Lạc Cầu 李 樂 俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙 學 妙 選, tr. 27: «Huỳnh đình kinh, bất trước soạn nhân danh cập thời đại.» 黃 庭 經, 不 著 撰 人 名 及 時 代.

[4] Kỳ thư dữ Đạo Đức kinh tương vi y phụ. Đạo Đức kinh đa ngôn diệu, Huỳnh Đình đa ngôn khiếu. 其 書 與 道 德 經 相 為 依 輔. 道 德 經 多 言 妙, 黃 庭 多 言 竅.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 3

Huyền nghĩa hai chữ Huỳnh Đình

1. Nguyên nghĩa hai chữ Huỳnh Đình: Huỳnh Đình là Thái cực, bản thể vạn hữu bản thể con người.
2. Huỳnh Đình là Chân Trung là Tâm điểm là Trung nhất.
3. Huỳnh Đình hay Trung điểm ở nơi đâu trong con người?

Người xưa khi đặt tên sách, thường toát lược cả nội dung sách vào đó. Cho nên nếu ta hiểu được ý nghĩa hai chữ Huỳnh Đình, ta sẽ hiểu được đại ý của sách.

1. Nguyên nghĩa hai chữ Huỳnh Đình

Huỳnh Đình nguyên nghĩa là Đình vàng.

Huỳnh 黃 là màu vàng. Đình 庭 nghĩa hẹp là sân; nghĩa rộng là nơi vua quan làm việc. Ví dụ: triều đình, phủ đình, pháp đình, tụng đình ...

Huỳnh là màu của Trung cung chân thổ 中 宮 真土, tức là màu sắc của Trung điểm vòng Dịch. Mà Trung điểm vòng Dịch chính là Thái cực, là căn cơ là bản thể vạn hữu, bản thể con người.

Dịch Kinh nơi quẻ Khôn có viết: «Quân tử Hoàng Trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp: Mỹ chi chí dã.» 君 子 黃中 通 理, 正 位 居 體, 美 在 其 中 而 暢 於 四 肢, 發 於 事 業:美 之 至 也.

Dịch:

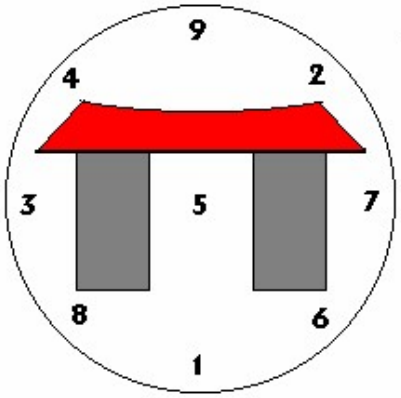
«Hiền nhân thông lý Trung Hoàng,
Tìm nơi Chính vị, mà an thân mình.
Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
Làm cho cơ thể xương vinh mỹ miều,
Phát ra sự nghiệp cao siêu,
Thế là đẹp đẽ đến điều còn chi.» [1]

Trong quyển Tiên Học Từ Điển 仙 學 辭 典 của Đới Nguyên Trường 戴 源 長, nơi thành ngữ vương chủ trung tâm 王 主 中 心 có bình: «Vạn vật đều có một điểm (Thái cực) làm nhân 仁. Nó làm chủ ở ngay tâm trung vạn hữu vì thế gọi là vương 王. Cũng gọi là Thiên quân 天 君. Đó là nguồn gốc của Tính Mệnh. Tổ sư Hải Thiềm 海 蟾 viết: Trung ương chính vị bản Hư Vô, tự hữu tiên thiên thần khí đáo.»

Chính vì vậy, mà Huỳnh Đình kinh tối thiểu đã vạch ra cho chúng ta thấy đâu là Chân tâm, đâu là Trung tâm điểm con người. Chữ Đình 庭 gợi lên ý niệm đền đài. Thực vậy, Huỳnh Đình kinh chủ trương: Thân tâm ta chính là đền đài có muôn thần ở bên trong, và ở nơi tâm điểm, có ba ngôi Trời hiện diện.

Huỳnh Đình là Thái cực, là bản thể vạn hữu, bản thể con người.

Trong quyển Huỳnh Đình kinh giải 黃 庭 經 解 của Thê Vân Sơn 棲 雲 山 (tức Ngộ Nguyên Tử 悟 元 子, Lưu Nhất Minh 劉 一 明) có hình vẽ sau:



Chú thích hình vẽ: (1) Thái cực 太 極, (2) Đạo nghĩa chi môn 道 義 之 門, (3) Chân không 真 空, (4) Bất nhị pháp môn 不 二 法 門, (5) Trung Thần 中 神, (6) Chúng diệu chi môn 眾 妙 之 門, (7) Hư vô 虛 無, (8) Huyền tẫn chi môn 玄 牝 之 門, (9) Huỳnh Đình 黃 庭.

Như vậy ta thấy rằng đức Đông Hoa Đế Quân đã giải Huỳnh Đình là: Thái cực, Chúng diệu chi môn, Trung thần, Đạo nghĩa chi môn, Huyền tẫn chi môn, Bất nhị pháp môn, Chân không, Hư vô, Trung thần ...

Đông Hoa Đế Quân còn viết: «Huỳnh Đình sinh xuất từ Tiên thiên, tàng ẩn ở hậu thiên. Vốn không hình tượng, không danh tự, nên tạm hình dung bằng vòng tròn O, tạm gọi là Huỳnh Đình.» [2]

«Vì là sinh cơ man mác, nên gọi là Huỳnh Đình, vì biến hóa khôn lường nên gọi là Thần 神. Huỳnh Đình là thể 體, Thần là dụng 用, hai đằng là một. Nho gia gọi là Đạo đức chi môn 道 德 之 門. Thích gọi là Bất nhị pháp môn 不 二 法門. Lão gọi là Chúng diệu chi môn 眾 妙 之門 hay Huyền tẫn chi môn 玄 牝 之 門. Vì không hình tượng nên người xưa lấy thần các cảnh mà hình dung thần Huỳnh Đình để mọi người nhận thần các cảnh, mà suy ra Thần «không cảnh» của Huỳnh Đình.» [3]

Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 nơi chương An thần tổ khiếu hấp tụ tiên thiên 安 神 祖 竅 翕 聚 先 天 (q. Hanh, tr. 9a) gọi Huỳnh Đình là:

Chân thổ Huỳnh Đình 真 土 黃 庭, Tiên thiên chủ nhân 先 天 主 人, Vạn vật chủ tể 萬 物 主 宰, Thái cực chi đế 太 極 之 蒂, Hỗn độn chi căn 混 沌 之 根, Chí thiện chi địa 至 善 之 地, Ngưng kết chi sở 凝 結 之 所, Hư vô chi cốc 虛 無 之 谷, Tạo hóa chi nguyên 造 化 之 源, Bất nhị pháp môn 不 二 法 門, Thậm thâm pháp giới甚 深 法 界, Qui căn khiếu 歸 根 竅, Phục mệnh quan 復 命 關, Trung Hoàng cung 中 黃 宮, Hi di phủ 希 夷 府, Tổng trì môn 總 持 門, Cực lạc quốc 極 樂 國, Hư không tạng 虛 空 藏, Tây nam hương 西 南 鄉, Mậu kỷ môn 戊 己 門, Chân nhất xứ 真 一 處, Huỳnh bà xá 黃 婆 舍, Thủ nhất đàn 守 一 壇, Tịnh thổ 淨 土, Tây phương 西 方, Hoàng trung 黃 中, Chính vị 正 位, Giá cá 這 箇, Thần thất 神 室, v.v. và Huỳnh Đình dĩ nhiên cũng là Tổ khiếu 祖 竅, là Tiên thiên Nhất điểm Linh quang 先 天 一點 靈 光, là Vô 無, là Viên giác 圓 覺, là Đan 丹.



An thần tổ khiếu hấp tụ tiên thiên

Tất cả những ý niệm trên đều cho ta thấy rằng cổ nhân đã dùng hai chữ Huỳnh Đình 黃庭 để giúp ta hiểu rõ Thiên địa vạn vật đồng nhất thể 天地萬物同一體. Hơn thế nữa còn muốn cho ta thấy rằng cái bản thể linh minh huyền diệu, vĩnh cửu trường tồn ấy, lạ lùng thay, lại vẫn có nơi tâm thần chúng ta.

Nó chẳng những là Căn nguyên sinh ra ta, vì thế gọi là Tổ khiếu 祖竅, nó còn ở ngay trong đầu não ta để hướng dẫn chỉ huy mọi công trình của ta, nên gọi là Cốc thần 谷神, hay Nguyên thần 元神, nó cũng còn là cùng đích cho ta và muôn loài muôn vật hướng về, qui về vì thế gọi là Qui căn khiếu 歸根竅, Phục mệnh quan 復命關...

Nó chính là Nguyên thần 元神 sinh ra vạn thần trong ta, chính là Nguyên khí 元氣, hay Tiên thiên khí 先天氣, Hạo nhiên khí 浩然氣 sinh ra mọi khí trong ta.

Như vậy, ngoài cái phần biến thiên chất chưởng là hình hài, tâm tư, trí lự của ta, ta còn có một phần linh thiêng, vĩnh cửu, bất biến, vô thủy vô chung ...

Hiểu lẽ đó nên Trang tử đã viết: «Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.» 天地與我並生而萬物與我為一.[4]

Dịch:

«Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.»

Trong quyển Từ Viên tiên sư chân kinh có bốn câu thơ sau:

«Đương thời vị hữu tinh hà đẩu,

當時未有星河斗

Tiên hữu ngô đương hậu hữu thiên.» [5]

先 有 吾 當 後 有 天

Dịch:

«Trước khi thiên hán, quần tinh có,

Trước có ta, rồi mới có trời.»

Và:

«Ngã thể bản đồng thiên địa lão.

我 體 本 同 天 地 老

Tu di sơn đảo, tính do tồn.» [6]

須 彌 山 倒 性 猶 存

Dịch:

«Tính ta vốn thọ cùng trời đất,

Tu di nghiêng đổ, tính vẫn còn ...»

Như vậy hai chữ Huỳnh Đình đã toát lược mấy ý niệm then chốt sau đây của đạo Lão:

(1) Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

(2) Bản thể con người đồng nhất với Bản thể vũ trụ, Tạo hóa.

(3) Bản thể ấy, Chân nguyên Linh khí ấy, Nhất điểm Linh quang ấy đã tiềm ẩn sẵn trong thân tâm ta.

Những quan niệm trên cũng đã được các đạo gia dùng làm đề tài ngâm vịnh. Tính Mệnh Khuê Chỉ đã sưu tập những bài thơ ấy.

Dưới đây xin đan cử một vài bài:

Tư Mã Tử Vi 司 馬 紫 微 có thơ:

«Hư vô nhất khiếu hiệu Huyền quan,

虛 無 一 竅 號 玄 關

Chính tại nhân thân thiên địa gian.

正 在 人 身 天 地 間

Bát vạn tứ thiên phân thượng hạ,

八 萬 四 千 分 上 下

Cửu tam lục ngũ liệt tuần hoàn. [7]

九 三 六 五 列 循 環

Đại bao pháp giới hỗn vô tích,

大 包 法 界 混 無 跡

Tế nhập vi trần bất kiến nhan.

細 入 微 塵 不 見 顏

Giá cá danh vi Tổ khiếu huyệt,

這 箇 名 為 祖 竅 穴

Thử châu nhất lạp chính trung huyền.» [8]

黍 珠 一 粒 正 中 玄

Tạm dịch:

Hư vô nhất khiếu gọi Huyền quan,
Giữa lòng trời đất, giữa tâm xoang,
8 vạn 4 nghìn phân thượng hạ,
9, 3, 5, 7 liệt tuần hoàn,
Lớn trùm pháp giới không hình dạng,
Nhỏ lọt vi trần, chẳng diện nhan,
Cái đó phải chăng là Tổ khiếu,
Chính trung chói lói hạt châu xoàn .

Đinh Dã Hạc 丁野鶴, Tiêu Diêu Du 逍遙遊 có thơ:

«Tam giáo nhất nguyên, giá cá viên,
三 教 一 元 這 箇 圓
Sinh tại vô vi, tượng đế tiên,
生 在 無 為 象 帝 先
Ngộ đắc thử trung chân diệu lý,
悟 得 此 中 真 妙 理
Thủy tri đại đạo tổ căn nguyên...» [9]
始 知 大 道 祖 根 源

Dịch:

Tam Giáo Hư Vô vẽ một vòng,
Sinh tại vô vi vạn tượng tông,
Có hiểu trung hoàng, chân diệu lý,
Rồi ra nguồn đạo sẽ khai thông ...

Tào Văn Dật 曹 文 逸 có bài thơ Đại đạo ca 大 道 歌 như sau:

«Tá vấn Chân nhân hà xứ lai?
Tòng tiền nguyên chỉ tại Linh đài.
Tích niên vân vụ, thâm già tế,
Kim nhật tương phùng đạo nhãn khai.»
借 問 真 人 何 處 來
從 前 原 只 在 靈 台
昔 年 雲 霧 深 遮 蔽
今 日 相 逢 道 眼 開

Dịch:

Chân nhân ướm hỏi tới từ đâu,

Tâm khảm tiềm tàng sẵn đáy sâu,

Thủa trước linh đài vân vụ phủ,

Ngày nay gặp gỡ hết xa nhau. [10]

2. Huỳnh Đình Chân Trung, là Tâm điểm, là Trung Nhất

Vụ Thành Tử giải nghĩa Huỳnh Đình như sau:

Huỳnh là màu của trung ương. Đình là trung điểm của 4 phương. Đối với vũ trụ bên ngoài thì là trung điểm trời đất người. Đối với nơi con người thì là trung tâm não bộ, tim và tì. Cho nên gọi là Huỳnh Đình.[11] Như vậy hai chữ Huỳnh Đình đã hàm ngụ mọi quan điểm về chữ trung của người xưa. Đó chính là:

– Doãn chấp quyết trung 允 執 厥 中 của Nghiêu Thuấn 堯 舜,

– Thời trung 時 中 của Khổng Mạnh 孔 孟,

– Vị phát chi trung 未 發 之 中 của Tử Tư 子 思,

– Hoàng trung thông lý 黃中通理 của Dịch kinh 易經.

– Trung lý ngũ khí 中 理 五 氣 của Độ nhân kinh 度 人 經.

– Trung Không 中 空 của Thích Ca 釋 迦.

– Thủ trung 守 中 của Lão tử 老 子... [12]

Các hình vẽ Tứ tượng, Ngũ hành, Hà đồ, Lạc thư, Cửu cung bát quái, tất cả đều nói lên ý niệm:

Trong vũ trụ có một bản thể làm khu nữu, làm trục cốt cho mọi hiện tượng biến thiên bên ngoài.

Thuyết này từ thủa xa xưa cũng đã được Tây phương chủ trương. Louis Lallemand, viết trong quyển La Vocation de L'Occident của ông đại khái như sau: «Dân Celtes xưa cũng chia nước thành năm miền là: Ulster, Connaught, Leinstor và Munster với một miền ở Trung điểm là Moath, miền trung ương này được coi là miền núm rốn ...»

Theo Louis Lallemand, thì các vũ trụ luận Âu châu cổ xưa đều chủ trương rằng vũ trụ này gồm có: Một phần tinh hoa ở trung điểm và tứ đại giả hợp ở bên ngoài.

Tâm điểm ấy tuy vô hình nhưng lại quan trọng nhất.[13]

Và như vậy, Đông cũng như Tây đều chủ trương rằng con người phải tìm cho ra trung cung, trung điểm của Trời đất và của lòng mình, mới mong siêu thoát. Trung cung ấy chính là Tổ khiếu, là Đan, là Chân Nhất, là Đạo, là Qui căn khiếu, Phục mệnh quan.

3. Huỳnh Đình hay Trung điểm ở nơi đâu trong con người?

Trước hết, có người cho rằng Huỳnh Đình tổ khiếu là Thái cực (trung điểm hoàn võ và con người) thì dĩ nhiên phải bàng bạc, bao la, không thể có định vị, phương sở.

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết: «... Cái khiếu ấy phải tìm nơi thân ta. Nó không phải là miệng, mũi, tim, thận, gan, phổi, tì, vị, rốn, vĩ lư, bàng quang, cốc đạo, không phải là huyệt giữa thận, không phải ở dưới rốn 1 tấc 3 phân, không phải minh đường, nê hoàn, không phải quan nguyên khí hải, thế thì nó ở đâu? Thuần Dương tổ sư 純 陽 祖 師 nói:

«Huyền tẫn, huyền tẫn, chân huyền tẫn,

玄 牝 玄 牝 真 玄 牝

Bất tại tâm hề, bất tại thận,

不 在 心 兮 不 在 腎

Cùng thủ sinh thân thụ khí sơ,

窮 取 生 身 自 氣 初

Mạc quái thiên cơ đô tiết tận.»

莫 怪 天機 都 泄 盡

Dịch:

Huyền tẫn, huyền tẫn, chân Huyền tẫn,

Không ở nơi tâm, không ở thận,

Sinh thân thụ khí, ấy linh quang,

Thiên cơ như vậy đà lộ tận...[14]

Nơi hình An thần tổ khiếu đồ 安 神 祖 竅 圖, trong quyển Hanh bộ Tính Mệnh Khuê Chỉ còn có thơ:

«Giá cá khiếu,	這 箇 竅
Tuyệt trung biên,	絕 中 邊
Vô nội ngoại,	無 內 外
Thượng hạ viên,	上 下 圓
Đông tây hợp,	東 西 合
Nam bắc tuyền,	南 北 全
Hội thử ý,	會 此 意
Tiện thành tiên.»	便 成 仙

Dịch:

Cái khiếu ấy,

Không trung, biên,

Không nội ngoại,

Trên dưới viên,

Đông tây hợp,

Nam bắc tuyền,

Hiểu ý ấy,

Sẽ thành tiên ...

Lập trường này làm ta liên tưởng đến lời kinh Kim Cương: «Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.» 應 無 所 住 而 生 其 心.

Hay bài toán mà Phật đặt ra cho A Nan nơi đầu kinh Lăng Nghiêm: «Cái thấy anh ở đâu?»

Lối nhìn viên dung như vậy là lối nhìn tiên thiên, khi chưa có sinh thành biến hóa, hay là khi gác mọi biến hóa sang một bên.

Nhưng một khi đã có biến hóa, thì lập tức phải có trung và biên; phải có bản vị, chính vị (position initiale, position centrale) và các dịch vị, biến vị (positions variables) sau này.

Cho nên trong thực tế, người ta vẫn đi tìm cho ra đâu là tâm điểm, đâu là trung điểm nơi con người.

Có nhiều thuyết về tâm điểm hay trung điểm, được trình bày lần lượt như sau:

(1) Rất nhiều người thường cho rằng Huỳnh Đình hay trung điểm con người ở nơi bụng; hoặc là ở:

– Khoảng rốn. [15]

– Xoang trống sau rốn và trước xương sống.

– Trên rốn 1 tấc 3 (chấn thủy, nơi vị trí của tì).

– Dưới rốn 1 tấc 3, nơi khí hải.

Những luận cứ mà người xưa dựa vào để biện minh rằng rốn hay chấn thủy, hay khí hải là tâm điểm con người có thể toát lược như sau:

– Vì nơi đó là khoảng giữa đầu và chân, là giữa tâm và thận.[16]

- Trời đất cách nhau 84000 dặm, thì nơi con người cũng vậy. Tâm và thận cách nhau 8 tấc 4 phân. Đó là lý luận mà Tính Mệnh Khuê Chỉ đưa ra nơi hình Trung tâm đồ 中心圖 trong quyển Hanh, tr. 10b.

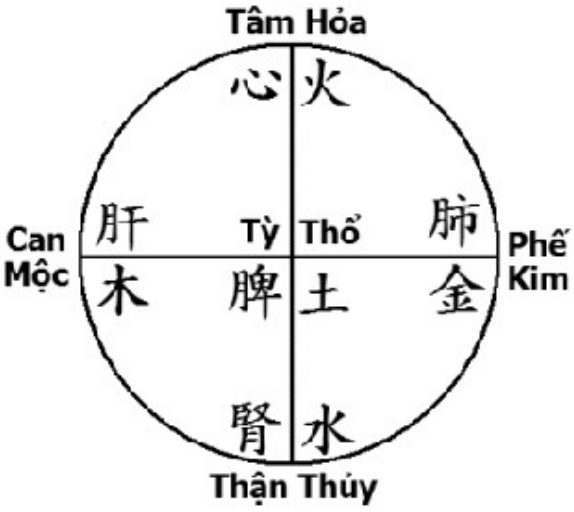
Ngoài ra, nơi các hình: Phổ chiếu đồ 普照圖 (q. Nguyên, tr. 7b), Trung tâm đồ 中心圖 (q. Nguyên, tr.10b), An thần tổ khiếu đồ 安神祖竅圖 (q. Hạnh, tr.8b), Pháp luân tự chuyển đồ 法輪自轉圖 (q. Hanh, tr.12) đều cho ta thấy rõ rằng Huỳnh Đình là ở khoảng giữa bụng.

Trong quyển Dưỡng sinh bí lục 養生祕錄 (tác giả không rõ; được chép trong Chính Thống Đạo Tạng 正統道藏) ta thấy ghi: «Vương Chân tiên sinh cho rằng: Trung Hoàng là đan quýnh 丹扃 (then chốt hay cơ sở của luyện đan), nơi tổng hội của Tám hướng. Đó tức là Trung cung, Huỳnh đình, Huyền tẫn, Tiên thiên nhất khiếu, đó là Chỉ ư chí thiện. Nếu lấy hai lần đốt ngón tay giữa để định tiêu chuẩn cho 1 tấc, thì trên rốn (thận) 3 tấc 6 phân, và vào trong 1 tấc 3 phân là Huỳnh Đình vậy.» [17]

Viên Đốn Tử 圓頓子 trong quyển Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa 黃庭經講義 viết: «Gốc gác, con người là đâu? Đó là xoang trống sau rốn. Khoảng trống phía sau rốn là Huỳnh đình vậy.» [18]

Trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh của Vụ Thành Tử chú cũng thấy giải: «Tì là Huỳnh Đình, mệnh môn, minh đường, trung bộ. Ở nơi đó có Lão Quân.»[19]

Trong quyển Tiên Học Từ Điển ghi: «Huỳnh Đình là xoang trống bên trong rốn.» 黃庭一云臍內空處也 . Thuyết trên còn cho rằng rốn đối với hài nhi lúc còn trong lòng mẹ là quan trọng nhất. Quan niệm lấy tì thổ 脾土 làm trung cung Huỳnh đình, còn thấy nơi nhiều hình vẽ trong các sách cổ, trong đó: Tâm 心, can 肝, phế 肺, thận 腎 ở chung quanh, tì thổ 脾土 ở chính giữa.



Mà lạ lùng thay, chữ Pancréas của Âu Châu cũng có nghĩa là «Cái tạo nên tất cả» (Pan: tất cả Créas: Tạo dựng). Ở nơi dân gian, ta thấy người ta thường tưởng trí thông minh con người tâm và lương tâm con người nằm ngay trong bụng. Cho nên nói:

– Sáng dạ, tối dạ.

– Tốt bụng, xấu bụng.

– Miệng Nam Mô, bụng một bồ dao găm.

– Lòng lang dạ sói, lòng độc miệng dữ.

– Đau lòng xót dạ...

Trong quyển Pháp môn tọa thiền của Pháp sư Giác Nhiên, nơi trang 29, có dạy phép thở thành vòng số 8 qua các huyệt vị trong người. Trong đó có ghi: Huỳnh Đình là ở «Chấn thủy trước ngực».

Trong hình Phổ chiếu đồ 普 照 圖, ta thấy ghi rõ: nơi rốn là Huỳnh Đình 黃 庭, Tổ khí huyệt 祖 氣 穴, Qui căn khiếu 歸 根 竅, Phục mệnh quan 復 命 關, Chân nhất khiếu 真 一 竅, v.v...



Phổ chiếu đồ

Quan niệm rằng trung tâm con người ở khoảng rốn, khoảng tì 脾 là sai. Nói rằng khí hải 氣 海 là huyệt quan trọng, tì (tụy tạng) là một cơ quan trọng yếu, thì đúng, còn nói rằng đó là cơ quan then chốt, đầu não thì hoàn toàn sai. Ngày nay với đà tiến hóa của khoa học, khi mà người ta hiểu rõ quan năng của từng bộ phận trong người, nhất là hiểu biết khá nhiều về tầm quan trọng của não bộ, thì những lý luận trên không còn chân đứng. Vả lại trời cũng chẳng cách đất 84000 dặm, từ đầu đến chân cũng chẳng thể là 8 thước 4 tấc, mặc dầu tấc đó là đốt ngón tay giữa. Nơi bụng dưới, ta thấy có những cơ quan bài tiết và sinh dục, nơi bụng trên ta thấy những cơ quan về tiêu hóa, chứ không có cơ quan nào để suy tư, hay sầu bi hoan lạc cả.

Vả lại Thượng Thần không thể nào ở những nơi uế tạp như vậy được. Càng đọc tiếp các luận cứ tiếp theo đây, sẽ càng thấy quan niệm trên là không đúng.

(2) Có tất cả ba Huỳnh Đình trong con người:

Đi sâu hơn vào công trình đi tìm tâm điểm con người, ta thấy sự việc không đơn giản như vậy.

Có nhiều người chủ trương có ba Huỳnh Đình:

– Một ở trung tâm đầu não con người,

– Một ở giáng cung 絳 宮 (tâm),

– Một ở nơi tỳ 脾 (tụy tạng= Pancréas).

Trong đầu sách Huỳnh Đình Nội Cảnh, Vụ Thành Tử ghi: «Huỳnh là màu của trung ương. Đình là trung điểm của bốn phương. Nói về vũ trụ bên ngoài thì đó là: tâm của trời, đất, người. Nói về bên trong con người thì đó là: tâm của óc của tim, của tì.» [20]

Cũng trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh này nơi chương 15, khi giải câu: «Tam Lão đồng tọa các hữu bằng.» 三 老 同 坐 各 有 朋 giải rằng có ba Huỳnh Đình:


上清黃庭內景經 此經見隱智真觀文志及宋史藝文志

上清景第一 務成子注

上清紫霞虛皇前太上大道玉晨君。上清者三清名也。虛皇者。紫微大帝高太素元老大道君也。居在上清紫微宮。故曰上清。虛皇前者。以其位尊。故曰前也。太上。即高聖也。大道君。即元始天尊也。玉晨者。即玉皇大帝也。居在玉清境。故曰玉晨。

閑居蕊珠作七言。蕊珠。上清境有蕊珠宮。以其仙靈所居。故曰蕊珠也。或作花蕊。皆以七言。

琴心三疊傑胎仙。琴。和也。三奏。三升用。三數。故曰三疊。傑。出也。胎仙。即嬰兒也。

散化五形變萬神。散。布也。五形。五藏也。變萬神。即化形鍊魂。變通萬端。故曰萬神。

是爲黃庭曰內篇。以其內象黃庭。故曰內篇。

九氣映明出華間。九天之氣。凡有九等。人稟一氣。故曰九氣。映。照也。華。光也。

故得名也。

童子生紫煙。紫。赤也。煙。氣也。

是曰玉書可精研。研。磨也。

三元。此經亦曰玉書。謂精研此經。必得三元之氣。三元者。天地人也。

千災以消百病痊。不懼虎狼

Thượng Thanh Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh - Vụ Thành Tử chú

Trong Thượng Huỳnh Đình (ở đầu não) có chư thần:

– Thượng Nguyên Lão Quân 上 元 老 君,

– Nê Hoàn Lão Quân 泥 丸 老 君,

– Thương Hoa Quân 蒼 華 君,

– Thanh Thành Quân 青 城 君,

– Minh Đường Trung Quân Thần 明 堂 中 君 神,

– Động Phòng Trung Phụ Mẫu 洞 房 中 父 母,

– Thiên Đình Chân Nhân 天 庭 真 人,

Nơi Trung Huỳnh Đình (ở ngực và bụng) cũng có chư thần:

– Trung Huyền Lão Quân 中 玄 老 君,

– Xích Thành Đồng Tử 赤 城 童 子 (thần ở tim),

– Đan Điền Quân 丹 田 君,

– Hạo Hoa Quân 皓 華 君 (thần phổi),

– Hàm Minh Quân 含 明 君 (thần gan),

– Huyền Anh Quân 玄 英 君 (thần thận),

– Đan Nguyên Chân Nhân 丹 元 真 人,

Nơi Hạ Huỳnh Đình cung có chư thần:

– Hạ Hoàng Lão Quân 下 黃 老 君,

– Thái Nhất Quân 太 一 君,

– Thái Thương Quân 太 倉 君,

– Hồn Đình Quân 魂 停 君,

– Linh Nguyên Quân 靈 元 君,

– Đan Điền Chân Nhân 丹 田 真 人...

Vị trí của ba Huỳnh Đình cung này như đã nói trên là trung tâm não bộ, tâm và tì.

Quan niệm rằng con người có ba Huỳnh Đình, ba Đan Điền chẳng qua là dựa vào thuyết Tam tài: Thiên - địa - nhân, Thần - Khí - Tinh.

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết: «Muốn được trường sinh, phải biết cửu thị 久 視 (nhìn lâu). Cửu thị vào thượng đan điền, thời thần 神 trường sinh. Cửu thị vào trung đan điền, thời khí 氣 trường sinh. Cửu thị vào hạ đan điền thì hình 形 trường sinh. Mặt trời mặt trăng chiếu vào trong khoảng trời đất cho nên loài trai có thể hấp thụ ánh sáng mà sinh châu, đá có thể súc tích ánh sáng đó để mà sinh ngọc, phương chi là con người đã có sẵn hai vầng nhật nguyệt (hai con mắt) mà không biết hồi quang nội chiếu vào nơi bản thân để cho trân châu, mỹ ngọc được sinh ra trong mình hay sao?» [21]

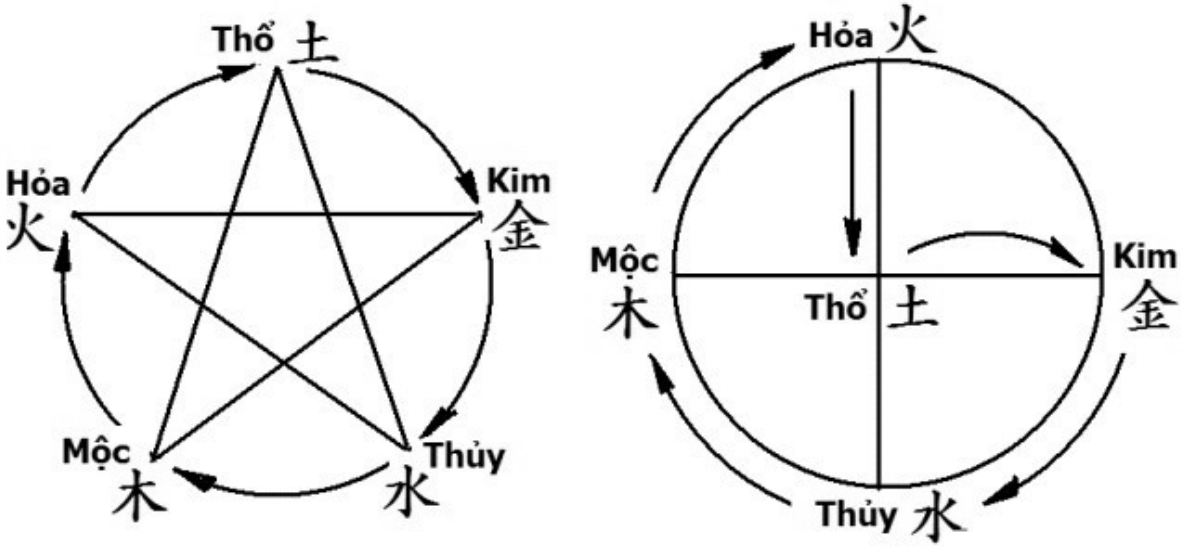
(3) Có một số người lại quan niệm Huỳnh Đình chính là ở nơi trung tâm não bộ, là ở Nê Hoàn cung 泥 丸 宮.

Trong quyển Huỳnh Đình Ngoại Cảnh do Lương Khưu Tử chú, ghi: «Huỳnh Đình là ở giữa đầu con người. Đó là Minh đường, Động phòng, Đan điền. Từ giữa hai làn mi, đi vào 1 tấc là Minh đường; 2 tấc là Động phòng; 3 tấc là Đan điền. Ba chỗ đó đều là Thượng nguyên, là Một vậy ... Cho nên biết rằng Nhất ở nơi Minh đường nhất xứ vậy.» [22]

Từ lâu tôi vẫn chủ trương quan điểm này. Tôi lập luận rằng: Nếu Tâm điểm của vòng Dịch là Thái cực, nếu Tâm điểm của Trời là khoảng trống gần sao Bắc thần, thì tâm điểm con người phải ở trung tâm đầu não con người.

Trước hết ta hãy lưu ý vị trí tối cao của đầu não đối với con người. Sau là cơ cấu hết sức đặc biệt của não, của đầu. Không nơi đâu trong người có một hộp xương kín và chắc như vậy, do đó nó phải tàng trữ cái gì là quí báu nhất. Hơn nữa giữa đầu con người có một xoang trống chính trung, có các mạch máu, các thần kinh từ bốn phương tám hướng qui tụ về, thực là một vị trí hết sức là quan trọng.

Tôi lấy lẽ ngũ hành tương sinh và dùng hình vẽ sau đây để chứng minh một cách hết sức giản dị rằng ở nơi con người Trung điểm đã được đưa lên đầu. Ta hãy vẽ một ngôi sao năm cánh. Cánh trên tượng trưng cho đầu, hai cánh ngang tượng trưng cho hai tay, hai cánh dưới tượng trưng cho hai chân, rồi viết chữ Thổ nơi cánh đầu, sau đó ta viết theo chiều đồng hồ Kim Thủy, Mộc, Hỏa, ta vẽ được vòng Ngũ hành tương sinh, tương ứng với vòng Dịch. Ta vẽ đối chiếu hai hình để thấy rõ.



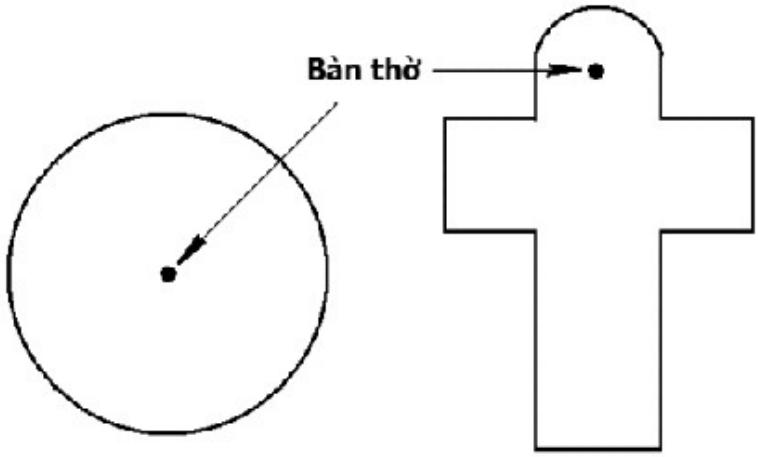
Khi khảo về các mô hình các nhà thờ Thiên chúa giáo, tôi cũng đã tìm thấy được thêm một chứng minh của giả thuyết trên của tôi.

Thực vậy, các nhà thờ Thiên Chúa giáo được chia thành hai loại chính:

a. Các nhà thờ thuộc giáo hội bên Đông, thường được xây theo hình tròn, có vòm. Và như vậy bàn thờ sẽ ở tâm điểm (édifices à plan central).

b. Các nhà thờ thuộc giáo hội La Mã (giáo hội bên Tây) thường được xây theo hình Thập tự, trong đó cánh trên là đầu người, cánh ngang là hai tay, cánh dưới là chân, là bụng, Liên lạc tượng hình giữa các nhà thờ kiểu chữ thập này (églises basilicales, structuration basilicale & développement horizontal) với thân thể con người đã được Léon Sprink chứng minh trong quyển Art sacré en Occident et en Orient chứng minh. Và khi ấy bàn thờ được đặt nơi đầu cánh trên thập tự, như vậy là nơi đầu.

Hai hình vẽ sau đây toát lược những quan điểm trên:



Trong chương tiếp sau đây, tôi sẽ bàn luận về Nê Hoàn nhiều hơn, và viện dẫn Huỳnh Đình để chứng minh Nê Hoàn cung là nơi quan trọng nhất trong con người. Ở đây, tôi chỉ muốn phanh phui những điều mà đạo Lão coi là bí ẩn, và giản dị hóa những gì mà người xưa trình diễn một cách hết sức khó khăn, đồng thời cũng sẽ nhân đó chứng minh Nê Hoàn là nơi quan trọng nhất.

A. Nếu theo quan niệm tam tài, thì trong người có 3 yếu tố cơ bản, đó là thần, khí, tinh. Do đó có 3 đan điền:

– Thượng đan điền hay Thiên cốc tương ứng với thần, nơi luyện thần. Thượng đan điền chính là Nê Hoàn cung.

– Trung đan điền, hay Giáng cung, hay Ứng cốc nơi để điều khí, vận khí.

– Hạ đơn điền, hay Khí hải, hay Linh cốc, nơi để luyện tinh.

B. Nếu theo quan niệm lưỡng nghi, thì ta sẽ có:

– Nê Hoàn Cung là Kiền đỉnh, hay Ngọc đỉnh, nơi luyện thần, tụ thần, thông tính thiên, dưỡng tính thiên.

– Hạ đan điền hay Khôn lô, hay Kim lô, nơi dưỡng mệnh, dưỡng thân hình.

Muốn được siêu thoát phải biết tu Côn Lôn (đầu não) Nê hoàn. Muốn được sống lâu, khỏe mạnh, hãy tu trung đan điền và hạ đan điền.

Theo quan niệm lưỡng nghi, đạo Lão phân tu thân 修 身 thành hai loại:

– Tu tính 修 性, tức là luyện thần, tụ thần, ngưng thần, luyện thần, hoàn hư, siêu thoát. Tu tính lấy nê hoàn cung 泥 丸 宮 làm cơ sở.

– Tu mệnh 修 命, tức là luyện cho thân xác khỏe mạnh, khinh khoát sống lâu. Tu mệnh bao quát tất cả

các môn tiết dục 節 欲, cố tinh 固 精, đạo dẫn 導 引, ma sát 摩 擦, luyện khí 鍊 氣, điều tức 調 息, hoàn tinh bổ não 還 精 補 腦, v.v... Tu mệnh lấy Khôn lô 坤 爐, hay hạ đan điền làm cơ sở. Ấy là chưa kể đến những phương thức dùng ngoại dược như dùng lá câu kỷ 枸 杞, chử thực 楮 實 (quả cây ró), thiên môn đông 天 門 東, ngũ gia bì 五 茄 皮, địa du 地 榆, mi giác 麋 角 (sừng nai), tùng diệp 松 葉 (lá tùng) v.v. [23]

Căn bản của tu mệnh, hay tu dưỡng, hay dưỡng sinh, dưỡng thân chung qui vẫn chỉ là ái khí 愛 氣, bảo tinh 保 精 và phương pháp luyện đan của Lão giáo truy kỳ căn cũng chỉ gồm có hai phần chính:

– Luyện thần 鍊 神, đó là tu tính 修 性.

– Luyện khí 鍊 氣, cố tinh 固 精, đó là tu mệnh 修 命.

Hiểu được đại cương ấy sẽ hiểu được những gì là nội dược 內 藥, ngoại dược外 藥, và mới hiểu được tại sao hai chữ Âm dương 陰 陽, Diên hống 鉛 汞 lúc thì chỉ Nhân tâm 人 心, Đạo tâm 道 心, Tâm 心, thần 神, khí 氣, lúc thì lại là khí huyết 氣 血, tinh huyết 精 血, v.v. [24]

Cho nên đạo Lão bao giờ cũng chủ trương: Tính mệnh song tu 性 命 雙 修. Đối với đại đa số, thì nên Tu Mệnh trước, tu Tính sau, như Lão tử đã nói: Quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ ... 貴 以 賤為 本 , 高 以 下 為 基.[25] Đối với các bậc đại căn đại giác mới tu Tính trước, Tu Mệnh sau.

Những luận cứ trên cốt chỉ muốn chứng minh rằng: Hạ đan điền, rốn hay chấn thủy, v.v. đều không phải là Chân tâm, là Trung tâm đích thực nơi con người.

Tâm điểm con người cũng không phải là ở nơi khoảng tim (giáng cung) mặc dầu bên Đông cũng như bên Tây đã có nhiều môn phái chấp đó là Trung tâm điểm con người.[26]

Tâm điểm con người thực sự là ở trung tâm đầu não con người. Đó là Huỳnh Đình.

Khảo về đầu não con người, ta thấy có thể vẽ thành những vòng tròn bao quanh đầu mặt con người một cách hết sức chính xác. Những hình chụp trong quyển Anatomy for Students and Teachers của Walter T. Foster [27] chứng minh điều đó. Nếu thế thì ta xác định được một cách chính xác rằng Huỳnh đình chính là Tâm điểm đầu não ở Nê Hoàn Cung.

Nơi ấy chính là:

– Huyền quan khiếu 玄 關 竅, vì là nơi thần khí 神 氣 hợp nhất.

– Thiên cốc 天 谷 và có Cốc thần 谷 神 trời đất ngự trị.

– Linh đài 靈 臺 vì đó chính là Tâm con người mà tâm con người chính là đền thờ Thượng đế, đền thờ Thần linh.

– Đó chính là Cao Đài 高 臺. Vì đạo Lão xưa đã gọi đầu Cao Đài. [28]

– Đó chính là Côn Lôn đỉnh 崑 崙 頂, là Thiên đường 天 堂, là Bát Nhã ngạn 般 若 岸, Ba La Mật địa 波 羅 蜜 地, Đà La Ni môn 陀 羅 尼 門 như Tính Mệnh Khuê Chỉ đã ghi nơi hình Càn Khôn giao cấu đồ 乾 坤 交 媾 圖 (Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Lợi tr. 8a).

Léon Sprink trong quyển L'Art Sacré en Orient et on Occident, nơi tr. 32, có một nhận định hết sức khoa học và cũng hết sức thâm trầm là: «Có nhiều loài vật có cơ cấu ngược nhau: Chẳng hạn như nếu ta đem loài polypiers fossiles lộn ngược phía trong ra phía ngoài, ta sẽ được hình dung của loài Flagellés fossiles.» [29]

Theo tôi đó chính là định luật Âm Dương điên đảo của Dịch kinh. Và tôi suy thêm rằng: Nếu nơi bụng dưới con người có «động phòng» 洞 房 để tạo nên con người, thì ở nơi đầu não cũng có «động phòng» để tạo nên Thánh thần, nên tiên phật.

Léon Sprink còn nhận định rằng nơi trán các thánh, tượng phật thường thấy có ngôi sao, hoặc một điểm tròn mà ông gọi là Urna (tiếng Ấn độ). Ông cũng còn nhận định thêm rằng các nữ Ấn độ thường đeo ngọc nơi giữa trán, hoặc mang một điểm son nơi giữa trán. Ở Châu Phi cũng có nhiều người thích một vết chàm vào giữa trán. Khảo về các xác ướp Ai cập ông cũng thấy điểm giữa trán được đặc biệt ám chỉ, vì nó là đỉnh một hình vuông, còn ba đỉnh kia thì ở hai vai và ở khoảng ngực nơi chấn thủy.[30] Ông dựa vào ông Brewster, tác giả quyển Gautame Bouddha, Paris 1929, mà nhận định thêm rằng: Điểm Urna nơi trán Phật là dấu hiệu chỉ rõ dòng dõi sang cả và định mệnh cao sang của Phật.[31]

Tôi nghĩ rộng hơn rằng ai ai cũng có một Urna thiên nhiên, vì Trời đã tạo cho mọi người một Nê Hoàn cung, nơi sở cư thường trú của Trời, theo nhiều đạo giáo, nhất là theo đạo Bà La Môn. Đó chính là bằng cớ chứng minh mọi người đều có một dòng dõi, sang cả, một định mệnh sang cả, miễn là giác ngộ được điều đó, thực hiện được lý tưởng đó ... Đó cũng chính là vi chỉ của Huỳnh Đình kinh.

CHÚ THÍCH

[1] Kinh Dịch, quẻ Khôn, Văn ngôn, hào lục nhị.

[2] Huỳnh Đình xuất ư tiên thiên, tàng ư hậu thiên, bản vô hình tượng diệc vô danh tự, cưỡng nhi đồ chi giá cá O nhi dĩ. Cưỡng nhi danh chi Huỳnh Đình dã. 黃庭出於先天, 藏於後天, 本無形象亦無名字, 強而圖之這箇O而已. 強而名之黃庭也. Lưu Nhất Minh 劉一明, Huỳnh Đình kinh giải 黃庭經解, tr. 3.

[3] Nhân kỳ hồn nhiên sinh cơ, cố danh Huỳnh Đình. Nhân kỳ biến hóa bất trắc, cố vi chi Thần. Huỳnh Đình thể dã, Thần kỳ dụng dã. Nhất vật nhi nhị danh. Nho tu chi vi Đạo nghĩa chi môn, Thích tu chi vi Bất nhị pháp môn, Đạo tu chi vi Chúng diệu chi môn, hựu vi Huyền tẫn chi môn. Nhân kỳ vô hình vô tượng, cố đạo tổ dĩ chư cảnh chi thần hình dung kỳ Huỳnh Đình chi thần, sử nhân ư chư cảnh chi thần truy cứu kỳ Huỳnh Đình vô cảnh chi thần nhĩ. 因其渾然生機, 故名黃庭. 因其變化不測, 故謂之神. 黃庭體也, 神其用也. 一物而二名. 儒修之為道義之門, 釋修之為不二法門, 道修之為眾妙之門, 又為玄牝之門. 因其無形無象, 故道祖以諸景之神形容其黃庭之神, 使人於諸景之神追究其黃庭無景之神耳. Lưu Nhất Minh 劉一明, Huỳnh Đình kinh giải 黃庭經解, tr. 3.

[4] Nam Hoa kinh 南華經, Tề vật luận 齊物論.

[5] Từ Viên Tiên Sư Chân Kinh, Bảo thiên xã kinh khan. Tỉnh thành Học viện Tiền Tụ kinh đương tàng bản, Quang tự thập thất niên 1801, tr. 39a.

[6] Như trên, tr. 37a.

[7] Theo thuyết xưa, trời đất cách nhau 84000 dặm, và thiên địa gian, hay thiên địa chi tâm ở giữa (xem Tính Mệnh Khuê Chỉ q. Nguyên, tr. 10b nơi hình Trung tâm đồ 中心圖) 3, 5, 9, 6 là các con số trong Hà đồ, Lạc thư...

[8] Bài thơ này trích trong Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 11, chương An Thần Tổ Khiếu 安神祖竅.

[9] Doãn chân nhân 尹真人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨, q. Hanh, tr. 11a.

[10] Doãn chân nhân 尹真人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨, q. Hanh, tr. 11a.

[11] Vụ Thành Tử, Huỳnh Đình kinh, tr. 3b.

[12] Doãn chân nhân 尹真人, Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨, q. Hanh, tr. 9b.

[13] «Le groupement ou la subdivision des unités sociales (chez les Celtes) ne se fait pas au hasard,

constate H. Hubert, mais sur une sorte de rythme ou de loi numerique. De là vient la conception toute idéale des cinq royaumes d'Ulster, Connaught, Leinster et Munster, avec le royaume central de Meath contenant l'Omphales, le nombril, le pays central, le point de divergence des grandes routes.» H. Hubert: Les Celtes depuis l'époque de Tène et la civilisation celtique, Paris 1932, p. 270-271. Louis Lallemand, La Vocation de l'Occident, p. 23.

Celte formule quaternaire semble avoir été l'application d'une loi universelle d'après laquelle quatre modalités d'existence ou d'expression seraient nécessaires pour traduire selon l'espace et le temps, un principe spirituel. Les aspects multiples en les quels se refracte ici bas, la plénitude ineffable des réalités qui transcendent ce monde de la division, peuvent en règle générale, être en effet ramenés dans chaque cas à quatre representations fondementales: ainsi les quatre animaux de la vision d'Ezechiel, ou les quatre fleuves en lesquels il est dit qu'au Paradis terrestre se partage la source des eaux vives. C'est là l'un des sens symboliques de la croix, et la vérité que les pythagoriciens ont révérée dans la «tétractys» sacrée, tenant quatre pour le nombre de la création.

... C'est ainsi que le message du Christ a été transcrit en quatre évangiles selon saint Jean, saint Matthieu, saint Marc et saint Luc, dont les différences de nature ont été symbolisées par l'aigle, l'homme, le lion et le boeuf. Saint Irénée, auquel remonte cette correspondance établie entre les évangélistes et les animaux, d'Ezechiel, la relie d'ailleurs expressément (Adversus Hoeréses III-II-8) aux quatre régions du monde où nous sommes et aux quatre vents principaux. Au surplus; saint Thomas d'Aquin, Dante, et bien d'autres soutiennent que tout texte inspiré, c'est-à-dire traduisant en mode humain les vérités surnaturelles, possède quatre sens. Du même point de vue, on peut observer que toutes les cosmogonies anciennes présentent le monde comme constitué de QUATRE éléments: le feu, l'air, l'eau et la terre. La «quintessence» qu'elles considèrent en outre, n'est pas un cinquième élément à proprement parler; elle appartient à un ordre de réalités-subtil, intermédiaire entre l'esprit et la matière, et c'est en quelque sorte, la matière première immatérielle de la création, contenant unis dans l'indistinction originelle, les principes des quatre éléments.

D'une manière générale la quintessence symbolise la pure réalité spirituelle par rapport à ses traductions quaternaires, entachées des servitudes d'expression ou d'incarnation. C'est par exemple le Christ, Verbe divin, par rapport aux évangélistes, témoins inspirés participant de sa lumière. La quintessence n'est pas un symbole, elle a sa réalité propre encore qu'insaisissable aux sens humains. Il semble qu'ainsi l'Apocalypse représente la quintessence des Evangiles. Quant à la loi du quaternaire dans le temps il suffit de rappeler ici les quatre âges de l'humanité, les quatre époques de la vie humaine, les quatre saisons de l'année. (Sđd. 23-24).

[14] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 9a.

[15] Xem Ngũ Chân Nhân Đan Đạo Cửu Thiên, phần hậu bạt; Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển 3, tr. 20a.

[16] Như trên.

[17] Lý Lạc Cầu 李樂俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙學妙選, tr. 164.

Ngọc Chân tiên sinh vị Trung hoàng vi đan quýnh, thị bát phương tổng hội xứ, tức sở vị Trung cung, Huỳnh Đình, Huyền tẫn, Tiên thiên nhất khí, Huyền quan nhất khiếu, sở vị Chỉ ư chí thiện dã. Dĩ trung chỉ tiết văn vi tắc, tề (thận) chi thượng tam thốn lục phân, kỳ trung nhất thốn tam phân xứ, nãi Huỳnh Đình dã. 玉真先生謂中黃為丹扃, 是八方總會處, 即所謂中宮, 黃庭, 玄牝, 先天一氣, 玄關一竅, 所謂止於至善也. 以中指節文為則, 臍(腎)之上三寸六分, 其中一寸三分處, 乃黃庭也.

[18] Lý Lạc Cầu 李樂俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙學妙選, tr. 29. Căn giả hà? tề nội không xứ dã. Tề nội không xứ tức Huỳnh Đình dã. 根者何? 臍內空處也. 臍內空處即黃庭也.

[19] Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh 黃庭內景, tr. 1a.

[20] Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh 黃庭內景, 3b.

[21] Dục đắc trường sinh, tiên tu cửu thị. Cửu thị ư Thượng đan điền tắc Thần trường sinh; cửu thị ư Trung đan điền, tắc Khí trường sinh; cửu thị ư Hạ đan điền, tắc Hình trường sinh. Phù nhật nguyệt chi chiếu vu thiên địa gian, loa bạng hấp chi tắc sinh châu ngọc, ngoan thạch súc chi tắc sản ngọc. Hà huống nhân thân hữu nhật nguyệt khởi bất năng hồi quang nội chiếu, kết tự kỷ chi trân châu, sản tự kỷ chi mỹ ngọc tai? 欲得長生, 先修久視. 久視於上丹田則神長生; 久視於中丹田, 則氣長生; 久視於下丹田, 則形長生. 夫日月之照于天地間, 螺蚌吸之則生珠玉, 頑石畜之則產玉. 何況人身自有日月豈不能回光內照, 結自己之珠產自己之美玉哉? Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨, quyển Hanh, tr. 15a, chương Trập tàng khí huyệt 蟄藏氣穴.

[22] Huỳnh Đình giả tại đầu trung. Minh đường, Động phòng, Đan điền, thử tam xứ thị dã. Lưỡng mi gian, khước nhập nhất thốn vi Minh đường, nhị thốn vi Động phòng, tam thốn vi Đan điền. Thử tam xứ vi Thượng nguyên. Nhất dã... Cố tri Nhất giả, tại Minh đường nhất xứ dã黃庭者在頭中明堂, 洞房, 丹田, 此三處是也. 兩眉間, 卻入一寸為明堂, 二寸為洞房, 三寸為丹田. 此三處為上元. 一也... 故知一者, 在明堂一處也. Lương Khưu Tử chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr.1a.

[23] Xem Đạo Học Từ Điển 道學辭典 nơi các chữ Tu thân, Tu luyện, Trường sinh bất lão, lý khí hình, Hình khí chất, Đạo giáo, Dưỡng sinh, Dưỡng mệnh, Dưỡng hình, Dưỡng tâm... Xem Tiên Học Từ Điển 仙學辭典, nơi các chữ: Tính học mệnh học, Tính mệnh căn nguyên, Nhân tâm, Đạo tâm, Hạ, Trung Thượng đan điền, Tam cốc, Tam cung, Tam điệp, Hạ đức, Thượng đức, Bản mệnh, Tận tính, Liễu mệnh, Điều tức, Điều thần.

[24] Xem Tiên Học Diệu Tuyển 仙學妙選, tr. 266-267, tr. 243-278. Trang 293 ghi: Cổ tiên vân: Ngọc dịch luyện kỷ dĩ liễu tính. Nhiên hậu Kim dịch dĩ liễu mệnh. 古仙云: 玉液鍊己以了性. 然後金液以了命.

- Hoàng Hạc Phú Chân Bản 黃鶴賦真本 tr. 17 giải hai câu trên như sau: Ngọc dịch chỉ thần khí, Kim dịch hay Kim ba chỉ tinh, huyết. Thần khí có thể thông tính thiên, Tinh huyết có thể dưỡng thân mệnh. 玉液指神氣. 金液(金波)指精血. 神氣可以通性天. 精血可以養身命. Lữ Động Tân Thuần Dương Tử 呂洞賓純陽子, Hoàng Hạc Phú Chân Bản 黃鶴賦真本, Chân Thiện Mỹ xb, Đài Bắc 1960, tr. 17.

- Triệu Tị Trần 趙避塵, Tính Mệnh Pháp Quyết Minh Chỉ 性命法訣明指 nơi tr. 1b q. 2, có ghi: «Tính giả tâm dã,... Mệnh giả hình dã.» 性者心也... 命者形也.

- Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi tr. 8b, q. Nguyên tr. 13b, và 12b, 12a.

[25] Tử Hà Hàm Hư Tử chú, Huỳnh Đình Nội Ngoại cảnh, nơi tr. 1, quyển Hậu thiên quán thuật 後天串述.

[26] N'oublions pas qu'en Orient et depuis la plus haute antiquité, le nombril avait une signification sacrée et symbolisait non seulement le centre, comme le fameux «ombilic de la terre» que l'on situe encore en Russie, sur le Saint Sépulcre de Jérusalem, mais aussi une source de ravitaillement physique et spirituel.

Thiên Chúa giáo thường thờ trái tim Chúa và Đức Mẹ, các ảnh tượng đúng đều lấy Tâm làm cứ điểm

(xem Léon Sprink, L'Art sacré en Occident et en Orient, p. 46-58.

Trong quyển A Search for the Truth của Ruth Montgoméry, tác giả cho rằng nơi bụng dưới có một từ trường. Nó tung hỏa sinh lực ra châu thân. Nếu người có nhân điện mạnh đặt tay vào nơi đó, có thể tăng từ điện lực cho bệnh nhân và nhân đó chữa được bệnh. Ta thấy viết: «By placing his fingers over nerves relay in the lower abdomen a human current is transmitted throughout the body...» (tr. 173) «... The lungs draw in the energy, but the magnetic field must draw the energy from the lungs in order to radiate it through the body. Everything is centered in the belly.» (p. 175)

[27] Walter T. Foster, Anatomy for Students and Teachers, Foster Art Service Inc. 430 W. 6th Street, Tustin California.

[28] Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, chương 1, tr. 2a.

[29] Léon Sprink, L'Art sacré en Occident et en Orient, p. 32.

[30] Sđd., tr. 45, 46, 47.

[31] Sđd., tr. 45.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 4

Nội dung chính yếu của Huỳnh Đình

1. Tư tưởng then chốt thứ 1 của Huỳnh Đình:

- Đâu là tâm điểm con người?
- Đâu là Linh Đài, Tổ Khiếu, Huỳnh Đình?
- Tâm điểm con người, Huỳnh Đình thực sự là Nê Hoàn cung

2. Tư tưởng then chốt thứ 2 của Huỳnh Đình:

- Trong con người có đủ các tầng trời.
- Chư thần, đều có đủ trong con người.
- Các vị tối thượng thần đều ở trong các xoang não con người.

3. Tư tưởng then chốt thứ 3 của Huỳnh Đình:

Đời sống đạo hạnh chân chính phải là một đời sống toàn diện viên mãn. Muốn được thế, Huỳnh Đình dạy:

* Tiết dục
* Án ma, đạo dẫn.
* Yết tân.
* Vận khí, điều tức.
* Thích ứng với hoàn cảnh.
* Nội quan phản chiếu.
* Điềm đạm, vô vi, vô dục.
* Quán tưởng thần minh.

Công trình tu luyện tóm lại là:

* Bảo tinh, hàm khí, dưỡng hình.
* Luyện hồn phách.

Kết quả:

* Nạn tai tiêu, tật bệnh thuyên, phản lão hoàn đồng
* Tâm hồn an lạc thanh sảng.
* Phối Thiên.

1. Tư tưởng then chốt thứ nhất của Huỳnh Đình:

Theo tôi, tư tưởng then chốt nhất của Huỳnh Đình vẫn là: Đâu là tâm điểm con người? Đâu là Linh đài? Đâu là Tổ khiếu? Đâu là Huỳnh Đình?

Tuy Huỳnh Đình không chủ trương hai năm rõ mười rằng: Huỳnh Đình là Nê Hoàn cung, nhưng trong kinh đã dành nhiều nơi để nói về tầm quan trọng của não bộ, của các xoang não và của Nê Hoàn. Ta dùng Huỳnh Đình kinh để chứng minh. Huỳnh Đình Nội Cảnh dùng cả chương 7 để nói về Nê Hoàn:

Nê Hoàn bách tiết giai hữu thần

泥 丸 百 節 皆 有 神

Não thần Tinh Căn, tự Nê Hoàn

腦 神 精 根 字 泥 丸

Nhất diện chi thần tông Nê Hoàn

一 面 之 神 宗 泥 丸

Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng

泥 丸 九 真 皆 有 房

Phương viên nhất thốn xứ thử trung

方 圓 一 寸 處 此 中

Đồng phục tử y, phi la thường

同 服 紫 衣 飛 羅 裳

Đản tư nhất bộ, thọ vô cùng

但 思 一 部 壽 無 窮

Phi các biệt trú, cư não trung

非 各 別 住 居 腦 中

Liệt vị thứ tọa hướng ngoại phương

列 位 次 坐 向 外 方

Sở tồn tại tâm tự tương đương.

所 存 在 心 自 相 當

Lược dịch:

Nê Hoàn bách tiết đều có thần ...

Não thần Tinh Căn, tự Nê Hoàn ...

Chư thần nơi mặt thuộc Nê Hoàn.

Nê Hoàn cửu chân đều có phòng.

Vuông tròn một tấc tại não trung,

Áo tía, quần là, đều rỡ ràng.

Tồn tư Cửu Chân, thọ vô cương,

Cửu thần đều ngự tại não xoang,

Ngồi theo thứ tự hướng ngoại phương,

Thu tồn nhất tâm, thần bất vương ...

Nơi chương 21 có câu:

Bảo ngã Nê Hoàn tam kỳ linh,

保 我 泥 丸 三 奇 靈

Điềm đạm nhàn quan nội tự minh,

恬 淡 閑 觀 內 自 明

Tạm dịch:

Giữ cho Nê Hoàn vẹn Tam linh,

Điềm đạm, hồi quang, lòng quang minh. [1]

Nơi chương 17 có câu:

Động phòng, tử cực, linh môn hộ,

洞 房 紫 極 靈 門 戶

Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả.

是 昔 太 上 告 我 者

Tạm dịch:

Động phòng, tử cực có cửa linh,

Nơi xưa Thái Thượng dạy ta đó ...

Suy ra thì ở Nê Hoàn cung, có chư vị tối thượng thần ngự trị; Nê Hoàn cung gồm đủ tam bảo, tam kỳ linh, trong con người, là tinh, khí, thần. Nê Hoàn cung chính là nơi mà Thượng Đế thường hàn huyên, dạy dỗ con người trong thầm lặng ...

Tác giả Huỳnh Đình, trong một lúc xuất thần đã thấy Thần trời đất ngự vào Nê Hoàn mình. Nơi chương 19 tác giả viết:

Vấn thùy gia tử tại ngã thân,

問 誰 家 子 在 我 身

Thử nhân hà xứ nhập Nê Hoàn.

此 人 何 處 入 泥 丸

Dịch:

Thân ta thử hỏi kìa ai ngự,

Người đó đi sao vào Nê Hoàn?

Nơi chương 21, tác giả lại viết:

Quỳnh thất chi trung bát tố tập,

瓊 室 之 中 八 素 集

Nê Hoàn phu nhân đương trung lập.

泥 丸 夫 人 當 中 立

Dịch:

Trong não xoang ta, thần khí tụ,

Trong Nê Hoàn ta, thượng thần ngự ...

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh nơi chương 6 có câu: «Tử dục bất tử tu Côn Lôn.» 子 欲 不 死 修 崑 崙 (Bạn muốn trường sinh, tu Côn Lôn.) Mà Côn Lôn chính là nơi cao trọng nhất trong đầu não con người ....

Đọc các bản bình giải Huỳnh Đình kinh của người xưa, nhất là của Tử Hà, Hàm Hư Tử, ta càng thấy giá trị siêu việt của Nê Hoàn cung. Ví như ở nơi chương 1, Huỳnh Đình Nội Cảnh, khi giải thích câu: «Tụng quá vạn biến thăng tam thiên», Tử Hà chân nhân giải: Tam thiên là Tam thanh. Thăng Tam thiên là từ Hạ Đan Điền, lên Thượng Đan Điền, từ Thái thanh lên Ngọc thanh vậy. Đạo thông lên đến Nê Hoàn sẽ thoát ly khổ hải, thiên tai có thể tiêu, vạn bệnh có thể trừ....[2]

Thế tức Trời và người đều có Tam thanh 三 清:

TRỜI	NGƯỜI
NGỌC THANH 玉 清 THƯỢNG THANH 上 清	NÊ HOÀN 泥 丸 GIÁNG CUNG 絳 宮

Tính Mệnh Khuê Chỉ nơi chương Càn Khôn giao cấu đồ 乾 坤 交 媾 圖, cũng dùng các cung trời mà đặt tên cho Nê Hoàn cung, ví như gọi Nê Hoàn cung là: Tử phủ 紫 府, Thiên đình 天 庭, Thiên đường 天 堂, Thiên cung 天 宮, Thượng thiên quan 上 天 關, Liêu thiên 寥 天, v.v...

Trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh Tử Hà chân nhân chú nơi chương 7, và trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh Vụ Thành tử chú nơi chương 17, ta thấy hai nhà bình giải đều mô tả một cách hết sức tỉ mỉ 9 cung của đầu não. Cả hai cách đều chủ trương đại loại như sau:

Cách điểm giữa hai làn mi, đi vào:

– 1 tấc là Minh đường 明 堂

– 2 tấc là Động phòng 洞 房

– 3 tấc là Nê hoàn 泥 丸

– 4 tấc là Lưu châu cung 流 珠 宮

– 5 tấc là Ngọc đế cung 玉 帝 宮

– Trên Minh đường 1 tấc là Thiên đình 天 庭

– Trên Động phòng 1 tấc là Cực chân 極 真

– Trên Nê Hoàn 1 tấc là Huyền đan 玄 丹

– Trên Lưu Châu 1 tấc là Thiên hoàng 天 皇

Lối trình bày trên của hai nhà bình giải không làm nổi bật lên được vị trí trung ương của Nê Hoàn, cũng như không làm nổi bật lên cái diệu lý của Cửu cung bát quái.

Vì thế nên, tôi dựa vào câu của sách Kim Đan Đại Thành 金丹 大成: «Đầu hữu cửu cung, trung hữu Nê Hoàn.» 頭有九宮中有泥丸.

Và câu của sách Đại Đỗng Chân Kinh 大 洞 真 經: «Nhân đầu hữu cửu cung, do thiên hữu cửu tiêu.» 人 頭 有 九 宮 猶 天 有 九 宵 (tr. 7a)

Và các hình vẽ của Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 nơi Phổ chiếu đồ 普 照 圖 và Nội chiếu đồ 內 照 圖 (quyển Nguyên 8b, 9a)


普照圖
三成之竅
虛靈不昧之神
天地靈根
何思何慮之天
不動道場
至善之地
神明之舍
玄牝之門
呼吸之根
不二法門
甚深法界
真主人
自然體
西南鄉
祖氣穴
混沌竅
總持門
坎離交構之鄉
千媾萬化之注
生死不相關之地
鬼神覷不破之祝
帝爽府
懸膽扁
生殺舍
真金扁
安身立命之家
長胎住息之鄉
瀉氣閭
閻關處
多管路
進化塵
金華
月魄
靈根
靈龜
真一竅
極樂國
五芝
真炁
日魂
丹元
神水
方寸
主翁
天君
心源
性海
靈臺
靈叠
守靈
赤水
靈山
蛇女
朱汞
靈府
玉液
丹雪
乾馬
交梨
金烏
道藏島
眾妙門
黃中通理
既濟肅落
虛無之谷
延緣之所
光明藏
天玄女
止其所
自在處
先天地生
宇宙主宰
靈明一竅
活潑潑地
虛靈不昧之神
色空不二之一
黑白相符
道化衆窗
真土
黃中
關元
氣海
土釜
玄牝
兆海
嬰兒
氣穴
靈龜
黃庭
中丹
西方
道圖
生門
死戶
玄所
華池
曲江
河車
逆查
育嬰
大象
無畫藏
圓月爐
真鉛
淨土
混康
丹鳥
如意珠
守一壇
歸根竅
復命關
虛空藏
寂寞海
華光藏
玄關
正位
舍利子
法王城
戊己門
中黃
安

Phổ chiếu đồ



Nội chiếu đồ

Để trình bày lại 9 cung như sau:

Thiên đình 天 庭	Cực chân 極 真	Huyền đan 玄 丹
Minh đường 明 堂	Nê Hoàn 泥 丸	Thiên hoàng 天 黃
Động phòng 洞 房	Lưu châu 流 珠	Ngọc Đế 玉 帝

Trình bày theo lối này, đầu con người sẽ tương ứng với:

– Cửu cung bát quái 九 宮 八 卦.

– Cửu dã 九 野, cửu cung trên trời.

– Cửu Châu 九 州 dưới đất.

Và ta sẽ hiểu tại sao lại gọi đầu là Kiền đỉnh 乾 鼎.

Sách Tiên Học Từ Điển bình về chữ Đỉnh 鼎 như sau: «Chữ Đỉnh 鼎 bên ngoài có 8 góc, biểu hiệu 8 phương, ở giữa có chữ Mục目(mắt). Tám phương tượng trưng cho lò bát quái, chữ Mục bên trong tượng trưng cho cái Đỉnh. Tám phương cộng với trung ương là 9. Cho nên gọi là cửu đỉnh 九 鼎. Đầu là Đỉnh 鼎, bụng là Lô 爐. Giữa là đầu gọi là Nê Hoàn 泥 丸. Thần mục 神 目 ở tại trung điểm hai con mắt. Thần ngự

Nê Hoàn, đều là nghĩa đó ...» [3]

Đặt Nê Hoàn thần 泥 丸 神 vào giữa, Bát cảnh thần 八 景 神 chầu quanh, tức cũng nói lên được thể dụng 體 用 của Huỳnh Đình. Thật vậy, Tử Hà chân nhân viết trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh (tr. 4a) như sau:

Nhất thần chính vị nhi trung lập,

一 神 正 位 而 中 立

Vạn thần triều củng nhi hoàn trần.

萬 神 朝 拱 而 環 陳

Huỳnh Đình chi thể dụng bị hĩ.

黃 庭 之 體 用 備 矣

Dịch:

Một thần ngự giữa nơi chính vị,

Chư thần chầu quanh thành vòng tròn.

Đó là thể dụng của Huỳnh Đình.

Phối kiểm quan điểm của Huỳnh Đình kinh về Nê Hoàn cung, với quan điểm của nhiều đạo gia danh tiếng khác, chúng ta sẽ thấy rõ ràng rằng Nê Hoàn 泥 丸 tức là Thiên cốc 天 谷, là sở cư của Cốc Thần 谷 神, là tòa ngôi của Ngọc Hoàng Thượng Đế 玉 皇 上 帝, là Thiên khu bất động giữa hoàn vũ biến thiên, là Chân tâm, là chỗ hội tụ hỗn hợp của vạn linh, là cứ điểm phóng xuất và chỉ huy của Ngũ khí trong con người.

Trương Tử Dương 張 紫 陽 - tác giả Ngộ Chân Thiên 悟 真 篇 - viết: «Chân tâm 真 心 vốn chẳng là vật gì, nó đồng nhất với Thái hư 太 虛. Muốn kết hợp với chí đạo, phải hiểu biết bản tâm, phải biết quán tâm 觀 心 (nhìn vào tâm). Tâm đây không phải là nhục tâm 肉 心, mà là Chân tâm. Chân tâm ở trung tâm não bộ.»

Thiên Phong Lão Nhân 千 峰 老 人 - tác giả Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ 性 命 法 訣 明 指 - chủ trương đại khái rằng Trung Tâm, não bộ con người hàm chứa Chân tính, đó là Tổ khiếu. Từ trung tâm đó phát ra hai tiểu quản thông ra đồng tử hai con mắt. Như vậy cũng có thể nói được rằng: Tổ khiếu ở Trung tâm điểm hai con mắt.[4]

Tính Mệnh Khuê Chỉ nơi chương Càn Khôn giao cấu, khử khoáng lưu kim 乾 坤 交 媾 去 礦 留 金 có dành hơn một trang để bình về Nê Hoàn cung với những lời bất hủ. Đại khái, Tính Mệnh Khuê Chỉ cho rằng Nê Hoàn cung là nơi:

– Huyền trung chi huyền 玄 中 之 玄

– Thiên trung chi trung 天 中 之 中

– Uất la, Tiêu đài 鬱 羅 蕭 臺

– Ngọc sơn, Thổ kinh, 玉 山 土 京

– Não huyết chi quỳnh phòng, 腦 血 之 瓊 房

– Hồn tinh chi ngọc thất, 魂 精 之 玉 室

– Bách linh chi mệnh trạch 百 靈 之 命 宅

– Chân Nhất Nguyên thần sở cư chi thất. 真一元神所居之室

Nơi đó Đạo chân nhất 真 一 đã được cất giấu. Và chương này đã được kết bằng câu: «Hỗn bách linh ư Thiên cốc; Lý ngũ khí ư Nê Hoàn.» 混 百 靈 於 天 谷 , 理 五 氣 於 泥 丸.

Nê Hoàn như vậy chính là nơi: Đông tây hội hợp, nam bắc hỗn dung 東 西 會 合 南 北 混 溶.[5]

Khưu Xử Cơ 邱 處 機 (1147-1227) có thơ:

Cửu thị Côn Lôn thủ Chân nhất,

久 視 崑 崙 守 真 一

Thủ đắc Ma ni viên hựu xích

取 得 摩 尼 圓 又 赤

Thanh hư hạo khoáng Đà La Môn,

清 虛 浩 曠 陀 羅 門

Vạn phật, thiên tiên tòng thử xuất ...

萬 佛 千 仙 從 此 出

Dịch:

Cửu thị Côn Lôn gìn Chân Nhất,

Nắm được Ma Ni đỏ lại tròn.

Đà La cửa mở thênh thang,

Thiên tiên vạn phật cũng toàn đó ra...

Sách Nhập Dược Kính 入 藥 鏡 có thơ:

Nê Hoàn nhất khiếu đạt thiên môn,

泥 丸 一 竅 達 天 門

Trực thượng Hư Hoàng, Ngọc đế tôn,

直 上 虛 皇 玉 帝 尊

Thử thị chân nhân lai vãng lộ,

此 是 真 人 來 往 路

Thời thời khóa hạc khứ triều nguyên.[6]

時 時 跨 鶴 去 朝 元

Để xác định lại một lần nữa tầm quan trọng siêu việt của Nê Hoàn cung trong công cuộc tu thân, tôi xin viện dẫn thêm ít nhiều tư tưởng của Tử Hà Chân nhân.

Khi bình câu: «Vịnh chi vạn quá thăng tam thiên» 詠 之 萬 過 昇 三 天, nơi chương 1, Huỳnh Đình Nội Cảnh, Tử Hà viết: «Đạo thông Nê Hoàn thời thoát ly khổ hải» (Đạo thông Nê đan, thoát ly khổ hải) 道 通 泥 丹 脫 離 苦 海 (tr. 4b).

Khi bình câu: «Tuyền ki ngọc hành sắc lan can» 璇 璣 玉 衡 色 蘭 玕 nơi chương 19, Tử Hà viết: «Chuyển đan lên đến đỉnh đầu, lấy hư luyện hư, đó chính là cực phẩm thần tiên.» (Phù di đan đỉnh thượng, dĩ hư luyện hư, nãi thần tiên cực phẩm) 夫 移 丹 頂 上 以 虛 鍊 虛 乃 神 仙 極 品 (tr. 32a).

Khi bình câu: «Cao củng vô vi hồn phách an» 高 拱 無 為 魂 魄 安 nơi chương 23, Tử Hà viết: «Tập chư thần về Nê Hoàn, ngồi nghiêm chỉnh vô vi, thời chư thần sẽ nghe mệnh lệnh.» (Tập chư thần ư Nê Hoàn, cao cao tại thượng, đoan củng vô vi, tắc chư thần thính lệnh.) 集 諸 神 於 泥 丸 , 高 高 在 上 , 端 拱

無 為 , 則 諸 神 聽 令 (tr. 41b)

Tử Hà còn cho rằng Nê Hoàn cung ở giữa chín cung đầu não, cũng y như Thái cực ở trung cung bát quái, Thái nhất ở giữa Cửu cung. Nơi đó hàm tàng chí bảo, và muốn tìm Nguyên thần, phải tìm nơi tâm điểm Ngũ hành.

Nơi trang 28a, khi bình câu: «Ngũ linh dạ chúc hoán bát khu» 五 靈 夜 燭 煥 八 區, chương 16, Tử Hà viết: «Bát quái khí trung tàng chí bảo; Ngũ hành quang lý ẩn Nguyên thần.» 八 卦 氣 中 藏 至 寶 五 行 光 裏 隱 元 神.

Hoàng Nguyên Cát 黃 元 吉, sống vào khoảng các đời vua Nguyên Anh Tông 元 英 宗 (1321-1324) Nguyên Thái Định Đế 元 泰 定 帝 (1324-1328), đã viết: «Người ta đầu có chín cung, ở giữa có một nơi, gọi là Thiên cốc, thanh tĩnh không vương bụi trần; Nếu đem được Nguyên thần vào an ngự nơi đó, không phát tán ra ngoài, thời thành tiên, thành thánh. Huỳnh Đình kinh nói: “Nếu bạn muốn bất tử, hãy tu Côn Lôn.” Mới hay Thiên cốc thật là vô cùng huyền diệu vậy.» [7]

2. Tư tưởng then chốt thứ hai của Huỳnh Đình:

Tư tưởng then chốt thứ hai mà Huỳnh Đình nêu ra chính là:

a. Trong con người, có đủ các tầng trời.

b. Chư thần vạn thánh đều có đủ trong con người, các vị tối thượng thần đã có sẵn trong đầu não con người.

Nơi chương 7 chẳng hạn, chúng ta đọc thấy: «Nê Hoàn, bách tiết giai hữu thần.» 泥 丸 百 節 皆 有 神.

Hai tư tưởng then chốt trên đã được Tử Hà chân nhân làm nổi bật lên trong những lời bình luận nơi chương nhất của Huỳnh Đình do ông chú giải. Những lời bình giải của ông có thể thâu tóm lại như sau:

– Thoạt kỳ thủy có một bản thể duy nhất. Bản thể duy nhất ấy có thể được gọi bằng những danh hiệu như: Tiên thiên nhất khí 先 天 一 氣, Tiên thiên nhất khí Thái thượng Lão quân 先 天 一 氣 太 上 老 君, Lão quân 老 君, Đạo khí 道 氣, Hỗn độn Thái vô chi nguyên khí 混 沌 太 無 之 元 氣.

Một khí ấy hóa sinh: Tam thanh 三 清, Tam cảnh 三 景, Tam bảo 三 寶, Tam nguyên 三 元, Tam quân 三 君, tức là các cung trời và các vị Thượng thần cai quản các cung trời ấy. Ta có đồ bản sau:

TAM THANH	TAM CẢNH	TAM NGUYÊN	TAM BẢO, TAM QUÂN
Ngọc thanh	Thánh cảnh	Nguyên thủy	Thiên bảo quân
Thượng thanh	Chân cảnh	Ngọc thần	Linh bảo quân
Thái thanh	Tiên cảnh	Đạo đức	Thần bảo quân

Thế tức là:

Ở Ngọc Thanh thánh cảnh có đức Nguyên thủy Thiên Bảo quân.

Ở Thượng Thanh Chân Cảnh có đức Ngọc Thần Linh Bảo quân.

Ở Thái Thanh Tiên cảnh có đức Đạo đức Thần Bảo quân.

Ở trên trời có Tam Thanh, thì ở nơi con người cũng có Tam thanh: Ngọc Thanh là Nê Hoàn, Thượng Thanh là Giáng cung, Thái thanh là Hạ đơn điền.

Huỳnh Đình kinh nơi chương nhất viết: «Đức Hư Hoàng (Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân) viết kinh này nơi cung Thái Thanh. Tử Hà chân nhân giải thích là: Kinh này là do Nguyên thần con người viết ra trong Cung Thái thanh, tức là trong tâm hồn con người...» [8]

Thiết tưởng cũng nên ghi lại ít lời theo nguyên văn của Tử Hà. Nơi trang 2b, Tử Hà viết: «Ba tầng trời, nơi con người tức là Tam đan điền. Nê Hoàn là Ngọc Thanh. Giáng cung là Thượng Thanh. Đan điền là Thái Thanh.» [9]

Nơi trang 3a, Tử Hà giải: «Hư hoàng là Ngọc Hoàng ... Ngọc Hoàng nơi con người ví như Nguyên thần nơi Giáng cung. Huỳnh Đình nơi câu thứ nhất nói: Thượng thanh Tử Hà Hư Hoàng tiền ... Cho nên Thượng thanh chính là Linh khí ở trong tâm chúng ta. Hư Hoàng chính là Nguyên thần trong tâm chúng ta ...» [10]

Tử Hà chân nhân còn có cái ý tứ rất tế nhị này nữa, là ông muốn chúng ta không được dừng chân nơi đa tạp, dẫu cái đa tạp ấy là Tam thanh, Tam cảnh, Tam bửu, Tam thần. Ông khuyến cáo chúng ta phải qui nhất.

Ông viết: «Người tu đạo, phải tìm nơi Tâm điểm mà ở, phải hợp Tam đơn lại làm một khối Hư vô, và phải lấy nơi vô trụ mà sinh tâm. Bởi vì Tam nguyên gốc vốn là một khí, Tam quân vốn là một Lão Quân.» [11]

Tôi thấy lời bình trên thực là tuyệt diệu: Chủ trương Nhất khí tán vạn thù 一 氣 散 萬 殊 để cắt nghĩa duyên do sinh vạn tượng, rồi lại chủ trương Vạn thù qui nhất thể 萬 殊 歸 一 體 để minh định phương pháp và mục đích công cuộc Tu trì.

3. Tư tưởng then chốt thứ ba của Huỳnh Đình:

Tư tưởng then chốt thứ ba của Huỳnh Đình chính là: Một đời sống đạo hạnh chân chính phải là một đời sống toàn diện, hoàn toàn viên mãn.

Mỗi khi ta nghĩa đến tiên thánh, ta liên nghĩ đến những bậc chân nhân linh sảng, đẹp đẽ, tươi vui, chứ không phải là những thân hình còi cọp, yếu đau, bệnh hoạn. Cũng như vậy, đạo Lão chủ trương thánh nhân, tiên nhân phải có:

– Thân hình khỏe mạnh,

– Tâm tư bình thản,

– Điềm đạm hư vô,

– Sống siêu thoát, hạnh phúc miên trường,

– Bạn bè cùng muôn thần vạn thánh ...

Huỳnh Đình, một sách của Lão giáo, dĩ nhiên sẽ có những chủ trương tương tự. Chính vì vậy, mà Huỳnh Đình kinh dạy đủ mọi điều, từ thấp đến cao, từ hữu vi đến vô vi:

* Dạy đừng dâm dục, hao tinh, tổn khí:

Trường sinh chí thận phòng trung cấp. (ch.21) 長 生 至 慎 房 中 急

Đản đương hấp khí, lục tử tinh. (ch.21) 但 當 吸 氣 錄 子 精

Lưu thai, chỉ tinh, khả trường sinh. (ch.20) 留 胎 止 精 可 長 生

Khí vong, dịch lậu, phi kỷ hình. (ch.21) 氣 亡 液 漏 非 己 形

Cấp thủ tinh thất, vật vọng tiết. (ch.22) 急 守 精 室 勿 妄 泄

Bế nhi bảo chi, khả trường hoạt. (ch.22) 閉 而 寶 之 可 長 活

Tam quan chi trung, tinh khí thâm. (ch.18) 三 關 之 中 精 氣 深

* Dạy phép án ma, dẫn đạo:

Thiên trung chi nhạc, tinh cẩn tu, 天 中 之 嶽 精 謹 修

Vân trạch ký thanh, Ngọc đế du, 雲 宅 既 清 玉 帝 遊

Thông lợi đạo lộ, vô chung hưu. (ch.6) [12] 通 利 道 路 無 終 休

* Dạy phép nuốt ngọc dịch (nước bọt):

Thấu yết linh dịch, tai bất can. (ch.3) 漱 咽 靈 液 災 不 干

Hàm thấu kim lễ, thôn ngọc anh. (ch.15) 含 漱 金 醴 吞 玉 英

Chu điểu, thổ súc, bạch thạch nguyên. (ch.20) 朱 鳥 吐 縮 白 石 源

* Dạy phép hô hấp, hàm khí, điều tức:

Hàm khí, dưỡng tinh, khẩu như chu. (ch.24) 含 氣 養 精 口 如 朱

Hô hấp nguyên khí dĩ cầu tiên. (ch.20) 呼 吸 元 氣 以 求 仙

Xuyễn tức, hô hấp, thể bất khoái. (ch.9) 喘 息 呼 吸 體 不 快

Cấp tồn bạch nguyên hòa lục khí. (ch.9) 急 存 白 元 和 六 氣

Điều lý ngũ hoa, tinh, phát, xỉ. (ch.34) 調 理 五 華 精 髮 齒

* Dạy thích ứng với hoàn cảnh, với khí hậu hàn nhiệt bên ngoài, điều hòa khí huyết, vinh vệ bên trong:

Chủ thích hàn nhiệt, vinh vệ hòa. (ch.10) 主 適 寒 熱 榮 衛 和

Điều huyết, lý mệnh, thân bất khô. (ch.10) 調 血 理 命 身 不 枯

Khai thông bách mạch huyết dịch thủy. (ch.34) 開 通 百 脈 血 液 水

Khả dĩ hồi nhan, điền huyết não. (ch.26) 可 以 回 顏 塡 血 腦

* Dạy nội quan phản chiếu:

Nội thị, mật phán, tận đổ chân. (ch.23) 內 視 密 盼 盡 睹 真

Bế mục nội niệm, tự tương vọng. (ch.23) 閉 目 內 念 自 相 望

Nội phán, trầm mặc luyện ngũ hình. (ch.35) 內 盼 沉 默 鍊 五 形

* Dạy điềm đạm hư vô, vô vi, vô dục:

Cầm tâm tam điệp, vũ thai tiên. (ch.1) 琴 心 三 疊 儛 胎 仙

Tán phát vô dục, tự trường tồn. (ch.36) 散 髮 無 欲 自 長 存

Thanh khiết, hỉ khí tự minh quang. (ch.31) 清 潔 喜 氣 自 明 光

Lục thần hợp tập, hư trung yên. (ch.27) 六 神 合 集 虛 中 宴

Đới chấp tính mệnh, thủ hư vô. (ch.24) 帶 執 性 命 守 虛 無

Cao củng vô vi, hồn phách an. (ch.23) 高 拱 無 為 魂 魄 安

Hư vô tịch mịch, không trung tố. (ch.22) 虛 無 寂 寞 空 中 素

Hồn phách nội thủ, bất tranh cạnh. (ch.16) 魂 魄 內 守 不 爭 競

* Dạy phép quán tưởng thần minh:

Chí đạo bất phiền quyết tồn chân, 至 道 不 煩 決 存 真

Nê Hoàn bách tiết giai hữu thần. (ch.7) 尼 丸 百 節 皆 有 神

Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng, 尼 丸 九 真 皆 有 房

Phương viên nhất thốn xứ thử trung, 方 圓 一 寸 處 此 中

Đồng phục tử y, phi la thường, 同 服 紫 衣 飛 羅 裳

Đãn tư nhất bộ, thọ vô cùng. (ch.7) 但 思 一 部 壽 無 窮

*Mục đích tối hậu vẫn là:

Năng tồn huyền chân vạn sự tất, 能 存 玄 真 萬 事 畢

Nhất thân tinh thần bất khả thất. (ch.25) 一 身 精 神 不 可 失

*Huỳnh Đình bảo ta rằng muốn thành tiên thành thánh phải kiên tâm trì chí, phải tốn công phu:

Thị do tinh thành, diệc do chuyên. (ch.29) 是 由 精 誠 亦 由 專

Tích công thành luyện, phi tự nhiên. (ch.29) 積 功 成 鍊 非 自 然

* Công trình tu luyện, chung qui vẫn là:

– Bảo tinh, hàm khí, dưỡng hình:

Tích tinh, lũy khí dĩ vi chân. (ch.28) 積 精 累 氣 以 為 真

Cấp thủ tinh thất vật vọng tiết. 急 守 精 室 勿 妄 泄

Bế nhi bảo chi, khả trường hoạt. (ch.22) 閉 而 寶 之 可 長 活

Hàm khí dưỡng tinh, khẩu như chu. (ch.24) 含 氣 養 精 口 如 朱

Nhất thân tinh thần bất khả thất. (ch.25) 一 身 精 神 不 可 失

– Luyện hồn phách

Cầm tâm. (ch.1) 琴 心

Huyền nguyên thượng nhất, hồn phách luyện. (ch.27) 玄 元 上 一 魂 魄 鍊

Cao củng vô vi hồn phách an. (ch.23) 高 拱 無 為 魂 魄 安

Hồn phách nội thủ bất tranh cạnh. (ch.16) 魂 魄 內 守 不 爭 競

– Vô vi, thủ Hư vô, Chân nhất

Đới chấp tính mệnh, thủ Hư vô. (ch.24) 帶 執 性 命 守 虛 無

Cao củng vô vi, hồn phách an. (ch.23) 高 拱 無 為 魂 魄 安

* Công phu tu luyện ấy sẽ đem lại những kết quả sau:

– Nạn tai tiêu, tật bệnh thuyên, phản lão hoàn đồng, diên niên khang kiện:

Thiên tai dĩ tiêu, bách bệnh thuyên. 千 災 以 消 百 病 痊

Bất đạn hổ lang chi hung tàn, 不 憚 虎 狼 之 凶 殘

Diệc khước lão, diên vĩnh niên. (ch.1) 亦 卻 老 延 永 年

Thần tiên cửu thị vô tai hại. (ch.9) 神 仙 久 視 無 災 害

Sử nhân trường sinh thăng cửu thiên. (ch.12) 使 人 長 生 昇 九 天

Nhan sắc sinh hoa, kim ngọc trạch, 顏 色 生 華 金 玉 澤

Xỉ kiên phát hắc bất tri bạch. (ch.34) 齒 堅 髮 黑 不 知 白

Não phát tương phù, diệc câu tiên. (ch.14) 腦 髮 相 符 亦 俱 鮮

Diên ngã bạch đầu phản hài anh. (ch.20) 延 我 白 頭 反 孩 嬰

– Và tâm hồn cũng sẽ được an lạc, thanh sảng:

Cao củng vô vi, hồn phách an. (ch.23) 高 拱 無 為 魂 魄 安

Tâm ý thường hòa, trí hân xương. (ch.15) 心 意 常 和 致 欣 昌

– Cao hơn một bậc nữa, chúng ta có thể cảm giác thấy thượng thần trời đất ngự vào tâm hồn mình, chư thần sẽ cùng bè bạn trò chuyện:

Thanh tĩnh, thần tiên dữ ngã ngôn. (ch.23) 清 靜 神 仙 與 我 言

Vấn thùy gia tử tại ngã thân? 問 誰 家 子 在 我 身

Thử nhân hà khứ nhập Nê Hoàn? (ch.19) 此 人 何 去 入 尼 丸

Xích Đế, Hoàng Lão dữ ngã hồn. 赤 帝 黃 老 與 我 魂

Tam chân phù tư cộng phòng tân. (ch.19) 三 真 扶 胥 共 房 津

Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả, 是 昔 太 上 告 我 者

Tả thần công tử phát thần ngữ. (ch.17) 左 神 公 子 發 神 語

Tử tồn Nội Hoàng dữ ngã du, 子 存 內 皇 與 我 遊

Thân phi phượng y, hàm hổ phù, 身 飛 鳳 衣 含 虎 符

Nhất chí bất cửu thăng hư vô. (ch.16) 一 至 不 久 昇 虛 無

Hư trung điềm đạm tự trí thần. (ch.29) 虛 中 恬 淡 自 致 神

– Cuối cùng tên tuổi sẽ được ghi vào tiên tịch, trường sinh cùng trời đất:

Trường sinh cao tiên viễn tử ương. (ch.13) 長 生 高 仙 遠 死 殃

Tam hồn tự minh, Đế thư mệnh. (ch.16) 三 魂 自 明 帝 書 命

Vịnh chi vạn biến, thăng tam thiên. (ch.1) 詠 之 萬 遍 昇 三 天

Tử nhược ngộ chi thăng Thiên hán. (ch.6) 子 若 悟 之 昇 天 漢

Sử nhân trường sinh, thăng cửu thiên. (ch.12) 使 人 長 生 昇 九 天

Tư vịnh Ngọc thư nhập Thượng Thanh. (ch.21) 思詠玉書入上清

Hành tự cao tường nhập Thiên lộ. (ch.22) 行 自 翱 翔 入 天 路

– Nếu ta thực thi được những phương pháp mà kinh này chỉ dẫn, thì kinh này sẽ đúng là:

Thái thượng vi ngôn trí thần tiên, 太 上 微 言 致 神 仙

Bất tử chi đạo, thử chân văn. (ch.36) 不 死 之 道 此 真 文

CHÚ THÍCH

[1] Tử Hà Chân nhân giải Tam kỳ linh là tinh, khí thần. Ông viết: «Nê Hoàn vi Tinh, Khí, Thần tụ hội chi địa. Danh viết Tam kỳ linh.» 泥 丸 為 精 氣 神 聚 會 之 地. 名 曰 三 奇 靈. (Tử Hà chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, tr. 37b)

[2] Tử Hà Hàm Hư Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 4b.

[3] Đới Nguyên Trường 戴 源 長, Tiên Học Từ Điển 仙 學 辭 典, Chân Thiện Mỹ xb, Đài Bắc 1960, tr. 19. Chú: Thần mục 神 目 cũng gọi là Thiên mục 天 目 (xem Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ).

[4] Tính nãi trung tâm linh khí, phát ư não trung; nhị tiểu quản, thị nhãn thị chính trung... 性 乃 中 心 靈 氣,

發 於 腦 中; 二 小 管, 是 眼 視 正 中. (q. 1, tr. 2a, 2b) Lưỡng mục chi tâm trung, nội tắc thị Tổ khiếu... 兩 目 之 心 中 內 則 是 祖 竅 (q. 1, tr. 3b) Tính tại đại não trung nhân... 性 在 大 腦 中 仁 (q. 4, tr. 14b)

[5] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi tr. 10a, 10b.

[6] Thôi Hi Phạm 崔 希 范, Nhập Dược Kính 入 藥 鏡, tr. 10b.

[7] Lý Lạc Cầu 李 樂 俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙 學 妙 選, tr. 298

Nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết Thiên cốc, thanh tĩnh vô trần. Năng tương Nguyên Thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại trì, tắc thành chân chứng thánh, tức tại thị hĩ. Huỳnh Đình kinh vân: Tử dục bất tử tu Côn Lôn... Khả kiến thủ thử Thiên cốc, hữu vô hạn chi diệu uẩn dã. 人 頭 有 九 宮, 中 有 一 所, 名 曰 天 谷, 清 靜 無 塵. 能 將 元 神 安 置 其 中, 毫 不 外 馳, 則 成 真 證 聖, 即 在 是 矣. 黃 庭 經 云: 子 欲 不 死 修 崑 崙... 可 見 守 此 天 谷, 有 無 限 之 妙 蘊 也.

[8] Tử Hà chú, Huỳnh Đình kinh, chương 1, tr. 1a, 2a, 2b, 3a, 3b.

[9] Tam thiên giả, tại nhân tỉ Tam đan. Nê Hoàn vi Ngọc Thanh, Giáng cung vi Thượng Thanh, Đan điền vi Thái Thanh. 三 天 者, 在 人 比 三 丹. 泥 丸 為 玉 清, 絳 宮 為 上 清, 丹 田 為 太 清.

[10] Hư Hoàng giả, Ngọc Hoàng dã... Ngọc Hoàng trị sự. Tại nhân thân tỉ Giáng cung Nguyên thần dã. Huỳnh Đình đệ nhất cú viết: «Thượng Thanh Tử Hà Hư Hoàng tiền.» Cái Thượng Thanh vi tâm trung linh khí. Hư Hoàng vi tâm trung Nguyên thần... 虛 皇 者, 玉 皇 也... 玉 皇 治 事. 在 人 身 比 絳 宮 元 神 也. 黃 庭 弟 一 句 曰: 上 清 紫 霞 虛 皇 前. 蓋 上 清 為 心 中 靈 氣. 虛 皇 為 心 中 元 神...

[11] Tu đạo giả, cư trung nhi lập, hợp tam đan vi Nhất Hư vô, dĩ vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. Do chi, tam nguyên bản ư nhất nguyên. Tam quân bản ư Nhất Lão quân dã. 修 道 者, 居 中 而 立, 合 三 丹 為 一 虛 無, 以 無 所 住 而 生 其 心. 猶 之, 三 元 本 於 一 元. 三 君 本 於 一 老 君 也. (tr. 2b)

[12] Xem phần bình dịch phía sau.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 5

Lược khảo về những lễ nghi trì tụng Huỳnh Đình



Có người đến được với Trời với Đạo bằng trí huệ, có người đến được với Trời với Đạo bằng niềm tin và lòng sùng tín.

Số người đến được với Đạo bằng trí huệ, dĩ nhiên là rất ít. Đối với những người có đại căn này, thì đọc kinh là hiểu nghĩa, coi kinh là phương tiện, và chẳng cần gì lễ nghi trì tụng.

Còn những người hạ căn, phải tin kinh, kính kinh, và nhờ niềm tin ấy, kinh như sẽ có một huyền lực hộ trì họ. Có lẽ chính vì vậy mà người xưa đã bao phủ Huỳnh Đình bằng nhiều lớp mây huyền thoại, bằng một bầu không khí huyền linh, màu nhiệm để tín đồ đặt hết niềm tin kính vào kinh. Khi đọc tất cả lễ nghi truyền thụ, cùng như trì tụng kinh Huỳnh Đình, tôi liên tưởng đến lời Chúa Jésus trong Phúc âm: «Nếu bạn có đức tin to bằng hạt cải, và bạn bảo cây dâu kia rằng: Ngươi hãy bật rễ lên, ra trồng lại ở ngoài biển, và nó sẽ vâng lời bạn.» (Luc. 17. 6)

Hay trong Phúc Âm thánh Marc: «Tôi nói thực cùng các bạn nếu có ai nói với trái núi này rằng: Ngươi hãy bật lên và hãy gieo mình xuống bể, và người đó không nghi ngờ gì trong lòng, và tin rằng những điều mình nói sẽ xảy ra, thì hắn sẽ được như ý.» (Marc 11, 23)

Mới hay đức tin là mạnh. Và trong ngũ đức, thì người xưa vẫn đặt chữ tín vào trung điểm. Mà lạ lùng thay, nhân loại xưa nay thường sống về niềm tin ...

Xưa nay trong đạo Lão những người trì tụng Huỳnh Đình đều trì tụng kinh này với niềm tin sắt đá rằng mình sẽ trở thành thần tiên. Chính vì vậy mà xưa người ta luôn luôn chọn mặt gởi vàng.

Trước khi truyền kinh, họ quan hình sát sắc người đệ tử tương lai, và sau khi biết chắc chắn rằng người đó là người nhân từ, trung tín, yêu thích đời sống đạo hạnh, muốn đi tìm những điều huyền diệu, kính trọng thần minh, thầy mới truyền kinh cho trò và dạy cho biết áo nghĩa huyền vi của kinh.[1]

Khi thầy đã đồng ý truyền kinh cho trò, trò phải sửa lễ xin dâng cho thầy. Sau khi đã trai giới 9 hoặc 7 hoặc 3 ngày trò sẽ đem dâng cho thầy:

– 90 thước gấm huyền vân,

– 40 thước lụa là kim giản phụng văn.

– 9 cúc vàng.

Nếu nghèo thì có thể sửa lễ thanh đạm hơn như:

– Lụa mộc trắng

– Vải xanh

– Vòng vàng, nhẫn vàng v.v...

Thầy trò lập minh ước trước là không được tiết lộ bí quyết của Kinh cho ai, sau là thề hứa với Trời đất, với Thần minh. Một người được truyền kinh, có quyền truyền kinh cho 9 người khác.

Như vậy dĩ nhiên là Huỳnh Đình kinh xưa nay không được phổ biến. Và dù có được phổ biến chăng nữa, nhưng người đủ sức hiểu kinh chắc là cũng ít có ai. Kinh đã tam sao thất bản, lời bình thì nhiều khi hết sức bí ẩn, những bản dịch tiếng Việt thì đầy rẫy những sự sai thác, như vậy thì làm sao mà sử dụng được kinh cho hữu hiệu. Chính vì thế mà ở Việt Nam đã có những người coi Huỳnh Đình như là những bài thần chú, cứ tụng lên là âm thanh của kinh sẽ có huyền lực phác tác trên con người....

Lại cứ mỗi năm đến kỳ bát tiết 八節 (Lập xuân, Xuân phân, Lập hạ, Hạ chí, Lập thu, Thu phân, Lập đông, Đông chí) trò phải đem dâng thày nhẫn vàng, và 9 thước lụa xanh. Thày ghi tên ngày sinh tháng đẻ, quận huyện của đệ tử vào miếng lụa đó, lên đỉnh núi cao, hướng về phía Bắc và tấu danh đệ tử lên Thanh Đế cung, và khai bẩm đại khái rằng: «Xin cửu phủ ngũ nhạc, tứ linh, nhớ cho những tên mà tôi đã trình tấu. Sau đây ba năm xin đến đón vi hình của họ, cho phép họ được lên Bát cảnh, lên Thượng đế đình. Khải tấu xong đem chôn giải lụa nơi triền núi.» [2]

Như vậy muốn tu theo Huỳnh Đình, người xưa cũng phải tốn nhiều tiền lắm. Thế là: không tiền âu cũng khó thành tiên. Có lẽ chính vì vậy mà nhiều đạo sĩ than vì nghèo, nên công phu tu luyện phải diên trì.

Quyển Huyền Diệu Cảnh 玄妙景 của Ly Trần Tử, Lý Xương Nhân, đã để cả một chương «Nội Ngoại Pháp, Tài, Lữ, Địa» 內外法財侶地 để nói lên cái tâm tư đó. Ta đọc thấy cổ nhân xưa nói: «Muốn cầu báu trên trời, phải mượn của thế gian ...» [3]

Cát tiên ông 葛仙翁 nói: «Ta được chân quyết từ 30 năm nay, chỉ vì không có tịnh thất và tiền của, nên khó liễu đạt được chí đạo.» [4]

Trương Tam Phong 張三丰 than:

Muốn cầu người ngoài giúp,

Chưa gặp được cao hiền,

Hoài bão thiên cơ mấy mươi niên ...

Lại tiếp:

Không tiền khó tu luyện,

Không dám nói cùng người.

Chỉ hận ta không tiền,

Ngày đêm tấu thượng thiên... [5]

Thượng Dương Tử 上 陽 子 nói:

Được quyết, không tiền, sự bất tuyền,

Pháp, tài gồm đủ để thành tiên. [6]

Người trì tụng Huỳnh đình phải trường chay, nghĩa là không được ăn:

– Thịt lục súc (bò, ngựa, dê, gà, lợn, chó),

– Cá tanh,

– Năm thứ rau cay: Như hành sống, tỏi, hẹ, kiệu, rau hồ tuy (1 loại rau thơm).

Ngoài ra phải tránh những gì mà người đời thường cho là uế tạp. Họ cẩn thận đến nỗi, mỗi khi đi vào những con đường nhơ bẩn về, thời chẳng những phải tắm rửa, lại còn phải đốt hương nơi phía tả mình để khu trừ uế khí, gọi đó là «dĩ Dương tiêu Âm» ...

Mỗi khi vào trai đường để tụng kinh, phải trai giới, khiết tịnh, phải đốt hương, phải mặc pháp phục ...

Khi đi vào trai đường, phải tưởng như có ngọc đồng, ngọc nữ phù ủng hai bên mình, phải mường tưởng như có vùng mây tía xuống bao quanh mình, và lan tỏa khắp phòng. Phải hướng về phía Bắc, tấu bái đức Cao Thượng, Vạn Chân, Ngọc Thần Thái Đạo Quân, phải hướng về phía Đông, kính vái đức Phù Tang Thái Đế Dương Cốc Thần Vương ... Phải quay về hướng Đông mà trì tụng kinh này. Đọc lên một cách trầm hùng, ngâm nga nho nhỏ, không được đọc nhầm lẫn. Nếu nhầm lẫn phải đọc lại ba mươi chữ kinh trước khúc đó.

Khi đau yếu, nếu không cầm được quyển kinh mà đọc, thời đọc thuộc lòng. Nếu không đọc được toàn kinh, thì đọc các đoạn kinh nói về tên các thần mà thôi. Có người trì tụng kinh này mỗi ngày hàng chục lần.[7]

Cả ở đầu hai quyển Huỳnh Đình kinh mà tôi có, đều có ghi rõ nghi lễ trì tụng Huỳnh Đình. Bài kinh ở nơi mỗi quyển mỗi khác. Nhưng tất cả đều nói lên lòng chí thành, chí kính. Và đại khái đều là mường tưởng như là mình đang trì tụng kinh này trước mặt chư thần ... Nơi chương Huỳnh Đình Nội Cảnh khoa nghi trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh kinh tường chú của Tử Hà có bài kinh: Chí tâm qui mệnh lễ: «Tiên thiên khí hóa, Thái Thượng Lão quân» mà sau này Cao Đài đã sửa qua lại để làm kinh nhật tụng.

Chính vì vậy, mà Vụ Thành Tử cho rằng tụng kinh này cốt là để: hoà thần chiêu linh 和 神 招 靈. Và nhiều đạo sĩ đã dùng kinh này như là một phương tiện để hộ thân.

Quyên tử 涓 子 nói: «Linh Nguyên là thần của tì. Dài 4 tấc, ngồi trên tì, như con trẻ, mặc áo vàng. Ngồi nơi trung vị, của Minh đường Lão quân. Nếu trong mình có bệnh tật, hay khi ăn uống không được tiêu hóa như ý, chỉviệc tồn tưởng đến phục sắc của Trung bộ Lão quân, phảng phất như đang ngự nơi Tì, kêu tên thần Tì ba lần, xong, nuốt tân dịch bảy lần. Vạn bệnh sẽ qua khỏi.» [8]

Nơi đây tôi không ghi chép lại chính bản các kinh hoặc chi tiết các nghi lễ để trì tụng kinh này. Riêng tôi, tôi thấy tất cả những chuyện đó chỉ có một giá trị văn học, lịch sử. Nếu mình có lòng thành khẩn thực sự, thành kính thực sự, sẽ lập tức cảm ứng tới thần linh.

CHÚ THÍCH

[1] Vụ Thành Tử 務 成 子 chú, Huỳnh Đình Kinh 黃 庭 經, tr. 2b.

[2] Vụ Thành Tử 務 成 子 chú, Huỳnh Đình Kinh 黃 庭 經, tr. 4b.

[3] Chương này của Huyền Diệu Cảnh 玄 妙 景 bàn về Pháp, tài, lữ, địa. Pháp 法 là bí quyết chân thuyên,

mà cũng có thể là nhà cửa, và các đồ vật dụng trong nhà; Tài 財 là tiền nong; Lữ 侶 là bè bạn cùng tu; Địa 地 là môi trường, là cơ sở thuận tiện để tu trì. Thiếu một điều kiện cũng khó tu luyện. Cổ nhân vân: Dục cầu thiên thượng bảo, tu tá thế nhân tài. 古 人 云: 欲 求 天 上 寶, 須 借 世 人 財.

[4] Cát tiên ông vân: Ngô dĩ đắc quyết tam thập niên lai, thán vô tài, nan liễu chí đạo. 葛 仙 翁 云: 吾 已 得 訣 三 十 年 來, 嘆 無 財, 難 了 至 道...

[5] Trương Tam Phong vân: Dục phỏng ngoại hộ, vị ngộ cao hiền, Bả thiên cơ hoài bão sổ thập niên. Hựu viết: Vô tiền nan tu luyện, bất cảm đối nhân ngôn. Hận chỉ hận ngã vô tiền, Trú dạ cáo Thương Thiên... 張 三 丰 云: 欲 訪 外 護, 未 遇 道 高 賢, 把 天 機 懷 抱 數 十 年. 又 曰: 無 錢 難 修 鍊, 不 敢 對 人 言. 恨 只 恨 我 無 錢, 晝 夜 告 蒼 天...

[6] Thượng Dương Tử viết: Đắc quyết vô tiền sự bất tuyền, Pháp tài lưỡng túc, tiện thành tiên. 上 陽 子 曰: 得 訣 無 錢 事 不 全, 法 財 兩 足, 便 成 仙.

[7] Vụ Thành Tử 務 成 子 chú, Huỳnh Đình Kinh 黃 庭 經, tr. 2b, 3a, 3b.

[8] Vụ Thành Tử 務 成 子 chú, Huỳnh Đình Kinh 黃 庭 經, tr. 3a.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

PHẦN I - KHẢO LUẬN

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

CHƯƠNG 6

Ít nhiều nhận định về kinh Huỳnh Đình

A. Người xưa nhận định về kinh Huỳnh Đình
- Huỳnh Đình và Đạo Đức kinh bổ túc lẫn nhau.
- Huỳnh Đình dạy về sở cư của thần Chân Nhất.

B. Những nhận định của riêng tôi về kinh Huỳnh Đình
1. Huỳnh Đình có nhiều bản văn khác nhau.
2. Huỳnh Đình là một kinh khó hiểu.
3. Huỳnh Đình chủ trương Tính mệnh song tu.
4. Những khám phá của Huỳnh Đình về các xoang não.
5. Huỳnh Đình kinh coi con người là toàn thể vũ trụ.
6. Đọc Huỳnh Đình và các kinh đạo Lão cần thấu triệt chủ trương: Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui nhất thể
7. Huỳnh Đình kinh dạy phép quán tưởng thần linh, tồn thần linh, hô thần linh, cầu thần linh
8. Huỳnh Đình dạy cầu thần khi đau ốm.
9. Huỳnh Đình là Thái Cực là Cốc Thần ở Nê Hoàn cung.
10. Huỳnh Đình kinh bàn nhiều về ngũ tạng và đởm.

A. Người xưa nhận định về kinh Huỳnh Đình

Trước khi trình bày nhận định riêng tư của tôi về Huỳnh Đình, tôi thu nhập ít nhiều nhận định của người xưa về Huỳnh Đình.

Sách Đạo Học từ điển 道 學 辭 典 xếp hạng các kinh đạo Lão như sau:

– Đại Đỗng Ngọc Kinh 大 洞 玉 經 dạy siêu phàm nhập thánh.

– Xướng Đạo Chân Ngôn 唱 道 真 言 dạy luyện tâm.

– Tham Đồng Khế 參 同 契, Ngộ Chân Thiên 悟 真 篇, Thanh Hoa 青 華 và Huỳnh Đình kinh 黃 庭 經 dạy phép tu mệnh. (Mà tu mệnh, liễu mệnh như đạo Lão thường hiểu, bao quát tất cả những phương thuật, giúp con người khỏe mạnh tăng thêm tuổi thọ.)

– Tam Hoàng Nội Văn 三 皇 內文 cốt để độ người. [1]

Huỳnh Đình kinh của Tử Hà nơi phần phụ lục cuối sách nhận định: Huỳnh Đình thường bàn về hữu vi (Khiếu). Đạo Đức kinh thường bàn về vô vi (Diệu). [2]

Tuy nhiên cả hai quyển Huỳnh Đình của Tử Hà và của Vụ Thành Tử ở nhiều trang khác chủ trương rằng Huỳnh Đình thực ra giúp cho con người có được một lối sống toàn diện, viên mãn.

Huỳnh Đình kinh chẳng những dạy điều hòa ngũ tạng lục phủ 調 和 五 臟 六 腑, lại còn khiến cho hồn sướng 魂 暢, phách an 魄 安.[3] Chẳng những làm cho con người đẹp ra, trẻ lại, lại còn có thể giúp con người nhìn thấy quỉ thần. Tóm lại giúp ta: Toàn vẹn được hình hài, tập hợp chư thần, giúp cho ta có khí chính 氣 正, tâm thanh 心 清.[4]

Nhưng thực ra, Huỳnh Đình còn dạy con người một điều rất vi diệu, đó là chỉ cho con người biết đâu là tòa ngôi của Thần Chân Nhất 真 一 神, dạy con người biết đường, biết phép qui hướng về Nhất. Vì đây là

điều cao quí nhất của Huỳnh Đình, bí ẩn nhất của Huỳnh Đình, nên tôi muốn sao lục lại các đoạn kinh văn, hoặc bình giải, hoặc phụ chú, để làm nổi bật lên Chí Đạo 至 道.

Trong bài tựa Huỳnh Đình kinh của Vụ Thành Tử có lời rất lạ lùng sau: «Bạn có tướng tiên, gặp được sách này của ta. Trong sách này đã mô tả sở cư của chư thần trong thân hình con người và nơi cư ngụ của thai thần 胎 神.»

Vụ Thành Tử giải: «Chư thần trong con người kể làm sao xiết. Nhưng thấy được nơi cư ngụ của chư thần, cũng là cùng đạt được điều bí mật vậy. Thai thần 胎 神 tức là Minh đường Tam lão 明 堂 三 老. Cũng gọi là Thai linh đại thần 胎 靈 大 神. Đó chính là căn bản của Huỳnh Đình vậy.» [5]

Rồi đọc Ngoại Cảnh thấy đây đó có những lời chú giải rời rạc. Nhưng nếu đem lắp tất cả lại sẽ được một sự chỉ dẫn hết sức là mạch lạc về Chân Nhất Thần 真 一 神.

Câu trên cho ta ba yếu tố:

– Minh đường tức là khoảng giữa hai làn mi, nơi trán.

– Thai thần là Minh đường Tam Lão, tức là Thần ngự nơi Minh Đường.

– Huỳnh Đình chi bổn, đó là gốc gác, căn cơ, đó là điều căn bản chính yếu của Huỳnh Đình.

Nơi quyển Ngoại Cảnh, khi bình giải câu: «Tâm hiểu căn cơ, dưỡng hoa thái.» 心 曉 根 基 養 華 采 (chương 14), Lương Khưu Tử giải: «Căn cơ chỉ người biết giữ được nhất; Dưỡng hoa thái nói về mặt mũi sáng láng, người có quang hoa.» [6]

Nơi chương 1 của Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Lương Khưu Tử chú, ta thấy bàn về họ tên và sắc phục cùng nơi sở cư của Nhất.

Nhất hay là Xích Tử hay là Chân Nhân, tên là Tử Đan, ở Minh Đường.

Huỳnh Đình ở trong đầu gồm ba cung Minh Đường, Đông Phòng, Đan Điền. Ba nơi đó đều gọi là Thượng Nguyên. Đó là Nhất vậy ... Cho nên người biết Nhất, là biết Nhất ở tại Minh Đường vậy.[7]

Nơi cuối kinh Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, Lương Khưu tử dành cả một trang để bàn về Nhất. Lại dùng tài liệu của Cát Hồng Bão Phác Tử mà cho biết tính, tử, phục sắc của Nhất. Phục sắc của Nhất được ghi là Xích y (Áo đỏ). [8]

Thứ đến ông bàn về bí quyết Thủ Nhất 守 一 của Trang Tử và Bão Phác Tử. Trang Tử thì nói: «Ngã thủ kỳ nhất, nhi xử kỳ Hòa.» 我 守 其 一 而 處 其 和. Bão Phác tử thì nói: «Nhân năng thủ Nhất vạn sự tất.» 人 能 知一 萬 事 畢. Tiên Kinh thì nói: «Tử dục trường sinh, thủ Nhất đương minh... Thủ Nhất tồn chân, nãi năng thông Thần, v.v.» 子 欲 長 生 守 一 當 明 ... 守 一 , 存 真 乃 通 神.

Cuối cùng viện dẫn lời Cao Tử 高 子 mà cho rằng: «Muốn thu thập toàn bộ tinh thần, chỉ có một nơi duy nhất. Đó là tĩnh tọa đem toàn bộ tinh thần về nơi giữa hai làn mi.» [9]

Và lập luận của Nội Cảnh và Ngoại Cảnh chung qui vẫn là: Muốn trường sinh phải Đắc Nhất 得 一,[10] bè bạn với Nhất.[11]

Nghiên cứu hai chữ Tử Đan 子 丹,[12] ta thấy:

– Tử 子 là liễu Nhất 了 一.

– Đan 丹 là Âm Dương hợp nhất 陰 陽 合 一, Thần Khí hợp nhất 神 氣 合 一.

Thần Tử Đan ngự nơi Tâm, mà Tâm màu đỏ nên nói mặc xích y 赤 衣. Nhưng theo kinh Dịch, thì Tâm 心 (Nê Hoàn 泥 丸, Minh Đường 明 堂) cũng là Trung điểm, nên cũng có màu vàng, vì thế đôi khi thấy nói: Thần Tử Đan mặc hoàng thường 黃 裳 (váy vàng), hay thần Tử Đan cho ăn cỗ màu vàng.[13]

Có vậy ta mới hiểu được những lời lẽ bí ẩn nơi chương 17 và chương 35. Chương 17 viết:

Linh đài uất ái vọng Hoàng dã,

靈 臺 鬱 藹 望 黃 野

Tam thốn dị thất hữu thượng hạ.

三 寸 異 室 有 上 下

Gian quan doanh vệ cao huyền thụ,

間 關 營 衛 高 玄 受

Động phòng tử cực linh môn hộ,

洞 房 紫 極 靈 門 戶

Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả.

是 昔 太 上 告 我 者

Tả thần công tử phát thần ngữ,

左 神 公 子 發 神 語

Hữu hữu Bạch Nguyên tính lập xứ.

右 有 白 元 併 立 處

Linh đường, Kim quĩ, Ngọc phòng gian.

明 堂 金 匱 玉 房 間

Thượng Thanh chân nhân đương ngô tiền,

上 清 真 人 當 吾 前

Hoàng thường Tử Đan, khí tần phiền

黃 裳 子 丹 氣 頻 煩

Tá vấn hà tại lưỡng mi đoan.

借 問 何 在 兩 眉 端

Nội hiệp nhật nguyệt liệt tú trần

內 俠 日 月 列 宿 陳

Thất diệu Cửu nguyên quán Sinh môn...

七 曜 九 元 冠 生 門

Tạm dịch:

Linh đài chơi vơi vọng Huỳnh dã,

Nê Hoàn cung thất phân thượng hạ.

Doanh vệ u huyền oai phong giữ,

Động phòng, Tử cực có cửa linh,

Nơi xưa Thái Thượng dạy ta đó.

Tả thần công tử phát thần ngữ,

Hữu thần Bạch Nguyên cùng đứng chỗ.

Minh đường, Kim quĩ, Động phòng gian,

Thượng Thanh chân nhân tại mục tiền,

Hoàng thường Tử Đan, khí cương kiên

Dám hỏi đầu này sao đứng đó

Trong gồm nhật nguyệt với tinh quang,

Thất diệu, Cửu nguyên chiếu Sinh môn...

Nơi chương 35, ta thấy viết:

Đạm nhiên vô vị Thiên nhân lương,

淡 然 無 味 天 人 糧

Tử Đan tiến soạn, hào chính hoàng.

子 丹 進 饌 肴 正 黃

Tạm dịch:

Lượng của trời, người nhạt vô vị,

Tử Đan mời ăn, cỗ màu vàng...

Tất cả đều cho thấy: Muốn tìm Chân Nhất, phải tìm nơi lưỡng mi gian. Vào sâu ba tấc thấu Nê Hoàn...

Trong sách Huyền Diệu Cảnh 玄 妙 景 của Ly Trần Tử 離 塵 子 Lý Xương Nhân 李 昌 仁 (q. trung, tr.47) có hình vẽ Diện bích đồ 面 壁 圖 và thấy vẽ một hình người nơi giữa trán điểm một vòng với hai chữ Nê Hoàn 泥 丸.

Trong quyển Tính Mệnh Pháp Quyết Minh Chỉ 性 命 法 訣 明 指 của Triệu Tị Trần 趙 避 塵, đầu trang 27 có hình vẽ: giữa hai làn mi định là Tổ Khiếu 祖 竅. Nơi hình Phổ chiếu đồ 普 照 圖 trong Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 (q. Nguyên, tr.7b), ta thấy giữa trán có một vòng lớn bao quát cả hai chữ Tính Mệnh 性 命. Trên có bài thơ:

Tam tuế chi khiếu,	三 歲 之竅
Khiếu trung hữu diệu.	竅 中 有妙
Diệu khiếu tề quan,	妙 竅 齊觀
Thị vị phổ chiếu:	是 謂 普照

Tạm dịch:

Ba tuổi ấy khiếu,

Trong khiếu có Diệu,

Diệu khiếu thấy đều,

Thế là phổ chiếu...

Trong quyển Tu Thiền Định của Pháp sư Giác Nhiên nơi trang 58 viết: «Tập trung tư tưởng: Tư tưởng con người là một luồng điện mạnh nhứt, làm việc gì mà được thành công đều do tập trung tư tưởng lại (gọi là gom thần, trụ tâm), không cho thần lực tán loạn; cũng chẳng hay dòm ngó, nói làm thường thường gom kết tư tưởng lại, an tâm trụ thần ngay giữa chính giữa hai chơn mày (gọi là mắt giữa) chỗ ấn đường hay minh đường là Cửa sáng... vì ở nơi đây có cục hạch mà người Nhật gọi là Tổng Thủy Truyền, là nơi phát sinh trí huệ...» [14]

Tất cả những luận cứ trên, cho thấy rằng người xưa chẳng những cho rằng Huỳnh Đình dạy Tính mệnh song tu, nhưng thực ra cũng dạy cho ta phương pháp Liễu Nhất, Đắc Nhất. Và xin kết thúc nhận định của người xưa về Huỳnh Đình bằng câu: «Tử dục đắc Nhất vấn lưỡng đồng.» 子 欲 得 一 問 兩 瞳 (Nếu Bạn muốn được Nhất, hỏi đồng tử mắt.)[15]

Và bằng lời của Vụ Thành Tử: «Kinh này lấy Vô vi làm chủ, nên dùng hai chữ Huỳnh Đình làm tiêu đề.» [16]

B. Những nhận định của riêng tôi về Huỳnh Đình

1. Vấn đề dị bản của Huỳnh Đình kinh

Huỳnh Đình kinh vì truyền từ lâu đời, nên mỗi bản mỗi khác. Trong bài Huỳnh Đình dẫn 黃 庭 引, Tử Hà cũng đã viết:

«Trên trời bay xuống hai nguyên quân,
Đan Hà, Thanh Hà đều Thiên quân,
Truyền cho Nam Nhạc, Tử Hư nói:
Cõi thế Huỳnh đình nhiều văn sái.
Tiên sư trên trời xuống nhân gian,
Bản kín truyền cho phải chép lại.» [17]

Riêng hai bản Huỳnh Đình Nội Cảnh mà tôi có (một của Tử Hà chú, một của Vụ Thành Tử chú) so ra cũng thấy có nhiều chữ khác nhau. Thành thử mỗi khi gặp chữ khác nhau, tôi ghi chú lời kinh của cả hai bản để đối chiếu.

2. Huỳnh Đình kinh viết rất khó hiểu.

Khó hiểu vì từ ngữ khó hiểu, văn mạch khó hiểu, ý tứ khó hiểu. Nên nhiều khi phải dựa vào lời bình mới tìm ra được manh mối ý nghĩa. Những phải cái, cũng một câu, mà lời bình mỗi sách lại một khác, có khi lại mâu thuẫn nhau, thế thì còn biết làm sao mà tìm cho ra chính ý.

Đối với người có căn cơ cao, thì sự khó hiểu đó sẽ thúc đẩy suy tư và tìm hiểu, nhân đó hiểu thêm mãi ra. Còn người có căn cơ thấp, đọc không hiểu, hay hiểu sai hiểu quấy, thành thử nhiều khi ích không thấy lại thấy hại, hoặc ít là không thấy được hứng thú khi đọc kinh này...

Tôi thiết nghĩa rằng muốn hiểu rõ kinh này, phải có hai loại chìa khóa:

– Một loại chìa thông thường, là làm sao hiểu được hai chữ Tính Mệnh của Đạo lão, nhân đó hiểu được nhẽ Tính Mệnh song tu, có vậy sẽ hiểu Huỳnh Đình.

– Một loại chìa khóa đặc biệt là làm sao hiểu được tầm quan trọng của Nê Hoàn cung, nơi sở cư của Thượng thần trời đất trong con người.

Chính vì vậy mà nơi đây tôi sẽ cố trao lại cho độc giả hai loại chìa khóa ấy.

3. Thế nào là Tính Mệnh và Tính Mệnh song tu?

Tử Hà chân nhân khi giải Huỳnh Đình Nội Cảnh, thường thiên về tu Tính 修 性, nên thường lấy vô vi, lấy các từ ngữ luyện đan mà giải Huỳnh Đình, nên làm cho Huỳnh Đình càng thêm khó hiểu.

Trái lại, Vụ Thành Tử khi giải Huỳnh Đình thì lại bao quát cả hai phương diện Tính Mệnh song tu 性 命 雙 修, nên khi cần giải thấp, thì giải thấp, khi cần giải cao thì giải cao, từ hữu vi đến vô vi, từ hữu tướng đến vô tướng, không có gì là vướng mắc.

Tôi cũng theo đường lối của Vụ Thành Tử, và nhờ đó, bình giải Huỳnh Đình, dựa trên một căn bản vững chãi, và cũng hiểu rõ thêm được lẽ Tính Mệnh song tu của đạo Lão.

Nhiều đạo giáo, nhiều nhà tu hành cho rằng tu thân là tu tâm, luyện tính, nên khinh khi thân xác, coi xác thân thù địch, hành hạ xác thân đánh đập xác thân, nhiều khi ở dơ, ăn dơ, và cho đó là tinh tiến... Chính vì thế mà có nhiều thánh nhân các đạo giáo khác có khi đau ốm bệnh hoạn suốt đời.

Đạo Lão tuyệt đối không có chủ trương ấy. Trái lại chủ trương phải giữ gìn xác thân cho thanh khiết, mạnh khỏe, tập luyện cho khí lực dồi dào, cố thủ kiên trì cho tinh huyết được đầy đủ, cốt là làm sao cho mình sống lâu, sống vui, sống khỏe. Tất cả những cái đó gọi là tu Mệnh 修 命. Rồi ra mới luyện Thần, tập trung tinh thần, vô vi, định tĩnh. Tất cả những cái đó gọi là tu Tính 修 性.

Cái gì thuộc về Tiên thiên, vô vi thì gọi là Tính 性. Cái gì thuộc về Hậu thiên, hữu vi, hữu tướng thì gọi là Mệnh 命. Nơi con người, thì Thần là Tiên thiên, là Tính. Còn hồn xác khí phách, đều là Hậu thiên, là Mệnh.

Sách Đạo Học từ điển (tr. 139) cũng viết: «Tính là Tiên thiên, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm... Hồn là Hậu thiên, hữu sinh hữu diệt, hữu cấu hữu tịnh, hữu tăng hữu giảm...» [18]

Tính là Thần, là cái gì hết sức khinh thanh, nên dĩ nhiên là phải ở nơi cao nhất trong người, chính vì thế mà đạo Lão cho rằng Tính căn 性 根 ở đỉnh đầu, ở Nê Hoàn, ở Càn đỉnh 乾 鼎.

Mệnh thuộc phần hình hài nên dĩ nhiên là phải ở chỗ chứa thấp trong người. Chính vì thế mà đạo Lão cho rằng Mệnh 命 蒂 ở nơi xoang bụng phía sau rốn. Đó là Khôn lô 坤 爐 .

Giữa hai cực Càn Khôn đó là phần khí lưu chuyển tuần hoàn. Ta trình bày lại con người, theo đường hướng trên, bằng đồ bản sau:

<table>
<tr><td>TÍNH
性</td><td>Thần
神</td><td>Thái Cực
太 極</td><td>Tiên thiên nhất khí
先 天 一 氣</td><td>Chân 真, vô vi 無為, vô dục 無 欲, bất sinh 不 生, bất tử 不 死.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">MỆNH

命</td><td>hồn phách
魂 魄</td><td>Âm dương
陰 陽</td><td>Khí 氣 (khí hô hấp và khí tiềm tàng trong châu thân)</td><td rowspan="2">Vọng 妄, hữu vi 有為, hữu tướng 有相, sinh diệt 生 滅, sinh tử luân hồi 生 死 輪 回</td></tr>
<tr><td>Lục phủ ngũ tạng
六 腑 五 臟</td><td>Ngũ hành
五 行</td><td>Tinh hoa ngũ cốc
五 谷, ngũ vị 五 味</td></tr>
</table>

Nhìn vào bản đồ này, ta sẽ thấy ngay rằng các phương pháp dưỡng sinh như ẩm thực, phương dược, án ma, đạo dẫn, các phương pháp yết tân dịch, thổ nạp, v.v. hoặc vận khí điều tức, đều thuộc phần hình khí, có thể làm cho con người sống lâu thêm ít nhiều kỷ, mạnh khỏe, tươi trẻ, linh sảng, chứ không thể làm cho con người đắc Nhất, đắc Đạo được.

Thế mới gọi là liễu Mệnh 了 命, và công phu tu luyện mới được có nửa phần, còn nửa phần nữa chính là liễu Tính 了 性, chính là ngưng thần nhập định, kết hợp với Thái Hư Vô Cực, trở nên đồng nhất cùng Bản thể huyền linh của vũ trụ, an nghỉ trong Thượng đế (tức là Hưu hồ Thiên quân 休 乎 天 鈞 theo lời Trang Tử trong Nam Hoa kinh, chương Tề vật luận). Đó là một điều hoàn toàn khác biệt với các công phu tu luyện để điều hòa, di dưỡng xác thân nói trên, mặc dầu hai đàng có liên lạc mật thiết với nhau.

Tu Tính mới thực sự là phép luyện tiên đan tối thượng của Lão giáo. Nó tương ứng với Chánh pháp nhãn tàng 正 法 眼 藏 của Phật giáo, với vi chỉ của khoa Huyền học các đạo giáo Âu châu: Sống kết hợp với Thượng Đế. Cho nên tu mệnh là siêu phàm, còn tu tính mới là nhập thánh.

Chính vì vậy mà người xưa cho rằng cần phải phân biệt thấp cao. Nuốt tân dịch, thổ nạp, hô hấp bất quá là cho thân xác khỏe mạnh, chứ làm sao mà thành thánh, thành tiên cho được? Đó chính là ý nghĩa những câu:

– Yết tân, nạp khí thị nhân hành; hữu dược phương năng Tạo hóa sinh. 咽 津 納 氣 是 人 行 ; 有 藥 方 能 造 化 生 (Yết tân, nạp khí ấy nhân hành; có «thuốc» mới mong Tạo hóa sinh.) [19]

– Nhiêu quân thổ nạp kinh thiên tải; tranh đắc kim ô, nặc thố nhi. 饒 君 吐 納 經 千 載 ; 爭 得 金 烏 搦 兔 兒 (Dẫu anh thổ nạp nghìn năm suốt; cũng chẳng làm sao được tiên đan.) [20]

Dẫu sao thì đạo Lão cũng chủ trương tính mệnh song tu. Cổ tiên nói: «Tu tính tiên tu mệnh; phương nhập tu hành kính 修 性 先 修 命 ;方 入 修 行 徑 (Muốn tu tính, trước phải tu mệnh; thế mới vào đường tu chân chính.) [21]

Trong quyển Tiên Học Từ Điển (tr. 10) có bài ca của Xao Hào 敲 爻 như sau:

Mệnh phải truyền,
Tính phải ngộ,
Siêu phàm nhập thánh, do mình cả.
Chỉ tu tính, không tu mệnh,
Đó là tu hành đệ nhất bệnh,
Chỉ tu tổ tính, chẳng tu đơn,
Vạn kiếp âm linh, khó thành thánh [22]
Đạt mệnh tông, mê tổ tính,
Khác nào soi gương không bửu kính,
Thọ cùng trời đất, một ngu phu,
Tuy được gia cơ, dùng chẳng biết.
Tính mệnh song tu, huyền hựu huyền,
Sóng thần, đáy biển đẩy pháp thuyền,
Giao long vùng vẫy, tay không bắt,
Mới hay tay thợ chẳng hư truyền. [23]

Tính mệnh song tu đại khái là như vậy.

Còn như nói Tính Mệnh song tu chính là chìa khóa giúp ta mở cửa Huỳnh Đình, thì tôi đã chứng minh nơi chương Nội dung chính yếu của Huỳnh Đình: Nhờ hiểu thế nào là Tính Mệnh song tu, tôi đã phơi bày, toát lược lại được nội dung Huỳnh Đình từ thấp đến cao.

4. Huỳnh Đình kinh có từ hơn 1600 năm nay, mà đã bàn được về các xoang não, về Nê Hoàn cung thật là một điều kỳ lạ.

Kỳ lạ hơn nữa, là các nhà bác học, y học ngày nay, tuyệt nhiên không hề đả động đến não thất ba với những ý nghĩa huyền học của nó. Riêng tôi, tôi cho rằng phải hiểu đại khái về óc não, và ý nghĩa, nhiệm vụ của các tầng óc não, ta mới có thể tu luyện dễ dàng hơn.

Sau nhiều năm để tâm suy cứu về vấn đề, lại tham bác đông tây, y khoa, triết học, đạo giáo đông tây, tôi đã đi đến những nhận định sau:

1. Nơi tâm điểm Não thất ba: Hư vô 虛 無, Thần 神, Tiên thiên chi khí 先 天 之 氣, Thiên tâm 天 心, Thiên tính 天 性. (Nơi đó thực là hư linh).

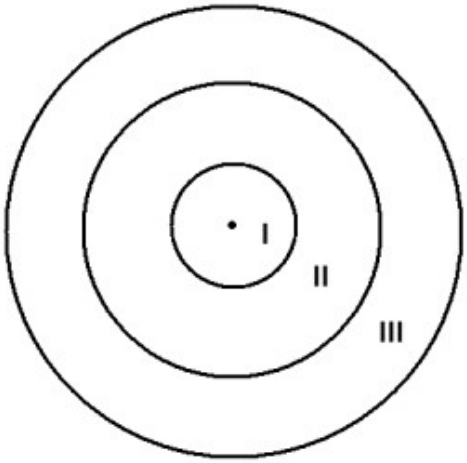
2. Não thất ba, và các xoang não: Hồn 魂. Nê Hoàn cung 泥 丸 宮, Thiên cốc 天 谷, Tổ khiếu 祖 竅, Huyền quan khiếu 玄 關 竅. (Trong các xoang não này có Khí 氣. Mà hồn là khí. Đây cũng là Nhân tâm 人 心, là Linh Đài 靈 臺, Linh Sơn 靈 山 của đạo Lão, trong quyển Tiên Học Từ Điển nơi chữ Tâm Tính có câu Tâm bao tính ngoại 心 包 性 外 [Tâm bao ngoài tính], nên tìm ra Tính sẽ tìm ra Tâm.)

3. Thể Lam (Thalamus), hay Động phòng 洞 房, hay Thị tầng 視 層 - Thể Hạ Lam (Hypothalamus) hay Hạ thị tầng 下 視 層 - Não đế 腦 蒂 (Brainstem, hay Myélencéphale). (Xét về cơ cấu, thì là Tinh 精. Xét về quan năng, chức vụ, thì gọi là Phách 魄. Có sách đạo Lão chủ trương Phách chủ cảm xúc (émotions), mà theo khoa học hiện đại thì nơi đây chủ trì các cảm giác. Xét về hoạt động, thì đây cũng có liên quan đến Ý 意, vì chuyên tâm chú ý, là nhiệm vụ nơi đây.) Như vậy, ta thấy vị trí của Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý đều nằm trong não bộ.

4. Vỏ não (cortex cérébral): Trí lự 智 慮, ý thức 意 識 (raisonnement et idées).

Đồ bản dưới đây cho thấy: Tinh, Hồn, Phách, Ý vây quanh một Thần. Có vậy thì Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý mới dễ qui trung, đoàn tụ... [24]

SƠ ĐỒ ÓC NÃO



I . Nê Hoàn cung (Não thất ba) (Thần, Hồn)
II. Thể Lam (Thalamus) =- Động Phòng (Tinh, Phách, Ý)
- Thể Hạ Lam (Hypothalamus) - Diencéphale (Tinh, Phách, Ý)
- Não đế (Mésencéphale và myélencéphale) (Tinh, Phách, Ý)
III. Cortex cerébral: Vỏ não (Télencéphale) (Niệm lự).

Tại sao nói được rằng hiểu biết về óc não là chìa khóa giúp ta hiểu vi ý của đạo Lão, của Huỳnh Đình?

Bởi vì có minh định được đâu là Linh Đài, đâu là tâm khảm, đâu là Kiền đỉnh, đâu là Tổ khiếu, thì mới có thể thu thần định trí, mới hiểu thế nào là Tạo hóa qui trung chi diệu.

Huỳnh Đình kinh cho rằng não là Côn Lôn. Não ở trên và tượng Trời. Nên nói bổ thiên là bổ não. Chính vì vậy mới nói Tử dục bất tử tu Côn Lôn.[25]

Tung Ẩn Tử trong quyển Huỳnh Đình Ngoại Cảnh do ông giải, đã gọi Huỳnh Đình kinh là Thân Học 身

學.[26]

Có học biết về cơ thể, về thân thể con người, rồi ra mới biết rành đường quán tâm đắc đạo.

Nguyễn Đình Chiểu cũng nhận định rằng muốn tu tiên, muốn tìm đến chốn Đan Kỳ, thời trước hết phải đi qua cửa ải xác thân, mà Cụ gọi là ải Nhân xu. Cụ viết trong quyển Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật như sau:

Ngư rằng: Nhắm chốn Đan kỳ,
Éo le khúc nẻo, đường đi chẳng gần,
Nhiều non, nhiều núi nhiều rừng.
Nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chừng động hang,
Chút công khó nhọc chẳng màng,
Chỉn lo góc hiểm mối đàng Nhân xu.
Tiều rằng: Ta dốc tầm phương,
Xin phân cho rõ cái đường Nhân xu.
Ngư rằng: Một ải Nhân xu,
Lấy da bao thịt làm bầu hồ lô.
Trổ thông chín ngách ra vô,
Mươi hai kinh lạc chia đồ dọc ngang,
Ngoài thời sáu phủ Dương quan,
Trong thời năm tạng xây bàn âm đô.
Hai bên tả hữu vách tô,
Có non Nguyên khí, có hồ huyết quan,
Có nơi Hồn Phách ở an,
Có nơi Thần chủ sửa sang việc mình.
Rước đưa có đám Thất tình,
Có vườn Ngũ vị nuôi mình tốt tươi...[27]

Huỳnh Đình kinh như vậy có một chủ trương hết sức rõ rệt. Đó là: Muốn tìm Đạo, tìm Trời, phải tìm trong thân, trong tâm. Và hai chữ Huỳnh Đình làm ta liên tưởng đến cuốn sách nổi tiếng của thánh Thérese d'Avila: Le Château intérieur (Lâu đài bên trong).

Bà viết: «Tôi đã coi tâm hồn chúng ta như một tòa lâu đài, thành bởi một khối kim cương hay thủy tinh trong vắt. Cũng như trên trời có nhiều nơi ở, lâu đài ấy cũng có nhiều phòng: phòng thì ở trên, phòng thì ở dưới, phòng thì ở bên, rốt cuộc ở trung tâm lâu đài, có một phòng chính, ở đó thường diễn biến ra các điều bí ẩn giữa Trời và Người. Các bạn cũng đã biết rằng thân cây cọ có nhiều lớp, bao quanh và che chở lớp tâm cây, ngon ngọt nhất. Cũng y thức thế, giữa lâu đài, có nơi sở cư của Vua, còn chung quanh là các phòng ốc khác.» [28]

Môn phái Tam Điểm cũng cho rằng đền thờ Jérusalem là hình ảnh con người. Đền thờ có hai cửa âm dương là Jachin và Boaz (Jachin: cửa Nam hay cửa Hữu. Boaz: cửa Bắc hay cửa Tả). Ở nơi con người thì hai cửa Âm Dương chính là không gian và thời gian. Tạo hóa đã dựng hai cột ấy trong não chất con người,và đã đặt chính nơi biên cương giữa tinh thần và vật chất.[29]

Còn Trung Cung thời là nơi hàm tàng Chân lý. Vào tới đó con người sẽ trở thành toàn mãn, thành chân nhân và sẽ biết rõ đường hướng phương cách tìm Thượng đế. Những bậc thang đưa tới Trung cung đó thời quanh co khúc khuỷu... [30]

5. Coi con người là toàn thể vũ trụ, gồm đủ các tầng trời, gồm đủ muôn vì tinh tú, gồm đủ chúng thần là một quan niệm khá độc đáo của Huỳnh Đình.

Nhưng thực ra các nhà huyền học đông tây xưa nay cũng đã chủ trương tương tự như vậy. Vivekananda chẳng hạn đã viết: «Mỗi một người chứa trong mình toàn thể vũ trụ.» [31]

Câu «Thử nhân hà khứ nhập Nê Hoàn» 此 人 何去 入 泥 丸 chương 19 Huỳnh Đình Nội Cảnh làm ta liên tưởng đến câu sau đây của Vivekananda: «Từ đó, thần Civa nhập vào óc tôi, và Ngài nhất định không muốn ra nữa.» [32]

Chủ trương Thượng đế ngự tại trung tâm đầu não con người cũng chính là của Áo Nghĩa thư, Bà La Môn giáo. Chandogya Upanishad viết:

Kìa xem trong chốn thiên đường,
Có cung nho nhỏ, nhỏ dường Liên hoa,
Bên trong là một tiểu tòa,
Trong tòa ai đó, tìm ra mới tình.
... Tuy là một khoảng tâm linh,
Nhưng mà trời đất trong mình gồm thâu,
Gồm thâu gió lửa tinh cầu,
Hai vầng nhật nguyệt, cũng đâu có ngoài,
Gồm thâu muôn sự trên đời,
Gồm thâu ngàn vạn khúc nhôi sự tình... [33]

Katha Upanishad viết:

Chân tâm chủ tể muôn loài,
Thể thời duy nhất, hình thời ngàn muôn,
Biết ngài ngự giữa tâm hồn,
Mới mong hạnh phúc trường tồn vô chung.
Biết ngài bất biến thung dung,
Lồng trong trời đất lao lung chuyển vần,
Biết Ngài thần giữa chúng thần,
Biết Ngài duy nhất giữa quần sinh ban.
Bao niềm mơ ước chứa chan,
Biết Ngài phân phát cho toàn sinh linh,
Biết Ngài ngự giữa lòng mình,
Mới mong hạnh phúc siêu sinh trường tồn... [34]

Gần đây, trong quyển Thông điệp tình yêu nhân hậu gởi cho các tâm hồn nhỏ, tức là Nhật ký của Margarita (người Bỉ) mà Chúa Giê su nhận mình là tác giả, ta thấy có câu sau: «Nếu người ta không có

cảm giác như một giác quan thứ sáu về sự hiện diện của Cha trong họ cho dầu cảm giác đôi khi mờ ảo, thì Cha cho con hay, không ai có thể nên thánh được. Đối với một số đông người, than ôi, giác quan thứ sáu ấy bị bóp nghẹt bởi nết xấu dưới mọi hình thức.» [35]

Đọc Huỳnh Đình ta thấy phát ra một niềm tin sắt đanh rằng con người nhờ công phu tu luyện có thể trở thành thần linh. Quan niệm này thực ra không phải là dị đoan mê tín. Gần đây Vivekananda viết: «Không có giáo lý nào khác ngoài niềm tin rằng khả năng trở thành thần linh đã được ghi tạc vào trong con người, và con người có khả năng tiến hóa vô tận...» [36]

6. Đọc Huỳnh Đình kinh, và các kinh của đạo Lão cần phải thấu triệt chủ trương: Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui nhất thể. 一 體 變萬 殊 , 萬 殊 歸 一 體

Khi đã nắm được chốt then ấy, thì dẫu Huỳnh Đình kinh và các nhà bình giải có nói:

Nhất khí sinh tam khí, vạn khí,

Nhất thần sinh bá thần, vạn thần,

Nhất Thiên sinh Tam thiên, cửu thiên,

Nhất Lão sinh Tam Lão, vạn Lão.

Nhất Thể sinh Tam thể, vạn thể.

Người tu đạo cũng không vì thế mà lạc lõng bối rối, bởi vì họ chỉ việc thu nhiếp tất cả lại thành Một mà thôi:

Vạn thiên, tam thiên trở lại thành Nhất Thiên.

Vạn thần thu nhiếp lại còn độc Thần.

Tam Lão trở về cùng Nhất Lão.

Tam đan thu nhiếp lại còn Nhất đan.

Chính vì vậy mà Tử Hà khi bình chương nhất, Nội Cảnh đã có viết: «Người tu đạo, ở nơi trung tâm điểm, hợp Tam Đan thành Nhất Đan. Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.» [37]

Theo từ ngữ Huyền học Âu Châu, thì ta có thể nói như sau: «Thượng đế là bản thể mọi thể xác và mọi tâm hồn như lời Saint Hilaire.»[38]

Hay nói: «Thượng đế là Khuôn thiêng duy nhất muôn loài muôn vật» như lời Robert Grosse Tête.[39]

Chủ trương Nhập Nê Hoàn là thăng thiên cũng đã được các nhà huyền học Âu Châu diễn tả như sau: «Trời ở trong mỗi người chúng ta chứ không ở bên ngoài.» [40]

Albert le Grand cũng viết: «Lên cùng Thượng đế là đi vào tâm hồn. Ai vào được tới tâm khảm mình, sẽ siêu thoát, và đạt tới Thượng đế ...» [41]

Bà thánh Thérèse d'Avila nói cách khác: «Thực đó là một ân sủng lớn mà Thượng đế ban, khi ngài giúp ta tìm Ngài trong ta.» [42]

Tử Hà chân nhân bình về Huỳnh Đình như sau: «Huỳnh là màu của Trung ương. Đình là Trung điểm của bốn phương. Luyện đan tại đó. Kết đan tại đó. Hoàn đan tại đó. Dưỡng thần tại đó. Một Thần chính vị nơi trung điểm. Vạn thần triều củng thành vòng quanh. Đó là gồm đủ hết thể và dụng Huỳnh Đình.» [43]

Tôi góp ý thêm: Trung ương, trung điểm ấy là tại trung tâm óc não, tại Nê Hoàn cung, tại Thiên cốc. «Một Thần chính vị cư Thiên cốc, vạn thần triều củng thành vòng quanh.» Và tôi tin chắc rằng tư tưởng trên của tôi ăn khớp với tư tưởng của các vị đạo gia chân chính xưa nay.

Hoàng Nguyên Cát nói: «Đầu người ta có chín cung, trong đó có một nơi gọi là Thiên cốc, thanh tĩnh không bụi bậm. Nếu có thể an thần ở trong, hào ly không cho rong ruổi ra ngoài, sẽ thành Chân, chứng thánh ... Huỳnh Đình kinh nói: Tử dục bất tử tu Côn Lôn. Đủ biết rằng trì thủ được thiên cốc ấy, là điều huyền diệu vô cùng vậy.» [44]

Doãn chân nhân 尹 真 人 nói: «Thiên cốc Nguyên Thần, giữ được là Chân ...» [45]

Khưu Xử Cơ 邱 處 機 có thơ:

Cửu thị Côn Lôn, thủ Chân Nhất,

久 視 崑 崙 守 真 一

Thủ đắc Ma-ni viên hựu xích.

守 得 摩 尼 圓 又 赤

Thanh hư hạo khoáng Đà la môn,

清 虛 浩 曠 陀 羅 門

Vạn Phật thiên tiên tòng thử xuất.[46]

萬 佛 千 仙 從 此 出

Triệu Thai Đỉnh 趙 台 鼎 cho rằng: «Côn lôn là óc não. Bổ thiên là Bổ não.» [47]

Doãn Chân Nhân cho rằng: «Hỗn bá linh ư Thiên cốc. Lý ngũ khí ư Nê Hoàn.» 混 百 靈 於 天 谷 . 理 五 氣 於 泥 丸.[48]

Nói thế tức là chấp nhận Nê Hoàn là nơi hội tụ mọi tinh hoa.

7. Huỳnh Đình kinh chuyên dạy phép QUÁN TƯỞNG THẦN LINH, TỒN THẦN LINH, HÔ THẦN LINH, CẦU THẦN LINH.

Thế nào là Quán tưởng thần linh? Đó là luôn luôn mường tưởng trong thân mình có chư vị thần linh ở.

Về phương pháp quán tưởng thần linh này, đầu sách Huỳnh Đình Nội Cảnh của Vụ Thành Tử có ghi rõ. Xin toát lược đại khái như sau:

Thanh Hư chân nhân nói rằng: «Phàm tu Huỳnh đình nội cảnh kinh, thời nên y theo phép Điền thần hỗn hóa 塡 神 混 化 của Đế quân. Sau khi đã đọc kinh và Lễ xong, thời ngồi ngay ngắn hướng về phương Đông, nhắm mắt lại tưởng chừng như thấy hình sắc, kích thước các vị thần trong mình, kêu tính danh các vị thần đó, và đặt để vào mỗi cung tương ứng. Nếu không tu theo phép này thì dẫu tụng kinh Huỳnh Đình vạn lần, cũng không gìn giữ được Chân thần, và cũng không cảm ứng được cùng thần linh, như vậy chỉ tổ làm hao tổn khí lực, bì quyện tinh thần, không ích lợi gì cho công trình tu dưỡng cả...

Sau đó Vụ Thành Tử liệt kê tính danh, sắc phục, kích thước 13 vị thần chính trong người.

Trong 13 vị thần đó, đã có 7 vị ở trên đầu mặt, còn 6 vị ở tạng phủ, 7 vị thần ở đầu mặt:

1. Thần tóc tên Thương Hoa 蒼 華, tự Thái Nguyên 太 元, hình dài 2 tấc 1 phân.

2. Thần óc tên Tinh Căn 精 根, tự Nê Hoàn 泥 丸, hình dài 1 tấc, 1 phân.

3. Thần mắt tên Minh Thượng 明 上, tự Anh Huyền 英 玄, hình dài 3 tấc.

4. Thần mũi tên Ngọc Lũng 玉 龍, tự Linh Kiên 靈 堅, hình dài 2 tấc 5 phân.

5. Thần tai tên Không Nhàn 空 閑, tự U Điền 幽 田, hình dài 2 tấc 1 phân.

6. Thần lưỡi tên Thông Mệnh 通 命, tự Chính Luân 正 綸, hình dài 7 tấc.

7. Thần răng tên Ngạc Phong 崿 峰, tự La Thiên 羅 千, hình dài 1 tấc 5 phân.

Các thần đầu mặt đều mặc áo tía, quần là, đều có hình như trẻ nít. Hãy để tâm tư mường tượng và an vị vào chính phương vị.

Các thần tạng phủ:

1. Thần tim tên Đan Nguyên 丹 元, tự Thủ Linh 守 靈, hình dài 9 tấc, mặc áo gấm đỏ, quần là.

2. Thần phổi tên Hạo Hoa 皓 華, tự Hư Thành 虛 成, hình dài 8 tấc, mặc áo gấm trắng thắt lưng vàng.

3. Thần gan tên Long Yên 龍 煙, tự Hàm Minh 含 明, hình dài 6 tấc, mặc áo gấm xanh, mặc váy.

4. Thần thận tên Huyền Minh 玄 冥, tự Dục Anh 育 嬰, hình dài 3 tấc 6 phân, mặc áo gấm xanh.

5. Thần tì tên Thường Tại 常 在, tự Hồn Đình 魂 停, hình dài 7 tấc 3 phân, mặc áo gấm vàng.

6. Thần đởm tên Long Diệu 龍 曜, tự Uy Minh 威 明, hình dài 3 tấc 6 phân, mặc áo gấm 9 màu, quần hoa màu lục.

Sáu vị lục phủ chân nhân 六 腑 真 人 kể trên ở nơi ngũ tạng, lục phủ hình dáng như anh nhi, sắc như hoa đồng 華 童 (trẻ nhỏ đẹp).

Nơi đây tôi bỏ đi những chi tiết về lễ nghi quán thần, và bài kinh. Xin tham khảo thêm Huỳnh Đình Nội Cảnh, Vụ Thành tử, các trang 5a, 5b.

Phép quán tưởng thần linh của Đạo Lão, cũng giống như phép quán tưởng về chúa Giêsu và các sự thương khó Ngài của Công giáo, hay phép niệm Phật quán, niệm Kim thân quán của Thiền Tông.

Có nhiều người cho rằng quán tưởng như vậy là còn ở trình độ thấp. Phải vô niệm, vô trước, vô sắc tướng mới là cao.

Aldous Huxley phê bình phép quán tưởng hình sắc ấy như sau: «Quán tưởng về những nhân vật và những đặc tính của họ, đòi hỏi phải dùng nhiều suy luận và tưởng tượng. Nhưng thực ra suy tư, phân tách và tưởng tượng chính là những trở ngại ngăn chận không cho tâm hồn đạt tới viên giác. Đó là một điều mà các nhà huyền học Đông, Tây đều nhất trí. Cho nên người đạo sĩ, thay vì quán tưởng vào thần linh vô ngã, lại quán tưởng vào thần linh hữu ngã nào đó với những đức tính của các ngài, sẽ tạo ra những chướng ngại không cho họ tiến tới được sự hợp nhất cao siêu hơn.» [49]

Kinh Kim Cương cũng viết:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,	若 以 色 見 我
Dĩ âm thanh cầu ngã,	以 音 聲 求 我
Thị nhân hành tà đạo	是 人 行 邪 道
Bất năng kiến Như Lai.	不 能 見 如 來

Dịch:

Nếu mà lấy sắc xem ta,

Thanh âm cầu ngã đều là tà môn,

Thế là đi lạc nẻo đường,

Làm sao mong thấy tỏ tường Như Lai.

Dĩ nhiên nếu đi được đến vô tướng, thì đã đạt tới cứu cánh... Nhưng đối với đại đa số, thì phải đi từ sắc tướng, mới tới được vô tướng, phải đi từ hữu vi, mới lên được tới vô vi, phải đi từ ảo thân mới lên được tới Chân thần, thế tức là theo quan niệm «Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền» 貴 以 賤 為 本 高 以

下 為 基 (Quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ) của Đạo Đức kinh (chương 39).

Nếu tâm niệm được như thế, thì phép quán tưởng thần minh của Huỳnh Đình không có gì là dị đoan sai trái. Huỳnh Đình kinh viết: «Thần tiên cửu thị vô tai hại.» 神 仙 久視 無 災 害 (chương 9).

Huỳnh Đình kinh và các nhà bình giải Huỳnh Đình chỉ dạy quán tưởng thần minh, nhưng không dạy phép quán tưởng thần minh thế nào cho hữu hiệu nhất.

Nhân đọc phép niệm Phật quán, và phép niệm Kim thân quán của Thiền Tông trong quyển Pháp môn tọa thiền của pháp sư Giác Nhiên, thấy có giải thích tại sao lại niệm Phật, tại sao lại quán tưởng kim thân Phật, lời lẽ rất xác đáng, xin sao lục ra đây để bổ sung phép quán tưởng thần minh của Huỳnh Đình.

Giác Nhiên viết: «Niệm tưởng đến danh hiệu của các vị Phật hay các vị Bồ tát là cốt để định trụ vọng tâm, lìa xa loạn tưởng mà cũng là ý nghĩa trau tâm của hành giả. Khi niệm tưởng đến A Di Đà là cần trau dồi đức tánh của mình trở nên vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng cam lộ vương như lai, bình đẳng tánh, niệm không tranh, vô tranh niệm.» (tr. 136) [...] «Vậy khi hành giả quán tưởng đến Phật, thì phải tự xét nơi mình coi lời nói việc làm và tâm niệm của mình có toàn chân, toàn thiện hay không? Vì quán tưởng đến Phật là quán tưởng đến ta, bởi ta là Phật, Phật chính là ta, tại sao ta không được như Phật? Tại sao Phật không giống như ta? Nếu một khi ta tham thiền quán sát như thế, để trau dồi hạnh đức, và luyện tập bản năng của mình đến chỗ toàn chân chí thiện, ấy cũng là vi yếu của đạo.» (tr. 138)

Viên Đốn Tử 圓 頓 子, trong quyển Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa, còn cho rằng Huỳnh Đình kinh dạy phép tồn thần. Ông viện dẫn, mấy câu sau đây của Huỳnh Đình kinh:

– Trú dạ tồn chi khả trường sinh. 晝 夜 存 之 可 長 生 (Nội Cảnh, ch. 8)

– Năng tồn Huyền Minh vạn sự tất. 能 存 玄 冥 萬 事 畢 (Nội Cảnh, ch. 25)

Và giải tồn thần 存 神 như sau: «Tồn thần là không còn suy tưởng gì, bất quá là đem thần quang ngưng tụ lại một điểm nào, không nhất định là phải tồn thần vào một điểm nào trong thân, mà cũng có thể tồn thần, ngưng thần vào một điểm ngoài thân.» [50]

Như vậy, Tồn thần 存 神 đồng nghĩa với Ngưng thần 凝 神, Tụ thần 聚 神, Định thần 定 神, v.v.

Người tu đạo mà biết luôn luôn tu thần, tồn thần, không cho thần linh trong con người mình tản mạn, phá tán đi, là đã lên tới một mức độ cao siêu vậy.

Ta có thể nói: Quán tưởng tức là méditation. Tồn thần tức là concentration. Mà tồn thần dĩ nhiên là cao hơn quán tưởng.

Tôi nhận định như sau về tồn thần và quán tưởng:

Xưa nay có hai con đường lên tới siêu việt: Một là con đường viên giác; Hai là con đường sùng kính.

Con đường viên giác (tức chủ trương Nhất quán hay Chân Nhất chi đạo) đại khái chủ trương rằng: Trong mình có bản thể tuyệt đối.

Con người viên giác hay giác ngộ trực giác thấy bản thể tuyệt đối, thông đạt và thể nhập tức khắc với bản thể tuyệt đối. Âu Châu dùng những danh từ Illumination, Gnose để chỉ Viên giác. Ấn độ gọi thế là Nhất nguyên (Advaita). Gaudapada và Sankara là những người chủ xướng thuyết này.

Người theo con đường sùng tín, thấy Trời, Phật, Thần, Chúa ngự trong lòng mình, nên đem hết tâm thần để kính mến Trời, Phật, Thần, Chúa; mong kết hợp với Trời, Phật, Thần, Chúa, cũng vẫn cảm thấy có Chúa, có Tôi, nghĩa là trong cái đồng vẫn có cái dị.

Ấn Độ gọi đó là con đường sùng tín hay Bhakti, Ramanoudja chủ xướng thuyết này mà ông gọi là

Vishishtadvaita. Công giáo gọi thế là con đường Huyền nhiệm, và các thánh hiền Công giáo thường theo con đường này ...

Huỳnh Đình kinh theo con đường này. Nhưng Huỳnh Đình kinh có một điểm khác là thay vì đặt vấn đề:

Chúa / Tôi

Phật / Tôi

Thần / Tôi

Trời / Tôi

thì lại đi từ Tôi tới Đa thần, rồi dần dần mới đến Tôi và Thượng thần. Thế là từ đa thần qui về Nhất thần, từ Tam điệp, Tam đan qui về Nhất đan, Nhất Thần, Nhất Tâm, đem tinh hoa tứ chi bá hài, tam hoa ngũ khí, chư thần qui tụ về một điểm Trung Hoàng nơi Nê Hoàn cung tại tâm điểm đầu não con người.

Có nắm vững được chủ trương Thủ Trung Bão Nhất 守 中 抱 一 của đạo Lão thì mới có thể theo con đường Huỳnh Đình đã vạch ra mà vẫn tinh tiến đến cùng cực được. Nếu không biết lẽ Nhất nguyên, không biết lẽ Vạn thù nhi nhất bổn thì mãi mãi cũng sẽ chỉ luẩn quẩn trong vòng hình danh, sắc tướng, đa nguyên bác tạp mà thôi.

Chính vì vậy mà người muốn tu theo Huỳnh Đình phải tâm niệm lời chỉ dẫn của Tử Hà chân nhân:

Nhất thần chính vị cư trung lập,

一 神 正 位 居 中 立

Chư thần triều củng nhi hoàn trần.

諸 神 朝 拱 而 環 陳

Huỳnh Đình chi thể dụng bị hĩ. [51]

黃 庭 之 體 用 備 矣

(Một thần ngự giữa nơi tâm điểm,

Chư thần chầu quanh thành vòng tròn.

Đó là thể dụng của Huỳnh đình.)

Như vậy ta thấy rõ: Đa thần là cái dụng 用 của Huỳnh Đình; Nhất thần là cái thể 體của Huỳnh Đình.

Người tu cần phải đi từ cái dụng trở về cái thể, từ Đa Thần đến Nhất Thần, từ đa tạp đến Nhất nguyên, Nhất Đạo. Có như vậy ta sẽ phanh phui ra được cái mà người xưa gọi là:

– Chân nhất chi đạo 真 一 之 道 (Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi, tr. 9b, chương Kiền Khôn giao cấu, khứ khoáng lưu kim 乾 坤 交 媾 去 礦 留 金).

– Vô danh chi cổ giáo 無 名 之 古 教 (Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Nguyên, tr. 6a, chương Tà chính thuyết 邪 正 說).

Tóm lại quán tưởng thần minh, cũng như tồn thần có mục đích tối hậu là kết hợp nhất như 一 如 với: (1) Đạo; (2) Trời; (3) Thái thượng Lão quân (theo danh từ Lão giáo).

8. Huỳnh Đình còn cho rằng trong khi đau yếu, hoặc thập tử nhất sinh, nếu đã quen tồn thần, quán tưởng, thì cũng có thể hô thần, cầu thần, chữa bệnh hoặc cứu mạng.

Ví dụ, Huỳnh Đình kinh Nội Cảnh viết:

– Suyễn tức, hô hấp thân bất khoái, 喘息呼吸身不快
Cấp tồn Bạch Nguyên hòa lục khí. (ch. 9) [52] 急存白元和六氣

(Mỗi khi suyễn tức, thân không khoái,
Tồn thần Bạch Nguyên điều lục khí.)

– Lâm tuyệt hô chi diệc đăng tô, 臨絕呼之亦登蘇
Cửu cửu hành chi phi Thái Hà. (ch. 10) 久久行之飛太霞

(Gần chết hô tên liền sống lại,
Niệm thần mãi vậy lên Thái Hà) [53]

- Thùy tuyệt niệm thần tử phục sinh, 垂絕念神死復生
Nhiếp hồn hoàn phách vĩnh vô khuynh. (ch.11) 攝魂還魄永無傾

(Gần chết niệm thần lại phục sinh,
Nhiếp hồn hoàn phách hết đảo khuynh.) [54]

– Bách bệnh thiên tai đương cấp tồn. (ch.12) 百病千災當急存

(Bách bệnh thiên tai cầu ngay tới.) [55]

Quan điểm trên của Huỳnh Đình làm ta liên tưởng đến các phép chữa bệnh bằng đức tin của các giáo phái hiện đại như: Christian Science ở Mỹ; Espirittista Christiana ở Phi Luật Tân; hoặc tới phép chữa bệnh bằng cách niệm A Di Đà Phật song song với việc vận khí điều tức của thiền tông.[56]

Bước vào lãnh vực này chúng ta thấy nhiều điều kỳ ảo, khó mà cắt nghĩa rạch ròi được.

Ví dụ gần đây bên Phi Luật Tân có những người thuộc môn phái Espirittista Christiana, như Terte, Blanche, hoặc không thuộc môn phái nào như Tony Agpaoa, chuyên dùng tay không để mổ xẻ, và chữa bệnh. Các vị thần y ấy - chúng ta hãy tạm dùng danh từ đó - chữa được rất nhiều bệnh, họ cho rằng họ chữa được bệnh là nhờ thần quyền, thần lực.

Sự kiện này đã làm chấn động năm châu, và nhiều bệnh nhân từ khắp các nước trong thế giới kéo đến Phi xin chữa bệnh. Có nhiều phái đoàn quan sát của Mỹ, gồm nhiều nhà khoa học, thần linh học, v.v. đã sang quan sát sự kiện, quay phim, chụp ảnh tại chỗ. Ông Harold Sherman sau khi đã sang Phi khảo sát sự kiện, cùng với một phái đoàn gồm có những nhân vật lỗi lạc trong các giới đạo gia, khoa học, y học Mỹ Nhật, lúc về đã viết một quyển sách hơn 300 trang phúc trình tỉ mỉ về những sự kiện lạ lùng trên.

Bản phúc trình xác nhận:

– Các thần y đã mổ xẻ trong nhiều năm nay cho rất nhiều người, toàn bằng tay không, không dùng dao kéo.

– Bệnh nhân khi mổ xẻ vẫn tỉnh táo không đau ốm.

– Không hề dùng phương pháp khử trùng, mà bệnh nhân vẫn như thường.

– Mổ xong, buông tay ra là da thịt bụng lại liền như cũ.

– Các thần y đó đã chữa khỏi rất nhiều bệnh.

– Đã có những bác sĩ và nhà khoa học gia Mỹ đến thụ giáo với các thần y này và phụ tá họ trực tiếp trong vòng vài tháng, và thú nhận đó là những chuyện có thực, chứ không phải là ma thuật hay thôi miên hay lừa bịp.

– Đã chụp và quay phim được rất nhiều trường hợp mổ xẻ, mà theo dõi được bằng phim ảnh tất cả các diễn tiến của các cuộc mổ xẻ.

– Các thần y, khi được phỏng vấn, đều quả quyết rằng sở dĩ mình chữa được bệnh, là nhờ thần thánh phụ thể...[57]

Về phương pháp trị bệnh của Thiền tông, ta thấy ghi: «Trong khi cơ thể bất hòa, nhức mình, nặng đầu, nghẹt mũi, nóng lạnh ... no hơi, ăn không tiêu v.v... Khi ấy hành giả ngồi ngay thẳng, bắt đầu thở mạnh như vầy: NAM, MÔ, A hít vô từ sống mũi xuống chấn thủy và chạy thẳng xuống đơn điền (dưới rún 5 phân) vừa đầy hơi rán thở vô cho thẳng bụng dưới. Kế bắt đầu từ từ thở ra niệm: DI, ĐÀ, PHẬT, (từ đơn điền lên tới chấn thủy lên luôn sống mũi) thở ra cuối hơi, hóp bụng vô cho thật sát, cứ mãi thở và niệm Phật đến liên tiếp như vậy từ một trăm đến hai, ba, bốn, năm trăm hơi tùy theo sức của hành giả. Khi nào thấy hơi mệt, và ấm áp cả thân mình thì cứ để tự nhiên cho hơi thở điều hòa lấy.» (Muốn cho có phần kết quả trong phương pháp này, thì mỗi lần thở từ 300 hơi sắp lên mới thấy ứng nghiệm.) [58]

Những chứng cớ trên cho ta thấy rằng phép hô thần, cầu thần để chữa bệnh cho mình, chẳng có gì là mê tín, với điều kiện tiên quyết là trước khi muốn thực hành chữa bệnh, phải hun đúc niềm tin cho vững mạnh trong vòng một thời gian lâu lai, ít là năm năm.

Bác sĩ Decker hỏi thần y Terte, người Phi Luật Tân, làm sao có thể có thần lực để chữa bệnh. Ông Terte trả lời: «Có thể mất từ 3 đến 5 năm. Trong khi đó ông chỉ việc đọc mỗi đêm Phúc Âm Gioan chương 15, 16, và 17.»

Ông Decker kể thêm: «Trước đây đêm nào tôi cũng đọc thánh vịnh David thứ 119. Nhưng 3 tới 5 năm thì quá lâu, tôi không chờ được...» [59]

Và như vậy sự khỏi bệnh nơi mình, nơi người có thể cắt nghĩa bằng một trong những lý do sau:

– Thần linh trực tiếp phụ thể để chữa bệnh.

– Lòng tin mãnh liệt có thể chữa lành bệnh.

– Sức mạnh của ý chí có thể chữa lành bệnh.

– Sau nhiều năm tháng tồn thần, tụ thần, thần lực trong người gia tăng, do đó có thể vận dụng thần lực đó để chữa bệnh.

– Tự kỷ ám thị có thể chữa lành bệnh.

– Mình đã xử dụng được huyền năng, huyền lực sẵn có trong trời đất để chữa bệnh.

– Vận khí điều tức để gây lại thể quân bình trong người nên có thể chữa lành bệnh.

– Sau khi tu luyện nhiều năm nhiều tháng, sau khi đã đi được vào những tầng sâu con người, lúc ấy có thể sử dụng được nguồn huyền lực sẵn có trong con người để lành bệnh.

Điều mà tôi muốn nhấn mạnh nơi đây là: Định tĩnh lâu ngày, thần lực sẽ tăng. Thần lực tăng, các khả năng nơi con người đều tăng, và như vậy người đạo sĩ như đã có được chiếc nhẫn thần, có thể sử dụng được các nguồn huyền lực trong trời đất. Vấn đề chữa bệnh chỉ là một trong những hậu quả là người tu luyện lâu năm có thể gặt hái được.[60]

9. Trên đây, tôi đã bàn nhiều đâu là Huỳnh Đình trong con người, và dùng đủ mọi chứng lý đạo học, Dịch học, y học để đi đến kết luận rằng: Huỳnh Đình là Thái cực, là Cốc thần, mà Thái cực hay Cốc thần thì ở ngay nơi tâm điểm đầu não con người.

Điều đó thực ra cũng rất chính thống, và các sách đạo Lão cũng nhiều nơi công nhận như vậy.

Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 viết: «Ngô thân trung chi Huỳnh Đình, Thái cực lập yên.» 吾 身 中之 黃 庭 太 極 立 焉 (q. Hanh, tr. 12b)

Sách Kim Đan Đại Thành 金 丹 大 成 (tr. 4) viết: «Đầu hữu cửu cung, trung hữu Nê hoàn.» 頭 有 九宮 中 有 泥 丸.

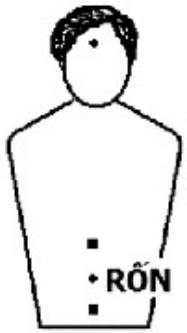
Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨 viết: «Đầu hữu cửu cung, trung hữu Cốc thần.» 頭 有 九 宮 中 有 谷 神 (q. Hanh, tr. 21b)

Tiên Học Diệu Tuyển 仙 學 妙 選 (tr. 131) viết: «Ngũ khí câu triều ư Thượng điền, tam hoa giai tụ ư Càn đỉnh.» 五 氣 俱 朝 於 上 田 , 三 華 皆 聚 於 乾 頂.

Nhưng mặt khác, khi đọc các lời bình Huỳnh Đình kinh và đọc nhiều sách đạo Lão khác, thì thấy xưa nay có rất nhiều người chủ trương Huỳnh Đình ở nơi khoảng gần rốn, nơi Chấn Thủy ...

Ta lập sơ đồ dưới đây để toát lược lại quan niệm thông thường của các đạo gia về Tam thiên, Tam cung, Tam Lão, Tam đan như sau:

TAM THANH	TAM CẢNH	TAM QUÂN		TAM CUNG	TAM ĐAN
Ngọc Thanh	Thánh cảnh	Nguyên thủy Thiên bảo quân		Nê hoàn	Thượng đan
Thượng thanh	Chơn cảnh	Ngọc thần Linh bảo quân		Giáng cung (Huỳnh đình)	Trung đan
Thái thanh	Tiên cảnh	Đạo đức thần bảo quân		Đan điền	Hạ đan



Người khẳng định mạnh nhất rằng trong khoảng giữa bụng là Huỳnh Đình có lẽ là tác giả vô danh của quyển Dưỡng Sinh Bí Lục 養 生 祕 錄.

Ta thấy ghi: «Trung hoàng là chốt then của khoa luyện đan. Nó là nơi tổng hội của 8 phương. Tức gọi là Trung cung, Huỳnh Đình, Huyền tẫn, Tiên thiên nhất khí hay Chỉ ư chí thiện. Lấy đốt giữa ngón tay giữa làm tắc chuẩn, thì từ rốn lên 3 tấc 6 phân, tính vào 1 tấc 3 phân là Huỳnh Đình vậy.» [61]

Quyển Tiên Học Chân Thuyên 仙 學 真銓 của Nguyên Đồng Tử 元 同 子 có ghi: «Tĩnh tâm nhìn vào nơi dưới tim, trên rốn khoảng một bàn tay tức Trung cung. Chỉ cần thanh tĩnh, để tóc xõa tự nhiên, chuyên nhất, trì cửu, sẽ trực thượng dữ thiên thông.» [62]

Có một điều kỳ lạ là thời trung cổ bên Âu Châu cũng có một môn phái tu luyện chuyên nhìn rốn, đồng thời niệm tên Chúa Giêsu, để cầu giải thoát.

Tu sĩ Barlaam tố cáo họ với giáo chủ Constantinople như sau: «... Họ nhịn thở thật lâu và luôn mồm tụng niệm: Lạy Chúa, xin thương xót tôi. Cằm họ gập xuống ngực, và mắt nhìn chăm chú vào rốn. Họ cho rằng bụng là nơi chứa hồn, và họ nhờ phương pháp này có thể xuất thần, thấy được nước trời trong thân xác họ, và thấy thân thể họ phát quang, y như chúa Jésus khi Ngài ở trên núi Thabor.» [63]

Barlaam gọi họ là những tu sĩ nhìn rốn (Ombilicaires). Các nhà khảo cứu đạo giáo gọi họ là Hésychastes (tĩnh tu). Dân chúng gọi họ là Người có Hồn nơi rốn (Omphalopsychoi).[64]

Sở dĩ tôi ghi lại những sự kiện trên, là để cho chúng ta có cái nhìn trung thực về lịch sử đạo Lão, và cũng là vì trong quá khứ đã có nhiều người tin theo như vậy.

Riêng tôi, tôi dứt khoát chủ trương Nê Hoàn hay Cốc thần mới chính là Huỳnh Đình. Bụng chỉ đóng một vai trò thứ yếu, mặc dầu là chúng ta thường nói: Dĩ thực vi tiên ...

10. Huỳnh Đình kinh nói về ngũ tạng và đởm.

Bàn về Huỳnh Đình như vậy cũng đã khá nhiều. Chỉ cần ghi nhận thêm: Huỳnh Đình Nội Cảnh nói hơi nhiều về ngũ tạng và về đởm. Nội Cảnh chỉ có 36 chương mà 13 chương (8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 31, 32, 33, 34, 35) nói về ngũ tạng và đởm. Nói đi rồi lại nói lại. Có lẽ tác giả Ngoại Cảnh đã thấy điều này nên cắt xén một số chương này và đã toát lược lại cho ngắn hơn, gọn hơn.

Trên đây, tôi đã trình bày mọi khía cạnh của Huỳnh Đình, từ thấp đến cao, để quí vị tùy nghi từ cao xuống thấp, hoặc đi từ thấp lên cao. Bình dịch quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh này tôi chỉ muốn nói lên niềm tin của người xưa là:

– Trong con người, có thần trời đất ngự.

– Con người có thể trực tiếp được với thần minh bằng cách định thần quán tưởng.

– Con người nếu biết tu luyện, biết định thần, biết điều tức dẫn đạo, có thể có một đời sống khỏe mạnh, an lạc thư thái, và cuối cùng có thể trở thành thần minh, dữ Đạo hợp chân 與 道 合 真, dữ Thiên vi Nhất 與 天 為 一.

Ước mong độc giả nắm được những tư tưởng then chốt ấy, biết được đường hướng tu luyện là: phản thân nhi thành, tâm nội quán tâm mịch Bản tâm, và mục phiêu tu luyện là trở thành thần minh. Có nắm được những tư tưởng then chốt ấy mới sử dụng hữu hiệu Huỳnh Đình kinh, và biến Huỳnh Đình kinh thành phương tiện cho mình trở thành Chân nhân 真 人, Thiết hán 鐵 漢 ...[65]

CHÚ THÍCH

[1] Đạo Học từ điển 道 學 辭 典, nơi chữ Đạo thư 道 書, tr. 205: Đại Đỗng Ngọc Kinh dĩ hóa phàm. Xướng Đạo Chân Ngôn dĩ luyện tâm. Tham Đồng, Ngộ Chân, Thanh Hoa, Huỳnh Đình dĩ liễu mệnh. Tam Hoàng Nội Văn dĩ độ nhân. 大 洞 玉 經 以 化 凡. 唱 道 真 言 以 鍊 心. 參 同, 悟 真, 青 華, 黃 庭 以 了 命. 三 皇 內 文 以 度 人...

[2] Huỳnh Đình đa ngôn khiếu, Đạo Đức đa ngôn diệu. 黃 庭 多 言 竅, 道 德 多 言 妙.

[3] Độc chí vạn biến, tất năng động kiến quỉ thần, an thích thiên hồn, địa phách, điều hòa ngũ tạng lục phủ, sinh hoa sắc, phản anh hài, nãi bất tử chi đạo dã. 讀 至 萬 遍, 必 能 洞 見 鬼 神, 安 適 天 魂, 地 魄, 調 和 五 臟 六 腑, 生 華 色, 反 嬰 孩, 乃 不 死 之 道 也.

Xem phụ lục của Huỳnh Đình kinh, Tử Hà chú, tr. 10a... Thần thất minh chính, thai chân an ninh, linh dịch lưu thông, bách quan lãng thanh, trường vị hư doanh... 神 室 明 正, 胎 真 安 寧, 靈 液 流 通, 百 關 朗 清, 腸 胃 虛 盈...

Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 1b

Hình sung hồn tinh 形 充 魂 精 (tr. 1b)

Hình cố thần khiết. Nội triệt thân linh, ngoại giáng anh thánh. Ẩn chi đại động, ư thị nhi chí... 形 固 神 潔. 內 徹 身 靈, 外 降 英 聖. 隱 芝 大 洞, 於 是 而 至. (tr. 1b. 2a).

[4] Toàn hình tập thần, khí chính, tâm thanh. 全 形 集 神, 氣 正, 心 清. Xem phụ lục của Huỳnh Đình kinh, Tử Hà chú, tr. 9a.

Trừng chính thần khí. Thần khí chính tắc nội tà bất năng can. 澄 正 神 氣. 神 正 則 內 邪 不 能 干. (tr.1b, 9a)

[5] Tử hữu tiên tướng, đắc ngô thử thư. Thử văn la liệt nhất hình chi thần thất xứ, Thai thần chi sở tại nhĩ. 子有仙相, 得吾此書. 此文羅列一形之神室處, 胎神之所在耳. (Lời bình: Ư hình, trung chư thần, nãi bất đô tận, nhi mục kỳ thất trạch, diệc bị cùng, ủy mật hỹ. Thai thần tức Minh đường Tam Lão quân, sở vị Thai linh đại thần dã. Thử tối vi Huỳnh đình chi bổn.) 於形, 中諸神, 乃不都盡, 而目其室宅, 亦備窮, 委密矣. 胎神即明堂三老君, 所謂胎靈大神也. 此最為黃庭之本. Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 1b.

[6] Căn cơ giả, vị nhân tri thủ Nhất dã. Hoa thái giả, vị nhân diện mục nhuận trạch, thể hữu quang hoa dã... 根基者, 謂人知守一也. 華采者, 謂人面目潤澤, 體有光華也.

[7] Huỳnh Đình giả tại đầu trung, Minh đường, Động phòng, Đan điền, thử tam xứ thị dã... Lưỡng mi gian, khước nhập nhất thốn vi Minh đường, nhị thốn vi Động phòng, tam thốn vi Đan điền. Thử tam xứ vi Thượng Nguyên, Nhất dã... Xích tử hóa vi Chân nhân, tại Minh đường trung, tự Tử Đan. Cố tri Nhất giả, tại Minh đường nhất xứ dã. 黃庭者在頭中明堂, 洞房, 丹田, 此三處是也... 兩眉間, 卻入一寸為明堂, 二寸為洞房, 三寸為丹田. 此三處為上元, 一也... 赤子化為真人, 在明堂中, 字子丹. 故知一者, 在明堂一處也. Lương Khưu Tử chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 1a.

[8] Nhất hữu tính, tự, phục sắc... Tính tự, vị Tử Đan. Phục sắc, vị chu y dã... 一有姓, 字服色... 姓字, 謂子丹. 服色, 謂朱衣也... Trang Tử viết: Ngã thủ kỳ Nhất, nhi xử kỳ hòa... 莊子曰我守其一, 而處其和... Bão Phác tử viết: Dư văn chi sư vân: Nhân năng tri Nhất, vạn sự tất. 抱朴子曰: 予聞之師云: 人能知一, 萬事畢.

[9] Cố Tiên kinh viết: Tử dục trường sinh, thủ Nhất đương minh... Thủ Nhất, tồn chân, nãi năng thông Thần... Cao Tử Di Thư viết: Thu thập toàn phó tinh thần, chỉ tại nhất xứ. Vị tĩnh thời đương tụ toàn phó tinh thần ư lưỡng mi gian chi nhất xứ dã. 故仙經曰: 子欲長生, 守一當明... 守一, 存真, 乃通神... 高子遺書曰: 收拾全副精神, 只在一處. 謂靜坐時當聚全副精神於兩眉間之一處也. Lương Vụ Tử chú, Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 7a.

[10] Tử năng thủ Nhất, vạn sự tất... 子能守一, 萬事畢... Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 3b.

[11] Vạn thế thường tồn dữ Nhất vi hữu... 萬世常存與一為友... (1b. tr. 3b)

[12] Cũng có sách thay vì viết là Tử Đan 子丹 đã viết là Kiết Đan 子丹. Kiết 子 có nghĩa là «đơn chiếc» (Xem Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh Chú, Tung Ẩn Tử chú, tr. 12b).

[13] Huỳnh Đình Nội Cảnh, chương 17, 35.

[14] Pháp sư còn cho rằng chỗ ấy chính là Thiên nhãn, hay Huệ nhãn (con mắt thứ ba: troisième œil). Pháp sư cũng ghi nhận rằng trên các tượng Phật đều có một đốm giữa hai chân mày.

[15] Vụ Thành Tử 務成子 chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 3b, nơi lời bình câu: Thùy dữ chi đẩu, nhật, nguyệt 誰與之斗, 日, 月.

[16] Thử kinh dĩ Hư Vô vi chủ, cố dụng Huỳnh Đình tiêu chi nhĩ. 此經以虛無為主, 故用黃庭標之耳. Vụ Thành Tử 務成子 chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh 黃庭內景經, Tự 序, tr. 1a.

[17] Cửu tiêu phi hạ lưỡng Nguyên quân. Đan Hà, Thanh Hà giai Thiên nhân. Khẩu truyền Nam nhạc, Tử Hư vân: Thế thượng Huỳnh Đình đa ngộ văn. Thượng thanh tiên sứ hạ dao kinh. Bí bản truyền chi, tế thảo tầm... 九霄飛下兩元君. 丹霞, 青霞皆天人. 口傳南嶽, 紫虛云: 世上黃庭多誤文. 上清仙使下瑤京. 祕本傳之, 細討尋... Tử Hà chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 4b.

[18] Tính vi tiên thiên, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Hồn vi hậu thiên, hữu sinh hữu

diệt, hữu cấu hữu tịnh, hữu tăng hữu giảm. 性 為 先 天, 不 生 不 滅, 不 垢 不 淨, 不 增 不 減. 魂 為 後 天, 有 生 有 滅, 有 垢 有 淨, 有 增 有 減.

[19] Nuốt nước bọt để nuôi thân, hút thở khí trời để dưỡng hình làm sao đòi thành tiên thánh được. Muốn thành tiên, phải có được mầm tiên, giống tiên. Mà mầm tiên giống tiên ấy chính là Tiên thiên nhất khí, là thần linh nội tại. Câu trên trong Ngộ Chân Thiên, trích lại trong Huỳnh Đình Nội Cảnh của Tử Hà chú, tr. 6a.

[20] Như trên.

[21] Tiên Học Từ Điển, tr. 156.

[22] Tôi không đồng ý, vì có nhiều vị thánh công giáo đau ốm suốt đời.

[23] Xao Hào ca viết: Mệnh yếu truyền, Tính yếu ngộ. Nhập thánh siêu phàm do nhữ tố. Chỉ tu tính, bất tu mệnh, chỉ thị tu hành đệ nhất bệnh. Chỉ tu tổ tính, bất tu đan, vạn kiếp âm linh nan nhập thánh. Đạt mệnh tông, mê tổ tính; khắp tự giám dung vô bửu kính. Thọ đồng thiên địa nhất ngu phu. Quyền ốc gia tài, vô chủ bính. Tính mệnh song tu, huyền hựu huyền. Hải để hồng ba, giá pháp thuyền. Sinh cầm, hoạt tróc giao long thủ, Thủy tri tượng thủ bất hư truyền. 敲 爻 歌 曰: 命 要 傳, 性 要 悟. 入 聖 超 凡 由 汝 做. 只 修 性, 不 修 命, 只 是 修 行 第 一 病. 只 修 祖 性, 不 修 丹, 萬 劫 陰 靈 難 入 聖. 達 命 宗, 迷 祖 性; 恰 似 鑑 容 無 寶 鏡. 壽 同 天 地 一 愚 夫. 權 握 家 財, 無 主 柄. 性 命 雙 修, 玄 又 玄. 海 底 洪 波, 駕 法 船. 生 擒, 活 捉 蛟 龍 首, 始 知 匠 手 不 虛 傳.

[24] Nói cho đúng ra, thì Phách vẫn có thể là Khí nhưng không khinh thanh bằng hồn, hơn nữa Phách nhất định phải liên hệ chặt chẽ với xác hơn. Ta thấy nói: Hồn phách nhị khí chi linh 魂 魄 二 氣 之 靈 (Đạo Học Từ Điển, tr. 244), nhưng cũng thấy nói: Thác là thể phách, còn là tinh anh.

[25] Não vị Côn Lôn, cứ thượng tượng thiên. Bổ Thiên tức Huỳnh Đình kinh chi bổ não. Sở vị Tử dục bất tử tu Côn Lôn thị dã. 腦 謂 崑 崙, 居 上 象 天. 補 天 即 補 黃 庭 經 之 補 腦. 所 謂 子 欲 不 死 修 崑 崙是 也. Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 197, 198.

[26] Tung Ẩn Tử chú, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 15a.

[27] Nguyễn Đình Chiểu, Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật, tr. 97-98.

[28] J'ai considéré notre âme comme un château, fait d'un seul diamant ou d'un cristal très pur. Tout comme au ciel, il y a diverses demeures ce Château renferme plusieurs apparte-ments: les uns sont en haut, les autres en bas, d'autres dans les ailes, enfin au centre, au milieu de tous, se trouve le principal où se passent les choses les plus secrètes entre Dieu et l'âme.

Vous savez comment la tige du palmier est formée de plusieurs enveloppes qui entourent et protègent la partie savoureuse, le coeur proprement dit de l'arbre, de même, au centre du château, se trouve la demeure du Roi, et tout autour sont d'autres demeures...

Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 164.

[29] The one of these pillars he set at the entrance of the porch on the right hand, or South, and called it Jachin, and the other at the the left hand, or North and called it Boaz. (Mackey's revised Encyclopedia, volume 2, p. 778-779).

... In this respect, they are representative of Space and Time, which were cast by the Great Architect of the Universe in the clay ground of the brain and placed in the porchway of human consciousness, where they constitute the border between material and spiritual science. (Sđd., tr. 666)

[30] The Middle Chamber, the abiding place of Truth (Sñd., tr. 1109) until in the Middle Chamber of life - in

the full fruition of manhood - the reward is attained, and the purified and elevated intellect is invested with the reward in the direction, now to seek God and God's truth. (Sđd., tr. 1110)

[31] Un seul homme contient en lui l'univers tout entier.

La vie de Vivekananda, Tome 1, p. 92.

[32] Depuis Civa est entré dans mon cerveau et il n'en veut plus sortir... Sđd., q. I, tr. 160.

[33] Oh! now what is here in this city of Brahma (the body) is an abode a small lotus-flower (the heart). Within that is a small space. What is in that should be searched out, that assuredly, is what one should desire to understand ... As far, verily, as this world-space extends, so far extends the space within the heart. Within it indeed are contained both heaven and earth, both fire and wind, both sun and moon, lightenings and the stars, both what one possesses here and what one does not possess, everything here is contained within it.

Chandogya Upanishads, 8. I. I – 2.

[34] The Inner Soul of all things, the one controller,

Who makes his one form manifold.

The wise who perceive Him as standing on oneself,

They and no others, have eternal happiness,

His who is the Constant among the inconstant, the intelligent among intelligences,

The One among many, who grants desires,

The wise who perceive Him as standing on oneself,

They and no others, have eternal peace.

Katha 5. 14 và Prasna 6. 5 – Brith. 4. 4. I – 2.

[35] Margarita, Thông điệp tình yêu nhân hậu gởi cho các tâm hồn nhỏ, Saigon 73, tr. 177.

[36] Nul autre dogme que la divinité inscrite en l'homme et son pouvoir d'évolution indéfinie. Vie de Vivekananda, Sđd., q. I, tr. 47.

[37] Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 2b. Tu đạo giả, cư trung nhi lập, hợp tam đan vi Nhất Hư Vô. Dĩ vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm... 修 道 者, 居 中 而 立, 合 三 丹 為 一 虛 無. 以 無 所 住 而 生 其 心...

[38] Il est manifeste que Dieu est la substance de tous les corps et de toutes les âmes. (Saint Hilaire). – Illan De Casa Fuerte, La Réligion essentielle, tr. 87.

[39] Dieu seul est la forme première et unique de toutes choses. (Sđd., tr. 126)

[40] Le Ciel est au dedans et non au dehors de chacun. (Emmanuel Svedenborg, Sđd., tr. 184).

[41] Monter vers Dieu, c'est entrer en soi même. Celui qui entre en lui même et pénètre au fond de son âme se dépasse et atteint vraiment Dieu. La Réligion essentielle, tr. 130.

[42] C'est une grande grâce que Dieu nous fait quand il nous aide à le chercher dans notre intérieur. (Sđd., tr. 167).

[43] Huỳnh giả trung ương chi sắc. Đình giả tứ phương chi trung. Luyện đan tại thử. Kết đan tại thử. Hoàn đan tại thử. Dưỡng thần tại thử. Nhất Thần chính vị nhi trung lập. Vạn Thần triều củng nhi hoàn trần. Huỳnh đình chi thể dụng bị hĩ. 黃 者 中 央 之 色. 庭 者 四 方 之 中. 煉 丹 在 此. 結 丹 在 此. 還 丹 在 此. 養 神 在 此. 一 神 正 位 而 中 立. 萬 神 朝 拱 而 環 陳. 黃 庭 之 體 用 備 矣. Tử Hà chú, Huỳnh Đình

kinh, tr. 3b, 4a.

[44] Nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết Thiên cốc thanh tĩnh vô trần, năng tương Nguyên thần an trí kỳ Trung, hào bất ngoại trì, tắc thành Chân, chứng Thánh, tức tại thử hĩ. Huỳnh Đình kinh vân: Tử dục bất tử tu Côn Lôn. Khả kiến thủ thử Thiên cốc hữu vô hạn chi diệu uẩn dã. 人頭有九宮, 中有一所, 名曰天谷清靜無塵, 能將元神安置其中, 毫不外馳, 則成真, 證聖, 即在此矣. 黃庭經云: 子欲不死修崑崙. 可見守此天谷有無限之妙蘊也. Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 298.

[45] Thiên Cốc Nguyên thần thủ chi tự chân. 天谷元神守之自真 (Sđd., tr. 390)

[46] Sđd., tr. 390.

[47] Não vị Côn Lôn. Cư thượng tượng thiên. Bổ thiên tức Huỳnh Đình kinh chi bổ não, sở vị Tử dục bất tử tu Côn Lôn thị dã. 腦謂崑崙. 居上象天. 補天即黃庭經之補腦, 所謂子欲不死修崑崙是也. Sđd., tr. 197.

[48] Sđd., tr. 391. Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi, tr. 10a.

[49] Contemlation of persons and their qualities entails a great deal of analytic thinking and an incessant use of the imagination. But analytic thinking and imagination are precisely the things which prevent the soul from attaining enlightenment. On this point all the great mystical writers Chirstian and oriental, are unanimous and emphatic. Consequently, the would-be mystic who chooses as the object of his love and contemplation, not the godhead, but a person and personnal qualities, thereby erects insurmontable barriage between and the higher states of union...

Aldous Huxley, Grey Eminence (New York 1941), p. 101.

William Johnston, The Still Point, Perennial Library, Harper and Row, Publishers, New York, Evanston, San Francisco, London, 1971, p. 152-153.

[50] Viên Đốn Tử chú, Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa.

Lý Lạc Cầu, Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 41.

[51] Tử Hà chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 4a.

[52] Bạch Nguyên là thần phổi.

[53] Đây là thần tim, Đơn Nguyên.

[54] Đây là niệm thần gan Thanh đồng, Xá Minh.

[55] Đây là thần thận Huyền Minh.

[56] Giác Nhiên, Pháp Môn Tọa Thiền, tr. 59.

[57] Harold Sherman, Wonder healers of the Philippines, DeVorss and Co. Los Angeles, Calif.

[58] Giác Nhiên, Pháp Môn Tọa Thiền, tr. 59.

[59] Harold Sherman, Wonder healers in the Philippines, tr. 52.

[60] Evelyn Underhill, Mysticism, p. 183. The will ... is king, not only of the House of Life, but of the universe outside the gates of sense. It is the key to «man limitless»; the true «ring of Gyges,» which can control the forces of nature, known and unknown.

[61] Trung Hoàng vi đan quýnh, thị bát phương tổng hội xứ, tức sở vị Trung cung, Huỳnh Đình, Huyển tẫn, Tiên thiên nhất khí, huyền quan nhất khiếu. Sở vị chỉ ư chí thiện dã. Dĩ trung chỉ tiết văn vi tắc, Tề

(Thận) chi thượng tam thốn lục phân, kỳ trung nhất thốn tam phân xứ nãi Huỳnh Đình dã. 中 黃 為 丹 扃, 是 八 方 總 會 處, 即 所 謂 中 宮, 黃 庭, 玄 牝, 先 天 一 氣, 玄 關 一 竅, 所 謂 止 於 至 善 也. 以 中 指 節 文 為 則, 臍 (腎) 之 上 三 寸 六 分, 其 中 一 寸 三 分 處 乃 黃 庭 也. Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 164.

[62] Tĩnh quán tâm hạ tề thượng ước nhất chưởng chi địa, sở vị Trung cung. Đãn Hư tĩnh, khinh tùng, chuyên nhất, trì cửu, tắc khả: Trực thượng dữ thiên thông. 靜 觀 心 下 臍 上 約 一 掌 之 地, 所 謂 中 宮. 但 虛 靜, 輕 鬆, 專 一, 持 久, 則 可: 直 上 與 天 通. Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 188.

[63] G. Welter, Histoire des Sectes chrétiennes des Origines à nos Jours, Payot Paris, 1950, p. 102.

[64] E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 149 nơi chữ Hésychastes.

[65] Tính Mệnh Khuê Chỉ 性 命 圭 旨, q. Hanh, chương Hàm dưỡng bản nguyên cứu hộ mệnh bảo 涵 養 本 原 救 護 命 寶 cho rằng: Muốn trở nên bất tử thì phải tìm cho được bất tử nhân 不 死 人 trong con người, Lão giáo gọi bất tử nhân 不 死 人 ấy là Thiết hán 鐵 漢. Phật gia gọi đó là Kim cương金 剛. Thiết hán hay Kim cương chính là Bản lai Diệu giác Chân tâm 本 來 妙 覺 真 心 của người đời.

» mục lục | chương 1 2 3 4 5 6

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 1

THƯỢNG THANH

上 清

A. KINH VĂN

1. Thượng Thanh, Tử Hà, Hư Hoàng tiền,

上 清 紫 霞 虛 皇 前

2. Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân.

太 上 大 道 玉 晨 君

3. Nhàn cư Nhụy Châu, tác thất ngôn.

閑 居 蕊 珠 作 七 言

4. Tán hóa ngũ hình, biến vạn thần,

散 化 五 形 變 萬 神

5. Thị vi Huỳnh đình, viết Nội thiên,

是 為 黃 庭 曰 內 篇

6. Cầm tâm Tam điệp, vũ thai tiên,

琴 心 三 疊 儛 胎 仙

7. Cửu khí ánh minh, xuất tiêu gian,

九 氣 映 明 出 霄 間

8. Thần cái, đồng tử, sinh tử yên,

神 蓋 童 子 生 紫 煙

9. Thị viết ngọc thư, khả tinh nghiên.

是 曰 玉 書 可 精 研

10. Vịnh chi vạn quá, thăng Tam thiên,

詠 之 萬 過 昇 三 天

11. Thiên tai dĩ tiêu, bách bệnh thuyên.

千 災 以 消 百 病 痊

12. Bất đạn hổ lang chi hung tàn,

不 憚 虎 狼 之 凶 殘

13. Diệc dĩ khước lão, niên vĩnh diên.

亦 以 卻 老 年 永 延

B. LƯỢC DỊCH

Từ cung trời thẳm, Thượng Thanh thiên,

Kinh được viết ra, Ngọc Đế tiền,

Lời thơ bảy chữ, đầy châu ngọc,

Tán hóa thân hình, thành vạn tiên...

Huỳnh Đình mỹ hiệu gọi Nội Thiên,

Khiến tâm linh sảng, thưởng Tam thiên.

Tâm thần hòa hợp cùng Ngọc Đế,

Mắt tỏa hào quang, rực ánh tiên...

Đó chính ngọc thư phải tinh nghiên

Đọc được vạn lần, thăng Tam thiên.

Thiên tai vạn bệnh, đều qua khỏi,

Hổ lang chẳng hại, lại diên niên...

C. CHÚ THÍCH

Tử Hà cho rằng ba câu đầu, là do đức Vương Thiều Dương tổ sư 王 少 陽 祖 師, Đông Hoa Đế Quân 東 華 帝 君, đã phỏng theo âm vận Huỳnh Đình viết ra tán dương, xưng tụng Huỳnh Đình kinh. Như vậy chính kinh bắt đầu từ câu thứ 4.

Câu 1. Thượng Thanh, Tử Hà, Hư Hoàng tiền,

上 清 紫 霞 虛 皇 前

Thượng Thanh là cung Thượng Thanh trên trời. Theo đạo Lão, trời có ba cung:

- Ngọc Thanh 玉 清 (nơi ngự của đức Nguyên Thủy Thiên Bảo quân)

- Thượng Thanh 上 清 (nơi ngự của đức Ngọc Thần Linh Bảo quân)

- Thái Thanh 太 清 (nơi ngự của đức Đạo Đức Thần Bảo quân)

Ba cung trời với Tam quân 三 君, Tam Lão 三 老 nói trên đều hóa ra từ Lão quân nhất khí 老 君 一 氣 (tức là: Lão quân 老 君, Nhất khí 一 氣, Tiên Thiên nhất khí 先 天 一 氣, Tiên Thiên Nhất khí Thái Thượng Lão quân 先 天 一 氣 太 上 老 君, v.v.) Như vậy Tam Thanh đều sinh ra cùng một gốc. Đọc lời bình của Tử Hà về chương này, ta có một bằng chứng rõ rệt là đạo Lão chủ trương Nhất thể tán vạn thù 一 體 散 萬 殊.

Nơi con người, cũng có Tam Thanh:

- Ngọc Thanh cung tức Nê Hoàn cung.

- Thượng Thanh cung tức Giáng cung.

- Thái Thanh cung tức Hạ đan điền.

Đại Thừa Chân Giáo [1] lại xếp ba cung trên theo hàng ngang. Ý nói, ba cung Trời đều ở trong đầu não con người: nơi não thất ba, và hai xoang não hai bên.

Tử Hà 紫 霞: Bầu trời đầu tiên. Tử hà nguyên nghĩa là vầng mây tía.

Hư Hoàng 虛 皇: Nội hiệu của đức Tử Thanh Thái Tố Cao Hư Động Diệu Tam Nguyên Đạo Quân 紫 清 太 素 高 虛 洞 曜 三 元 道 君.

Câu 2. Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân.

太 上 大 道 玉 晨 君

Thái Thượng 太 上: Là Cao Thánh Thái Chân Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân 高 聖 太 真 玉 晨 玄 皇 大 道 君.

Câu 3. Nhàn cư Nhụy Châu tác thất ngôn.

閑 居 蕊 珠 作 七 言

Nhụy Châu cung 蕊 珠 宮: Tên một cung Trời Thượng Thanh (Thượng Thanh cảnh cung khuyết 上 清 境 宮 闕).

Câu 4. Tán hóa ngũ hình, biến vạn thần.

散 化 五 形 變 萬 神

Biến hóa thần hình thành nhất khí. Tử Hà giải: Khí khí tương tục biến thành vạn thần 氣 氣 相 續 變 成 萬 神.

Câu 5. Thị vi Huỳnh Đình, viết Nội thiên.

是 為 黃 庭 曰 內 篇

Huỳnh Đình 黃 庭: Đình là nhà lớn. Huỳnh là màu vàng của Trung Cung. Huỳnh Đình tượng trưng cho Thái Cực 太 極, cho Hư vô nhất khiếu 虛 無 一 竅 nơi con người.

Câu 6: Cầm tâm Tam điệp, vũ thai tiên.

琴 心 三 疊 儛 胎 仙

Cầm tâm 琴 心: Cầm tâm là đàn cầm. Cầm tâm tức là điều hòa tâm hồn, và như vậy tâm hồn được ví như cây đàn. Huỳnh Đình kinh vì vậy mà còn được gọi là Thái Thượng Cầm Tâm Văn 太 上 琴 心 文.

Tam điệp 三 疊: Ba tầng trong người tức là Tam đan điền.

Vũ thai tiên 儛 胎 仙: Vui với Thai tiên (Thai Linh đại thần 胎 靈 大 神).

Câu 7. Cửu khí ánh minh, xuất tiêu gian.

九 氣 映 明 出 霄 間

Bản Tử Hà, thay vì hai chữ ánh minh 映 明 lại viết lãng ánh 朗 映.

Vụ Thành Tử giải câu «Cửu khí ánh minh xuất tiêu gian» như sau: Cửu thiên chi khí, qua lỗ mũi, chu lưu trong óc não con người, ánh quang minh thượng đạt, vì thế gọi là xuất tiêu gian. 九 天 之 氣, 入 於 人 鼻, 周 流 腦 宮, 映 明 上 達, 故 曰 出 霄 間 (Tiêu 霄 là trời).

Câu 8. Thần cái, đồng tử, sinh tử yên.

神 蓋 童 子 生 紫 煙

Thần cái 神 蓋: Lọng thần, đây là lông mi.

Đồng tử 童 子: Mắt.

Tử yên 紫 煙: Ánh sáng của mắt.

Câu 10. Vịnh chi vạn quá, thăng Tam thiên.

詠 之 萬 過 昇 三 天

Bản của Tử Hà chép là tụng chi vạn biến 誦 之 萬 遍.

D. BÌNH GIẢNG

Kinh này được đức Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân viết ra trên bầu trời Tam Thanh, trong cung Nhụy Châu, trước mặt đức Hư Hoàng. (Tam Nguyên Đạo quân). (câu 1, 2, 3)

Kinh này gọi là Huỳnh Đình Nội Cảnh hay Nội Thiên. Nó giúp ta điều hòa tâm hồn, để có thể hòa hài cùng Ngọc Đế. (Câu 4)

Khi đọc kinh này, khí thiêng trời đất như tràn ngập tâm thần ta, khiến ta lâng lâng, như bay lên trên chín tầng trời thẳm, làm cho mắt ta rực rỡ ánh thần quang. (Câu 6, 7, 8)

Đó là Ngọc thư, nên nghiên cứu cho kỹ lưỡng. (Câu 9)

Đọc quá vạn lần, với một lòng thành khẩn; khiết tịnh, tinh vi, sẽ thành Đại La Tiên, lên trên trời Tam Thanh. (Câu 10)

Thường xuyên trì tụng sẽ được tai qua, bệnh khỏi, sẽ không sợ hổ lang, lại được phần lão hoàn đồng, diên niên tăng thọ. (Câu 11, 12, 13)

Kinh Huỳnh Đình, vì có mục đích điều hòa tâm thần (cầm tâm) nên còn được gọi là Thái Thượng cầm tâm văn.

Đức Phù Tang Đại Đế Quân, sau khi đọc kinh này đã khắc vào kim giản nên kinh này còn được gọi là Đại Đế Kim Thư. Các vị ngọc nữ tiên nhân ở cung đức Đông Hoa, còn khắc kinh này vào ngọc, nên cũng được gọi là Đông Hoa Ngọc Thiên.



[1] Cao Đài Đại Đạo, Chiếu Minh, Đại Thừa Chân Giáo, Trước Tiết tàng thơ, Thủ Thiêm, Gia Định, 1956, tr. 57.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 2
THƯỢNG HỮU
上 有

A. KINH VĂN

1. Thượng hữu hồn linh, hạ Quan nguyên.

上 有 魂 靈 下 關 元

2. Tả vi Thiếu Dương, hữu Thái Âm.

左 為 少 陽 有 太 陰

3. Hậu hữu mật hộ, tiền sinh môn.

後 有 密 戶 前 生 門

4. Xuất nhật nhập nguyệt, hô hấp tồn.

出 日 入 月 呼 吸 存

5. Tứ khí sở hợp, liệt tú phân,

四 氣 所 合 列 宿 分

6. Tử yên thượng hạ tam tố vân.

紫 煙 上 下 三 素 雲

7. Quán khái ngũ hoa, thực linh căn.

灌 溉 五 華 植 靈 根

8. Thất dịch động lưu, xung lư gian.

七 液 洞 流 衝 廬 間

9. Hồi tử, bão hoàng, nhập đan điền,

回 紫 抱 黃 入 丹 田

10. U thất nội minh, chiếu Dương minh.

幽 室 內 明 照 陽 明

B. LƯỢC DỊCH

Trên có hồn linh, dưới Quan nguyên,

Tả là Thiếu Dương, hữu Thái Âm,

Sau có mật hộ, trước sinh môn,

Nhật nguyệt vào ra, hô hấp tồn.

Tứ khí hiệp hòa, tinh tú phân,

Rõ ràng lên xuống áng tường vân.

Khí thiêng hun đúc, linh căn dưỡng,

Trời đất tinh hoa, óc não tràn.

Thu tía ôm vàng vào Đan điền.

Tâm thất u minh thành xán lạn,

Quang hoa tung tỏa, chiếu tâm xoang ...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Thượng hữu hồn linh hạ Quan nguyên.

上 有 魂 靈 下 關 元

Hồn linh 魂 靈: Tử Hà giải là Tâm trung chi Nguyên thần 心 中 之 元 神.

Quan Nguyên 關 元: Vị trí dưới rốn 3 tấc.

Câu 2. Tả vi Thiếu Dương, hữu Thái Âm.

左 為 少 陽 有 太 陰

Thiếu Dương 少 陽: Đởm (mật).

Thái Âm 太 陰: Phế (phổi).

Câu 3. Hậu hữu mật hộ, tiền sinh môn.

後 有 密 戶 前 生 門

Tử Hà giải Mật hộ là Giáp tích quan 夾 脊 關 ở xương sống lưng; Sinh môn là rốn (tề 臍). Vụ Thành Tử giải mật hộ là thận 腎; Sinh môn là Mệnh môn 命 門.

Câu 4. Xuất nhật, nhập nguyệt, hô hấp tồn.

出 日 入 月 呼 吸 存

Vụ Thành Tử giải: Mặt trời và mặt trăng vào ra thân mình qua đôi mắt, chiếu diệu châu thân, thấu tới Nê Hoàn, quán chiếu phủ tạng. Tượng như thân mình và ánh sáng nhật nguyệt hai vầng đồng tỏ, như ánh sáng hai vầng nhật nguyệt kết thành thân xác mình.

Câu 5. Tứ khí sở hợp, liệt tú phân.

四 氣 所 合 列 宿 分

Bản Tử Hà viết nguyên khí 元 氣 thay vì tứ khí 四 氣.

Tứ khí 四 氣: Vụ Thành Tử giải là linh khí của bốn mùa (tứ thời linh khí 四 時 靈 氣).

Liệt tú 列 宿: Các vì tinh tú.

Vụ Thành Tử giải câu này là: Nếu giữ cho Nguyên khí tụ tại thân mình, lại suy tưởng về nhật nguyệt và tinh tú, như chúng thường tỏa sáng vào mình, sẽ thông linh, thành thần.

Câu 6. Tử yên thượng hạ, tam tố vân.

紫 煙 上 下 三 素 雲

Tam tố 三 素: Ba khí nguyên sơ có ba màu: tía, trắng, vàng (tử tố 紫 素, bạch tố 白 素, hoàng tố 黃 素). Tử Hà cho rằng đó là ba nguyên khí của tì (lá lách), gan và phổi. Vụ Thành Tử cho rằng giữ vẹn được Tam nguyên diệu khí ấy ở trong mình, thời hình thần sẽ thông cảm (Thường tồn tam nguyên diệu khí, thượng hạ tại thân, tắc hình thần thông cảm 常 存 三 元 妙 氣, 上 下 在 身, 則 形 神 通 感).

Câu 7. Quán khái ngũ hoa thực linh căn.

灌 溉 五 華 植 靈 根

Quán khái 灌 溉: Rưới tắm.

Ngũ hoa 五 華: Anh hoa của năm phương, tức là khí lực trong con người.

Thực 植: Vun trồng.

Linh căn 靈 根: Tâm thần. Vụ Thành Tử giải linh căn là cuống lưỡi (thiệt bản 舌 本). Vụ Thành Tử giải đại khái câu này là: Nếu biết nuốt tân dịch, và hấp dẫn điều hòa ngũ khí trong người, thời linh căn sẽ bền vững, thần phủ sẽ thanh sướng.

Câu 8. Thất dịch động lưu, xung lư gian.

七 液 洞 流 衝 廬 間

Câu này bản Tử Hà ghi: Thất dịch lưu xung nhuận lư gian 七 液 流 衝 潤 廬 間.

Thất dịch 七 液: Tứ khí 四 氣 và tam tổ 三 祖 (tam nguyên 三 元) theo Vụ Thành Tử cũng có nghĩa là toàn thể khí lực trong người. Tứ khí, tam nguyên đó kết thành linh dịch 靈 液; khí lực mà sung túc óc chất sẽ thịnh mãn. (Khí xung, não thịnh 氣 衝 腦 盛).

Lư gian 廬 間: Giữa hai làn mi, tức là trán.

Câu 9. Hồi tử, bão hoàng, nhập đan điền.

回 紫 抱 黃 入 丹 田

Tử 紫, Hoàng 黃: Tam nguyên linh khí 三 元 靈 氣.

Đan điền 丹 田: Thượng đan điền, từ lưỡng mi gian 兩 眉 間 đi sâu vào 3 tấc. Đó là cơ sở của Thượng Nguyên Chân Nhất 上 元 真 一.

Câu 10. U thất nội minh, chiếu Dương minh.

幽 室 內 明 照 陽 明

Bản Tử Hà ghi câu này là U thất nội minh chiếu Dương môn 幽 室 內 明 照 陽 門.

Tử Hà giải Dương môn 陽 門 là huyền tẫn chi môn 玄 牝 之 門. Nếu là huyền tẫn chi môn thì cũng là Nê Hoàn cung 泥 丸 宮.

D. BÌNH GIẢI

Tử Hà cho rằng chương này bàn về nơi để luyện kỷ 煉 己, trúc cơ 筑 基. Vụ Thành Tử cho rằng chương này trước hết xác định vị trí của Huỳnh Đình cung, sau đó bàn về cách làm sao cho khí dịch chu lưu, thượng hạ tương thông.

Ông cho rằng: U thất 幽 室 ở chương này là thận. Dương minh 陽 明 là Mệnh môn 命 門, và bàn rằng nên chuyên khí 專 氣, bảo tinh 保 精, vô sử tiết tán 無 使 泄 散 (chớ để tiết lậu tinh ra ngoài).

Khi bình câu Quán khái ngũ hoa thực Linh căn, ông cho rằng nên nuốt tân dịch (yết tân 咽 津), và hấp dẫn ngũ khí. Như vậy phương pháp luyện kỷ trúc cơ 煉 己 筑 基 của đạo Lão có thể thâu tóm lại thành mấy đề mục như sau:

- Bảo tinh 保 精

- Yết tân 咽 津 (nuốt nước bọt)

- Vận khí 運 氣 (hô hấp)

- Điều thần 調 神, ngưng thần 凝 神

- Tụ thần khí về Nê Hoàn cung ...

Đọc chương này, ta có cảm giác như đó là một đề tài suy nghiệm, với nhiều giai đoạn:

1. Trước hết, mường tượng thân mình như là một vòng Dịch với:

- Thái cực 太 極 hay Hư vô khiếu 虛 無 竅 ở giữa.

- Hồn linh 魂 靈 (tâm) ở trên.

- Quan nguyên 關 元 ở dưới.

- Đởm 膽 (Thiếu Dương) ở phía tả.

- Phế 肺 (Thái âm) ở phía hữu.

- Giáp tích quan 夾 脊 關 là mật hộ 密 戶 ở sau lưng,

- Sinh môn 生 門 là Tề đường (rốn) ở phía trước bụng.

Thế là coi thân mình như là một tiểu vũ trụ. Có đủ tứ duy lục hợp ...

2. Coi thân mình như là một vũ trụ nhỏ, có hai vầng nhật nguyệt (câu 1, 2, 3) theo làn hơi thở ra vào thân mình, có đủ muôn vì tinh tú sáng soi. (câu 4, 5).

3. Tưởng như thân mình được kết tinh bởi ánh sáng của hai vầng nhật nguyệt. Thế tức là: Nhất thân dữ nhật nguyệt quang cộng minh, cộng chiếu 一 身 與 日 月 光 共 明 共 照 (câu 4) như lời bàn của Vụ Thành Tử.

4. Tưởng chừng như Linh khí 靈 氣, tinh hoa tứ khí của trời đất tràn ngập hình hài mình, nuôi dưỡng óc não mình, nuôi dưỡng Linh căn 靈 根 mình. (câu 5)

5. Tưởng chừng như tâm xoang mình có quang huy trời chiếu diệu bên trong. (câu 6, 7, 8)

6. Cuối cùng, thu thập, gồm thâu hết tinh hoa, tú khí của trời đất cho xâm nhập vào Thượng đan điền

của mình, hồi quang phản chiếu, trở về Nê Hoàn cung phối hợp với Thái cực. (câu 9, 10)

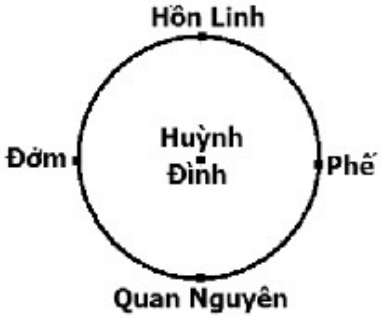
7. Trong lúc suy gẫm, Vụ Thành Tử còn khuyên thầm đọc một bài kinh đại khái rằng: «Xin đức Thái Thượng Huyền Nhất 太 上 玄 一 đem tinh quang của hai vầng nhật nguyệt chiếu soi vào toàn thân con; xin cho con được trở nên trường sinh bất tử, trở thành một Chân Linh, như Kim giản, Ngọc thư này đã hứa. Xin trời đất ưu ái giúp con thành công.»

Thực là một đề tài suy gẫm hết sức là đẹp đẽ. Vụ Thành Tử còn cho rằng suy gẫm như vậy lâu ngày sẽ thông thần 通 神.

PHỤ CHÚ:

Vụ Thành Tử cho rằng chương này xác định vị trí của Huỳnh Đình: Thử nhất chương, tiên thuyết Huỳnh Đình cung phủ sở tại 此 一 章 先 說 黃 庭 宮 府 所 在.[1] Và như vậy đại khái cho là Huỳnh Đình là Tì thổ 脾 土 cho nên ta thấy mô tả như ở vào khoảng Chấn Thủy, nơi bụng trên.

Trên có Hồn linh; Dưới có Quan nguyên; Tả có đởm; Hữu có phế; Sau có Mật hộ (Giáp tích quan); Trước có Sinh môn (Tề đường).



Nhưng khi đọc Ngoại Cảnh, chương Nhất, ta thấy:

«Thượng hữu Huỳnh Đình, hạ Quan nguyên, 上 有 黃 庭 下 關 元.
Hậu hữu U khuyết, tiền Mệnh môn.» 後 有 幽 闕 前 命 門



Thế là Huỳnh Đình ở đây đã mất vị trí trung tâm, trung cung rồi. Và trong quyển Huỳnh Đình Ngoại Cảnh do Lương Khưu Tử chú, Lương Khưu Tử nhân cách trình bày này đã chủ trương:

Huỳnh Đình ở tại nơi trung điểm đầu não. (Huỳnh Đình giả, tại đầu trung 黃 庭 者 在 頭 中) và Quan nguyên thì ở dưới rốn 3 tấc (Quan nguyên tại tề hạ tam thốn 關 元 在 臍 下 三 寸). Đủ biết rằng: Ngay các nhà chú giải Huỳnh Đình Nội và Ngoại Cảnh cũng đã không đồng ý với nhau về vị trí của Huỳnh Đình.



[1] Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 7a.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 3
KHẨU VI
口 為

A. KINH VĂN

1. Khẩu vi Ngọc trì, Thái hòa quan,

口 為 玉 池 太 和 官

2. Thấu yết linh dịch, tai bất can.

漱 咽 靈 液 災 不 干

3. Thể sinh quang hoa, khí hương lan,

體 生 光 華 氣 香 蘭

4. Khước diệt bách tà, ngọc luyện nhan.

卻 滅 百 邪 玉 鍊 顏

5. Thẩm năng tu chi đăng Quảng Hàn.

審 能 修 之 登 廣 寒

6. Trú dạ bất mị nãi thành chân,

晝 夜 不 寐 乃 成 真

7. Lôi minh, điện kích, thần mang mang.

雷 鳴 電 激 神 泯 泯

B. LƯỢC DỊCH

Miệng là Ngọc trì, Thái hòa quan,

Biết nuốt linh dịch, bệnh tai an,

Thân thể quang hoa, hơi thơm phức,

Trừ diệt bách tà, đẹp dung nhan.

Biết tu phép này, lên Quảng Hàn,

Đêm ngày tỉnh táo, thành Chân tiên,

Dẫu nghe sấm sét, thần vẫn yên...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Khẩu vi Ngọc trì, Thái hòa quan,

口 為 玉 池 太 和 官

Khẩu 口: Miệng. Tử Hà giải miệng đây không phải miệng ăn uống mà chính là Qui trung nhất khiếu 規 中 一 竅 hay Thái hòa cung 太 和 宮. Bảo hợp được Thái hòa thời Linh dịch 靈 液 sẽ sinh, mà Linh dịch tức là Chân dương 真 陽. Nuốt được Chân dương con người sẽ trở nên mạnh khỏe v.v... Bản của Tử Hà viết câu này là: Khẩu vi Ngọc trì, Thái Hòa cung 口 為 玉 池 太 和 宮. Ngọc trì 玉 池: Ao ngọc. Người xưa gọi nước miếng là: Ngọc dịch 玉 液, là Ngọc tuyền 玉 泉, Huyền tuyền 玄 泉, Lễ tuyền 醴 泉, Ngọc tương 玉 漿, v.v... Cho nên gọi mồm là Ngọc trì 玉 池.

Câu 2. Thấu yết linh dịch tai bất can.

漱 咽 靈 液 災 不 干

Thấu yết 漱 咽: Thấu: súc miệng. Làm như kiểu súc miệng để cho nước miếng sinh ra. Yết: Nuốt vào.

Câu 5. Thẩm năng tu chi đăng Quảng Hàn.

審 能 修 之 登 廣 寒

Quảng Hàn 廣 寒: Cung tiên. Tiếng Việt thường dùng chữ cung Quảng nhiều hơn.

Câu 6. Trú dạ bất mị nãi thành chân.

晝 夜 不 寐 乃 成 真

Vụ Thành Tử giải: Nếu chuyên cần tu tĩnh định, sẽ thành Chân nhân. (Cần tu tĩnh định tắc vi chân nhân 勤 修 靜 定 則 為 真 人).

Câu 7. Lôi minh, điện kích, thần mang mang.[1]

雷 鳴 電 激 神 泯 泯

Vụ Thành Tử cho rằng: Khi đã biết điều thần, lý khí, hồn phách, sẽ điềm tĩnh, nên dẫu nghe sấm sét cũng vẫn thản nhiên... (Điều thần lý khí, hồn phách điềm du, tuy ngộ chấn lôi nhi bất kinh triếp 調 神 理 氣 魂 魄 恬 愉 雖 遇 震 雷 而 不 驚 慴).

D. BÌNH GIẢI

Chương này có hai cách bình giải: cách của Tử Hà và cách thông thường.

1. Cách bình giải của Tử Hà.

Tử Hà cho rằng chương này không nói về cái miệng ăn uống thường, cũng như không nói về cách nuốt nước bọt.

Ông viện lý rằng hít thở, và nuốt nước bọt đâu phải là Đại Đạo, và ông dẫn mấy lời thơ xưa công kích phép yết tân, thổ nạp như sau:

«Yết tân, nạp khí, thị nhân hành,

咽 津 納 氣 是 人 行,

Hữu dược phương năng Tạo Hóa sinh.»

有 藥 方 能 造 化 生.

Dịch:

Yết tân, nạp khí ấy nhân hành,

Có thuốc mới mong Tạo Hóa sinh.

Và:

Nhiêu quân thổ nạp kinh thiên tải,

饒 君 吐 納 經 千 載,

Tranh đắc kim ô, nạch thố nhi. [2]

爭 得 金 烏 搦 兔 而.

Dịch:

Dẫu Anh thổ nạp nghìn năm suốt,

Cũng chẳng làm sao được tiên đan...

Và ông giải khẩu 口 ở đây phải hiểu là Qui trung nhất khiếu 規 中 一 竅, là Thái hòa cung 太 和 宮. Bảo hợp được Thái hòa sẽ sinh ra linh dịch 靈 液. Linh dịch sẽ làm cho con người mạnh khỏe đẹp tươi, v.v...

2. Cách giải thông thường.

Tôi không đồng ý với cách giải của Tử Hà về chương này, vì quá xa với chính kinh. Vì phủ nhận tất cả mọi giá trị của công phu tu mệnh 修 命, luyện hình 煉 形 của đạo Lão. Và phương châm đạo Lão là «Quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ» 貴 以 賤 為 本 高 以 下 為 基 (Đạo Đức Kinh, chương 39). Hơn nữa các nhà bình giải danh tiếng khác như Vụ Thành Tử, Doãn Chân nhân,[3] Như Viên Đốn Tử,[4] đều cho rằng chương này bàn về phương pháp Yết tân 咽 津 (nuốt nước bọt). Dĩ nhiên là tôi theo phương pháp của Vụ Thành Tử để giải Huỳnh Đình vì tôi thấy, với phương pháp này, ta chẳng những hiểu Huỳnh Đình, mà còn hiểu thêm đạo Lão rất nhiều.

Tôi cũng ghi nhận rằng: Các sách đạo Lão nguyên thủy như Đạo Đức kinh, Nam Hoa kinh, không nói về phép đạo dẫn, điều tức, vận khí, ma sát, v.v...

Huỳnh Đình kinh, tiêu biểu cho đạo Lão khoảng đời Tấn, tức là khoảng những năm 360 Công nguyên, đã thấy, ngoài vấn đề triết học, siêu hình, còn đề cập nhiều đến các vấn đề tôn giáo quần chúng như Thần linh, như quán tưởng thần minh, v.v. và các công phu luyện hình, mà họ gọi là tu mệnh, gồm các công phu động công, tĩnh công, thể thao, ma sát, thổ nạp, thấu yết, v.v. Huỳnh Đình kinh tuyệt nhiên không hề dùng các danh từ luyện đan: Diên 鉛, Hống 汞, Long Hổ 龍 虎, Anh Nhi 嬰 兒, Xá nữ 奼 女, v.v...

Tử Hà, một trong những nhà chú giải Huỳnh Đình kinh, sinh vào khoảng năm 1596 Công nguyên, tức là năm Vạn Lịch 萬 曆 thứ 27 đời vua Thần Tông 神 宗 nhà Minh, thì lại toàn dùng những danh từ luyện đan để giải Huỳnh Đình. Không chương nào mà không thấy những chữ như Diên 鉛, Hống 汞, hay Ngân diên 銀 鉛, v.v. Chẳng lẽ đời Minh, phong trào luyện đan lại mạnh đến như vậy hay sao?

Vụ Thành Tử giải: Khẩu 口 hay Ngọc trì 玉 池 đây là miệng. Gọi là Ngọc trì vì chứa Ngọc dịch 玉 液.

Doãn chân nhân 尹 真 人[5] cho rằng Huỳnh Đình kinh nơi chương này đã bàn về phương pháp nuốt nước bọt để luyện hình.

Khảo sách vở đạo Lão, tôi thấy các Đạo gia rất quí nước bọt. Họ gọi nước bọt là: Ngọc dịch 玉 液, Lễ tuyền 醴 泉, Ngọc tương 玉 漿, Ngọc tân 玉 津, Ngọc tuyền 玉 泉; và gọi miệng là Ngọc trì 玉 池 hay Huyền tuyền 玄 泉.

Họ không biết được rằng nước bọt sinh ra là do các hạch nước bọt ở lưỡi, dưới hàm, giáp tai, nên đã cho rằng nước bọt được sinh ra là do khiếu Huyền Ưng 玄 膺 (Cuống họng), mặc dầu trong khoa Châm cứu ta thấy nơi dưới lưỡi có hai huyệt: Kim tân 金 津 (phía tả) và Ngọc dịch 玉 液 (phía hữu).

Nuốt nước bọt để nuôi thần, luyện hình đối với đạo gia quan trọng không kém gì phương pháp thổ nạp 吐 納 hay vận khí điều tức 運 氣 調 息.

Độc giả nào muốn nghiên cứu kỹ lưỡng phương pháp Thấu yết 漱 咽 này xin đọc:

- Chương Ngọc dịch luyện hình đồ 玉 液 煉 形 圖 của Doãn chân nhân 尹 真 人 trong quyển Tính Mệnh Khuê Chỉ.

- Chương Thấu tân 漱 津 của Viên Đốn Tử 圓 頓 子 trong Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa (trích dẫn trong Tiên Học Diệu Tuyển trang 39 và 40).

- Chương Diên thọ lục tự quyết 延 壽 六 字 訣.

- Chương Thập nhị đoạn 十 二 段 trong quyển Thông Thiên bí thư tục tập tức Trí phú toàn thư, quyển 4, tr. 8a, 8b.

- Chương Thập nhị đoạn động công 十 二 段 動 功 nơi tr. 18a trong quyển Thọ thế thanh biên của Từ Viên tiên sư.

Đối với Huỳnh Đình kinh, phương pháp Thấu yết 漱 咽 cũng rất quan trọng vì thấy còn đề cập ở các chương:

- Ch. 6: Thiệt hạ Huyền ưng tử sinh ngạn, 舌 下 玄 膺 生 死 岸,
Xuất thanh nhập huyền nhị khí hoán. 出 青 入 玄 二 氣 煥.

- Ch. 22: Tồn thấu ngũ nha bất cơ khát. 存 漱 五 牙 不 饑 渴.

- Ch. 27: Bế khẩu khuất thiệt, thực thai tân... 閉 口 屈 舌 食 胎 津.

- Ch. 33: Thủ tân huyền ưng nhập Minh đường. 取 津 玄 膺 入 明 堂,
Hạ khái hầu lung, thần minh thông. 下 溉 喉 嚨 神 明 通.

- Ch. 34: Tam thập lục yết ngọc trì lý. 三 十 六 咽 玉 池 裏.

- Ch. 1 (Ngoại Cảnh):

Ngọc trì thanh thủy quán linh căn. 玉 池 清 水 灌 靈 根,

Thẩm năng tu chi khả trường tồn. 審 能 修 之 可 長 存

- Ch. 2 (Ngoại Cảnh):

Ngọc trì, thanh thủy thượng sinh phì, 玉 池 清 水 上 生 肥,

Linh căn kiên cố lão bất suy. 靈 根 堅 固 老 不 衰

Sau đây tôi dựa vào sách xưa mà bàn qua về phương pháp Thấu yết.

a. Thấu yết theo Thập nhị đoạn động công của sách Thọ thế thanh biên:

«Đưa cuống lưỡi chạm cúa. Để lâu, nước miếng sẽ sinh ra đầy mồm. Nuốt ực xuống. Dùng để quán khái ngũ tạng, giáng hoả rất mau. Càng nuốt nhiều lần càng tốt.»

b. Thấu yết theo Vụ Thành Tử:

Vụ Thành Tử viện dẫn lời kinh Đại Đỗng 大 洞 經 bàn về phương pháp nuốt tân dịch như sau:

Tập trung tinh thần, hô hấp linh khí đất trời, làm như súc miệng (thấu), cho tân dịch ra đầy mồm, rồi nuốt (yết) đi. Làm như vậy 5 lần. Đánh hai hàm răng vào với nhau (khấu xỉ 叩 齒) 3 lần. Cầu nguyện đại khái như sau: «Xin Ngọc Thanh Cao Thượng, Cửu Thiên Cửu Linh, biến hóa tân dịch tôi, để khi nó vào đến vị thanh 胃 清 (bao tử), sẽ óng ánh lên như bạc như vàng, làm cho tôi tâm khai, thần thông, y thức như đã nuốt được tinh hoa của vừng thái dương, làm cho chân nguyên của tôi được sung mãn...» [6]

c. Thấu yết theo Viên Đốn Tử [7]

Viên Đốn Tử cho rằng nước bọt đề cập nơi đây là thứ nước bọt sinh ra do công phu tĩnh tọa lâu dài. Lúc ấy, trong miệng tự nhiên sinh ra một thứ nước ngọt, mát dịu, khác hẳn lúc thường. Nước ấy được sinh ra là do thủy khí ở hạ tiêu 下 焦 之 水 氣 được huân chưng, rồi theo đường kinh lạc mà đi lên miệng, hóa thành nước bọt. Đó là thứ nước bọt do luyện khí mà ra. Nuốt xuống lại bị nhiệt khí huân chưng, rồi lại trở lên thành nước bọt, càng ngày càng trở nên bổ dưỡng hơn. Chính vì thế mà người xưa đã gọi đó là phép Ngọc dịch hoàn đan 玉 液 還 丹.

Nên ghi nhận rằng lối giải thích về sự tân dịch hóa sinh của Viên Đốn Tử, không hợp với khoa sinh lý học hiện đại.

d. Thấu yết theo Doãn chân nhân:

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ, nước bọt nuốt vào có công hiệu:

- Thông quan, đãng uế 通 關 蕩 穢

- Nhuận thân 潤 身

- Thông quan, thấu tiết 通 關 透 節

- Khí huyết lưu thông 氣 血 流 通

- Bách mạch hòa sướng 百 脈 和 暢, v.v.

Doãn chân nhân cho rằng người xưa khi nuốt nước bọt từ cổ họng vào, sẽ dùng thần trí dẫn nó đi quán khái châu thân, cho đủ vòng rồi lại trở về cổ họng (huyền ưng 玄 膺). Chu kỳ như sau:

Huyền ưng 玄 膺 (cổ họng), Trùng lâu 重 樓 (thực quản), Chiên trung 膻 中, Cưu vĩ 尻 尾, Trung uyển 中 脘, Thần khuyết 神 闕, Khí hải 氣 海. Từ đó phân làm hai đường, dẫn xuống hai đùi, đầu gối, tới Tam Lý 三 里, mu bàn chân, ngón chân cái, Dũng Tuyền 涌 泉, trở lên theo phía sau hai vế, hai đùi, đến Vĩ lư 尾 閭 hợp thành một, qua Thận đường 腎 堂, Giáp tích 夾 脊, đến Song quan 雙 關 thì lại phân ra hai vai, hai tay hai mu bàn tay, đến đầu ngón giữa, trở về lòng bàn tay, lên khuỷu tay, rồi lên má, lên đầu đến đỉnh đầu, trở xuống Minh đường 明 堂, đến cúa trên, lấy đầu lưỡi đón lại đến Huyền ưng là đủ một vòng ... Ngừng

một chút lại vận động lại như trên, sẽ hết mọi ứng trệ, và châu thân sẽ thư sướng, các kinh các khiếu trong người do đó đều thông. [8]

Mà lạ thay chẳng những Đạo gia trọng phép yết tân, mà Phật gia cũng trọng nó, Pháp Hoa Kinh tụng có thơ:

Bạch ngọc xỉ biên lưu xá lợi,

白 玉 齒 邊 流 舍 利

Hồng liên thiệt thượng, phóng hào quang,

紅 蓮 舌 上 放 豪 光

Hầu trung cam lộ quyên quyên nhuận,

喉 中 甘 露 涓 涓 潤

Tâm nội đề hồ, trích trích lương.

心 內 醍 醐 滴 滴 涼 [9]

Tạm dịch:

Bên răng bạch ngọc, Xá lợi phun,

Trên lưỡi, sen hồng, phóng hào quang,

Hầu trung, cam lộ lung linh tiết,

Tâm nội đề hồ róc rách tuôn.

Ta có thể bình tiếp chương này như sau:

Luyện phép nuốt ngọc dịch cho tinh, con người sẽ trở nên linh hoạt, không biết mỏi mệt, tỉnh táo không còn buồn ngủ, và tâm thần trở nên định tĩnh, dẫu sấm sét kề bên cũng vẫn thản nhiên ... (các câu 2, 3, 4, 5, 6, 7).



[1] Chữ 泯 nghĩa gốc là diệt tận (滅 盡 也). Từ Hải phiên thiết: mật dẫn thiết 密 引 切; mật dần thiết âm dân 密 寅 切音 民; mật nghiễn thiết âm miến 密 硯 切 音 麵 (vậy đọc là mẫn, mân, miến). Thuyết Văn Giải Tự phiên: vũ tận thiết 武 盡 切 (vậy đọc là vận). Khang Hi phiên thêm: nhĩ tận thiết tùng âm mẫn 弭 盡 切 從 音 黽 (vậy đọc là mẫn) và giải: mẫn mẫn 泯 泯 giống như mang mang 茫 茫 (mẫn mẫn do mang mang dã 泯 泯 猶 茫 茫 也) nghĩa là mơ hồ không rõ 模 糊 不 清. Từ Hải giải mẫn mẫn là phần phần 棼 棼 (tối tăm lộn lạo). Vụ Thành Tử bảo phải độc tụng 泯 泯 theo bình thanh, nên ở đây có thể phiên âm là mân mân hoặc mang mang để hợp vận với các câu trên.

[2] Đây là hai trong bốn câu thơ của Trương Bình Thúc 張 平 叔 (tức Trương Bá Đoan 張 伯 端, Trương Tử Dương chân nhân 張 紫 陽 真 人). Hai câu trên là: Huyền tẫn chi môn thế hãn tri, Hưu tương khẩu tị vọng thi vi 玄 牝 之 門 世 罕 知 , 休 將 口 鼻 妄 施 為. Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 15b)

[3] Tính Mệnh Khuê Chỉ, chương Ngọc dịch luyện hình đồ 玉 液 煉 形 圖, q. Hanh, tr. 7a, 8b.

[4] Tác giả quyển Huỳnh Đình Kinh Giảng Nghĩa (Xem Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 39, và 40).

[5] Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hanh, chương Ngọc dịch luyện hình đồ 玉 液 煉 形 圖, tr. 7a, 8a, 8b.

[6] Vụ Thành Tử chú, Huỳnh Đình Nội Cảnh, ch. 3

Ngọc Thanh Cao Thượng, Cửu Thiên Cửu Linh. Hoá dịch tại huyền, hạ nhập vị thanh. Kim hoà ngọc ánh, tâm khai thần minh. Phục thực nhật tinh, kim hoa sung doanh. 玉 清 高 上, 九 天 九 靈. 化 液 在 玄, 下 入 胃 清 金 和 玉 映, 心 開 神 明. 服 食 日 精, 金 華 充 盈.

[7] Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 39, 40.

[8] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, Ngọc Dịch luyện hình pháp tắc 玉 液 煉 形 法 則. Thử pháp tiên dụng hành khí chủ tể, chiếu tại Huyền ưng nhất khiếu. Thử khiếu khả thông khí quản, tức Huỳnh Đình kinh sở vị «Huyền ưng khí quản thụ tinh phù» thị dã. Thiểu khoảnh, tắc tân dịch mãn khẩu, như tỉnh thủy nhiên, vi thấu sổ biến, từ từ dĩ ý dẫn dĩ Trùng lâu, tiệm đạt Chiên trung, Cưu vĩ, Trung uyển, Thần khuyết, chí Khí hải nhi chỉ. Tựu tòng Khí hải phân khai lưỡng lộ, chí tả hữu đại thối, tòng tất chí tam lý hạ cước bối cập đại mẫu chỉ, hựu chuyển nhập Dũng tuyền, do cước căn, cước loan tuần đại thối nhi thượng, chí Vĩ lư, hợp tố nhất xứ, quá Thận đường Giáp tích, Song quan, phân tống lưỡng kiên, lưỡng bàng, lưỡng tý chí thủ bối. Do trung chỉ chuyển thủ chưởng, nhất tề tuyền hồi, quá thủ oản, do hung bàng lịch lặc hậu, tòng hung quán đỉnh, phục hạ Minh đường, Thượng ngạc, dĩ thiệt nghinh chi, chí Huyền Ưng nhi chỉ. Thử vi nhất chuyển tất. Sảo đình, hựu chiếu tiền hành công, tắc ung trệ chi xứ tiệm thứ sơ thông, bất duy quán xuyên chư kinh, diệc năng thông đạt chư khiếu. 此 法 先 用 行 氣 主 宰, 照 在 玄 膺 一 竅. 此 竅 可 通 氣 管, 即 黃 庭 經 所 謂 玄 膺 氣 管 受 精 符 是 也. 少 頃, 則 津 液 滿 口, 如 井 水 然, 微 漱 數 遍, 徐 徐 以 意 引 以 重 樓, 漸 達 膻 中, 尻 尾, 中 脘, 神 闕, 至 氣 海 而 止. 就 從 氣 海 分 開 兩 路, 至 左 右 大 腿, 從 膝 至 三 里 下 腳 背 及 大 拇 指, 又 轉 入 涌 泉, 由 腳 根, 腳 彎 循 大 腿 而 上, 至 尾 閭, 合 做 一 處, 過 腎 堂 夾 脊, 雙 關, 分 送 兩 肩, 兩 膀, 兩 臂 至 手 背. 由 中 指 轉 手 掌, 一 齊 旋 回, 過 手 腕, 由 胸 旁 歷 肋 後, 從 胸 灌 頂, 復 下 明 堂, 上 齶, 以 舌 迎 之, 至 玄 膺 而 止. 此 為 一 轉 畢. 稍 停, 又 照 前 行 功, 則 壅 滯 之 處 漸 次 疏 通, 不 惟 貫 穿 諸 經, 亦 能 通 達 諸 竅.

[9] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh tr. 8a.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 4
HUỲNH ĐÌNH
黃 庭

A. KINH VĂN

1. Huỳnh Đình nội nhân phục cẩm y,

黃 庭 內 人 服 錦 衣

2. Tử hoa phi quần vân khí la.

紫 華 飛 裙 雲 氣 羅

3. Đan thanh, lục điều, thúy linh kha.

丹 青 綠 條 翠 靈 柯

4. Thất nhuy, ngọc thược bế lưỡng phi,

七 蕤 玉 籥 閉 兩 扉

5. Trùng phiến kim quan mật khu ki.

重 扇 金 關 密 樞 機

6. Huyền tuyền, u khuyết cao thôi nguy,

玄 泉 幽 闕 高 崔 巍

7. Tam điền chi trung, tinh khí vi.

三 田 之 中 精 氣 微

8. Kiều nữ yểu điệu ế tiêu huy,

嬌 女 窈 窕 翳 霄 暉

9. Trùng đường hoán hoán, minh bát uy.

重 堂 煥 煥 明 八 威

10. Thiên đình, địa quan, liệt phủ ki (cân),

天 庭 地 關 列 斧 斤

11. Linh đài bàn cố, vĩnh bất suy.

靈 臺 盤 固 永 不 衰

B. LƯỢC DỊCH

Huỳnh Đình nội nhân mặc cẩm y,

Phẩm phục mây tuôn, muôn sắc hoa.

Lục, thắm đua chen, vẻ đượm đà.

Khép kín song mâu, gìn tâm cảnh,

Điều thần, dưỡng khí, bảo khu ki.

Huyền tuyền, ngọc dịch nhuần tạng phủ.

Thông thấu tam điền, tinh khí vi.

Đôi tai sáng láng, ắt tiêu huy,

Trùng lâu rạng rỡ, châu thân sáng,

Thiên đình khai thông, hiển thần uy,

Linh đài kiên cố, chẳng bao suy ...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Huỳnh Đình nội nhân phục cẩm y.

黃 庭 內 人 服 錦 衣

Huỳnh Đình nội nhân 黃 庭 內 人: Đạo mẫu 道 母.

Huỳnh Đình chân nhân 黃 庭 真 人: Đạo phụ 道 父.

Đạo mẫu mặc áo gấm ngũ sắc, tức là chân khí của ngũ tạng 五 臟 之 真 氣. Đạo mẫu ở cả ba nơi Thượng, Hạ, Trung đình trong người (Tam đình chi trung bị hữu chi 三 庭 之 中 備 有 之).

Câu 2. Tử hoa phi quần, vân khí la.

紫 華 飛 裙 雲 氣 羅

Bản Tử Hà viết: Tử Hà phi cứ, vân khí la 紫 霞 飛 裾 雲 氣 羅.

Tử hà 紫 霞: mây tía. Quần 裙: quần.

Cứ 裾: vạt áo. Cũng đọc là cư (tự điển Khang Hi phiên thiết cửu ngư thiết 九 魚 切; cận ư thiết tòng âm cư 近 於 切 從 音 居).

Vụ Thành Tử giải: Đức Cao Thượng Ngọc Hoàng mặc sắc phục của tiên dệt bằng mây. (Cao Thượng Ngọc Hoàng, y văn minh phi vân chi quần. Tức thần tiên chi sở phục dã 高上玉皇, 衣文明飛雲之裙. 即神仙之所服也).

Câu 3. Đan thanh lục điều, thúy linh kha.

丹青綠條翠靈柯

Đan 丹: đỏ. Thanh 青: xanh. Lục 綠: xanh màu lục. Điều 條: cành cây nhỏ. Thúy 翠: xanh non. Kha 柯: cành cây là xuống.

Câu 4. Thất nhuy ngọc thược bế lưỡng phi.

七蕤玉籥閉兩扉

Thất nhuy 七蕤: Chỉ tâm. Vì tâm thuộc hỏa. Hỏa thuộc số 7, và thuộc dấu nhuy trong 12 dấu Luật 律, Lã 呂.[1]

Ngọc thược 玉籥: khóa ngọc. Chữ thược 籥 nguyên nghĩa là ống sáo, nhưng còn dùng thông với chữ thược 鈅 (鑰) là cái khóa (= toả 鎖).[2]

Bế lưỡng phi 閉兩扉: Đóng hai cánh, chỉ đôi mắt.

Vụ Thành Tử giải câu này đại khái như sau: Thất khiếu khai hạp, phải cho hợp đạo. Muốn tồn thần thời phải nhắm đôi mắt. 七竅開闔以諭關籥用之以道不妄開也蕤籥之飾存神必閉目故名曰閉兩扉也 (Thất khiếu khai hạp, dĩ dụ quan thược. Dụng chi dĩ Đạo, bất vọng khai dã. Nhuy thược chi sức, tồn thần tất bế mục, cố danh viết bế lưỡng phi dã.)

Câu 5. Trùng phiến kim quan mật khu ki.

重扇金關密樞機

Bản Tử Hà viết: Trùng yểm kim khuyết mật khu ki 重掩金闕密樞機.

Khu ki 樞機: Chuỗi sao Bắc đẩu 北斗 gọi là khu ki. Bắc thần 北辰 cũng gọi là khu cơ, hay khu ki. Ý nói phải đóng khóa ngũ quan, nhất là đôi mắt, để gìn giữ căn cốt con người. Vụ Thành Tử cho rằng: phải giữ cho tinh thần được toàn vẹn, không bị phát tiết, tiêu hao. 善守精神不妄洩也 (Thiện thủ tinh thần, bất vọng tiết dã.)

Câu 6. Huyền tuyền u khuyết cao thôi nguy.

玄泉幽闕高崔巍

Bản Tử Hà: Huyền tuyền, u khuyết cao thôi ngôi. 玄泉幽闕高崔嵬.

Huyền tuyền 玄泉: a. Nước bọt (Vụ Thành Tử giải); b. Miệng; c. Nguyên hải 元海 (Tử Hà giải). Nguyên hải: Nơi Nguyên khí tụ hội. Đó là Nê Hoàn cung (?) hay Hạ đan Điền (Khí hải 氣海) (?)

U khuyết 幽闕: (1) Cửa tối; (2) Nơi lưỡng mi gian (Vụ Thành Tử giải trong Ngoại Cảnh); (3) Sinh thần chi xứ 生神之處 (Tử Hà giải). Lời giải của Tử Hà lại nghiêng về Nê Hoàn.

Cao thôi ngôi 高崔嵬, hay cao nguy 高巍, hay cao thôi nguy 高崔巍: (1) Cao ngất: Nói rằng lưỡng thận mà cao ngất thì không hợp lý, nên các nhà bình giải cho rằng vì thận có liên lạc với hai tai, nên nói cao nguy nguy. (Xem Ngoại cảnh, Lương Khưu Tử chú.) (2) Tử Hà giải cao thôi ngôi là: tại Hư vô xứ dã 在虛無之處也. Hư vô xứ có phải Nê Hoàn cung không?

Câu 7. Tam điền chi trung tinh khí vi.

三田之中精氣微

Tam điền 三 田: Tam đan điền, là nơi thần khí hòa hợp cảm ứng với nhau.

Câu 8. Kiều nữ yểu điệu ế tiêu huy.

嬌 女 窈 窕 翳 霄 暉

Kiều nữ 嬌 女: (1) Tai, sách Chân Cáo [3] 真 誥 cho rằng Kiều nữ là tên thần tai (Vụ Thành Tử giải); (2) Xá nữ 妤 女, Âm đan (Tử Hà giải).

Ế tiêu huy 翳 霄 暉: (1) Át quang huy của trời (Vụ Thành Tử giải); (2) Tên của Kiều nữ (Tử Hà giải).

Câu 9. Trùng đường hoán hoán, minh bát uy.

重 堂 煥 煥 明 八 威

Trùng đường 重 堂: Hầu lung 喉 嚨 (thực quản và khí quản), còn được gọi là Trùng lâu 重 樓, Trùng hoàn 重 環.

Trùng lâu (hầu lung) là đường lưu thông của tân dịch, tân dịch theo đường này đi xuống, nhuần được thân hình, làm cho tám phương cơ thể như sáng láng thêm. 喉 嚨 者, 津 液 之 路, 流 通 上 下, 滋 榮 一 體, 煥 明 八 方 (Hầu lung giả, tân dịch chi lộ, lưu thông thượng hạ, tư vinh nhất thể, hoán minh bát phương.)

Câu 10. Thiên đình địa quan liệt phủ ki (cân):

天 庭 地 關 列 斧 斤

Thiên đình 天 庭: Lưỡng mi gian.

Tử Vi phu nhân cầu xin rằng: Xin mở thiên đình tôi để tôi được trường sinh. 紫 微 夫 人 祝 曰: 開 通 天 庭 使 我 長 生 (Tử Vi phu nhân chúc viết: Khai thông thiên đình, sử ngã trường sinh.) (Xem Nội Cảnh, Vụ Thành Tử chú.)

Địa quan 地 關: Có lẽ là huyệt Chiếu Hải 照 海 dưới mắt cá chân trong, vừa thuộc Thận kinh, vừa là đầu Âm kiều mạch 陰 蹻 脈, hoặc là huyệt Hội Âm 會 陰. Nhiều sách gọi Hội Âm là Âm kiều mạch.

Liệt phủ cân 列 斧 斤: Bày ra rìu búa. Ám chỉ sự phòng thủ nghiêm mật.

Tử Hà Tử cho rằng chương này đại ý khuyên: Ngày càng bồi dưỡng thêm. Ngày càng đề phòng thêm cho cẩn mật.

Câu 11. Linh đài bàn cố vĩnh bất suy.

靈 臺 盤 固 永 不 衰

Bản Tử Hà ghi: Linh đài hoàn cố vĩnh bất suy 靈 臺 完 固 永 不 衰. Ngoại cảnh sau đổi thành: Linh căn kiên cố vĩnh bất suy 靈 臺 堅 固 永 不 衰.

Linh đài 靈 臺: Tâm 心.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này đã được Huỳnh Đình Ngoại Cảnh toát lược lại như sau:

Huỳnh Đình trung nhân ý chu y,

黃 庭 中 人 衣 朱 衣

Quan môn mẫu thược, hợp lưỡng phi.

關 門 牡 籥 合 兩 扉

Đan điền chi trung tinh khí vi,

丹 田 之 中 精 氣 微

U khuyết hiệp chi cao nguy nguy,

幽 闕 俠 之 高 巍 巍

Ngọc trì, thanh thủy thượng sinh phì.

玉 池 清 水 上 生 肥

Linh căn kiên cố, Lão bất suy ...

靈 根 堅 固 老 不 衰

(Ngoại Cảnh, chương 2)

Khảo Nội Cảnh và Ngoại Cảnh cùng với các lời bình giảng, ta thấy tuy Nội Cảnh và Ngoại Cảnh bất đồng ý kiến về những tiểu tiết, nhưng đại ý cả hai vẫn chỉ là:

- Quán tưởng thần Huỳnh Đình.

- Bế tỏa giác quan.

- Yết tân (nuốt nước miếng).

- Điều tức, dưỡng thần.

Chương này đại ý dạy người đạo sĩ:

1. Quán tưởng hình ảnh thần Huỳnh đình hiện ra trong tâm khảm dưới phẩm phục rực rỡ. Thần Huỳnh đình được bao phủ bởi một vầng chân khí của ngũ tạng, y như mặc áo gấm năm màu, mặc quần sặc sỡ bằng những áng mây trời, hồng chen sắc lục, xanh thắm đua tươi. (Các câu 1, 2, 3)

2. Nhắm nghiền đôi mắt, để hồi quang phản chiếu, bế quan, tồn thần. (Các câu 4, 5)

3. Đem Ngọc dịch, quỳnh tương (nước miếng) vận chuyển, nuôi dưỡng châu thân. (Câu 6)

4. Vận khí, điều thần, cho chân khí nhẹ nhàng lưu chuyển trong tam điền. (Câu 7)

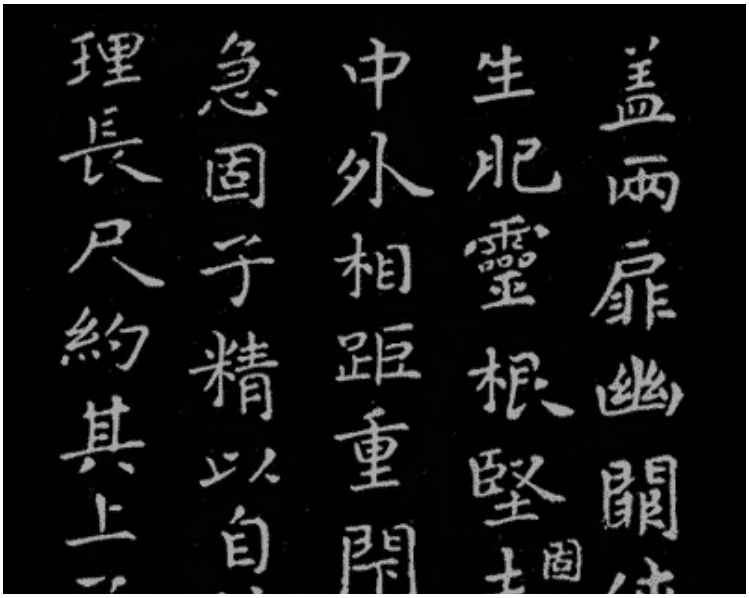
Nếu làm được như vậy:

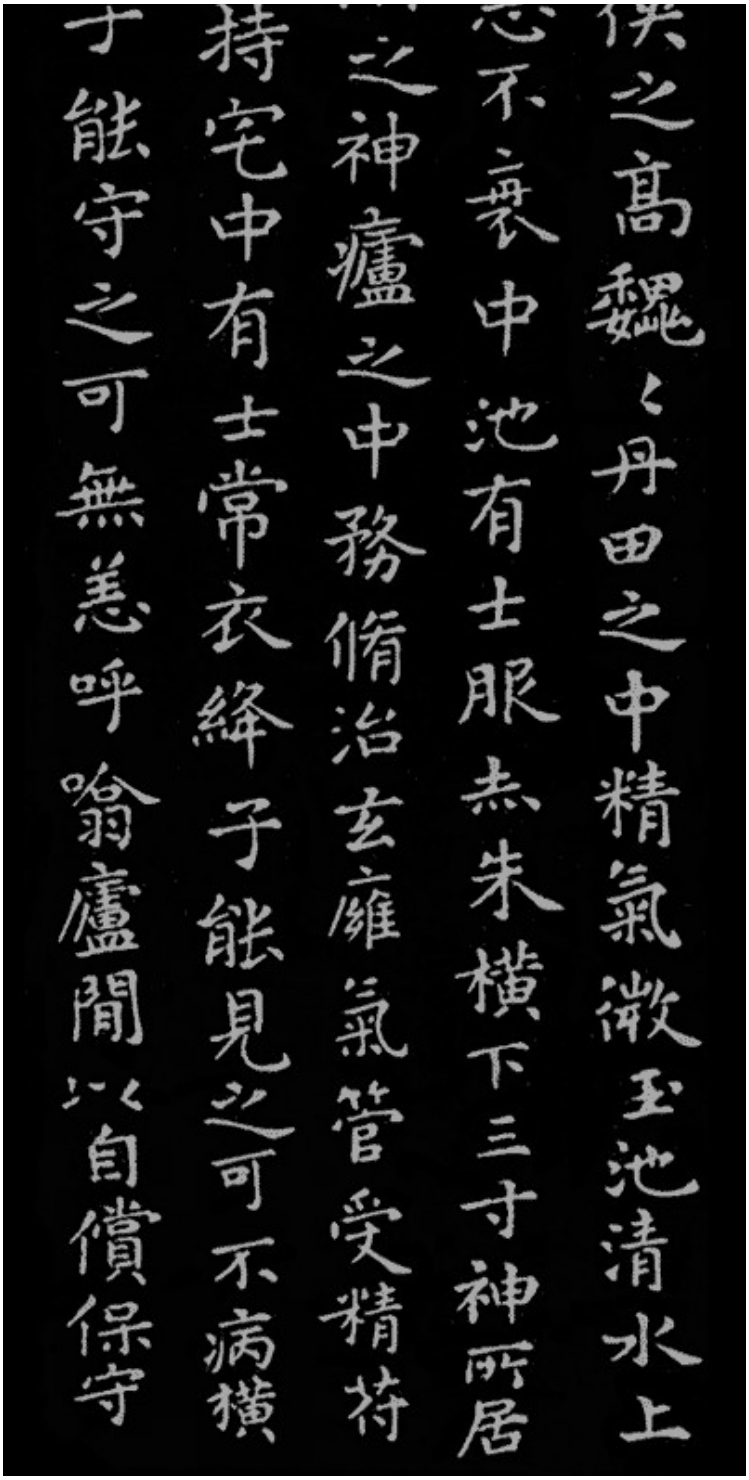
- Thính giác sẽ trở nên bén nhạy. (Câu 8)

- Tâm thần sẽ trở nên thông sáng. (Câu 9)

- Thân hình cũng sáng sủa, rực rỡ y như thế. (Câu 10)

- Tâm hồn sẽ trở nên kiên cường, dũng mãnh.(Câu 11)





Huỳnh Đình Kinh - thư pháp Vương Hi Chi 王 羲 之 (321-379)

... 盖 兩 扉 幽 闕 俠 之 高 巍 巍 丹 田 之 中 精 氣 微 玉 池 清 水 上
生 肥 靈 根 堅 固 志 不 衰 中 池 有 士 服 赤 朱 橫 下 三 寸 神 所 居
中 外 相 距 重 閇 之 神 廬 之 中 務 修 治 玄 膺 氣 管 受 精 符
急 固 子 精 以 自 持 宅 中 有 士 常 衣 絳 子 能 見 之 可 不 病 橫
理 長 尺 約 其 上 子 能 守 之 或 無 恙 呼 嗡 廬 間 以 自 償 保 守 ...

---

[1] Luật lã (lữ) 律 呂: nói chung về luật âm nhạc. Thời Hoàng Đế 黃 帝 có Linh Luân 伶 倫 dùng ống trúc

dài và ngắn để tạo âm thanh và phân biệt 6 loại dương luật 陽 律: (1) hoàng chung黃 鍾: ống trúc dài 9 thốn 寸 ứng với tháng 11; (2) thái thốc 太 簇: ống trúc dài 8 thốn 寸 ứng với tháng giêng; (3) cô tẩy 姑 洗: ống trúc dài 7 thốn 寸 1 phân 分 ứng với tháng 3; (4) nhuy tân 蕤 賓: ống trúc dài 6 thốn 寸 2 phân 分 ứng với tháng 5; (5) di tắc 夷 則: ống trúc dài 5 thốn 寸 5 phân 分 ứng với tháng 7; và (6) vô xạ 無 射: ống trúc dài 4 thốn 寸 8 phân 分 ứng với tháng 9. Ngoài ra còn phân biệt 6 âm lữ 陰 呂: (1) lâm chung 林 鍾: ống trúc dài 6 thốn 寸 ứng với tháng 6; (2) nam lữ 南 呂: ống trúc dài 5 thốn 寸 3 phân 分 ứng với tháng 8; (3) ứng chung 應 鍾: ống trúc dài 4 thốn 寸 6 phân 分 ứng với tháng 10; (4) đại lữ 大 呂: ống trúc dài 8 thốn 寸 3 phân 分 ứng với tháng 12; (5) giáp chung 夾 鍾: ống trúc dài 7 thốn 寸 4 phân 分 ứng với tháng 2; và (6) trọng lữ 仲 呂: ống trúc dài 6 thốn 寸 5 phân 分 ứng với tháng 4. Như vậy luật lữ là tiêu chuẩn ấn định âm thanh cao thấp trong đục cho các loại nhạc cụ Trung Quốc cổ đại. (Chú thích của Uông Khiếu Doãn 汪 嘯 尹 đời Thanh, Thiên Tự Văn Thích Nghĩa 千 字 文 釋 義, Liêu Ninh, 1994, tr. 61).

[2] Vương Lực 王 力 chủ biên, Cổ Hán Ngữ Thường Dụng Tự Tự Điển 古 漢 語 常 用 字 字 典, Thương Vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1993, tr. 360.

[3] Chân Cáo 真 誥 là điển tịch chủ yếu của Thượng Thanh Mao Sơn tông 上 清 茅 山 宗. Kinh này do Đào Hoằng Cảnh 陶 弘 景 (456-536) soạn, ký lục những lời giảng của Dương Hi 楊 羲 (331-386) và thêm vào đó những ghi chép của Đào Hoằng Cảnh về kinh nghiệm tu hành và các thư từ lai vãng. Trong Thượng Thanh phái 上 清 派, Ngụy phu nhân 魏 夫 人 (Ngụy Hoa Tồn 魏 華 存) là đệ nhất tổ (gọi là Thái Sư 太 師), Dương Hi 楊 羲 là nhị tổ (gọi là Huyền Sư 玄 師), Hứa Mục 許 穆 là tam tổ (gọi là Chân Sư 真 師), Hứa Hội 許 翽 là tứ tổ (gọi là Tông Sư 宗 師; từ đời 4 trở đi gọi chung các tổ là Tông Sư). Đào Hoằng Cảnh là cửu tổ. Từ Đào Hoằng Cảnh về sau, Thượng Thanh phái nhập với Mao Sơn Tông nên gọi là Thượng Thanh Mao Sơn Tông.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 5
TRUNG TRÌ
中 池

A. KINH VĂN

1. Trung trì nội thần phục xích châu,

中 池 內 神 服 赤 珠

2. Đan cẩm, vân bào, đới hổ phù.

丹 錦 雲 袍 帶 虎 符

3. Hoành tân tam thốn Linh Sở cư,

橫 津 三 寸 靈 所 居

4. Ẩn chi, ế uất tự tương phù.

隱 芝 翳 鬱 自 相 扶

B. LƯỢC DỊCH

Thần ở Trung trì mặc xích chu,

Vân bào, gấm đỏ, mang hổ phù,

Dưới rốn ba tấc, Thần Linh ngự,

Hai khí Âm Dương, đã sẵn phù...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Trung trì nội thần phục xích châu.

中 池 內 神 服 赤 珠

Bản Tử Hà: Trung trì nội thần phục xích chu. 中 池 內 神 服 赤 朱. Trung trì 中 池: Đởm 膽 (mật) (Vụ Thành tử giải); Hạ Đan điền 下 丹 田, Khí hải 氣 海, Nguyên hải 元 海 (Tử Hà giải).

Câu 2. Đan cẩm, vân bào, đới hổ phù.

丹 錦 雲 袍 帶 虎 符

Đơn cẩm 丹 錦: Gấm đỏ.

Vân bào 雲 袍: Áo bào kết bằng mây.

Đới hổ phù 帶 虎 符: Lưng đeo tín phù có hình con hổ.

Câu 3. Hoành tân, tam thốn Linh sở cư.

橫 津 三 寸 靈 所 居

Bản Tử Hà ghi: Hoành kính tam thốn Thần sở cư. 橫 徑 三 寸 靈 所 居

Hoành tân 橫 津: Rốn (Vụ Thành Tử giải).

Hoành kính tam thốn 橫 徑 三 寸: Nơi ở của thần gọi là Qui trung nhất khiếu có 3 tấc bề ngang.

Câu 4. Ẩn chi ế uất, tự tương phù.

隱 芝 翳 鬱 自 相 扶

Ẩn chi và ế uất 隱 芝 翳 鬱: Tử Hà cho rằng: Nội thần ở giữa Qui Trung nhất khiếu, bên phải có một vị đạo nhân tên là Ẩn Chi Nhận 隱 芝 仞 tức là Kim khí 金 氣, bên trái có một vị đạo nhân tên là Ế Uất Nhạn 翳 鬱 仞, tức là Mộc khí 木 氣.

Ta thấy ngay hình ảnh Thái Cực và Âm Dương nhị khí. Thần khí mà xung hòa, thời đắc đạo, đắc đan vậy.

D. BÌNH GIẢNG

Trước hết ta ghi nhận rằng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh nơi chương 3, cũng có đề cập nội dung chương Trung trì này. Ngoại Cảnh viết:

Trung trì hữu sĩ, phục xích chu,

中 池 有 士 服 赤 朱

Điền hạ tam thốn thần sở cư,

田 下 三 寸 神 所 居

Trung ngoại tương cự, trùng bế chi,

中 外 相 距 重 閉 之

Thần lư chi trung, vụ tu trị...

神 廬 之 中 務 修 治

Muốn hiểu chương này, cũng như muốn giải tỏa những thắc mắc về Huỳnh Đình, về Tam đan điền, ta phải biết quan niệm của người xưa về Nguyên thần 元 神, hay Tâm thần 心 神, tức là Thần của Tâm.

Quan niệm ấy như sau:

Nguyên thần 元 神 hay NHẤT 一 có tên là Tử Đan 子 丹. Tử 子 là Liễu Nhất 了 一. Đan 丹 là Nhật Nguyệt, Âm Dương, Thần khí hợp nhất.日 月 陰 陽 神 氣 合 一.

Nguyên thần cũng còn được gọi là Xích Tử Chân Nhân Kiết Đan 赤 子 真 人 子 丹. Vì là Thần của Tâm nên nói mặc áo đỏ, vì Tâm thuộc Hỏa có màu đỏ. Thần này ở Trung Cung, nên đôi khi cũng mô tả là mặc váy vàng, vì màu vàng là màu Trung Cung, Trung Điểm.[1]

Cũng như vị Lão quân ở trên trời có thể tùy nghi ở ba cung Tam Thanh, Nguyên Thần trong người cũng có thể tùy ý ở ba cung Tam Thanh trong con người. Chính vì vậy mà Vụ Thành Tử đã nói: «Đạo hữu tam Nguyên; Tứ ý sở tòng.» 道 有 三 元 肆 意 所 從 (Đạo có 3 nơi [ở]; Tùy ý sở tòng.)

Vụ Thành Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, trang 1b và Bão Phác Tử quyển 18 có chép:

«NHẤT có tính danh, phục sức. Nơi con trai thì cao 9 phân, nơi con gái thì cao 6 phân. Hoặc ở dưới rốn 2 tấc 4 phân, trong Hạ Đan điền. Hoặc ở tại Giáng Cung Kim Khuyết, phía dưới tim, nơi Trung Đan điền. Hoặc là ở nơi lưỡng mi gian đi vào: 1 tấc là Minh Đường, 2 tấc là Động Phòng, 3 tấc là Đan điền.»

Về Tam đan điền, như vậy là ta có:

- Thượng Đan điền 上 丹 田 (Nê Hoàn Cung泥 丸 宮): Lưỡng mi gian 兩 眉 間 đi vào 3 tấc.

- Trung Đan điền 中 丹 田 (Giáng Cung 絳 宮, Huỳnh Đình 黃 庭): Trên rốn 3 tấc.

- Hạ Đan điền 下 丹 田 (Khí Hải 氣 海, Nguyên Hải 元 海): Dưới rốn 3 tấc.

Cũng nên ghi nhận rằng theo khoa Châm cứu thì:

- Trên rốn 3 tấc là huyệt Kiến Lý 建 里.

- Dưới rốn 1 tấc rưỡi là huyệt Khí Hải 氣 海.

- Dưới rốn 3 tấc là huyệt Quan Nguyên 關 元.

Khi đã xác định được vị trí của Nguyên Thần ở đâu, thì đem Nguyên Khí về qui tụ lại đó, cho Thần Khí hòa hài.

Chương 4 trên đây, đại khái nói về Thần Chân Nhất tại Trung Đan điền. Chương này đại khái nói về Thần Chân Nhất ở tại Hạ Đơn điền. Chương 6 và 7, sau đề cập đến Thần Chân Nhất ở tại Nê Hoàn cung, tại Thượng Đan điền. Người xưa có thơ:

Tâm tại Đơn điền, thân hữu chủ,

心 在 丹 田 身 有 主

Khí qui Nguyên hải, thọ vô cùng.[2]

氣 歸 元 海 壽 無 窮

Cảnh Dương Tử 景 陽 子 nói:

«Tính qui Nguyên hải, sinh kim dịch,

性 歸 元 海 生 金 液

Mệnh phục Hư vô, sản ngọc hoa.»[3]

命 復 虛 無 產 玉 葩



---

[1] Xem Lương Khưu Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, chương 1, và lời bàn của Bão Phác Tử về Nhất nơi cuối sách đó. Xem Huỳnh Đình Nội Cảnh, chương 17. Xem phần Khảo luận của tôi ở phần trên, nơi chương 6, mục Người xưa nhận định về Huỳnh Đình.

[2] Nguyên hải 元 海 có thể hiểu được là Nê Hoàn Cung 泥 丸 宮, cũng có thể hiểu được là Khí hải 氣 海, Hạ Đan điền 下 丹 田.

[3] Xem Đái Nguyên Trường, Tiên học từ điển, tr. 49.

Chữ 葩 còn đọc là ba như các tự điển Hán Việt đã ghi. Tuy nhiên Khang Hi phiên thiết nó là: phổ ba thiết phạ bình thanh 普 巴 切 帊 平 聲, vậy đọc là pha; chữ 葩 đồng nghĩa với hoa 花 (bông hoa). Thuyết Văn Giải Tự giải nghĩa 葩 là hoa 華 và phiên thiết là: phổ ba thiết 普 巴 切, vậy đọc là pha.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 6
THIÊN TRUNG
天 中

A. KINH VĂN

1. Thiên trung chi nhạc, tinh cẩn tu,

天 中 之 岳 精 謹 修

2. Vân trạch ký thanh, Ngọc đế du,

雲 宅 既 清 玉 帝 遊

3. Thông lợi đạo lộ vô chung hưu,

通 利 道 路 無 終 休

4. Mi hiệu Hoa Cái, phúc minh châu,

眉 號 華 蓋 覆 明 珠

5. Cửu u nhật nguyệt, đỗng không vô.

九 幽 日 月 洞 空 無

6. Trạch trung hữu Chân, thường ý đan,

宅 中 有 真 常 衣 丹

7. Thẩm năng kiến chi, vô tật hoạn,

審 能 見 之 無 疾 患

8. Xích châu, linh quần, hoa thiến xán.

赤 珠 靈 裙 華 蒨 粲

9. Thiệt hạ Huyền ưng sinh tử ngạn,

舌 下 玄 膺 生 死 岸

10. Xuất thanh, nhập huyền, nhị khí hoán,

出 青 入 玄 二 氣 煥

11. Tử nhược ngộ chi thăng Thiên Hán.

子 若 遇 之 昇 天 漢

B. LƯỢC DỊCH

Núi mọc giữa trời, hãy cố tu,

Nhà mây quang quẻ, Ngọc Đế du,

Khai thông đạo lộ, chớ trù trừ.

Mi là hoa cái, che minh châu,

Hai vầng nhật nguyệt chiếu hư vô,

Trong nhà, có Thần, mang y đơn,

Nếu mà thấy được, không bệnh hoạn.

Xích châu, linh quần, trông xán lạn.

Khí quản ấy là sinh tử ngạn,

Hai khí đục trong thường giao hoán,

Nếu mà gặp được, thăng Thiên Hán...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Thiên trung chi nhạc tinh cẩn tu.

天 中 之 岳 精 謹 修

Thiên trung chi nhạc 天 中 之 岳: Mũi. Mũi còn được gọi là Thiên đài 天 臺.

Sách Tiêu Ma kinh 消 魔 經 nói rằng: «Mũi thường nên được ma sát hai bên tả, hữu, để khí được bình. Thế gọi là 'khái quán Trung nhạc' (tưới tắm cho Trung Nhạc). Tên sẽ được ghi vào đế lục.» 消 魔 經 云: 鼻 欲 數 按 其 左 右, 令 人 氣 平. 所 謂 溉 灌 中 岳, 名 書 帝 錄 (Tiêu Ma kinh vân: Tỵ dục sổ án kỳ tả hữu, lịnh nhân khí bình. Sở vị khái quán Trung nhạc, danh thư đế lục.)

Câu 2. Vân trạch ký thanh Ngọc đế du.

雲 宅 既 清 玉 帝 遊

Vân trạch 雲 宅: Mặt, cũng còn được gọi là Xích trạch 尺 宅. Mặt là nơi mi, mắt, mũi, mồm cư ngụ, nên gọi là trạch 宅 (nghĩa là nhà). Giữ gìn cho nó được thanh thông, thần tiên sẽ viếng thăm.

Bản Tử Hà ghi: Linh trạch ký thanh, Ngọc đế du 靈 宅 既 清 玉 帝 遊.

Câu 3. Thông lợi đạo lộ, vô chung hưu.

通 利 道 路 無 終 休

Bản Tử Hà ghi: Thông lợi đạo lộ, vô đình hưu 通 利 道 路 無 停 休.

Kinh Thái Tố Đan Cảnh 太 素 丹 景 chép: «Thường nên dùng hai tay, ma sát mặt, cao thấp tùy hình, đừng ngừng nghỉ, sẽ làm thông lợi khí mạch của tai, mắt, mũi, mồm.» 太 素 丹 景 經 曰: 一 面 之 上, 常 欲 兩 手 摩 拭 之. 高 下 隨 形 不 休, 息 則 通 利 耳 目 鼻 口 之 氣 脈 (Thái Tố Đan Cảnh Kinh viết: nhất diện chi thượng, thường dục lưỡng thủ ma thức chi. Cao hạ tùy hình bất hưu tức, tắc thông lợi nhĩ mục tỵ khẩu chi khí mạch.)

Câu 4. Mi hiệu hoa cái phúc minh châu.

眉 號 華 蓋 覆 明 珠

Hoa cái 華 蓋: Lọng che. Minh châu 明 珠: Hai mắt.

Phúc 覆: Che đậy; như nói thiên phúc địa tải 天 覆 地 載 trời che, đất chở).

Câu 5. Cửu u nhật nguyệt đỗng không vô.

九 幽 日 月 洞 空 無

Bế mục tồn thần, để thần quang của đôi mắt soi rõi vào tâm khảm.

Câu 6. Trạch trung hữu Chân thường y đan.

宅 中 有 真 常 衣 丹

Trạch trung 宅 中: Trong mặt, trong đầu.

Chân 真: Ở đây là Tâm thần 心 神, tức Xích Thành đồng tử 赤 城 童 子, hay Chân nhân 真 人, hay Xích tử 赤 子.

Như vậy vẫn là một thần Tử đan 子 丹 mà ta gặp nơi chương trước; vẫn mặc thứ áo đỏ quen thuộc; cũng còn được gọi là Tâm đan 心 丹.

Câu 7. Thẩm năng kiến chi vô tật hoạn.

審 能 見 之 無 疾 患

Nguyên Dương Tử 元 陽 子 viết: «Thường tồn tâm thần, tắc vô bệnh dã.» 常 存 心 神 則 無 病 也.

Câu 8. Xích châu, linh quần, hoa thiến xán.

赤 珠 靈 裙 華 蒨 粲

Bản Tử Hà ghi: Xích châu, linh cứ hoa thiến xán 赤 珠 靈 裾 華 蒨 燦. Và cho rằng xích châu, linh cứ đều là các loại châu ngọc.

Linh quần 靈 裙: Vụ Thành Tử lại ghi là Linh quần, như vậy là quần áo.

Thiến xán 蒨 粲: Rực rỡ, đẹp đẽ.

Câu 9. Thiệt hạ Huyền ưng sinh tử ngạn.

舌 下 玄 膺 生 死 岸

Huyền ưng 玄 膺: Họng, cuống họng. Chẳng những là đạo lộ thông tân dịch, mà còn là đạo lộ thông khí hô hấp.

Ngoại Cảnh gọi Huyền ưng là Khí quản: Huyền ưng khí quản thụ tinh phù. 玄 膺 氣 管 受 精 符 (chương 3). Có bản lại chép: Huyền ưng khí quản thụ tinh phủ 玄 膺 氣 管 受 精 府. Vụ Thành Tử chú thích câu này: «Huyền ưng là bến bờ thông tân dịch. Kinh này nói Huyền ưng là khí quản thông tân phủ.» 玄 膺

者, 通 津 液 之 岸 也. 本 經 云: 玄 膺 氣 管 受 津 府 (Huyền ưng giả, thông tân dịch chi ngạn dã. Bản kinh vân: Huyền ưng khí quản thụ tân phủ.)

Câu 10. Xuất thanh, nhập huyền, nhị khí hoán,

出 青 入 玄 二 氣 煥

và Câu 11. Tử nhược ngộ chi thăng Thiên Hán.

子 若 遇 之 昇 天 漢

Hai câu này đại khái nói rằng: Nếu biết thổ nạp 吐 納 nhị khí Âm Dương, nếu hiểu được ý nghĩa thổ nạp, con người sẽ thành tiên.

D. BÌNH GIẢNG

Lời bình giảng của Vụ Thành Tử về chương này làm nổi bật lên 4 vấn đề:

1. Ma sát mũi, mặt (các câu 1, 2, 3).

2. Hồi quang phản chiếu 回 光 返 照 (các câu 4, 5).

3. Tồn tâm thần 存 心 神 (các câu 6, 7).

4. Nuốt ngọc dịch (yết tân) 咽 津 (các câu 7, 8).

5. Thổ nạp 吐 納, tức là thở độc khí ra, hít thanh khí vào.

Hồi quang phản chiếu 回 光 返 照 và tồn tâm thần 存 心 神 rất quan trọng nhưng chúng ta đã đề cập nhiều. Phép nuốt Ngọc dịch (tức yết tân) đã được giải thích nơi chương 3.

Nơi chương này ta bàn về hai vấn đề: (1) Ma sát mặt mũi và (2) Thổ nạp.

1. Ma sát mặt mũi.

Các sách dưỡng sinh thuộc đạo Lão xưa thường hay bàn về vấn đề này. Trong Thập nhị đoạn động công thì phép ma sát mặt (mà người xưa gọi là Dục diện 浴 面: tắm mặt) được xếp hàng thứ ba sau Khấu xỉ 叩 齒 và Yết tân 咽 津. Tất cả những phương pháp đạo dẫn án ma 導 引 按 摩 của đạo Lão cốt là để khử bệnh 去 病, diên niên 延 年 mà thôi.

Dục diện 浴 面 (tắm mặt, ma sát mặt):

«Lấy hai tay, xoa vào nhau cho nóng, rồi chà xát lên mặt, như khi rửa mặt. Làm thế, râu tóc sẽ không bạc, mặt sẽ trẻ mãi.» (Xem Thọ thế thanh biên, tr. 18, và Thông Thiên bí thư tục tập, Trí phú toàn thư, q. 4, tr. 8b.)

Sách Chân Tây Sơn vệ sinh ca của Tử Viên tiên sư có bài thơ sau:

Thu đông nhật xuất, thủy xuyên y,

秋 冬 日 出 始 穿 衣

Xuân hạ kê minh, nghi tảo khởi.

春 夏 雞 鳴 宜 早 起

Tí hậu, Dần tiền, thụy giác lai,

子 後 寅 前 睡 覺 來

Minh mục khấu xỉ, nhị thất hồi,

暝 目 叩 齒 二 七 回

Hấp tân, thổ cố, vô lệnh ngộ,

吸 新 吐 故 毋 令 誤

Yến thấu ngọc tuyền, hoàn dưỡng thai.

嚥 漱 玉 泉 還 養 胎

Chỉ ma thủ tâm, úy lưỡng nhãn,

指 摩 手 心 熨 兩 眼

Nhưng cánh giai ma ngạch dữ diện.

仍 更 揩 摩 額 與 面

Trung chỉ thời thời sát tị hành,

中 指 時 時 擦 鼻 莖

Tả hữu nhĩ căn, thuyên sổ biến,

左 右 耳 根 筌 數 遍

Cánh năng can dục nhất thân gian ...

更 能 乾 浴 一 身 間

Dịch:

Thu Đông, mặc áo, lúc Dương lên,

Xuân Hạ, gà gáy, nên dậy sớm.

Nửa đêm về sáng, nếu tỉnh dậy,

Nhắm mắt nghiến răng 27 hồi,

Nạp tân, thổ cố, đừng nhầm nhỡ.

Nước miếng nuốt vào dưỡng hình hài.

Ngón (tay) chà lòng tay, vuốt đôi mắt,

Đoạn chà xát thêm trán và mặt.

Cánh mũi nên dùng ngón giữa vuốt.

Quanh tai hai phía nên sát ma,

Rồi đến toàn thân nên ma sát ...

Sách Thông Thiên Bí Thư tục tập, tức Trí phú toàn thư của Vương Hiển Đình, nơi quyển 4, tr. 6b, còn ghi chép Án ma diện thượng chư huyệt 按 摩 面 上 諸 穴, nghĩa là phép xoa bóp các huyệt trên mặt như: Tinh minh, Thái dương, Ngư vĩ, Thừa tương, Ti Trúc không, Nghinh hương ...

2. Phép thổ nạp

Thổ nạp 吐 納 hay Thổ cố nạp tân 吐 故 納 新 nghĩa là lấy miệng hà hơi cũ ra dùng mũi hít hơi mới vào. Làm sao cho mũi hít vào nhiều, miệng thở ra ít làm cho từ từ, để tâm trí vào đó, làm lâu lai sẽ diên niên ... (Đạo học từ điển, tr. 108). [1]

Hít vào chỉ có một cách gọi là Hấp 吸. Còn thở ra có sáu cách, theo âm sáu chữ là Hư 噓, Ha 呵, Hô 呼, Hí 呬, Xuy 吹, Y 噫.

Mỗi chữ đó, công hiệu hơn kém tùy theo mùa, có ảnh hưởng đến một tạng nhất định nào trong ngũ tạng, và chữa được một loại bệnh nào. Xem đồ bản dưới đây sẽ rõ:

LỤC TỰ 六 字	MÙA NÀO CÔNG HIỆU HƠN	ỨNG VỚI BỘ PHẬN	CHỮA BỆNH
Hư 噓	Xuân	gan	bệnh gan
Ha 呵	Hạ	tim	bệnh tim
Hô 呼	tứ quý	tì	bệnh tì
Hí 呬	18 ngày cuối mỗi mùa	phế	bệnh phổi
Xuy 吹	Thu	thận	bệnh thận
Y 噫 (Hi 嘻)	Đông	tam tiêu	nhiệt bệnh

- Thọ Thế Thanh Biên nơi các trang 23b, 24a, 24b dạy cách thổ nạp như:

- Ở trong phòng yên tĩnh, ấm áp.

- Ngồi xếp chân bàn tròn, ngồi yên.

- Thi hành động công trước cho khí huyết chuyển vận.

- Bế tỏa ngũ quan, ngậm miệng, cắn răng, lòng không, tâm tĩnh. Như thế, một lúc lâu, cho khí huyết trở nên hòa hoãn, hơi thở điều hòa.

- Sau đó, dùng miệng phả độc khí ra 2, 3 lần.

- Rồi sau đó, mới tùy bệnh, tùy mùa mà đọc rất nhỏ các chữ Hư 噓, Ha 呵, Hô 呼, Hí 呬, [2] Xuy 吹, Y 噫.

Sáu chữ này cốt là để phả độc khí ra, đoạn mới hít hơi vào. Mỗi thứ làm 24 hoặc 26 lần.

· Sách Trí Phú Toàn Thư ghi rõ hơn như sau:

- Từ giờ Tí (nửa đêm) đến giờ Tị (9 - 11 giờ) thuộc Dương, quay về hướng đông, ngồi ngay ngắn.

- Khấu xỉ 叩 齒 (đập răng) để tập thần, tụ thần.

- Yết tân 咽 津 (nuốt nước bọt).

Xong rồi:

(1) Khẽ đọc chữ Ha 呵 (đọc rất khẽ, không cho tai mình nghe tiếng) để phả độc khí nơi tâm xoang. Rồi ngửa mặt lên trời, hít thanh khí, để bổ tim. Như vậy 6 lần.

(2) Rồi đọc chữ Hô 呼 để phả độc nơi Tì. Rồi hít thanh khí vào để bổ Tì. Làm 6 lần.

(3) Rồi đọc chữ Hí 呬 để phả khí độc nơi Phổi, hít thanh khí vào để bổ phế, 6 lần.

(4) Đọc chữ Hư 噓 để phả độc khí nơi gan, Hít thành khí vào để bổ Gan, 6 lần.

(5) Đọc Hi 嘻 để thả độc khí trong mật, hít thanh khí vào để bổ mật, 6 lần.

(6) Đọc Xuy 吹 để tả độc khí nơi thận, hít thanh khí vào để bổ Thận, 6 lần.

6 x 6 = 36 lần, tức là 1 vòng Đại Chu Thiên 大 周 天.

Từ giờ Ngọ 午 đến giờ Hợi 亥, quay mặt về phía Nam, vì Nam phương là Hỏa, có thể trừ Âm độc 陰 毒. (Xem sách đã dẫn nơi tr. 7b, q. 4).

- Sách Trí phú Toàn Thư, nơi tr. 8a, quyển 4, còn cho một bài Diên niên lục tự quyết 延 年 六 字 訣 như sau:

(1) Đọc Hư 噓 chữa bệnh gan, gan nhiệt, mắt đỏ, mắt mờ, chảy nước mắt.

(2) Đọc Ha 呵 chữa bệnh tim và bệnh ở Thượng Tiêu.

(3) Đọc Hí 呬 chữa bệnh phổi, cảm hàn, cảm nhiệt, lao muộn, hoặc độc sang.

(4) Đọc Xuy 吹 trị bệnh Thận, bệnh tai hoặc lưng, gối lạnh, dương đạo yếu.

(5) Đọc Hi 嘻 trị bệnh Tam tiêu.

(6) Đọc Hô 呼 trị Tì, bụng chướng, bụng đầy, tứ chi phiền muộn, khí trệ không thông.

Sách Thọ Thế Thanh Biên nơi tr. 24b có bài thơ:

Xuân Hư minh mục, mộc phù can,

Hạ chí Ha tâm hỏa tự nhàn.

春 噓 明 目 木 扶 肝

Thu Hí định tri kim phế nhuận,

夏 至 呵 心 火 自 閑

Đông Xuy duy lệnh Thận trung an.

秋 呬 定 知 金 肺 潤

Tam Tiêu Hi khước trừ phiền não,

冬 吹 惟 令 腎 中 安

Tứ quí thường Hô, Tì hóa xan.

三 焦 嘻 卻 除 煩 惱

Thiết kỵ xuất thanh văn khẩu nhĩ,

四 季 常 呼 脾 化 餐

Kỳ công vưu thắng bảo Thần đan ... [3]

其 功 尤 勝 保 神 丹

Về phương pháp Án ma, xin đọc thêm quyển Cổ Tiên Đạo Dẫn Án Ma Pháp 古 仙 導 引 按 摩 法. Về phép thổ nạp, xin đọc thêm quyển Tu Linh Yếu Chỉ 修 齡 要 指, chương Diên niên lục tự quyết 延 年 六 字 訣, và Tứ quý khước bệnh ca四 季 卻 病 歌, nơi các trang 2h, 3a, v.v.

Chúng ta cũng nên ghi nhận rằng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh nhấn mạnh đến các phép:

(1) Quán tưởng Thần Huỳnh Đình

Trạch trung hữu sĩ thường y giáng,

宅 中 有 士 常 衣 降

Tử năng kiến chi, khả bất bệnh.

子 能 見 之 可 不 病

Hoành kính trường xích ước kỳ thượng,

橫 徑 長 尺 約 其 上

Tử năng thủ chi khả vô dạng.

子 能 守 之 可 無 恙

(2) Thổ nạp (ngưng thần tụ khí về Thượng đan điền)

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, chương 4, viết:

Hô hấp lư gian dĩ tự thưởng,

呼 吸 廬 間 以 自 償

Bảo thủ hoàn kiên, thân thụ khánh.

保 守 完 堅 身 受 慶

Nơi chương 3, khi nói về phương pháp Yết tân, tôi có ghi lời của Tử Hà cho rằng đó không phải là đại đạo.

Nơi đây khi bàn về phương pháp thổ nạp của đạo Lão, về chiều hướng giải thích chương này, nghiêng về các phương pháp ma sát, thổ nạp của Vụ Thành Tử, tôi cũng ghi lại quan điểm của Sung Ẩn Tử Thạch Hòa Dương, một trong những nhà bình giải Huỳnh Đình Ngoại Cảnh.

Khi bình câu «Hô hấp lư gian dĩ tự thưởng» nơi chương 4 Huỳnh Đình Ngoại Cảnh ông viết:

«Thế tức là đi đứng nằm ngồi, không lìa Cái Đó [Nê Hoàn Cung, Tổ Khiếu, Phương Thốn, Huỳnh Đình]. Ngưng thần, tụ khí về nơi đó, lâu lai, sẽ thành thai tiên [...] Khí đó không phải là Khí hô hấp. Cho nên bàng môn bày ra thuyết vận khí, đánh lừa người không ít.» 所 謂 行 住 坐 臥, 不 離 這 個. 凝 神 聚 氣 於 這 個 之 中, 久 則 成 胎 仙 矣. [...] 此 氣 非 呼 吸 之 氣. 是 以 傍 門 有 運 氣 之 說, 誤 人 不 少 (Sở vị hành trú tọa ngọa, bất ly Giá Cá. Ngưng thần tụ khí ư Giá Cá chi trung, cửu tắc thành thai tiên hĩ. [...] Thử khí phi hô hấp chi khí. Thị dĩ bàng môn hữu vận khí chi thuyết, ngộ nhân bất thiểu.)

Tiên Học Từ Điển (tr. 70) cũng xếp bốn môn Động, Tĩnh, Thuật, Lưu sau đây là ngoại đạo, tức là những phương thuật, công phu không giúp con người đắc đạo được:

1- Động 動: Thể thao 體 操, vận động 運 動, ma sát 摩 擦, đạo dẫn 導 引.

2- Tĩnh 靜: Tham thiền 參 禪, đả tọa 打 坐, giới ngữ 戒 語, trì trai 持 齋, hưu lương 休 糧 (nhịn ăn), tị cốc 避 谷 (vào hang ở ẩn), thụy công 睡 功 (phép nằm ngủ), lập công 立 功 (phép đứng), v.v.

3- Thuật 術: Phù chú 符 咒, hô phong 呼 風, hoán vũ 喚 雨, v.v.

4- Lưu 流: Y 醫, bốc 卜, tinh 星, tướng 相, v.v.

Trang Tử nơi chương Khắc Ý của Nam Hoa Kinh cho rằng: «Xuy, hu, thổ nạp, vận động như gấu leo, chim lượn, là cốt tăng thọ. Đó là sở thích của các người thích môn đạo dẫn, thích dưỡng hình, thích thọ như Bành Tổ.» [4]

Trong khi bàn về phương pháp yết tân, thổ nạp, đạo dẫn, ma sát, vận khí, điều tức, v.v... tôi cũng vẫn nhận định rằng chúng chỉ có công hiệu đối với cơ thể chúng ta, làm cho khí huyết thông sướng, con người mạnh khỏe ít bệnh, có vậy thôi.

Còn tập trung Thần khí, phát huệ, sống phối kết với Trời, với Đạo nơi tâm khảm mình, mới chính là Đại Đạo. Nhắc lại để người hành đạo tu trì, phân biệt được thấp cao, và đừng lặn ngụp, lạc lõng trong cái thấp, vì những kết quả sinh lý nhãn tiền mình có thể thâu lượm được ...



Tử khí đông lai 紫 氣 東 來

---

[1] Phép thổ nạp tức là lục khí pháp 六 氣 法 (cũng gọi lục tự quyết 六 字 訣 hay lục tự pháp 六 字 法). Lục tự pháp bắt đầu xuất hiện từ đời Nam Bắc Triều trong tác phẩm Dưỡng Tính Diên Mệnh Lục 養 性 延 命 錄 của Đào Hoằng Cảnh 陶 弘 景 (456-536). Sau đó xuất hiện trong quyển Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu Tạp Thuyết 修 習 止 觀 坐 禪 法 要 雜 說 của Trí Khải 智 顗 (538-597) đời Tùy, và trong quyển Thiên Kim Yếu Phương 天 金 要 方 của Tôn Tư Mạc 孫 思 邈 (541-682) đời Đường, rồi lưu hành từ đó đến nay. Nhưng 6 chữ này hơi khác nhau. Đào Hoằng Cảnh và Tôn Tư Mạc dùng 6 chữ: Xuy 吹, Hô 呼, Hi 唏, Ha 呵, Hư 噓, Hí 呬. Trí Khải đại sư của Thiên Thai tông 天 台 宗 dùng 6 chữ: Xuy 吹, Hô 呼, Hi 嘻, Ha 呵, Hư 噓, Hí 呬. Nhưng nguyên tắc chung là thở ra bằng miệng, hít vào bằng mũi (kỳ pháp dĩ khẩu thổ tị thủ 其 法 以 口 吐 鼻 取) và không để tai nghe thấy hơi ra vào (bất sử nhĩ văn 不 使 耳 聞).

[2] Chữ 呬 Khang Hi và Thuyết Văn Giải Tự đọc là hí (hứa khí thiết 許 器 切) hoặc là hứ (hứa tứ thiết 許 四 切). Vậy không đọc 呬 là hi cho khỏi lầm với chữ hi 嘻.

[3] Trí phú toàn thư q. 4, tr. 3a cũng có bài thơ tương tự.

[4] Xuy, hu, hô hấp, thổ cố nạp tân, hùng kinh, điểu thân vi thọ nhi dĩ hĩ, thử đạo dẫn chi sĩ, dưỡng hình chi nhân Bành Tổ thọ khảo giả chi sở hiếu dã. 吹, 呴, 呼 吸, 吐 故 納 新, 熊 經, 鳥 申 為 壽 而 已 矣, 此 導 引 之 士, 養 形 之 人 彭 祖 壽 考 者 之 所 好 也 (Nam Hoa Kinh, XV).

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 7

CHÍ ĐẠO

至 道

A. KINH VĂN

1. Chí đạo bất phiền quyết tồn chân,

至 道 不 煩 決 存 真

2. Nê Hoàn bách tiết, giai hữu thần,

泥 丸 百 節 皆 有 神

3. Phát thần: Thương Hoa tự Thái Nguyên,

髮 神 蒼 華 字 太 元

4. Não thần: Tinh Căn tự Nê Hoàn,

腦 神 精 根 字 泥 丸

5. Nhãn thần: Minh Thượng tự Anh Huyền.

眼 神 明 上 字 英 玄

6. Tị thần: Ngọc Lũng tự Linh Kiên,

鼻 神 玉 龍 字 靈 堅

7. Nhĩ thần: Không Bế tự U Điền,

耳 神 空 閉 字 幽 田

8. Thiệt thần: Thông Mệnh tự Chính Luân,

舌 神 通 命 字 正 倫

9. Xỉ thần: Ngạc Phong tự La Thiên.

齒 神 崿 鋒 字 羅 千

10. Nhất diện chi thần tông Nê Hoàn,

一 面 之 神 宗 泥 丸

11. Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng,

泥 丸 九 真 皆 有 房

12. Phương viên nhất thốn xứ thử trung,

方 圓 一 寸 處 此 中

13. Đồng phục tử y, phi la thường,

同 服 紫 衣 飛 羅 裳

14. Đản tư nhất bộ, thọ vô cùng.

但 思 一 部 壽 無 窮

15. Phi các biệt trú, câu não trung.

非 各 別 住 俱 腦 中

16. Liệt vị thứ tọa hướng ngoại phương.

列 位 次 坐 向 外 方

17. Sở tồn tại tâm, tự tương đương.

所 存 在 心 自 相 當

B. LƯỢC DỊCH

Chí đạo chẳng phiền, quyết tồn chân,

Nê Hoàn, bách tiết đều có thần,

Thần tóc: Thương Hoa tự Thái Nguyên.

Não thần: Tinh Căn tự Nê Hoàn,

Nhãn thần: Minh Thượng tự Anh Huyền,

Tị thần: Ngọc Lũng tự Linh Kiên,

Nhĩ thần: Không Bế tự U Điền,

Thiệt thần: Thông Mệnh tự Chính Luân,

Xỉ thần: Ngạc Phong tự La Thiên,

Chư thần nơi mặt thuộc Nê Hoàn.

Nê Hoàn Cửu Chân đều có phòng,

Vuông tròn, một tấc tại não trung.

Áo tía quần là đều rỡ ràng.

Tồn tư Cửu Chân, thọ vô cương.

Cửu Chân đều ngự tại não xoang,

Ngồi theo thứ tự hướng ngoại phương,

Nếu biết tồn tâm, Thần không tản ...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Chí đạo bất phiền quyết tồn chân,

至 道 不 煩 決 存 真

Bản Vụ Thành Tử viết quyết 決 (quyết tâm). Bản Tử Hà viết quyết 訣 (khẩu quyết). Cả hai đều có nghĩa:

(1) Đại Đạo không khó, chỉ cần quyết tâm tồn Chân.

(2) Đại Đại không khó, khẩu quyết là: Tồn Chân.

Câu 10. Nhất diện chi thần tông Nê Hoàn.

一 面 之 神 宗 泥 丸

Tất cả các thần mặt đều thuộc quyền thống suất của thần Nê Hoàn.

Câu 11. Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng,

泥 丸 九 真 皆 有 房

Nê Hoàn có chín cung: 1/ Minh Đường cung 明 堂 宮; 2/ Động Phòng cung 洞 房 宮; 3/ Nê Hoàn cung 泥 丸 宮; 4/ Lưu Châu cung 流 珠 宮; 5/ Ngọc Đế cung 玉 帝 宮; 6/ Thiên Đình cung 天 庭 宮; 7/ Cực Chân cung 極 真 宮; 8/ Huyền Đan cung 玄 丹 宮; 9/ Thiên Hoàng cung 天 皇 宮. [1]

Câu 12. Phương viên Nhất Thốn xứ thử trung.

方 圓 一 寸 處 此 中

Tử Hà cho rằng gọi là Cung phòng nhưng cũng không rộng bao la, phương viên chỉ có 1 tấc.

Câu 11 đến 16:

Chín vị thần Nê Hoàn gọi là Cửu Chân 九 真. Bản Vụ Thành Tử cho tên: 1/ Thượng Chân 上 真 (hướng về phía trên); 2/ Cao Chân 高 真 (hướng về phía Nam); 3/ Thái Chân 太 真 (hướng về phía Đông); 4/ Thần Chân 神 真 (hướng về phía Tây); 5/ Huyền Chân玄 真 (hướng về phía Bắc); 6/ Tiên Chân 仙 真 (hướng về phía Đông Bắc); 7/ Thiên Chân 天 真 (hướng về phía Đông Nam); 8/ Linh Chân 靈 真 (hướng về phía Tây Nam); 9/ Chí Chân 至 真 (hướng về phía Tây Bắc).

Câu 17. Sở tồn tại tâm, tự tương đương.

所 存 在 心 自 相 當

Tử Hà bình: Con người không biết thu tồn nhất tâm, thời bách thần đều tán. Biết tồn tại tâm, thế là mọi sự đều thanh thỏa. 不 能 收 存 一 心, 則 諸 神 皆 散; 所 存 在 心, 自 然 彼 此 相 當 聚 (Bất năng thu tồn nhất tâm, tắc chư thần giai tán; sở tồn tại tâm, tự nhiên bỉ thử tương đương tụ).

D. BÌNH GIẢNG

Chương này rất quan trọng. Nó cho ta thấy rằng:

Đại Đạo không phiền toái như ta tưởng, chỉ cần tồn Chân, tồn giữ được Thần Trời Đất trong đầu não

mình, trong tâm linh mình, trong Nê Hoàn Cung.

Nê Hoàn Cung chính là Huỳnh Đình, chính là Tâm, chính là Trung Tâm Điểm con người, mà xưa nay mọi người đều ra công tìm kiếm.

Đáng lý, phải viết những chữ trên đây thật lớn, đóng khung nó lại, cho mọi người chú ý, rồi không viết gì thêm nữa ...

Viết thêm, chỉ tổ làm cho vấn đề thêm mờ, thêm tối, thêm quẩn, và làm cho ta chia lòng, chia trí mà thôi.



Một trong những vấn đề hết sức quan trọng mà các đạo giáo và các triết thuyết xưa nay thường đặt ra, đó là:

(1) Con người có Trung Tâm Điểm, có TÂM không ?

(2) Đâu là Trung Tâm Điểm nơi con người ?

Tôi đã trình bày hai quan điểm trên rất dài dòng trong phần khảo luận nơi các chương ba và bốn.

Dưới đây tôi xin nhắc lại sơ lược:

1. Các đạo giáo, các nhà triết thuyết đều đồng quan điểm rằng: trong con người có một Trung Tâm Điểm. Các nhà Huyền học còn cho rằng ở Trung Tâm Điểm ấy có Thần Trời Đất ngự trị ...

2. Nhưng đến khi cần minh định xem đâu là Tâm, là Trung Tâm Điểm, là Huỳnh Đình nơi con người, thì chúng ta thấy có nhiều ý kiến khác biệt nhau. Sau đây là tất cả các ý kiến ấy. Chúng ta hãy đi từ dưới lên trên:

1. Hạ bộ là tâm điểm con người

Khảo các hình vẽ về sự tương xứng trong con người (La proportion dans l'homme) của Léonard de Vinci (= Leonardo da Vinci, 1452-1519) hay của Albrecht Dürer (1471-1528) [2] ta thấy: Nếu lấy hạ bộ làm tâm điểm, chúng ta có thể vẽ được hoặc là một vòng tròn chạm đầu, chạm chân hoặc là một hình tròn chạm đầu và 2 chân, 2 tay dạng theo thể ngôi sao năm cánh đều.

Mỹ thuật Hy lạp xưa cũng cho rằng: Nếu lấy đầu con người (từ đỉnh đầu xuống tới cằm) là một đơn vị chiều dài, thì một người cân xứng lý tưởng sẽ dài 8 đầu. Từ đầu đến hạ bộ là 4 khoảng, từ hạ bộ đến chân là 4 khoảng.

Nhưng trên thực tế, con người chỉ cao khoảng 7 đầu rưỡi. Từ đỉnh đầu đến hạ bộ là 4 đầu, từ hạ bộ đến chân là 3 đầu rưỡi.

Tính Mệnh Khuê Chỉ cũng có chủ trương tương tự khi cho rằng, nếu tâm điểm của Trời Đất là ở giữa Trời Đất, thì tâm điểm con người cũng phải ở giữa con người. Trời Đất xa nhau 84.000 dặm, thì tâm điểm trời đất ở khoảng giữa là 42.000 dặm. Đầu và chân cũng cách nhau 8 thước 4, vậy trung tâm điểm con người ở khoảng giữa.[3]

2. Tâm điểm con người là ở nơi Hạ đan điền (tức Khí hải hay Nguyên hải).

Khí hải cách rốn 1 tấc rưỡi (theo khoa Châm cứu); hoặc cách rốn 2 tấc 4 (theo Bão Phác tử);[4] hoặc cách rốn 3 tấc.[5]

3. Tâm điểm là Rốn.

Chữ Ombilic (rốn, rún) trong tiếng Pháp có nghĩa gốc là Tâm điểm.

4. Tâm điểm là ở khoảng trống sau rốn hoặc sau rốn 3 tấc.[6]

5. Tâm điểm là ở trên rốn 3 tấc nơi vị trí của tì thổ.[7]

Đông phương thì cho rằng: Tì Thổ là Trung ương (trung ương chi vị 中 央 之 位).

Tây phương gọi Tì là Pancréas. Mà Pan là tất cả, Créas là Tạo dựng. Như vậy vẫn đồng một ý với Đông phương: Tì thổ chính là Trung cung, là nơi xuất sinh ra mọi sự.

6. Tâm hay Trái tim là trung điểm nơi con người.[8]

Tiếng Pháp Cœur có nghĩa là Trung điểm (Centre).

7. Nê Hoàn cung là Trung tâm điểm con người.

Nê Hoàn cung mới chính là Huỳnh Đình. Tất các tác phẩm và các công trình sưu khảo của tôi thực ra chỉ có mục đích chứng minh rằng Nê Hoàn mới đích thực là Trung Tâm điểm con người, là Huỳnh Đình, là nơi Thần trời đất ngự trị.

Nếu ta chịu khó ghi chú thì sẽ thấy không biết bao nhiêu bản thi văn trong đạo Lão đã chỉ xướng điểm này. Đây chỉ xin nhắc qua vài câu. Tiên Học Từ Điển cho rằng: «Khoảng trên Đan điền là Kim đỉnh. Khoảng trên Kim đỉnh là Huỳnh Đình.» 丹 田 之 上 為 金 鼎 金 鼎 稍 上 為 黃 庭 (Đan điền chi thượng vi Kim đỉnh, Kim đỉnh sảo thượng vi Huỳnh Đình.) [9]

Lương Khâu Tử và Vụ Thành Tử đều cho rằng cho Huỳnh Đình ở nơi trung tâm đầu não con người: «Huỳnh Đình giả, tại đầu trung.» 黃 庭 者 在 頭 中.[10]

Tiên Học Từ Điển giải hai chữ Nê Hoàn như sau: «Nê Hoàn tại chính trung đỉnh đầu. Cũng gọi là Não hải. Não mềm như bùn nên gọi là NÊ 泥. Não hình tròn nên gọi là HOÀN 丸. Huyệt của nó ở tại chính trung điểm của Thiên, của Huyền.» 泥 丸 在 頭 頂 當 中, 腦 海 是 也, 以 腦 如 泥 而 形 圓, 圓 者 丸 也, 其 穴 處 於 天 中 之 中 玄 中 之 玄 (Nê Hoàn tại đầu đỉnh đương trung, Não hải thị dã, dĩ não như nê nhi hình viên, viên giả hoàn dã, kỳ huyệt xứ ư thiên trung chi trung, huyền trung chi huyền.)

Nê Hoàn cũng còn được gọi là:

Uất la tiêu đài 鬱 羅 蕭 台

Ngọc sơn thổ kinh 玉 山 土 京

Não huyết chi quỳnh phòng 腦 血 之 瓊 房

Hồn tinh chi ngọc thất 魂 精 之 玉 室

Bách linh chi mệnh trạch 百 靈 之 命 宅

Tân dịch chi sơn nguyên 津 液 之 山 源.

Huyệt đó nằm giữa hai lỗ tai, trước nó là Minh đường, sau đó là Ngọc chẩm. Não có chín cung, có chín vị thần làm chủ. Thần trung ương gọi là: Nê Hoàn phu nhân, vì đó là ly trung chi chân âm, bền tĩnh, không nên động. 正 兩 耳 交 通 之 穴, 前 明 堂, 後 玉 枕. 腦 有 九 宮, 九 神 主 之. 中 央 之 神 曰 泥 丸 夫 人 以 其 離 中 之 真 陰, 宜 靜 不 宜 動. (Chính lưỡng nhĩ giao thông chi huyệt, tiền Minh đường, hậu Ngọc chẩm. Não hữu cửu cung, cửu thần chủ chi. Trung ương chi thần viết “Nê Hoàn phu nhân”dĩ kỳ ly trung chi chân âm, nghi tĩnh bất nghi động.)

Tiên Học Từ Điển trích dẫn mấy đoạn Huỳnh Đình nói về Nê Hoàn như:

- Quỳnh thất chi trung bát tố tập, Nê Hoàn phu nhân đương trung lập.

瓊 室 之 中 八 素 集, 泥 丸 夫 人 當 中 立 (Nội Cảnh, chương 21)

- Nê Hoàn bách tiết giai hữu thần, Não thần Tinh Căn, tự Nê Hoàn.

泥 丸 百 節 皆 有 神, 腦 神 精 根 字 泥 丸 (Nội Cảnh, chương 7)

- Nhất diện chi thần tông Nê Hoàn, Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng.

一 面 之 神 宗 泥 丸, 泥 丸 九 真 皆 有 房 (Nội Cảnh, chương 7)

Rồi Tiên Học Từ Điển kết luận về tầm quan trọng của Nê Hoàn bằng mấy câu thơ:

Kim đan vận chí Nê Hoàn huyệt,

金 丹 運 至 泥 丸 穴,

Danh tính tiên tương ký Ngọc đô.

名 姓 先 將 記 玉 都.

[Thái cổ tập 太 古 集]

(Kim đơn vận tới Nê Hoàn huyệt,

Tính danh đăng ký tại Ngọc đô.)

Thức đắc bản lai chân diện mục,

Thủy tri sinh tử tại Nê Hoàn.

識 得 本 來 真 面 目,

始 知 生 死 在 泥 丸.

[Pháp bảo di châu 法 寶 遺 珠]

(Biết được bản lai chân diện mục,

Mới hay sinh tử tại Nê Hoàn.)[11]

Gần đây cơ bút Cao Đài cũng xác nhận lại giá trị vô thượng của Nê Hoàn cung. Quyển Đại Thừa Chân Giáo, nơi tr. 61 có viết: «Người tu hành, chừng nào luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, luyện hư hoàn vô, thì Huyền Quan Nhất Khiếu ấy mở hoát ra. Huyền Quan Nhất Khiếu ấy là chi ? Là Thiên Nhãn vậy. Nó ở ngay Nê Hoàn cung, gom trọn chơn dương, chính đạo ...» Nơi trang 56, Đại Thừa Chân Giáo cũng cho rằng Nê Hoàn cung là Thiên Môn dẫn tới Thượng Thanh cung...



---

[1] Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh kinh tường chú, tr. 12a, 12b.

[2] Xem Jean Arestein, Encyclopédie pratique de dessin, Fernand Nathan, Liège, 1957, các trang 55, 56, 57.

[3] Xem chương Trung Tâm đồ trong Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Nguyên, tr. 10b.

[4] Xem Lương Khưu Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 7a.

[5] Huỳnh Đình Nội Cảnh, chương 5: Hoành tân tam thốn thần sở cư 橫 津 三 寸 神 所 居.

[6] Xem Tiên Học từ điển tr. 142, và Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 29.

[7] Xem Lương Khưu Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 1a.

[8] Xem Léon Sprink, l'Art sacré en Occident et en Orient, p. 49.

[9] Xem Tiên Học Từ Điển, tr. 142.

[10] Xem Lương Khưu Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh chú, tr. 1a; và xem Vụ Thành Tử, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 3b.

[11] Đới Nguyên Trường, Tiên Học Từ Điển, tr. 99-100.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 8
TÂM THẦN
心 神

A. KINH VĂN

1. Tâm thần Đan Nguyên tự Thủ Linh,

心 神 丹 元 字 守 靈

2. Phế thần Hạo Hoa tự Hư Thành,

肺 神 皓 華 字 虛 成

3. Can thần Long Yên tự Hàm Minh,

肝 神 龍 煙 字 含 明

4. Ế uất đạo yên, chủ trọc thanh,

翳 鬱 導 煙 主 濁 清

5. Thận thần Huyền Minh tự Dục Anh,

腎 神 玄 冥 字 育 嬰

6. Tì Thần Thường Tại tự Hồn Đình,

脾 神 常 在 字 魂 停

7. Đảm thần Long Diệu tự Uy Minh,

膽 神 龍 曜 字 威 明

8. Lục phủ, ngũ tạng, thần thể tinh,

六 腑 五 藏 神 體 精

9. Giai tại tâm nội, vận thiên kinh,

皆 在 心 內 運 天 經

10. Trú dạ tồn chi, tự trường sinh...

晝 夜 存 之 自 長 生

B. LƯỢC DỊCH

Tâm thần: Đan Nguyên tự Thủ Linh,

Phế thần: Hạo Hoa tự Hư Thành,

Can thần: Long Yên tự Hàm Minh,

Làm mắt: trong sáng, tùy quyền linh.

Thận thần: Huyền Minh tự Dục Anh,

Tì thần Thường Tại tự Hồn Đình,

Đảm thần: Long Diệu tự Uy Minh,

Lục phủ ngũ tạng, thần thể linh,

Đều ở trong tâm vạn thiên kinh,

Ngày đêm giữ được sẽ trường sinh...

C. CHÚ THÍCH

Câu 4. Ế uất đạo yên, chủ trọc thanh,

翳 鬱 導 煙 主 濁 清

Ế uất 翳 鬱: cũng là một tên khác của thần gan.

Chủ trọc thanh 主 濁 清: Khi gan đục thì mắt mờ, khi gan trong thì mắt sáng. (Vụ Thành Tử: 清 則 目 明, 濁即 目 暗 Thanh tắc mục minh, trọc tức mục ám.)

Có bản bỏ câu 4 này.

Câu 9. Giai tại tâm nội vận thiên kinh.

皆 在 心 內 運 天 經

Chư thần đều ở trong tâm, vận hành điều động cơ thể theo đúng định luật của trời đất.





Thần tim (hình chim đỏ) - Tâm thần danh Đan Nguyên tự Thủ Linh 心 神 名 丹 元 字 守 靈

D. BÌNH GIẢNG

Chương này không có gì đặc biệt. Nơi chương này ta thấy tác giả tiếp tục kể tên chư thần cả ngũ tạng. Lục phủ thần, thì chỉ duy có thần Đảm là được đề cập. Có người cho rằng: Đảm tàng thức, cho nên vừa là Phủ (hành) vừa là Tạng (tàng). Chính vì thế, nên đã được nói tới.

Cuối chương, ta thấy quan điểm của người xưa bao giờ cũng là: Tồn Tâm, Tồn Thần mới trường sinh.

Tâm thần là cái gì quí báu nhất trong con người, không gìn giữ được cho toàn vẹn, mà để mất mát, hư hao, tản lạc mãi đi, thì làm sao mà mong trường cửu được...

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh bỏ qua từ chương này cho tới chương 17 mới bắt đầu toát lược lại...



» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 9

PHẾ BỘ

肺 部

A. KINH VĂN

1. Phế bộ chi cung tự Hoa cái,

肺 部 之 宮 似 華 蓋

2. Hạ hữu Đồng tử tọa Ngọc khuyết,

下 有 童 子 坐 玉 闕

3. Thất Nguyên chi tử chủ điều khí.

七 元 之 子 主 調 氣

4. Ngoại ứng Trung Nhạc, tỵ tề vị.

外 應 中 岳 鼻 齊 位

5. Tố cẩm y thường, hoàng vân đới.

素 錦 衣 裳 黃 雲 帶

6. Suyễn tức hô hấp, thể bất khoái,

喘 息 呼 吸 體 不 快

7. Cấp tồn Bạch Nguyên hòa lục khí,

急 存 白 元 和 六 氣

8. Thần tiên cửu thị vô tai hại,

神 仙 久 視 無 災 害

9. Dụng chi bất dĩ, hình bất trệ.

用 之 不 已 形 不 滯

B. LƯỢC DỊCH

Phế bộ chi cung tựa lọng che,

Dưới có Đồng tử, trấn Ngọc khuyết.

Phế khai thất khiếu, chủ điều khí,

Ngoài ứng với mũi, Trung Nhạc ví,

Y thường gấm trắng, Huỳnh vân đới,

Mỗi khi suyễn tức, thần không khoái,

Cầu thần Bạch Nguyên, điều hòa khí,

Thần tiên cửu thị, không tai hại.

Chí thành cảm thần, thần không hoại.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Phế bộ chi cung tự Hoa cái.

肺 部 之 宮 似 華 蓋

Hoa cái 華 蓋: Lọng che.

Câu 2. Hạ hữu Đồng tử, tọa Ngọc khuyết.

下 有 童 子 坐 玉 闕

Ngọc khuyết 玉 闕: Cửa ngọc.

Câu 3. Thất Nguyên chi tử chủ điều khí.

七 元 之 子 主 調 氣

Thất Nguyên 七 元: Thất khiếu chi nguyên khí 七 竅 之 元 氣.

Thất Nguyên chi tử 七 元 之 子: Thất Nguyên chi quân 七 元 之 君. Nguyên Dương tử nói: Thất Nguyên chi quân mang giáp giữ phù, trừ khử hung tà, ban bố khí đến bảy khiếu, chủ yếu làm cho mắt và tai thông minh. 元 陽 子 曰 : 七 元 之 君 負 甲 持 符, 辟 除 凶 邪 而 布 氣 七 竅, 主 耳 目 聰 明 (Nguyên Dương tử viết Thất Nguyên chi quân phụ giáp trì phù, tịch trừ hung tà nhi bố khí thất khiếu, chủ nhĩ mục thông minh.)

Câu 4. Ngoại ứng Trung Nhạc, tỵ tề vị.

外 應 中 岳 鼻 齊 位

Trung Nhạc 中 岳: Mũi. Xem lại chương sáu: Thiên Trung chi Nhạc tinh cẩn tu 天 中 之岳 精 謹 修.

Câu 5 . Tố cẩm y thường, hoàng vân đới.

素 錦 衣 裳 黃 雲 帶

Tố cẩm 素 錦: Gấm trắng. Hoàng vân đới 黃 雲 帶: Đai lưng bằng mây vàng.

Câu 6. Suyễn tức hô hấp thể bất khoái.

喘 息 呼 吸 體 不 快

Suyễn tứcc喘 息: Hen suyễn.

Câu 7. Cấp tồn Bạch Nguyên hòa lục khí.

急 存 白 元 和 六 氣

Bạch Nguyên 白 元: Cũng là tên của thần phổi.



Thần phổi (hình hổ trắng) - Phế thần danh Hạo Hoa tự Hư Thành 肺 神 名 皓 華 字 虛 成

Câu 8. Thần tiên cửu thị vô tai hại.

神 仙 久 視 無 災 害

Thần tiên cửu thị 神 仙 久 視: Muốn thành thần tiên, hay trường sinh phải biết Cửu thị.

Cửu thị là dùng mắt Nội quan 內 觀 hay Nội thị 內 視. Phải Cửu thị bất ly 久 視 不 離 nghĩa là thu thần quang, nhìn chăm chú vào một mục phiêu gì cho lâu lai, thế mới là Cửu thị (Cửu 久 là lâu, Thị 視 là nhìn). Có tập trung tinh thần cho lâu lai, ánh sáng nội tâm mới chiếu diệu.

Cửu thị chính cũng là Trú dạ tồn chi 晝 夜 存 之 của Huỳnh Đình (Xem Nội Cảnh, ch. 8).

Tập trung tinh thần lâu lai, thần lực sẽ gia tăng, và ngoại tà sẽ không còn xâm phạm được. Vì thế nói: Thần tiên cửu thị vô tai hại.

Câu 9. Dụng chi bất dĩ, hình bất trệ.

用 之 不 已 形 不 滯

Bản Tử Hà: Dụng chi bất dĩ, hình bất hoại. 用 之 不 已 形 不 壞.

Có nội quan cửu thị lâu lai, mới thấy kết quả ứng tới hình hài.

D. BÌNH GIẢNG

Phế chủ về hô hấp, dưỡng nuôi thân thể.

Phế là Thất nguyên chi tử, hay Thất nguyên chi thần điều hòa nguyên chi Thất khiếu. (Câu 3).

Phế ở trên các tạng phủ khác, hình rủ xuống như lọng che. Ngoài ứng với mũi. (Câu 1 - Câu 4)

Phế thần mặc phẩm phục bằng gấm trắng, đeo đai bằng mây vàng. (Câu 5). Vụ Thành Tử cho rằng sở dĩ nói rằng Phế thần mặc gấm trắng, là vì phế có màu trắng bên ngoài; nói thần phổi đeo đai bằng mây vàng, vì bên trong phổi có những mạch lan tràn, chằng chịt màu vàng.

Nếu quả đúng như vậy, thì người xưa đã dùng những danh từ, những hình ảnh của huyền thoại để mô tả tạng phủ, thay vì dùng những từ ngữ thông thường.

Chương này cho rằng: Khi bị hen suyễn khó thở, có thể tĩnh tọa, tập trung tinh thần, nghĩ đến thần Bạch Nguyên, tức là Phế thần, cố điều hòa lại hơi thở, sẽ được lành mạnh. Đây cũng là một cách dùng đức tin để chữa bệnh (Câu 6, câu 7).

Tuy nhiên chương này cũng cho rằng muốn đạt kết quả phải biết nội quan quán chiếu, phải biết tồn tâm, thu thần nhiều ngày, nhiều tháng rồi (Câu 8, câu 9).



» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 10

TÂM BỘ

心 部

A. KINH VĂN

1. Tâm bộ chi cung liên hàm hoa,

心 部 之 宮 蓮 含 華

2. Hạ hữu đồng tử, Đan Nguyên gia,

下 有 童 子 丹 元 家

3. Chủ thích hàn nhiệt vinh vệ hòa,

主 適 寒 熱 榮 衛 和

4. Đan cẩm phi thường, phi ngọc la,

丹 錦 飛 裳 披 玉 羅

5. Kim linh chu đới tọa bà sa.

金 鈴 朱 帶 坐 婆 娑

6. Điều huyết lý mệnh thân bất khô,

調 血 理 命 身 不 枯

7. Ngoại ứng khẩu thiệt, thổ ngũ hoa,

外 應 口 舌 吐 五 華

8. Lâm tuyệt hô chi, diệc đăng tô,

臨 絕 呼 之 亦 登 蘇

9. Cửu cửu hành chi, phi thái hà.

久 久 行 之 飛 太 霞

B. LƯỢC DỊCH

Tâm bộ chi cung, sen chớm hoa,

Trong có đồng tử Đan Nguyên gia,

Thích ứng hàn nhiệt, vinh vệ hòa,

Trang phục đỏ tươi, toàn lụa là,

Nhạc vàng đai đỏ, ngồi an tĩnh,

Điều huyết, lý mệnh, thân không khô,

Ngoài ứng miệng lưỡi, thổ ngũ hoa,

Gần chết hô thần, liền sống lại,

Tồn thần mãi thế, thăng Thái Hà.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tâm bộ chi cung liên hàm hoa.

心 部 之 宮 蓮 含 華

Liên hàm hoa 蓮 含 華: Hoa sen còn chưa nở.

Câu 2. Hạ hữu đồng tử, Đan Nguyên gia.

下 有 童 子 丹 元 家

Gia 家: là ở. Thần tim là Đan Nguyên, tự là Thủ Linh. Thần trong tim nên nói là hạ 心 神 丹 元 字 守 靈. 神 在 心 內 而 云 下 者 (Tâm thần Đan Nguyên tự Thủ linh. Thần tại tâm nội, nhi vân hạ giả.)

Câu 3. Chủ thích hàn nhiệt, vinh vệ hòa.

主 適 寒 熱 榮 衛 和

Thích hàn nhiệt 適 寒 熱: điều chỉnh sự nóng lạnh trong con người (régulation thermique).

Vinh vệ hoà 榮 衛 和: Điều hòa khí (vệ) huyết (vinh). (Vinh vệ huyết khí 榮 衛 血 氣: Huyết vi vinh 血 為 榮, khí vi vệ氣 為 衛 (Nội kinh內 經). Xem từ điển Từ Nguyên 辭 源 nơi chữ Vinh 榮.

Câu 4. Đan cẩm phi thường, phi ngọc la.

丹 錦 飛 裳 披 玉 羅

Phi 披: khoác, mặc. La 羅: Là, dệt bằng tơ mỏng mặc cho mát.

Bản Tử Hà chép: Đan cẩm y thường, phi ngọc la 丹 錦 衣 裳 披 玉 羅.

Câu này nghĩa là: Mặc quần áo bằng gấm, ngoài lại khoác một áo là mỏng mảnh đẹp như ngọc.

Câu 5. Kim linh chu đới tọa bà sa.

金 鈴 朱 帶 坐 婆 娑

Kim linh 金 鈴: Nhạc vàng (tượng trái tim như hình nhụy hoa 肉 蕊 之 象).

Chu đới 朱 帶: Đai màu đỏ. Chỉ huyết mạch màu đỏ.

Tọa bà sa 坐 婆 娑: ngồi an nhàn tự tại (Ngôn thần chi an tĩnh dã 言 神 之 安 靜 也).

Câu 6. Điều huyết lý mệnh thân bất khô.

調 血 理 命 身 不 枯

Câu này nghĩa là: Tâm an, thể hòa, nên vô bệnh 心 安 病 和 則 無 病 矣 (Tâm an, thể hòa, tắc vô bệnh hỹ.)

Câu 7. Ngoại ứng khẩu thiệt thổ ngũ hoa.

外 應 口 舌 吐 五 華

Thổ ngũ hoa 吐 五 華: Miệng thổ nạp tân dịch của ngũ tạng, phân biệt được mùi vị của ngũ hành. Vì thế gọi là ngoại ứng. 心 主 口 舌, 吐 納 五 藏 之 液, 辨 識 五 行 之 味, 故 言 外 應 (Tâm chủ khẩu thiệt, thổ nạp ngũ tạng chi dịch, biện thức ngũ hành chi vị, cố ngôn ngoại ứng.)

Câu 8. Lâm tuyệt hô chi diệc đăng tô.

臨 絕 呼 之 亦 登 蘇

Lâm tuyệt 臨 絕: Lúc chết. Đăng tô 登 蘇: Sẽ sống lại. Khi người ta bị bệnh hay nguy hiểm phải tồn thần nơi Đan Nguyên đồng tử (mặc áo đỏ đội mũ đỏ) để được cứu mạng. 人 有 病 危 當 存 丹 元 童 子 朱 衣 赤 冠 以 救 護 之 也 (Nhân hữu bệnh nguy, đương tồn Đan Nguyên đồng tử, chu y xích quán, dĩ cứu hộ chi dã.)

Câu 9. Cửu cửu hành chi, phi Thái hà.

久 久 行 之 飛 太 霞

Thái Hà là Kim Hương, cũng còn gọi là Kim Thái Hà. Ý nói sẽ thành tiên, sẽ được lên trời.

D. BÌNH GIẢNG

Tâm như búp sen, trong có thần Đan Nguyên, tự Thủ Linh cư ngụ (Câu 1).



Thần tim (hình chim đỏ) - Tâm thần danh Đan Nguyên tự Thủ Linh 心 神 名 丹 元 字 守 靈

Tâm có nhiệm vụ điều hòa khí huyết, điều chỉnh nóng lạnh trong người. Tâm mà yên tĩnh, người sẽ khỏe mạnh (Câu 3, 4, 5, 6, 7).

Xưa, Tử Dương tiên sinh, bôn tẩu 10 năm, dung mạo vẫn như thường, không suy sút. Có kẻ hỏi tiên sinh dùng thuật gì mà được như vậy. Tiên sinh đáp: Con người ta sở dĩ tiều tụy, khô héo, chính là do trái tim gây ra. Nghĩ việc này chưa xong, đã nghĩ tiếp việc khác, suốt ngày chẳng có khi nào thong thả, cho đến đêm khi nằm ngủ cũng vậy, chính vì thế mà thần bị hao tán. Còn tôi thì chẳng có làm chi khác hơn là định tâm. Định thời sẽ tĩnh, tĩnh thời sẽ an, và Kim đơn có thể ngồi yên mà được...[1]

Khi gần lâm chung, biết hô thần Đan Nguyên sẽ sống lại. Nếu biết thường xuyên dưỡng tâm, tồn thần sẽ thành tiên. (Câu 8, câu 9).



---

[1] Xem Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh tường chú, chương 10.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 11

CAN BỘ

肝 部

A. KINH VĂN

1. Can bộ chi trung, thúy trùng lý,

肝 部 之 中 翠 重 裏

2. Hạ hữu Thanh Đồng Thần Công Tử,

下 有 青 童 神 公 子

3. Chủ chư quan kiện, thông minh thủy,

主 諸 關 鍵 聰 明 始

4. Thanh cẩm phi thường, bội ngọc linh,

青 錦 披 裳 佩 玉 鈴

5. Hòa chế hồn phách, tân dịch bình,

和 制 魂 魄 津 液 平

6. Ngoại ứng nhãn mục, nhật nguyệt thanh,

外 應 眼 目 日 月 清

7. Bách kha bất chung, tồn Vô Anh,

百 痾 不 鍾 存 無 英

8. Đồng dụng thất nhật, tự sung doanh.

同 用 七 日 自 充 盈

9. Thùy tuyệt, niệm Thần, tử phục sinh,

垂 絕 念 神 死 復 生

10. Nhiếp hồn, hoàn phách, vĩnh vô khuynh.

攝 魂 還 魄 永 無 傾

B. LƯỢC DỊCH

Can bộ chi cung, xanh khoe vẻ,

Trong có Thanh Đồng Thần Công Tử.

Nắm giữ mối giường, sinh thông minh,

Y phục gấm xanh, mang ngọc linh.

Điều chế hồn phách, tân dịch bình,

Ngoài ứng đôi mắt, nhật nguyệt minh,

Can giữ điều hòa, bệnh không sinh.

Đồng dụng bảy ngày, tự sung doanh.

Gần chết hô thần, lại phục sinh,

Nhiếp hoàn, hoàn phách hết đảo khuynh.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Can bộ chi trung, thúy trùng lý.

肝 部 之 中 翠 重 裏

Thúy 翠: xanh. Can thuộc Mộc nên chương này ta thấy toàn dùng những chữ màu xanh như Thúy, Thanh đồng, Thanh cẩm. Cũng như nơi chương nói về Tâm thì toàn dùng màu đỏ, vì Tâm thuộc Hỏa. Nơi chương nói về Phế, thì thấy dùng màu trắng, vì Phế thuộc Kim v.v...

Trùng lý 重 裏: Can có nhiều lớp lớn nhỏ chồng lên nhau, nên nói trùng lý.

Câu 2. Hạ hữu Thanh Đồng Thần Công Tử.

下 有 青 童 神 公 子

Thanh Đồng Thần Công Tử 青 童 神 公 子: Thần gan có nhiều tên như: Thanh Đồng 青 童, Long Yên 龍 煙, Vô Anh Công Tử 無 英 公 子.





Câu 3. Chủ chư quan kiện thông minh thủy.

主 諸 關 鍵 聰 明 始

Quan kiện 關 鍵: Then (quan 關), khóa (kiện 鍵). Gan chủ mắt, là khóa then của Ngũ hành. Mắt chủ thông minh,

Câu 4. Thanh cẩm phi thường, bội ngọc linh.

青 錦 披 裳 佩 玉 鈴

Thanh cẩm phi thường 青 錦 披 裳: Quần áo bằng gấm màu xanh.

Câu 5. Hòa chế hồn phách, tân dịch bình.

和 制 魂 魄 津 液 平

Hòa chế hồn phách 和 制 魂 魄: Điều chế hồn phách.

Tân dịch bình 津 液 平: là cho tân dịch trong người trở nên quân bình.

Câu 6. Ngoại ứng nhãn mục, nhật nguyệt thanh.

外 應 眼 目 日 月 清

Bản Tử Hà: Ngoại ứng lưỡng mục, nhật nguyệt tinh 外 應 眼 目 日 月 精.

Gan ngoài ứng với đôi mắt, tinh hoa của nhật nguyệt hai vầng. 肝 位 屬 眼 象 日 月明 (Can vị thuộc nhãn, tượng nhật nguyệt minh.)

Câu 7. Bách a (kha) bất chung, tồn Vô Anh.

百 痾 不 鍾 存 無 英

Bách a (kha) bất chung 百 痾 不 鍾: trăm bệnh không sinh (chung 鍾: sinh).

Tồn Vô Anh 存 無 英: Chính là nhờ tồn được thần gan Vô Anh.

Câu 8. Đồng dụng thất nhật, tự sung doanh.

同 用 七 日 自 充 盈

Dùng đồng thời cùng với ngũ tạng, nên gọi là đồng dụng 同 用. Thất nhật, tự sung doanh 七 日 自 充 盈: trong vòng bảy ngày, sẽ trở nên sung mãn.

Câu 9. Thùy tuyệt, niệm Thần, thủy phục sinh.

垂 絕 念 神 死 復 生

Thùy tuyệt 垂 絕: Lúc gần chết.

Câu 10. Nhiếp hồn, hoàn phách vĩnh vô khuynh.

攝 魂 還 魄 永 無 傾

Nhiếp hồn, hoàn phách 攝 魂 還 魄: Thu nhiếp hồn phách. Vĩnh vô khuynh 永 無 傾: Sẽ mãi không khuynh đảo, ngả nghiêng.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này thực ra cũng rập theo một lối như các chương trên. Trước hết đề cập đến gan, và Thần gan, là Thanh Đồng Thần Công Tử. Câu (1,2).

Gan chủ thông minh. Sách Lan Đài Bí điển gọi gan là Tướng quân chi quan, mưu lự đều do đó xuất

sinh. Gọi gan là Tướng quan, nên nắm hết chốt then trong người. Gọi là Mưu lự, nên thông minh do đó xuất sinh. Thường ta chỉ thấy nói Gan tàng Hồn, đây lại thêm là Gan điều hòa hồn phách, điều chỉnh tân dịch (câu 3, 4, 5).

Gan ngoài ứng với đôi mắt, y học Trung Hoa cũng chủ trương như vậy (câu 6). Muốn cho bệnh tật không sinh, phải thường quán tưởng, thường "tồn"thần Vô Anh (thần gan) (câu 7). Nếu để ra được chừng 7 ngày, chuyên tâm, tồn thần, điều dưỡng gan và ngũ tạng, thì sẽ thấy sức lực rồi rào trở lại (câu 8). Gần chết, niệm thần, sẽ sống lại (câu 9). Biết thu nhiếp hồn phách sẽ diên niên (câu 10). Vụ Thành Tử, trong lời bình giải chương nầy, cho rằng:

Người có tam hồn: là Sảng Linh 爽 靈, Thai Quang 胎 光, và U Tinh 幽 精. Mỗi tháng cứ ngày mồng 3, 13, 23 là hồn lìa thân xác đi chơi, phải biết phép nhiếp hồn.

Phách có bảy, là: Thi Cẩu 尸 苟 Phục Thỉ 伏 矢, Tước Âm 雀 陰, Thôn Tặc 吞 賊, Phi Độc 非 毒, Trừ Uế 除 穢, và Xú Phế 臭 肺. Mỗi tháng các ngày Sóc 朔 (Mồng 1), Vọng 望 (15) Hối 晦 (30), là phách lưu đãng, giao thông với quỉ mị, cần phải biết phép hoàn phách. Vụ Thành Tử cũng có dạy phép Hoàn phách, nhiếp hồn. Nhưng tôi không muốn ghi lại nơi đây.



Tam hồn



Thất phách



Tam hồn thất phách

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 12

THẬN BỘ

腎 部

A. KINH VĂN

1. Thận bộ chi cung, Huyền Khuyết viên,

腎 部 之 宮 玄 闕 圓

2. Trung hữu đồng tử, minh thượng huyền,

中 有 童 子 冥 上 玄

3. Chủ chư lục phủ, cửu dịch nguyên,

主 諸 六 腑 九 液 源

4. Ngoại ứng lưỡng nhĩ, bách dịch tân.

外 應 兩 耳 百 液 津

5. Thương cẩm, vân y, vũ long phiên,

蒼 錦 雲 衣 舞 龍 幡

6. Thượng trí minh hà, nhật nguyệt yên,

上 致 明 霞 日 月 煙

7. Bách bệnh, thiên tai cấp đương tồn,

百 病 千 災 急 當 存

8. Lưỡng bộ thủy vương đối Sinh môn.

兩 部 水 王 對 生 門

9. Sử nhân trường sinh, thăng cửu thiên.

使 人 長 生 昇 九 天

B. LƯỢC DỊCH

Thận bộ chi cung, cửu huyền viên,

Trong có Đồng Tử, thông tâm điền,

Thống lĩnh lục phủ, cửu tân dịch,

Ngoài ứng đôi tai, khí huyết tuyên.

Phẩm phục gấm xanh, múa long phiên,

Tỏ tai, sáng mắt, khí chu tuyền,

Bách bệnh thiên tai, cầu ngay tới,

Lưỡng bộ thủy vương, đối Sinh môn,

Giúp người trường sinh, thăng cửu thiên...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Thận bộ chi cung Huyền Khuyết viên.

腎 部 之 宮 玄 闕 圓

Huyền khuyết viên 玄 闕 圓: Hai thận họp lại thành hình tròn, giữa trống, như cái cửa.

Câu 2. Trung hữu đồng tử, minh thượng huyền.

中 有 童 子 冥 上 玄

Minh thượng huyền 冥 上 玄: Vụ Thành Tử giải: Thận là Hạ huyền 下 玄, tâm là Thượng huyền 上 玄. Minh Thượng huyền là kín đáo giao thông với tim.

Câu 3. Chủ chư lục phủ, cửu dịch nguyên.

主 諸 六 腑 九 液 源

Cửu dịch九 液: Nước của cửu khiếu.

Câu 4. Ngoại ứng lưỡng nhĩ, bách dịch tân.

外 應 兩 耳 百 液 津

Ngoài ứng với hai tai, và mọi tân dịch.

Câu 5. Thương cẩm vân y, vũ long phiên.

蒼 錦 雲 衣 舞 龍 幡

Thương cẩm 蒼 錦: Vụ Thành Tử cho rằng Thương là màu trắng trộn với màu đen. Như vậy Thương chính là màu xám.

Long phiên 龍 幡: Cờ hiệu thêu hình rồng.

Câu 6. Thượng trí minh hà, nhật nguyệt yên.

上 致 明 霞 日 月 煙

Bản Tử Hà ghi: Thượng phu minh hà, nhật nguyệt yên 上 敷 明 霞 日 月 煙.

Minh hà 明 霞: Mây sáng gần mặt trời, nhất là khi mặt trời lặn.

Nhật nguyệt yên日 月 煙: Tử Hà giải: Nhật tinh nguyệt hoa, đều có yên quang. Yên là khói.

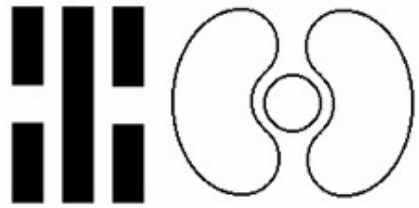
Câu 8. Lưỡng bộ thủy vương đối Sinh môn.

兩 部 水 王 對 生 門

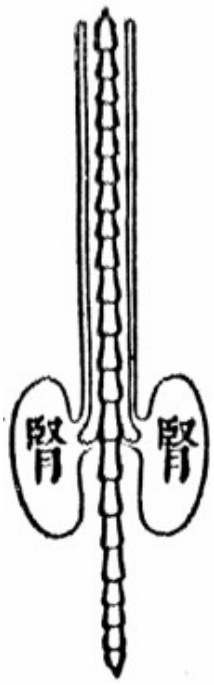
Lưỡng bộ thủy vương 兩 部 水 王: Hai quả thận đều là thủy vương, nên gọi lưỡng bộ.

D. BÌNH GIẢNG

Thận bộ gọi là Huyền khuyết 玄 闕 hay là Thủy phủ 水 府. Hai trái thận, như là Âm Dương hợp lại thành một Thái Cực hình tròn. Vì thế gọi là Viên 圓, hợp lại trái thận lại ở giữa vẫn có lỗ trống, như hình cửa nên gọi là Khuyết 闕. Thận ở chỗ thấp kín, nên nói Huyền 玄. Ba chữ Huyền khuyết viên 玄 闕 圓 có là vì vậy (Câu 1).



Hình quả thận và quẻ Khảm





Chữ thủy 水 (giáp cốt, kim văn, triện, lệ) giống như quẻ Khảm ☵ xoay đứng, và hình dáng lưỡng thận hai bên xương sống cũng tương tự quẻ Khảm.



Thần thận (hình nai hai đầu) - Thận thần danh Huyền Minh tự Dục Anh 腎 神 名 玄 冥 字 育 嬰

Thần thận là Huyền Minh 玄 冥 hay Dục Anh 育 嬰.

Thận vẫn ám thông với Tâm ở trên; mà tâm là Thượng huyền, Thận là Hạ huyền, vì thế nên nói: Minh Thượng huyền. Y học cũng nói tâm và thận tương thông (Câu 2).

Thận thuộc Khảm. Khảm là nước, nên nói thận là nguồn suối của Cửu dịch. Cửu dịch là tân dịch của Cửu khiếu. Thận cũng điều hòa lục phủ. Thận ứng với tai. Thận khí suy, thì tai ù, tai điếc. (Câu 3, 4).

Hai trái thận làm việc điều hòa, khí huyết sẽ lưu thông. (Câu 4). Thận màu xam xám, nên nói thần thận mặc áo gấm màu xanh xám. Vụ Thành Tử giải hai chữ vân y, “áo mây”là những màng quanh thận, và cho long phiên là những mạch nơi thận. (Câu 5).

Thận khí sung hòa thời mắt sáng, tai thông. (Câu 6).

Gặp khi tật bệnh, nên tồn thần thận. (Câu 7).

Thận có hai quả nên gọi là Lưỡng bộ thủy vương. Đối Sinh môn là tương đối với rốn. Thực ra thận ở cao hơn, ngang khoảng xương sườn 12. Còn rốn là ngang thắt lưng. Huyệt Mệnh Môn 命 門, theo khoa Châm Cứu mới ở đốt xương sống «eo» thứ 2 (đệ nhị yêu trùy 第 二 要 椎) hoặc thứ bảy tính từ đốt xương cùng trở lên (thất tiết chi bàng trung hữu tiểu tâm 七 節 之 旁 中 有 小 心) và Mệnh Môn mới ngang với rốn. (Câu 8).

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上清黃庭內景經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 13

TỲ BỘ

脾部

A. KINH VĂN

1. Tỳ bộ chi cung, thuộc Mậu kỷ,

脾部之宮屬戊己

2. Trung hữu Minh Đồng, hoàng thường lý.

中有明童黃裳裏

3. Tiêu cốc tán khí, nhiếp nha xỉ,

消穀散氣攝牙齒

4. Thị vi Thái Thương, lưỡng Minh Đồng,

是為太倉兩明童

5. Tọa tại Kim đài, thành cửu trùng,

坐在金臺城九重

6. Phương viên nhất thốn Mệnh môn trung.

方圓一寸命門中

7. Chủ điều bách cốc, ngũ vị hương,

主 調 百 穀 五 味 香

8. Tịch khước hư luy, vô bệnh thương,

辟 卻 虛 羸 無 病 傷

9. Ngoại ứng xích trạch, khí sắc phương.

外 應 尺 宅 氣 色 芳

10. Quang hoa sở sinh, dĩ biểu minh,

光 華 所 生 以 表 明

11. Hoàng cẩm ngọc y, đới hổ chương.

黃 錦 玉 衣 帶 虎 章

12. Chú niệm Tam Lão, tử khinh tường,

注 念 三 老 子 輕 翔

13. Trường sinh cao tiên, viễn tử ương.

長 生 高 仙 遠 死 殃

B. LƯỢC DỊCH

Tỳ bộ chi cung, thuộc Mậu Kỷ,

Hoàng Thường Minh đồng, lập cư vị,

Tiêu cơm tán khí, vững nha xỉ,

Đều nhờ Tỳ vị, lưỡng Minh Đồng.

Thần tại Kim Đài, thành Cửu trùng,

Vuông tròn một tấc Mệnh môn trung.

Chủ điều bách cốc, ngũ vị hương,

Khiến hình béo tốt, thân an khương,

Ngoại ứng dung nhan, sắc nhuận hường.

Tỳ mạnh, hóa nên dung nhan đẹp.

Y phục gấm vàng, đeo hổ phù,

Chuyên niệm Tam Lão, người nhẹ nhàng,

Trường sinh cao tiên, thoát tử ương.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tỳ bộ chi cung thuộc Mậu kỷ.

脾 部 之 宮 屬 戊 己

Tỳ thuộc Thổ, tức là Trung Cung, Mậu kỷ, theo Dịch và Hà Đồ, Lạc Thư. Tỳ thổ có màu vàng. Nên phẩm phục của Thần Tỳ đều là màu vàng.

Câu 2. Trung hữu Minh đồng, hoàng thường lý.

中 有 明 童 黃 裳 裏

Minh đồng 明 童: Thần Tỳ, còn có tên là Hỗn Khang, Hồn Đình.

Câu 3. Tiêu cốc, tán khí, nhiếp nha xỉ.

消 穀 散 氣 攝 牙 齒

Tiêu cốc 消 穀: Tiêu cơm.

Tán khí 散 氣: Làm cho khí lưu chuyển.

Nhiếp nha xỉ 攝 牙 齒: Làm cho vững răng.

Câu 4. Thị vi Thái Thượng, lưỡng Minh đồng.

是 為 太 倉 兩 明 童

Thái Thượng: Vị.

Tỳ với Vị hợp với nhau thành Lưỡng thổ, đều cùng chung nhiệm vụ tiêu hóa. Nên thần Minh Đồng cũng có 2. Bởi thế nói: Thị vị Thái thượng, lưỡng Minh Đồng.

Câu 5. Tọa tại kim đài, thành cửu trùng.

坐 在 金 臺 城 九 重

Tử Hà cho rằng: Thần tỳ vị ngự tại Huyền quan nhất khiếu.

Kim đài 金 臺: Đài vàng. Cửu trùng 九 重: Chín tầng.

Câu 6. Phương viên nhất thốn mệnh môn trung.

方 圓 一 寸 命 門 中

Vuông tròn 1 tấc, ở giữa mệnh môn.

Câu 8. Tịch khước hư luy, vô bệnh thương.

辟 卻 虛 羸 無 病 傷

Tịch khước 辟 卻: Trừ khử.

Hư luy 虛 羸: Hư hao, gầy mòn.

Vô bệnh thương 無 病 傷: Không bệnh nào làm hại được.

Câu 9. Ngoại ứng Xích trạch, khí sắc phương.

外 應 尺 宅 氣 色 芳

Bản Tử Hà chép: Ngoại ứng Thiên trạch, khí sắc phương 外 應 天 澤 氣 色 芳.

Xích trạch 尺 宅: Mặt.

Theo Tử Hà, thì Thiên trạch 天 澤 là quẻ Lý (Thiên trạch Lý 天 澤 履). Lý là dáng đi điệu đứng. Tôi theo Vụ Thành Tử, giải Xích trạch là mặt. Cách giải này, hợp với văn mạch, từ chương tám tới đây. Nội tạng bao giờ cũng ứng với một bộ phận nào ở bên ngoài: phế ứng mũi, tâm ứng miệng lưỡi, gan ứng mắt, thận ứng tai, tỳ ứng mặt...

Câu 10. Quang hoa sở sinh dĩ biểu minh.

光 華 所 生 以 表 明

Quang hoa sinh ra bên trong, lấy cái bên ngoài (biểu 表) để minh chứng (minh 明).

Câu 11. Hoàng cẩm ngọc y, đới hổ chương.

黃 錦 玉 衣 帶 虎 章

Hoàng cẩm 黃 錦: Áo vàng. Đới 帶: Đeo.

Câu 12. Chú niệm Tam Lão, tử khinh tường.

注 念 三 老 子 輕 翔

Chú niệm Tam Lão 注 念 三 老: Tam Lão đây là Nguyên Lão, Huỳnh Lão, Huyền Lão. Tức là niệm tỳ trung Chân nhân 脾 中 真 人.

Tử Hà lại cho rằng Tam lão là Nê Hoàn chi Chân Dương 泥 丸 之 真 陽, là Ngọc đế chi tân (khách) lão 玉 帝 之 賓 老, tên là: Tam Tố Lão quân 三 素 老 君, hay là Hãn Trương Ông 罕 張 翁, hay là Tam Lão Tố Hãn Trương 三 老 素 罕 張 hay là Tam Tố sinh Nê Hoàn 三 素 生 泥 丸 hay là Lão quân 老 君 hay là Hãn Trương Thượng 罕 張 上.

Đem Ý chú Nê Hoàn, thời Chân dương sẽ phá đỉnh mà ra.

Tử 子: là anh, là người tu Huỳnh Đình.

Khinh tường 輕 翔: Nhẹ nhàng bay lượn.

Câu 13. Trường sinh cao tiên, viễn tử ương.

長 生 高 仙 遠 死 殃

Tử ương 死 殃: Nạn chết chóc. Viễn tử ương 遠 死 殃: Thoát nạn chết chóc.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này nói về Tỳ. Tỳ có vị trí hết sức quan trọng: vì nó ở vào TRUNG ƯƠNG, MẬU KỶ THỔ, Thần Tỳ là Minh Đồng hay Hồn Đình, hay Hỗn Khang (Câu 1). Tỳ với Vị đi với nhau là Lưỡng Thổ, nên thần của Tỳ vị cũng gọi là Lưỡng Minh Đồng (Câu 2).

Thần Tỳ Vị ở trung cung Huỳnh Đình, vuông tròn khoảng 1 tấc (Câu 5,6).

Tỳ chủ tiêu hóa, nên trừ được những bệnh gầy ốm. Tỳ ứng với mặt, tỳ tốt, thì mặt đẹp (Câu 7, 8, 9, 10, 11).

Nơi chương này, ta có thể có hai nhận định sau:

1. Tử Hà khi bình câu «Tọa tại Kim đài, thành cửu trùng», đã cho rằng Tỳ thần ở Huyền quan nhất khiếu.

Vụ Thành Tử khi bình câu «Hoàng cẩm ngọc y, đới hổ chương» đã cho rằng Tỳ là chủ Trung Hoàng, và câu này cũng tương đương với câu «Huỳnh Đình chân nhân ý chu y».[1]

2. Khi bình câu «Chú niệm Tam Lão, tử khinh tường» Tử Hà đã cho rằng Tam Lão đây là Huyền Lão, Hoàng lão, và Nguyên Lão. Và Tử Hà còn cho rằng Tam Lão đây chính là Thần Nê Hoàn?

Đọc các lời bình giải, và nghiền ngẫm chính kinh, ta sẽ thấy ngay rằng tư tưởng của người xưa rất là mơ hồ, khi cần minh định đâu là Huỳnh Đình, đâu là tâm điểm con người, và có sự lẫn lộn giữa Nê Hoàn và Trung đan điền.

Có sách thì cho rằng: Nê Hoàn là Huyền quan khiếu. Tam Lão là thần Nê Hoàn.[2] Nê Hoàn cũng chính là Huỳnh Đình.[3] Có nơi thì lại cho rằng: Tỳ là Huyền quan khiếu.[4] Tỳ là Huỳnh Đình.[5] Tam Lão là thần Tỳ.[6]

Riêng tôi, thì tôi vẫn chủ trương: Nê Hoàn cung, là Huyền quan khiếu, có thần Tam Lão, có Thần Trời ngự trị, nó mới chính thực là Huỳnh Đình.

Tỳ hay Trung đan điền, hay Trung hoàng. Tuy rất quan trọng về phương diện sinh lý, nhưng không phải là Huỳnh Đình đích thực, không phải là Huyền quan khiếu.

Ở nơi đó, theo Y học hiện nay, có Tùng Thái Dương (tùng thần kinh mặt trời, plexus solaire). Mà các tùng thần kinh trong người có thể được coi như là những nơi dung chứa khí lực (Accumulateurs d'énergie) chỉ vậy thôi.[7]

Trong quyển Thiên Tiên chính lý trực luận tăng chú 天 仙 正 理 直 論 增注 (quyển tiền 前, tr. 6b) ta thấy ghi:

Đan điền có ba:

- KHÍ ở Trung đan,

- THẦN ở Thượng đan,

- TINH ở Hạ đan.

Từ Hạ điền thiên tới Trung điền, Trung điền thiên tới Thượng điền. Thượng điền thiên xuất Thiên môn. Thế là Tam thiên công thành...[8]

Mấy lời trên đây giúp ta nhận định được tầm quan trọng của từng Đan điền, cũng như liên lạc giữa các đan điền với nhau, cũng như giúp ta có một quan niệm sáng sủa về Nê Hoàn Cung, về Tỳ, về Thần, v.v...



[1] Xem Huỳnh Đình Nội Cảnh, ch. 4; và Ngoại Cảnh, ch. 2.

[2] Xem Đại Thừa Chân Giáo, tr. 61. Xem Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh tường chú, ch. 1 và ch. 13.

[3] Xem Lương Khưu Tử, Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, ch. 1. Xem Vụ Thành Tử, Huỳnh Đình Nội Cảnh, tr. 3b.

[4] Tử Hà, Nội Cảnh tường chú, tr. 13.

[5] Vụ Thành Tử, Huỳnh Đình Nội Cảnh, ch. 13.

[6] Xem Vụ Thành Tử, Nội Cảnh, ch. 13.

[7] Rappelons, tout d'abord, que la recharge de nos accumulateurs internes, (les plexus) s'effectue au cours du sommeil de chaque nuit. Paul C. Jagot, L'Influence à distance, Paris, 1925, p. 32... L'absorption des excitants tire des plexus la force nerveuse qui s'y trouve émmagasinée et la jette dans le torrent circulatoire, d'où, le cerveau l'attire et s'en sustente. Ibid. p. 74.

[8] Đan điền hữu tam: Khí tại trung đan, thần tại thượng đan, tinh tại hạ đan. Tự hạ điền thiên chi Trung điền, Trung điền thiên chi thượng điền. Thượng điền thiên xuất Thiên Môn, thị vị Tam Thiên công thành. 丹 田 有 三: 氣 在 中 丹, 神 在 上 丹, 精 在 下 丹. 自 下 田 天 之 中 田, 中 田 天 之 上 田 .上 田 天 出 天 門, 是 謂 三 天 功 成.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 14
ĐẢM BỘ
膽 部

A. KINH VĂN

1. Đảm bộ chi cung, lục phủ tinh,

膽 部 之 宮 六 府 精

2. Trung hữu đồng tử, Diệu Uy Minh,

中 有 童 子 曜 威 明

3. Lôi điện bát chấn, dương ngọc tinh,

雷 電 八 震 揚 玉 旌

4. Long kỳ hoành thiên, trịch hỏa linh.

龍 旗 橫 天 擲 火 鈴

5. Chủ chư khí lực, nhiếp hổ binh,

主 諸 氣 力 攝 虎 兵

6. Ngoại ứng nhãn đồng, tỵ trụ gian,

外 應 眼 童 鼻 柱 間

7. Não phát tương phù, diệc câu tiên,

腦 髮 相 扶 亦 俱 鮮

8. Cửu sắc cẩm y, lục hoa quần,

九 色 錦 衣 綠 華 裙

9. Bội kim đới ngọc, long hổ vân,

佩 金 帶 玉 龍 虎 文

10. Năng tồn Uy Minh, thừa khánh vân,

能 存 威 明 乘 慶 雲

11. Dịch sử vạn thần triều Tam Nguyên.

役 使 萬 神 朝 三 元

B. LƯỢC DỊCH

Đảm bộ chi cung, lục phủ tinh,

Trong có Đồng Tử, Diệu Uy Minh,

Sấm sét tám phương, giương ngọc tinh,

Cờ rồng phấp phới, nhạc lửa rinh,

Chủ chư khí lực, nhiếp hổ binh,

Ngoại ứng đồng tử, lưỡng mi gian,

Đầu tóc nhờ đảm, tươi nhuận luôn,

Áo gấm chín màu, quần xanh rờn,

Ngọc dắt, vàng đeo, long hổ văn,

Tồn thần Uy Minh, cưỡi khánh vân,

Sai khiến vạn thần triều Tam Nguyên.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Đởm bộ chi cung, lục phủ tinh.

膽 部 之 宮 六 府 精

Lục phủ tinh 六 府 精: Huỳnh Đình coi Đảm đứng đầu Lục phủ (Đảm 膽, Vị 胃, Đại trường 大 腸, Tiểu trường 小 腸, Bàng quang 膀 胱, Tam Tiêu 三 焦), nên gọi là Lục phủ tinh.

Câu 2. Trung hữu Đồng tử, Diệu Uy Minh.

中 有 童 子 曜 威 明

Thần đảm tên là: Long Diệu 龍 曜 tự Uy Minh 威 明.



Thần đảm (hình rắn và rùa) - Đảm thần danh Long Diệu tự Uy Minh 膽 神 名 龍 曜 字 威 明

Câu 3. Lôi điện bát chấn, dương ngọc tinh.

雷 電 八 震 揚 玉 旌

Sách Bí điển gọi Đảm là Trung Chính chi quan 中 正 之 官, chủ quyết đoán. Cho nên nó cũng dự phần dũng mãnh, quyết đoán với Thần gan. Đảm chủ uy lực, oai phong nên mới nói: Lôi điện bát chấn, giương ngọc tinh.

Dương 揚: là giương lên, phất lên. Tinh 旌: là cờ trên ngù có cắm lông. Xưa đi sứ đều cầm cờ tinh.

Câu 4. Long kỳ hoành thiên, trịch hỏa linh.

龍 旗 橫 天 擲 火 鈴

Long kỳ hoành thiên 龍 旗 橫 天: Cờ rồng phấp phới ngang trời. Trịch 擲: Ném. Hỏa linh 火 鈴: Nhạc lửa.

Toàn những hình ảnh của uy vũ, của chiến tranh.

Câu 5. Chủ chư khí lực, nhiếp hổ binh.

主 諸 氣 力 攝 虎 兵

Chủ chư khí lực 主 諸 氣 力: Đảm chủ khí lực.

Nhiếp hổ binh 攝 虎 兵: Có thể thu nhiếp, hàng phục được quân binh mạnh như hổ.

Câu 6. Ngoại ứng nhãn đồng, tỵ trụ gian.

外 應 眼 童 鼻 柱 間

Nhãn đồng 眼 童: Đồng tử, con ngươi. Tỵ trụ 鼻 柱: sống mũi.

Tỵ trụ gian 鼻 柱 間 hay lưỡng mi gian 兩 眉 間 hay ấn đường 印 堂: khoảng giữa hai làn mi.

Câu 7. Não phát tương phù, diệc câu tiên.

腦 髮 相 扶 亦 俱 鮮

Mật có ảnh hưởng đến óc não, đến tóc. Khi giận chẳng hạn tóc có thể dựng lên. Mật tốt, thì óc và tóc tốt.

Câu 8. Cửu sắc cẩm y, lục hoa quần.

九 色 錦 衣 綠 華 裙

Đởm cũng như Can đều thuộc Đông phương, sắc xanh. Cửu sắc 九 色 đây là sắc cửu khí của Đông phương. Lục hoa quần 綠 華 裙: quần màu xanh có hoa, hay quần màu xanh đẹp.

Câu 9. Bội kim đới ngọc long hổ văn.

佩 金 帶 玉 龍 虎 文

Bội kim đới ngọc 佩 金 帶 玉: Đeo vàng, giắt ngọc. Bội cũng là đeo. Đới cũng là đeo. Nhưng đới là đeo nơi thắt lưng, còn bội có thể là đeo nơi tay.

Câu 10. Năng tồn Uy Minh, thừa khánh vân.

能 存 威 明 乘 慶 雲

Tồn được Thần Đảm là Uy Minh, sẽ cưỡi mây lành (khánh vân 慶 雲), tức là sẽ thành tiên.

Câu 11. Dịch sử vạn thần triều Tam Nguyên.

役 使 萬 神 朝 三 元

Bản Tử Hà chép: Dịch sử vạn linh, triều Tam Nguyên 役 使 萬 靈 朝 三 元.

Dịch sử 役 使: Sai khiến. Dịch sử vạn thần 役 使 萬 神: Sai khiến được vạn thần. Triều Tam Nguyên 朝 三 元: Chầu Tam Nguyên Đạo Quân, ở nơi cung Tam Nguyên.

D. BÌNH GIẢNG

Đảm 膽, theo Huỳnh Đình, đứng đầu Lục phủ.

Tử Hà cho rằng Đảm tàng thức 膽 藏 識. Theo ông, chủ trương này có thể bổ khuyết cho nền y học. Nếu vậy thì:

Tâm tàng Thần. 心 藏 神

Phế tàng Phách (khí). 肺 藏 魄 (氣)

Can tàng Hồn. 肝 藏 魂

Thận tàng Chí. 腎 藏 志

Tỳ tàng Ý. 脾 藏 意

Đảm tàng Thức. 膽 藏 識 [1]

Đảm chủ sự quyết đoán, uy vũ, thịnh nộ. Cho nên các từ ngữ, các hình ảnh nơi chương này đều nói lên ý đó, ví dụ:

- Sấm sét vang dậy tám phương.

- Cờ xí tung bay ngất trời.

- Nhạc vàng rổn rảng.

Đảm chủ khí lực, và ảnh hưởng đến óc đến đầu tóc. Đảm cũng như gan thuộc Đông phương mộc, nên có màu xanh. Vì thế phẩm phục Đảm thần cũng màu xanh. Đảm thần tên là Long Diệu, hay Uy Minh. Năng tồn Đảm thần, sẽ thành chân tiên, sai sử được vạn thần, và lui tới chầu chực được Tam Nguyên, Tam Lão.



---

[1] Xem Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh tường chú, ch. 8 và ch. 14.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 15

TỲ TRƯỜNG

脾 長

A. KINH VĂN

1. Tỳ trường nhất xích, yểm Thái Thương,

脾 長 一 尺 掩 太 倉

2. Trung bộ Lão quân trị Minh đường.

中 部 老 君 治 明 堂

3. Quyết tự Linh Nguyên, danh Hỗn Khang,

厥 字 靈 元 名 混 康

4. Trị nhân bách bệnh, tiêu cốc lương,

治 人 百 病 消 穀 糧

5. Hoàng y, tử đới, long hổ chương,

黃 衣 紫 帶 龍 虎 章

6. Trường tinh ích mệnh, lại quân vương.

長 精 益 命 賴 君 王

7. Tam hô Ngã danh thần tự thông,

三 呼 我 名 神 自 通

8. Tam Lão đồng tọa, các hữu bằng.

三 老 同 坐 各 有 朋

9. Hoặc tinh, hoặc thai, biệt chấp phương.

或 精 或 胎 別 執 方

10. Đào Hài Hợp Diên, sinh hoa mang.

桃 孩 合 延 生 華 芒

11. Nam nữ hồi cửu, hữu Đào Khang,

男 女 迴 九 有 桃 康

12. Đạo phụ, đạo mẫu đối tương vọng.

道 父 道 母 對 相 望

13. Sư phụ, sư mẫu, đan huyền hương,

師 父 師 母 丹 玄 鄉

14. Khả dụng tồn tư, đăng Hư không,

可 用 存 思 登 虛 空

15. Thù đồ nhất hội qui yếu chung,

殊 途 一 會 歸 要 終

16. Quan tắc tam quan, ốc cố đình,

關 塞 三 關 握 固 停

17. Hàm thấu kim lễ, thôn ngọc anh.

含 漱 金 醴 吞 玉 英

18. Toại chí bất cơ, tam trùng vong.

遂 至 不 飢 三 蟲 亡

19. Tâm Ý thường hòa trí hân xương.

心 意 常 和 致 欣 昌

20. Ngũ nhạc chi vân, khí bành hanh,

五 岳 之 雲 氣 彭 亨

21. Bảo quán ngọc lư, dĩ tự thưởng.

保 灌 玉 廬 以 自 償

22. Ngũ hình hoàn kiên vô tai ương.

五 形 完 堅 無 災 殃

B. LƯỢC DỊCH

Tỳ dài một thước, đè Thái Thương,

Trung bộ Lão quân trị Minh đường.

Tự là Linh Nguyên, tên Hỗn Khang,

Trị mọi bệnh người, tiêu cốc lương,

Áo vàng, đai tía, Long Hổ chương,

Trường tinh, ích mệnh, tỳ đảm đương,

Kêu ta ba lần, thần tự thông,

Tam Lão cùng nhau ngồi có bạn,

Hoặc tinh, hoặc thai, tùy nữ nam.

Đào Hài, Hợp Diên, sắc rỡ ràng,

Âm Dương hòa hài, có Đào Khang.

Âm Dương hai ngả, mong hòa hợp,

Đạo thể huyền vi, chủ Âm Dương.

Nếu biết tồn tư, đăng Hư không.

Đường lối khác nhau, mục đích chung.

Cố tinh, hộ khí đừng vọng tiết,

Dưỡng nuôi cơ thể, nuốt Ngọc Anh.

Hết còn thấy đói Tam Trùng vong,

Tâm trí hòa hài, phớn phở lòng,

Ngũ tạng khí thông, hình hài nhuận,

Mũi thông, hô hấp được dễ dàng.

Thân hình khỏe mạnh, hết tai ương.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tỳ trường nhất xích, yểm Thái Thương.

脾 長 一 尺 掩 太 倉

Tỳ trường nhất xích 脾 長 一 尺: Đây là nói đại khái chứ không phải là kích thước chính xác.

Yểm Thái Thương 掩 太 倉: Đè lên vị, che bao tử.

Câu 2. Trung bộ Lão quân trị Minh đường.

中 部 老 君 治 明 堂

Tỳ là Huỳnh Đình cung, là Trung bộ, có Hoàng Lão quân chủ trì.

Câu 3. Quyết tự Linh Nguyên, danh Hỗn Khang.

厥 字 靈 元 名 混 康

Quyết tự 厥 字: Tự của nó là ... Quyết 厥: đại từ sở hữu, tương đương với Kỳ 其 trong văn ngôn hoặc Tha đích 他 的 trong Bạch thoại (= của anh ấy, của hắn, của nó). Như nói: quyết phụ 厥 父 = kỳ phụ 其 父 = tha đích phụ 他 的 父 (cha của hắn). Vậy câu này nghĩa là: Linh Nguyên và Hỗn Khang là tên và tự của Thần Tỳ.

Câu 4. Trị nhân bách bệnh, tiêu cốc lương,

治 人 百 病 消 穀 糧

Tiêu cốc lương 消 穀 糧: Tiêu hóa ngũ cốc, lương thực.

Câu 5. Hoàng y, tử đới, long hổ chương,

黃 衣 紫 帶 龍 虎 章

Hoàng y 黃 衣: Áo vàng. Tử đới 紫 帶: Đai tía.

Câu 6. Trường tinh ích mệnh, lại quân vương.

長 精 益 命 賴 君 王

Trường tinh 長 精: Làm tinh tăng. Ích mệnh 益 命: Làm mệnh tăng.

Lại quân vương 賴 君 王: Đều nhờ Thần tỳ, vị quân vương của ngũ tạng.

Câu 7. Tam hô Ngã danh thần tự thông,

三 呼 我 名 神 自 通

Hô tên ta ba lần, thần tự thông.

Câu 8. Tam Lão đồng tọa, các hữu bằng.

三 老 同 坐 各 有 朋

Trong người có Tam đan 三 丹, nên có Tam Lão 三 老. Ở thượng đan điền có Thượng Nguyên Lão quân 上 元 老 君, bè bạn cùng với các thần: Nê Hoàn quân 泥 完 君, Thương Hoa quân 蒼 華 君, Thanh Thành quân 青 城 君, Minh Đường quân thần 明 堂 中 君 臣, Động Phòng trung phụ mẫu 洞 房 中 父 母, Thiên Đình chân nhân 天 庭 真 人.

Ở trung đan điền có Trung Huyền Lão quân 中 玄 老 君, bè bạn cùng với các thần: Xích Thành Đồng tử 赤 城 童 子, Đan Điền quân 丹 田 君, Hạo Hoa quân 皓 華 君 (Phế thần 肺 神), Hàm Minh quân 含 明 君 (Can thần 肝 神), Huyền Anh quân 玄 英 君 (Thận thần 腎 神), Đan Nguyên Chân nhân 丹 元 真 人 (Tâm 心).

Ở hạ đan điền có Hạ Huỳnh Lão quân 下 黃 老 君, bè bạn cùng với: Thái Nhất quân 太 一 君, Hồn Đình quân 魂 停 君, Linh Nguyên quân 靈 元 君, Thái Thương quân 太 蒼 君, Đan Điền Chân nhân 丹 田 真 人. Vì thế nói Tam Lão đều có bè bạn. (Vụ Thành Tử giải.)

Câu 9. Hoặc tinh, hoặc thai, biệt chấp phương.

或 精 或 胎 別 執 方

Vụ Thành Tử giải: Hạ đan điền là căn bản của nhân mệnh, là nơi tàng trữ tinh thần, ở dưới rốn ba tấc, giáp xương sống. Nơi đó nam tàng tinh, nữ tàng thai. Như vậy có sự phân biệt.[1] Tử Hà cho rằng: Trong con người có Tam Lão, Tam quan, thì cũng có Tam luyện. Tam luyện là luyện tinh, luyện khí, luyện thần (luyện thai tiên). Mỗi mỗi đều có phương vị riêng của nó.

Câu 10. Đào Hài Hợp Diên, sinh hoa mang.

桃 孩 合 延 生 華 芒

Bản của Tử Hà viết là Đào Hạch 桃 核 thay vì Đào Hài 桃 孩. Đào Hài hay Đào Hạch đều là tên của Thần Tỳ. Theo Tử Hà, Thần Tỳ có họ là Đào 桃; tên là Hài 孩 (Hạch 核); tự là Hợp Diên 合 延; hiệu là Đạo Khang 道 康. Nên nhiều khi gọi tắt là Đào Khang 桃 康.

Gọi là Đào Hạch 桃 核, mà Hạch 核 là nhân, là cốt lõi, là mầm mộng, là chân tâm. Như vậy Tử Hà đã chuyển ý, cho Tỳ là chân tâm.

Câu 11. Nam nữ hồi cửu, hữu Đào Khang,

男 女 迴 九 有 桃 康

Bản Tử Hà chép: Nam nữ hồi lão, hữu Đào Khang. 男 女 迴 老 有 桃 康. Tử Hà cho rằng nếu Thủy (Thận) Hỏa (Mệnh môn) trong người mà được thần Tỳ giúp cho hòa hài, hòa hợp, sẽ diên niên. Vì thế đã dùng hai chữ Hợp Diên để gọi thần Tỳ. Nam hay nữ, nhờ thần Tỳ Đào Khang, hòa hài được thủy hỏa, sẽ phản lão hoàn đồng.

Câu 12. Đạo phụ, đạo mẫu đối tương vọng.

道 父 道 母 對 相 望

Âm Dương hay Hồn Phách, như Đạo phụ, Đạo mẫu ở hai đầu, cùng trông ngóng nhau, mong trở về được Trung Cung mà hòa hợp.

Câu 13. Sư phụ, sư mẫu, đan huyền hương.

師 父 師 母 丹 玄 鄉

Âm Dương (sư phụ, sư mẫu) sẽ hợp nhất tại đan điền (đan huyền hương). (Đạo là Tông sư, là chủ của Âm Dương. Đan huyền hương là phép tồn đan điền vậy. 道 為 宗 師 陰 陽 之 主 也. 丹 玄 鄉 謂 存 丹 田 法 也).

Câu 14. Khả dụng tồn tư, đăng Hư không.

可 用 存 思 登 虛 空

Tồn tư 存 思 chính là học tiên chi đạo 學 仙 之 道.

Câu 15. Thù đồ nhất hội qui yếu chung.

殊 途 一 會 歸 要 終

Điều cốt yếu của Đạo là: Nhất tán vi tam, tam hợp vi Nhất 一 散 為 三, 三 合 為 一. Sách Huyền Diệu Nội Thiên 玄 妙 內 篇 viết: Triệu dục trường sinh Tam Nhất đương minh 兆 欲 長 生 三 一 當 明.

Câu 16. Quan tắc tam quan, ốc cố đình.

關 塞 三 關 握 固 停

Bản Tử Hà chép: Bế tắc tam quan, ốc cố đình 閉 塞 三 關 握 固 停.

Tam quan 三 關: (1) Khẩu 口 (Thiên quan 天 關), Thủ 手 (Nhân quan 人 關), Túc 足 (Địa quan 地 關); (2) Quan Nguyên 關 元. Ốc cố 握 固: nắm cho vững chắc. Câu này dạy nên bảo tinh, hộ khí. Tam bảo cũng chính là Tinh, Khí, Thần.

Câu 17. Hàm thấu kim lễ, thôn ngọc anh.

含 漱 金 醴 吞 玉 英

Hàm thấu 含 漱: Ngậm và súc miệng. Thôn 吞: Nuốt. Kim lễ 金 醴: Ngọc Anh 玉 英: Nước miếng.

Câu 18. Toại chí bất cơ, tam trùng vong.

遂 至 不 飢 三 蟲 亡

Bất cơ 不 飢: Không đói. Tam Trùng vong 三 蟲 亡: Tam trùng hay tam thi diệt vong. Tam trùng三 蟲 (Tam thi 三 尸) là: (1) Bành Cứ 彭 琚 (tham ăn tục uống, mê say); (2) Bành Chất 彭 質 (tham tiền, tham của, hỉ nộ thất thường); (3) Bành Kiểu 彭 矯 (tham sắc dục).



Tam trùng 三 蟲 (Tam thi 三 尸)

Câu 19. Tâm Ý thường hòa trí hân xương.

心 意 常 和 致 欣 昌

Đó là tình trạng lúc Đạo thông, vô ngại. Tâm trí hòa lạc, người vui vẻ khỏe mạnh (hân xương).

Câu 20. Ngũ nhạc chi vân, khí bành hanh.

五 岳 之 雲 氣 彭 亨

Đó tức là Ngũ tạng chi khí được thông sướng.

Câu 21. Bảo quán ngọc lư, dĩ tự thưởng.

保 灌 玉 廬 以 自償

Ngọc lư 玉 廬: mũi. Hô hấp điều hòa.

Câu 22. Ngũ hình hoàn kiên vô tai ương.

五 形 完 堅 無 災 殃

Ngũ hình 五 形: ngũ thể 五 體, ngũ tạng 五 臟.

D. BÌNH GIẢNG

Chương 13 đã nói rõ về Tỳ. Chương 15 này lại nói về Tỳ, có lẽ để nhấn mạnh tầm quan trọng của Tỳ

Tỳ đè trên bao tử, Tỳ thuộc trung bộ, trung đan điền, có Trung bộ Lão quân cai quản (câu 1, 2).

Thần Tỳ tên là Hồn Khang, tự Linh Nguyên (câu 3).

Tỳ tiêu ngũ cốc, trưởng tinh, ích mệnh. Tỳ mà khỏe, tiêu hóa mà tốt, mọi bệnh sẽ tiêu. Tỳ như là vua của ngũ tạng, nên có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe (câu 4, 5, 6).

Từ câu 7 đến câu 14, lời luận về Tỳ trở nên bao quát hơn, trừu tượng hơn. Tỳ với Nê hoàn, với Hạ đan điền hợp thành Tam đan, có Tam lão cai quản (câu 8).

Có Tam đan, Tam lão, Tam thanh, thì cũng có Tam luyện:

– Hạ đan luyện Tinh,

– Trung Đan luyện Khí,

– Thượng đan luyện Thần hay Thai tiên.

Phận sự mỗi cung đều đã được qui định tách bạch, rõ ràng (câu 9). Thần của Tì cũng còn được gọi là Đào Hài, Đào Hạch, Hợp Diên, hay Đào Khang (câu 10, 11).



Bình thường tâm thị Đạo
平 常 心 是 道
thư pháp của Sengai Gibon (Nhật Bản)

Nếu bây giờ ta coi Tỳ không phải là Tỳ nhục thể nữa, mà coi Tỳ là tượng trưng cho Trung cung, Trung điểm, Huỳnh Đình, Hư vô nhất khiếu, thì thần Đào khang lập tức cũng sẽ trở thành thần Huỳnh Đình, vô cùng biến hóa, vô trụ, vô định. Lúc thì ở hạ đan điền, bảo tinh, cô khí, lúc thì ở Trung cung, Trung điểm, có nhiệm vụ thu nhiếp Âm, Dương, phách hồn chi qui về một mối (Câu 12, 13, 14).

Theo Vụ Thành Tử, yếu quyết của Đạo là:

Nhất tán vi Tam 一 散 為 三

Tam hợp vi Nhất 三 合 為 一.

Nhất là Đạo, Đạo tán thành Thần, Khí, Tinh, (Thần, Hồn, Phách).

Thần, Khí, Tinh (hay Thần, Hồn, Phách) phải hợp lại để thành Đạo (Câu 15).

Nơi hợp nhất chính là Trung cung, Trung điểm, chính là Đan huyền hương (Câu 13). Thần, hay Thần Đào Khang chính là thần sẽ giúp cho Âm Dương hòa hài, hồn phách đoàn tụ (Câu 11-13).

Vậy nếu biết đem thần hồn phách qui tụ lại về nơi Tâm điểm, con người sẽ thành tiên. Thế tức là: Khả dụng tồn tư, đăng Hư không 可 用 存 思 登 虛 空 (Câu 14).

Đạo tuy có nhiều đường lối khác nhau, nhưng chủ trương vẫn là một (Câu 15).

1. Trước hết là cố tinh, hộ khí, đừng để cho khí lực trong người hao tán (Câu 16).

2. Nuốt tân dịch để nuôi dưỡng cơ thể (Câu 17).

3. Dẹp thất tình lục dục mà chương này gọi là Tam trùng.

Tam Trùng 三 虫 tức là Tam Thi 三 尸, gồm có: Bành Cứ 彭 琚, tượng trưng cho sự tham ăn, tục uống, mê say. Bành Chất 彭 質, tượng trưng cho sự tham tiền, tham bạc, hốt hỉ, hốt nộ. Bành Kiểu 彭 矯, tượng trưng cho sự mê sắc dục (Câu 18).

Khi tu đã tới mức cao siêu, sẽ thấy:

Tâm thần sảng khoái (Câu 19).

Cơ thể khỏe, dung nhan tươi tốt (Câu 20).

Hô hấp thông sướng, điều hòa (Câu 21).

Gân cốt, thân hình cương kiện ... (Câu 22).

---

[1] Hạ đan điền giả, nhân mệnh chi căn bản, tinh thần chi sở tàng, ngũ khí chi nguyên dã. Tại tề hạ tam thốn, phụ trước tích, hiệu vi Xích Tử phủ. Nam tử dĩ tàng tinh, nữ nhân dĩ tàng thai. Chủ hòa hợp xích tử, âm dương chi môn hộ dã. Kỳ đan điền trung khí, tả thanh hữu hoàng, thượng bạch hạ hắc. 下 丹 田 者, 人 命 之 根 本, 精 神 之 所 藏, 五 氣 之 元 也. 在 臍 下 三 寸, 附 著 脊, 號 為 赤 子 府. 男 子 以 藏

精, 女 人 以 藏 胎. 主 和 合 赤 子, 陰 陽 之 門 戶 也. 其 丹 田 中 氣, 左 青 右 黃, 上 白 下 黑.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 16

THƯỢNG ĐỔ

上 睹

A. KINH VĂN

1. Thượng đổ Tam nguyên như liên châu,

上 睹 三 元 如 連 珠

2. Lạc lạc minh cảnh, chiếu cửu ngung,

落 落 明 景 照 九 隅

3. Ngũ linh dạ chúc hoán bát khu,

五 靈 夜 燭 煥 八 區

4. Tử tồn nội hoàng dữ ngã du,

子 存 內 皇 與 我 遊

5. Thân phi phượng y, hàm hổ phù,

身 披 鳳 衣 銜 虎 符

6. Nhất chí bất cửu, thăng Hư vô,

一 至 不 久 昇 虛 無

7. Phương thốn chi trung niệm thâm tàng,

方 寸 之 中 念 深 藏

8. Bất phương, bất viên, bế dũ song,

不 方 不 圓 閉 牖 窗

9. Tam thần hoàn tinh lão phương tráng.

三 神 還 精 老 方 壯

10. Hồn phách nội thủ, bất tranh cạnh,

魂 魄 內 守 不 爭 競

11. Thần sinh phúc trung, hàm ngọc đang,

神 生 腹 中 銜 玉 當

12. Linh chú u khuyết, na đắc táng.

靈 注 幽 闕 那 得 喪

13. Lâm điều vạn tầm khả âm trượng,

琳 倏 萬 尋 可 蔭 仗

14. Tam hồn tự ninh, Đế thư mệnh.

三 魂 自 寧 帝 書 命

B. LƯỢC DỊCH

Trông lên Tam nguyên như liên châu,
Linh lung minh cảnh, chiếu cửu ngung,
Ngũ tinh, đêm chiếu, rực tám khu,
Cẩn thủ Nội Hoàng cùng ta du,
Thân mặc áo phượng, ngậm hổ phù,
Chỉ trong khoảng khắc lên Hư vô,
Giữ gìn lòng son lắng tâm tư,
Ngũ quan kỹ lưỡng, gài cửa giả,
Tam thần hoàn tinh, già hóa trẻ,
Hồn phách nội thủ, không tranh cạnh,
Trong lòng thần sinh, châu ngọc mang,
Linh tàng u khuyết, không thất tán,
Như cây muôn tầm, rủ bóng nương,
Tâm hồn thư thái, ghi tiên ban...

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Thượng đổ Tam Nguyên như liên châu.

上 睹 三 元 如 連 珠

Đổ 睹: Xem. Cũng viết là 覩.

Tam Nguyên 三 元: Tam tố: (màu tím, màu vàng, màu trắng của nguyên khí. Tam nguyên này đều là tinh hoa, nguyên khí trong người, khinh thanh, nên ở Thượng cung đầu não, vì thế nói thượng đổ 上 睹 (nhìn lên).

Như liên châu 如 連 珠: Thiên văn có câu: Nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu 日 月 合 璧 五 星 連 珠 (Mặt trời, mặt trăng và ngũ tinh đứng thành một hàng thẳng).

Liên châu 連 珠: Ngọc xếp liền nhau.

Câu 2. Lạc lạc minh cảnh chiếu cửu ngung.

落 落 明 景 照 九 隅

Lạc lạc 落 落: Phi phàm, thoát tục.

Minh cảnh 明 景: Cảnh tượng sáng láng.

Cửu ngung 九 隅: Chín cung trên đầu.

Câu 3. Ngũ linh dạ chúc, hoán bát khu.

五 靈 夜 燭 煥 八 區

Ngũ linh 五 靈: Ngũ tinh 五 星: Kim 金, Mộc 木, Thủy 水, Hỏa 火, Thổ 土.

Dạ chúc 夜 燭: Như đuốc sáng ban đêm.

Hoán 煥: Sáng sủa, rực rỡ.

Câu 4. Tử tồn nội hoàng, dữ ngã du.

子 存 內 皇 與 我 遊

Tử 子: Bạn (cách xưng hô kính trọng).

Tồn Nội Hoàng 存 內 皇: Giữ gìn được thần linh nội tại.

Dữ ngã du 與 我 遊: Cùng ta đi ngao du. Ngã 我 đây là tác giả sách.

Câu 5. Thân phi phượng y, hàm hổ phù.

身 披 鳳 衣 銜 虎 符

Thân phi phượng y 身 披 鳳 衣: Mình mặc áo thêu phượng.

Hàm hổ phù 銜 虎 符: Mang tín phù có hình mặt hổ.

Câu 6. Nhất chí bất cửu, thăng Hư vô.

一 至 不 久 昇 虛 無

Nhất chí bất cửu 一 至 不 久: Chẳng bao lâu.

Thăng Hư vô 昇 虛 無: Lên trời, lên tiên, lên cõi hư vô.

Vụ Thành Tử giải câu này như sau: «Nhất 一 là tiếng dùng để gọi Vô 無. Học đạo cho chuyên nhất, sẽ đồng thể với thần linh. Thế là thần tiên có thể nhờ công phu mà tới được vậy. Trang tử nói: Người mà biết được Nhất, mọi việc sẽ xong.» (Nhất giả, Vô chi xưng dã. Học đạo chuyên nhất, dữ Linh đồng thể, thần tiên khả trí dã. Trang Tử vân: Nhân năng tri Nhất, vạn sự tất 一 者, 無 之 稱 也. 學 道 專 一, 與 靈 同 體, 神 仙 可 致 也. 莊子 云 : 人 能 知 一 萬 事 畢).

Câu 7. Phương thốn chi trung niệm thâm tàng.

方 寸 之 中 念 深 藏

Phương thốn 方 寸: Vụ Thành Tử giải là huyệt Quan Nguyên 關 元 ở dưới rốn 3 tấc. Tôi vẫn cho rằng: Phương thốn là Tấc vuông là Tâm, là Linh đài. Như vậy Nê Hoàn cung cũng gọi được là Phương thốn. Tiên học từ điển cũng giải Phương thốn là Nhân tâm.

Niệm thâm tàng 念 深 藏: Giữ gìn cho cẩn mật.

Câu 8. Bất phương bất viên bế dũ song.

不 方 不 圓 閉 牖 窗

Bất phương, bất viên 不 方 不 圓: Vụ Thành Tử giải là bất động bất tĩnh.

Bế dũ song 閉 牖 窗: Đóng khóa của ngũ quan. Chữ 窗 (song): cửa sổ.

Tham Đồng Khế có câu:

Nhĩ mục khẩu tam bảo,	耳 目 口 三 寶
Bế tắc vật phát thông.	閉 塞 勿 發 通
Chân nhân tiềm thâm uyên,	真 人 潛 深 淵
Phù du thủ qui trung.	浮 遊 守 規 中

(Tai mắt miệng là thân tam bảo,

Đóng khóa cho chu đáo, cho chăm.

Chân nhân sống rất thâm trầm,

Nhởn nhơ, khinh khoát ôm cầm Khuôn Thiêng…)

Câu này Bản Tử Hà đổi là: Bất phương bất viên bế dũ song 不 方 不 圓 閉 牖 窗.

Câu 9. Tam thần hoàn qui, lão phương tráng.

三 神 還 精 老 方 壯

Tam thần 三 神: Tam Nguyên chi thần 三 元 之 神.

Hoàn tinh 還 精: Phản bản hoàn nguyên 返 本 還 元, phản hoàn qui căn 返 還 歸 根.

Vụ Thành Tử giải: Đem được tinh thần qui tụ về tam điền, sẽ được diên niên (Hoàn tinh thần ư tam điền, tắc cửu thọ diên niên dã 還 精 神 於 三 田, 則 久 壽 延 年 也).

Câu 10. Hồn phách nội thủ, bất tranh cạnh.

魂 魄 內 守 不 爭 競

Hồn phách nội thủ 魂 魄 內 守: Giữ hồn phách không cho tản lạc đi.

Bất tranh cạnh 不 爭 競: Hồn phách hòa hài, không còn cạnh tranh nhau.

Câu 11. Thần sinh phúc trung hàm ngọc đang.

神 生 腹 中 銜 玉 當

Thần sinh phúc trung 神 生 腹 中: Thần sinh ra trong lòng.

Ngọc đang 玉 當: Ngọc trên mũ, hay tai.

Thế tức là: Thần trời đất hiển lộ ra (Nhất Chân đặc lộ 一 真 特 露. Tử Hà tử). Tử Hà cho rằng: Những người có được Thiên chân trong người sẽ được gọi là Hàm Hư tử [người chứa được Hư trong mình] (Nhất Chân đặc lộ, thử nhân danh Hàm Hư tử 一 真 特 露,此 人名 涵 虛 子). Tử Hà cũng xưng mình là Hàm Hư Tử.

Câu 12. Linh chú u khuyết, na đắc táng.

靈 注 幽 闕 那 得 喪

Linh chú u khuyết 靈 注 幽 闕: Thần tàng nơi tâm khảm.

Thế tức là Tồn thần thủ Nhất 存 神 守 一.

Na đắc táng 那 得 喪: Làm sao mai một được.

Câu 13. Lâm điều vạn tầm, khả âm trượng.

琳 倏 萬 尋 可 蔭 仗

Lâm điều 琳 倏: Cây ngọc (ngọc thụ 玉 樹).

Vạn tầm 萬 尋: Vạn trượng (cao viễn 高 遠).

Khả âm trượng 可 蔭 仗: Có thể nhờ cậy, nương tựa được.

Câu 14. Tam hồn tự ninh, Đế thư mệnh.

三 魂 自 寧 帝 書 命

Khi đã thành được Chân đạo thì tên sẽ được ghi vào sổ trời.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này là một trong những chương quan trọng, vì Ngoại cảnh đã lặp lại tới 4 câu.

Nội cảnh:

Phương thốn chi trung niệm thâm tàng,

方 寸 之 中 念 深 藏

Tam thần hoàn tinh lão phương tráng…

三 神 還 精 老 方 壯

Linh chú u khuyết, na đắc táng,

靈 注 幽 闕 那 得 喪

Lâm điều vạn tầm, khả âm trượng.

琳 倏 萬 尋 可 蔭 仗

Ngoại cảnh chương 4:

Phương thốn chi trung cẩn cái tàng,

方 寸 之 中 謹 蓋 藏

Tinh thần hoàn qui, lão phục tráng,

精 神 還 歸 老 復 壯

Hiệp dĩ u khuyết, lưu hạ cánh,

俠 以 幽 闕 流 下 竟 [1]

Dưỡng tử ngọc thụ, lệnh khả trượng.

養 子 玉 樹 令 可 杖

Chương này bàn về vấn đề đem Tinh thần trở về Căn Nguyên của nó (tinh thần qui căn 精 神 歸 根).

Đem tinh khí thần qui tụ về Nê Hoàn Cung, tức là tam hoa tụ đỉnh, ngũ khí triều nguyên 三 華 聚 頂, 五

氣 朝 元. Lúc ấy tâm thần sẽ rực rỡ, như có ngũ tinh liên châu, nhật nguyệt hợp bích chiếu soi. (Các câu 1, 2, 3).

Tam hoa mà hợp nhất, sẽ sánh vai tiên tử, thăng Hư vô (câu 4, 5, 6). Hãy giữ cho Chân Thần hội tụ ở Trung Cung, hãy bế tỏa ngũ quan (câu 7, 8) như lời Tham Đồng Khế:

Nhĩ mục khẩu tam bảo,	耳 目 口 三 寶
Bế tắc vật phát thông.	閉 塞 勿 發 通
Chân nhân tiềm thâm uyên,	真 人 潛 深 淵
Phù du thủ qui trung.	浮 遊 守 規 中

(Xem lời dịch ở phần chú thích chương này nơi câu 8).

Hồn phách mà không tản lạc, mà không chống đối nhau (Câu 9, 10, 11), Chân thần tự nhiên sẽ hiển lộ. (Câu 11).

Nếu có Chân Thần tiềm tàng ở nơi tâm khảm, thì làm sao mà bị tử vong được (Câu 12).

Lúc ấy con người sẽ như một cây ngọc, tươi tốt rườm rà, cao muôn tầm tỏa bóng, cho muôn người nương náu (Câu 13).

Lúc ấy con người sẽ thấy tâm thần an lạc, và tên tuổi sẽ được ghi vào tiên tịch (Câu 14).

Thế tức là Đắc Nhất vạn sự tất 得 一 萬 事 畢.

嬰兒現形圖



---

[1] Có bản chép: Tâm kết u khuyết lưu hạ cánh 心 結 幽 闕 流 下 竟.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 17

LINH ĐÀI

靈 臺

A. KINH VĂN

1. Linh đài uất ái vọng Hoàng dã,

靈 臺 鬱 藹 望 黃 野

2. Tam thốn dị thất hữu thượng hạ,

三 寸 異 室 有 上 下

3. Gian quan doanh vệ, Cao Huyền thụ,

間 關 營 衛 高 玄 受

4. Động phòng tử cực, linh môn hộ,

洞 房 紫 極 靈 門 戶

5. Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả,

是 昔 太 上 告 我 者

6. Tả thần công tử phát thần ngữ,

左 神 公 子 發 神 語

7. Hữu hữu Bạch Nguyên, tính lập xứ,

右 有 白 元 併 立 處

8. Minh Đường, Kim quĩ, ngọc phòng gian,

明 堂 金 匱 玉 房 間

9. Thượng Thanh chân nhân đương ngô tiền,

上 清 真 人 當 吾 前

10. Hoàng thường Tử Đan, khí tần phiền,

黃 裳 子 丹 氣 頻 煩

11. Tá vấn hà tại lưỡng mi đoan,

借 問 何 在 兩 眉 端

12. Nội hiệp nhật nguyệt, liệt tú trần,

內 俠 日 月 列 宿 陳

13. Thất diệu, cửu nguyên quán sinh môn.

七 曜 九 元 冠 生 門

B. LƯỢC DỊCH

Linh đài phiêu diêu trông Huỳnh dã,

Nê Hoàn Cung thất phân thượng hạ,

Gian quan, doanh vệ Cao Huyền giữ,

Động phòng, tử cực, linh môn hộ,

Nơi xưa Thái Thượng dạy ta đó,

Tả thần Công tử, phát tham ngữ,

Hữu thần Bạch Nguyên, ngự cùng chỗ,

Minh đường, kim quĩ ngọc phòng gian,

Thượng Thanh chân nhân, tại mục tiền,

Tử Đơn, hoàng thường, trông nghiểm nhiên,

Ướm hỏi chân mày ai ngự đó?

Gồm thâu, nhật nguyệt với tinh quang,

Thất diệu, Cửu nguyên chiếu sinh môn.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Linh đài Uất ái vọng Hoàng dã.

靈 臺 鬱 藹 望 黃 野

Linh đài 靈 臺: Tâm con người, Nê Hoàn Cung.

Uất ái 鬱 藹: Mây bốc ngùn ngụt, cuồn cuộn.

Hoàng dã 黃 野: Trung cung, trung ương.

Câu 2. Tam thốn dị thất hữu thượng hạ.

三 寸 異 室 有 上 下

Tam thốn 三 寸: 3 tấc. Vụ Thành Tử cho rằng 3 thốn nói về Tam đơn điền, vì mỗi đơn điền chỉ có 1 tấc.

Tử Hà bảo đây chỉ nói về Nê Hoàn Cung mà thôi.

Câu 3. Gian quan doanh vệ, Cao Huyền thụ.

間 關 營 衛 高 玄 受

Bản Tử Hà: Nhàn quan vinh vệ Cao Huyền thụ 閑 關 榮 衛 高 玄 受. Tử Hà giải câu này, như sau:

Nhàn quan 閑 關 là phòng thủ. Trong Động phòng có Tam chân: Vị bên tả coi về Vinh 榮 (Âm), vị bên hữu coi về Vệ 衛 (Dương khí), vị chính giữa là Cao Huyền chân nhân 高 玄 真 人, thống lãnh, tổng quản tất cả công việc hai vị kia.

Câu 4. Động phòng tử cực linh môn hộ.

洞 房 紫 極 靈 門 戶

Động phòng 洞 房: Một trong chín cung trên đầu.

Trong Động phòng cung 洞 房 宮 có Tử cực điện 紫 極 殿, lại có Linh môn 靈 門, Ngọc hộ 玉 戶.

Câu 5. Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả.

是 昔 太 上 告 我 者

Ở đó, xưa đức Thái Thượng đã dạy ta. Ta đây là đức Phù Tang Đại Đế quân 扶 桑 大 帝 君. Vụ Thành Tử bình rất hay như sau: Ý nói Đạo này chẳng ở đâu xa, mà đã ở ngay nơi đơn điền. (Ngôn thử đạo [Huỳnh đình chi thuật 黃 庭 之 術] bất viễn, chỉ tại đơn điền 言 此 道 不 遠, 只 在 丹 田).

Câu 6. Tả thần Công tử phát thần ngữ.

左 神 公 子 發 神 語

Trong Động phòng có: (1) Phía tả là Vô Anh quân 無 英 君. (2) Phía hữu là Bạch Nguyên quân 白 元 君. (3) Ở giữa là Hoàng Lão quân 黃 老 君. Như vậy, công tử đây là Vô Anh quân 無 英 君. Thái Thượng ở trên là Hoàng Lão quân 黃 老 君.

Câu 7. Hữu hữu Bạch Nguyên tính lập xứ.

右 有 白 元 併 立 處

Thần Bạch Nguyên 白 元 là một thần trong Động phòng, như nơi câu 5 đã giải. Tính 併: Cùng, đều. Lập 立: đứng.

Câu 8. Minh đường, kim quĩ, ngọc phòng gian.

明 堂 金 匱 玉 房 間

Minh đường 明 堂: Một trong 9 cung trên đầu.

Kim quĩ 金 匱, Ngọc phòng 玉 房: Hai phòng phụ thuộc Minh đường, và ở phía dưới Minh đường. Tử Hà cho rằng: Kim quĩ thuộc Nhật là mắt trái. Ngọc phòng thuộc Nguyệt là mắt phải.

Câu 9. Thượng Thanh chân nhân đương ngô tiền.

上 清 真 人 當 吾 前

Thượng thanh chân nhân là Thượng Nguyên bộ thần.

Câu 10. Hoàng thường Tử Đan, khí tần phiền.

黃 裳 子 丹 氣 頻 煩

Bản Tử Hà: Hoàng thường Tử Đan, khí tần huyên.

Tử Đan 子 丹: Tâm thần, Thần Chân Nhất, Nhất. Cũng gọi là Xích Thành đồng tử 赤 城 童 子, Xích tử 赤 子, hay Tâm đan 心 丹, hay Chân nhân 真 人. Vụ Thành Tử giải: Đây nói về Trung Nguyên đồng tử đang cư ngụ tại Xích Thành. Tần phiền là khí thịnh, không suy kiệt (Vị Trung Nguyên đồng tử xử ư Xích Thành. Tần phiền, khí thịnh bất suy kiệt謂 中 元 童 子 處 於 赤 城. 頻 煩 氣 盛 不 衰 竭).[1]

Câu 11. Tá vấn hà tại lưỡng mi đoan.

借 問 何 在 兩 眉 端

Lưỡng mi đoan 兩 眉 端: Nơi giữa hai làn mi.

Câu 12. Nội hiệp nhật nguyệt, liệt tú trần.

內 俠 日 月 列 宿 陳

Thần trời ở đâu, thì tinh quang trời ở đó.

Câu 13. Thất diệu, cửu nguyên quán sinh môn.

七 曜 九 元 冠 生 門

Thất diệu 七 曜 hay thất tinh 七 星: (1) Nhật nguyệt và ngũ tinh (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). (2) Bảy ngôi sao Bắc đẩu.

Cửu nguyên 九 元: Chín sao ứng với Cửu khiếu.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này cũng là một trong những chương quan trọng. Ngoại cảnh đề cập chương này với sáu câu:

Nội cảnh:

Linh đài uất ái vọng Hoàng dã,

靈 臺 鬱 藹 望 黃 野

Tam thốn dị thất, hữu thượng hạ,

三 寸 異 室 有 上 下

Động phòng tử cực linh môn hộ,

洞 房 紫 極 靈 門 戶

Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả,

是 昔 太 上 告 我 者

Minh đường kim quĩ ngọc phòng gian,

明 堂 金 匱 玉 房 間

Thượng Thanh chân nhân đương ngô tiền.

上 清 真 人 當 吾 前

Ngoại cảnh:

Linh đài trung thiên lâm trung dã,

靈 臺 中 天 臨 中 野

Phương thốn chi trung chí khuyết hạ,

方 寸 之 中 至 闕 下

Ngọc phòng chi trung thần môn hộ,

玉 房 之 中 神 門 戶

Giai thị Công tử giáo ngã giả.

皆 是 公 子 教 我 者

Minh đường tứ đạt, pháp hải viên,

明 堂 四 達 法 海 圓

Chân nhân Tử Đan đương ngã tiền.

真 人 子 丹 當 我 前 [2]

Ta thấy chương này đề cập ba vấn đề:

1. Linh đài hay tâm hồn con người ở nơi đâu ?

Linh đài 靈 臺 hay Cao đài 高 臺 (theo lời giải của Vụ Thành Tử, ngoại cảnh, tr. 2a) chính là Trung Tâm đầu não con người.

Hoàng dã 黃 野, tức là trung cung, trung điểm đầu não con người. Vậy Linh đài là Nê Hoàn cung 泥 丸 宮. Nơi đó Trời người gặp gỡ, vì thế có Động phòng cung 洞 房 宮 (câu 1, 2, 3, 4).

2. Trời hay Thượng đế hay Tử Đan 子 丹, hay Thái Thượng Chân Nhân 太 上 真 人 đã ngự trị ngay trong đầu não con người, và đã thường xuyên dạy bảo con người từ tâm khảm đó (câu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11).

3. Trời ở đâu, thì quang huy Trời ở đó (câu 12, 13).

Chương này làm ta liên tưởng đến bài thơ của Tam Mao chân quân 三 茅 真 君:

Linh đài trạm trạm tự băng hồ,

靈 臺 湛 湛 似 冰 壺

Chỉ hứa Nguyên thần lý diện cư,

只 許 元 神 裏 面 居

Nhược hướng thử trung lưu nhất vật,

若 向 此 中 留 一 物

Khởi năng chứng Đạo, hợp Thanh Hư [3]

豈 能 證 道 合 清 虛

(Linh đài trong vắt tự băng hồ,

Dành đợi Nguyên Thần tới ngụ cư,

Bên trong ví thể còn vương vật,

Làm sao chứng Đạo, hợp Thanh Hư.)

Mấy vần thơ sau cũng giúp ta hiểu thêm chương này. Trương Vô Mộng 張 無 夢 nói:

Tâm tại Linh quan, thân hữu chủ,

心 在 靈 關 身 有 主

Khí qui Nguyên hải, thọ vô cùng.

氣 歸 元 海 壽 無 窮

(Tâm ở Linh quan, thân có chủ,

Khí về Nguyên hải, thọ vô cùng.)

Bành Hạc Lâm 彭 鶴 林 nói:

Thần thất tức thị thử Linh đài,

神 室 即 是 此 靈 臺

Trung hữu trường sinh, bất tử thai.

中 有 長 生 不 死 胎

(Thần thất chẳng qua cũng Linh đài,

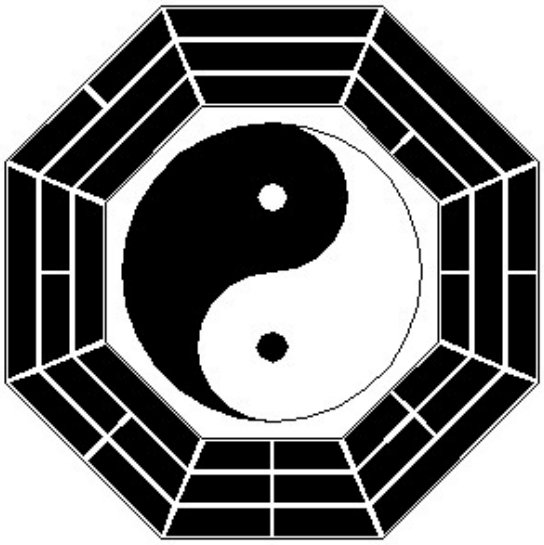
Trong có trường sinh bất tử thai.) [4]

Tóm lại tu đạo, cần biết:

– Đâu là Linh đài 靈 臺, Thần thất 神 室.

– Trong Linh đài, thần thất có ai, có gì ?

– Làm sao tìm ra được thần trời đất, và giữ được thần trời đất trong Linh đài.



---

[1] Xem phụ lục về chữ Nhất cuối sách Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, Lương Khưu tử chú.

[2] Bản Huỳnh Đình Kinh do Thượng Hải Cổ Tịch Xuất bản xã 上 海 古 藉 出 版 社 ấn hành (1990), tr. 3 (phần Ngoại Cảnh) chép là:

Linh đài thông thiên lâm trung dã	靈 臺 通 天 臨 中 野
Phương thốn chi trung gian khuyết hạ	方 寸 之 中 間 闕 下
Ngọc phòng chi trung thần môn hộ	玉 房 之 中 神 門 戶
Ký thị Công tử giáo ngã giả	既 是 公 子 教 我 者
Minh đường tứ đạt, pháp hải nguyên	明 堂 四 達 法 海 源
Chân nhân Tử Đan đương ngô tiền	真 人 子 丹 當 吾 前.

[3] Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, chương Hàm dưỡng bản nguyên, cứu hộ mệnh bảo 涵 養 本 原, 救 護 命 寶.

[4] Tham khảo thêm bài thơ Giải mê ca 解 迷 歌

Nhược yêu chân tinh vô lậu tiết, 若 要 真 精 無 漏 泄

Tu tịnh Linh đài, như lãng nguyệt. 須 淨 靈 臺 如 朗 月

Linh đài bất tịnh, Thần bất thanh, 靈 臺 不 淨 神 不 清

Trú dạ công phu, hưu đoạn tuyệt… 晝 夜 功 夫 休 斷 絕

(Cũng nơi chương trên, Tính Mệnh Khuê Chỉ).

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上清黃庭內景經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 18

TAM QUAN

三關

A. KINH VĂN

1. Tam quan chi trung tinh khí thâm,

三關之中精氣深

2. Cửu vi chi nội, u thả âm.

九微之內幽且陰

3. Khẩu vi tâm quan, tinh thần ki,

口為心關精神機

4. Túc vi địa quan sinh mệnh phi.

足為地關生命非

5. Thủ vi nhân quan, bả thịnh suy.

手為人關把盛衰

B. LƯỢC DỊCH

Ba cửa Tam quan, tinh khí thâm,

Chín cung đầu não, rất u sầm.

Miệng là tâm quan, chốt tinh thần,

Chân là địa quan, sinh mệnh hệ,

Tay là nhân quan, chủ hưng phế.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tam quan chi trung, tinh khí thâm.

三 關 之 中 精 氣 深

Tam quan 三 關:

(1) Hạ đan điền下 丹 田 (Quan nguyên 關 元) (Vụ Thành tử giải);

(2) Miệng, tay, chân (theo Huỳnh đình kinh);

(3) Minh đường 明 堂, Động phòng 洞 房, Đan điền 丹 田 (Nguyên Dương Tử 元 陽 子 giải);

(4) Ấn đường 印 堂, Trùng lâu 重 樓, Giáng cung 絳 宮 (theo Tiên học từ điển);

(5) Tam đan điền 三 丹 田, Nê Hoàn 泥 丸, Giáng cung 絳 宮, Hạ đan điền 下 丹 田 (Tử Hà 紫 霞 giải);

(6) Thái thanh 太 清, Thái tổ太 祖, Thái hòa 太 和.

Câu 2. Cửu vi chi nội, u thả âm.

九 微 之 內 幽 且 陰

Tử Hà giải đó là nơi Tiềm long vật dụng 潛 龍 勿 用, là nơi ở của Thần, cho nên rất là thâm sâu, kín nhiệm.

Câu 3. Khẩu vi tâm quan, tinh thần ki.

口 為 心 關 精 神 機

Bản Tử Hà: Khẩu vi Thiên quan, tinh thần ki 口 為 天 關 精 神 機.

Ki hay Cơ 機 là Then máy, là chủ chốt, là khu cơ (= xu cơ) 樞 機.

Câu 4. Túc vi địa quan, sinh mệnh phi.

足 為 地 關 生 命 扉

Phi 扉: Tử Hà giải là cái ghế; Vụ Thành Tử giải là cánh cửa.[1]

Câu 5. Thủ vi nhân quan, bả thịnh suy.

手 為 人 關 把 盛 衰

Bả thịnh suy 把 盛 衰: Nắm được thịnh suy trong tay.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này ngắn nhưng khó giải.

Huỳnh Đình ngoại cảnh đề cập đến chương này bằng hai câu hết sức có ý nghĩa:

Tam quan chi gian, tinh khí thâm,

三 關 之 間 精 氣 深

Tử dục bất tử tu Côn Lôn. (Chương 6)

子 欲 不 死 修 崑 崙

Hai câu này khiến ta hướng về Côn Lôn, về đầu não, về Linh đài, về Nê Hoàn, về Chân nhất. Ta có thể bàn về chương này như sau:

Trong con người, có đủ tam tài: Thiên, Địa, Nhân, nên con người gồm thâu mọi biến hóa.

Trong con người có một nguồn năng lượng rất lớn tiềm tàng, nhưng nó ẩn trong tầng sâu con người (câu 1, 2).

Đại đạo chính là phát huy được đến cực độ các tiềm năng, tiềm lực ấy. (Các câu 3, 4, 5).

Ta cũng có thể nhân các chữ: Tinh thần ki 精 神 機, Sinh mệnh phi 生 命 斐, Bả thịnh suy 把 盛 衰, mà bình giải chương này như sau:

Đại đạo chính là tìm cho ra được cái gì làm chủ chốt của con người mình, của cuộc đời mình. Mà chủ chốt đây, chính là Thiên Chân, là Chân Nhất, nó tiềm ẩn ngay trong đầu não con người, trong thân hình con người. (Câu 1, 2, 3).

Thứ đến phải phát huy Thiên Chân ấy, phải thực hiện Thiên Chân ấy (Câu 4).

Tuy nhiên con người có quyền hoặc phát huy, hoặc sao lãng, phế hủy thiên chân ấy (Câu 5). Đúng như lời Mạnh Tử nói: Cầu tắc đắc chi, Xả tắc thất chi 求 則 得 之 捨 則 失 之 (Mạnh tử, tận tâm chương cú hạ).

Sách Kim Đan Đại Thành (tr. 3a, 3b) viết:

Hỏi: Chân Nhất là gì ?

Đáp: Người mà có thể đem Thiên Chân của mình, an vào trong Thiên Cốc, thế gọi là Chân nhất chi đạo.

Kim Động chủ 金 洞 主 nói: Chân Nhất ở Bắc Cực, ở Trung điểm Thái Uyên 太 淵.[2]

Huỳnh Đình nhiều lần bàn về Chân Nhất chi đạo 真 一 之 道.

Tử Đan 子 丹, Xích Thành Đồng tử 赤 城 童 子, hay Xích Tử 赤 子, hay Chân Nhân 真 人 hay Thái Thượng 太 上 chính là Chân Nhất 真 一, Nê Hoàn cung 泥 丸 宮 chính là Thiên Cốc 天 谷.

Hiểu được ý này là nắm được then chốt của Huỳnh Đình kinh, nắm được then chốt Kim Đan đại đạo 金 丹 大 道. Trong quyển sách nhỏ này, tôi đã nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần chân lý giản yếu này. Hy vọng độc giả nhận ra dụng ý đó.



[1] Thuyết Văn Giải Tự phiên chữ 棐 là phỉ (phu vĩ thiết 敷 尾 切), nghĩa là giúp đỡ (棐, 輔 也 phỉ, phụ dã). Vương Lực giải 棐 phỉ /fei/ là: (1) giúp đỡ (phụ trợ 輔 助); (2) không, bất 不 (thông với chữ phỉ 匪); (3) giỏ tre (thông với chữ phỉ 篚); (4) cây phỉ (thông với chữ phỉ 榧). Khang Hi bảo gỗ cây phỉ có thể làm bàn ghế (khả vi kỷ 可 為 几), có lẽ Tử Hà giải theo ý này. Vụ Thành Tử giảng: Có lẽ là phi 扉 (cánh cửa): Phỉ hoặc vi phi 棐 或 為 扉 (có người bảo phỉ là cánh cửa).

[2] Vấn viết: Hà vị chân nhất. Đáp viết: Nhân năng tương tự kỷ Thiên Chân, an ư Thiên Cốc chi nội, nãi thử chân nhất chi đạo dã. Kim động chủ viết: Chân nhất giả tại ư Bắc cực thái uyên chi trung dã. 問 曰: 何 謂 真 一. 答 曰: 人 能 將 自 己 天 真, 安於 天 谷 之 內, 乃 守 真 一 之 道 也. 金 洞 主曰: 真 一 者 在 於 北 極 太 淵 之 中 也.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 19
NHƯỢC ĐẮC
若 得

A. KINH VĂN

1. Nhược đắc tam cung tồn Huyền đan,

若 得 三 宮 存 玄 丹

2. Thái nhất, Lưu châu an Côn lôn.

太 一 流 珠 安 崑 崙

3. Trùng trùng lâu các thập nhị hoàn,

重 重 樓 閣 十 二 環

4. Tự cao, tự hạ giai chân nhân,

自 高 自 下 皆 真 人

5. Ngọc đường giáng vũ, tận huyền cung.

玉 堂 絳 宇 盡 玄 宮

6. Tuyền ki, Ngọc hành sắc lan can.

璇 璣 玉 衡 色 蘭 玕

7. Chiêm vọng đồng tử, tọa bàn hoàn,

瞻 望 童 子 坐 盤 桓

8. Vấn thùy gia tử tại ngã thân,

問 誰 家 子 在 我 身

9. Thử nhân hà khứ, nhập Nê Hoàn.

此 人 何 去 入 泥 丸

10. Thiên thiên, bách bách tự tương liên,

千 千 百 百 自 相 連

11. Nhất nhất, thập thập tự trùng sơn.

一 一 十 十 似 重 山

12. Vân nghi, Ngọc hoa hiệp nhĩ môn,

雲 儀 玉 華 俠 耳 門

13. Xích đế, Hoàng lão dữ kỷ hồn,

赤 帝 黃 老 與 己 魂

14. Tam chân phù tư cộng phòng tân,

三 真 扶 胥 共 房 津

15. Ngũ đẩu hoán minh, thị Thất nguyên.

五 斗 煥 明 是 七 元

16. Nhật nguyệt phi hành lục hợp gian.

日 月 飛 行 六 合 間

17. Đế hương thiên trung địa hộ đoan,

帝 鄉 天 中 地 戶 端

18. Diện bộ hồn thần giai tương tồn.

面 部 魂 神 皆 相 存

B. LƯỢC DỊCH

Nếu được Tam cung tồn Huyền đơn,

Thái ất, Lưu Châu an Côn Lôn,

Lầu các trập trùng, thập nhị hoàn,

Từ cao xuống thấp, toàn chân nhân.

Ngọc đường, giáng vụ, đều huyền cung,

Bắc đẩu bảy vì chiếu linh lung.

Nhìn tỏ Đồng tử ngồi an nhiên,

Thân ta ướm hỏi kìa ai ở,

Người đó làm sao vào Nê Hoàn.

Trăm ngàn thần tiên tự tương liên,

Xếp hàng cao thấp như núi non.

Vân Nghi, Ngọc Hoa phù trì bên,

Xích đế Hoàng lão với ngã Hồn,

Ba ngôi hợp một tại Phòng tân,

Ngũ tinh, bắc đẩu soi linh môn,

Nhật nguyệt muôn phương tỏa hào quang,

Đế hương, Thiên đình tại mi gian,

Toàn bộ thần mặt đầu tương tồn.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Nhược đắc tam cung tồn Huyền đan.

若 得 三 宮 存 玄 丹

Tam cung 三 宮: (1) Tam đan điền (Vụ Thành Tử); (2) Huyền đan 玄 丹, Lưu châu 流 珠, Thái nhất 太 一 (Ba cung này đều ở trong đầu não con người, tức là 3 trong 9 cung của Nê Hoàn.

Câu 2. Thái nhất, Lưu châu an Côn lôn.

太 一 流 珠 安 崑 崙

Côn lôn 崑 崙: (1) Đầu não con người (Vụ Thành Tử); (2) Nơi cao nhất trong óc (Tử Hà).

Lưu châu ở phía trước Côn lôn, có Thái Dương chiếu, hóa tận quần âm. Thái nhất ở phía sau Côn Lôn, có đức Cứu Khổ Thiên Tôn giải trừ chư ách. Huyền đơn ở phía trên Côn lôn, không thanh, tuyệt trần ai.

Câu 3. Trùng trùng lâu các thập nhị hoàn.

重 重 樓 閣 十 二 環

Vụ Thành Tử cho rằng đây ám chỉ Hầu lung (cuống họng) với 12 tiết đoạn.

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh cũng viết: Giáng cung trùng lâu thập nhị hoàn (hay thập nhị cấp) (Xem Ngoại Cảnh chương 7). Tử Hà cho rằng đây chỉ là những Kim lâu, bửu các trên các cung, hay trên Tam cung nói trên.

Câu 4. Tự cao tự hạ giai Chân nhân.

自 高 自 下 皆 真 人

Trên dưới đều là Chân thần.

Câu 5. Ngọc đường, giáng vũ, tận Huyền cung.

玉 堂 絳 宇 盡 玄 宮

Vụ Thành Tử cho rằng đây nói về Giáng cung 絳 宮, Minh đường 明 堂. Tử Hà vẫn cho rằng đó là những ngọc đường, giáng vũ nơi các cung trên đầu.

Câu 6. Tuyền ki, Ngọc hành sắc lan can.

璇 璣 玉 衡 色 蘭 玕

- Vụ Thành Tử giải đó là cuống họng. (Tuyền ki, ngọc hành). Lan can 蘭 玕: Màu sắc của cuống họng.

- Tử Hà giải Tuyền ki là 4 ngôi sao Khôi tinh hợp thành hình chữ nhật nơi chòm sao Bắc đẩu. Ngọc

hành là ba sao Tiêu tinh hợp thành chuôi sao Bắc đẩu. Lan can: Xán lạn như Bạch ngọc.

Côn lôn là nơi thần tiên đô hội, ở đỉnh Côn lôn thấy Bắc đẩu sáng soi, có thể lấy tay mà hái được…

Câu 7. Chiêm vọng đồng tử tọa bàn hoàn.

瞻 望 童 子 坐 盤 桓

Đồng tử 童 子 đây là Nhất 一, là thần Tử đan 子 丹, hay Xích Thành đồng tử 赤 城 童 子 hay Đan Hoàng chân nhân 丹 皇 真 人.

Bàn hoàn 盤 桓: An nhiên tự tại.

Câu 8. Vấn thùy gia tử tại ngã thân.

問 誰 家 子 在 我 身

Nơi đây, tác giả trực giác thấy thần trời đất ngự trong thân mình.

Câu 9. Thử nhân hà khứ nhập Nê Hoàn.

此 人 何 去 入 泥 丸

Tác giả xác minh thêm rằng thần trời đất ngự tại trung tâm đầu não mình.

Câu 10 - 11. Thiên thiên, bách bách tự tương liên, Nhất nhất, thập thập tự trùng sơn.

千 千 百 百 自 相 連, 一 一 十 十 似 重 山

Thần trời đất ở đâu thì chư thần theo chầu đó.

Câu 12. Vân nghi, Ngọc hoa hiệp nhĩ môn.

雲 儀 玉 華 俠 耳 門

Vân nghi Ngọc hoa: Tử Hà cho là hai vị thần.

Vụ Thành Tử giải vân nghi, ngọc hoa là tóc.

Câu 13. Xích đế, Hoàng Lão dữ kỷ hồn.

赤 帝 黃 老 與 己 魂

Tử Hà giải Xích đế, Hoàng Lão là Chân tâm, Chân ý.

Câu 14. Tam chân phù tư cộng phòng tân.

三 真 扶 胥 共 房 津

Tam chân 三 真: Xích đế 赤 帝, Hoàng Lão 黃 老, kỷ hồn 己 魂 (ngã hồn).

Phù tư 扶 胥: Giúp đỡ nhau, cộng tác với nhau.

Cộng phòng tân 共 房 津: Ở chung nơi Tủy hải. Xoang trống giữa óc cũng được gọi là tủy hải.

Câu 15. Ngũ đẩu hoán minh, thị Thất nguyên.

五 斗 煥 明 是 七 元

Ngũ đẩu 五 斗: Ngũ tinh.

Thất nguyên七 元: Bắc đẩu.

Câu 16. Nhật nguyệt phi hành lục hợp gian.

日 月 飛 行 六 合 間

Lục hợp 六 合: Sáu phương (tứ phương và thượng hạ).

Câu 17. Đế hương thiên trung địa hộ đoan.

帝 鄉 天 中 地 戶 端

Đế hương 帝 鄉: Đế hương ở nơi trán.

Thiên đình 天 庭 hay thiên trung 天 中 cũng ở giữa trán.

Địa hộ 地 戶: Mũi là địa hộ ở thương bộ. Cho nên đầu sống mũi là Thiên trung.

Câu 18. Diện bộ hồn thần giai tương tồn.

面 部 魂 神 皆 相 存

Đây là nói về chư thần nơi bộ mặt. Các thần mặt đều tương ứng với nhau.

D. BÌNH GIẢNG

Tồn thần, trú khí, hoàn tinh được về Côn lôn đỉnh tức là đem được Huyền đan về tam cung, đem được Thái nhất, Lưu châu an vào Côn lôn. Lúc ấy sẽ thấy Chân thần hiện ra trong đầu não… (Các câu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7). Chân thần hay Nguyên thần hết sức là linh động, hết sức là biến hoá, có lẽ vì thế mà người xưa thường sánh nó với Lưu châu, hay Thủy ngân là cái gì trôi chảy nhất, hay sánh nó với con «tẩu lộc» 走 鹿 (cervus fugitivus) là cái gì khó bắt, khó cầm nhất, thế mà nay làm cho nó ngưng tụ lại được ở nơi tâm điền thực là cả một kỳ công.

Câu «Vấn thùy gia tử tại ngã thân, thử nhân hà xứ nhập Nê Hoàn» 問 誰 家 子 在 我 身, 此 人 何 處 入 泥 丸 cho ta thấy được rằng tác giả Huỳnh Đình đã thấy Thần trời đất hiện ra trong tâm khảm tác giả. (Các câu 8, 9).

Tới giai đoạn đắc đạo, các nhà huyền học đông tây đều chứng nghiệm được vậy:

Bà Evelyn Underhill tác giả quyển Mysticism, đã viết về thánh Thérèse d'Avila như sau: «Trong thẩm cung tâm hồn, trong cái "thái uyên vô để» ấy, nơi mà tiểu ngã trở nên vô nghĩa, nơi mà con người đạt tới đời sống của Toàn thể vô biên, mọi sự phân biệt đều tan biến, và bà thánh Thérèse thấy Thượng đế ở một điểm.» [1] Bà Thérèse d'Avila còn viết: «Thoạt tiên, tôi nhận định được rằng trước đây tôi đã không biết rằng Thượng đế ở trong mọi sự, và khi thấy Chúa có vẻ như ở gần tôi, tôi cho là một điều phi lý, không thể xảy ra. Mà tôi cũng không thể nào không tin rằng Ngài hiện diện nơi tôi, vì tôi cảm thấy ngài rõ ràng quá. Có những người dốt nát đã nói với tôi rằng Chúa chỉ có thể hiện diện bằng ân sủng Ngài mà thôi. Tôi thì không sao mà tin như thế được, cho nên tôi rất khổ sở. Sau có một Cha dòng Đa Minh, thông thái, đã giải tỏa được sự nghi ngờ của tôi, vì Ngài nói với tôi rằng Chúa thực sự hiện diện, và giảng cho biết cung cách Chúa hòa hài với con người. Điều đó làm cho tôi hết sức sung sướng…» [2]

Các câu 12, 13, 14, 15 chương này làm ta liên tưởng đến sự hòa hài, đến sự huyền đồng, hợp nhất với Trời (union mystique avec Dieu) mà các sách huyền học Đông, Tây thường đề cập.

Hai chữ Động Phòng (Chambre nuptiale, thalamus) mà lạ lùng thay, Á Đông nói trong đầu có Động Phòng, thì Âu Châu nói trong đầu có Thalamus, mà Thalamus cũng lại là Động Phòng hai chữ Động phòng của Huỳnh Đình đã chứng minh được rằng từ xưa, nhân loại vốn tin rằng Thiên tâm, Nhân tâm có thể hòa hài, Trời người có thể kết hợp, mà địa điểm kết hợp là nơi Động Phòng, tức là ở ngay trong đầu não con người…

Huỳnh Đình kinh nói: «Vấn thùy gia tử tại ngã thân, thử nhân hà xứ nhập Nê Hoàn.» 問 誰 家 子 在 我 身, 此 人 何 處 入 泥 丸 thì Tào văn Dật 曹 文 逸 cũng đã viết trong bài Đại Đạo Ca 大 道 歌 rằng:

Tá vấn Chân Nhân hà xứ lai, 借 問 真 人 何 處 來

Tòng tiền nguyên chỉ tại Linh đài. 從 前 原 只 在 靈 臺

Tích niên vân vụ, thâm già tế. 昔 年 雲 霧 深 遮 蔽

Kim nhật tương phùng đạo nhãn khai…[3] 今 日 相 逢 道 眼 開

Dịch:

Ướm hỏi Chân nhân hà xứ lai,

Trước sau vốn ngự tại Linh Đài,

Năm xưa vần vụ che lấp kín,

Nay mới tương phùng Đạo nhãn khai…

Nơi đây ta lại thấy đề cập: Nhật nguyệt 日 月, Tuyền ki 璇 璣, Ngọc hành 玉 衡 (Bắc đẩu 北 斗), Ngũ đẩu 五 斗 (Ngũ tinh 五 星), Thất nguyên 七 元 (Bắc đẩu 北 斗).

Mới hay đầu não con người là cả một bầu trời: Trong đầu não con người chẳng những có thiên cung, thiên môn, thiên đình, đế hương, có đủ kim môn, ngọc điện mà còn có đủ chư thần, có đủ nhật nguyệt tinh cầu. Thảo nào mà Ngoại Cảnh (chương 6) nói: «Tử dục bất tử tu Côn Lôn» 子 欲 不 死 修 崑 崙, thảo nào mà Nội Cảnh (chương 7) nói: «Đãn tư nhất bộ thọ vô cùng.» 但 思 一 部 壽 無 窮.

Nhất bộ 一 部 đây là chư thần nơi đầu mặt… (Các câu 13, 14, 15, 16, 17, 18).

Huỳnh Đình cho ta biết đâu là Đế hương 帝 鄉, đâu là Thiên đình 天 庭... Thiên đình, Đế hương chính là Nê hoàn cung 泥 丸 宮 (Câu 17).



Bát tiên quá hải

---

[1] Evelyn Underhill, Mysticism, tr. 131: «In the deepest recess of her Spirit, in that unplumbed abyss where selfhood ceases to have meaning, and the individual touches the life of the All, distinction vanished and she ‘saw God in a point’.»

[2] Evelyn Underhill, Mysticism, tr. 291-292: «In the beginning it happened to me that I was ignorant of one thing: I did not know that God was in all things; and when He seemed to me to be so near, I thought it impossible. Not to believe that He was present was not in my power, for it seemed to me, as it were, evident that I felt there His very presence. Some unlearned men used to say to me, that He was present only by his grace. I could not believe that, because as I am saying, He seemed to me to the present Himself: so I was distressed. A most learned man, of the Order of the glorious Patriarch St. Dominic, delivered me from this doubt; for he told me that He was present, and how He communed with us: this was a great comfort to me.»

[3] Doãn Chân nhân, Tính Mệnh Khuê Chỉ, quyển Hanh, tr. 11a.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 20

HÔ HẤP

呼 吸

A. KINH VĂN

1. Hô hấp Nguyên khí dĩ cầu tiên,

呼 吸 元 氣 以 求 仙

2. Tiên công, Công tử dĩ tại tiền,

仙 公 公 子 已 在 前

3. Chu điểu, thổ súc Bạch thạch nguyên,

朱 鳥 吐 縮 白 石 源

4. Kết tinh dục bào hóa sinh thân,

結 精 育 胞 化 生 身

5. Lưu thai chỉ tinh khả trường sinh,

留 胎 止 精 可 長 生

6. Tam khí hữu hồi cửu đạo minh,

三 氣 右 迴 九 道 明

7. Chính nhất hàm hoa nãi sung doanh,

正 一 含 華 乃 充 盈

8. Dao vọng nhất tâm như la tinh,

遙 望 一 心 如 羅 星

9. Kim thất chi hạ khả bất khuynh,

金 室 之 下 可 不 傾

10. Diên ngã bạch thủ phản hài anh.

延 我 白 首 反 孩 嬰

B. LƯỢC DỊCH

Hô hấp nguyên khí để cầu tiên,

Tồn thần Vô Anh trước mặt liên,

Vận hành thổ nạp, nuốt ngọc diên,

An tâm dưỡng thần, thần sung mãn,

Chỉ tinh, tiết dục sẽ diên niên.

Khí vận châu thân, người linh sảng,

Tồn thần bão nhất, khí sung doanh,

Tâm như sao sáng, thiên trung hiện,

Linh đài rực rỡ, hết đảo khuynh,

Còn ta đầu bạc cũng hóa xanh …

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Hô hấp Nguyên khí dĩ cầu tiên.

呼 吸 元 氣 以 求 仙

Nguyên khí 元 氣: Tiên thiên khí 先 天 氣, Tổ khí 祖 氣, Chân dương chi tinh khí 真 陽 之 精 氣, Tiên thiên Tổ khí 先 天 祖 氣, Chân khí 真 氣 (lời giải của Xung Hư chân nhân 沖 虛 真 人, Thiên tiên chính lý trực luận 天 仙 正 理 直 論, tr. 21b), Tiên thiên thủy khí 先 天 始 氣 (Sđd, tr. 1b, 18b)

Câu 2. Tiên công, công tử dĩ tại tiền.

仙 公 公 子 已 在 前

Tiên công 仙 公: (1) Vụ Thành Tử cho rằng đây là mỹ hiệu tặng cho người học Huỳnh Đình (Tiên công trực chỉ Huỳnh Đình học giả 仙 公 直 指 黃 庭 學 者). (2) Tử Hà giải là Đông phương Mộc công 東 方 木 公, hay Vô Anh công tử 無 英 公 子, sau thành Kim công 金 公, hiệu Cửu Tam Lang 九 三 郎. Đó chính là Chân Chủng tử 真 種 子.

Công tử 公 子: Vụ Thành Tử giải là Thần Vô Anh ở bên trái Động phòng cung (Động Phòng cung tả vi Vô Anh quân, nhất danh Công tử 洞 房 宮 左 為 無 英 君 一 名 公 子).

Câu 3. Chu điểu thổ súc Bạch thạch nguyên.

Chu điểu 朱 鳥: Vụ Thành Tử giải là lưỡi.

Bạch thạch 白 石: Vụ Thành Tử giải là răng.

Thổ súc 吐 縮: Vụ Thành Tử giải là đạo dẫn tân dịch.

(Chu điểu thiệt tượng, bạch thạch xỉ tượng, thổ súc đạo dẫn tân dịch 朱 鳥 舌 象, 白 石 齒 象, 吐 縮 導 引 津 液).

Câu 4. Kết tinh dục bào, hóa sinh thân.

結 精 育 胞 化 生 身

Bản Tử Hà chép: Kết tinh dục thai hóa sinh thân 結 精 育 胎 化 生 身. Thai 胎 đây là thai tiên (tiên thai 仙 胎). Ngưng tụ thần khí ở tại Nê Hoàn, tức là nơi sinh thân thụ khí chi sơ, thế gọi là kết thai tiên. Dục thai 育 胎: là bồi dưỡng thai tiên ấy.

Câu 5. Lưu thai chỉ tinh khả trường sinh.

留 胎 止 精 可 長 生

Tử Hà giải là lưu giữ thai tiên và cấm chỉ tinh lộ 留 仙 胎 禁 止 精 路. Tu tiên đạo 仙 道 vẫn là: Cố tinh 固 精, điều khí 調 氣, an tâm 安 心, dưỡng thần 養 神, khiến cho não cung toàn mãn.

Câu 6. Tam khí hữu hồi, cửu đạo minh.

三 氣 右 迴 九 道 明

Tam khí 三 氣: Tam đan điền chi khí 三 丹 田 之 氣. Thái nguyên 太 元, thái huyền 太 玄, thái tổ chi khí 三 祖 之 氣.

Hữu hồi 右 迴: Vận khí đó trong Đốc mạch thì là Tả tuyền 左 旋, vận khí đó trong Nhâm mạch thì gọi là Hữu hồi 右 迴.

Cửu đạo minh 九 道 明: (1) Tử Hà giải: Sau lưng Đốc mạch thì gọi là Cửu khúc Hoàng hà 九 曲 黃 河. Phía trên thì gọi là Cửu chiết Thiên tân 九 折 天 津. Đằng trước Nhâm mạch, thì gọi là Cửu khúc Trường giang 九 曲 長 江. Mọi đường lối đều phân minh. (2) Vụ Thành Tử giải là Cửu khiếu thông lưu 九 竅 通 流.

Câu 7. Chính nhất hàm hoa, nãi sung doanh.

正 一 含 華 乃 充 盈

Chính nhất 正 一: Tồn Chính 存 正, thủ Nhất 守 一.

Hàm hoa 含 華: Thần khí vinh hoa.

Câu 8. Dao vọng nhất tâm như la tinh.

遙 望 一 心 如 羅 星

Dao vọng 遙 望: Xa nhìn thấy.

Nhất tâm như la tinh 一 心 如 羅 星: trông thấy Tâm Thần (Xích thành đồng tử 赤 城 童 子) sáng láng như ánh sao chiếu vào là lượt.

Câu 9. Kim thất chi hạ khả bất khuynh.

金 室 之 下 可 不 傾

Kim thất 金 室: Ám chỉ Tâm 心. Đại ý nói: Giữ gìn tâm thần cho nghiêm cẩn.

Câu 10. Diên ngã bạch thủ phản hài anh.

延 我 白 首 反 孩 嬰

Đại ý nói làm cho con người trẻ lại khỏe ra.

D. BÌNH GIẢNG

Ta có thể tóm tắt chương này bằng mấy câu ở Ngoại Cảnh (chương 1):

«Hô hấp hư vô nhập đan điền,	呼 吸 虛 無 入 丹 田
Ngọc trì thanh thủy quán linh căn,	玉 池 清 水 灌 靈 根
Tổng chân đồng tử thực Thai tân,	總 真 童 子 食 胎 津
Thẩm năng tu chi, khả trường tồn.»	審 能 修 之 可 長 存

Vì thực ra chương này cũng bàn về:

– Hô hấp chân khí (câu 1)

– Tồn thần (câu 2)

– Nuốt tân dịch (câu 3)

– Bảo tinh, dưỡng thần (câu 4, câu 5)

– Vận khí điều tức (câu 6)

– Thủ chính, bão nhất (câu 7)

– Tồn tâm, dưỡng thần (câu 8, câu 9)

– Diên niên, trường thọ (câu 10)

Dưới đây tôi chỉ chú trọng bình giảng câu 1:

Hô hấp Nguyên khí dĩ cầu tiên 呼 吸 元 氣 以 求 仙.

A. HAI THỨ KHÍ TRONG CON NGƯỜI

Trong con người có hai thứ khí:

a. Khí trời: khí hô hấp.

b. Khí tiên thiên 先 天 氣, hay Chân khí 真 氣, hay Nguyên khí 元 氣.

Nguyên khí hay khí tiên thiên ở trong xoang não, và trong tủy xương sống. Chính vì vậy mà tủy xương sống được gọi là Tiên thiên khí quản 先 天 氣 管.[1]

Hai khí tiên thiên và hậu thiên hỗ trợ nhau. Nghĩa là hô hấp tiên thiên phải nhờ vào sức hô hấp hậu thiên mới có thể vận chuyển được.

Nói rõ hơn: khi ta hít khí trời xuống phổi (hấp hậu thiên 吸 後 天), thì đồng thời ta nương sức hít đó, hít Chân khí từ Vĩ lư 尾 閭, qua Đốc mạch 督 脈 lên Nê Hoàn 泥 丸 (hấp tiên thiên 吸 先 天).

Khi ta thở khí ra (hô hậu thiên 呼 後 天), thì đồng thời ta chuyển chân khí từ Nê Hoàn, xuống Hạ đan điền, xuống Sinh tử huyệt 生 死 穴 (huyệt giữa giang môn 江 門 và sinh dục khí 生 育 器) (hô tiên thiên 呼 先 天).

Người xưa gọi Hô hấp hậu thiên là Hỏa hầu 火 候.[2] Hô hấp tiên thiên là Dược vật 藥 物.[3]

Hô hấp hậu thiên là âm 陰.[4] Hô hấp tiên thiên là dương 陽.[5] Hai thứ hô hấp đó liên lạc mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau. [6]

B. ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN CỦA CHÂN KHÍ

Hô hấp tiên thiên 呼 吸 先 天 là vận chuyển chân khí từ Sinh tử huyệt 生 死 穴 (Trường cường) tới Vĩ lư 尾 閭, qua Đốc mạch 督 脈 (qua Giáp tích 夾 脊, Ngọc chẩm 玉 枕) vào Nê Hoàn. (Đốc mạch 督 脈 còn được gọi là Ngân hà 銀 河, Hoàng hà 黃 河, Hoàng đạo 黃 道, Khí quản 氣 管, Khí lộ 氣 路, Thiên kinh 天

經, hay Hà xa 河 車. Vĩ lư 尾 閭, Giáp tích 夾 脊, Ngọc chẩm 玉 枕 gọi là hậu tam quan 後 三 關). Giai đoạn này là Hấp khí 吸 氣, cũng còn gọi là Thăng 升, là Tiến dương hỏa 進 陽 火 hay Thái thủ 採 取.[7] Sách Xao Kiểu động chương gọi giai đoạn này là: Hấp thăng hổ hống phong sinh 吸 升 虎 吼 風 生 (Sđd, tr. 8a, quyển Hạ).

Giai đoạn thứ hai là hô khí 呼 氣, tức là chuyển khí từ Nê Hoàn 泥 丸, xuống miệng, xuống mạch Nhâm 任, rồi xuống tới Sinh tử huyệt 生 死 穴. Giai đoạn này là giai đoạn hô khí 呼 氣 hay Giáng 降, hay Thoái âm phù 退 陰 符.[8] Xao kiểu động chương gọi giai đoạn này là: Hô giáng 呼 降, long ngâm vân khởi 龍 吟 雲 起.[9] Nhâm mạch 任 脈 cũng còn được gọi là: Xích đạo 赤 道, Thần lộ 神 路, Hồng Khê 紅 溪, Tào khê 曹 溪.[10]

Đường vận chuyển của Chân khí 真 氣 có hai khoảng đứt quãng: Trên là Môn 門, dưới là Cốc đạo 谷 道 hay hậu môn. Muốn cho mạch đến được liên tục cần phải lấy lưỡi đưa lên cúa để cho liền mạch nơi mồm tức là bắc Thượng thước kiều, và cần phải khép kín hậu môn lại gọi là bắc Hạ thước kiều.[11]

Người xưa đã tóm tắt công phu vận khí điều tức tiên thiên khí bằng bốn chữ: Hấp 吸 (hô hấp); Để 抵 (đưa lưỡi lên cửa để khóa môn); Toát 撮 (khép kín hậu môn); Bế 閉 (nhắm mắt, ngậm miệng).[12]

C. THAI TỨC 胎 息 (Respiration embryonnaire)

Đã nói đến vấn đề hô hấp Nguyên khí cần phải đề cập đến Thai tức 胎 息. Tiên học từ điển định nghĩa Thai tức rằng: Thai là tàng thần ở khí huyệt. Tức là tụ khí ở khí huyệt. Như vậy Thai tức là Ngưng thần tụ khí ở Khí huyệt … Lúc ấy, hô hấp hậu thiên và tiên thiên đều như ngừng lại. [13]

Sách Thái Thanh Trung Hoàng chân kinh (tr. 7a) định nghĩa thai tức là: «Bế Chân khí thành thai tức.» 閉 真 氣 成 胎 息. Sách có câu: Hội hợp Thai tiên đạo tự thành 會 合 胎 仙 道 自 成. Cũng nơi trang ấy, sách bình rằng: Nhập thai tức (tức là tự khí, bế khí nơi Nê hoàn) lâu tới 100 tức (khoảng ½ giờ) thì vào được cảnh tiên, lâu 1000 tức (khoảng 1 giờ) thì hồn du thượng cảnh.

Có biết thai tức, mới thành thánh thai, mới thành thai tiên, mới mong nhập đại định,[14] mới mong xuất thần, xuất hồn.[15]

THẾ NÀO LÀ TIÊN 仙 ?

Đạo Lão gọi Tiên là:

a. Một người sống lâu khỏe mạnh một vài trăm tuổi, nhờ dùng linh chi, linh thảo, linh dược, hoặc nhờ Đạo dẫn, Hành khí, thổ nạp v.v…

b. Tuy nhiên tiên nhân chân chính đều do công phu tu luyện nội công:

– Luyện tinh hóa khí 煉 精 化 氣 trời thành nhân tiên.

– Luyện khí hóa thần 煉 氣 化 神 thời thành thần tiên.

– Luyện thần hoàn hư 煉 神 還 虛 thời thành Thiên tiên hay Đại La tiên.

Tổ sư Vương Trùng Dương 王 重 陽 nói: Ý đồng Thiên tâm vi Thiên tiên 意 同 天 心 為 天 仙. Đó cũng là những người: Thể như Thiên chi thanh hư; Đức đồng Thiên chi vô cực 體 如 天 之 清 虛, 德 同 天 之 無 極.[16] Vậy là chúng ta đã giải xong câu thứ nhất rất quan trọng của chương này: Hô hấp nguyên khí dĩ cầu tiên. Chỉ một câu ngắn ngủi mà thâu tóm trọn một công phu tu trì trọng đại của đạo Lão …



[1] Xem hình vẽ và lời chú giải của Diệu Thạch Tử, Quả Văn Đức trong Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ 性命法訣明旨, tr. 29.

[2] Hỏa hầu giả, đơn dĩ hậu thiên khí nhi ngôn giả dã 火候者, 單以後天氣而言者也. Tiên thiên chính lý trực luận 先天正理直論, tr. 21a.

[3] Dược vật giả, đơn dĩ tiên thiên khí nhi ngôn giả dã 藥物者, 單以先天氣而言者也. Sđd., tr. 21a.

[4] Đạo nguyên tinh vi ca 道源精微歌, quyển thượng, tr. 26a.

[5] Thị vi Dương bất đắc âm, cương tất nhiên bất tụ chi cố dã. 是為陽不得陰,剛必然不聚之故也. Sđd.

[6] Nãi nguyên khí bất tự năng siêu, tất dụng hô hấp dĩ thành kỳ năng. Cố viết: Hữu nguyên khí, bất đắc hô hấp, vô dĩ thái thủ phanh luyện nhi vi bản. Hữu hô hấp, bất đắc Nguyên khí, vô dĩ thành thực địa trường sinh, chuyển thần, nhập định chi công. 乃元氣不自能超, 必用呼吸以成其能. 故曰: 有元氣,不得呼吸, 無以採取烹煉而為本. 有呼吸, 不得元氣, 無以成實地長生, 轉神入定之功. Tiên thiên chính lý trực luận, tr. 18b.

… Nãi Nguyên khí nhược bất năng thừa hô hấp chi năng, tắc bất năng thành nghiệt 乃元氣若不能承呼吸之能, 則不能成孼. Đạo nguyên tinh vi ca, tr. 26b.

… Tùy Hậu thiên khí trục nhi nghịch chuyển hạp tịch. Đương hô hấp cơ chi hạp, Ngã tắc chuyển nhi chí Kiền dĩ thăng vi tiến dã. Đương hô cơ chi tịch, Ngã tắc chuyển nhi chí Khôn dĩ giáng, vi thoái dã. 隨後天氣軸而逆轉闔闢. 當呼吸機之闔, 我則轉而至乾以升為進也. 當呼機之闢, 我則轉而至坤以降, 為退也. Tiên thiên chính lý trực luận, quyển hậu, tr. 20a.

… Nhiên hậu thiên hấp, tắc Tiên thiên thăng yên. Thăng thị thăng ư Kiền, nhi thái thủ dã. Hậu thiên khí hô tắc Tiên thiên khí giáng yên. Giáng thị giáng ư Khôn nhi vi phanh luyện dã. 然後天吸, 則先天升焉. 升是升於乾, 而採取也. 後天氣呼則先天氣降焉. 降是降於坤而烹煉也. Đạo Nguyên tinh vi ca, tr. 43a quyển thượng. Xem thêm:

(1) Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ 性命法訣明旨, quyển 8, tr. 15a; quyển 9, tr. 6a; quyển 5, tr. 17a.

(2) Tiên học diệu tuyển 仙學妙選, tr. 345.

(3) Ngũ chân nhân đan đạo cửu thiên 伍真人丹道九篇, tr. 5-6 nói về: Thượng thước kiều 上鵲橋,

Hạ thước kiều 下 鵲 橋. Xem chương 2 cũng sách này nói về Chân ý 真 意; chương 7 nói về Thủ trung 守 中 và Thần qui đại định 神 歸 大 定; phụ lục nói về Tiểu chu thiên ca quyết 小 周 天 歌 訣.

(4) Tiên học từ điển 仙 學 辭 典 giải nghĩa các thuật ngữ: Thước kiều 鵲 橋 (tr. 168), Tiên thiên nhất khí 先 天 一氣 (tr. 84), Tiên thiên chân khí 先 天 真氣 (tr. 85), Đan đạo 丹 道 (tr. 62).

(5) Độ Nhân kinh 度 人 經, tr. 3a.

[7] Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ, quyển 4, tr. 10b. Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 33a. Đạo Nguyên tinh vi ca, q. thượng, tr. 15a.

[8] Tính Mệnh pháp quyết, q. 4, tr. 10b. Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 33b.

[9] Xao Kiểu động chương, q. thượng tr. 46, q. Hạ, tr. 8a.

[10] Tiên học từ điển, tr. 2. Nhâm mạch gọi là: Thủy câu 水 溝, Xích đạo 赤 道, Thần lộ 神 路, Hồng khê 紅 溪, Tào khê 曹 溪. Đốc mạch gọi là: Ngân hà 銀 河, Hoàng hà 黃 河, Hắc đạo 黑 道, Dương đạo 陽 道, Khí lộ 氣 路, Khí quản 氣 管, Thiên kinh 天 經.

[11] Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 7b.

[12] Tiên học từ điển, tr. 91.

[13] Tiên học từ điển, tr. 111. Tàng thần ư khí huyệt viết thai, khí chí khí huyệt vi tức, thai kỳ thần tức kỳ khí, công phu tiến chí thai tức, tắc bất xuất bất nhập, vĩnh vô phàm tức hĩ. 藏 神 於氣 穴 曰 胎, 氣 至 氣 穴 為 息, 胎 其 神 息 其 氣, 功 夫 進 至 胎 息, 則 不 出 不 入, 永 無 凡 息 矣. (Tàng thần nơi khí huyệt gọi là thai, khí đến khí huyệt là tức, thai [nói về] thần và tức [nói về] khí. Công phu đến giai đoạn thai tức, [hơi thở] sẽ không ra không vào, [nghĩa là] không còn cách thở của phàm nhân nữa).

[14] Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ , tr. 3b, q. 9.

[15] Thái Thanh trung hoàng chân kinh 太 清 中黃 真 經, tr. 7a.

[16] Tiên học từ điển, tr. 70.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 21
QUỲNH THẤT
瓊 室

A. KINH VĂN

1. Quỳnh thất chi trung bát tố tập,

瓊 室 之 中 八 素 集

2. Nê Hoàn phu nhân đương trung lập,

泥 丸 夫 人 當 中 立

3. Trường cốc, huyền hương nhiễu giao ấp,

長 谷 玄 鄉 繞 交 邑

4. Lục long tán phi, nan phân biệt.

六 龍 散 飛 難 分 別

5. Trường sinh chí thận phòng trung cấp,

長 生 至 慎 房 中 急

6. Hà vi tử tác, lệnh thần khấp,

何 為 死 作 令 神 泣

7. Hốt chi họa hương tam linh một,

忽 之 禍 鄉 三 靈 歿

8. Đãn đương hấp khí lục tử tinh,

但 當 吸 氣 錄 子 精

9. Thốn điền xích trạch, khả trị sinh,

寸 田 尺 宅 可 治 生

10. Nhược đương quyết hải, bách độc khuynh,

若 當 決 海 百 瀆 傾

11. Diệp khứ, thụ khô, thất thanh thanh,

葉 去 樹 枯 失 青 青

12. Khí vong, dịch lậu, phi kỷ hình,

氣 亡 液 漏 非 己 形

13. Chuyên bế ngự cảnh, nãi trường ninh,

專 閉 御 景 乃 長 寧

14. Bảo ngã Nê hoàn tam kỳ linh,

保 我 泥 丸 三 奇 靈

15. Điềm đạm bế thị nội tự minh,

恬 淡 閉 視 內 自 明

16. Vật vật bất can thái nhi bình,

物 物 不 干 泰 而 平

17. Khác hĩ, phỉ sự lão phục đinh,

慤 矣 匪 事 老 復 丁

18. Tư vịnh ngọc thư, nhập Thượng thanh.

思 詠 玉 書 入 上 清

B. LƯỢC DỊCH

Ở trong não ta, thần khí tụ,

Trong Nê Hoàn ta, Thượng thần ngự.

Khí vận điều hòa, châu thân cấp,

Lục phủ hòa hài như lục long,

Muốn tu trường sinh, kỵ dâm dục,

Ấy đường tử vong, khiến thần khóc,

Hồn vào họa hương sẽ mai một,

Hãy nên hô hấp, bảo thận tinh,

Tinh toàn, tâm diện sẽ quang minh.

Nếu không, sông biển cùng hao cạn,

Lá rụng, cây khô sẽ hết xanh,

Khí vong, dịch lậu, tàn thân hình,

Tồn tinh, bế khí mới trường sinh,

Gìn giữ Nê Hoàn tam kỳ linh,

Điềm đạm, hư vô, tâm quang minh,

Vật vật chẳng phạm, tâm thái bình,

Tất nhiên lão mạo thành tráng đinh,

Hãy đọc Ngọc thư, vào Thượng thanh.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Quỳnh thất chi trung, bát tố tập.

瓊 室 之 中 八 素 集

Quỳnh thất 瓊 室: Một phòng trong Nê Hoàn cung.

Bát tố 八 素: Tám thứ khí.

Nê hoàn có cửu cung: 8 cung bên ngoài là bát tố, hay bát cảnh. Giữa là Thái nhất.[1]

Tập: Tụ hội.

Câu 2. Nê Hoàn phu nhân đương trung lập.

泥 丸 夫 人 當 中 立

Nê Hoàn phu nhân 泥 丸 夫 人: Đạo mẫu.

Câu 3. Trường cốc huyền hương nhiễu giao ấp.

長 谷 玄 鄉 繞 交 邑

Tử Hà chép: Trường cốc, huyền tân nhiễu giao ấp 長 谷 玄 津 繞 交 邑.

Trường cốc 長 谷: mũi (Vụ Thành tử giải)

Huyền hương 玄 鄉: thận (Vụ Thành tử giải)

Tử Hà giải Trường cốc Huyền tân 長 谷 玄 津 là những cảnh tiên trong Nê hoàn. Vụ Thành tử giải câu này đại khái là: Khí trời do mũi hô hấp, liên lạc với thận ở phía dưới, chu lưu nuôi dưỡng tạng phủ.

Câu 4. Lục long tán phi, nan phân biệt.

六 龍 散 飛 難 分 別

Lục long 六 龍: (1) Lục khí của lục phủ (Vụ Thành tử giải). (2) Thai tiên (Tử Hà giải)

Câu 5. Trường sinh chí thận phòng trung cấp.

長 生 至 慎 房 中 急

Muốn tu trường sinh, kỵ dâm dục.

Câu 6. Hà vi tử tác, lịnh thần khấp.

何 為 死 作 令 神 泣

Tại sao tạo cho mình cái chết để thần minh phải khóc.

Câu 7. Hốt chi họa hương, tam linh một.

忽 之 禍 鄉 三 靈 歿

Bản Tử Hà: Hốt chi họa hương, tam linh diệt.

忽 之 禍 鄉 三 靈 滅

Hốt chi 忽 之: Mau đi tới.

Họa hương 禍 鄉: họa hoạn.

Tam linh 三 靈: Tam hồn (Sảng linh 爽 靈, Thai quang 胎 光, U linh 幽 靈).

Một 歿: Mất, mai một.

Câu 8. Đãn đương hấp khí lục tử tinh.

但 當 吸 氣 錄 子 精

Bản Tử Hà: Đãn đương hấp khí, luyện tử tinh.

但 當 吸 氣 鍊 子 精

Lục 錄: Thu góp.

Tử tinh 子 精: Tinh của Anh, của Bạn.

Câu 9. Thốn điền, xích trạch khả trị sinh.

寸 田 尺 宅 可 治 生

Thốn điền 寸 田: Nhất thốn chi đơn điền.

Xích trạch 尺 宅: Nhất xích chi an trạch, cũng là đan điền (Tử Hà giải). Xích trạch cũng có nghĩa là mặt.

Câu 10. Nhược đương quyết hải, bách độc khuynh.

若 當 決 海 百 瀆 傾

Bản Tử Hà: Nhược đương hải quyết, bách độc khuynh.

若 當 海 決 百 瀆 傾

Quyết 決: Khơi, tháo vỡ.

Quyết hải 決 海: Bể bị khơi tháo

Bách độc khuynh 百 瀆 傾: Trăm cái ngòi lạch đều bị khuynh đảo.

Câu 11. Diệp khứ, thụ khô, thất thanh thanh.

葉 去 樹 枯 失 青 青

Bản Tử Hà: Diệp lạc, thụ khô, thất thanh thanh.

葉 落 樹 枯 失 青 青

Câu 12. Khí vong, dịch lậu, phi kỷ hình.

氣 亡 液 漏 非 己 形

Bản Tử Hà: Khí vong, dịch lậu phi kỷ hành.

氣 亡 液 漏 非 己 行

Khí vong, dịch lậu 氣 亡 液 漏: Khí mất, tân dịch (nước miếng) lậu tiết.

Phi kỷ hình 非 己 形: Không còn phải là hình dáng mình nữa.

Câu 13. Chuyên bế ngự cảnh nãi trường ninh.

專 閉 御 景 乃 長 寧

Chuyên bế ngự cảnh 專 閉 御 景: Tránh chuyện trai gái. (Bế ngự nữ chi cảnh 閉 御 女 之 景).

Câu 14. Bảo ngã Nê Hoàn, Tam kỳ linh.

保 我 泥 丸 三 奇 靈

Tam kỳ linh 三 奇 靈: Tinh khí thần (Tử Hà giải)

Câu 15. Điềm đạm bế thị, nội tự minh.

恬 淡 閉 視 內 自 明

Bản Tử Hà: Điềm đạm nhàn quan nội tự minh.

恬 淡 閑 觀 內 自 明

Bế thị 閉 視: Nhắm mắt để nội quan.

Câu 16. Vạn vật bất can, thái nhi bình.

物 物 不 干 泰 而 平

Vật vật bất can 物 物 不 干: Vật vật không can phạm.

Câu 17. Khác hĩ, phỉ sự, lão phục đinh.

慤 矣 匪 事 老 復 丁

Bản Tử Hà: Sầu hĩ, phỉ sự, lão phục đinh.

愁 矣 匪 事 老 復 丁

Khác 慤: Thành thực, thực sự, thật ra.

Tử Hà giải: Người ta thường nói già là buồn, nhưng việc gì mà buồn.

Câu 18. Tư vịnh Ngọc thư, nhập Thượng thanh.

思 詠 玉 書 入 上 清

Ngọc thư 玉 書: Huỳnh Đình kinh.

Thượng thanh 上 清: Một cung trời; một cung trong đầu.

D. BÌNH GIẢNG

Tử Hà cho rằng chương này dạy người con đường trường sinh. Ngoại Cảnh (Bản Tử Hà) tóm lại chương này bằng chín câu sau đây. Kể cũng là trường hợp hãn hữu:

Cung khuyết chi trung, ngũ thái tập,

闕 之 中 五 采 集

Xích thần chi tử, trung trì lập.

赤 神 之 子 中 池 立

Hạ hữu Trường Thành, Huyền cốc ấp,

下 有 長 城 玄 谷 邑

Trường sinh yếu diệu phòng trung tiếp. (Ch. 7)

長 生 要 妙 房 中 接

Khí quyên dâm dục, chuyên tử tinh,

棄 捐 淫 欲 專 子 精

Thốn điền, xích trạch khả trị sinh,

寸 田 尺 宅 可 治 生

Hệ tử trường lưu, tâm an ninh,

繫 子 長 流 心 安 寧

Quan chí, du thần tam kỳ linh,

觀 志 遊 神 三 奇 靈

Nhàn hạ vô sự tâm thái bình. (Ch. 8)

閑 暇 無 事 心 太 平

Phương pháp trường sinh cốt nhất là: Đem được Nguyên thần trở về Thiên cốc. Tính Mệnh Khuê chỉ viết: Thiên cốc Nguyên thần thủ chi tự chân.[2] Qui tụ được Tam hoa (Thần khí tinh), Ngũ khí (kim mộc thủy hỏa thổ) Bát tố (Bát cảnh, bát quái) về Thiên cốc Nê hoàn.

Người xưa gọi thế là:

– Tam hoa qui đỉnh, 三 華 歸 頂

– Ngũ khí triều nguyên, 五 氣 朝 元

– Hỗn hữu linh ư Thiên cốc, 混 有 靈 於 天 谷

– Lý ngũ khí ư Nê hoàn,[3] 理 五 氣 於 泥 丸

– Tứ tượng ngũ hành, toản thốc nhất đỉnh. 四 象 五 行 攢 簇 一 頂.[4]

Huỳnh Đình kinh gọi thế là: Quỳnh thất chi trung bát tố tập 瓊 室 之 中 八 素 集.

Giữ cho Nguyên thần luôn hiển hiện trong đầu não mình. Tính Mệnh Khuê chỉ viết:

Nhất điểm tối sơ chân chủng tử, 一 點 最 初 真 種 子

Nhập đáo đan điền, vạn cổ xuân.[5] 入 到 丹 田 萬 古 春

Hay: Tử dục trường sinh, bão nhất đương minh.[6] 子 欲 長 生 抱 一 當 明

Sao Kiểu động chương [7] 敲 蹻 洞 章 cũng cho rằng: Sau khi đã biết «Thái thủ qui thù» 采 取 歸 酬 (hái thuốc đem về nguồn) sau khi đã trăm ngày nhũ bộ, sau khi khí mãn, tinh doanh, thần khí như nhất thì:

– Tiên thiên phát hiện 先 天 發 現 (Lão)

– Hạo nhiên chi khí phát hiện 浩 然 之 氣 發 現 (Nho)

– Bồ đề chủng tử phát hiện 菩 提 種 子 發 現 (Phật giáo)

– Tiên thiên nghiệt sinh 先 天 孽 生(Lão giáo)

Huỳnh Đình kinh gọi thế là: Nê Hoàn phu nhân đương trung lập. 泥 丸 夫 人 當 中 立 (câu 1, 2, 3, 4).

Hầu như toàn chương 21 này chỉ nói tới vấn đề quan trọng này: Muốn tu đạo, tu chân, tu trường sinh cần xa lánh sắc dục, bảo toàn tinh dịch (các câu 5 đến 13).

Muốn tu đạo phải:

– bảo toàn tinh khí thần (câu 14);

– phải giữ cho tâm thái hòa (câu 15, 16);

– phải đọc Huỳnh Đình kinh (câu 18).

Giữ được vậy, lo gì mà không thấy mình cải lão hoàn đồng (câu 16).



---

[1] Xem Tử Hà chú; Thành tử chú, nơi chương 23, tr. 17b.

[2] Tính Mệnh Khuê chỉ, quyển Lợi tr. 9b.

[3] Tính Mệnh Khuê chỉ, quyển Lợi, tr. 10a.

[4] Tính Mệnh Khuê chỉ, tr. 10a.

[5] Tính Mệnh Khuê chỉ, quyển Lợi, tr. 4b.

[6] Tính Mệnh Khuê chỉ, quyển Lợi tr. 9b.

[7] Xao Kiểu động chương 敲 蹻 洞章, quyển thượng, tr. 25.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 22
THƯỜNG NIỆM
常 念

A. KINH VĂN

1. Thường niệm tam phòng tương thông đạt,

常 念 三 房 相 通 達

2. Động đắc thị kiến vô nội ngoại,

洞 得 視 見 無 內 外

3. Tồn thấu ngũ nha, bất cơ khát,

存 漱 五 牙 不 饑 渴

4. Thần hoa chấp cân, Lục đinh yết,

神 華 執 巾 六 丁 謁

5. Cấp thủ tinh thất vật vọng tiết,

急 守 精 室 勿 妄 泄

6. Bế nhi bảo chi khả trường hoạt,

閉 而 寶 之 可 長 活

7. Khởi tự hình trung sơ bất khoát,

起 自 形 中 初 不 闊

8. Tam quan cận tại dị ẩn quát,

三 官 近 在 易 隱 括

9. Hư vô tịch tịch không trung tố,

虛 無 寂 寂 空 中 素

10. Sử hình như thị bất đương ô,

使 形 如 是 不 當 污

11. Cửu thất chính hư thần minh xá,

九 室 正 虛 神 明 舍

12. Tồn tư bách niệm thị tiết độ,

存 思 百 念 視 節 度

13. Lục phủ tu trị vật lịnh cố,

六 府 修 治 勿 令 故

14. Hành tự cao tường, nhập thiên lộ.

行 自 翱 翔 入 天 路

B. LƯỢC DỊCH

Thường niệm, xoang não đều thông đạt,

Tầm nhìn bao quát không trong ngoài,

Nguyên khí qui căn, hết cơ khát,

Tâm thần nghiễm nghiên, Lục đinh yết,

Giữ sao tinh dịch kiên chẳng tiết,

Chắt chiu tinh khí, sẽ trường hoạt.

Điều tâm, sử khí, người khinh khoát,

Chư thần trong thần sẽ phù bật,

Thân trung hư tịch như giải lụa,

Căng giữa khung trời, không bợn nhơ,

Đầu não hư tĩnh, thần minh ngự,

Tồn tâm chiêm ngưỡng, thần vô số,

Lục phủ điều hòa cho tiết độ,

Lãng đãng gót tiên, vào thiên lộ …

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Thượng niệm tam phòng tương thông đạt.

常 念 三 房 相 通 達

Tam phòng 三 房: (1) Minh đường 三 堂, Động phòng 洞 房, Đan điền 丹 田 (Vụ Thành tử); (2) Huỳnh

đình 黃 庭, Nguyên hải 元 海, Đan điền 丹 田 (Tử Hà).

Thường niệm 常 念: Luôn luôn nghĩ tưởng tới.

Câu 2. Động đắc thị kiến, vô nội ngoại.

洞 得 視 見 無 內 外

Bản Tử Hà: Động thị đắc kiến vô nội ngoại.

洞 視 得 見 無 內 外

Động đắc thị kiến 洞 得 視 見: Sẽ có một cái nhìn khoáng đại, động triệt, viên dung.

Câu 3. Tồn thấu ngũ nha bất cơ khát.

存 漱 五 牙 不 饑 渴

Tồn thấu 存 漱: Nuốt và giữ gìn.

Ngũ nha 五 牙: Ngũ khí 五 氣, ngũ hành chi sinh khí 五 行 之 生 氣.

Ngoại cảnh đổi câu này thành: Thường niệm Thái thượng bất cơ khát 常 念 太 上 不 饑 渴. Ta biết Thái thượng là thần Vị 胃, thần Trung Ương, cũng tương đương như khi nói: Thường niệm Thái cực bất cơ khát, nên câu trên Tung Ẩn Tử bình:

Thời thời giác chiếu,	時 時 覺 照
Niệm niệm hiện trung,	念 念 現 中
Tự nhiên tâm tử thần hoạt,	自 然 心 死 神 活
Nhi vô cơ khát chi ngu.[1]	而 無 饑 渴 之 虞

Câu 4. Thần hoa chấp cân, Lục đinh yết.

神 華 執 巾 六 丁 謁

Thần hoa 神 華: Nguyên thần 元 神.

Lục đinh 六 丁: Lục đinh âm thần 六 丁 陰 神.

(1) Đinh Sửu thần 丁 丑 神: Triệu tử Ngọc 趙 子 玉. Ngọc Nữ: Thuận khí 順 氣.

(2) Đinh Mão thần 丁 卯 神: Tư Mã Khanh 司 馬 卿. Ngọc Nữ: Túc Viết Chi 足曰之.

(3) Đinh Tị thần 丁 巳 神: Thôi Cự Khanh 崔 巨 卿. Ngọc Nữ: Khai Tâm 開 心.

(4) Đinh Mùi thần 丁 未 神: Thạch Thúc Thông 石 叔 通. Ngọc Nữ: Ký Phòng 寄 房.

(5) Đinh Dậu thần 丁 酉 神: Tang Văn Công 臧 文 公. Ngọc Nữ: Đắc Hỉ 得 喜.

(6) Đinh Hợi thần 丁 亥 神: Trương Văn Thông 張 文 通. Ngọc Nữ: Tào Phiêu Chi 曹 漂 之.

Câu 5. Cấp thủ tinh thất, vật vọng tiết.

急 守 精 室 勿 妄 泄

Tinh thất 精 室: Nơi chứa tinh.

Tiết 泄: Phát tiết ra.

Vọng tiết 妄 泄: Phát tiết ra bừa bãi.

Câu 6. Bế chi, bảo chi khả trường hoạt.

閉 而 寶 之 可 長 活

Bế 閉: đóng. Bảo 寶: Chắt chiu, quí báu.

Trường hoạt 長 活: Sống lâu.

Câu 7. Khởi tự hình trung, sơ bất khoát.

起 自 形 中 初 不 闊

Tử Hà giải hình trung 形 中 là Hội âm mạch 會 陰 脈 (huyệt Hội âm 會 陰). Vụ Thành tử giải: Điều tâm sử khí, vi diệu vô hình 調 心 使 氣 微 妙 無 形.

Câu 8. Tam quan cận tại, dị ẩn quát.

三 官 近 在 易 隱 括

Bản Tử Hà: Tam cung cận tại, dị ẩn quát.

三 宮 近 在 易 隱 括

Vụ Thành tử giải Tam quan 三 官 là Tam đan điền chi chân quan 三 丹 田 之 真 官 (ba vị quan nơi ba đan điền). Ẩn quát 隱 括: Âm thầm bảo vệ tinh khí (Ẩn quát tinh khí 隱 括 精 氣).[2]

Câu 9 - 10. Hư vô tịch tịch không trung tố,

虛 無 寂 寂 空 中 素

Sử hình như thị bất đương ô.

使 形 如 是 不 當 污

Theo Vụ Thành tử, hai câu này có hai cách hiểu: 1/ Khiến cho thân thể thanh tịnh, như lụa nõn căng giữa trời. 2/ Giữ cho trong lòng hư không, như lụa nõn, hư tĩnh đương nhiên, không vấn vương phàm sự (sự việc phàm trần).[3]

Câu 11. Cửu thất chính hư thần minh xá.

九 室 正 虛 神 明 舍

Cửu thất 九 室: Cửu cung nơi đầu.

Chính hư 正 虛: Hư tĩnh, chính trực.

Câu 12. Tồn tư bách niệm thị tiết độ.

存 思 百 念 視 節 度

Tồn tưởng như có bách thần trong con người.

Câu 13. Lục phủ tu trị vật lịnh cố.

六 府 修 治 勿 令 故

Bản Tử Hà: Lục tạng tu trị vật lịnh cố.

六 臟 修 治 勿 令 故

Lục phủ hay lục tạng nơi đây đều được giải là Tâm, Can, Tì, Phế, Thận, Đởm.

Câu 14. Hành tự cao tường nhập thiên lộ.

行 自 翱 翔 入 天 路

Bản Tử Hà: Hành tự cao tường nhập vân lộ.

行 自 翱 翔 入 雲 路

Cao tường 翱 翔: Bay lượn.

D. BÌNH GIẢNG

Theo Tử Hà, chương này chú trọng công phu: Thủ trung bão nhất 守 中 抱 一.

Huỳnh Đình ngoại cảnh tóm chương này như sau:

Thường tồn Ngọc phòng, thần minh đạt,

常 存 玉 房 神 明 達

Thời niệm Thái Thượng, bất cơ khát.

時 念 太 上 不 饑 渴

Dịch sử Lục đinh, ngọc nữ yết,

役 使 六 丁 玉 女 謁

Bế tử tinh hộ, khả trường hoạt. (Chương 9)

閉 子 精 戶 可 長 活

Chính thất chi trung Thần sở cư,

正 室 之 中 神 所 居

Tẩy tâm tự trị vô cảm ố,

洗 心 自 治 無 敢 污

Lịch quan ngũ tạng, thị tiết độ,

歷 觀 五 臟 視 節 度

Lục phủ tu trị, khiết như tố,

六 府 修 治 潔 如 素

Hư vô tự nhiên đạo chi cố. (Chương 10)

虛 無 自 然 道 之 固

Theo lời bình của Tử Hà và theo Huỳnh Đình ngoại cảnh, ý tưởng nơi chương này hiện ra rất rõ ràng:

Biết được rằng có Trời ngự trị trong Tâm linh mình, luôn muốn sống phối kết với Trời, với Đạo, với Thái Thượng nơi tâm não mình, đó là đạt đạo, đạt đích. (Các câu 1, 2, 3, 4).

Lúc ấy sẽ có cái nhìn viên dung, toàn mãn. Lúc ấy sẽ sai sử được chư thần Lục đinh. Cần phải giữ cho lòng thanh khiết, tinh vi như tấm lụa trắng. Đạo Nho gọi thế là Tư vô tà. (Các câu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12).

Lại cũng phải giữ gìn cho lục phủ ngũ tạng được thái khang, thanh tĩnh (Các câu 12, 13).

Đó chính là con đường tu tiên, tu đạo. (Câu 14).



[1] Tung Ẩn Tử, Huỳnh Đình ngoại cảnh, tr. 17.

[2] Vụ Thành tử giải: vị tam đan điền chân quan, cận tại nhân thân, ẩn quát tinh khí, thường dĩ tâm vi quân chủ giả dã 謂 三 丹田 真 官, 近 在 人 身, 隱 括 精 氣, 常 以 心 為 君 主 者 也 (Ý nói ba vị chân quan ở ba đan điền, gần ngay thân người, âm thầm bảo vệ tinh khí của người, thường xem tim là bậc vua chúa).

[3] Sử hình khinh tịnh, như huyền kiêm tố ư không trung dã. Hựu vân thân trung hư không, sử như khí chi luyện tố, hư tĩnh đương nhiên. Ô vị hữu kỳ sự dã. 使 形 輕 淨, 如 懸 縑 素 於 空 中 也. 又 云 身 中 虛 空, 使 如 氣 之 煉 素, 虛 靜 當 然. 污 謂 有 其 事 也.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 23

TRỊ SINH

治 生

A. KINH VĂN

1. Trị sinh chi đạo liễu bất phiền,

治 生 之 道 了 不 煩

2. Đản tu Đỗng Huyền dữ Ngọc Thiên.

但 修 洞 玄 與 玉 篇

3. Kiêm hành hình trung bát cảnh thần,

兼 行 形 中 八 景 神

4. Nhị thập tứ chân xuất tự nhiên,

二 十 四 真 出 自 然

5. Cao củng vô vi hồn phách an,

高 拱 無 為 魂 魄 安

6. Thanh tĩnh thần hiện dữ Ngã ngôn,

清 靜 神 見 與 我 言

7. An tại tử phòng vi mạc gian,

安 在 紫 房 幃 幙 間

8. Lập tọa thất ngoại tam ngũ huyền,

立 坐 室 外 三 五 玄

9. Thiêu hương, tiếp thủ Ngọc hoa tiền,

燒 香 接 手 玉 華 前

10. Cộng nhập thái thất tuyền ki môn.

共 入 太 室 璇 璣 門

11. Cao nghiên điềm đạm đạo chi viên,

高 研 恬 淡 道 之 園

12. Nội thị mật phán, tận đổ chân,

內 視 密 盼 盡 睹 真

13. Chân nhân tại kỷ mạc vấn lân,

真 人 在 己 莫 問 鄰

14. Hà xứ viễn sách cầu nhân duyên.

何 處 遠 索 求 因 緣

B. LƯỢC DỊCH

Cái phép dưỡng sinh chẳng tần phiền,
Chỉ tu Động Huyền với Ngọc Thiên,
Kiêm hành hình trung bát cảnh thần,
Điều hòa chân khí cho tự nhiên,
Siêu tuyệt vô vi, thần hồn an,
Thanh tĩnh, thần hiện cùng ta bàn,
Ngự tại tử phòng, óc não gian,
Đứng, ngồi bên ngoài dăm ba thần,
Đốt hương, tiếp tay, tại mục tiền,
Cùng vào Thái thất, Tuyền ky môn,
Điềm đạm hư vô, chơi vườn Đạo,
Phản quang nội chiếu, sẽ thấy Thần,
Thần tại lòng ta, gần thật gần,
Còn phải đi đâu, hỏi với thăm.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Trị sinh chi đạo liễu bất phiền.

治 生 之 道 了 不 煩

Bản Tử Hà: Trị sinh chi đạo bất khả phiền.

治 生 之 道 不 可 煩

Đạo trị sinh cốt tại vô vi 無 為, thanh giản 清 簡.

Câu 2. Đãn tu Đỗng Huyền dữ Ngọc Thiên.

但 修 洞 玄 與 玉 篇

Đỗng Huyền 洞 玄: Đỗng Huyền Linh Bảo.

Ngọc Thiên 玉 篇: Huỳnh đình.

Câu 3. Kiêm hành hình trung bát cảnh thần.

兼 行 形 中 八 景 神

Bát cảnh thần 八 景 神: Ngọc Vĩ kinh 玉 緯 經 nói: Ngũ tạng có Bát quái đại thần, bảo vệ thần Thái nhất.[1] Bát quái đại thần tức là Bát cảnh thần.

Câu 4. Nhị thập tứ chân xuất tự nhiên.

二 十 四 真 出 自 然

Nhị thập tứ chân 二 十 四 真: Nhị thập tứ khí trong người. Tử Hà cho rằng: Nhị thập tứ chân là Lục căn, Bát thức, tam hồn, thất phách; hoặc 24 vị thần nơi con người.

Theo Tử Hà, trong thân người có Tam bộ. Mỗi bộ có Bát cảnh thần. Tổng cộng là 24. Tử Hà có ghi lại tên 24 vị thần trong 3 bộ đó. Nơi đây tôi không chép lại.

Vụ Thành tử giảng khác với Tử Hà.[2]

Câu 5. Cao củng vô vi thần hồn an.

高 拱 無 為 魂 魄 安

Tử Hà giải Cao củng vô vi là tập hợp các vị thần về Nê Hoàn. Vụ Thành Tử giải câu này là: Hành vong tọa vong 行 忘 坐 忘, ly hình khứ trí 離 形 去 智. Cao củng Vô vi như vậy là nhập đại định.

Câu 6. Thanh tĩnh thần hiện dữ ngã ngôn.

清 靜 神 見 與 我 言

Vụ Thành Tử giải, nếu có thể thanh, có thể tĩnh, thời Tâm thần sẽ hiện ra.[3] Tử Hà giải Thanh tĩnh thần là Đạo tâm 道 心, là thần Thanh Tĩnh.

Câu 7. An tại Tử phòng, vi mạc gian.

安 在 紫 房 幃 幙 間

Bản Tử Hà: An tại Tử phủ vi mạc gian.

安 在 紫 府 幃 幙 間

Tử Phủ 紫 府: Nê Hoàn, tức là Quỳnh thất.

Vi mạc 幃 幙: Màn che trướng rủ.[4]

Câu 8. Lập tọa thất ngoại tam ngũ huyền.

立 坐 室 外 三 五 玄

Tam ngũ 三 五 là Tam gia:

Đông tam Nam nhị đồng thành ngũ, (3+2=5)

東 三 南 二 同 成 五

Bắc Nhất Tây phương Tứ cộng chi (1+4=5)

北 一 西 方 四 共 之

Mậu kỷ tự cư sinh sổ Ngũ (Mậu kỷ trung cung: 5)

戊 己 自 居 生 數 五

Tam gia tương kiến kết Anh nhi.

三 家 相 見 結 嬰 兒

Vụ Thành tử giải là tam điền ngũ tạng (3 đan điền và ngũ tạng).[5]

Câu 9. Thiêu hương tiếp thủ ngọc hoa tiền.

燒 香 接 手 玉 華 前

Ngọc hoa 玉 華: là Thiên đình 天 庭 ở giữa hai chân mày (lưỡng mi gian 兩 眉 間).[6]

Câu 10. Cộng nhập Thái thất, Tuyền ky môn.

共 入 太 室 璇 璣 門

Chư thần cùng vào Nê Hoàn cung, tức là Tử phủ, Thái Thất, Lay Tuyền Ky môn (Tuyền Ky là Trung khu Bắc cực).

Câu 11. Cao nghiên điềm đạm đạo chi viên.

高 研 恬 淡 道 之 園

Bản Tử Hà: Cùng nghiên điềm đạm Đạo chi viên.

窮 研 恬 淡 道 之 園

Cũng như Đạo Đức kinh nói: Trí hư cực, thủ tĩnh đốc .

Câu 12. Nội thị mật phán tận đổ chân.

內 視 密 盼 盡 睹 真

Bản Tử Hà: Nội thị mật miến, tận đổ chân.

內 視 密 眄 盡 睹 真

Huỳnh Đình luôn đề cao: hồi quang phản chiếu.

Câu 13. Chân nhân tại kỷ, mạc vấn lân.

真 人 在 己 莫 問 鄰

Câu này đúng là ý nói: Trời chẳng xa người.

Câu 14. Hà xứ viễn sách, cầu nhân duyên.

何 處 遠 索 求 因 緣

Cần gì mà phải tìm tòi đâu xa ?

D. BÌNH GIẢNG

Ngoại Cảnh (chương 11) toát lược chương này như sau:

Vật hữu tự nhiên, sự bất phiền,

物 有 自 然 事 不 煩 (như câu 1 Nội Cảnh)

Thùy củng vô vi, thân tự an.

垂 拱 無 為 身 自 安 (như câu 5 Nội Cảnh)

Thể hư vô vật tâm tự nhàn.

體 虛 無 物 心 自 閒 (như câu 5 Nội Cảnh)

Tịch mịch khoáng nhiên khẩu bất ngôn,

寂 寞 曠 然 口 不 言 (như câu 6 Nội Cảnh)

Tu hòa độc lập Chân nhân cung,

修 和 獨 立 真 人 宮 (như câu 7, 8, 9 Nội Cảnh)

Điềm đạm vô dục tồn đức viên.

恬 淡 無 欲 存 德 園 (như câu 11 Nội Cảnh)

Thanh tịnh hương khiết ngọc nữ tồn,

清 淨 香 潔 玉 女 存 (như câu 9 Nội Cảnh)

Tu đức minh thiện đạo chi môn.

修 德 明 善 道 之 門 (như câu 11 Nội Cảnh)

Ý nghĩa chương này như vậy cũng dễ thâu tóm được:

1. Tu đạo, nếu đi đúng đường lối tự nhiên, sẽ giản dị, vì đạo chẳng qua là theo đúng định luật phát triển, tiến hóa tự nhiên mà thôi. (Câu 1-4)

2. Chương này đề cao chủ trương thanh tĩnh, điềm đạm vô, vi, vô dục của đạo Lão (câu 5, 6), và như vậy về phương diện Vô Vi, cũng đã dập theo đúng khuôn mẫu của Đạo Đức Kinh, của Xung Hư Chân kinh, của Nam Hoa Kinh.[7]

3. Nếu chúng ta biết điềm đạm hư tĩnh, nội quan quán chiếu, sẽ thấy Trời chẳng xa người, thần minh đã ở ngay trong tâm thần ta (các câu từ 5 đến 14).



[1] Vụ Thành tử chú: Ngũ tạng hữu bát quái đại thần túc vệ Thái nhất. Bát sử giả chủ bát tiết nhật. Bát quái hợp Thái nhất vi cửu cung. Bát quái ngoại hữu thập nhị lâu. Lâu vi hầu lung dã. Tề trung vi Thái nhất quân, chủ nhân chi mệnh dã. Nhất danh Trung cực, nhất danh Thái uyên, nhất danh Côn lôn, Đặc xu.

Chủ thân trung vạn nhị thiên thần dã. (Ngũ tạng có Bát quái đại thần, bảo vệ Thái nhất. Tám vị này thi hành công việc vào những ngày bát tiết. Bát quái hợp với Thái nhất làm 9 cung. Bên ngoài bát quái có 12 lầu. Lầu là cuống họng. Trong rốn là thần Thái nhất, nắm giữ sinh mệnh con người; còn có tên là: Trung cực, Thái uyên, Con lôn, Đặc xu, làm chủ 12 ngàn vị thần trong thân thể con người) 玉緯經云: 五藏有八卦大神, 宿衛太一八使者主八節日. 八卦合太一為九宮八卦外有十二樓. 樓為喉嚨也臍中為太一君, 主人之命也一名中極, 一名太淵, 一名崑崙, 一名, 一名特樞. 主身中萬二千神也 (Bát tiết: Theo Hứa Chỉ Tịnh chú Cảm Ứng Thiên, bát tiết là bốn lập, hai phân, và hai chí. Đó là những ngày mà chư thần tra lục tội lỗi thế nhân 四立, 二分. 二至叫八節. 這是諸神錄人罪過之日. Trung Hoa Đạo Học Thông Điển chú: Bát tiết là lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí.)

[2] Vụ Thành tử chú: Thiên hữu nhị thập tứ chân khí, nhân thân diệc hữu chi. Hựu tam đan điền chi sở, tam bát nhị thập tứ chân nhân, giai tự nhiên chi đạo khí dã (Trời có 24 chân khí, con người cũng thế. Lại ở chỗ 3 đan điền, có 3 lần 8 là 24 vị chân nhân, đều là những đạo khí tự nhiên) 天有二十四真氣, 人身亦有之. 又三丹田之所, 三八二十四真人, 皆自然之道氣也.

[3] Vụ Thành tử chú: Năng thanh năng tĩnh, tắc tâm thần tự hiện. Cơ lãm vô ngoại, nhi dữ kỷ ngôn. Tức vị Huỳnh Đình chân nhân. (Có thể thanh, có thể tĩnh thì tâm thần tự hiện. Then chốt xem không nằm ở ngoài mà nói là ở trong thân ta, tức là Huỳnh Đình chân nhân) 能清能靜, 則心神自見. 機覽無外, 而與己言.即謂黃庭真人.

[4] Vụ Thành tử chú: Tử phòng vi mạc, nhất danh Giáng cung, vị Xích thành trung đồng tử sở an chi xứ. Tồn tư thần, kỳ trạng như thử. (Tử phòng vi mạc còn gọi là Giáng cung, tức là chỗ an cư của vị đồng tử trong Xích thành [tức là thần tim]. Tồn tư vào vị thần này [sẽ thấy] trạng thái của thần như thế) 紫房幃幙, 一名絳宮, 謂赤城中童子所安之處. 存思神, 其狀如此.

[5] Vụ Thành tử chú: Vị Bát cảnh cập nhị thập tứ chân thần doanh hộ nhân thân, tắc tam điền ngũ tạng, chân khí điều nhu, vô tai bệnh dã ([Câu này] ý nói thần bát cảnh và 24 chân thần bảo vệ thân thể con người, như thế 3 đan điền, ngũ tạng, và chân khí sẽ điều hoà êm ái; không có tai hoạ bệnh tật gì xảy ra.) 謂八景及二十四真神營護人身, 則三田五藏, 真氣調柔, 無災病也.

[6] Vụ Thành tử chú: Ngọc hoa tức Hoa cái chi tiền. Vị mi gian Thiên đình dã. Bách thần chi tông nguyên, chân nhân chi quật trạch, tòng diện nhi tồn chi dã (Ngọc hoa ở trước hoa cái, ý nói Thiên đình nằm giữa hai chân mày. Đó là tông nguyên của 100 thần, là chỗ ở của chân nhân, do đó [người tu] từ mặt của mình mà luyện phép tồn thần) 玉華即華蓋之前. 謂眉間天庭也. 百神之宗元, 真人之窟宅, 從面而存之也.

[7] Xem Đạo Đức Kinh, các chương 2, 3, 10, 37, 38, 43, 48, 57, 63, 64. Xem Xung Hư Chân kinh các chương 2, đoạn J, chương 8 đoạn H. Xem Nam Hoa Kinh chương 6, G. 7, F. 10, D. 11 A, DF. 12 A, B. 13, A, B. 15, B. 18, A. 22, H.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 24

ẨN ẢNH

隱 影

A. KINH VĂN

1. Ẩn ảnh diệt hình dữ thế thù,

隱 影 滅 形 與 世 殊

2. Hàm khí dưỡng tinh khẩu như chu,

含 氣 養 精 口 如 朱

3. Đới chấp tính mệnh thủ hư vô,

帶 執 性 命 守 虛 無

4. Danh nhập Thượng Thanh tử lục trừ,

名 入 上 清 死 錄 除

5. Tam thần chi lạc do ẩn cư,

三 神 之 樂 由 隱 居

6. Thúc hốt du ngao vô di ưu,

倏 欻 遊 遨 無 遺 憂

7. Vũ phục nhất chỉnh bát phong khu,

羽 服 一 整 八 風 驅

8. Khống giá tam tố thừa thần hà,

控 駕 三 素 乘 晨 霞

9. Kim liễn chính lập tòng ngọc dư,

金 輦 正 立 從 玉 輿

10. Hà bất đăng sơn tụng ngã thư,

何 不 登 山 誦 我 書

11. Uất uất yểu điệu Chân nhân khư,

鬱 鬱 窈 窕 真 人 墟

12. Nhập sơn hà nan, cố trù trừ,

入 山 何 難 故 躊 躇

13. Nhân gian phân phân xú như như …

人 間 紛 紛 臭 帑 如

B. LƯỢC DỊCH

Thao quang ẩn tích, khác với người,

Dưỡng khí, hàm tinh, mặt sáng ngời.

Thành toàn tính mệnh, giữ Hư vô,

Tâm ghi tiên tịch, tử sinh lìa.

Tâm thần linh sảng, nhờ ẩn cư,

Ngao du trời đất lòng phơi phới,

Như mọc cánh tiên, thượng giới du,

Cưỡi gió, nương mây, tùy sở thích,

Kim xa, ngọc liễn sẵn sàng chờ,

Sao không lên núi, tụng Ngọc thư,

Quang cảnh u nhàn, chân nhân cư,

Nhập sơn không khó, sao chần chừ,

Thế tục xông hôi, mùi vải thô …

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Ẩn ảnh diệt hình dữ thế thù.

隱 影 滅 形 與 世 殊

Bản Tử Hà: Ẩn cảnh tàng hình dữ thế thù.

隱 景 藏 形 與 世 殊

Ẩn ảnh diệt hình 隱 影 滅 形: thao quang ẩn tích 韜 光 隱 跡.[1]

Thù 殊: khác. Dữ thế thù 與 世 殊: khác với đời.

Câu 2. Hàm khí dưỡng tinh khẩu như chu.

含 氣 養 精 口 如 朱

Khẩu như chu 口 如 朱: Môi đỏ như son.

Câu 3. Đới chấp tính mệnh, thủ Hư vô.

帶 執 性 命 守 虛 無

Đới chấp tính mệnh 帶 執 性 命: Đới: Gần. Chấp: Cầm. Đới chấp: Chắt chiu, tu luyện.

Tính 性: Thần. Mệnh 命: Hình.

Thủ Hư vô 守 虛 無: Hư tĩnh 虛 靜, điềm đạm 恬 淡, tịch mịch vô vi 寂 寞 無 為 (Vụ Thành tử chú).

Câu 4. Danh nhập Thượng Thanh, tử lục trừ.

名 入 上 清 死 錄 除

Danh nhập Thượng Thanh 名 入 上 清: Danh được ghi vào tiên tịch. Tử lục trừ 死 錄 除: Xóa tên khỏi sổ tử.

Câu 5. Tam Thần chi lạc do ẩn cư.

三 神 之 樂 由 隱 居

Tam Thần 三 神: Thần của ba đan điền. Lạc 樂: Vui.[2]

Câu 6. Thốc hốt du ngao, vô di ưu.

倏 欻 遊 遨 無 遺 憂

Thốc hốt 倏 欻: Mau lẹ (tật phát 疾 發). Có người giải thốc hốt là tên một loại rồng.

Du ngao 遊 遨: Rong chơi.

Vô di ưu 無 遺 憂: Không để sót lại sự ưu sầu.

Câu 7. Vũ phục nhất chỉnh bát phong khu.

羽 服 一 整 八 風 驅

Vũ phục 羽 服: Phẩm phục của tiên.[3]

Nhất chỉnh 一 整: Một khi đã tề chỉnh. Bản Tử Hà: Nhất chẩn.

Bát phong khu 八 風 驅: Gió của tám phương sẽ quét dọn đường cho ta đi (bát phương chi phong, tiên khu, tảo lộ dã 八 方 之 風, 仙 驅, 掃 路 也).

Câu 8. Khống giá tam tố, thừa thần hà.

控 駕 三 素 乘 晨 霞

Khống giá tam tố 控 駕 三 素: Cưỡi làn khí nhẹ.

Thừa thần hà 乘 晨 霞: Cưỡi áng mây buổi sáng.

Câu 9. Kim liễn, chính lập tòng ngọc dư.

金 輦 正 立 從 玉 輿

Thần tiên cưỡi xe vàng kiệu ngọc đi chơi.

Câu 10. Hà bất đăng sơn tụng ngã thư.

何 不 登 山 誦 我 書

Tại sao không lên núi tụng Huỳnh đình.

Câu 11. Uất uất yểu điệu chân nhân khư.

鬱 鬱 窈 窕 真 人 墟

Bản Tử Hà: Uất uất, yểu yểu chân nhân khư.

鬱 鬱 窈 窈 真 人 墟

Uất uất yểu điệu 鬱 鬱 窈 窕: U tịch; đẹp đẽ.

Khư 墟: Đồi núi, vực.

Câu 13. Nhập sơn hà nan cố trù trừ.

入 山 何 難 故 躊 躇

Vào núi có khó chi sao còn ngần ngừ.

Câu 14. Nhân gian phân phân xú như như.

人 間 紛 紛 臭 帑 如

Bản Tử Hà: Nhân gian phân phân xú như noa.

Nhân gian phân phân 人 間 紛 紛: Thế gian rắc rối, không thể ở được (nhân gian thế bất khả cư 人 間 世 不 可 居).

Xú như như 臭 帑 如: Hôi như mùi vải lụa thô. Như 帑: vải lụa thô (tệ ố chi bạch 弊 惡 之 帛).

D. BÌNH GIẢNG

Chương này mục đích đề cao sự lánh trần để tu đạo.

Huỳnh Đình kinh dứt khoát khuyên nên vào núi ẩn cư để dễ bề tu luyện. (Các câu 1, 5, 10, 11, 12, 13).

Có thể nói đó là một cổ tục ở Trung Hoa cũng như ở Ấn độ. Tư tưởng này phát sinh vì nhiều lý do:

1. Đạo sĩ phải lánh trần duyên mới dễ bề tu luyện.[4]

2. Đạo sĩ phải thao quang ẩn tích. (Đạo Đức Kinh, ch. 54).

3. Đạo Lão chủ trương muốn tu trì cần 4 điều kiện: Pháp 法: Khẩu quyết, Tài 財: Tiền nong, Lữ 侶: Bè bạn, Địa 地: Nơi tu trì.

4. Chính vì vậy mà những đạo sĩ khi đã biết được khẩu quyết tu trì do chân sư truyền dạy, đã vào rừng vào núi tu luyện.

5. Tuy nhiên không phải bạ rừng núi nào cũng đến ở, mà chọn những chốn gọi là Động thiên, phúc địa, những nơi "địa linh". Người xưa đã kinh nghiệm rằng lên núi Không Động, Chung Nam, Vũ Đương, Ngũ Đài, Nam Nhạc chẳng hạn mà tham thiền, sẽ thấy tâm thần thêm hào sảng rất mau.[5]

Thế nào là Động thiên, Phúc địa? Động thiên Phúc địa là những nơi có: Đất màu đỏ; Núi vây, nước uốn; Khí ấm; Thảo mộc bốn bề chầu quanh.[6]

Dựa vào những yếu tố ấy tôi nghĩ rằng Động thiên Phúc địa là những nơi có một từ trường mạnh.

Đất đỏ là đất chứa sắt. Sắt hút giữ được từ trường của đất. Non núi, thảo mộc chầu quanh tỏ ra là có một điểm có tính chất hấp dẫn những sự vật chung quanh. Ở những nơi có từ trường mạnh, uống những nước có chứa nhiều chất sắt sẽ làm cho cơ thể thêm từ lực, khí lực…

Sách Phỏng đạo ngữ lục nơi phần phụ lục (tr. 441-540) có ghi tên các Động thiên, Phúc địa bên Trung Hoa lục địa, phân thành: (1) Thập đại Động thiên 十 大 洞 天; (2) Tam thập lục tiểu động thiên 三 十 六 小 洞 天; (3) Thất thập nhị phúc địa 七 十 二 福 地.

Huỳnh Đình ngoại cảnh tuy cũng chủ trương: Ngoại bất tham cầu, nội vô phiến loạn, nhưng không chủ trương vào núi tu trì một cách cực đoan ráo riết như Huỳnh Đình nội cảnh, Ngoại Cảnh (chương 12) chỉ viết:

Tác đạo du ưu, thâm độc cư,

作 道 游 憂 深 獨 居

Phù dưỡng tính mệnh, thủ hư vô,

扶 養 性 命 守 虛 無

Điềm đạm vô vi, hà sở lự,

恬 淡 無 為 何 所 慮

Vũ dực dĩ thành (Mậu kỷ) chính phù sơ,

羽 翼 已 成 正 扶 疏

Trường sinh cửu thị, nãi phi khứ.

長 生 久 視 乃 飛 去

Đạo Đức kinh thì chỉ chủ trương: «Hòa quang đồng trần»和 光 同 塵 (hòa mình với quần chúng) [chương 54], «Bị hạt hoài ngọc» 被 褐 懷 玉 (mặc áo rách bên ngoài, mà trong người có ngọc) [chương 70]. Thế nghĩa là làm sao để người khỏi ghen, khỏi hại và để khinh khoát dễ bề tu luyện, bởi vì tình đời là: Rùa chết vì vỏ, chim chết vì lông (Qui vong dĩ xác, thúy tử dĩ mao 龜 亡 以 殼 翠 死 以 毛). Lão Trang nguyên thủy như vậy không chủ trương bỏ vợ lìa con, vào núi vào non tu luyện.

Sau này ta mới thấy có nhiều đạo sĩ chủ trương dứt khoát vào núi tu luyện. Trương Tam Phong 張 三 丰 chẳng hạn tu ở núi Vũ Đương 武 當.[7] Châm Thạch Tử 針 石 子 tu luyện ở vùng núi Cơ Long 基 隆.[8] Trương Tam Phong viết:

Tiềm thân nhai hác, duy úy nhân tri,

潛 身 崖 壑 惟 畏 人 知

Nhân sở tham giả ngã bất tham,

人 所 貪 者 我 不 貪

Ngã sở đắc giả nhân bất đắc.

我 所 得 者 人 不 得

Tiềm thân non núi, sợ người hay,

Cái người ham muốn, tớ chẳng say,

Tớ có cái mà người chẳng có…[9]

Tuy nhiên, cũng có nhiều đạo sĩ không chấp nhận chủ trương vào núi ẩn tu. Vì thế mà xưa mới có câu: Tiểu ẩn ẩn ư sơn lâm, đại ẩn ẩn ư thị triền 小 隱 隱 於 山 林, 大 隱 隱 於 市 廛 (Kẻ ẩn dật xoàng thì ẩn nơi núi non, người đại ẩn dật thì ẩn nơi thị thành).

Huỳnh Nguyên Cát viết: «Không cần vào núi sâu, ngồi tịnh như cây khô, chỉ cần tĩnh tâm, là có thể

giác ngộ… nguyên tắc chung là vậy. Nếu con người có thể tự tĩnh, tự giác, tự thường, sẽ chứng quả bồ đề…» [10]

Ngày nay, chủ trương vào núi ẩn tu đã trở thành lạc hậu. Dù sao chúng ta cũng nên ghi nhận rằng có những vùng núi thanh kỳ có thể bồi dưỡng khí lực cho con người.[11]

Vào núi ẩn cư, đối với người xưa, cốt là để tu luyện. Các thiền sư xưa nhiều vị cũng vào núi non suốt đời:

– Long sơn Hòa thượng 龍 山 和 尚 ẩn cư thâm sơn, không xuống núi.

– Tuệ Trung 彗 中 sau khi đã được Lục tổ truyền tâm ấn, ẩn cư ở Nam Dương 南 陽, Bạch Nhai sơn 白 崖 山, Đảng Tử cốc 黨 子 谷, hơn 40 năm không xuống núi.

– Lợi Tung 利 蹤 ở núi Tử Hồ 子 湖 45 năm không xuống núi.[12]

Huỳnh Đình kinh chủ trương vào núi cốt là để: Tiếp tục công phu tu dưỡng tính mệnh (câu 2, 3); trì tụng Huỳnh Đình (câu 10); ngoại thì vô mưu cầu, nội thì vô phiền loạn (câu 5, 6); bè bạn cùng gió mây (câu 7, 8); ngao du non núi mặc tình (câu 5, 6); hàm tinh dưỡng khí (câu 2); điềm đạm thử hử vô (câu 3). Thế là:

Thoát trần một cõi thiên nhiên (câu 11)

Tấm thân ngoại vật là tiên trên đời (câu 4).

Ta trở lại Huỳnh Đình Ngoại cảnh, sẽ thấy Ngoại cảnh toát lược chương này một cách hết sức thần kỳ:

Tác đạo ưu du, thân độc cư,

作 道 優 游 身 獨 居

Phù dưỡng tính mệnh, thủ Hư vô,

扶 養 性 命 守 虛 無

Điềm đạm vô vi, hà sở lự,

恬 淡 無 為 何 所 慮

Vũ dực dĩ thành chính phù sớ,

羽 翼 已 成 正 扶 疏

Trường sinh cửu thị, nãi phi khứ.[13]

長 生 久 視 乃 飛 去

Lược dịch:

Tác đạo nhàn du, thân độc cư,

Bồi dưỡng tính mệnh, thủ hư vô,

Điềm đạm vô vi, vô tư lự,

Chắt chiu tâm thần, không sơ hở,

Trường sinh cửu thị vào thiên lộ.



Lý Thiết Quải - Tranh Tề Bạch Thạch

---

[1] Che bớt ánh sáng và giấu tông tích; ý chỉ của Đạo Đức kinh, chương 7, theo chú của Hà Thượng Công. Vụ Thành tử chú: Học tiên chi sĩ, hàm quang tàng huy, diệt tích nặc đoan (Kẻ học đạo Tiên phải che giấu ánh sáng của mình, xoá bỏ tông tích và giấu manh mối) 學 仙 之 士, 含 光 藏 輝, 滅 跡 匿 端.

[2] Vụ Thành tử chú: Lý thân vô vi tắc thần lạc, lý quốc vô sự tắc nhân an. Tam thần, tam đan điền chi thần dã (Sửa mình vô vi thì thần vui; sửa nước vô sự thì dân an. Tam thần là thần ở ba đan điền) 理 身 無 為 則 神 樂, 理 國 無 事 則 人 安. 三 神, 三丹 田 之 神 也.

[3] Y phục của tiên làm bằng lông vũ chim hạc. Tiên cũng gọi là vũ sĩ 羽 士. Vụ Thành tử chú: Án Thượng Thanh Bảo Văn Tiên Nhân, hữu ngũ sắc vũ y. Hựu Phi Hành Vũ Kinh vân: Thái nhất chân nhân y cửu sắc, phi vân vũ chương, giai thần tiên chi phục dã (Theo Thượng Thanh Bảo Văn Tiên Nhân, có loại vũ y năm màu. Kinh Phi Hành Vũ nói vũ y của Thái nhất chân nhân có chín màu, khi cưỡi mây, lông vũ lấp lánh; nói chung đều là y phục thần tiên) 按 上 清寶 文 仙 人, 有 五 色 羽 衣. 又 飛 行 羽 經 云 : 太 一 真 人 衣 九 色, 飛 雲 羽 章, 皆 神 仙 之 服 也.

[4] Tiên học diệu tuyển, tr. 359: Học đạo hưu thê, biệt tử, khí tài, tửu sắc quyên trừ, phan viên ái niệm vĩnh giáo vô, tuyệt tận ưu sầu tư lự, bất đắc vô minh tạm khởi, tiêu dao vật ngoại nhàn cư, thường thanh thường tĩnh, thị công phu, thứ xưng toàn chân môn hộ. 學 道 休妻, 別 子, 氣 財酒 色 捐 除, 攀 援 愛 念 永 教 無, 絕 盡 憂 愁思 慮, 不 得 無 明 暫 起, 逍 遙 物 外 閒 居, 常 清 常 靜, 是 功 夫, 庶 稱 全 真 門 戶.

[5] Phỏng đạo ngữ lục, tr. 380: Cẩu đắc địa linh tu đạo dị thành. Tương truyền tĩnh tọa ư Không động, Chung Nam, Ngũ Đài, Vũ đương, Nam Nhạc đẳng đại danh sơn, tự nhiên tâm thanh niệm thiểu…苟 得 地靈 修 道 易 成. 相 傳 靜 坐 於 崆 峒, 終 南, 五 台, 武 當, 南 嶽 等 大 名 山, 自 然 心 清 念 少...

[6] Phỏng đạo ngữ lục, tr. 348: Động thiên, Phúc địa giả: Thổ tất xích sắc, sơn hoàn thúy bão, noãn khí dung dung, tứ chu thảo mộc giai hân nhiên triều củng. 洞 天 福 地 者: 土 必 赤 色, 山 環 水 抱, 暖 氣融 融, 四 周 草 木 皆 忻 然 朝 拱.

[7] Tiên học diệu tuyển, tr. 338.

[8] Phỏng đạo ngữ lục, tr. 375.

[9] Huỳnh Đình kinh Ngoại cảnh, Tử Hà chú, tr. 43b.

[10] Bất tất thâm sơn, khô ngột tĩnh tọa, chỉ yêu ngã tâm nhất tĩnh, tự nhiên liễu giác, thường thường như thị, Nhân năng tự tĩnh, tự giác, tự thường, tức khả chứng Vô thượng bồ đề. 不 必 深 山, 枯 兀 靜 坐, 只 要 我 心 一 靜, 自 然 了 覺, 常 常 如 是. 人 能 自 靜, 自 覺, 自 常, 即 可 證 無 上 菩 提. Xem Tiên học diệu tuyển, tr. 314.

[11] Phỏng đạo ngữ lục, tr.370: Phàm niên đăng mạo, điệt, hoặc dương đảo bất cử chi tu sĩ, nghi nhập sơn tĩnh tu, nhiếp thủ sơn lâm trung thanh linh chi khí, thủy khả trục tiệm hồi dương dã. Phàm khí suy, dương nuy giả, nghi ngưng thần Nê Hoàn, dĩ khôi phục kỳ tính chi cơ năng dã. 凡 年 登 耄, 耋, 或 陽 倒 不 舉 之 修 士, 宜 入 山 靜 修, 攝 取 山 林 中 清 靈 之 氣, 始 可 逐 漸 回 陽 也. 凡 氣 衰, 陽 萎 者, 宜 凝 神 泥丸, 以 恢 復 其 性 之 機 能 也. Xem thêm Tiên học diệu tuyển, tr. 180, 299, 342.

[12] Xem Tiên học diệu tuyển, tr. 439.

[13] Huỳnh Đình kinh, Tung Ẩn tử 嵩 隱 子 Thạch Hoà Dương 石 和 陽 thuật.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 25

NGŨ HÀNH

五 行

A. KINH VĂN

1. Ngũ hành tương thôi phản qui Nhất,

五 行 相 推 反 歸 一

2. Tam ngũ hợp khí, cửu cửu tiết.

三 五 合 氣 九 九 節

3. Khả dụng ẩn địa hồi bát thuật,

可 用 隱 地 回 八 術

4. Phục ngưu u khuyết la phẩm liệt.

伏 牛 幽 闕 羅 品 列

5. Tam minh xuất hoa sinh tử tế,

三 明 出 華 生 死 際

6. Động phòng linh tượng đẩu nhật nguyệt,

洞 房 靈 象 斗 日 月

7. Phụ viết: Nê Hoàn, mẫu: Thư Nhất,

父 曰 泥 丸 母 雌 一

8. Nhị quang hoán chiếu nhập tử thất,

二 光 煥 照 入 子 室

9. Năng tồn Huyền chân, vạn sự tất.

能 存 玄 真 萬 事 畢

10. Nhất thân tinh thần, bất khả thất.

一 身 精 神 不 可 失

B. LƯỢC DỊCH

Ngũ hành biến chuyển trở về Một,

Tam ngũ hợp khí, tinh hoa hợp.

Thu hồi Nguyên khí, nhập Thượng Thanh,

Tồn tư đổng kiến, tâm xoang hiện.

Tai mắt mồm miệng phát quang minh,

Não xoang bừng sáng ánh nhật nguyệt.

Não Thần Nê Hoàn hiển uy linh.

Hai vầng Nhật, Nguyệt soi Tâm Thất,

Giữ được Huyền Chân, vạn sự tất,

Tinh thần nơi thân đừng để mất.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Ngũ hành tương thôi phản qui Nhất.

五 行 相 摧 反 歸 一

Tương thôi 相 摧: (1) Tương sinh và tương khắc (Vụ Thành Tử giải); (2) Tương khắc (Tử Hà giải). Dù sinh, dù khắc vẫn có một biến chuyển vòng tròn:

Khởi từ 1: Ta có: Thủy (1) sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy (1). Thế là từ Một lại trở về Một (chu nhi phục thủy 周 而 復 始).

Thủy (1) khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy (1). Thế là từ Một lại trở về Một. Vì thế tôi giải Tương thôi là biến chuyển.[1]

Phản qui Nhất 反 歸 一: Theo Vụ Thành tử, đó là trở về con số của nước (thủy số 水 數); nó là số đứng đầu ngũ hành, là tổ tông của vạn vật. Đạo Kinh nói: Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Hơn nữa, Dịch có Thái Cực sinh lưỡng nghi. Thái Cực chính là một vậy. Lưỡng nghi là thiên địa. Thiên địa sinh vạn vật. Đến chỗ cùng tận thì trở về một. Một là gọi Vô, là chỗ thành và chung cuộc của vạn vật. Thế mới nói là qui nhất (trở về một).[2]

Câu 2. Tam ngũ hợp khí, cửu cửu tiết.

三 五 合 氣 九 九 節

Tam 三: Tam Tài. Ngũ 五: Ngũ hành. Hợp khí 合 氣: Hòa hợp lại.[3]

Tam Ngũ: Đông 3 + Nam 2 = 5 (một ngũ); Bắc 1 + Tây 4= 5 (hai ngũ); Mậu Kỷ, Trung Cung: 5 (ba ngũ). Tam ngũ hợp nhất: vạn tượng hoàn nguyên.

Cửu cửu tiết 九 九 節: Có thể giải là số Thuần dương 純 陽 (9 x 9 = 81), số túc (hay là phối hợp Cửu cung khí tiết).

Câu 3. Khả dụng ẩn địa hồi bát thuật.

可 用 隱 地 回 八 術

Dịch có Thái Cực ở Trung điểm, Bát quái ở chung quanh. Bát quái là Bát cung, hay Bát tổ. Thái cực sinh Bát quái, Bát quái hoàn qui Thái cực. Người xưa gọi thế là Tạo hóa qui trung chi diệu. Cho nên câu này cũng chỉ cốt dạy lẽ Qui nguyên, Phản bản. Tử Hà giải rằng: đó là Thuật Hoàn đan.

Câu 4. Phục ngưu u khuyết la phẩm liệt.

伏 牛 幽 闕 羅 品 列

Phục ngưu u khuyết 伏 牛 幽 闕: Tàng ý ư sinh thân xứ 藏 意 於 生 身 處 (Tử Hà giải). Giống như Dịch kinh nói: Thoái tàng ư mật 退 藏 於 密. Sinh thân xứ (U khuyết) như vậy là ở Nê Hoàn.[4]

La phẩm liệt 羅 品 列: Mọi sự phơi bày ra.

Hồi quang quán chiếu sẽ thấy vạn tượng tại tâm. Phải thu nhiếp tất cả lại cho hội tụ về Nhất.

Tử Hà giải: Thu la chúng phẩm, trần liệt đan lô 收 羅 眾 品 陳 列 丹 爐 (Gom vạn tượng đa dạng vào trong một lò luyện đan).

Câu 5. Tam minh xuất hoa, sinh tử tế.

三 明 出 華 生 死 際

Bản Tử Hà: Tam nhật xuất hoa, sinh tử tế.

三 日 出 華 生 死 際

Xuất hoa 出 華: Sinh xuất quang hoa 生 出 光 華.

Tam minh 三 明: ở trời là nhật 日 nguyệt 月 tinh 星; ở người là tai 耳, mắt 目, miệng 口; ở đất là văn 文, chương 章, hoa 華.[5]

Sinh tử tế 生 死 際: Vùng tiếp giáp giữa sinh và tử. Tử chỉ cái gì biến thiên. Sinh chỉ cái gì vĩnh cửu. Tử thuộc phần Tâm; Sinh thuộc phần Thần. Có biết đổi chết lấy sống, mới biết chết cái phàm tâm, cho Thần sinh hoạt (Tâm tử thần hoạt 心 死 神 活).

Câu 6. Động phòng linh tượng đẩu, nhật, nguyệt.

洞 房 靈 象 斗 日 月

Trong động phòng (một cung trên Nê Hoàn), có đủ nhật nguyệt, thất tinh Bắc đẩu.[6]

Câu 7. Phụ viết: Nê Hoàn, mẫu Thư Nhất.

父 曰 泥 丸 母 雌 一

Trong Nê Hoàn cung có thần Thái Nhất. Gọi là Thư vì là Tĩnh, vì là Vô cực. Gọi là Nhất vì là Tuyệt đối, là Vô vi.[7]

Câu 8. Nhị quang hoán chiếu nhập tử thất.

二 光 煥 照 入 子 室

Bản Tử Hà: Tam quang hoán chiếu nhập tử thất.

三 光 煥 照 入 子 室

Nhị quang 二 光: Nhật, nguyệt. (Tam quang 三 光: Nhật, Nguyệt, Tinh)

Tử thất 子 室: Nê Hoàn. Hoán chiếu 煥 照: Sáng soi.

Câu 9. Năng tồn Huyền chân vạn sự tất.

能 存 玄 真 萬 事 畢

Bản Tử Hà: Năng tồn Huyền Minh vạn sự tất 能 存 玄 冥 萬 事 畢. Ngoại Cảnh bản Tử Hà viết: Tử năng thủ Nhất vạn sự tất 子 能 守 一 萬 事 畢. Như vậy Huyền Chân hay Huyền Minh đều là Nhất.[8]

Câu 10. Nhất thân tinh thần bất khả thất.

一 身 精 神 不 可 失

Nhất là Tinh Hoa trong con người, đừng để mất.[9]

D. BÌNH GIẢNG

Chương này chủ trương: Qui Nguyên Phản Bản 歸 元 返 本. Sách Đại Đỗng Chân Kinh 大 洞 真 經 toàn bàn về chủ trương này.

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, khi toát lược chương này, đã loại bỏ những ý tưởng phức tạp, khó hiểu của chương này như các câu: 1, 2, 3 v.v… và đã làm nổi bật lên chủ trương:

– Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, mặc dầu những hình tướng đa tạp bên ngoài.

– Thu liễm Chân Thần về Nê Hoàn cung chính là công trình phản bản hoàn nguyên.

– Hoàn nguyên sẽ Đắc Nhất. Nhất đó là chí bảo, đã có sẵn trong mình đừng để mất…

Ngoại Cảnh viết:

Ngũ hành sâm si đồng căn tiết,

五 行 參 差 同 根 節

Tam ngũ hợp khế, yếu bản Nhất.

三 五 合 契 要 本 一

Thùy năng cộng chi đẩu nhật nguyệt.

垂 能 共 之 斗 日 月

Bão châu, hoài ngọc, hòa tử thất.

抱 珠 懷 玉 和 子 室

Tử năng thủ Nhất, vạn sự tất.

子 能 守 一 萬 事 畢

Tử tự hữu chi, trì vật thất.

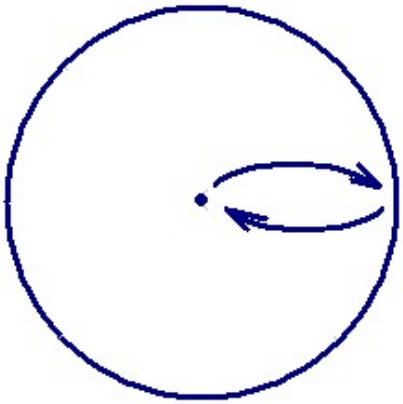
子 自 有 之 持 勿 失

Tử dục bất tử, tàng kim thất. (Bản Tử Hà)

子 欲 不 死 藏 金 室

Chúng ta đã biết Đạo giáo và Triết học Đông phương dựa trên một Nguyên lý căn bản. Đó là:

Vũ trụ này do một Nguyên lý, một Bản thể duy nhất phân hóa. Nguyên lý ấy được gọi bằng nhiều danh hiệu: Vô cực, Hư Vô, Thái cực, Thượng đế, Đạo, Trời, Tiên Thiên nhất khí v.v... Bản thể thì ở Tâm Điểm.



Vạn hữu, vạn tượng thời ở vòng biến thiên bên ngoài. Chiều từ Bản thể ra hiện tượng là chiều Thuận, là chiều phân hóa, là chiều giáng bản, lưu mạt, càng ngày càng trở nên chi ly, phiền tạp, phiến diện, biến thiên. Đó là chiều sinh nhân, sinh vật. Chiều từ Vạn tượng trở về Bản thể là chiều Nghịch, là chiều hội tụ, hòa hài, là chiều Qui căn, phản bản, hay Phản bản, hoàn nguyên, càng ngày càng trở nên thuần nhất, sinh Phật, sinh Thánh sinh Thần. Trong con người cũng một Thái Cực, một Bản thể ấy phân hóa thành:

HAI: Âm - Dương (Thần - Hồn; Thần - Khí; Thiên tâm - Nhân tâm).

BA: Thần - Khí - Tinh (tam tài).

NĂM: Ngũ khí (ngũ tạng; ngũ hành).

Muốn phản bản hoàn nguyên phải qui tụ tất cả lại cho trở về một:

Năm trở về một 五 歸 一: Hợp nhất ngũ khí 五 氣 lại cho thành Tiên thiên nhất khí 先 天 一 氣.

Đại Đỗng chân kinh gọi thế là Ngũ khí dung hòa đại đạo toàn 五 氣 融 和 大 道 全.[10]

Người xưa gọi thế là Ngũ khí triều nguyên 五 氣 朝 元.

Tính Mệnh Khuê Chỉ gọi thế là: Tứ tượng Ngũ hành toản thốc nhất đỉnh 四 象 五 氣攢 簇 一 鼎 hay Lý ngũ khí ư Nê Hoàn 理 五 氣 於 泥 丸.[11]

Ba trở về một 三 歸 一: Hợp nhất tam hoa 三 華 lại cho thành Nhất khí 一 氣.

Người xưa gọi thế là Tam hoa qui đỉnh 三 華 歸 鼎.

Đại Đỗng chân kinh gọi thế là: Cổ luân Tam hoa thành 鼓 輪 三 華 成,[12] Tam hợp vĩnh bất vấn 三 合 永 不 紊,[13] Tam hợp thừa Thiên long 三 合 乘 天 龍.[14]

Hai trở về một 二 歸 一: Hợp nhất thần khí 神 氣 cho thành Thái cực kim đan 太 極 金 丹.

Đại Đỗng chân kinh gọi thế là Âm Dương hợp bão nhi thành thái cực 陰 陽 合 抱 而 成 太 極.[15]

Trong con người, Nguyên thủy tổ khí 原 始 祖 氣hay Tiên thiên nguyên khí 先 天 元 氣 sinh xuất ra muôn vàn hiện tượng được dung chứa trong các xoang não, trong Nê hoàn cung 泥 丸 宮. Vì thế Nê hoàn cung được gọi là Tổ khiếu 祖 竅. Nguyên khí đó được gọi là Sinh thân thụ khí sơ 生 身 受 氣 初.

Cho nên muốn qui tụ ngũ khí, tam hoa, tâm thần, cần phải lấy Nê hoàn làm cứ điểm, làm Trung điểm, Trung cung, chính vì vậy mà Nê hoàn là Đỉnh, là Huỳnh Đình.

Thu thần, tụ khí được về cả Nê hoàn, sẽ đi đến Đại định, mà người xưa gọi là Thai tức, hay nhập Niết bàn. Thế là đắc Trung, đắc Nhất, thế là đan thành, thế là đắc Đạo, thế là phối thiên.

Trở lại chương 25 ta thấy đại ý đó hiển lộ đại khái rằng:

Ngũ hành biến hóa, vạn tượng biến thiên chung qui đều trở về Nhất (Câu 1).

Như vậy cần phải đem Tam hoa, Ngũ khí trở về hiệp nhất lại nơi Động phòng (Các câu 2, 3, 4, 5).

Đem Tâm Thần ngưng tụ về Nê hoàn. (Các câu 7, 8)

Thế là đắc Nhất, đắc Huyền châu theo Trang Tử.

Mà thực ra Nhất, hay thần Trời Đất đã tiềm ẩn sẵn trong ta, ta phải tìm cho ra đừng để mất. Mà bí quyết để tìm cho ra thần Trời Đất, chính là:

– Thủ chi tắc tồn, xả chi tắc vong 守之則存舍之則亡.

– Phóng chi tắc di lục hạp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật 放之則彌六合卷之則退藏於密.[16]

– Cầu tắc đắc chi, xả tắc thất chi 求則得之舍則失之.[17]

– Tán thì tản, Tụ thì ngưng.

Ý tôi muốn nói hai chữ đắc 得, thất 失 đã được tiềm tàng trong hai chữ Tụ 聚 và Tán 散.

Tôi càng đọc Huỳnh Đình càng thấy rõ chủ đích của kinh này là:

Ta phải đem được Thần chân nhất, thần Trời Đất vào ngự trị trong Huỳnh Đình cung, tức là trong Nê hoàn cung, trong đầu não, tâm khảm mình.

Ta có thể quên đi những chi tiết vụn vặt khác của Huỳnh đình chỉ cần nhớ ý chính trên đây là đã quá đủ. Thực đúng là: Năng tồn huyền chân vạn sự tất 能存玄真萬事畢 (Câu 9).



[1] Vụ Thành tử giải: Ngũ hành vị thủy, hỏa, kim, mộc, thổ. Tương thôi giả, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy hựu sinh mộc, chu nhi phục thủy. Hựu tương khắc pháp: thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy hựu khắc hỏa, chu nhi phục thủy, tương thôi chi đạo dã (Ngũ hành là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ. Tương thôi nghĩa là thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy hựu sinh mộc, giáp vòng thì trở lại ban đầu. Lại [có nghĩa là] tương khắc: thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy lại khắc hỏa, giáp vòng thì trở lại ban đầu. Đó là lẽ tương thôi vậy) 五 行 謂 水, 火, 金, 木, 土, 相 推 者, 水 生 木, 木生 火, 火 生 土, 土 生 金, 金 生 水, 水 又 生 木, 周 而 復始. 又 相 克 法: 水 克 火, 火 克 金, 金 克 木, 木 克 土, 土 克 水, 水 又 克 火, 周 而 復 始, 相 推 之 道 也.

[2] Phản qui nhất giả, thủy số dã. Ngũ hành chi thủ, vạn vật chi tông. Đạo Kinh vân: Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Hựu Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi. Thái Cực giả, nhất dã. Lưỡng nghi, thiên địa. Thiên địa sinh vạn vật. Hựu chung nhi qui nhất. Nhất giả, vô chi xưng. Vạn vật chi sở thành chung. Cố vân qui nhất. 反 歸 一 者, 水 數 也. 五 行 之 首, 萬 物 之 宗. 道 經 云: 道 生 一, 一 生 二, 二 生 三, 三 生 萬 物. 又 易 有 太 極, 是 生 兩 儀. 太極 者, 一 也. 兩 儀, 天 地. 天 地 生 萬 物. 又 終 而歸 一. 一 者, 無 之 稱. 萬 物 之 所 成 終. 故 云 歸 一.

[3] Vụ Thành tử giải: Huyền Diệu kinh vân: Tam giả, tại thiên vi nhật nguyệt tinh, danh viết tam quang. Tại địa vi châu ngọc kim, danh viết tam bảo. Tại nhân vi nhĩ tỵ khẩu, danh viết tam sinh. Thiên địa nhân phàm tam nhi các hoài ngũ hành, cố viết tam ngũ. Kỳ thường tinh dã. Hợp tam giả vi cửu cung. Phù tam ngũ sở hoài, thuận chúng loại dã. Điều hòa vạn vật, lý hóa âm dương, phúc tải thiên địa, quang

minh tứ hải, phong vũ lôi điện, xuân thu đông hạ, hàn thử ôn lương, thanh trọc chi khí, chư sinh chi vật, bất đắc tam ngũ bất lập dã. Cố viết thiên đạo bất viễn, tam ngũ phục phản. Tam ngũ giả, thiên địa chi xu đế, lục hợp chi yếu hội dã. Cửu cung chi khí tiết, cửu cửu bát thập nhất vi nhất chương vân vân. (Kinh Huyền Diệu nói: Số ba, ở trên trời tức là mặt trời, mặt trăng, và ngôi sao, tên là Tam quang. Ở đất đó là hạt châu, ngọc, và vàng, tên là Tam bảo. Ở người đó là tai, mũi, miệng, tên là Tam sinh. Thiên địa nhân, mỗi mỗi đều có ngũ hành ở trong, cho nên mới gọi là Tam ngũ. Chúng luôn tinh ròng. Hợp cả ba lại thành cửu cung. Nói chung, sự bao hàm tam ngũ thuận theo thứ loại. Điều hoà vạn vật, xử lý và chuyển hoá âm dương, chở che trời đất, soi sáng bốn biển, gió mưa sấm chớp, xuân thu đông hạ, lạnh nóng ấm mát, khí nhẹ và nặng, tất cả sinh vật nếu không có tam ngũ thì không đứng vững. Thế mới nói đạo trời không xa, chỉ là sự trở lại tam ngũ. Tam ngũ là then chốt và cội rễ của trời đất, là chỗ hội tụ tất yếu của lục hợp. Khí tiết của cửu cung, 9 lần 9 là 81, gọi là một Chương) 玄 妙 經 云: 三 者, 在 天 為 日 月 星, 名 曰三 光. 在 地 為 珠 玉 金, 名 曰 三 寶. 在 人 為 耳 鼻 口, 名 曰 三 生. 天 地 人 凡 三 而 各 懷 五 行, 故 曰 三 五. 其 常 精 也. 合 三 者 為 九 宮. 夫 三 五 所 懷, 順 眾 類 也. 調和 萬 物, 理 化 陰 陽, 覆 載 天 地, 光 明 四 海, 風 雨 雷 電, 春 秋 冬 夏, 寒 暑 溫 涼, 清 濁之 氣, 諸 生 之 物, 不 得 三 五 不 立 也. 故 曰 天 道 不 遠, 三 五 復 返. 三 五 者, 天 地 之 樞 蒂, 六 合之 要 會 也. 九 宮 之 氣 節, 九 九 八 十 一 為一 章 云 云.

[4] Vụ Thành tử giải: Phục ngưu thận chi tượng. Thận vi U khuyết. Trung Hoàng kinh vân: tả thận vi Huyền Diệu quân, hữu thận vi Huyền Nguyên quân. La phẩm liệt, tồn tư kiến chi (Phục ngưu là tượng trưng cho thận. Thận là U khuyết. Kinh Trung Hoàng nói: Thận trái là Huyền Diệu quân, thận phải là Huyền Nguyên quân. La phẩm liệt nghĩa là tồn tư để nhìn thấy hai vị thần này) 伏 牛 腎 之 象. 腎 為 幽 闕 中 黃 經 云 : 左 腎 為 玄 妙 君, 右 腎 為 玄 元 君. 羅 品 列, 存思 見 之.

[5] Vụ Thành tử chú: Thiên tam minh nhật nguyệt tinh, nhân tam minh nhĩ mục khẩu, địa tam minh văn chương hoa; thị sinh tử chi tế (Trời có tam minh là mặt trời, mặt trăng và sao; người có tam minh là tai, mắt và miệng; đất có tam minh là văn, chương và hoa; đó là ranh giới giữa sống và chết) 天 三 明 日 月 星, 人 三 明 耳 目 口, 地 三 明 文 章 華. 是 生 死 之 際.

[6] Vụ Thành tử chú: Tồn tam quang ư động phòng. Động phòng minh đường (Tồn nhật nguyệt tinh nơi động phòng, tức là nơi minh đường) 存 三 光 於 洞 房. 洞 房 明 堂.

[7] Vụ Thành tử chú: Nhất, minh đường trung hữu quân thần. Động phòng trung hữu phu phụ. Đan điền trung hữu phụ mẫu. Nê hoàn, não thần danh. Đạo kinh vân: Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư. Thư, vô vi, nhất dã (Nhất: trong minh đường có vua tôi, trong động phòng có vợ chồng, trong đan điền có cha mẹ. Nê hoàn là tên của thần Não bộ. Đạo kinh nói: Biết trống, giữ mái. Mái tức là vô vi, là Nhất vậy) 一, 明 堂 中 有 君 臣. 洞 房 中 有 夫 婦. 丹 田 中 有 父 母. 泥 丸, 腦 神名. 道 經 云: 知 其 雄, 守 其 雌. 雌, 無 為, 一 也.

[8] Vụ Thành tử chú: Trang Tử viết: thông ư nhất, vạn sự tất dã (Trang Tử nói: Thông hiểu lẽ Một thì mọi việc đều xong) 莊 子 曰 : 通 於 一, 萬 事 畢 也.

[9] Vụ Thành tử chú: Thường tồn niệm chi, bất xả tu du (Thường tồn niệm ở lẽ Một, chớ có xa lìa một giây phút nào) 常 存 念 之 不 捨 須 臾.

[10] Đại Đỗng chân kinh, quyển 1, tr. 3.

[11] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi tr. 10a.

[12] Đại Đỗng chân kinh, q.1, tr. 2b.

[13] Đại Đỗng chân kinh, q.1, tr. 3a

[14] Đại Đỗng chân kinh, q.1, tr. 11a

[15] Đại Đỗng chân kinh, q.1, tr. 4b. Chú thích.

[16] Trung Dung, Tựa.

[17] Mạnh tử, Tận tâm chương cú thượng, câu 3.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 26

CAO BÔN

高 奔

A. KINH VĂN

1. Cao bôn nhật nguyệt ngô thượng đạo,

高 奔 日 月 吾 上 道

2. Uất Nghi, Kết Lân, thiện tương bảo,

鬱 儀 結 璘 善 相 保

3. Nãi kiến Ngọc thanh Hư Vô lão.

乃 見 玉 清 虛 無 老

4. Khả dĩ hồi nhan, điền huyết não,

可 以 回 顏 塡 血 腦

5. Khẩu hàm linh mang, huề ngũ Hoàng.

口 銜 靈 芒 攜 五 皇

6. Yêu đới hổ lục, bội kim đang,

腰 帶 虎 籙 佩 金 璫

7. Giá hốt tiếp sinh, yến Đông Mông.

駕 欻 接 生 宴 東 蒙

B. LƯỢC DỊCH

Soi gương Nhật, Nguyệt tu hình, thần,

Hình thần câu diệu; Đạo tuyệt luân.

Sẽ thấy Ngọc Thanh Hư Vô Lão,

Có thể trú nhan, điền huyết não,

Bạn cùng thần tiên, người phát quang,

Lưng cài hổ lục, đeo kim đang,

Cưỡi rồng Ngao du nơi Tiên bang …

C. CHÚ GIẢI

Câu 1. Cao bôn nhật nguyệt, ngô thượng đạo.

高 奔 日 月 吾 上 道

Bản Tử Hà: Cao bôn nhật nguyệt vô thượng đạo 高 奔 日 月 無 上 道. Ba chữ vô thượng đạo (là cái đạo vô thượng) của Tử Hà nghe hay hơn.[1]

Cao bôn 高 奔: Rong ruổi trên đường trời cao.

Nhật nguyệt 日月: Âm Dương. Nhật Nguyệt cũng tượng trưng cho hai chiều vãng lai của trời đất, hai nửa đêm ngày đêm của một ngày 24 giờ.

Tu thì phải tu cả Hình 形 (Âm) lẫn Thần 神.

Tu thời phải tùy thời sau trước, mà tu hình, tu thần cho thích hợp. Dịch kinh gọi thế là Nhất âm, nhất Dương chi vị đạo 一 陰 一 陽 之 謂 道. Kế chi giả thiện dã, thành chi giả Tính dã 繼 之 者 善 也, 成 之 者 性 也. Đừng bảo chỉ thần là quí nên chỉ vụ tu thần, mà bỏ bê thân xác.

Câu 2. Uất Nghi, Kết Lân, thiện tương bảo.

鬱 儀 結 璘 善 相 保

Uất Nghi 鬱 儀: thần mặt trời, tượng trưng cho Thần.

Kết Lân 結 璘: thần mặt trăng, tượng trưng cho Hình.

Thiện tương bảo 善 相 保: Hai bên có tương quan mật thiết với nhau, giữ gìn lẫn nhau.

Câu 3. Nãi kiến Ngọc Thanh Hư Vô Lão.

乃 見 玉 清 虛 無 老

Kết quả: Sẽ lên Tam Thanh, cùng hoà đồng với Đạo (thăng Tam Thanh chi thượng, dữ Đạo hợp đồng 昇 三 清 之 上,與 道 合 同) nghĩa là sẽ có thể thấy Trời, thấy Đạo.

Câu 4. Khả dĩ hồi nhan, điền huyết não.

可 以 回 顏 塡 血 腦

Biết đường tu: Người sẽ trẻ ra, khỏe lại.

Câu 4. Khẩu hàm linh mang, huề ngũ Hoàng.

口 銜 靈 芒 攜 五 皇

Bản Tử Hà: Khẩu hàm linh chi, triều Ngọc Hoàng.

口 銜 靈 芝 朝 玉 皇

Linh mang 靈 芒: Ánh sáng phát ra có tia, gọi là mang.

Khẩu hàm 口 銜: Miệng ngậm.

Khẩu hàm linh mang 口 銜 靈 芒: Miệng phát quang mang.[2]

Huề Ngũ Hoàng 攜 五 皇: Dắt Ngũ Lão, cùng chơi nơi lục hợp. Tử Hà lại cho rằng: Miệng ngậm Linh chi, được triều kiến Ngọc Hoàng.

Câu 6. Yêu đới hổ lục, bội kim đang.

腰 帶 虎 籙 佩 金 璫

Lưng mang hổ lục (hổ phù 虎 符 và phù lục 符 籙), đeo vàng, ngọc. Phù 符 là vật để làm tin, ngày xưa dùng lệnh tiễn, phù lục 符 籙 như là sự vụ lệnh, công vụ lệnh.

Câu 7. Giá hốt tiếp sinh, yến Đông Mông.

駕 欻 接 生 宴 東 蒙

Bản Tử Hà: Giá hốt tiếp tọa, yến Đông Mông. 駕 欻 接 坐 宴 東 蒙

Giá hốt 駕 欻: Cưỡi rồng.

Hốt 欻: (1) Bỗng chốc; (2) Rồng.

Tiếp sinh 接 生: (1) Được trường sinh (trường sinh dã 長 生 也); (2) Được tiếp thụ sinh khí (dữ sinh khí tương tiếp dã 與 生 氣 相 接 也).

Đông Mông 東 蒙: Là một ngọn núi tiên ở Đông Hải (Đông hải tiên cảnh chi sơn dã 東 海 仙 景 之 山 也).

Yến 宴: Yên nghỉ, vui, ăn yến tiệc.

Vụ Thành tử giải: Hốt nhiên nhi du kỳ xứ (Bỗng nhiên ngao du đến nơi đó) 欻 然 而 遊 其 處.

D. BÌNH GIẢNG

Ngoại Cảnh (ch. 14) trình bày chương này như sau:

1. Xuất nhật, nhập nguyệt thị ngô đạo,

出 日 入 月 是 吾 道 (Câu này giống Nội cảnh).

2. Thiên nhất, địa nhị đồng tương bảo.

天 一 地 二 同 相 保 (Câu này gần giống Nội cảnh).

3. Ngọc thạch lạc lạc thị ngô bảo.

玉 石 珞 珞 是 吾 寶

4. Tử tự hữu chi hà bất thủ.

子 自 有 之 何 不 守

5. Tâm hiểu căn đế, dưỡng hoa thái.

心 曉 根 蒂 養 華 太

6. Phục thiên, thuận địa tàng tinh hải.

服 天 順 地 藏 精 海

7. Thất nhật chi nội, hồi tương hợp,

七 日 之 內 回 相 合

8. Côn Lôn chi tính, bất mê hoặc.

崑 崙 之 性 不 迷 惑

Tạm dịch:

Xuất nhật, nhập nguyệt ấy đạo ta,

Đất trời gồm đủ, đẹp chăng là.

Trong anh sẵn có kho vàng quí.

Sao chẳng giữ gìn, lại phao phí.

Tâm hiểu Linh căn, dưỡng hình thái,

Thuận trời, thuận đất, gìn tinh hải.

Tới độ phản hoàn, nên trở lại,

Tinh hoa óc não, đường hiểu sái.

Hội ý Nội và Ngoại Cảnh, tôi cho rằng chủ đề của chương này là muốn tu luyện cần phải hiểu lẽ vãng lai của trời đất. Hai chiều lai vãng của trời đất được tượng trưng bằng hai vầng Nhật, Nguyệt.

Chiều vãng, chiều tiến ra ngoại cảnh, chiều đem tâm thần phục vụ cho giang sơn gia đình quốc gia, xã hội, đem tâm thần đổi lấy miếng cơm, manh áo, là chiều Âm, tượng trưng bằng vầng trăng. Thiệu Khang Tiết gọi là thời kỳ: Quan Nguyệt quật. Tôi gọi là thời kỳ: Điểm tô ngoại cảnh.

Chiều lai, chiều hướng về nội tâm, bắt ngoại cảnh phải phục vụ cho tâm linh, cho công trình tu dưỡng tâm linh, là chiều Dương tượng trưng bằng vầng Dương. Thiệu Khang Tiết gọi thời kỳ này là thời kỳ: Kiến Thiên căn. Tôi gọi thời kỳ này là thời kỳ: Thực hiện Thiên chân.

Đang dấn thân vào cõi trần hoàng ngoại cảnh, mà khi tới lúc, biết hồi hướng, biết qui tâm, để trở về với Trời đất ẩn trong lòng mình, để ra công thực hiện thiên chân, thiên tinh, sự hồi hướng đó, theo từ ngữ Dịch Kinh là Thất nhật lai phục 七 日 來 復. Gọi là Thất nhật 七 日, vì lúc này bản thân đã đi hết sáu hào Âm, và bắt đầu quay lại (Phục 復) để thực hiện 6 hào dương còn lại, tức là từ Phục 復, đến Lâm 臨, đến Thái 泰, đến Đại Tráng 大 壯, đến Quải 夬, đến Thuần Kiền 純 乾... Trời sẽ rung chuông cảnh tỉnh cho ta biết lúc phải lai phục: Tiếng chuông ấy sẽ rung lên, khi ta đã:

«Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ,

Đường thế đồ, gót rỗ kỳ khu...»

Khi ta cảm thấy Chán chường thế sự. Khi mái tóc bắt đầu đã hoa râm, và khi chiều trời đã ngả sang thu...

Ngoại Cảnh viết: Thất nhật chi nội, hồi tương hợp 七 日 之 內 迴 相 合 chính là muốn dùng từ ngữ Dịch Kinh mô tả lại thời điểm Hồi phục, Phản hoàn.

Muốn tu dưỡng Thiên chân, phải biết trong người có Thần trời ngự trị (câu 3); phải biết Tính Mệnh song tu (câu 1, 2); phải biết đem tâm thần hợp nhất lại cho thành Đạo thành Chân (câu 1, câu 2).

Như vậy là thực hiện được cái gì chí bảo, chí quí ở ngay nơi thân mình.

Trong mà thực, ngoài sẽ ứng; thần mà linh, hình sẽ phát quang (câu 5); sẽ phản lão hoàn đồng (câu 4); sẽ sảng khoái như cùng tiên tử ngao du trong hoàn võ (câu 5); sẽ có tiên phong đạo cốt, và sẽ được

ghi tên vào tiên bang, tiên tịch (câu 6, 7).

Nhật Nguyệt chẳng những biểu hiện cho hai chiều vãng lai, mà còn tượng trưng cho cặp Âm Dương, mà Nhật Nguyệt có hợp thì Minh mới sinh, suy ra thì Tâm (âm) Thần (Dương) có hợp nhất thì Đạo mới thành.



---

[1] Vụ Thành tử chép là ngô 吾, giải là: Đạo quân 道 君.

[2] Vụ Thành tử giải: Khẩu thổ ngũ sắc vân khí, quang mang tứ chiếu, dữ ngũ hoàng lão quân đồng du lục hợp dã (Miệng nhả ra vân khí năm màu, rực sáng bốn hướng, cùng năm vị Lão quân chơi cõi lục hợp) 口 吐 五 色 雲 氣, 光 芒 四 照, 與 五 皇 老 君 同 遊 六 合 也.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 27
HUYỀN NGUYÊN
玄 元

A. KINH VĂN

1. Huyền Nguyên thượng Nhất, hồn phách luyện,

玄 元 上 一 魂 魄 鍊

2. Nhất chi vi vật phả hãn kiến,

一 之 為 物 叵 罕 見

3. Tu đắc chi chân, nãi cố phán,

須 得 至 真 乃 顧 盼

4. Chí kỵ tử khí chư uế tiện.

至 忌 死 氣 諸 穢 賤

5. Lục thần hợp tập, hư trung yến,

六 神 合 集 虛 中 宴

6. Kết châu cố tinh dưỡng thần căn.

結 珠 固 精 養 神 根

7. Ngọc chi, kim thược thường hoàn kiên,

玉 匙 金 籥 常 完 堅

8. Bế khẩu khuất thiệt, thực thai tân,

閉 口 屈 舌 食 胎 津

9. Sử ngã toại luyện, hoạch phi tiên.

使 我 遂 鍊 獲 飛 仙

B. LƯỢC DỊCH

Tu luyện hồn phách hợp với Nhất,

Nhất là cái chi khó thấy thật,

Lòng phải tinh thành, mới nhìn ra,

Nhất rất khinh thanh, kỵ uế tiện,

Lục thần hợp tập, Hư Vô hiện,

Tinh, dịch giữ toàn, dưỡng thần căn,

Then khóa hình hài, giữ chắc bền,

Ngậm miệng, uốn lưỡi, uống ngọc diên,

Công phu thành tựu sẽ lên tiên.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Huyền Nguyên thượng nhất hồn phách luyện.

玄 元 上 一 魂 魄 鍊

Vụ Thành Tử giải câu này một cách rất uẩn súc: Nhờ Nhất để luyện thần, luyện thần để hợp Nhất (Tư Nhất dĩ luyện thần, Thần luyện dĩ hợp Nhất 資 一 以 鍊 神 神 鍊 以 合 一). Tử Hà giải Huyền Nguyên là hai khí Thái Huyền 太 玄 và Thái Nguyên 太 元. Tôi cho rằng câu này chỉ muốn nói: Cái đạo cao siêu nhất đó là luyện hồn phách.

Câu 2. Nhất chi vi vật phả hãn kiến.

一 之 為 物 叵 罕 見

Nhất là một vật rất hiếm thấy.

Hãn 罕: hãn hữu, hiếm có (vật dĩ hãn vi quý 物 以 罕 為 貴: sự vật do hiếm hoi mà cho là quý).

Câu 3. Tu đắc chí chân nãi cố phán.

須 得 至 真 乃 顧 盼

Cần có chí chân mới nhìn ra được Nhất.

Tu 須: nên. Cố 顧: quay lại. Phán 盼: nhìn ra.

Câu 4. Chí kỵ tử khí, chư uế tiện.

至 忌 死 氣 諸 穢 賤

Chí kỵ 至 忌: rất sợ. Tử khí 死 氣: mùi xác chết.

Chư uế tiện 諸 穢 賤: Mọi sự nhơ bẩn, hèn hạ.[1]

Câu 5. Lục thần hợp tập, hư trung yến.

六 神 合 集 虛 中 宴

Lục thần 六 神: thần của Tâm, phế, can, thận, tì, đảm. Tử Hà cho rằng Đảm là thức thần có nhiệm vụ truyền tống ngũ khí triều nguyên 五 氣 朝 元.

Hư trung 虛 中: thế là hoàn Hư.

Yến 宴: An lạc. Có hoàn hư, mới an lạc.

Câu 6. Kết châu, cố tinh, dưỡng thần căn.

結 珠 固 精 養 神 根

Vụ Thành Tử giải: «Kết châu là nuốt tân dịch, trước sau tương tự như kết châu. Cố tinh là giữ cho tinh bền không vọng tiết. Dưỡng thần căn là dưỡng thân hình, dưỡng hình khu.» [2]

Câu 7. Ngọc chi kim thược thường hoàn kiên.

玉 匙 金 籥 常 完 堅

Ngọc chi玉 匙: chìa ngọc. Kim thược 金 籥: khóa vàng. Tử Hà giải: Ngọc chi là âm đan, ngoại đan. Thế tức là dưỡng hình, dưỡng thân. Kim nhược là dương đan, nội đan. Thế tức là dưỡng thần.

Thường hoàn kiên 常 完 堅: cả khóa lẫn chìa đều mạnh, là cả thần lẫn hình đều mạnh.

Câu 8. Bế khẩu, khuất thiệt thực thai tân.

閉 口 屈 舌 食 胎 津

Lúc tham thiền, thường ngậm miệng, đưa lưỡi lên cúa, gọi là khóa lưỡi, là cong lưỡi (khuất thiệt 屈 舌) để trám mạch điện từ hở nơi miệng (thượng thước kiều 上 鵲 橋) đồng thời cũng là để kích thích các tuyến nước bọt (yết tân 咽 津), mà chúng ta đã biết nơi chương 3.

Câu 9. Sử ngã toại luyện, hoạch phi tiên.

使 我 遂 鍊 獲 飛 仙

Giúp ta luyện thành, được lên tiên, thành tiên.

Bản Tử Hà: Sử ngã tốc luyện, hoạch phi tiên.

使 我 速 鍊 獲 飛 仙

Bị chú: Có một điều đặc biệt là nhiều chương đều kết thúc bằng một câu ý nói sẽ thành tiên, lên tiên. Xem các chương 4, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 21, 22, 26, 27. Như vậy ta thấy rằng Huỳnh Đình kinh hết sức tin tưởng rằng con người nhờ công phu tu luyện sẽ thành tiên, thành thánh…

D. BÌNH GIẢNG

Chương này ý tứ rất rõ ràng. Có lẽ vì vậy mà Ngoại Cảnh hầu như không bàn lại vấn đề.

Ngoại Cảnh nơi chương 16, chỉ ám chỉ đến chương này bằng 1 câu duy nhất:

Ngọc chi, kim thược, thường hoàn kiên. 玉 匙 金 籥 常 完 堅

Ý chương này chỉ là Tu luyện cốt để Đắc Nhất 得 一.

Muốn Đắc Nhất phải biết luyện hồn, phách, thu nhiếp hồn phách (câu 1). Nhất tuy là vật chi rất khó thấy (câu 2) nhưng nếu ta chân thành tìm cầu, Nhất sẽ hiện ra (câu 3).

Muốn tu chứng được Nhất cần phải thanh tịnh (câu 4), cần phải biết thu nhiếp tinh hoa thần khí trong người (câu 5).

Nhưng cũng cần phải biết luyện hình bằng những phương pháp yết tân, cố tinh. Huỳnh Đình gọi xác thân là Thần căn. Vậy rõ rệt là Huỳnh Đình chủ trương Tính Mệnh song tu (câu 7).

Khóa (thần) mạnh không đủ, phải có cả chìa (xác) mạnh nữa. Có biết xử dụng xác thân vào phương pháp luyện thần, như có biết ngậm miệng, nuốt tân dịch v.v… mới có thể thành tựu trong công trình tu luyện được (câu 8, 9).

Chủ trương của Âu Châu xưa: Mens sana in copore sano (Tinh thần mạnh trong thể xác mạnh) rất phù hợp với chủ trương trên đây của Huỳnh Đình.

Như vậy tức là «tiên đau», «tiên ốm», «tiên sầu», «tiên khổ» là những quan niệm không thể chấp nhận được, đối với một tu sĩ Á đông. Và nếu thấy mình đau ốm sầu khổ, tức là biết mình đã tu sai, tu lạc. Vì tu sai, tu lạc, mới không chứng được quả tốt đẹp.



---

[1] Cổ Nguyệt hòa thượng xưa mỗi khi đi qua những nơi có xí phòng, âm phần mộ địa đều đi đường vòng để tránh xa uế khí (Phỏng đạo ngũ lục, tr. 240).

[2] Kết châu vị yết dịch tiên hậu tương thứ như kết châu. Cố tinh bất vọng tiết. Thần căn hình khu dã. Phù thần chi ư thân, do quốc chi hữu quân, quân chi hữu nhân. Nhân dĩ quân vi mệnh, quân dĩ nhân vi bản, hỗ tương tư tịch dĩ vi sinh chủ nhi điều dưỡng chi dã. 結 珠 謂 咽 液 先 後 相 次如 結 珠. 固 精 不 妄 洩. 也 神 根 形 軀 也. 夫 神 之 於 身, 猶 國 之 有 君, 君 之 有 人. 人以 君 為 命, 君 以 人 為 本, 互 相 資 藉 以 為生 主 而 調 養 之 也.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上清黃庭內景經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 28
TIÊN NHÂN
仙人

A. KINH VĂN

1. Tiên nhân, đạo sĩ, phi hữu thần.

仙人道士非有神

2. Tích tinh, lũy khí, dĩ vi chân.

積精累氣以為真

3. Huỳnh đồng diệu âm, nan khả văn.

黃童妙音難可聞

4. Ngọc thư, giáng giản, xích đơn văn.

玉書絳簡赤丹文

5. Tự viết Chân Nhân, cân kim cân,

字曰真人巾金巾

6. Phụ giáp, trì phù, khai thất môn.

負甲持符開七門

7. Hỏa binh, phù đồ, bị linh quan.

火 兵 符 圖 備 靈 關

8. Tiền ngang hậu ti, cao hạ trần.

前 昂 後 卑 高 下 陳

9. Chấp kiếm bách trượng vũ cẩm phan,

執 劍 百 丈 舞 錦 幡

10. Thập tuyệt bàn không, phiến phân vân,

十 絕 盤 空 扇 紛 紜

11. Hỏa linh, quán tiêu, đội lạc yên,

火 鈴 冠 霄 隊 落 煙

12. An tại hoàng khuyết, lưỡng mi gian,

安 在 黃 闕 兩 眉 間

13. Thử phi chi điệp, thực thị căn.

此 非 枝 葉 實 是 根

B. LƯỢC DỊCH

Tiên nhân đạo sĩ, chẳng phải thần,

Tích tinh, lũy khí mới thành chân.

Tiếng thần Huỳnh Đồng nghe khó khăn,

Huỳnh đình, Ngọc thư, Xích tử văn,

Chép rằng: Chân Nhân đội kim cân,

Mặc giáp, cầm phù, mở thất môn,

Hỏa binh chực sẵn các linh quan.

Trước cao sau thấp, đã bầy trầm,

Cầm kiếm trăm trượng, múa cẩm phan.

Hào quang tung tỏa khắp không gian.

Đội ngũ vô vàn như mây tuôn,

Tất cả hợp tại lưỡng mi gian.

Chẳng phải là cành, ấy bản căn.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tiên nhân đạo sĩ phi hữu thần.

仙 人 道 士 非 有 神

Tiên nhân đạo sĩ chẳng phải có thần gì hơn người.

Câu 2. Tích tinh, lũy khí dĩ vi chân.

積 精 累 氣 以 為 真

Họ sở dĩ thành công, nên tiên, nên thánh, là nhờ đã dày công tu luyện, biết tích lũy tinh khí, hàm

dưỡng thiên chân.

Câu 3. Huỳnh đồng diệu âm nan khả văn.

黃 童 妙 音 難 可 聞

Huỳnh đồng 黃 童: Thần Chân Nhất 真 一 神, hay Xích Thành đồng tử 赤 城 童 子, hay Huỳnh đình chân nhân 黃 庭 真 人.

Diệu âm 妙 音: Tiếng nói thầm lặng, huyền diệu.

Nan khả văn 難 可 聞: Khó mà nghe thấy được.

Câu 4. Ngọc thư, giáng giản, xích đơn văn.

玉 書 絳 簡 赤 丹 文

Đây là ám chỉ Huỳnh Đình kinh. Huỳnh Đình kinh còn được gọi là: Đại đế kim thư 大 帝 金 書, hay Đông Hoa ngọc thiên 東 華 玉 篇.

Câu 5. Tự viết Chân Nhân cân kim cân.

字 曰 真 人 巾 金 巾

Để cho thông nghĩa, tôi dịch Tự viết là chép rằng: (sách trên chép rằng). Cân kim cân 巾 金 巾: đội khăn vàng (chữ cân trước là động từ, chữ cân sau là danh từ).

Câu 6. Phụ giáp trì phù, khai thất môn.

負 甲 持 符 開 七 門

Phụ giáp 負 甲: Mang giáp. Nếu dịch là hô thần Lục giáp tôi thấy cầu kỳ quá. Vụ Thành Tử lại còn ghi cả 6 tên các thần Lục giáp nữa mới phức tạp.

Trì phù 持 符: mang phù tiết.

Khai thất môn 開 七 門: Khai thất khiếu.

Câu 7. Hỏa binh phù đồ bị linh quan.

火 兵 符 圖 備 靈 關

Thái cực ở đâu thì có hào 爻 và quái 卦 châu quanh ở đó. Bản thể ở đâu, thì có các hiện tượng bao quanh ở đó. Thượng thần trời đất ở đâu, thì có chúng thần chầu quanh ở đó. Ví như đâu có vị tướng quân, thì đấy có chư binh túc trực.

Câu 8. Tiền ngang hậu ti, cao hạ trần.

前 昂 後 卑 高 下 陳

Câu này cũng giống như câu đầu Hệ từ thượng: Thiên tôn địa ti, kiền khôn định hĩ. Cao ti dĩ trần, quí tiện vị hĩ. 天 尊 地 卑, 乾 坤 定 矣. 高 卑 以 陳, 貴 賤 位 矣. Đâu có chư thần thì đấy có tôn ti, cũng như đâu có hiện tượng, thì đấy có lớp lang, đẳng cấp.

Tử Hà giải mấy câu này rằng: Linh quan 靈 關 là Huyền môn 玄 門, là Hạ thước kiều 下 鵲 橋 gần Vĩ lư 尾 閭. Phía trước hướng về rốn nên gọi là tiền ngang 前 昂 (trước cao), phía sau hướng về Vĩ Lư, nên gọi là hậu ti 後 卑.

Tôi thấy giải như vậy đi quá xa. Chủ đề chương này chỉ có là Muốn tu tiên ngoài sự tu luyện chuyên cần còn phải nghe được tiếng thần trời đất trong mình. Nhưng nghe biết được thần trời đất không phải chuyện dễ. Tuy nhiên Huỳnh đình đã ghi chép dung quang diện mạo vị thần đó cùng với phẩm phục uy nghi, binh tướng chầu chực hộ trì. Hiểu như vậy vừa thông mạch văn, vừa lãnh hội được đại ý chương. Cắt

nghĩa, giải thích tứ tung, chỉ làm cho rối loạn đầu óc độc giả; cho đến chương này, tôi toàn dùng cách giải thích hết sức tự nhiên giản dị, để giải thích chương cú, mà vẫn làm nổi bật lên được cái hay, cái lạ, cái cao siêu của Huỳnh Đình. Chính vì vậy mà tôi vẫn khai thác Vụ Thành Tử và Tử Hà nhưng không chấp nhận phương pháp giải thích của các ông. Gặp những câu khó, thì nói ngay rằng đó là câu khó giải thích, còn hơn là đi tìm một cái gì khó hơn để cắt nghĩa. Rút cuộc chẳng cắt nghĩa được cái gì.

Câu 9. Chấp kiếm bách trượng vũ cẩm phan.

執 劍 百 丈 舞 錦 幡

Cầm kim dài trăm trượng, múa cờ phan bằng gấm.

Câu 10. Thập tuyệt bàn không, phiến phân vân,

十 絕 盤 空 扇 紛 紜

Ý nói múa kiếm trên không trung phả ra ánh hào quang. Tử Hà giải thập tuyệt là lá cờ Huyền Vũ dùng để thâu nhiếp thần khí.

Câu 11. Hỏa linh quán tiêu, đội lạc yên.

火 鈴 冠 霄 隊 落 煙

Hỏa linh 火 鈴: Nhạc lửa. Quán tiêu 冠 霄: Vút trời xanh. Đội lạc yên 隊 落 煙: Đội ngũ như mây khói.

Câu 12. An tại Huỳnh khuyết lưỡng mi gian.

安 在 黃 闕 兩 眉 間

Huỳnh khuyết 黃 闕: Thiên đình. Lưỡng mi gian 兩 眉 間: Giữa đôi lông mày (Ta thấy điểm giữa trán đối với đạo Lão rất quan trọng).

Câu 13. Thử phi chi diệp thật thị căn.

此 非 枝 葉 實 是 根

Huỳnh Đình cho rằng nhận định được rằng trong đầu não có Trời ngự trị là một điều then chốt căn bản, chứ không phải là một điều tùy thuộc.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này được Ngoại Cảnh toát lược như sau:

Tiên nhân đạo sĩ phi hữu thần,

仙 人 道 士 非 有 神

Tích tinh, lũy khí dĩ thành chân. (chương 18)

積 精 累 氣 以 成 真

Phụ giáp trì phù, khai thất môn.

負 甲 持 符 開 七 門

Thử phi chi diệp thực thị căn,

此 非 枝 葉 實 是 根

Trú dạ tư chi, khả trường tồn. (chương 17)

晝 夜 思 之 可 長 存

Cho nên chương này thực ra chỉ có hai ý chính:

(1) Tu tiên tu đạo chỉ cốt chuyên cần, tích tinh, lũy khí. Tiên thánh cũng chỉ là những người thường như chúng ta, tu luyện, nhờ khổ công mới thành đạt (câu 1, 2).

Tiên học diệu tuyển 仙 學 妙 選 có thơ:

«Phụng chân, tu đạo, thủ trung hòa,

奉 真 修 道 守 中 和

Thiết chử thành châm yếu trác ma,

鐵 杵 成 針 要 琢 磨

Thủ sự bản nhiên vô đại xảo,

此 事 本 然 無 大 巧

Chỉ tranh nhật trục dụng công đa.» [1]

只 爭 日 逐 用 功 多

Tạm dịch:

Phụng chân, tu đạo, giữ Trung Hòa,

“Chày sắt thành kim”, phải trác ma,

Chuyện đó chẳng cần tài khéo lớn.

Chỉ cần ngày tháng, dụng công đa

(2) Muốn tu luyện cho thành tiên, thành thánh, cần phải biết rằng có thần trời đất ngự trị trong lòng mình, cần phải nghe thấy được thần trời đất hàn huyên cùng mình (câu 3). Nhưng hỏi mấy ai nghe thấy được tiếng thần trời đất? (câu 3).

Tuy nhiên ta hãy tin Huỳnh Đình kinh, vì Huỳnh Đình đã xác định đó là một sự kiện có thật (câu 4).

Kế tiếp đó chỉ là nhắc lại: dung quang, danh hiệu, (câu 5); phẩm phục, uy thế (câu 6, 7); oai võ (câu 8, 9, 10) của Thần Huỳnh Đình.

Kế đó, Huỳnh Đình kinh xác nhận lại rằng: Thần trời đất, cùng chư thần chẳng ở đâu xa, mà đã ở ngay vừng trán con người, trong đầu não con người (câu 11, 12). Huỳnh Đình kinh cho rằng đó là quan niệm then chốt cơ bản đừng có lấy làm thường. Tư tưởng này Huỳnh đình đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại. Ta hãy đọc lại:

Chương 4: Huỳnh đình trung nhân ý cẩm y.

黃 庭 中 人 衣 錦 衣

Chương 17: Động phòng tử cực linh môn hộ,

洞 房 紫 極 靈 門 戶

Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả,

是 昔 太 上 告 我 也

Tả thần Công tử phát thần ngữ,

左 神 公 子 發 神 語

Hữu hữu Bạch Nguyên tính lập xứ.[2]

右 有 白 元 併 立 處

Chương 19: Vấn thùy gia tử tại ngã thân,

問 誰 家 子 在 我 身

Thử nhân hà xứ nhập Nê Hoàn.

此 人 何 處 入 泥 丸

Quang cảnh thần trời đất oai nghi cùng với chư thần ngự trong đầu não con người mà chương này đề cập đến, ta thấy cũng tương tự như quang cảnh mô tả nơi chương 7 ở trên.

Cảm thấy có thần trời đất hiện diện trong lòng mình, chính là bí quyết cao siêu nhất để thành tiên, thành thánh. Đạo giáo nào cũng công nhận điểm này. Biết bao nhiêu thánh nhân nhờ sự trực giác này đã thành thần, thành thánh. Trung Dung viết:

E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng,

Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,

Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,

Nên dù chiếc bóng tịch liêu.

Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng.[3]

Chính là sợ Trời, kính Trời tiềm ẩn trong tâm mình. Quyển Thông điệp tình yêu nhân hậu gởi các hồn nhỏ [4] ghi lời Chúa Giêsu đàm đạo cùng bà Margarita người Bỉ như sau: «Nếu người ta không có cảm giác như một giác quan thứ sáu về sự hiện diện của Cha trong họ cho dầu cảm giác đó đôi khi mờ ảo thì, Cha cho con hay, không ai có thể nên thánh được. Than ôi! giác quan thứ sáu ấy bị bóp nghẹt bởi nết xấu dưới mọi hình thức.»

Áo Nghĩa thư (Upanishads) viết:

«Dung quang ngài khó mà cầu,

Mắt trần sau trước thấy sao được Ngài.

Biết Ngài trong dạ ấy ai,

Tâm thần biết thế muôn đời trường sinh.» [5]

Ở Việt Nam, theo chỗ tìm hiểu của tôi, mới thấy có một mình cụ Nguyễn Đình Chiểu là người đã trực giác được Trời trong ta. Cụ viết:

«Có Trời thầm dụ trong lòng,

Tuy ngồi một chỗ suốt thông trăm đời.» [6]

Huỳnh Đình kinh cho rằng nghe thấy được tiếng của thần Huỳnh Đình rất khó. Tôi thấy rằng nghe được tiếng của thần trời đất cũng dễ: Cứ việc lắng nghe Tiếng Lương Tâm, vì đó chính là tiếng nói thầm lặng của Thượng Đế. Cũng trong quyển Thông điệp tình yêu nhân hậu gởi các hồn nhỏ nói trên, nơi tr. 254, Chúa Giêsu cũng đã tâm sự: «Con hãy cứ làm theo lương tâm con, thì con luôn luôn có lý.»



[1] Tiên học diệu tuyển 仙 學 妙 選, tr. 205. Thuần Dương Lữ tổ trước thuật tiết yếu 純 陽 呂 祖 著 述 節 要.

[2] Nơi đây tác giả Huỳnh Đình kinh xác nhận nghe thấy tiếng của Thượng thần dạy bảo.

[3] Trung Dung, chương 1: Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi. Cố quân tử thận kỳ độc dã. 是 故 君 子 戒 慎 乎 其 所 不 睹, 恐 懼 乎 其 所 不 聞. 莫 現 乎 隱, 莫 顯 乎 微. 故 君 子 慎 其 獨 也.

[4] Nhật ký Margarita, Saigon 1973, tr. 177.

[5] Svetasvatra Upanishads. 4, 19-20.

[6] Ngư tiều vấn đáp y thuật, tr. 372.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 29

TỬ THANH

紫 清

A. KINH VĂN

1. Tử Thanh Thượng Hoàng Thái Đạo Quân,

紫 清 上 皇 太 道 君

2. Thái Huyền, Thái Hòa hiệp thị đoan,

太 玄 太 和 俠 侍 端

3. Hóa sinh vạn vật sử ngã tiên.

化 生 萬 物 使 我 仙

4. Phi thăng thập thiên giá ngọc luân.

飛 昇 十 天 駕 玉 輪

5. Trú dạ thất nhật tư vật miên.

晝 夜 七 日 思 勿 眠

6. Tử năng hành chi khả trường tồn.

子 能 行 之 可 長 存

7. Tích công thành luyện phi tự nhiên,

積 功 成 鍊 非 自 然

8. Thị do tinh thành diệc do chuyên,

是 由 精 誠 亦 由 專

9. Nội thủ kiên cố Chân chi Chân,

內 守 堅 固 真 之 真

10. Hư trung điềm đạm tự trí thần.

虛 中 恬 淡 自 致 神

B. LƯỢC DỊCH

Tử Thành Thượng Hoàng Thái Đạo Quân,

Thái Huyền, Thái Hòa chầu hai bên,

Hóa sinh vạn vật, giúp nên tiên,

Cưỡi xe ngọc luân, lên thượng thiên,

Bảy ngày thức trắng, nghĩ triền miên,

Làm được như vậy sẽ trường tồn.

Công thành do tu chẳng tự nhiên,

Vừa do tinh thành vừa do chuyên.

Chân chi Chân ta, hãy giữ bền,

Hư vô, điềm đạm, sẽ thành tiên.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tử Thanh Thượng Hoàng Thái Đạo Quân.

紫 清 上 皇 太 道 君

Bản Tử Hà: Tử Thanh Thượng Hoàng Đại Đạo Quân.

紫 清 上 皇 大 道 君

Vụ Thành Tử giải đó là đức Ngọc Thần Quân 玉 神 君. Nơi chương một ghi đức Ngọc Thần Quân ban truyền kinh Huỳnh Đình.

Tử Hà giải đó là đức Nguyên Thủy Thượng Hoàng Đại Đạo Quân 原 始 上 皇 大 道 君.

Tử Thanh 紫 清: tức là cung Ngọc Thanh 玉 清.

Câu 2. Thái Huyền, Thái Hòa hiệp thị đoan.

太 玄 太 和 俠 侍 端

Thái Huyền là thần phân khí (Âm, phóng ngoại, phân tán). Thái Hòa thần thu khí, hợp khí (Dương, hướng nội, qui nạp, hội tụ).

Câu 3. Hóa sinh vạn vật sử ngã tiên.

化 生 萬 物 使 我 仙

Hóa sinh vạn vật, khiến ta nên tiên.

Câu 4. Phi thăng Thập thiên giá ngọc luân.

飛 昇 十 天 駕 玉 輪

Bản Tử Hà: Phi thăng Thập thiên triều ngọc luân.

飛 昇 十 天 朝 玉 輪

Câu 5. Trú dạ thất nhật, tư vật miên.

晝 夜 七 日 思 勿 眠

Chí thành sẽ cảm đến Thần.

Câu 6. Tử năng hành chi, khả trường tồn.

子 能 行 之 可 長 存

Bản Tử Hà: Tử năng tu chi khả trường tồn.

子 能 修 之 可 長 存

Câu 7. Tích công thành luyện, phi tự nhiên.

積 功 成 鍊 非 自 然

Bản Tử Hà: Cấp công đoạn luyện, phi tự nhiên.

急 功 鍛 鍊 非 自 然

Tu trì phải tốn công phu.

Câu 8. Thị do tinh thành diệc do chuyên.

是 由 精 誠 亦 由 專

Tu luyện phải vừa thành khẩn vừa chuyên cần.

Câu 9. Nội thủ kiên cố, Chân chi Chân.

內 守 堅 固 真 之 真

Hãy giữ gìn cho chắc cái Chân đó, cái Chân tuyệt đối đó.

Câu 10. Hư trung điềm đạm tự trí thần.

虛 中 恬 淡 自 致 神

Giữ cho lòng hư vô, điềm đạm, tự nhiên sẽ thành thần.

D. BÌNH GIẢNG

Đoạn này lại tiếp tục chủ trương phải có được Thượng đế ngự trị trong tâm ta hướng dẫn tu trì, mới mong thành tiên (câu 1, 2, 3, 4).

Tử Hà bình rất xác đáng chương này rằng: «Người tu đạo phải tìm cho ra thần Tử Thanh Thượng Hoàng ở trong thân mình, rồi phải lấy hai thần Thái Huyền, Thái Hòa tức là Thần, Khí làm chủ chốt cho công trình tu luyện.» [1]

Muốn tìm ra được Trời nơi tâm, phải chân thành tìm cầu ước nguyện, phải khao khát tới mức ngày không ăn đêm không ngủ, có như vậy Trời mới hiển dương (câu 5, 6).

Người xưa nói: Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai.

Trực giác được rằng có Thượng đế trong tâm, thu thần định trí, trở về Tâm Linh, phối kết với Đạo với Trời, thế là giữ được Chân chi Chân, giữ được cái gì chân thực nhất (câu 9), cố công tu trì liên tục (câu 7,

8) giữ cho lòng hư vô, thanh tĩnh, sống phối kết với Đạo, với Trời, nói theo từ ngữ hiện đại, chắc chắn sẽ thành thần tiên (câu 10).

Ta thấy càng ngày Huỳnh Đình kinh càng xoắn lấy chủ đề Nhất và Thái Thượng. Thế tức là theo đúng lẽ Dịch: bất kỳ về phương diện nào cũng phải đi từ đa tạp trở về thuần nhất, thuần chân. Con đường giải thoát chỉ có vậy, khẩu quyết tu trì chỉ có vậy.

Bị chú: Ngoại cảnh chỉ lược chương này bằng một câu:

Trú dạ tu chi khả trường tồn. 晝 夜 修 之 可 長 存 (Chương 17).



---

[1] Tu đạo giả tòng thân trung tầm Tử Thanh Thượng Hoàng, mịch Thái Huyền Thái Hòa, nhị Thần, Khí vi chủ. 修 道 者 從 身 中 尋 紫 清 上 皇, 覓 太 玄 太 和, 二 神, 氣 為 主.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 30
BÁCH CỐC
百 穀

A. KINH VĂN

1. Bách cốc chi thật thổ địa tinh,

百 穀 之 實 土 地 精

2. Ngũ vị ngoại mỹ, tà ma tinh,

五 味 外 美 邪 魔 腥

3. Xú loạn thần minh, thai khí linh,

臭 亂 神 明 胎 氣 零

4. Na tòng phản lão, đắc hoàn anh.

那 從 反 老 得 還 嬰

5. Tam hồn hốt hốt, phách mi khuynh.

三 魂 忽 忽 魄 糜 傾

6. Hà bất thực khí Thái hòa tinh.

何 食 不 氣 太 和 精

7. Cố năng bất tử nhập Huỳnh Ninh.

故 能 不 死 入 黃 寧

B. LƯỢC DỊCH

Bách cốc chẳng qua đất đai tinh,

Ngũ vị ngoài ngon, trong hôi tanh,

Loạn thần, đọa khí, gây điêu linh.

Phản lão hoàn đồng, làm sao sinh?

Tam hồn chơi vơi, phách đảo khuynh.

Sao không dùng khí Thái Hòa tinh?

Để được bất tử, nhập Huỳnh Ninh.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Bách cốc chi thực thổ địa tinh.

百 穀 之 實 土 地 精

Thực là Bản chất (là xác)

Ngũ cốc, bách cốc là tinh hoa của đất đai.

Câu 2. Ngũ vị ngoại mỹ, tà ma tinh.

五 味 外 美 邪 魔 腥

Tinh là tanh hôi.

Câu 3. Xú loạn thần minh, thai khí linh.

臭 亂 神 明 胎 氣 零

Xú loạn 臭 亂: là cho bị uế tạp, làm cho bị tán loạn.

Thai khí linh 胎 氣 零: Nguyên khí bị linh lạc, hao tổn.

Câu 4. Na tòng phản lão đắc hoàn anh.

那 從 反 老 得 還 嬰

Làm sao có thể phản lão hoàn đồng được.

Câu 5. Tam hồn hốt hốt, phách mi khuynh.

三 魂 忽 忽 魄 靡 傾

Tam hồn hốt hốt 三 魂 忽 忽: tam hồn bị hoảng hốt.

Phách mi khuynh 魄 靡 傾: phách có thể nát tan, khuynh đảo.

Câu 6. Hà bất thực khí Thái hòa tinh.

何 食 不 氣 太 和 精

Bản Tử Hà: Hà bất thực khí Thái hòa thanh.

何 不 食 氣 太 和 清

Khí Thái Hòa là tiên thiên khí. Tiên thiên khí như tôi đã trình bày nơi chương 20, được dung chứa trong các xoang não, và trong tủy xương sống.

Câu 7. Cố năng bất tử nhập Huỳnh Ninh.

故 能 不 死 入 黃 寧

Huỳnh Ninh là Huỳnh Đình cung.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về một vấn đề hết sức mới mẻ.

Đại khái là Con người không phải chuyên sống về ngũ cốc, mà còn sống vì Nguyên Khí. Ngoại Cảnh khi toát lược lại chương này cũng làm nổi bật lên hai ý đó:

Ngoại Cảnh nơi chương 18 viết:

Nhân giai thực cốc dữ ngũ vị,

人 皆 食 穀 與 五 味

Độc thực Thái Hòa Âm Dương khí.

獨 食 太 和 陰 陽 氣

Cố năng bất tử Thiên tương ký.

故 能 不 死 天 相 既

Nội Cảnh cho rằng: Ngũ cốc chẳng qua là tinh hoa của đất đai nhưng nó vẫn là âm chất, là trọng trược, ngũ vị tuy ngon ngọt thật đấy, nhưng cũng rất tanh hôi (các câu 1, 2, 3).

Cho nên chính nhiều khi vì ăn uống mà sinh ra vô số bệnh tật (câu 4). Còn như trông vào bách cốc, ngũ vị để phản lão hoàn đồng, chắc là chuyện không có được (câu 5).

Muốn phản lão hoàn đồng phải biết dưỡng nuôi tâm thần bằng khí Thái Hòa thanh khiết (câu 6). Khí Thái Hòa này chính là tiên thiên chi khí.

Khí này ở trong xoang não, và trong tủy tuyến giữa xương sống. Nếu chúng ta nhờ sức hô hấp thông thường mà vận chuyển được Chân khí này, đem được Chân khí này về Nê Hoàn cung để bồi bổ cho óc não. Rồi giữ được Chân khí này cho nó định tĩnh ở nơi Khí hải, Nguyên Hải tức cũng là tâm điểm Nê Hoàn cung, lúc ấy gọi là Đại định, lúc ấy gọi là Thai tức (xem chương 20 ở trên). Khi ấy, sức nuôi dưỡng của Chân khí càng trở nên rõ rệt, tuy rằng lúc ấy, con người hầu như ngưng mọi hoạt động sinh lý, cơ thể.

Tiên thiên khí là đồ ăn bổ dưỡng nhất, tiên thiên khí chính là trường sinh dược. Đề tài này rất đáng được y học hiện đại để tâm nghiên cứu. Năm 1956 báo Lancet số 12 là một tờ báo y học rất đứng đắn đã đăng tải một cuộc thí nghiệm về sức tiềm sinh của nhà đạo sĩ Ấn độ tên là Babasri Dzirnari.

Bác sĩ người Anh là Vayson nói đã chứng kiến cuộc chôn sống để thí nghiệm sức tiềm tàng của vị đạo sĩ trên. Bác sĩ Vayson cho biết, trước sự hiện diện của 10.000 người, người ta đã cho đạo sĩ Babasri xuống một huyệt bằng xi măng, dưới đáy, cũng như chung quanh đã cắm đầy đinh nhọn. Khi đạo sĩ Babasri đã xuống đứng trong huyệt đó, người ta xây nắp xi măng lấp lên trên. Đạo sĩ ở trong huyệt xi măng đó 56 giờ. Sau đó người ta lại đổ đầy nước vào huyệt đó, và nhà đạo sĩ lại sống dưới nước như vậy trong vòng 6 giờ rưỡi. Cuối cùng mở huyệt, đem đạo sĩ ra. Và nhà đạo sĩ đó đã sống lại trong một bệnh viện ở Bombay.

Báo Lancet còn cho biết: Trước cuộc thí nghiệm đó, nhà đạo sĩ còn nhịn ăn trong vòng 10 ngày, chỉ uống nước lã không.

Khoa học giải thích rằng đạo sĩ sống được là vì đã biết sống trong một tình trạng chết ảo, các hoạt động sinh lý đều ngưng, và cơ thể ở trong một tình trạng hoàn toàn khoan dãn (relâchement musculaire), đông miên (hibernation).

Ta thấy nhà đạo sĩ sống như vậy là ở trong một hoàn cảnh hoàn toàn không có dưỡng khí. Ta kết luận: đạo sĩ sống được là nhờ Tiên thiên chi khí mà ngày nay người ta còn gọi là Tuyệt đối năng, là vũ trụ năng, là sinh mệnh năng (Prâna), hay là Hỏa hầu Kundalini, v.v...

Tiếc vì kỹ thuật khai thông Nhâm Đốc rất là tế vi, rất là nguy hiểm; tiếc vì muốn tu luyện phương pháp này cần phải có chân sư, cần phải nắm vững sinh lý, y lý, cần phải kiên trì, cho nên rất ít người dám luyện phép này. Và người nào có luyện được cũng ít đem truyền vì sợ làm tổn thương đến hệ thống thần kinh tích tủy của người tu đạo.

Tôi đã bàn về cách hô hấp tiên thiên khí qua tủy xương sống nêu ở chương 20 nơi đây, chỉ nhắc sơ lại rằng:

Tuy tiên thiên khí đã có sẵn trong tủy sống mỗi người, nhưng nếu không được kích thích, sẽ không có được thần lực. Kích thích tiên thiên khí, tức là vận chuyển tiên thiên khí qua tủy sống lên Nê Hoàn Cung.

Đó là một công phu cần yếu. Người xưa đã có câu:

Giáp tích song quan thấu đỉnh môn,

夾 脊 雙 關 透 頂 門

Tu hành kính lộ thử vi tôn.[1]

修 行 徑 路 此 為 尊

Tích tụ được khí Tiên thiên đó lên đầu, mới sinh ra được những tác dụng thần kỳ. Người xưa gọi thế là hoàn tinh bổ não, tam hoa qui đỉnh, ngũ khí triều nguyên, v.v. Lúc ấy mới gọi được là đan thành.

Vì thế mới nói được: «Khí qui Nguyên hải thọ vô cùng.» 氣 歸 元 海 壽 無 窮.[2]

Khi đã hiểu được sức nuôi dưỡng thần kỳ của tiên thiên khí, một khi nó được khích thích đúng cách, vận chuyển đúng cách, tích tụ đúng nơi, ta mới thấy những nhận định của người xưa về "Khí"(tiên thiên khí) chẳng sai ngoa.

Thi Kiên Ngô 施 肩 吾 nói: «Khí thị thiêm niên dược.» 氣 是 添 年 藥 (Tiên thiên khí là thuốc tăng thọ). [3]

«Đan thành, khí mãn, tự nhiên tuyệt lạp.» 丹 成 氣 滿 自 然 絕 粒 (Đan thành, khí mãn, tự nhiên không cần ăn.)[4]

«Tân năng khắc khát, khí khắc lương.» 津 能 克 渴 氣 克 糧 (Nước bọt đỡ khát, tiên thiên khí no lòng.) [5]

«Hỗn nguyên nhất khí thiên niên dược.» 混 元 一 氣 千 年 藥.[6]

«Thực cốc giả, trí tuệ nhi yểu, thực khí giả, thần minh nhi thọ.» 食 穀 者 智 慧 而 夭, 食 氣 者 神 明 而 壽 (Ăn đồ ngũ cốc, trí tuệ nhưng chết non, ăn thiên thiên khí, thần minh lại sống lâu.)[7]

«Thân tàng tiên đan dược tối linh, hà lao kỳ phương thân ngoại tầm?» 身 藏 仙 丹 藥 最 靈, 何 勞 奇 方 身 外 尋. [8]

«Tiệm tuyệt tục thực, chuyên tâm thực khí, bảo dưỡng Thái Hoà, khả dĩ trường sinh.» 漸 絕 俗 食, 專 心 食 氣, 保 養 太 和, 可 以 長 生.[9]

Tung Ẩn Tử bình về Thái Hòa Nguyên khí, có thơ:[10]

Thái Hòa Nguyên khí, nhân tự hữu,

太 和 元 氣 人 自 有

Chỉ thị ngu phu bất thức chân.

只 是 愚 夫 不 識 真

Vạn kiếp thiên sinh tằng nhất hội,

萬 劫 千 生 曾 一 會

Kim sinh bất độ đãi hà sinh…

今 生 不 度 待 何 生

Dịch:

Thái Hòa nguyên khí ai cũng có,

Lẽ ấy ngu phu há biết sao ?

Nghìn đời vạn kiếp, nay mới gặp,

Đời này chẳng độ, đợi khi nào ?

Như vậy ta có 3 nguồn dinh dưỡng:

(1) Ngũ cốc lấy từ đất đai.

(2) Khí trời mà ta có thể hấp thụ bằng cách hô hấp, qua hai lá phổi, hoặc qua làn da của toàn thân. Chính vì thế mà ta thấy đạo Lão, Thiền tông, hay Yoga đều chú trọng đến hô hấp. Nhiều môn phái, như phái Hồng Môn Đại Đạo, chủ trương ngày tắm nước lạnh ba lần, để giúp da hấp thụ dưỡng khí, và như vậy có thể tịch cốc.

(3) Tiên thiên khí mà ta có thể vận chuyện điều động, tích tụ trong tủy sống, trong xoang não. Tiên thiên khí này thực sự mới có những huyền năng linh diệu.

Cho tới nay, rất ít người biết công năng của Tiên thiên khí, cũng như cách vận chuyển tiên thiên khí, nên thường chỉ bàn đến công năng của khí hô hấp thông thường.

Ngay đến Viên Đốn Tử là một đạo sĩ Trung Hoa gần đây cũng không biết công năng của Tiên thiên khí, mà chỉ nghĩ rằng con người muốn sống lâu cần ăn uống cho phải phép, hô hấp khí trời qua mũi mồm, và qua làn da mà thôi.[11]

Y học ngày nay lại càng chưa biết công năng của nguyên khí này, nên khi cắt nghĩa những hiện tượng tiềm sinh của các nhà Yoga, thường cho rằng các vị có thể tuyệt cốc trong một thời gian lâu là vì biết làm thư giãn bắp thịt (relâchement musculaire), làm giảm thiểu các hoạt động sinh lý như loài vật đông miên (hibernation).

Trong bài bình giảng chương này, tôi đã cố gắng làm nổi bật hai vấn đề quan yếu trong công trình tu đạo của Lão giáo:

(1) Thận trọng trong vấn đề ăn uống thông thường.

(2) Phải biết hấp thụ tiên thiên khí mới được trường sinh.

Sau đây tôi cũng bàn qua về quan niệm Tuyệt cốc của ít nhiều đạo gia. Nhiều đạo sĩ tưởng rằng muốn thành tiên, phải tuyệt cốc. Nhưng quan điểm này cũng có nhiều đạo gia chống đối lại.

Sách Bàng môn tiểu thuật lục do Viên Đốn Tử bình chú có câu:

Si nhân vọng tưởng tố thần tiên,

癡 人 妄 想 做 神 仙

Nhẫn khát bất ẩm, cơ bất xan.

忍 渴 不 飲 饑 不 餐

Dịch:

Người ngu mới tưởng muốn thành tiên,

Khát không được uống, đói nhịn thèm.

Và nếu ta dở các sách tu dưỡng của đạo Lão ta thấy có rất nhiều bài thuốc Tuyệt cốc. Trong quyển Thông Thiên Bí Thư, quyển hai từ tr. 4 đến tr. 7, có đến hơn mười bài thuốc tịch cốc với những tên rất kêu như:

– Tịch cốc tiên đan 辟 穀 仙 丹. Lý Vệ Công, hành quân tịch cốc phương 李 衛 公 行 軍 辟 穀 方.

– Tịch cốc phương 辟 穀 方.

– Cứu hoang đan 救 荒 丹.

– Tế sinh đan 濟 生 丹.

– Hành lộ bất cơ đan 行 路 不 饑 丹.

– Hoàng sơn cốc cứu cơ đan 黃 山 谷 救 饑 丹.

– Tả Từ hoang niên pháp 左 慈 荒 年 法.

– Phòng cơ cứu sinh tứ quả đan 防 饑 救 生 四 果 丹, v.v.

Cuối quyển Thọ Thế thanh biên có các bài thuốc sau:

– Tịch cốc tiên đan 辟 穀 仙 丹

– Hứa chân quân phổ tế đan 許 真 君 普 濟 丹

– Chư Cát can lương 諸 葛 乾 糧

– Vương Tử Kiều biến bạch 王 子 喬 變 白

– Tăng niên phương 增 年 方

– Trường sinh tịch cốc đan 長 生 辟 穀 丹

– Tịch cốc phương 辟 穀 方

– Cứu hoang tịch cốc kỳ phương 救 荒 辟 穀 奇 方, v.v…

Sở dĩ có khuynh hướng này chính là vì:

1. Những đạo sĩ Trung Hoa xưa thường rất nghèo, bữa đói, bữa no, nên phải tìm ra những phương thức sống cho qua ngày.

2. Ta thấy các phương thuốc tịch cốc thường gắn liền với hai chữ “hoang niên”là những năm đói kém.

3. Các đạo sĩ nhiều người ẩn cư trong hang động, nên không đủ ngũ cốc, nhiều khi không muốn nấu nướng, để dành thời giờ tu luyện, nên đã nghĩ ra cách tịch cốc.

Dưới đây xin nhường lời cho Lâm Nhất Dân 林 一 民:

«Tịch cốc không phải là tuyệt thực. Mà chỉ là không ăn đồ ngũ cốc. Tiến thêm một bước nữa là không ăn đồ nấu nướng. Người tu sĩ vào núi, phải chú ý chọn lấy được một khu vực, một hoàn cảnh thích hợp,

mà người ta thường gọi là Động Thiên, Phúc Địa, danh sơn, thắng cảnh. Đồng thời cũng phải xem xét xem nơi đó có sẵn những thứ sinh thực vật, nuôi sống con người không, ví như: Nhân sâm, Truật, phục linh, hoàng tinh, hà thủ ô, hoài sơn, kê đầu thực (khiếm thực?) … mới đầu ăn chín, sau tập ăn sống dần. Tịch cốc lương phương 辟 穀 糧 方, tôi đã dùng qua, và giới thiệu với nhiều người, đều thấy kết quả:

Kết phục linh 結 茯 苓 4 lạng.

Hoài sơn dược 懷 山 藥 4 lạng.

Kê đầu thực 雞 頭 實 4 lạng.

Nhu mễ 糯 米 (gạo nếp) 1 cân.

Canh mễ 粳 米 (gạo tẻ) nửa cân.

«Mới đầu đem Hoài sơn, phục linh, kê đầu thực phơi cho thật khô. Lúc chế thuốc, đem rang gạo nhu mễ (gạo nếp), và canh mễ (gạo tẻ) vo sạch, phơi khô, rồi cho vào nồi, đun nhỏ lửa cho tới khi hơi vàng, sẽ cho ba thứ phục linh, hoài sơn, kê đầu thực nói trên vào, cùng sao cho thật vàng, rồi đem ra tán mạt, càng nhỏ càng tốt, cho vào chai đút nút kín để dành. Khi đem dùng, lấy nước thật sôi đổ vào quấy thành như hồ. Có thể ăn thay điểm tâm, vừa rẻ tiền, vừa bổ dưỡng, ai dùng cũng được, bất kỳ là nam phụ lão ấu.» [12]

Thiết tưởng bình giải chương này như vậy đã đầy đủ.



---

[1] Phỏng đạo ngũ lục, tr. 323.

[2] Hư Tĩnh Chân Quân 虛 靜 真 君. Tiên học diệu tuyển, tr. 144. Xem thêm tr. 131.

[3] Tiên học diệu tuyển, tr. 410.

[4] Ngộ chân thiên, trích dẫn trong Tiên học diệu tuyển, tr. 148.

[5] Lữ Tổ toàn thư, trích dẫn trong Tiên học diệu tuyển, tr. 230.

[6] Chung Ly Quyền, trích trong Tiên học diệu tuyển, tr. 150.

[7] Hoàng đế Nội kinh, trích trong Tiên học diệu tuyển, tr. 37.

[8] Viên Đốn tử, Phỏng đạo ngữ lục, tr. 290.

[9] Viên Đốn tử, Phỏng đạo ngữ lục, tr. 298.

[10] Tung Ẩn Tử, Huỳnh Đình Ngoại cảnh chú, quyển Hạ, tr. 6a.

[11] Xem Phỏng đạo ngữ lục, tr. 300. Tiên học diệu tuyển, tr. 36.

[12] Phỏng đạo ngữ lục, tr. 255.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 31
TÂM ĐIỂN
心 典

A. KINH VĂN

1. Tâm điển nhất thể ngũ tạng vương,

心 典 一 體 五 藏 王

2. Động tĩnh, niệm chi, đạo đức hành.

動 靜 念 之 道 德 行

3. Thanh khiết, hỉ khí tự minh quang.

清 潔 喜 氣 自 明 光

4. Tọa khởi ngô câu, cộng đống lương.

坐 起 吾 俱 共 棟 梁

5. Trú dạ diệu cảnh, mộ bế tàng.

晝 夜 妙 景 暮 閉 藏

6. Thông lợi hoa tinh, điều âm dương.

通 利 華 精 調 陰 陽

B. LƯỢC DỊCH

Con tim trong thân: ngũ tạng vương,
Tổn niệm tâm thần, đạo thịnh xương.
Thanh tĩnh, hân hoan, phả huy quang,
Thần cùng tâm ta, bạn đống lương.
Ngày thời phóng ngoại, đêm thu tàng,
Làm sáng đôi mắt, điều Âm Dương.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Tâm điền nhất thể ngũ tạng vương.

心 典 一 體 五 藏 王

Tâm là cái gì quan trọng nhất nơi con người.

Câu 2. Động tĩnh niệm chi, đạo đức hành.

動 靜 念 之 道 德 行

Nếu biết rằng Tâm tàng Thần, mà suốt ngày dù động dù tĩnh, cũng tồn tưởng được Thần của tâm, thời đạo đức sẽ hưng thịnh. Thế tức là biết rằng trong tâm có Trời là nguồn gốc đạo đức chân chính.

Câu 3. Thanh khiết, hỉ khí, tự minh quang.

清 潔 喜 氣 自 明 光

Biết rằng trong tâm có Thần, có Trời: Tâm sẽ trở nên thanh khiết, vui tươi sáng láng, thông tuệ.

Câu 4. Tọa khởi, ngô câu, cộng đống lương.

坐 起 吾 俱 共 棟 梁

Tâm thần đứng ngồi có nhau như cột với kèo trong một cái nhà.

Câu 5. Trú nhật diệu cảnh, mộ bế tàng.

晝 夜 妙 景 暮 閉 藏

Ban ngày phóng ngoại là cho ngoại cảnh thêm đẹp tươi, rực rỡ. Ban đêm thời tàng ẩn trong xác thân.

Câu 6. Thông lợi hoa tinh, điều âm dương.

通 利 華 精 調 陰 陽

Làm cho đôi mắt được sáng láng, điều hòa được âm dương.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về lẽ: Trong tâm có Thần.

Tâm thần lúc nào cũng gắn bó lấy nhau. Tâm con người chính vì vậy mà trở nên quan trọng nhất nơi con người (câu 1). Tâm niệm rằng trong tâm mình có Thần (câu 2) sẽ làm cho tâm mình trở nên thanh khiết, hoan lạc, thông minh (câu 3). Hãy luôn luôn sống bè bạn với Thần Trời, dù khi ăn, dù khi ngủ, dù khi đứng, dù khi ngồi (câu 4).

Sau đó ta có thể tùy nghi, khi thì phóng ngoại điểm tô cho ngoại cảnh, khi thì hướng nội để chau chuốt (câu 5). Đắc đạo, đắc Thiên, có Thần trong tâm, thời mặt mũi sẽ sáng láng, đôi mắt sẽ tinh thần, và thân thể cả tinh thần lẫn thể xác đều được điều hòa thư sướng (câu 6).

Về phương diện tôn giáo đối chiếu, thời tư tưởng này nói lên lẽ:

– Thiên nhân tương dữ 天 人 相 與.

– Thiên nhân hợp phát 天 人 合 發.

– Thiên nhân hợp nhất 天 人 合 一.

Ngoại Cảnh toát lược đại ý chương này như sau:

«Tâm vi quốc chủ ngũ tạng vương,

心 為 國 主 五 臧 王

Nhất ý động tĩnh, khí giai hành.

一 意 動 靜 氣 皆 行

Đạo tự thủ ngã, thần minh quang.

道 自 守 我 神 明 光

Thông ngã hoa tinh điều âm dương,

通 我 華 精 調 陰 陽

Trú nhật chiêu chiêu, dạ tự thủ,

晝 日 昭 昭 夜 自 守

Khát tự đắc ẩm, cơ tự bão.» (chương 19)

渴 自 得 飲 饑 自 飽

Tung Ẩn Tử bình đoạn Ngoại Cảnh này rất hay, ta có thể mượn một đoạn để soi sáng thêm cho chương này:

Tung Ẩn Tử viết: «Trong lòng tâm và ý, theo cái lý động tĩnh, mà tìm cho ra được Nguyên Thần. Đến khi Nguyên Thần đã hiện thời ban ngày sáng chói, ban đêm giữ yên. Thế tức là Nguyên Thần mà hiện, thời mộng mị không còn sinh. Ngày thời chói chang rạng rỡ nơi Huỳnh Đình, đêm thời êm đềm tự thủ nơi Huỳnh đình. Chói chang rạng rỡ, nghĩa là không một làn mây mờ che phủ, êm đềm tự thủ là không có gì đến quấy nhiễu.» [1]



[1] Tung Ẩn Tử, Huỳnh đình ngoại cảnh chú, quyển Hạ, tr. 7b.

Tung Ẩn Tử có những lời bình nhiều khi rất trác tuyệt, ví như khi bình về Thái Hòa Nguyên khí (Xem Nội cảnh chương 30, Ngoại cảnh Tung Ẩn Tử, quyển Hạ, tr. 6a, chú) Ông có thơ:

Thái Hòa Nguyên khí, nhân tự hữu,	太 和 元 氣 人 自 有
Chỉ thị ngu phu bất thức chân.	只 是 愚 夫 不 識 真
Vạn kiếp thiên sinh tằng nhất hội,	萬 劫 千 生 曾 一 會
Kim sinh bất độ đãi hà sinh…	今 生 不 度 待 何 生

Dịch: Thái Hòa nguyên khí ai cũng có,

Lẽ ấy ngu phu há biết sao ?

Nghìn đời vạn kiếp, nay mới gặp,

Đời này chẳng độ, đợi khi nào ?…

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 32

KINH LỊCH

經 歷

A. KINH VĂN

1. Kinh lịch lục hợp, ẩn Mão Dậu,

經 歷 六 合 隱 卯 酉

2. Lưỡng thận chi thần, chủ diên thọ.

兩 腎 之 神 主 延 壽

3. Chuyển giáng thích đẩu, tàng sơ cửu,

轉 降 適 斗 藏 初 九

4. Tri hùng thủ thư khả vô lão,

知 雄 守 雌 可 無 老

5. Tri bạch, kiến hắc cấp tọa thủ.

知 白 見 黑 急 坐 守

B. LƯỢC DỊCH

Kinh qua châu thân, về Chân Thổ.

Thần của hai thận chủ diên thọ,

Chuyển hồi Bắc đẩu về đầu não,

Biết đực giữ cái nên bất lão.

Biết trắng giữ đen, gấp ngồi giữ.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Kinh lịch lục hợp ẩn mão dậu.

經 歷 六 合 隱 卯 酉

Kinh lịch 經 歷: Đi qua.

Lục hợp 六 合: (1) Tứ phương và thượng hạ; (2) Lục phủ, hay Lục tạng (Ngũ tạng và đảm)

Ẩn 隱: Ẩn giấu.

Mão dậu 卯 酉: Mão 卯: Đông. Dậu 酉: Tây. Mão dậu là hai phía đông tây của chân trời. Mặt trời mọc lên từ Mão, lặn từ Dậu. Như vậy dưới đường Mão dậu không có mặt trời. Xét về giờ thì Mão là khoảng 6 giờ sáng, Dậu là khoảng 6 giờ chiều. Ở nơi con người thì Mão ứng với huyệt Giáp Tích của xương sống, Dậu ứng với huyệt Trung Uyển ở phía trước bụng.[1]

Tung Ẩn Tử giải Mão Dậu là Nhật Nguyệt, mà Nhật Nguyệt là Đan 丹. Và giải toàn câu là: «Kinh lịch lục phủ dẫn chí Đan thượng». Đi qua lục phủ, dẫn về Thượng đan điền. Thượng đan điền hay Huỳnh Đình, hay Chân Thổ, hay Trung điểm, vì thế tôi dịch: Kinh qua châu thân về Chân thổ.

Câu 2. Lưỡng thận chi thần chủ diên thọ.

兩 腎 之 神 主 延 壽

Thần của hai thận chủ trường thọ.

Tôi hội ý rằng: Thận theo Đông Y, gồm đủ Âm (thận phải) Dương (thận trái). Ý nói người tu đạo cần phải biết phối hợp Âm (Tâm) Dương (Thần) mới có thể trường sinh.

Câu 3. Chuyển giáng thích đẩu tàng sơ cửu.

轉 降 適 斗 藏 初 九

Bản Tử Hà: Chuyển Cương, hồi Đẩu tàng sơ cửu.

轉 罡 迴 斗 藏 初 九

Ngoại cảnh đổi là Chuyển Dương chi Âm tàng ư cửu.

轉 陽 之 陰 藏 於 九

Câu này rất tối nghĩa.

Thiên Cương 天 罡 hay Bắc Đẩu 北 斗 được coi như là Thất khiếu 七 竅.

Lương Khưu Tử khi giải: Chuyển Dương chi âm, tàng ư Cửu dã 轉 陽 之 陰 藏 於 九 也, giải Cửu là Đầu 頭. Hội những ý trên, tôi dịch là: chuyển hồi Bắc đẩu về đầu não. Và hiểu rằng: tu luyện là cốt đem tinh hoa chu thân (ở đây tượng trưng bằng thất khiếu) về Nê Hoàn cung.

Câu 4. Tri hùng, thủ thư khả vô lão.

知 雄 守 雌 可 無 老

Hùng 雄: Dương. Động. Thư 雌: Âm, Tĩnh.

Tiên học Từ điển nơi chữ: Tri hùng thủ thư 知 雄 守 雌, đã giải là: Nên giữ lấy cái Tĩnh, đừng vọng động.[2]

Có lẽ giải đại cương rằng: Tu cần tĩnh định, đừng vọng động, cũng có thể hợp với chính ý của Huỳnh Đình. Huỳnh Đình nơi chương 4 viết:

Huỳnh Đình nội nhân phục cẩm y. 黃 庭 內 人 服 錦 衣 (nội nhân là đạo mẫu vẫn là Âm, là Thư)

Chương 21 viết: Nê Hoàn phu nhân đương trung lập.

泥 丸 夫 人 當 中 立 (cũng là đạo mẫu, là Thư).

Đạo Đức Kinh cũng chủ trương: Trí hư cực, thủ tĩnh đốc 智 虛 極, 守 靜 篤.

Câu 5. Tri bạch kiến hắc, cấp tọa thủ.

知 白 見 黑 急 坐 守

Bản Tử Hà: Tri hắc kiến bạch, khí tự thủ.

知 黑 見 白 氣 自 守

Tham Đồng Khế 參 同 契 giải Hắc là Thủy, Bạch là Kim. Thế tức là: Nhìn thấy Âm thì biết trong Âm có tàng Dương, nên gấp thái thủ mà tu luyện.

D. BÌNH GIẢNG

Ngoại Cảnh tóm tắt chương này như sau:

Kinh lịch lục phủ, tàng Mão Dậu,

經 歷 六 府 藏 卯 酉

Chuyển dương chi âm tàng ư cửu.

轉 陽 之 陰 藏 於 九

Thẩm năng hành chi, bất tri lão.

審 能 行 之 不 知 老

Chương này mới đọc thì rất khó hiểu, nhưng chịu suy nghĩ cũng thấy có mạch lạc sáng suốt:

Hội ý Nội Cảnh và Ngoại cảnh cùng với các lời bình giải của cổ nhân ta có thể giải hai câu đầu như sau:

Một khi Nguyên thần đã xuất hiện (xem từ chương 31) thì sẽ kinh qua lục phủ, đem tinh hoa châu thân về tàng trữ nơi đầu. Chính vì vậy mà Tung Ẩn Tử đã giải: “Kinh lịch lục phủ để dẫn về Đan điền. Mão Dậu, Tung Ẩn Tử giải là là Nhật Nguyệt, rồi lại chắp hai chữ Nhật Nguyệt lại thành chữ Đan.

Tôi cho rằng nơi chương này tác giả Huỳnh Đình muốn nói lên rằng: Muốn tu luyện cần phải hiểu lẽ Âm Dương (câu 2, 4, 5) và lẽ Hoàn phản (câu 1, 3).

Âm Dương là gì: Thưa là Tâm và Thần. Nơi con người, lộ liễu nhất, thô thiển nhất để tượng trưng cho Âm Dương là hai trái thận. Nhiều vị danh y Trung Hoa và Việt Nam đã gọi hai trái thận là Âm Dương. Triệu Dưỡng Quì và Lãn Ông còn thấy Hai trái thận kết hợp lại thành Thái Cực (Xem Lãn Ông, Huyền tẫn phát vi, luận án của Nguyễn Văn Thọ, Les Secrets des Reins révélés). Âm Dương có hợp nhất thì mới thành lại Thái Cực, Tâm thần có hợp nhất thì Đạo và Nguyên thần mới hiện.

Tâm thời dễ nom thấy, dễ cảm thấy, còn Thần thời khó biết khó tìm. Thấy Âm thời suy ra Dương, thấy Tâm thời suy ra Thần. Như vậy tức là Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, tri kỳ bạch, thủ (kiến) kỳ hắc.

Khi bình giải Đạo Đức Kinh, chương 28, tôi đã dùng lẽ Âm Dương mà giải đại khái như trên. Chung qui vẫn chỉ là phải trực giác được rằng trong Tâm mình còn có Thần, trong tâm mình còn có Trời, có Đạo, thời mới bước được vào con đường tu trì chân chính.

Tham Đồng Khế 參 同 契 cũng đã viết:

Tri bạch, thủ hắc, Thần minh tự lai,

Bạch giả kim tinh, hắc giả thủy tái.[3]

知 白 守 黑 神 明 自 來

白 者 金 精 黑 者 水 塞

Ngộ Chân thiên 悟 真 篇 có thơ:

Hắc trung hữu bạch, vi đan mẫu.

黑 中 有 白 為 丹 母

Hùng lý tàng thư, thị thánh thai.

雄 裏 藏 雌 是 聖 胎

Thái ất tại lộ, nghi thận thủ,

太 乙 在 爐 宜 慎 守

Tam điền tụ bảo ứng Tam Thai.[4]

三 田 聚 寶 應 三 台.

Biết rằng trong tâm (Hắc) có Thần (Bạch) mới có thể tu kim đan, Tâm Thần có hợp nhất mới thành thánh thai, Âm Dương có giao hòa, Thái Ất mới hiển lộ, và Tam đan điền mới tụ được Tam Bảo (Tinh, Khí, Thần), ứng với sao Tam Thai trên trời (Tam Thai cũng có 3 vì sao). Nay bình giải đoạn này của Huỳnh Đình, tôi thêm rằng: Tu luyện cốt tại hư tĩnh (tri hùng, thủ thư) đừng có vọng động, tu luyện trước hết phải biết rằng trong Tâm (Hắc) có Thần (Bạch).

Giải như trên, sẽ được một bài học quí giá, mà Đạo Đức Kinh, Huỳnh Đình Kinh, Tham Đồng Khế, Ngộ Chân Thiên đều muốn trao cho ta.



[1] Tiên học từ điển, tr. 75.

[2] Tiên học từ điển, tr. 106: Hùng chủ động, dương tính, thư chủ tĩnh, âm tính, tri kỳ động bất khẳng vọng động, thủ chi dĩ tĩnh, nhi đãi kỳ biến, tắc vi diệu dụng, nhược tri nhi bất thủ, thuận kỳ tự động, thị vi vọng động, thủ nhi bất tri kỳ biến, hựu vi vô ích chi thủ, tri nhi thủ chi, cái động tĩnh hỗ dụng dã. 雄主動, 陽性, 雌主靜, 陰性, 知其動不肯妄動, 守之以靜, 而待其變, 則為妙用, 若知而不守, 順其自動, 是為妄動, 守而不知其變, 又為無益之守, 知而守之, 蓋動靜互用也.

[3] Trích trong Tiên học từ điển, tr. 106.

[4] Trích trong Tiên học diệu tuyển, tr. 120.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 33

CAN KHÍ

肝 氣

A. KINH VĂN

1. Can khí uất bột thanh thả trường,

肝 氣 鬱 勃 清 且 長

2. La liệt lục phủ sinh tam quang.

羅 列 六 府 生 三 光

3. Tâm tinh ý chuyên, nội bất khuynh,

心 精 意 專 內 不 傾

4. Thượng hợp tam tiêu, hạ ngọc tương,

上 合 三 焦 下 玉 漿

5. Huyền dịch vân hành, khứ xú hương.

玄 液 雲 行 去 臭 香

6. Trị đãng phát xỉ, luyện ngũ phương.

治 蕩 髮 齒 鍊 五 方

7. Thủ tân, huyền ưng, nhập minh đường.

取 津 玄 膺 入 明 堂

8. Hạ khái hầu lung, thần minh thông,

下 溉 喉 嚨 神 明 通

9.Tọa thị hoa cái du quí kinh.

坐 侍 華 蓋 遊 貴 京

10. Phiêu diêu tam đế tịch thanh lương,

飄 颻 三 帝 席 清 涼

11. Ngũ sắc vân khí, phân thanh thông.

五 色 雲 氣 紛 青 蔥

12. Bế mục nội miến, tự tương vọng,

閉 目 內 眄 自 相 望

13. Sử tâm chư thần hoàn tương sùng.

使 心 諸 神 還 相 崇

14. Thất huyền anh hoa khai mệnh môn,

七 玄 英 華 開 命 門

15. Thông lợi thiên đạo, tồn huyền căn.

通 利 天 道 存 玄 根

16. Bách nhị thập niên do khả hoàn.

百 二 十 年 猶 可 還

17. Quá thử thủ đạo thành độc nan,

過 此 守 道 誠 獨 難

18. Duy đãi cửu chuyển bát quỳnh đan,

唯 待 九 轉 八 瓊 丹

19. Yếu phục tinh tư tồn thất nguyên,

要 復 精 思 存 七 元

20. Nhật nguyệt chi hoa cứu lão tàn,

日 月 之 華 救 老 殘

21. Căn khí chu lưu lạc vô đoan.

根 氣 周 流 絡 無 端

B. LƯỢC DỊCH

Can khí bồng bột, trong lại trường,

Khai thông lục phủ, sinh tam quang.

Tâm tinh, ý chuyên, tu mới ngoan,

Trên hợp tam tiêu, dưới ngọc tương,

Tâm khí lưu hành, hơi hám vương (vong)

Răng bền, tóc nhuận, thân thái khương.

Ngọc tân từ họng xuống minh đường.

Tẩm nhuận yết hầu, thần minh thông.

Ngồi xem phế khí nhập đơn điền,

Can khí khinh phiêu, thông tâm đan,

Ngũ khí kết thành ngũ sắc vân,

Bế mục phản quan, quên mình luôn,

Tâm cùng chư thần được vầy đoàn,

Thất khiếu lưu thông, khai mệnh môn,

Chư kinh thông thâu, tồn huyền côn (căn)

Tuổi trăm hai mươi, tu còn dòn,

Vượt quá tuổi đó, đạo khó tròn,

Hợp nhất tinh thần, tổn thất nguyên,

Điều can, vận khí, cứu lão tàn,

Mắt như nhật nguyệt, chiếu linh quang.

Can khí chu lưu, thân mãi an.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Can khí uất bột thanh thả trường.

肝 氣 鬱 勃 清 且 長

Uất bột 鬱 勃: bồng bột, mạnh mẽ.

Thanh thả trường 清 且 長: Trong và dài.

Câu 2. La liệt lục phủ sinh tam quang.

羅 列 六 府 生 三 光

Can khí chu lưu lục phủ, ngũ tạng chứ không phải riêng gì ở gan.

Sinh tam quang 生 三 光: Làm cho con người sáng láng.

Câu 3. Tâm tinh ý chuyên nội bất khuynh.

心 精 意 專 內 不 傾

Vụ Thành Tử cho rằng được như vậy nhờ đã hiểu Nhất (năng tri nhất dã 能 知 一 也).

Câu 4. Thượng hợp tam tiêu hạ ngọc tương.

上 合 三 焦 下 玉 漿

Can khí trên thì hợp với khí ma tiêu, dưới thì sinh ra nước bọt. Ngọc tương 玉 漿: nước bọt.

Câu 5. Huyền dịch vân hành, khứ xú hương.

玉 漿 玄 液 雲 行 去 臭 香

Bản Tử Hà: Huyền dịch vân anh, khứ xú hương.

玄 液 雲 英 去 臭 香

Chân khí chu lưu, nên không còn bệnh tật, hết mọi mùi hôi hám.

Câu 6. Trị đãng phát xỉ, luyện ngũ phương.

治 蕩 髮 齒 鍊 五 方

Bản Tử Hà: Địch đãng phát xỉ, luyện ngũ phương.

滌 蕩 髮 齒 鍊 五 方

Can khí lưu hành, nên lông tóc cũng như được tẩy rửa, tân dịch sinh lưu, nên răng lợi cũng như được rửa súc. Can khí còn dưỡng nuôi ngũ tạng (luyện ngũ phương).

Câu 7. Thủ tân, huyền ưng, nhập Minh đường.

取 津 玄 膺 入 明 堂

Nước bọt được rót vào cuống họng rồi đi xuống Minh đường. Minh đường đây là Giáng cung minh đường ở trung bộ.

Câu 8. Hạ khái hầu lung, thần minh thông.

下 溉 喉 嚨 神 明 通

Tân dịch quán khái cổ họng, chi nên thần minh thông sáng. Quán khái 灌 溉: rót tưới vào.

Câu 9. Tọa thị hoa cái du quí kinh.

坐 侍 華 蓋 遊 貴 京

Tử Hà: Tọa thị hoa cái du quí kinh.

坐 視 華 蓋 遊 貴 京

Hoa cái 華 蓋: phổi. Quí kinh 貴 京: Đan điền.

Câu 10. Phiêu diêu tam đế, tịch thanh lương.

飄 飆 三 帝 席 清 涼

Bản Tử Hà: Phiêu diêu tam tố tịch thanh lương.

飄 飆 三 素 席 清 涼

Chu lưu tam điền (phiêu diêu tam đế 飄 飆 三 帝), nhuần nhuận đôi mắt (tịch thanh lương 席 清 涼).

Câu 11. Ngũ sắc vân khí, phân thanh thông.

五 色 雲 氣 紛 青 蔥

Can khí hợp với khí sắc của ngũ tạng, trông như mây ngũ sắc.

Câu 12. Bế mục nội miến, tự tương vọng.

閉 目 內 眄 自 相 望

Bản Tử Hà: Bế mục nội phán, tự tương vọng.

閉 目 內 盼 自 相 望

Bế mục nội phán 閉 目 內 盼: Hồi quang phản chiếu.

Tự tương vọng 自 相 望: Nhìn thấy lục phủ ngũ tạng (Vụ Thành Tử giải: Thường tồn niệm chi, ngũ tạng tự hiện 常 存 念 之 五 藏 自 現); Tự tâm và tự tư cả hai đều được quên đi luôn (Tử Hà giải).

Câu 13. Sử tâm chư thần hoàn tương sùng.

使心諸神還相崇

Làm cho thần tim và thần ngũ tạng hợp nhất với nhau (hợp khế 合契, tương phù 相符) đều cùng kính trọng lẫn nhau (hoàn tương sùng 還相崇).[1]

Câu 14. Thất huyền anh hoa khai mệnh môn.

七玄英華開命門

Thất khiếu lưu thông, không còn lưu trệ. (Vụ Thành Tử giải: Thất khiếu lưu thông vô lưu trệ dã 七竅流通無留滯也).

Câu 15. Thông lợi thiên đạo tồn huyền căn.

通利天道存玄根

Thông lợi Thiên tâm, cửu đạo tức là thông Nhâm Đốc.

Tồn huyền căn 存玄根: Tồn huyền tẫn căn cơ 存玄牝根基 (Tồn nguyên thần 元神, nguyên khí 元氣).

Câu 16. Bách nhị thập niên do khả hoàn.

百二十年猶可還

Bản Tử Hà: Bách nhị thập tuế do khả hoàn.

百二十歲猶可還

Dẫu già (120 tuổi) nhưng tu vẫn còn kịp.[2]

Câu 17. Quá thử thủ đạo thành độc nan.

過此守道誠獨難

Quá tuổi đó, thực sự mà nói thời tu đạo được rất khó, vì chết đến nơi rồi còn gì (khứ tử cận hĩ 去死近矣).

Câu 18. Duy đãi cửu chuyển bát quỳnh đan.

唯待九轉八瓊丹

Phải có Cửu chuyển hoàn đan 九轉還丹 hay Bát quỳnh đan 八瓊丹 mới cứu được.

Bát quỳnh đan theo tài liệu của Henri Doré (Variétés sinologiques Nº 66 gồm có):

(1) Đan sa 丹砂 (chu sa 朱砂): Sulfure de Mercure;

(2) Hùng hoàng 雄黃: Réalgar, Sulfure d'arsénic rouge;

(3) Hư Hoàng 雌黃: Sulfure d'arsénic jaune;

(4) Lưu Hoàng 硫黃: Soufre;

(5) Nhung diêm 戎鹽: Borate de Soude;

(6) Vân mẫu 雲母: Mica;

(7) Tiêu thạch 消石: Salpêtre;

(8) Không thanh 空青: Sulfate de cuivre.

Cửu chuyển hoàn đan gồm 14 vị: Ngoài 8 vị của Bát quỳnh đan còn có:

(1) Bạch thạch anh 白 石 英 (quartz blanc);

(2) Tử thạch anh 紫 石 英 (quartz violet);

(3) Thanh đại 青 黛 (Plombagine);

(4) Dương khởi thạch 陽 起 石 (Actinolite);

(5) Kim nha thạch 金 牙 石: Dent de tigre;

(6) Diên phấn 鉛 粉 (Céruse).[3]

Câu 19. Yếu phục tinh tư tồn thất nguyên.

要 復 精 思 存 七 元

Cần phải bảo toàn được tinh thần.

Thất nguyên là tinh hoa của thất khiếu.

Câu 20. Nhật nguyệt chi hoa cứu lão tàn.

日 月 之 華 救 老 殘

Tinh thần mà bảo toàn được thời sẽ diên niên.

Câu 21. Can khí chu lưu lạc vô đoan.

根 氣 周 流 絡 無 端

Bản Tử Hà: Can khí chu lưu chung vô đoan.

根 氣 周 流 終 無 端

Câu này lại bàn về sự lưu hành của can khí khắp châu thân.

D. BÌNH GIẢNG

Chương này chủ yếu là bàn về: Vận khí yết tân.

Ngoại Cảnh tóm chương này như sau:

Can chi vi khí điều thả trường,

肝 之 為 氣 條 且 長

La liệt ngũ tạng sinh tam quang.

羅 列 五 臟 生 三 光

Thượng hợp tam tiêu, hạ ngọc tương,

上 合 三 焦 下 玉 漿

(Ngã thần hồn phách tại trung ương)

我 神 魂 魄 在 中 央

Tân dịch lưu tuyền khứ xú hương.

津 液 流 泉 去 臭 香

Lập ư huyền ưng hợp minh đường.

立 於 玄 膺 合 明 堂

… (tiếp theo là 9 câu)

Hạ ư hầu lung, thông thần minh.

下 於 喉 嚨 通 神 明

Quá hoa cái hạ, thanh thả lương.

過 華 蓋 下 清 且 涼

… (tiếp theo là 4 câu)

Tương sử chư thần khai mệnh môn.

將 使 諸 神 開 命 門

Thông lợi thiên đạo chí linh căn.

通 利 天 道 至 靈 根

… (tiếp theo là 1 câu)

Can khí tự hoàn chung vô đoan.

肝 氣 似 環 終 無 端

(Ngoại Cảnh chương 20)

So chương 33 Nội Cảnh với chương 20 Ngoại Cảnh, ta thấy: Nội Cảnh bàn về Vận khí, Yết tân. Ngoại Cảnh bàn thêm về Tồn thần nữa. Vì thế mà Ngoại Cảnh có những câu thêm như:

Thanh tĩnh vô vi, thần lưu chỉ. 清 靜 無 為 神 留 止.

Chương này sở dĩ bàn về Vận khí, vì Can tàng Hồn, mà Hồn chính là Khí. Cũng như nơi chương Tâm điển, bàn về Thần, vì Tâm tàng Thần.

Can khí ở chương này được đồng hóa với Nguyên khí, vì vậy nó mới có thể chu lưu khắp chân thân (câu 1, 2), có thể:

– Sinh quang 生 光 (câu 2);

– Sinh khí 生 氣 (câu 3);

– Sinh ngọc dịch, tân dịch 生 玉 液 津 液 (câu 3).

Tân 津 (ngọc dịch, tân dịch, ngọc tương) khí 氣 (nguyên khí) có nhuần tẩm, có chu lưu, thì người mới được khỏe mạnh, hơi hướng mới được thơm tho (câu 5), răng mới bền, tóc mới nhuận (câu 5, 6, 7).

Nguyên khí có chu lưu, mới thông kinh mạch, thông Nhâm Đốc (câu 15), thông thất khiếu (câu 14), hoàn qui về Thiên môn, Đan điền (câu 15). Ngoại Cảnh (Huỳnh Đình Ngoại Cảnh) nhấn mạnh rằng:

– Thông lợi Thiên đạo, trường sinh thảo 通 利 天 道 長 生 草 (Khai thông được Nhâm Đốc là tìm ra được thuốc trường sinh).

– Thất khiếu dĩ thông, bất tri lão 七 竅 以 通 不 知 老 (Thông được thất khiếu sẽ khiến con người bất lão).

Đem được Ngũ khí triều nguyên, hội tụ về Kiền Đỉnh, Nê Hoàn chính là trở về được Thiên Môn tổ Khiếu, trở về được với Thái cực, nơi sinh xuất Âm Dương (Hoàn tọa Thiên môn, hầu Âm Dương 還 坐 天 門 候 陰 陽).

Trong khi vận khí, cũng phải điều thần, phải hồi quang phản chiếu, để nhìn cho ra chân diện mục của mình (câu 13), hòa hợp với thần trong người, hòa hài tâm thần trong người thành một chân nhân duy nhất (câu 12, 13).

Phép tu luyện nói trên không có hạn tuổi, đừng nói rằng đã già mà ngoại ngùng chẳng dám tu.

Huỳnh Đình kinh nói một cách rất hài hước rằng nếu ta chưa tới 120 tuổi vẫn có thể tu thành tiên, vẫn có thể tu trường sinh, sau tuổi đó cần phải uống Cửu Chuyển hoàn đơn hay Bát quỳnh đơn (câu 17, 18).

Tóm lại muốn diên niên, cần phải bảo tồn tinh hoa, hòa hài được tâm thần, khai thông được thất khiếu (câu 17, 18) và nhất là cần phải biết điều thần, vận khí (câu 20, 21).



---

[1] Vụ Thành tử giải: Xích Thành đồng tử dữ ngũ tạng chân nhân hợp khế đồng phù, cộng tương tôn kính dã. 赤城童子與五藏真人合契同符, 共相尊敬也.

[2] Vụ Thành tử: Đương tức tu hành, thời bất khả thất 當即修行, 時不可失 (Phải tu hành ngay, chớ để thời quan trôi qua mất).

[3] Henri Doré, Variétés Sinologiques, No 66, Chapitre 11, Section B. Article V: La Pillule d' immortalité.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 34

PHẾ CHI

肺 之

A. KINH VĂN

1. Phế chi vi khí tam tiêu khởi,

肺 之 為 氣 三 焦 起

2. Thị thính u minh, hầu đồng tử,

視 聽 幽 冥 候 童 子

3. Điều lý ngũ hoa, tinh phát xỉ,

調 理 五 華 精 髮 齒

4. Nhị thập lục yết, ngọc trì lý,

二 六 十 咽 玉 池 裏

5. Khai thông bách mạch huyết dịch thủy,

開 通 百 脈 血 液 始

6. Nhan sắc sinh quang kim ngọc trạch.

顏 色 生 光 金 玉 澤

7. Xỉ kiên, phát hắc bất tri bạch,

齒 堅 髮 黑 不 知 白

8. Tồn thử chân thần, vật lạc lạc.

存 此 真 神 勿 落 落

9. Đương ức thử cung, hữu tọa tịch,

當 憶 此 宮 有 座 席

10. Chúng thần hợp hội chuyển tương sách.

眾 神 合 會 轉 相 索

A. LƯỢC DỊCH

Phế khí phát sinh từ Tam tiêu,

Nghe nhìn u minh, chờ đồng tử,

Điều hòa ngũ tạng, bổ răng tóc

Chân khí 36 lần về Nê Hoàn,

Khai thông bách mạch, bổ não tủy,

Nhan sắc phởn phơ, huyết dịch thông,

Răng chặt, tóc đen, quên mất bạc,

Giữ Chân Thần đó, đừng biếng nhác,

Nên nhớ Huỳnh đình có tòa tịch,

Chuyển khí hội thần, thần tương hợp.

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Phế chi vi khí Tam tiêu khởi.

肺 之 為 氣 三 焦 起

Tử Hà giải Tam tiêu là Chân Nhất chi khí, Chân Nguyên Nhất Khí. Như vậy nói theo từ ngữ y học ngày nay, là phế muốn hoạt động phải nhờ sự kích thích của một bộ phận trong đầu não.

Câu 2. Thị thính u minh, hậu đồng tử.

視 聽 幽 冥 候 童 子

Ngoại Cảnh: Phục ư Thiên môn, hậu cố đạo.

伏 於 天 門 候 故 道

Hội ý hai câu này ta giải câu trên là: Phế có liên lạc với Nê Hoàn cung 泥 丸 宮 (Thiên môn 天 門, U khuyết 幽 闕) và thần Tim (Đồng tử). Vụ Thành Tử giải Đồng tử là Tâm Thần 心 神 (thần Tim: Xích Thành đồng tử 赤 城 童 子).

Câu 3. Điều lý ngũ hoa, tinh phát xỉ.

調 理 五 華 精 髮 齒

Điều lý 調 理: Điều hòa.

Ngũ hoa 五 華: Ngũ tạng khí.

Tinh phát xỉ 精 髮 齒: Làm cho răng tóc thêm bền, thêm tốt.

Câu 4. Nhị thập lục yết ngọc trì lý.

二 六 十 咽 玉 池 裏

Bản Tử Hà: Tam thập lục yết Ngọc trì lý.

三 六 十 咽 玉 池 裏

Câu này có thể giải hai cách:

(1) Nếu nuốt (thôn yết 吞 咽) được tân dịch trong miệng tất cả là 36 hay 26 lần (số 36 có lẽ đúng hơn là 26, vì 36 = 9 x 4, thuộc Dương, đối ứng với 24. Số 24 = 6 x 4 thuộc Âm. Nội Cảnh có 36 chương, Ngoại Cảnh chia thành 24 chương chính cũng là để thuận lẽ âm dương nói trên).

(2) Nếu đem được Chân khí về Nê Hoàn (Ngọc trì 玉 池) được 36 lần. Tử Hà giải Ngọc trì là Thái Hòa cung 太 和 宮 (Xem Nội cảnh chương 3) và giải thôn yết 吞 咽 nơi đây nghĩa là đem chân khí về Nê Hoàn. Giải như vậy, có lẽ hợp với mạch văn trong chương này.

Câu 5. Khai thông bách mạch, huyết dịch thủy.

開 通 百 脈 血 液 始

Đem được Chân khí về Nê Hoàn, tức là khai thông được Nhâm Đốc, khai thông được bách mạch, và ảnh hưởng được đến nguồn gốc của huyết dịch (huyết dịch thủy).

Câu 6. Nhan sắc sinh quang, kim ngọc trạch.

顏 色 生 光 金 玉 澤

Nhờ hô hấp (nhờ phế khí 肺 氣) vận chuyển được Nguyên khí (chân khí), sẽ là cho nhan sắc thêm nhuận trạch, con người thêm phởn phơ, tươi đẹp.

Câu 7. Xỉ kiên phát hắc, bất tri bạch.

齒 堅 髮 黑 不 知 白

Răng tóc sẽ tốt lại (răng chắc tóc đen, không bạc đầu)

Câu 8. Tồn thử chân thần vật lạc lạc.

存 此 真 神 勿 落 落

Hãy giữ vẹn Chân thần, đừng biếng nhác.

Câu 9. Đương ức thư cung hữu tọa tịch.

當 憶 此 宮 有 座 席

Bản Tử Hà: Đương ức Tử cung hữu tọa tịch.

當 憶 紫 宮 有 座 席

Ta có thể so sánh câu này với câu:

Nê Hoàn cửu chân giai hữu phòng

泥 丸 九 真 皆 有 房 (chương 7)

Đương ức 當 憶: nên nhớ.

Tử cung 紫 宮, Thử cung 此 宮: Cung tía, cung này. Nê Hoàn cung. Cung chính giữa trời ở nơi Bắc cực được gọi là Tử vi cung 紫 微 宮. Màu Tía đối với Trung Hoa như vậy không thua gì màu vàng. Ta thấy có Trương Bá Đoan 張 伯 端 có đạo hiệu: Tử Dương chân nhân 紫 陽 真 人.

Câu 10. Chúng thần hội hợp, chuyển tương sách.

眾 神 合 會 轉 相 索

Vận khí là phương pháp điều thần, phương pháp tập thần, tụ thần, đem chư thần hội hợp về Nê Hoàn.

D. BÌNH GIẢNG

Ngoại Cảnh đề cập chương này như sau:

Phế chi vi khí tam tiêu khởi,

肺 之 為 氣 三 焦 起

Phục ư Thiên môn, hầu cố đạo,

伏 於 天 門 候 故 道

… (tiếp theo là 3 câu)

Điều hòa tinh hoa nhuận phát xỉ.

調 和 精 華 潤 髮 齒

Nhan sắc nhuận trạch, bất phục dược.

顏 色 潤 澤 不 服 藥

Chư thần giai hội tương cầu sách.

諸 神 皆 會 相 求 索 (chương 21)

Chương này có thể hiểu được một cách minh bạch, mạch lạc, nếu ta chấp nhận rằng:

1. Hai lá phổi muốn hoạt động phải được sự điều khiển âm thầm của não bộ (câu 1). Y học ngày nay đã xác định, nếu ta lấy một vật nhọn chọc đúng vào khoảng «cây sống» (arbre de vie) nơi hành tủy (bulbe) khoảng dưới huyệt Phong phủ, nơi hõm sau ót, thì sẽ chết lập tức vì tắt thở.

2. Và như vậy phế có liên quan mật thiết đến Nê Hoàn cung (u khuyết) và tâm thần (hầu đồng tử) (câu 2).

3. Nhờ phế khí, ta sẽ chuyển được chân khí, (mà Huỳnh Đình cũng gọi là (Càn khí). Đó là phương pháp vận khí điều tức mà người xưa gọi bóng bảy là hàng long 降 龍 (Long: Can khí) phục hổ 伏 虎 (phế khí).[1] Có vận khí, điều tức mới khai thông được Nhâm Đốc, mới thu hồi được Tâm Thận nhị khí, người xưa gọi thế là Thủy Hỏa Ký Tế 水 火 既 濟.[2] Rồi mới tụ hội được ngũ khí về tàng dưỡng nơi linh căn Huỳnh đình Trung thổ.

4. Phế khí lưu chuyển trong huyết mạch châu thân. Chân khí lưu chuyển trong thần kinh, trong tủy sống, và trong các xoang não. Nhờ sự vận chuyển điều hòa của hai thứ khí đó mà ngũ tạng sẽ được điều hòa, răng bền, tóc đẹp (câu 3).

5. Nếu ta biết nhờ phép hô hấp mà vận chuyển được chân khí qua tủy sống về tích tụ tại Nê Hoàn, mỗi ngày 36 lần, ta sẽ khai thông được bách mạch, sẽ tăng bổ huyết dịch, sẽ làm cho răng bền tóc đẹp (câu 2, 3, 4, 5, 6, 7). Những kết quả tốt đẹp trên chắc chắn là chỉ mỗi sự hô hấp của hai lá phổi không sao đem lại được.

6. Lối giải thích trên còn cho ta thấy được liên lạc giữa hồn phách. Ta tóm tắt lại:

– Phế khí 肺 氣 (Khí hô hấp thông thường qua phổi)

– Can khí 肝 氣 (Chân khí 真 氣)

– Phế tàng phách 肺 藏 魄

– Can tàng hồn 肝 藏 魂

Ta sẽ thấy:

– Phách 魄 là khí trọng trọc thuộc Âm, có liên lạc mật thiết với tạng phủ, huyết mạch.

– Hồn 魂 là khí khinh thanh thuộc Dương, có liên lạc mật thiết với thần kinh, với tủy sống, và các xoang não, óc não.

– Phách coi phần biểu 表, phần ngoài.

– Hồn coi phần lý 裏, phần bên trong.

– Còn Thần 神 là Khí siêu vi, hư cực tĩnh đốc, là căn cơ, làm khu nữu cho tính mệnh con người.

– Thần là Thái Cực, Hồn phách là hai phần Âm Dương.

Tung Ẩn Tử viết: «Phách là phế khí, phách là thủ lãnh âm thần trong con người. Hồn là thủ lãnh dương thần trong con người. Phách là khí, chủ nhất thân hữu hình chi tri giác. Hồn là khí, chủ nhất thân vô hình chi tri giác. Cho nên bảy thứ tri giác thuộc Âm đều do phách. Ba thứ tri giác thuộc dương đều do hồn.» [3]

Nói theo y học hiện đại thì: Phách chủ về cảm giác (sensations); Hồn chủ về tri giác (perceptions).

Phế khí là vì Âm khí nên dầu lưu chuyển cũng không khai thông được bách mạch. Chỉ có chân khí, nếu biết cách vận chuyển mới khai thông Bách mạch. Chính vì thế mà Tử Dương nói: «Bách mạch đóng chứ không mở. Chỉ có các bậc thần tiên mới dùng Dương khí (Chân khí) khai thông được. Cho nên có thể đắc Đạo. Từ đó, nhan sắc mới sinh quang hoa, mới ngời lên như ánh vàng ngọc». (Bách mạch bế nhi bất khai, duy thần tiên dĩ dương khí xung thai. Cố năng đắc đạo. Tự thử nhan sắc sinh quang, nhi đắc kim ngọc chi trạch dã 百 脈 閉 而 不 開 惟 神 仙 以 陽氣 沖 開. 故 能 得 道. 自 此 顏 色 生 光, 而 得 金 玉 之 澤 也.) [4]

Tổng kết lại, hô hấp chính là một phương pháp để vận khí, điều tức thu nhiếp thần khí lại cho tất cả hội tụ lại nơi Nê Hoàn cung (câu 8, 9, 10).

Tử Hà giải hai chữ Tử cung 紫 宮 (mà bản Vụ Thành Tử viết là Thử cung 此 宮) là nơi Chư thần hội hợp (Xem Tử Hà, Huỳnh đình kinh giải tr. 61a). Chính vì thế mà tôi mới mạnh dạn dịch là Nê Hoàn.

Và như vậy câu 9 và 10 trở nên sáng tỏ:

Nê Hoàn cung có nhiều phòng thất, ngôi vị (Xem lại chương 7, câu 9). Đó chính là nơi chư thần tụ hội (câu 10).

Hô hấp, chuyển khí chính là phương tiện «sách thần» 索 神 (tìm thần), nhiếp thần, thu thần để đem về Nê Hoàn cung (chuyển tương sách轉 相 索).



[1] Tung Ẩn Tử, Huỳnh Đình kinh chú - Ngoại Cảnh ngọc kinh, quyển hạ, tr. 18a.

[2] Sách đã dẫn, tr. 18a.

[3] Tung Ẩn tử, Huỳnh Đình kinh, Ngoại Cảnh ngọc kinh, quyển Hạ, tr. 17a, 17b

[4] Huỳnh Đình kinh giải, Tử Hà chú, tr. 60b.

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 35

ẨN TÀNG

隱 藏

A. KINH VĂN

1. Ẩn tàng vũ cái khan thiên xá,

隱 藏 羽 蓋 看 天 舍

2. Triều bái Thái dương lạc tương hô,

朝 拜 太 陽 樂 相 呼

3. Thần minh bát uy, chính tịch tà,

神 明 八 威 正 辟 邪

4. Tỳ thần hoàn qui thị vị gia.

脾 神 還 歸 是 胃 家

5. Đam dưỡng linh căn bất phục khô,

耽 養 靈 根 不 復 枯

6. Bế tắc mệnh môn, bảo ngọc đô.

閉 塞 命 門 保 玉 都

7. Vạn thần phương tạc, thọ hữu dư,

萬 神 方 胙 壽 有 餘

8. Thị vị tỳ kiến tại trung cung,

是 謂 脾 建 在 中 宮

9. Ngũ tạng, lục phủ thần minh chủ,

五 藏 六 府 神 明 主

10. Thượng hợp thiên môn, nhập minh đường.

上 合 天 門 入 明 堂

11. Thủ thư, tồn hùng đỉnh tam quang,

守 雌 存 雄 頂 三 光

12. Nội phương, ngoại viên, thần tại trung,

內 方 外 圓 神 在 中

13. Thông lợi huyết mạch, ngũ tạng phong,

通 利 血 脈 五 藏 豐

14. Cốt thanh cân xích tủy như sương,

骨 青 筋 赤 髓 如 霜

15. Tỳ cứu thất khiếu khứ bất tường.

脾 救 七 竅 去 不 祥

16. Nhật nguyệt liệt bố, thiết âm dương,

日 月 列 布 設 陰 陽

17. Lưỡng thần tương hội hóa ngọc anh,

兩 神 相 會 化 玉 英

18. Đạm nhiên vô vị thiên nhân lương,

淡 然 無 味 天 人 糧

19. Tử Đan tiến soạn, hào chính hoàng,

子 丹 進 饌 肴 正 黃

20. Nãi viết lang cao, cập ngọc sương,

乃 曰 琅 膏 及 玉 霜

21. Thái thượng ẩn hoàn bát tố quỳnh,

太 上 隱 環 八 素 瓊

22. Khái ích bát dịch, thận thụ tinh,

溉 益 八 液 腎 受 精

23. Phục ư thái âm kiến ngã hình,

伏 於 太 陰 見 我 形

24. Dương phong tam huyền xuất Thủy thanh,

揚 風 三 玄 出 始 青

25. Hoảng hốt chi gian chí thanh linh,

恍 惚 之 間 至 清 靈

26. Tọa ư tiên đài, kiến Xích Sinh,

坐 於 飆 臺 見 赤 生

27. Dật vực hi chân, dưỡng hoa vinh,

逸 域 熙 真 養 華 榮

28. Nội phán trầm mặc luyện ngũ hình,

內 盼 沉 默 鍊 五 形

29. Tam khí bồi hồi đắc thần minh,

三 氣 徘 徊 得 神 明

30. Ẩn long độn chi vân lang anh.

隱 龍 遁 芝 雲 琅 英

31. Khả dĩ sung cơ, sử vạn linh,

可 以 充 飢 使 萬 靈

32. Thượng cái huyền huyền hạ hổ chương.

上 蓋 玄 玄 下 虎 章

B. LƯỢC DỊCH

Ẩn thân, tàng ý, kiến Thiên tâm,

Cùng Thái dương thần, hợp nhất chân.

Thần soi tám cõi trừ tà tịch,

Tì thần nay đã hoàn qui tâm,

Nuôi dưỡng linh căn, cho nhuần thấm,

Bế tỏa mệnh môn, bảo Thiên chân,

Thọ kỷ gia tăng, nhờ chúng thần,

Tì tại Trung cung toàn Thổ đức,

Ngũ tạng, lục phủ đều nhờ ân,

Trên hợp Thiên môn, nhập Minh Đường,

Thư hùng hòa hợp đỉnh phát quang,

Ngoài vuông, trong tròn, Thần ở trong,

Thông điều huyết mạch, ngũ tạng tốt,

Xương cốt tốt tươi, tủy như sương,

Tì nuôi thất khiếu, cửu bất tường,

Nhật nguyệt hai vầng bày Âm Dương,

Lưỡng thần hòa hợp sinh ngọc anh,

Lương của trời người, không mùi vị,
Tử Đan bày tiệc, màu sắc vàng,
Nên gọi lang cao hay ngọc sương,
Bát tố quỳnh dịch Thái Thượng ban,
Uống vào nuôi huyết, tăng thận tinh,
Thu thần, nhìn thấy chân tướng hình,
Cưỡi gió, phiêu diêu lên Ngọc Thanh,
Linh lung phút chốc tới Thanh Linh,
Ngồi trên tiên đài với Xích Sinh,
Điều thần dưỡng khí nuôi hoa vinh.
Nhắm mắt an nhiên luyện ngũ hình.
Tam khí bồi hồi đắc thần minh,
Thần đơn sẵn có, linh chi sẵn,
Có thể no lòng, khiến vạn linh,
Lọng mây che trên, dưới hổ chương…

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Ẩn tàng vũ cái khan thiên xá.

隱 藏 羽 蓋 看 天 舍

Ngoại Cảnh đổi là:

– Ẩn tàng hoa cái, thông thần lô.
隱 藏 華 蓋 通 神 爐 (bản Tử Hà)
– Ẩn tàng hoa cái, quan thông lô.
隱 藏 華 蓋 觀 通 爐 (bản Vụ Thành Tử)
– Ẩn tàng hoa cái, thông thần lô.
隱 藏 華 蓋 通 神 爐 (bản Lương Khưu Tử)
– Ẩn tàng hoa cái, thông lục hợp.
隱 藏 華 蓋 通 六 合 (bản Tung Ẩn Tử)

Vũ cái 羽 蓋: Lọng bằng lông.

Tử Hà giải đại ý câu này: Tàng ý, ẩn thân để thấy Thiên Tâm.

Câu 2. Triều bái Thái Dương lạc tương hô.

朝 拜 太 陽 樂 相 呼

Ngoại Cảnh đổi là:

– Chuyên thủ tâm thần, chuyển tương hô.
專 守 心 神 轉 相 呼 (bản Tử Hà)
- Chuyên thủ chư thần chuyển tương hô.

專 守 心 神 轉 相 呼 (bản Tung Ẩn Tử)

– Chuyên thủ tâm thần chuyển tương hô.

專 守 心 神 轉 相 呼 (bản Lương Khưu Tử)

Vụ Thành Tử giải: Thần hồn cùng với chúng tiên hội hợp. Tỳ là Thái âm, hợp với Dương tức là Âm Dương hợp nhất, Thần khí hợp nhất.

Câu 3. Thần minh bát uy, chính tịch tà.

神 明 八 威 正 辟 邪

Ngoại Cảnh đổi là:

– Quan ngã Thần minh, tịch chư tà.

觀 我 神 明 辟 諸 邪 (bản Tử Hà)

– Quan ngã chư thần tịch chư tà.

觀 我 諸 神 辟 諸 邪 (bản Tung Ẩn Tử)

– Quan ngã chư thần tịch trừ tà.

觀 我 諸 神 辟 除 邪 (bản Lương Khưu Tử)

Khi thần minh trong người đã hiện ra sẽ trừ sạch tà tịch, sẽ biểu dương uy nghi khắp tám hướng.

Câu 4. Tỳ thần hoàn qui thị vị gia.

脾 神 還 歸 是 胃 家

Ngoại Cảnh đổi thành: Tỳ thần hoàn qui y đại gia.

脾 神 還 歸 依 大 家 (bản Tử Hà)

Lương Khưu Tử giải: Xích Tử hoàn nhập Huỳnh Đình trung. 赤 子 還 入 黃 庭 中. Thế nghĩa là Chân Thần trở về được ngôi vị. Ngôi vị ấy là ở Trung cung, Trung điểm, Nê Hoàn cung, Tổ khiếu.

Vị gia 胃 家: Tỳ và vị đều ở Trung cung. Nhà của vị cũng là nhà của Tỳ.

Câu 5. Đam dưỡng linh căn bất phục khô.

耽 養 靈 根 不 復 枯

Ngoại Cảnh đổi là: Tàng dưỡng linh căn bất phục khô. 藏 養 靈 根 不 復 枯 (Bản Tử Hà)

Thần mà qui hoàn được về Trung Cung, thì Linh căn sẽ được bồi dưỡng cho được luôn tươi tốt.

Câu 6. Bế tắc mệnh môn, bảo ngọc đô.

閉 塞 命 門 保 玉 都

Ngoại Cảnh đổi:

– Bế tắc mệnh môn tự ngọc đô 閉 塞 命 門 自 玉 都.

(bản Lương Khưu Tử , bản Tung Ẩn Tử)

– Bế tắc mệnh môn như ngọc đô 閉 塞 命 門 如 玉 都.

(bản Vụ Thành Tử, bản Tử Hà)

Vụ Thành Tử giải: Đóng khóa ngũ quan để biết Thiên đạo, Ngọc đô là nơi thần ngự, tức là Trung cung, Huỳnh Đình.

Câu 7. Vạn thần phương tạo, thọ hữu dư.

萬 神 方 胙 壽 有 餘

Ngoại Cảnh đổi là:

– Thọ truyền vạn tuế, niên hữu dư.

壽 傳 萬 歲 年 有 餘 (bản Vụ Thành Tử)

– Thọ truyền vạn tuế, tương hữu dư.

壽 傳 萬 歲 將 有 餘 (bản Lương Khưu Tử)

– Thọ ức vạn tuế tương hữu dư.

壽 億 萬 歲 將 有 餘 (bản Tung Ẩn Tử)

Câu 8. Thị vị tỳ kiến tại trung cung.

是 謂 脾 建 在 中 宮

Ngoại Cảnh đổi là:

– Tỳ trung chi thần du trung cung. 脾 中 之 神 遊 中 宮

(bản Tung Ẩn Tử, bản Lương Khưu Tử)

– Tỳ trung chi thần chủ trung ương.

脾 中 之 神 主 中 央 (bản Tử Hà)

– Tỳ trung chi thần chủ trung cung.

脾 中 之 神 主 中 宮 (bản Vụ Thành Tử)

Theo Kinh Dịch, Tỳ tượng trưng cho Trung Cung, Trung Ương, Chân thổ, Mậu kỷ cung, v.v.

Câu 9. Ngũ tạng lục phủ thần minh chủ.

五 藏 六 府 神 明 主

Bản Tử Hà: Ngũ tạng lục phủ thần minh vương.

五 藏 六 府 神 明 王

Ngoại Cảnh đổi:

– Triều hội ngũ thần hòa tam quang.

朝 會 五 神 和 三 光 (bản Tử Hà, bản Lương Khưu Tử)

– Triều lý ngũ thần hợp tam quang.

朝 理 五 神 合 三 光 (bản Tung Ẩn Tử)

– Triều hội ngũ tạng liệt tam quang.

朝 會 五 臧 列 三 光 (bản Vụ Thành Tử)

Ý câu này như vậy đã rõ: Tỳ thần vì ở ngôi vị trung ương, nên thống trị chư thần, hòa hợp tam quang.

Câu 10. Thượng hợp Thiên môn, nhập Minh đường.

上 合 天 門 入 明 堂

Ngoại Cảnh đổi là:

– Thượng hợp Thiên môn, hội Minh đường.

上 合 天 門 會 明 堂 (bản Tử Hà)

– Thượng hợp Thiên khí cập Minh đường.

上 合 天 氣 及 明 堂 (bản Lương Khưu Tử)

– Thượng hợp Thiên Môn, hợp Minh Đường.

上 合 天 門 合 明 堂 (bản Vụ Thành Tử)

– Thượng hợp Thiên khí, hợp Minh Đường.

上 合 天 氣 合 明 堂 (bản Tung Ẩn Tử)

Ý câu này đã rõ: Tỳ có liên lạc mật thiết với Nê Hoàn cung. Tỳ phải hiểu là Thần của Nê Hoàn.

Câu 11. Thủ thư, tồn hùng, đỉnh tam quang.

守 雌 存 雄 頂 三 光

Câu này Ngoại Cảnh không nhắc đến. Đại ý câu này vẫn là Qui căn. Hòa hợp Âm Dương, Thần Khí để thành Thái cực, Thai tiên. Ngộ Chân thiên 悟 真 篇 viết: Hùng lý, hoài thư, kết thánh thai. 雄 裏 懷 雌 結 聖 胎.

Bản Tử Hà có câu: Tam quang hoán chiếu nhập tử thất 三 光 煥 照 入 子 室.

Câu 12. Ngoại phương, Nội viên, thần tại trung.

內 方 外 圓 神 在 中

Bản Tử Hà: Ngoại phương, nội viên, thần tại trung.

外 方 內 圓 神 在 中

Câu này nói về Huỳnh Đình, Trung cung, Minh đường.

Câu 13. Thông lợi huyết mạch, ngũ tạng phong.

通 利 血 脈 五 藏 豐

Bản Tử Hà: Thông lý huyết mạch, ngũ tạng phong.

通 理 血 脈 五 藏 豐

Ngoại Cảnh đổi:

– Thông lợi huyết mạch, hãn vi tương.

通 利 血 脈 汗 為 漿 (bản Tử Hà).

– Thông lợi huyết mạch trấp vi tương.

通 利 血 脈 汁 為 漿 (bản Lương Khưu Tử)

– Thông hành huyết mạch hãn vi tương.

通 行 血 脈 汗 為 漿 (bản Tung Ẩn Tử)

Khi ngồi tĩnh tọa, điều lý huyết mạch, mồ hôi có thể ra như tắm. Cái đó theo Linh mục Âu Dương Kính Dư, không phải là một bệnh, mà là hiện tượng tự nhiên.[1]

Như vậy mới thấy sự mạch lạc của câu này.

– Thông hành huyết mạch 通 行 血 脈.

– Xuất hãn 出 汗 (xuất ra mồ hôi).

Câu của Nội Cảnh chỉ nói: dùng thần có thể làm cho huyết mạch lưu thông, ngũ tạng khang kiện.

Câu 14. Cốt thanh, cân xích, tủy như sương.

骨 青 筋 赤 髓 如 霜

Dùng thần điều hòa huyết mạch, có thể làm cho xương cốt mạnh mẽ, tinh tủy tốt tươi.

Câu 15. Tỳ cứu thất khiếu, khử bất tường.

脾 救 七 竅 去 不 祥

Ngoại Cảnh đổi:

– Tu hộ thất khiếu, khử bất tường.

脩 護 七 竅 去 不 祥

(bản Tử Hà, bản Vụ Thành Tử)

– Tuần hộ thất khiếu, khử bất tường.

循 護 七 竅 去 不 祥

(bản Tung Ẩn Tử, bản Lương Khưu Tử)

Ảnh hưởng của tì chu lưu lan tới thất khiếu và trừ khử mọi bệnh hoạn. Khi mà thần linh hoạt, chu lưu toàn thân, điều động được sinh lý, thời con người sẽ hoán chuyển.

Câu 16. Nhật nguyệt liệt bố, thiết Âm Dương.

日 月 列 布 設 陰 陽

Bản Tử Hà: Nhật nguyệt liệt bố trương Âm Dương.

日 月 列 布 張 陰 陽

Ngoại Cảnh đổi:

– Nhật nguyệt liệt tú, trương Âm Dương.

日 月 列 宿 張 陰 陽 (bản Tử Hà)

– Nhật nguyệt liệt bố trương Âm Dương.

日 月 列 布 張 陰 陽

(bản Vụ Thành Tử, bản Lương Khưu Tử)

Huỳnh Đình, Trung cung là nơi Âm Dương tụ hội.

Câu 17. Lưỡng thần tương hội hóa ngọc anh.

兩 神 相 會 化 玉 英

Bản Tử Hà: Lưỡng thần tương hội hóa ngọc tương.

兩 神 相 會 化 玉 漿

Ngoại Cảnh:

– Lưỡng thần tương đắc hạ ngọc anh.

兩 神 相 得 下 玉 英 (bản Tử Hà)

– Tam thần tương đắc hạ ngọc anh.

三 神 相 得 下 玉 英 (bản Tung Ẩn Tử)

– Nhị thần tương đắc hóa ngọc anh.

二 神 相 得 化 玉 英 (bản Vụ Thành Tử)

– Nhị thần tương đắc hạ ngọc anh.

二 神 相 得 下 玉 英 (bản Lương Khưu Tử)

Lưỡng thần 兩 神: Tâm, Thần, Âm Dương hợp nhất thành Thái cực.

Ngọc anh 玉 英: kim đơn, kim dịch, ngọc dịch; một thức ăn tiên thiên.

Câu 18. Đạm nhiên vô vị thiên nhân lương.

淡 然 無 味 天 人 糧

Bản Tử Hà: Đạm nhiên ngũ vị thiên nhân lương.

淡 然 五 味 天 人 糧

Lão Tử Đạo Đức kinh chương 35 cũng viết: Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị. 道 之 出 口 淡 乎 其 無 味.

(Đạo trời ra khỏi tấc lòng.

Nói ra ngoài miệng, nhạt không, nhạt phèo.)

Kim đan, Đạo, Thái cực hay Đạo chính là Thiên Nhân lương 天 人 糧, thứ lương thực có thể nuôi sống Trời Người.

Câu 19. Tử Đan tiến soạn hào chính hoàng.

子 丹 進 饌 肴 正 黃

Tử Đan 子 丹: là Thần Chân Nhất.

Tiến soạn 進 饌: Dâng của ăn.

Hào chính hoàng 肴 正 黃: thức ăn có màu vàng.

Màu vàng là màu Trung cung Thái Cực. Đắc Thái cực là đắc Kim đơn, đắc Nhất, đắc Thiên.

Câu 20. Nãi viết lang cao, cập ngọc sương.

乃 曰 琅 膏 及 玉 霜

Tử Hà giải Lang cao, ngọc sương là món ăn tiên.

Câu 21. Thái thượng, ẩn hoàn bát tố quỳnh.

太 上 隱 環 八 素 瓊

Thái Thượng 太 上: Tử Hà giải là danh hiệu tượng trưng cho «kim thai thần nhất» 金 胎 神 一.

Ẩn hoàn 隱 環: Vụ Thành Tử giải là cuống họng, khí quản (trùng lâu 重 樓); Ẩn hoàn 隱 環: vòng tròn ẩn áo.

Nê hoàn cung có hình tròn, ta có thể mệnh danh nó là Ẩn hoàn, vì tàng ẩn tận trong giữa óc. Nó chính là Thái thượng ẩn hoàn, vì kim dịch hoàn đơn đều chứa ở đó.

Bát tố quỳnh 八 素 瓊: quỳnh thất chứa bát tố (Tử Hà giải); quỳnh dịch chứa bát tố (Vụ Thành Tử giải).

Câu 22. Khái ích bát dịch thận thụ tinh.

溉 益 八 液 腎 受 精

Quán khái (rót tưới), tăng gia tinh dịch trong người, đều nhờ Ngọc anh, đều nhờ Lang cao, Ngọc

sương của Nê Hoàn.

Câu 23. Phục ư Thái âm kiến ngã hình. [2]

伏 於 太 陰 見 我 形

Thái âm là Tỳ, Tỳ là Trung cung. Trở về Trung cung sẽ thấy bản lai diện mục. Vụ Thành Tử giải Thái âm là Động phòng.

Tử Hà cũng nói rằng Tỳ ở đây là cái Tỳ, cái Thổ vô hình, vô định (tức là phải hiểu là Trung cung, Trung điểm, Nê Hoàn; Tử Hà nói nên phân biệt Tỳ trong kinh sách tu Tiên, với Tì trong kinh điển y học thông thường).

Câu 24. Dương phong tam huyền xuất Thủy thanh.

揚 風 三 玄 出 始 青

Tử Hà viết là Dương phong 陽 風 (gió dương).

Dương phong 揚 風: làm cho gió sinh ra.

Tam huyền 三 玄: Tử Hà giải là Tam đan điền.

Xuất Thủy Thanh 出 始 青: Tử Hà giải là cung trời Ngọc thanh, nơi đó khí bắt đầu hóa xanh.

Ý nói Chân khí lưu thông Tam đan lên tới Nê Hoàn, tức là cung Ngọc Thanh.

Câu 25. Hoảng hốt chi gian chí Thanh Linh.[3]

恍 惚 之 間 至 清 靈

Tử Hà giải là Chí ư Nê Hoàn cung Thanh Linh chi cảnh. Giải như vậy mới mạch lạc với chương này.

Câu 26. Tọa ư Tiên đài dữ Xích Sinh. [4]

坐 於 飆 臺 與 赤 生

Bản Tử Hà: Hí ư Tiên đài kiến Xích Sinh.

戲 於 飆 臺 見 赤 生

Tiên đài 飆 臺: đài ở trong cung Huyền Đan trong đầu (Tử Hà giải).

Xích Sinh 赤 生: (1) Nam Cực Trường Sinh đại đế 南 極 長 生 大 帝 hay là Bản Tính Viên Minh 本 性 圓 明 (Tử Hà giải); (2) Xích Tử Chân Nhân 赤 子 真 人 tức là Thần Chân Nhất 真 一 神 (Vụ Thành Tử giải).

Câu 27. Dật vực hi chân dưỡng hoa vinh.[5]

逸 域 熙 真 養 華 榮

Bản Tử Hà: Dật vực hi hi dưỡng hoa vinh.

逸 域 熙 熙 養 華 榮

Dật vực 逸 域: Tử Hà giải là Dật trạch ở trong Huyền đan cung trong đầu. Dật vực (hay Huyền đan, Nê Hoàn) là nơi điều thần, dưỡng khí. Thần khí chính là Hoa vinh trong con người.

Câu 28. Nội phán trầm mặc luyện ngũ hình.

內 盼 沉 默 鍊 五 形

Thanh tĩnh, hư vô, nội quan quán chiếu để luyện hình thần.

Câu 29. Tam khí bồi hồi đắc thần minh.

三 氣 徘 徊 得 神 明

Bồi hồi 徘 徊: có sự sảng khoái, “hàm vịnh, ưu du”(Tử Hà giải).

Đắc Thần minh 得 神 明: về được Trung cung sẽ thành thần minh.

Câu 30. Ẩn long, độn chi, vân lang anh.

隱 龍 遁 芝 雲 琅 英

Ẩn long 隱 龍: Rồng còn tiềm ẩn.

Độn chi 遁 芝: Cỏ linh chi tiềm ẩn.

Vân lang anh 雲 琅 英: Thần đan.

Thần qui trung cung tức là tìm ra được con rồng tiềm ẩn trong mình, tìm ra được cỏ linh chi tiềm ẩn trong lòng mình, tìm ra được thần đan, kim đan.

Câu 31. Khả dĩ sung cơ, sử vạn linh.

可 以 充 飢 使 萬 靈

Có thể no lòng, có thể sai sử được vạn linh.

Câu 32. Thượng cái huyền huyền, hạ hổ chương.

上 蓋 玄 玄 下 虎 章

Tử Hà giải: Đầu đội Bắc thiên, chân đạp Kim quang. 頭 頂 北 天, 足 履 金 光.

D. BÌNH GIẢNG

Bàn về Tỳ, tức là bàn về Huỳnh Đình, Trung Cung, Chân Thổ. Chương 35 này nói lên hai ý quan trọng:

(1) Thần có hồi tâm, qui tâm mới trở nên linh, mới mong thọ trường.

(2) Muốn thần hồi tâm, trước hết phải tìm cho ra được Thiên tâm, mà thiên tâm chỉ tìm được trong định tĩnh (câu 1).

Thiên tâm chính là nê Hoàn cung là nơi Âm Dương, Thần Khí giao thái (câu 2). Thần có qui trung, mới trở nên uy nghi, chấn bát phương, khử bách tà (câu 3). Thần qui Trung là qui gia (câu 4), và như vậy Linh căn mới được nảy nở (câu 5). Thần trở về Trung cung như một vị Vương trở lại đế đô (câu 6); chư thần sẽ theo về và con người sẽ được trường thọ (câu 7).

Vậy muốn tu trì, cần phải tìm cho ra Tỳ Thần, tức là Thần Huỳnh Đình, ngự trị nơi Trung Cung, Trung điểm (câu 8). Tỳ thần ở đúng Trung cung, sẽ thông thiên môn, nhập minh đường (câu 10); sẽ làm chủ lục phủ ngũ tạng (câu 9); sẽ làm cho huyết mạch lưu thông, gân cốt kiên cường (câu 12, 13, 14); sẽ trừ khử được mọi điều bất tường (câu 15).

Thần khí đã hòa hài, thành Kim đơn Thái cực (câu 16) thì sẽ trở thành một thứ lương thực siêu nhiên, một thứ Ngọc anh, đạm nhiên vô vị (câu 17, 18) nhưng chính đó là lương mễ của Trời Người (câu 19) chính là bữa ăn thịnh soạn do chính Thượng Thần Chân Nhất bày biện, nó mang màu vàng, vì màu vàng là màu sắc của Trung Cung Thái cực, nó chính là lang cao, ngọc sương (cau 19, 20), chính là quỳnh tương ngọc dịch, sẽ quán khái châu thân, làm cho cơ thể được vinh xương, khang kiện (câu 21, 22).

Có trở về được Trung Cung Thái cực mới nhìn ra được bản lai diện mục, mới thấy được bộ mặt lý tưởng của mình (câu 23). Vào được Nê Hoàn chính là lên được cung trời Ngọc Thanh, bè bạn cùng Thần Xích Sinh, Chân Nhất (câu 24, 25, 26), sẽ dưỡng được tâm thần (câu 27), sẽ nuôi được thể xác (câu 28),

sẽ đắc thần minh, sẽ thành thần minh (câu 29). Thế là đánh thức được con rồng ẩn ấp trong người, ăn được Linh Chi sẵn có trong người, luyện thành thần đơn (câu 30). Lúc ấy hết còn đói khát, có thể sai sử được vạn linh (câu 31), trên thời như có lọng trời che phủ, dưới chân thì như có tam quang đỡ đần (câu 32).

Thế chính là Đắc Chân , đắc Nhất, đắc Đạo.



[1] Phỏng đạo ngữ lục, tr. 211.

[2] Phục ư Thái âm, tàng kỳ chân, … Hô hấp Hư vô kiến ngô hình. 伏 於 太 陰, 藏 其 真, ... 呼 吸 虛 無 見 吾 形 (Ngoại Cảnh, chương 23).

[3] Tọa ư lô gian quan tiểu đồng 坐 於 廬 間 觀 小 童 (Ngoại Cảnh, ch. 23).

[4] Hoảng hốt bất kiến quá thanh linh 恍 惚 不 見 過 清 靈 (Ngoại Cảnh, ch. 23).

[5] Điềm đạm vô dục dưỡng hoa căn 恬 淡 無欲 養 華 根 (Ngoại Cảnh, ch. 23).

» mục lục

PHẦN II - BÌNH DỊCH

上 清 黃 庭 內 景 經

CHƯƠNG 1 - THƯỢNG THANH
CHƯƠNG 2 - THƯỢNG HỮU
CHƯƠNG 3 - KHẨU VI
CHƯƠNG 4 - HUỲNH ĐÌNH
CHƯƠNG 5 - TRUNG TRÌ
CHƯƠNG 6 - THIÊN TRUNG
CHƯƠNG 7 - CHÍ ĐẠO
CHƯƠNG 8 - TÂM THẦN
CHƯƠNG 9 - PHẾ BỘ
CHƯƠNG 10 - TÂM BỘ
CHƯƠNG 11 - CAN BỘ
CHƯƠNG 12 - THẬN BỘ
CHƯƠNG 13 - TỲ BỘ
CHƯƠNG 14 - ĐẢM BỘ
CHƯƠNG 15 - TỲ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16 - THƯỢNG ĐỔ
CHƯƠNG 17 - LINH ĐÀI
CHƯƠNG 18 - TAM QUAN
CHƯƠNG 19 - NHƯỢC ĐẮC
CHƯƠNG 20 - HÔ HẤP
CHƯƠNG 21 - QUỲNH THẤT
CHƯƠNG 22 - THƯỜNG NIỆM
CHƯƠNG 23 - TRỊ SINH
CHƯƠNG 24 - ẨN ẢNH
CHƯƠNG 25 - NGŨ HÀNH
CHƯƠNG 26 - CAO BÔN
CHƯƠNG 27 - HUYỀN NGUYÊN
CHƯƠNG 28 - TIÊN NHÂN
CHƯƠNG 29 - TỬ THANH
CHƯƠNG 30 - BÁCH CỐC
CHƯƠNG 31 - TÂM ĐIỂN
CHƯƠNG 32 - KINH LỊCH
CHƯƠNG 33 - CAN KHÍ
CHƯƠNG 34 - PHẾ CHI
CHƯƠNG 35 - ẨN TÀNG
CHƯƠNG 36 - MỘC DỤC

CHƯƠNG 36
MỘC DỤC
沐 浴

A. KINH VĂN

1. Mộc dục thịnh khiết khí phì huân,

沐 浴 盛 潔 棄 肥 薰

2. Nhập thất đông hướng tụng Ngọc thiên.

入 室 東 向 誦 玉 篇

3. Ước đắc vạn biến, nghĩa tự tiên.

約 得 萬 徧 義 自 鮮

4. Tán phát vô dục dĩ trường tồn,

散 髮 無 欲 以 長 存

5. Ngũ vị giai chí, chính khí hoàn,

五 味 皆 至 正 氣 還

6. Di tâm, tịch muộn, vật phiền oan,

夷 心 寂 悶 勿 煩 冤

7. Quá số dĩ tất, thể thần tinh,

過 數 已 畢 體 神 精

8. Hoàng Hoa, Ngọc Nữ cáo tử tình,

黃 華 玉 女 告 子 情

9. Chân nhân ký chí sử Lục Đinh,

真 人 既 至 使 六 丁

10. Tức thụ ẩn chi Đại Động kinh,

即 受 隱 芝 大 洞 經

11. Thập độc tứ bái triều Thái Thượng,

十 讀 四 拜 朝 太 上

12. Tiên yết Thái đế, hậu Bắc hướng,

先 謁 太 帝 後 北 向

13. Huỳnh Đình Nội kinh, Ngọc thư sướng,

黃 庭 內 經 玉 書 暢

14. Thụ giả viết sư, thụ giả minh,

授 者 曰 師 受 者 盟

15. Vân cẩm phụng la, kim nữu triền,

雲 錦 鳳 羅 金 紐 纏

16. Dĩ đại cát phát cơ phụ tuyền,

以 大 割 髮 肌 膚 全

17. Huề thủ đăng san, sáp dịch đơn,

攜 手 登 山 歃 液 丹

18. Kim thư Ngọc cảnh nãi khả tuyên,

金 書 玉 景 乃 可 宣

19. Truyền đắc khả thụ cáo Tam quan,

傳 得 可 授 告 三 官

20. Vật lệnh thất tổ thụ minh hoạn,

勿 令 七 祖 受 冥 患

21. Thái Thượng vi ngôn trí thần tiên,

太 上 微 言 致 神 仙

22. Bất tử chi đạo thử chân văn.

不 死 之 道 此 真 文

B. LƯỢC DỊCH

Tẩy rửa cho tiêu hết mùi phàm,

Vào nhà, Đông hướng, đọc Ngọc thiên.

Đọc khoảng vạn lần, nghĩa sáng lên,

Xõa tóc, hư tâm, sẽ trường tồn,

Ngũ vị hòa hài, chính khí hoàn,

Tịch mặc, thanh tĩnh, tâm xoang an,

Tu luyện thành thục, tinh thần toàn,

Thông tình, hợp tính, thành hoàn đơn,

Chân Nhân đã tới sai Lục đinh,

Thụ lĩnh ẩn chi, Đại động kinh,

Mười đọc, bốn lạy, triều Thái Thượng,

Trước yết Thượng đế, sau Bắc hướng,

Hiểu được Huỳnh đình, tâm thần sướng,

Thày trò truyền kinh, lập thệ minh,

Vân cẩm, phụng la với cúc vàng,

Thay cho xuống tóc, cơ phu toàn,

Dắt nhau lên núi, lập thệ đoan,

Kim thư ngọc cảnh sau đó truyền,

Cáo cùng Thiên, Địa, Thủy, tam ban,

Sao cho Thất Tổ khỏi lâm nàn,

Lời của Thái Thượng rất thần tiên,

Đó chính bản văn sinh bất tử…

C. CHÚ THÍCH

Câu 1. Mộc dục thạnh khiết khí phì huân.

沐 浴 盛 潔 棄 肥 薰

Bản Tử Hà: Mộc dục thạnh khiết, khí phì tiên.

沐 浴 盛 潔 棄 肥 鮮

Mộc dục 沐 浴: Tắm rửa, tẩy rửa.

Thạnh khiết 盛 潔: Tịnh khiết.

Khí phì huân 棄 肥 薰: Bỏ các thức ăn béo (thịt, cá), các đồ ăn có mùi thơm, hăng (như hành tỏi, v.v.)

Câu 2. Nhập thất Đông hướng, tụng Ngọc thiên.

入 室 東 向 誦 玉 篇

Đại đế ở phía đông.

Ngọc Thiên 玉 篇: Huỳnh Đình kinh.

Câu 3. Ước đắc vạn biến, nghĩa tự tiên.

約 得 萬 偏 義 自 鮮

Bản Tử Hà: Ước đắc vạn biến, nghĩa tự tuyên.

約 得 萬 偏 義 自 宣

Đọc khoảng vạn lần, nghĩa lý sẽ sáng tỏ.

Câu 4. Tán phát vô dục dĩ trường tồn.

散 髮 無 欲 以 長 存

Tán phát 散 髮: Xõa tóc. Vô dục 無 欲: Hư tâm.

Thanh tĩnh vô vi là chìa khóa mở cửa trường sinh.

Ngoại Cảnh chương 20 có câu:

Thanh tĩnh vô vi thần lưu chỉ. 清 靜 無 為 神 留 止.

Chương 23 có câu:

Điềm đạm vô vi thần lưu chỉ. 恬 淡 無 為 神 留 止.

Câu 5. Ngũ vị giai chí, Chính khí hoàn.

五 味 皆 至 正 氣 還

Giống như nói: Tam hoa qui đỉnh, ngũ khí triều nguyên. 三 華 歸 頂 五 氣 朝 元.

Câu 6. Di tâm tịch muộn, vật phiền oan.

夷 心 寂 悶 勿 煩 冤

Bản Tử Hà: Di tâm tịch bí, vật phiền oan.

夷 心 寂 閟 勿 煩 冤

Câu này lại nói lên ý: Tịch mạc thanh tĩnh.

Câu 7. Quá sổ dĩ tất, thể thần tinh.

過 數 已 畢 體 神 精

Bản Tử Hà: Quá sổ dĩ tất, thể tinh thần.

過 數 已 畢 體 精 神

Quá sổ dĩ tất 過 數 已 畢: Sau nhiều năm tu luyện Huỳnh Đình (ước chừng là 3 năm, nghĩa là sau khi đã tụng niệm Huỳnh Đình kinh 10.000 lần), công phu nội dưỡng sẽ thuần thục.

Thể thần tinh 體 神 精: Tử Hà cho rằng thân thể sẽ có tinh thần.

Câu 8. Hoàng hoa Ngọc Nữ cáo tử tình.

黃 華 玉 女 告 子 情

Hoàng hoa Ngọc Nữ 黃 華 玉 女 : Tử Hà giải là TÍNH (Bản tính)

Cáo tử tình 告 子 情: Tử Hà giải là thông tình, hợp tính.

Như vậy ta có thể hiểu câu này là: Tâm thần hợp nhất, Đạo tâm sinh, Hoàn đan thành, Chân Nhân hiện.

Câu 9. Chân nhân ký chi sử Lục đinh.

真 人 既 至 使 六 丁

Khi Chân Nhân đã hiện, sẽ sai sử được Lục Đinh âm thần. Tà ma sẽ hãi sợ.

Câu 10. Tức thụ ẩn chi, Đại Động kinh.

即 受 隱 芝 大 洞 經

Ẩn chi 隱 芝: Cỏ linh chi tiềm ẩn.

Đại Đỗng kinh 大 洞 經: Kinh Đại Động (Đỗng), hay Đại Đỗng chân kinh 大 洞 真 經, do đức Nguyên Thủy Thiên Tôn 元 始 天 尊 viết. Sách gồm có hai quyển Thượng, Hạ. Đại khái cũng dạy con người tìm về Thái cực, căn nguyên.

Như vậy Huỳnh Đình và Đại Động cũng đều dạy con người trở thành Chân Nhân.

Câu 11. Thập độc, tứ bái, triều Thái Thượng.

十 讀 四 拜 朝 太 上

Tâm thành, đọc mười lần, lạy 4 lạy, kính đức Thái Thượng.

Câu 12. Tiên yết Thái đế, hậu Bắc hướng.

先 謁 太 帝 後 北 向

Bản Tử Hà: Tiên yết Đại đế, hậu Bắc hướng.

先 謁 大 帝 後 北 向

Tử Hà cho rằng: Trước tiên xoay về phía Đông để triều yết Đại đế, sau mới ngồi xoay về hướng Bắc để trì tụng Huỳnh Đình.

Câu 13. Huỳnh đình Nội kinh, Ngọc thư sướng.

黃 庭 內 經 玉 書 暢

Tử Hà cho rằng Huỳnh Đình cũng như Đại Động đều dạy con người giữ vẹn Trung Cung, Trung điểm. Huỳnh Đình chính là Ngọc thư. Lời lời làm cho con người thông sướng.

Câu 14. Thụ giả viết sư, thụ giả minh.

授 者 曰 師 受 者 盟

Thụ giả 授 者: người truyền kinh, truyền sách, trao sách Huỳnh Đình. (Thụ 授: truyền cho)

Thụ giả minh 受 者 盟: người nhận sách Huỳnh Đình phải lập thệ. (Thụ 受: nhận lãnh; minh 盟: thề ước)

Câu 15. Vân cẩm phụng la, kim nữu triền.

雲 錦 鳳 羅 金 鈕 纏

Lễ thọ kinh có hẳn nghi thức. Người đệ tử phải nạp gấm, nạp lụa là, nạp vòng vàng để tỏ lòng thành tín. (Xem phần khảo luận bên trên).

Câu 16. Dĩ đại cát phát, cơ phu tuyền.

以 大 割 髮 肌 膚 全

Lễ vật trên sẽ thay cho lễ xuống tóc (của nhà Phật) và như vậy giữ trọn được cơ phu, cơ thể.

Câu 17. Huề thủ đăng sơn, sáp dịch đan.

攜 手 登 山 歃 液 丹

Huề thủ đăng sơn 攜 手 登 山: Dắt tay nhau lên núi.

Sáp dịch đan 歃 液 丹: Lấy máu thề nguyện.

Dịch đan 液 丹: Là thần danh để gọi máu huyết.

Thay vì nói Sáp huyết 歃 血 , nói sáp dịch đan.

Câu 18. Kim Thư, Ngọc Cảnh nãi khả tuyên.

金 書 玉 景 乃 可 宣

Sau khi đệ tử đã tuyên thệ:

– Không được vọng truyền cho kẻ «phỉ nhân» 匪 人 (người không xứng đáng, không có tư cách).

– Không được từ chối không truyền cho người có đức.

– Không được hủy hoại kinh.

– Không được biếng nhác, phải chuyên cần trì tụng.

– Không được tham lam, lợi dụng kinh làm điều phi nghĩa.

lúc ấy mới được truyền kinh.

Câu 19. Truyền đắc khả thụ cáo Tam quan.

傳 得 可 授 告 三 官

Bản Tử Hà: Vọng truyền sự phát cáo Tam quan.

妄 傳 事 發 告 三 官

Vụ Thành Tử cho rằng: khi truyền kinh, phải cáo cùng Tam quan. Tam quan: Trời, đất, nước (thiên địa thủy 天 地 水).

Tử Hà giải rằng: Nếu vọng truyền cho người bất xứng, mà công việc bị phát giác, thì phải tuyên cáo cùng Tam quan.

Câu 20. Vật lệnh Thất Tổ thụ minh hoạn.

勿 令 七 祖 受 冥 患

Đừng làm cho các bậc sư phụ, sư tổ bị vạ lây.

Câu 21. Thái Thượng vi ngôn trí thần tiên.

太 上 微 言 致 神 仙

Những lời của đức Thái Thượng tuy là vi ẩn nhưng thực sự giúp ta thành thần tiên.

Câu 22. Bất tử chi đạo thử chân văn.

不 死 之 道 此 真 文

Bản Tử Hà: Bất tử chi đạo, thử kỳ văn.

不 死 之 道 此 其 文

Đây là những lời văn chân chính hàm chứa phương pháp dạy con người trở nên bất tử.

D. BÌNH GIẢNG

Chương cuối này dạy con người phải nên sống tự nhiên, thanh khiết, thanh tịnh, vô vi (câu 1, 4).

Chủ trương này chính cũng là chủ trương: Trí hư cực, thủ tĩnh đốc của Đạo Đức Kinh (chương 16).

Câu: Tán phát vô dục, dĩ trường tồn (câu 4) nhấn mạnh: Tu hành khi đã tới mức độ cao siêu,[1] cần phải:

Hư tâm, thanh thản, tự nhiên.

Chủ trương này có thể nói được là chủ trương chính yếu của Huỳnh Đình kinh, Nội cảnh, cũng như Ngoại cảnh. Thực vậy có rất nhiều câu tương tự tản mác khắp nơi trong hai kinh. Xin đan cử ít nhiều ví dụ:

NỘI CẢNH:

– Cao củng vô vi hồn phách an.

高 拱 無 為 魂 魄 安 (chương 23)

– Thanh tĩnh, thần hiện dữ ngã ngôn.

清 靜 神 現 與 我 言 (chương 23)

– Cao nghiên điềm đạm đạo chi viên.

高 研 恬 淡 道 之 園 (chương 23)

– Đới chấp Tính Mệnh, thủ Hư Vô.

帶 執 性 命 守 虛 無 (chương 27)

– Lục thần tập hợp, hư trung yến.

六 神 集 合 虛 中 宴 (chương 27)

NGOẠI CẢNH:

– Điềm đạm vô dục cư đức viên.

恬 淡 無 欲 居 德 園 (chương 11)

– Phù dưỡng tính mệnh thủ Hư Vô,

夫 養 性 命 守 虛 無

– Điềm đạm vô vi hà tư lự.

恬 淡 虛 無 何 思 慮 (chương 12)

– Thanh tĩnh, vô vi, thần lưu chỉ.

清 靜 無 為 神 留 止 (chương 20)

– Điềm đạm vô dục dưỡng hoa căn.

恬 淡 無 欲 養 華 根 (chương 23)

Khi đã thanh tĩnh, cực hư, Thần sẽ qui căn, phản bản, trở về chính ngôi, chính vị tại Trung Cung Huỳnh Đình, đóng vai Thái cực, chủ trì vạn biến.

Thế tức là: «Ngũ vị giai chí, chính khí hoàn.» 五 味 皆 至 正 氣 還 (câu 5)

Tử Hà khi bình giải câu trên đã liên tưởng, đến Văn ngôn hào lục ngũ quẻ KHÔN 坤:

«Quân tử Hoàng trung thông lý,

君 子 黃 中 通 理

Chính vị cư thể,

正 位 居 體

Mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi,

美 在 其 中 而 暢 於 四 肢

Phát ư sự nghiệp,

發 於 事 業

Mỹ chi chí dã.»

美 之 至 也

Tạm dịch:

Hiền nhân thông lý Trung Hoàng,

Tìm nơi chính vị, mà an thân mình,

Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,

Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều,

Phát ra sự nghiệp cao siêu,

Thế là đẹp đẽ đến điều còn chi…

Trung Hoàng là Trung Cung, Huỳnh Đình, Thái Cực.

Chính vị là Thiên Vị 天 位. Khi mà Tinh Thần đã hoàn qui «đại gia» 大 家, thì tâm thần sẽ an định (câu 6), thân thể sẽ thư sướng (câu 7, 8), đơn sẽ thành (câu 8), Chân nhân sẽ hiện (9), và như vậy sẽ sai khiến được chư thần Lục đinh trong con người, âm tà sẽ khiếp phục sợ uy (câu 9).

Thế cũng như là đã ăn được Linh chi thảo (câu 10). Dầu Huỳnh Đình Kinh hay Đại Đỗng Kinh cũng chỉ đưa tới mục tiêu đó mà thôi (câu 10).

Đọc Huỳnh Đình muốn cho có kết quả, cần phải thành tâm, cần phải kính cẩn (câu 11, 12, 13).

Huỳnh Đình là một kỳ thư, gặp người hiền mới nên truyền thụ. Khi truyền thụ phải có lễ nghi trang trọng. Phải lập nguyện trước đất trời rằng mình sẽ kính cẩn, sẽ kiên trì, sẽ hăng hái trì tụng kinh nầy, sẽ hết sức áp dụng kinh nầy vào trong công phu tu luyện, cho thành chính quả Đại La Tiên 大 羅 仙 (các câu 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20).[2]

Huỳnh Đình lời lẽ tuy ẩn vi, nhưng chính là di thư của đức Thái Thượng cốt dạy con người phương pháp trở thành thần tiên (câu 21, 22).

Huỳnh Đình kết thúc bằng một câu: Bất tử chi đạo thị chân văn. 不 死 之 道 此 真 文 (Ấy là lời văn chân chính dạy người trở thành trường sinh bất tử.) Chúng ta phải khai thác kinh này ra sao để khỏi phụ lòng các bậc thần tiên tiền bối.



---

[1] Tự nhiên giả, tu đạo chi tối cao nguyên tắc dã 自 然 者 修 道 之 最 高 原 則 也.

[2] Xem phần khảo luận Chương 5 ở trên.

上 清 黃 庭 內 景 經

THƯỢNG THANH HUỲNH ĐÌNH NỘI CẢNH KINH

Tìm hiểu thuật tu Tiên của Trung Quốc

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục



SÁCH THAM KHẢO

SÁCH CHỮ HÁN [1]

A. CÁC LOẠI HUỲNH ĐÌNH

1. Thượng Thanh Huỳnh Đình Nội cảnh kinh 上 清 黃 庭 內 景 經, Vụ Thành Tử 務 成 子 chú.
2. Huỳnh Đình Nội cảnh kinh tường chú 黃 庭 內 景 經 詳 注, Tử Hà động 紫 霞 洞, Hàm Hư 涵 虛 (1916).
3. Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại cảnh kinh 太 上 黃 庭 外 景 經, Viên Kiều Sơn 圓 嶠 山, Tử Hà động 紫 霞 洞, Hàm Hư Tử 涵 虛 子 chú.
4. Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại cảnh kinh 太 上 黃 庭 外 景 經, Vụ Thành Tử 務 成 子 chú.
5. Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại cảnh kinh 太 上 黃 庭 外 景 經, Lương Khưu Tử 梁 邱 子 chú.
6. Thái Thượng Huỳnh Đình kinh chú 太 上 黃 庭 經 注 (Ngoại cảnh ngọc kinh 外 景 玉 經), Tung Ẩn Tử 嵩 隱 子, Thạch Hòa Dương 石 和 陽 thuật. (Thạch bản, 1973).
7. Huỳnh Đình độn giáp duyên thân kinh 黃 庭 遁 甲 緣 身 經.
8. Huỳnh Đình kinh giải 黃 庭 經 解, Lưu Nhất Minh 劉 一 明.
9. Huỳnh Đình kinh giảng nghĩa 黃 庭 經 講 義, Viên Đốn Tử 圓 頓 子.

B. CÁC LOẠI ĐƠN THƯ, ĐẠO THƯ

1. Cổ tiên đạo dẫn án ma pháp 古 仙 導 引 按 摩 法.
2. Đại Đỗng chân kinh 大 洞 真 經, Đại Hưng 大 興, Chu Khê Kính hiệu.
3. Đạo Đức Kinh 道 德 經, Lão Tử 老 子.
4. Đạo học từ điển 道 學 辭 典, Đới Nguyên Trường 戴 源 長.

5. Đạo Nguyên tinh vi ca 道 源 精 微 歌, Lưu Danh Thụy 劉 名 瑞, Chân Thiện Mỹ 真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1959.

6. Độ nhân kinh 度 人 經.

7. Hoàng đế Nội kinh 黃 帝 內 經.

8. Hoàng hạc phú chân bản chú giải 黃 鶴 賦 真 本 註 解, Lữ Động Tân Thuần Dương Tử 呂 洞 賓 純 陽 子 tác, Chân Thiện Mỹ 真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1964.

9. Kim Đan đại thành tập 金 丹 大 成 集, Tử Hư chân nhân Liễu Chân, Tiêu Đình Chi Nguyên Thụy.

10. Nam Hoa Kinh 南 華 經, Trang Tử 莊 子.

11. Huyền Diệu Cảnh 玄 妙 景, Tô Thành Mã Não kinh phòng tàng bản (1905).

12. Kim cương kinh giảng nghĩa 金 剛 經 講 義, Giang Vị Nông, Thụy Quang ấn cục, Đài Bắc, 1958.

13. Nhập Dược Kính 入 藥 鏡, Chí Nhất chân nhân Thôi Hi Phạm 至 一 真 人 崔 希 范.

14. Ngũ Chân nhân đan đạo cửu thiên 伍 真 人 丹 道 九 篇, Xung Hư Tử Ngũ Thủ Dương 沖 虛 子 伍 守 陽.

15. Ngộ chân thiên 悟 真 篇, Trương Tử Dương 張 紫 陽.

16. Phỏng đạo ngữ lục 訪 道 語 錄, Lý Lạc Cầu 李 樂 俅, Chân Thiên Mỹ 真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1960.

17. Sao Kiểu động chương 敲 蹻 洞 章, Sao Kiểu đạo nhân, Chân Thiên Mỹ 真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1956.

18. Tiên học từ điển 仙 學 辭 典, Đới Nguyên Trường 戴 源 長, Chân Thiện Mỹ 真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1956.

19. Thiên Tiên chính lý trực luận 天 仙 正 理 直 論, Xung Hư Tử Ngũ Thủ Dương 沖 虛 子 伍 守 陽.

20. Tiên học diệu tuyển, Lý Lạc Cầu, Chân Thiện Mỹ xb, Đài Bắc, 1967.

21. Tính Mệnh Khuê chỉ 性 命 圭 旨, Doãn chân nhân 尹 真 人, Thượng Hải Cẩm Chương đồ thư cục, thạch ấn, Khang Hi 44 (1705)

22. Tính Mệnh pháp quyết minh chỉ 性 命 法 訣 明 指, Thiên Phong lão nhân Triệu Tị Trần 千 峰 老 人 趙 避 塵 giảng thụ, Chân Thiện Mỹ真 善 美 xb, Đài Bắc 台 北, 1957.

23. Tu linh yếu chỉ 修 靈 要 旨.

24. Tham đồng khế 參 同 契, Ngụy Bá Dương 魏 伯 陽.

25. Thọ thế thanh biên 壽 世 青 編, Từ Viên tiên sư kê luận lục 慈 圓 仙 師 乩 論 錄 (1802)

26. Thông Thiên bí thư tục tập 通 天 秘 書 續 集 hay Trí phú toàn thư 智 富全 書, Vương Hiến Đình, Quảng Ích thư cục, Thượng Hải.

27. Xướng đạo chân ngôn 唱 道 真 言, Hạc Cù Tử 鶴 臞子.

CÁC SÁCH TIẾNG VIỆT [2]

1. Chiếu minh đàn, Đại thừa chân giáo, Trước Tiết tàng thơ, Thủ Thiêm, Saigon, 1956.

2. Đồ Chiểu, Ngư tiều vấn đáp y thuật, Phan văn Hùm hiệu đính, chú thích, Nhượng Tống tăng bình, bổ chú, Tân Việt, 1952.

3. Giác Nhiên, Pháp môn tọa thiền, Saigon 1962.

4. Margarita, Thông điệp tình yêu nhân hậu gửi các tâm hồn nhỏ, Sai gon, 1973. Tu viện Đồng Công, Thủ Đức xb.

5. Nghiêm Xuân Hồng, Nguyên tử, Hiện sinh và Hư vô, Hồng đông phương xuất bản, 1969.

6. Vô danh, Huỳnh Đình kinh (Cụ Nguyễn Hòa Hiệp mướn dịch theo bản của Tử Hà Tử).

CÁC SÁCH TIẾNG PHÁP

1. Arestein Jean, Encyclopédie du dessin, Fernand Nathan, Liège 1957.

2. Doré, Henri, Variétés sinologiques, No 66.

3. Fuerte, Illan de Casa, La Religion essentielle, Maisonneuve Frères Edit. Paris, 1929.

4. Francastel, Pierre, Art et Techniques, Editions Gonthier, Paris XIV, 1964.

5. Lallemand, Louis, La Vocation de l'Occident, La Colombe, Editions du Vieux Colombier, Paris 1947.

6. Pike, E. Royston, Dictionnaire des Religions, PUF, 1954.

7. Rolland, Roman, La vie de Vivekananda et l'Evangile universel, Librairie Stock, Paris 1930.

8. Sprink, Léon, Art sacré en Occident et en Orient, Editions Xavier Mappus, II St Hélène Lyon 1962.

9. Thọ, Nguyễn văn, Les Secrets des Reins révélés, Thèse de Doctorat en Médecine, Hanoi 1952.

10. Welter, Georges, Histoires des Sectes chrétiennes des origines à nos jours, Payot, Paris 1950.

CÁC SÁCH TIẾNG ANH

1. Foster, Walter T., Anatomy for Students and Teachers, Foster Art Service Inc., 430 w. 6th Street, Tustin, California.

2. Gardner, Gray, O'Rahilly, Anatomy, Third Edition, W.B. Saunders Co. Philadelphia, Toronto, London, 1969.

3. Guyton, Arthur C., Textbook of Medical Physiology, W.B Saunders Co. Philadelphia and London. 1967.

4. Hume, Robert Ernest, The Thirteen Principal Upanishads, Geoffey Cumberlege, Oxford University Press, 1951.

5. Johnston, William, The Still Point, Perennial Library, Harpe and now Publishers, New York, Evanston, San Francisco, London, 1971.

6. Langman, Jan., Medical Embryology, The Williams and Wilkins Co. Baltimore, 1969.

7. Mackey Albert C. Mackey's revised Encyclopedia of Free-Masonry, The Mason History Co. 2300 s. Michigan Avenue Chicago, Illinois, USA, 1956.

8. Montgomery, Ruth, A Search for the Truth.

9. Sherman, Harold, «Wonder» Healers of the Philippines, Devorss and Co Los Angeles, Calif. 1967.

10. Underhill, Evelyn, Mysticism, Methuen and Co. Ltd., Essex Street W.C London, 1926.

---

[1] Các sách chữ Hán phải xếp theo tên sách, vì nhiều khi không rõ tác giả. Lại cũng có khi không biết nơi in, và năm in.

[2] Từ đây sấp xuống thêm tên tác giả.

» Mục Lục

» mục lục

上清黃庭內景經

THƯỢNG THANH HUỲNH ĐÌNH NỘI CẢNH KINH

上清章第一

上清紫霞虛皇前，太上大道玉宸君，閑居蕊珠作七言，
散化五形變萬神，是為黃庭曰內篇。琴心三疊舞胎仙，
九氣英明出霄間，神蓋童子生紫煙，是曰玉書可精研。
詠之萬過昇三天，千災以消百病痊，不憚虎狼之凶殘，
亦以卻老年永延。

上有章第二

上有魂靈下關元，左為少陽右太陰，後有密戶前生門，
出日入月呼吸存。元炁所合列宿分，紫煙上下三素雲。
灌溉五華植靈根，七液洞流衝廬間，迴紫抱黃入丹田，
幽室內明照陽門。

口為章第三

口為玉池太和宮，漱咽靈液災不干。體生光華氣香蘭，
却滅百邪玉鍊顏。審能修之登廣寒，晝夜不寐乃成真，
雷鳴電激神泯泯。

黃庭章第四

黃庭內人服錦衣，紫華飛裙雲氣羅，丹青綠條翠靈柯。
七莖玉籥閉兩扉，重掩金關密樞機。玄泉幽關高崔嵬，
三田之中精氣微。嬌女窈窕翳霄暉，重堂煥煥明八威。
天庭地關列斧斤，靈台盤固永不衰。

中池章第五

中池內神服赤珠，丹錦雲袍帶虎符。橫津三寸靈所居，
隱芝翳鬱自相扶。

天中章第六

天中之嶽精謹修，雲宅既清玉帝遊。通利道路無終休，

眉號華蓋覆明珠。九幽日月洞虛元，宅中有真常衣丹，
審能見之無疾患。赤珠靈裙華蒨粲，舌下玄膺生死岸，
出青入玄二炁煥，子若遇之昇天漢。

至道章第七

至道不煩訣存真，泥丸百節皆有神。髮神蒼華字太元，
腦神精根字泥丸，眼神明上字英玄，鼻神玉壟字靈堅，
耳神空閑字幽田，舌神通命字正倫，齒神崿鋒字羅千。
一面之神宗泥丸，泥丸九真皆有房，方圓一寸處此中，
同服紫衣飛羅裳。但思一部壽無窮，非各別住居腦中，
列位次坐向外方，所存在心自相當。

心神章第八

心神丹元字守靈，肺神皓華字虛成，肝神龍煙字含明，
翳鬱導煙主濁清。腎神玄冥字育嬰，脾神常在字魂停，
膽神龍曜字威明。六腑五臟神體精，皆在心內連天經，
晝夜存之自長生。

肺部章第九

肺部之宮似華蓋，下有童子坐玉闕。七元之子主調氣，
外應中嶽鼻齊位。素錦衣裳黃雲帶，喘息呼吸體不快。
急存白元和六氣，神僊久視無災害，用之不已形不滯。

心部章第十

心部之宮蓮含華，下有童子丹元家。主適寒熱榮衛和，
丹錦飛裳披玉羅，金鈴朱帶坐婆娑。調血理命身不枯，
外應口舌吐玉華。臨絕呼之亦登蘇，久久行之飛太霞。

肝部章第十一

肝部之宮翠重裏，下有青童神公子，主諸關鏡聰明始。
青錦披裳佩玉鈐，和制魂魄津液平，外應眼目日月精。
百痾不鍾存無英，同用七日自充盈。垂絕念神死復生，
攝魂還魄永無傾。

腎部章第十二

腎部之宮玄闕圓，中有童子冥上玄，主諸六腑九液源。

外應兩耳百液津，蒼錦雲衣舞龍幡。上致明霞日月煙，
百病千災急當存。兩部水王對生門，使人長生昇九天。

脾部章第十三

脾部之宮屬戊己，中有明童黃裳裏。消穀散氣攝牙齒，
是為太倉兩明童。坐在金臺城九重，方圓一寸命門中。
主調百谷五味香，辟却虛羸無病傷。外應尺宅氣色芳，
光華所生以表明。黃錦玉衣帶虎章，注念三老子輕翔，
長生高僊遠死殃。

膽部章第十四

膽部之宮六腑精，中有童子曜威明。雷電八振揚玉旌，
龍旂橫天擲火鈴。主諸氣力攝虎兵，外應眼童鼻柱間，
腦髮相扶亦俱鮮。九色錦衣綠華裙，佩金帶玉龍虎文。
能存威明乘慶雲，役使萬神朝三元。

脾長章第十五

脾長一尺掩太倉，中部老君治明堂，厥字靈元名混康，
治人百病消穀粮。黃衣紫帶龍虎章，長精益命賴君王。
三呼我名神自通，三老同坐各有朋。或精或胎別執方，
桃核合延生華芒，男女徊九有桃康。道父道母對相望，
師父師母丹玄鄉。可用存思登虛空，殊途一會歸要終。
關塞三關握固停，含漱金醴吞玉英，遂至不飢三蟲亡，
心意常和致欣昌。五嶽之雲氣彭亨，保灌玉廬以自償，
五形完堅無災殃。

上覩章第十六

上覩三元如連珠，落落明景照九隅，五靈夜燭煥八區，
子存內皇與我遊，身披鳳衣銜虎符，一至不久昇虛無。
方寸之中念深藏，不方不圓閉牖窗。三神還精老方壯，
魂魄內守不爭競。神生腹中銜玉璫，靈注幽闕那得喪。
琳條萬尋可蔭杖，三魂自寧帝書命。

靈臺章第十七

靈臺鬱藹望黃野，三寸異室有上下。間關營衛高玄受，
洞房紫極靈門戶。是昔太上告我者，左神公子發神語，

右有白元併立處。明堂金匱玉房間，上清真人當吾前。
黃裳子丹氣頻煩，借問何在兩眉端。內俠日月列宿陳，
七曜九元冠生門。

三關章第十八

三關之中精氣深，九微之內幽且陰。口為心關精神機，
足為地關生命扉，手為人關把盛衰。

若得章第十九

若得三宮存玄丹，太一流珠安崑崙。重中樓閣十二環，
自高自下皆真人。玉堂絳宇盡玄宮，璇璣玉衡色蘭玕。
瞻望童子坐盤桓，問誰家子在我身。此人何去入泥丸，
千千百百自相連，一一十十似重山。雲儀玉華俠耳門，
赤帝黃老與我魂。三真扶骨共房津，五斗煥明是七元。
日月飛行六合間，帝鄉天中地戶端，面部魂神皆相存。

呼吸章第二十

呼吸元氣以求僊，僊公公子似在前。朱鳥吐縮白石源，
結精育胞化生身，留胎止精可長生。三氣右徊九道明，
正一含華乃充盈。遙望一心如羅星，金室之下可不傾，
延我白首反孩嬰。

瓊室章第二十一

瓊室之中八素集，泥丸夫人當中立。長谷玄鄉繞郊邑，
六龍散飛難分別。長生至慎房中急，何為死作令神泣，
忽之禍鄉三靈歿。但當吸氣錄子精，寸田尺宅可治生，
若當決海百瀆飲，葉去樹枯失青青，氣亡液漏非己形。
專閉御景乃長寧，保我泥丸三奇靈，恬淡閉視內自明，
物物不干泰而平。慤矣匪事老復丁，思詠玉書入上清。

常念章第二十二

常念三房相通達，洞得視見無內外。存漱五芽不飢渴，
神華執巾六丁謁。急守精室勿妄泄，閉而寶之可長活。
起自形中初不闊，三官近在易隱括。虛無寂寂空中素，
使形如是不當污。九室正虛神明舍，存思百念視節度。
六腑修治勿令故，行自翱翔入雲路。

治生章第二十三

治生之道了不煩，但修洞玄與玉篇，兼行形中八景神，
二十四真出自然。高拱無為魂魄安，清淨神見與我言，
安在紫房幃幙間，立坐室外三五玄。燒香接手玉華前，
共入太室璇璣門，高研恬淡道之園。內視密盼盡睹真，
真人在己莫問鄰，何處遠索求因緣。

隱影章第二十四

隱影藏形與世殊，含氣養精口如朱，帶執性命守虛無，
名入上清死錄除，三神之樂由隱居。倏欻遊遨無遺憂，
羽服一整八風驅，控駕三素乘晨霞，金鞏正位從玉輿，
何不登山誦我書。鬱鬱窈窈真人墟，入山何難故躊躇，
人間紛紛臭如帑。

五行章第二十五

五行相推反歸一，三五合氣九九節。可用隱地迴八術，
伏牛幽闕羅品列，三明出於生死際。洞房靈象斗日月。
父曰泥丸母雌一，三光煥照入子室。能存玄真萬事畢，
一身精神不可失。

高奔章第二十六

高奔日月吾上道，鬱儀結璘善相保。乃見玉清虛無老，
可以迴顏塡血腦。口銜靈芝攜五星，腰帶虎籙佩金璫。
駕欻接生宴東蒙。

玄元章第二十七

玄元上一魂魄鍊，一之為物叵卒見，須得至真始顧眄。
至忌死氣諸穢賤，六神合集虛中宴。結珠固精養神根，
玉匙金籥常完堅。閉口屈舌食胎津，使我遂鍊獲飛僊。

僊人章第二十八

僊人道士非有神，積精累氣以為真。黃童妙音難可聞，
玉書絳簡赤丹文。字曰真人巾金巾。負甲持符開七門，
火兵符圖備靈關，前昂後卑高下陳。執劍百丈舞錦幡，
十絕盤空扇紛紜，火鈴冠霄隊落煙，安在黃闕兩眉間，

此非枝葉實是根。

紫清章第二十九

紫清上皇太道君，太玄太和俠侍端，化生萬物使我僊，
飛昇十天駕玉輪。晝夜十日思勿眠，子能修此可長存。
積功成鍊非自然，是由精誠亦守一。內守堅固真之真，
虛中恬淡自致神。

百穀章第三十

百穀之實土地精，五味外美邪魔腥。臭亂神明胎氣零，
那從反老得還嬰。三魂忽忽魄糜傾。何不食氣太和精，
故能不死入黃寧。

心典章第三十一

心典一體五藏王，動靜念之道德行，清潔喜氣自明光。
坐起吾俱共棟梁，晝日曜景暮閉藏，通達華精調陰陽。

經歷章第三十二

經歷六合隱卯酉，兩腎之神主延壽。轉降適斗藏初九，
知雄守雌可無老，知白守黑見坐守。

肝氣章第三十三

肝氣鬱勃清且長，羅列六腑生三光。心精意專內不傾，
上合三焦下玉漿。玄液雲行去臭香，治蕩髮齒鍊五方。
取津玄膺入明堂，下溉喉嚨神明通。坐侍華蓋遊貴京，
飄飄三清席清涼，五色雲氣紛青蔥，閉目內眄自相望。
使心諸神還自崇，七玄英華開命門，通利天道存玄根，
百二十年猶可還。過此守道誠甚難，唯待九轉八瓊丹。
要復精思存七元，日月之華救老殘，肝氣周流終無端。

肺之道第三十四

肺之為氣三焦起，視聽幽冥候童子，調理五華精髮齒。
三十六咽玉池裏，開通百脈血液始。顏色生光金玉澤，
齒堅髮黑不知白。存此真神勿落落，當憶此宮有座席，
眾神合會轉相索。

隱藏章第三十五

隱藏羽蓋看天舍，朝拜太陽樂相呼，明神八威正辟邪。
脾神還歸是胃家，躭養靈根不復枯，閉塞命門保玉都，
萬神方胙壽有餘，是謂脾建在中宮。五臟六腑神明主，
上合天門入明堂，守雌存雄頂三光，外方內圓神在中。
通利血脈五臟豐，骨青筋赤髓如霜，脾救七竅去不祥。
日月列布設陰陽，兩神相會化玉英，淡然無味天人糧，
子丹進饌肴正黃，乃曰琅膏及玉霜。太上隱環八素瓊，
溉益八液腎受精，伏於太陰見我形，揚風三玄出始青。
恍惚之間至清靈，戲於颼臺見赤生，逸域熙真養華榮，
內盼沉默煉五形。三氣徘徊得神明，隱龍遁芝雲琅英，
可以充饑使萬靈，上蓋玄玄下虎章。

沐浴章第三十六

沐浴盛潔棄肥薰，入室東向誦玉篇，約得萬偏義自鮮，
散髮無欲以長存。五味皆至正氣還，夷心寂悶勿煩冤，
過數已畢體神精，黃華玉女告子情。真人既至使六丁，
即受隱芝大洞經。十讀四拜朝太上，先謁太帝後北向。
黃庭內經玉書暢，授者曰師受者盟。雲錦鳳羅金鈕纏，
以代割髮肌膚全。攜手登山歃液丹，金書玉景乃可宣，
傳得可授告三官，勿令七祖受冥患。太上微言致神僊，
不死之道此真文。

太上黃庭外景玉經

THÁI THƯỢNG HUỲNH ĐÌNH NGOẠI CẢNH NGỌC KINH

上部經第一

太上閑居作七言，解說身形及諸神，上有黃庭下關元，
後有幽闕前命門，呼吸廬間入丹田，玉池清水灌靈根，
審能修之可長存，黃庭中人衣朱衣，關門壯籥合兩扉，
幽闕俠之高巍巍，丹田之中精炁微，玉池清水上生肥，
靈根堅固老不衰，中池有士衣赤衣，田下三寸神所居，
中外相距重閉之，神廬之中當修理，玄膺炁管受精符，
急固子精以自持，宅中有士常衣絳，子能見之可不病，

橫立長尺約其上，子能守之或無恙，呼吸廬間以自償，
保守完堅身受慶，方寸之中謹蓋藏，精神還歸老復壯，
俠以幽闕流下竟，養子玉樹令可壯，至道不煩無旁午，
靈台通天臨中野，方寸之中至關下，玉房之中神門戶，
皆是公子教我者，明堂四達法海源，真人子丹當吾前，
三關之中精氣深，子欲不死修崑崙，絳宮重樓十二級，
宮室之中五炁集，赤城之子中池立，下有長城玄谷邑，
長生要妙房中急，棄捐淫慾專守精，寸田尺宅可理主，
繫子長留心安寧，觀志遊神三奇靈，閑暇無事心太平，
常存玉房神明達，時念太倉不飢渴，役使六丁神女謁，
閉子精路可長活，正室之中神所居，洗身自理無敢污，
歷觀五臟視節度，六腑修治潔如素，虛無自然道之故，
物有自然道不煩，垂拱無為身體安，虛無之居在幃間，
寂寞曠然口不言，恬淡無欲遊德園，清淨香潔玉女存，
修德明達道之門。

中 部 經 第 二

作道優遊深獨居，扶養性命守虛無，恬淡自樂何思慮，
羽翼已成正扶疎，長生久視乃飛去，五行參差同根節，
三五合炁其本一，誰與共之斗日月，抱玉懷珠和子室，
子能知之萬事畢，子自有之持勿失，即得不死入金室，
出日入月是吾道，天七地二廻相守，昇降進退合乃久，
玉石珞珞是吾寶，子自有之何不守，心曉根基養華采，
服天順地合藏精，九原之山何亭亭，中有真人可使令，
內陽三神可長生，七日之五廻相合，崑崙之上不迷誤，
蔽以紫宮丹城樓，俠以日月如連珠，萬歲昭昭非有期，
外本三陽神自來，內養三陰可長生，魂欲上天魄入泉，
還魂返魄道自然。

下 部 經 第 三

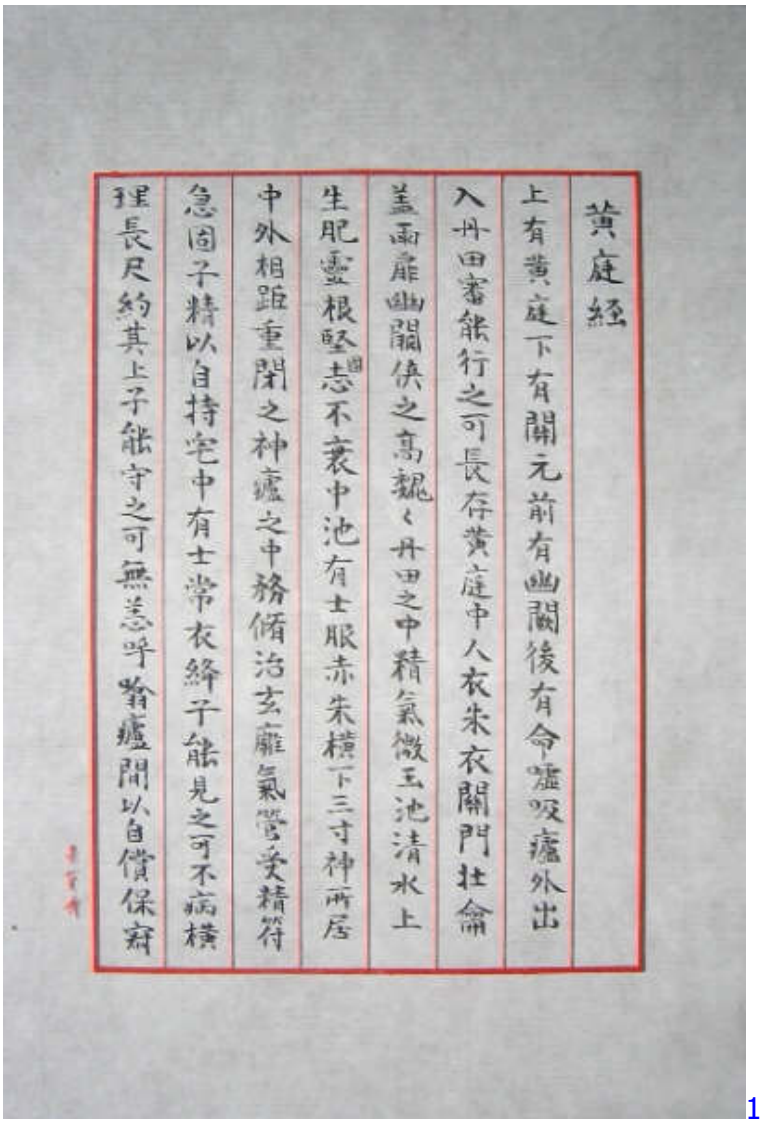
璇璣懸珠環無端，迅牝金籥常完堅，載地懸天周乾坤，
象以四時赤如丹，前仰後卑各異門，送以還丹與玄泉，
象龜引氣致靈根，中有真人巾金巾，負甲持符開七門，
此非枝葉實是根，晝夜思之可長存，僊人道士非有神，
積精所致為專年，人皆食穀與五味，獨食太和陰陽炁，

故能不死天相既，試說五臟各有方，心為國主五臟主，
意中動靜兆得行，道自持我神明光，晝日昭昭夜自守，
渴可餤漿飢得飽，經歷六腑藏卯酉，轉陽之陰藏於九，
常能行之不知老，肝之為炁修而長，羅列五臟生三光，
上合三焦道飲漿，精侯天地長生道，我神魂魄在中央，
精液流泉去鼻香，立於玄膺舍明堂，通我精華調陰陽，
伏於玄門侯天道，近在我身還自守，清淨無為神留止，
精氣上下關分理，七孔已通不知老，還坐天門侯陰陽，
下於喉嚨通神明，過華蓋下清且涼，入清虛困見吾形，
期成還丹可長生，還過華池動腎精，望於明堂臨丹田，
將使諸神開命門，通利天道藏靈根，陰陽列布若流星，
肝氣似環終無端，肺之為炁三焦起，伏於天門侯故道，
清液醴泉通六府，隨鼻上下開二耳，窺視天地存童子，
調和精華治髮齒，顏色光澤老不白，下于喉嚨何落落，
諸神皆會相求索，下入絳宮紫華色，隱藏華蓋觀通廬，
專守心神傳相呼，觀我諸神辟除邪，脾神還歸依大家，
藏養靈根不復枯，至於胃管通虛無，閉塞命門似玉都，
壽傳萬歲年有餘，脾中之神主中宮，朝會五神和三光，
上合天炁及明堂，通利六府調五行，金木水火土為王，
通利血脈汗為漿，二神相得下玉英，上稟天氣年益長，
循護七竅去不祥，日月列布張陰陽，伏於太陰成其形，
五臟之主腎最精，出入二炁入黃庭，呼吸虛無見吾形，
強我筋骨血脈成，恍惚不見過清靈，坐於廬下觀小童，
旦夕存在神明光，出於無門入無戶，恬淡無欲養華根，
服食玄炁可遂生，還返七門飲太淵，通我喉嚨過清靈，
問于仙道與奇功，服食芝草與玉英，頭戴白素足丹田，
沐浴華池生靈根，三府相得開命門，五味皆至善炁還，
大道蕩蕩心勿煩，披髮行之可長存，吾言畢矣勿妄傳。

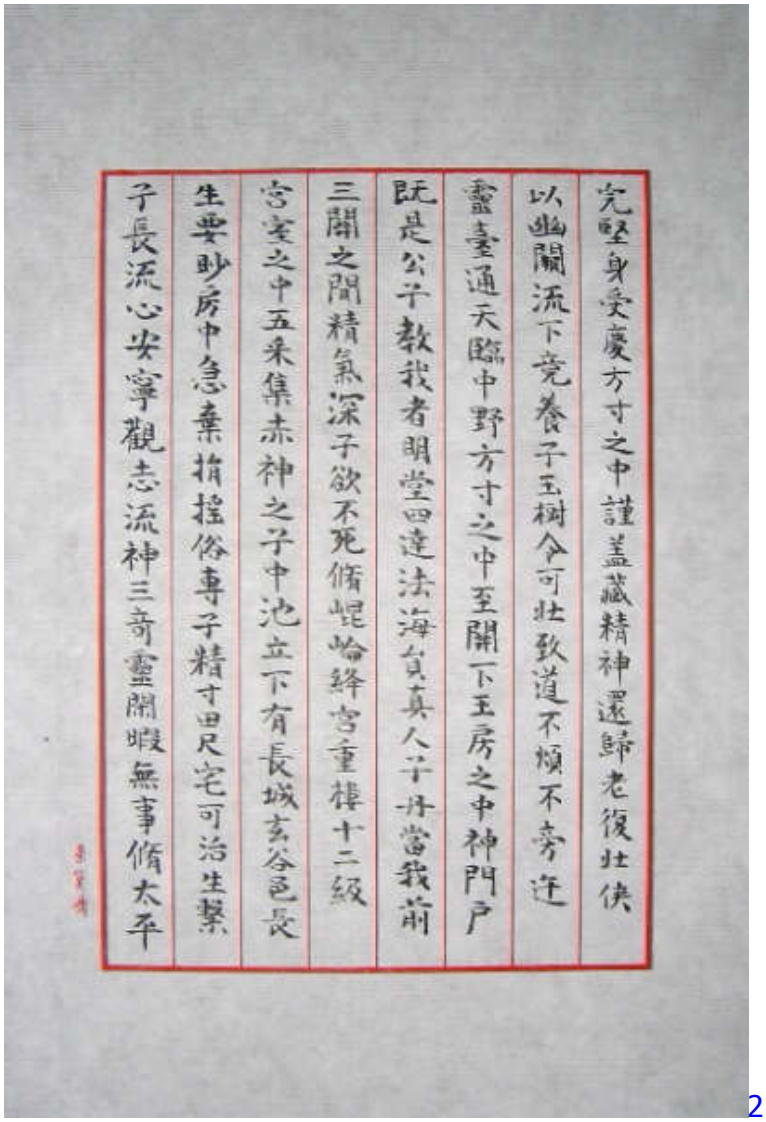
HUỲNH ĐÌNH KINH - thư pháp Vương Hi Chi

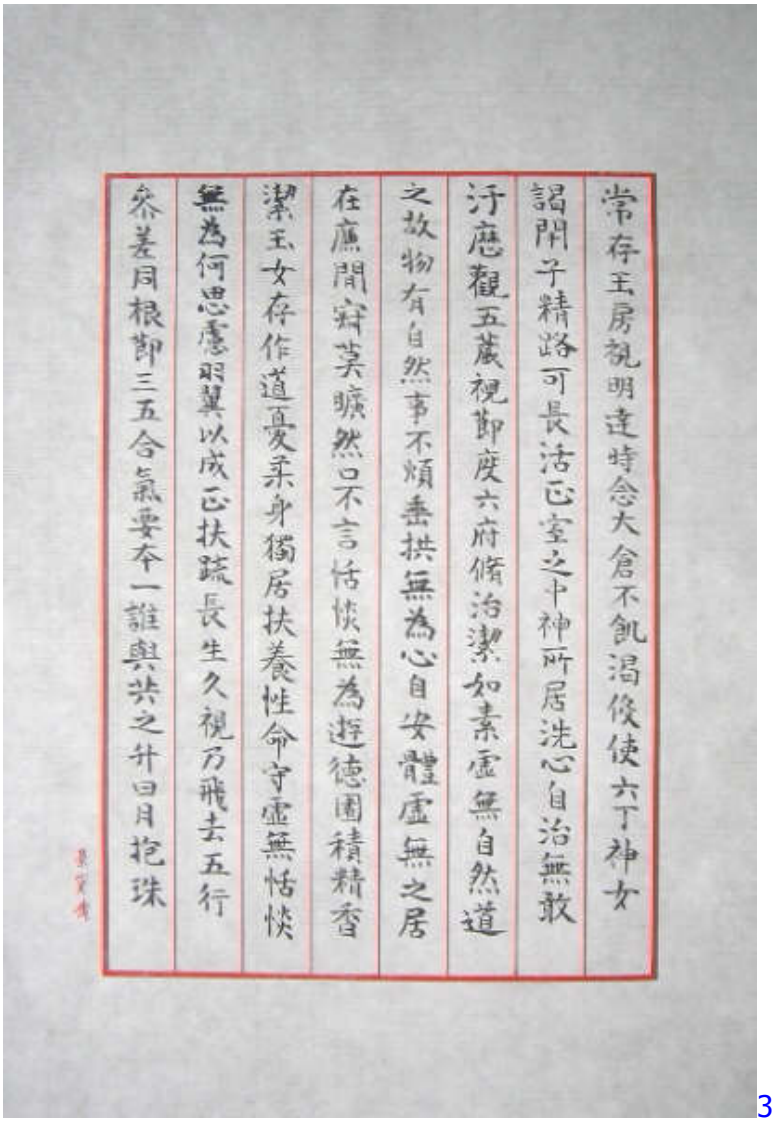


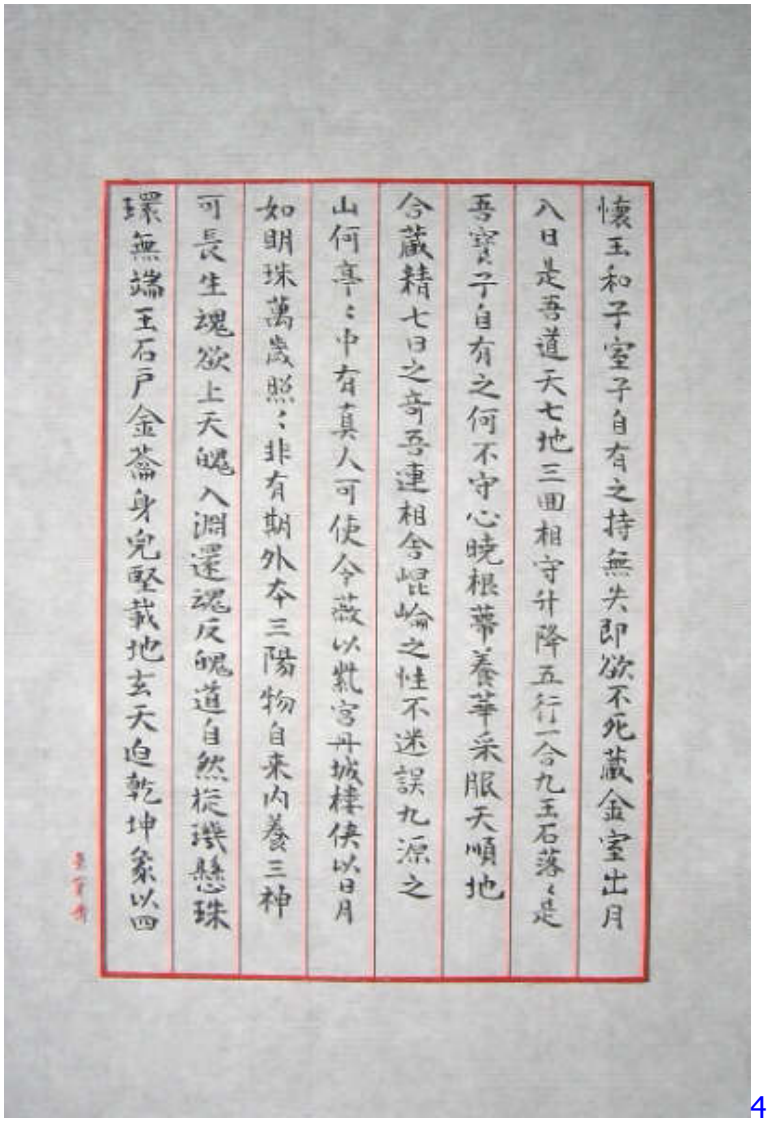
Vương Hi Chi 王 羲 之 (321-379)



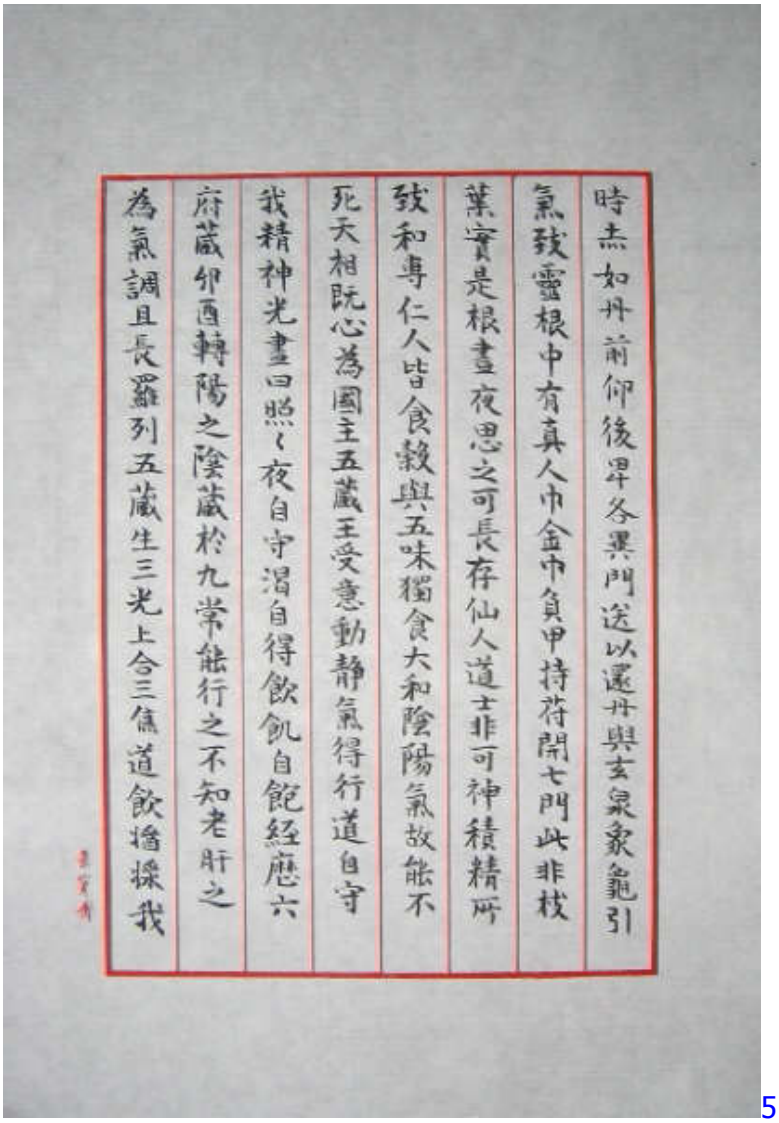
1

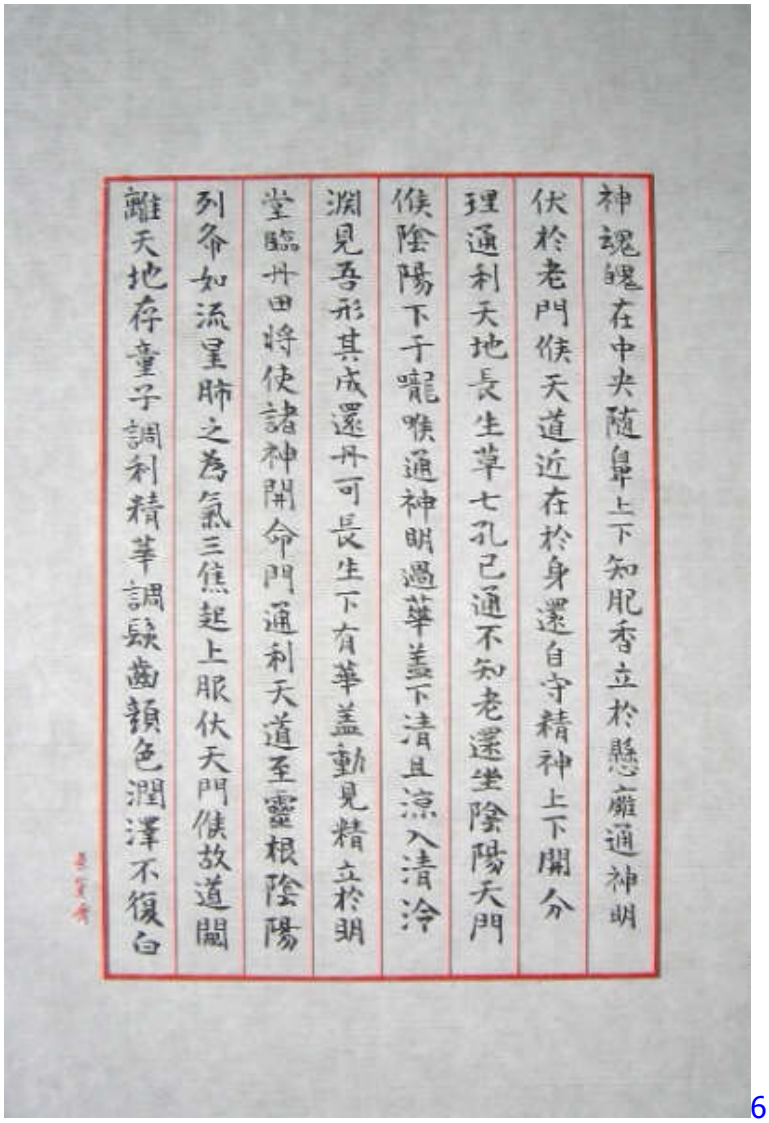

完堅身安慶方寸之中謹蓋藏精神還歸老復壯侯
以幽關流下竟養子玉樹令可壯致道不煩不旁迕
靈臺通天臨中野方寸之中至關下玉房之中神門戶
既是公子教我者明堂四達法海貞真人子并當我前
三關之閒精氣深子欲不死脩崐崘絳宮重樓十二級
宮室之中五采集赤神之子中池立下有長城玄谷邑長
生要妙房中急棄指捏俗專子精寸田尺宅可治生繫
子長流心安寧觀志流神三奇靈關暇無事脩太平

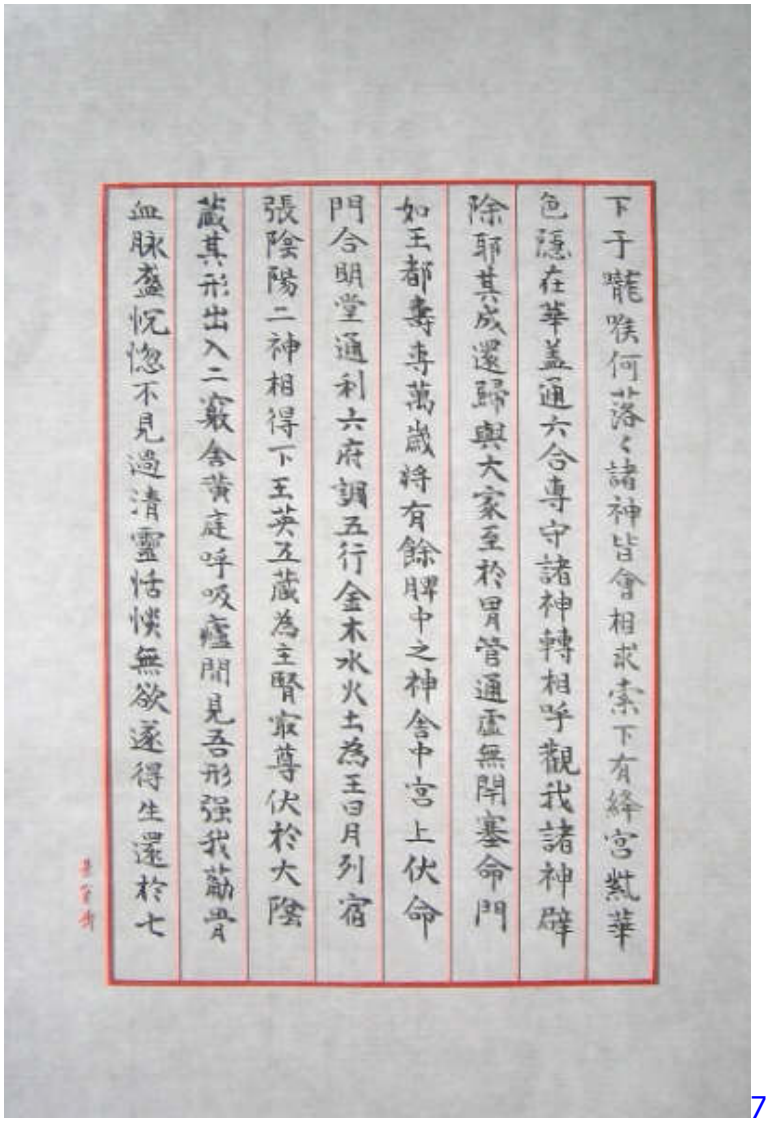

常存玉房視明達時念大倉不飢渴俊使六丁神女
謁開子精路可長活正室之中神所居洗心自治無敢
汙應觀五藏視節度六府脩治潔如素虛無自然道
之故物有自然事不煩垂拱無為心自安體虛無之居
在廬閒寂莫曠然口不言恬惔無為遊德園積精香
潔玉女存作道真爰柔身獨居扶養性命守虛無恬惔
無為何思慮明冀以成正扶疏長生久視乃飛去五行
參差同根節三五合氣要本一誰與共之并日月抱珠



懷玉和子室子自有之持無失即欲不死藏金室出月
八日是吾道天七地三回相守升降五行一合九玉石落是
吾室子自有之何不守心曉根蒂養華采服天順地
令藏精七日之奇吾連相舍崐崘之性不迷誤九源之
山何事中有真人可使令蔽以紫宇丹城棲侠以日月
如明珠萬歲照非有期外本三陽物自來內養三神
可長生魂欲上天魄入淵還魂反魄道自然從璣懸珠
環無端玉石戶金為身兒堅哉地玄天迫乾坤象以四

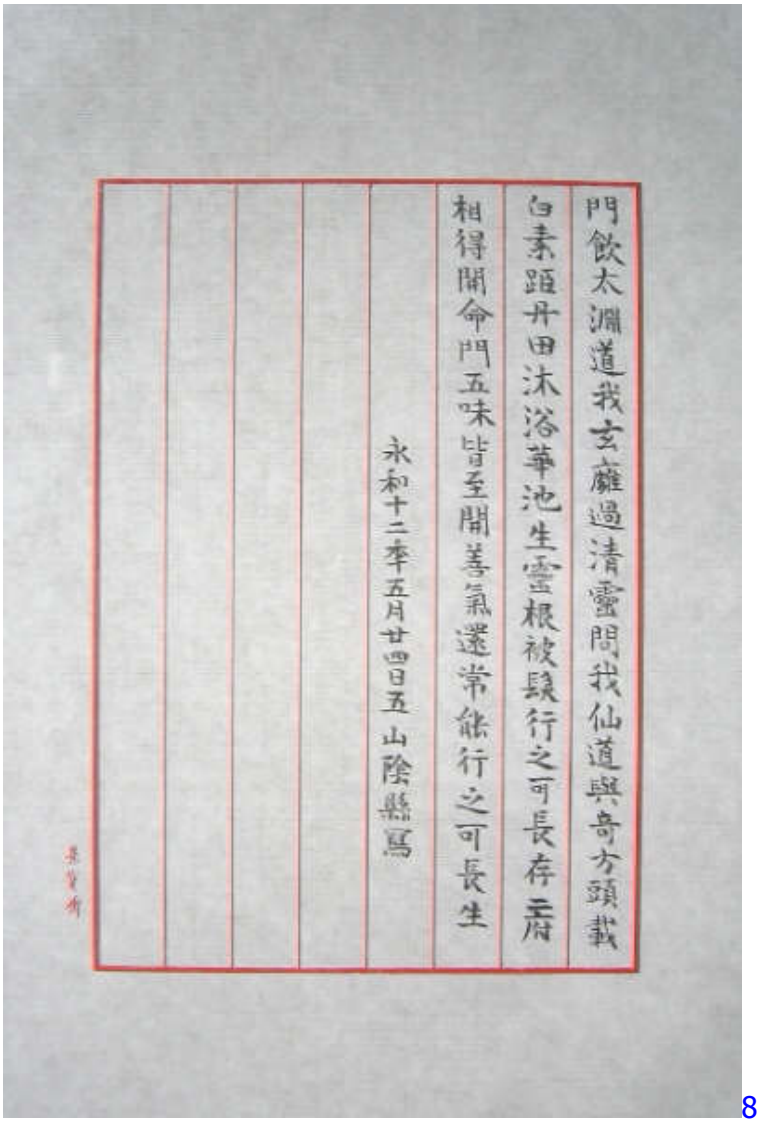

時志如丹前仰後俯冬冥門送以還丹與玄泉象龜引
氣致靈根中有真人巾金巾負甲持符開七門此非枝
葉實是根晝夜思之可長存仙人道士非可神積精所
致和專仁人皆食穀與五味獨食大和陰陽氣故能不
死天相既心為國主五藏王受意動靜氣得行道自守
我精神光晝日照夜自守渴自得飲飢自飽經歷六
府藏卯酉轉陽之陰藏於九竅能行之不知老肝之
為氣調且長羅列五藏生三光上合三焦道飲搖採我


神魂魄在中央隨鼻上下知肥香立於懸廱通神明
伏於老門候天道近在於身還自守精神上下開分
理通利天地長生草七孔已通不知老還坐陰陽天門
候陰陽下于龍喉通神明過華蓋下清且涼入清冷
淵見吾形其成還丹可長生下有華蓋動見精立於明
堂臨井田將使諸神開命門通利天道至靈根陰陽
列爭如流星肺之為氣三焦起上服伏天門候故道闊
離天地存童子調利精華調緑齒顏色潤澤不復白



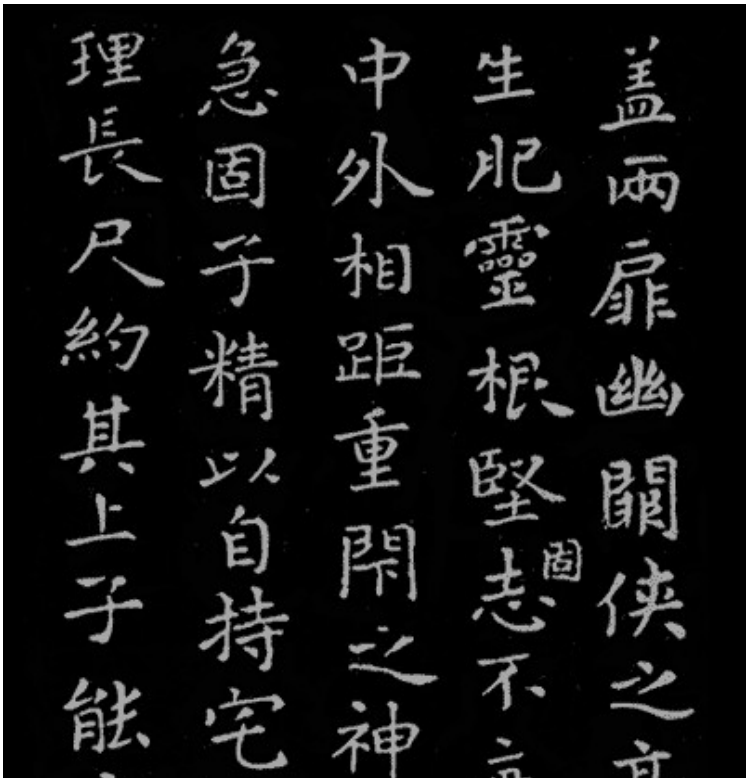
下于龍喉何落〻諸神皆會相求索下有絳宮絳華
色隱在華蓋通六合專守諸神轉相呼觀我諸神辟
除耶其成還歸與大家至於胃管通虛無閑塞命門
如玉都臺專萬歲將有餘脾中之神舍中宮上伏命
門令明堂通利六府調五行金木水火土為王日月列宿
張陰陽二神相得下玉英五藏為主腎最尊伏於大陰
藏其形出入二竅舍黃庭呼吸廬閒見吾形強我筋骨
血脉益悅憺不見過清靈恬惔無欲遂得生還於七

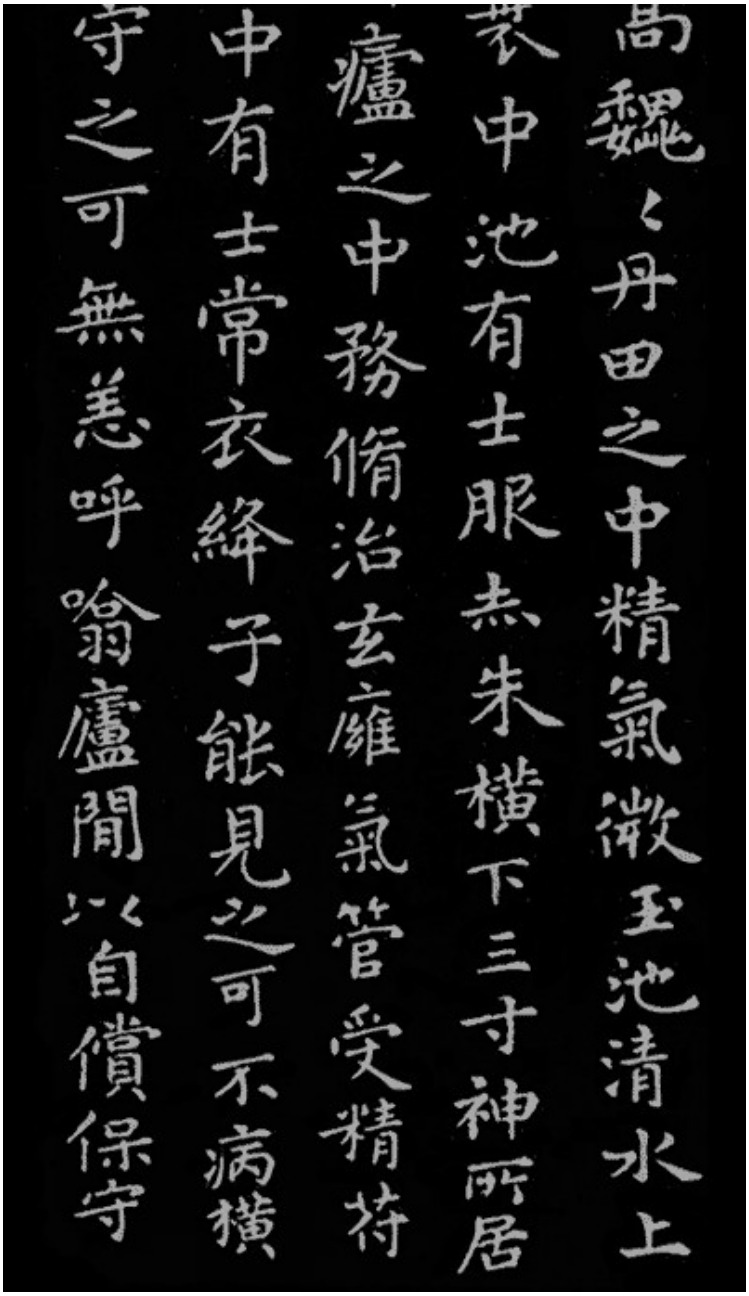
7


門飲太淵道我玄靡過清靈問我仙道與奇方頭載
白素踐丹田沐浴華池生靈根被髮行之可長存肩
相得閒命門五味皆至閒善氣遷常能行之可長生
永和十二年五月廿四日五山陰縣寫

8

Trích và phóng lớn một đoạn ở trang đầu (thác bản):


蓋兩扉幽關俠之
生肥靈根堅固志不
中外相距重閉之神
急固乎精以自持宅
理長尺約其上乎能



... 盖 兩 扉 幽 闕 俠 之 高 巍 巍 丹 田 之 中 精 氣 微 玉 池 清 水 上
生 肥 靈 根 堅 固 志 不 衰 中 池 有 士 服 赤 朱 橫 下 三 寸 神 所 居
中 外 相 距 重 閇 之 神 廬 之 中 務 修 治 玄 膺 氣 管 受 精 符
急 固 子 精 以 自 持 宅 中 有 士 常 衣 絳 子 能 見 之 可 不 病 橫
理 長 尺 約 其 上 子 能 守 之 或 無 恙 呼 嗡 廬 間 以 自 償 保 守 ...

» mục lục

» mục lục

Sự phát triển của Đạo giáo trước khi Huỳnh Đình Kinh xuất hiện [1]

*** Rolf Homann (1941-2003)**

*** Lê Anh Minh** dịch

Huỳnh Đình Kinh 黃庭經 [2] là một đạo kinh xuất hiện khoảng từ đời Ngụy (220-265 cn) đến đời Tây Tấn (265-316 cn). [3]

Cho đến thời gian đó, Đạo giáo đã xuất hiện và phát triển được ít nhất là 6 thế kỷ và có các tông phái [4] khác nhau với sự phát triển riêng biệt của mỗi phái. Để định vị tác phẩm Huỳnh Đình Kinh trong hệ thống Đạo giáo, trước hết ta cần sơ lược lịch sử Đạo giáo. [5]

Khi nghiên cứu Đạo giáo thời Tiên Tần (trước năm 220 tcn), Holmes Welch đã phân biệt bốn nguồn phát sinh. Bốn nguồn này về sau hội nhập thành một hệ thống có tính tổng hợp. Đó là:

1- Đạo gia 道家 (der philosophische Taoismus),

2- Đan đạo 丹道 (thuật luyện đan 煉丹術: die Alchemie),

3- Khát vọng đi tìm các đảo có thần tiên (das Suchen nach den Inseln der Seligen),

4- Đạo dẫn 導引 (der hygienische Taoismus).

Theo Welch, Đạo gia thực sự xuất hiện từ năm 350 đến 250 tcn. [6] Những nhân vật tiêu biểu của nguồn này là Lão Tử 老子, Trang Tử 莊子, Liệt Tử 列子, và Văn Tử 文子. [7] Đạo gia 道家 là một phái trong bách gia 百家 (die hundert Philosophen-schulen). Đạo gia [8] là thuật ngữ được dùng để phân biệt với Đạo giáo 道教 (der religiöse Taoismus). [9] Đạo gia là đề tài của nhiều công trình nghiên cứu xuất sắc của giới Hán học Tây phương. [10]

Nguồn thứ hai, Đan đạo (die Alchemie), dường như do Trâu Diễn 騶衍 (305-240 tcn) khởi sáng. [11] Tại Trung Quốc cổ đại, đan đạo không chỉ là sự chuyển đổi các kim loại cơ bản trở nên quý báu hơn, mà còn là sự kết hợp chặt chẽ với khát vọng truy cầu thuốc trường sinh bất tử. [12] Những người theo xu hướng này nghĩ rằng: thông qua sự chế tạo đan dược (Elixieren) từ thảo mộc hoặc từ chu sa (Zinnober) và sulfate thủy ngân (Quecksilber-sulfiden: mercury sulfate: sulfure de mercure), họ sẽ đạt được trường sinh bất tử. [13]

Về nguồn thứ ba, tức là khát vọng tìm kiếm các đảo có thần tiên, Sử Ký Tư Mã Thiên đã ghi chép: «Kể từ các đời vua Uy Vương 威王 (358-320 tcn), Tuyên Vương 宣王 (319-301 tcn), và Chiêu Vương 昭王 (311-279) của nước Yên 燕, nhiều người đã được chở ra biển khơi để tìm kiếm các đảo Bồng Lai 蓬萊, Phương Trượng 方丈, và Doanh Châu 瀛洲. Tương truyền, ba đảo thần tiên này ở Bột Hải 渤海.» [14]

Về sau, các đảo này được định vị xa hơn nữa. Sách Liệt Tử Xung Hư Chân Kinh 列子沖虛真經) đã mô tả đầy ấn tượng về các đảo này như sau: «Phía đông của Bột Hải, không rõ là xa bao nhiêu dặm, có một vùng nước lớn. Thực tế ở đó là một thung lũng không có đáy. Bởi phía dưới của thung lũng không có đáy nên thung lũng được gọi là Quy Khư 歸墟. [15] Nước từ tám phương trời và chín vùng đất, và nước sông

Ngân Hà đều chảy đổ vào nơi này, thế mà nước ở đấy chẳng tăng chẳng giảm. [16] Ở nơi này có năm ngọn núi. Ngọn thứ nhất tên là Đại Dư 岱輿, ngọn thứ hai là Viên Kiều 員嶠, ngọn thứ ba là Phương Hồ 方壺, ngọn thứ tư là Doanh Châu 瀛洲, và ngọn thứ năm là Bồng Lai 蓬萊. Các núi này cao 30.000 dặm, và chu vi 30.000 dặm. Đỉnh núi là vùng bằng phẳng, có đường kính 9.000 dặm. Các núi cách nhau 70.000 dặm, là nơi dân cư ở. Những đền đài và đạo quán trên đỉnh núi thì bằng vàng và ngọc. Cầm thú ở đó có màu trắng tinh khiết. Cây cối bằng ngọc trai và san hô. Hoa trái có vị thơm ngon dễ chịu. Ai mà ăn được hoa quả ấy sẽ không già và không chết.» [17]

Như thế đã có những chuyến hải hành tìm đến các đảo thần tiên này để hái hoa quả trường sinh bất tử. [18]

Nguồn thứ tư, Đạo dẫn, được Trang Tử đề cập một cách mai mỉa trong Nam Hoa Kinh: «Hít thở dài sâu; nhả hơi cũ, hít vào hơi mới; đu treo mình lên như gấu, duỗi mình như chim để sống lâu. Đó chỉ là cách thức mà kẻ sĩ đạo dẫn và kẻ luyện dưỡng thân thể ưa thích để được sống lâu như ông Bành Tổ.» [19]

Các nhà dạo dẫn truy cầu trường sinh bất tử thông qua việc luyện khí và vận động thân thể. Như vậy, ba nguồn sau nói chung là truy cầu sự bất tử (Unsterblichkeit). [20]

Vào đời Tần (220-206 tcn) và đời Tây Hán (206 tcn-23 cn), ba nguồn chảy truy cầu sự bất tử nói trên đã hợp lưu thành một Đạo giáo mang tính chất tổng hợp (ein synchretistischer Taoismus). Hệ thống mới mẻ này thực chất đã được các phương sĩ 方士 (Magiern) khởi sáng. Người nổi bật nhất trong bọn là Lý Thiếu Quân 李少君, đã phục vụ khá lâu dưới triều Hán Vũ Đế 漢武帝(140-186).

Theo Welch, tên tuổi Lý Thiếu Quân đã gắn liền với thuật đạo dẫn, đan đạo, các cuộc hải hành tìm thuốc trường sinh ở đảo tiên, và khởi đầu hình thành một thần phổ 神譜 độc lập của Đạo giáo (der Aufbau eines eigenständigen taoistischen Pantheons). [21]

Đạo gia vẫn tiếp tục tiến triển song hành với Đạo giáo, nhưng Đạo gia bị giải thích sai lạc và bị hiểu nhầm là khởi nguyên cho Đạo giáo tổng hợp. Những canh tân tiếp theo sau những tri thức đến thời điểm ấy vẫn chưa mở đường cho Đạo giáo tổng hợp. [22]

Những thế kỷ đầu công nguyên (tức là sau Thiên Chúa giáng sinh), Đạo gia bắt đầu phục hưng dưới hình thức Thanh Đàm 清談 (reine Konversation) [23] và Phong Lưu 風流 (Windfließen). [24]

Đạo giáo được nhận biết rõ rệt qua sự xuất hiện của hai xu hướng mới là phái nội quán chư thần (die Innere-Gott-Hygiene-Schule: the Interior Gods Hygiene School) tức là một sự phát triển đặc biệt của đạo dẫn, và xu hướng tu hành tập thể trong đạo quán.

Huỳnh Đình Kinh là kinh điển nền tảng của phái nội quán chư thần.

Vào thời kỳ phái nội quán chư thần xuất hiện, người ta đã biết bảy phép tu luyện của Đạo giáo để trường sinh bất tử:

1- Sống đạo đức và hành thiện (gute Taten und moralische Lebenswandel).

2- Hành khí thổ nạp pháp 行氣吐納法 (Atemtechniken).

3- Sái liệu pháp 晒療法 = Nhật bộc pháp 日曝法 (Heliotherapeutische Techniken: phơi nắng trị bệnh).

4- Đạo dẫn 導引 (gymnastische Übungen).

5- Phòng trung thuật 房中術 (Sexualpraktiken).

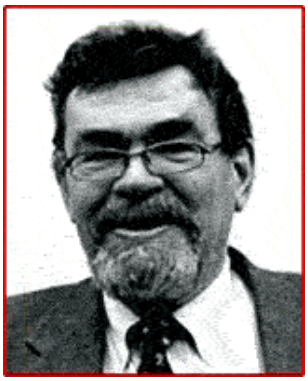
6- Luyện đan - phục dược 煉丹服藥 (alchemistische und pharmazeutische Methoden).

7- Tịch cốc 辟穀 = Ẩm thực điều dưỡng 飲食調養 (Diättechniken). [25]

Các phép luyện từ 2- đến 7- được gọi là dưỡng tính 養性 hay dưỡng khí 養氣.

Thông qua sự xuất hiện của phái nội quán chư thần, phương pháp nội quán nhằm phát triển «những con người bên trong» này đã biến đổi cách tu luyện chủ yếu nhấn mạnh vào ngoại diện (chẳng hạn chú trọng về thể xác hoặc đối ngược với tha nhân). Tất cả các bộ phận thân thể con người đều có thần minh cư ngụ. Bằng cách cầu nguyện, tham thiền, nuôi dưỡng đúng cách, v.v. chư thần này sẽ trợ giúp cho hành giả được trường sinh bất tử.

Bài tiểu luận này nhằm mục đích mô tả chư thần quan trọng nhất trong thân thể con người theo quan điểm của Huỳnh Đình Kinh so với các tác phẩm sau đó của phái nội quán chư thần này, và – nếu có thể được – thì xác định xem chức năng của các vị thần đó là gì. •


Dr. Rolf Homann (1941-2003)

Lời Giới Thiệu : Dr. Rolf Homann là nhà nghiên cứu Tương Lai (Zukunftsforscher), giáo sư đại học, và cũng là một ký giả về du lịch (Reisejournalist), sinh ngày 4 tháng 01 năm 1941 tại Hannover, mất ngày 27 tháng 9 năm 2003. Thông thạo các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Đức, Hán cổ đại, Nhật cổ đại; ông đã học qua các bộ môn Trung Quốc Học (Sinologie), Nhật Bản Học (Japanologie), Tôn giáo Đối chiếu (vergleichende Religionswissenschaft), và Vật lý tại các Đại học Marburg, Freiburg, và Tübingen. Ông đỗ Tiến sĩ về Trung Quốc Học (Dr. Phil. in Sinologie) năm 1969 tại Đại học Tübingen, với thứ hạng danh dự (magna cum laude). Từ 1969 đến 1979, ông phụ trách các hội thảo về Đông Á tại các Đại học Tübingen và Zürich. Ông dạy Hán ngữ tại Đại học Tübingen từ 1969-1973, và tại Đại học Zürich từ 1973 đến 1979. Từ 1980 đến 1988 ông quản lý các dự án nghiên cứu văn hoá và xã hội tại viện Gottlieb-Duttweiler Institut tại Rüschlikon. Năm 1985 ông làm Giáo sư thỉnh giảng về môn Nghiên cứu Tương lai (Zukunftsforschung) tại Stockton State College (New Jersey). Ngoài ra ông còn là cố vấn, chủ bút, ký giả của nhiều tạp chí về marketing và du lịch.
Chuyên khảo về Huỳnh Đình Kinh của Tiến sĩ Homann xuất bản năm 1971, lúc ông 30 tuổi, đã góp mặt vào một số công trình nghiên cứu hiếm hoi về Huỳnh Đình Kinh của các học giả Tây phương. Dịch giả đã hân hạnh liên lạc với Tiến sĩ Homann qua Email, xin phép ông để phiên dịch chuyên khảo của ông về Huỳnh Đình Kinh từ Đức ngữ sang Việt ngữ, và xuất bản thành sách. Ông đã rộng lượng chấp thuận qua Email đề ngày 20-6-2001. Bản dịch đã xuất bản với nhan đề *Lược Khảo Huỳnh Đình Kinh*, Nxb Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội, 2003.

CHÚ THÍCH

[1] Dịch từ nguyên tác Đức ngữ: Entwicklung des Taoismus bis zum Auftreten des Huang-t'ing ching, trích dịch từ Rolf Homann, Die wichtigsten Körpergottheiten im Huang-t'ing ching (Chư thần quan trọng nhất trong nhân thể theo Huỳnh Đình Kinh), Verlag Alfred Kümmerle, Göppingen, Germany, 1971, tr. 1-6. Chú thích riêng của người dịch được ghi là [LAM chú].

[2] Có hai tác phẩm cùng tên là Huỳnh Đình Kinh: Huỳnh Đình Nội Cảnh Ngọc Kinh 黃庭內景玉經 và Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Ngọc Kinh 黃庭外景玉經. Tôi (Homann) gọi tắt là Nội Cảnh và Ngoại Cảnh.

[3] Thời gian hình thành Huỳnh Đình Kinh sẽ nói rõ ở một chương khác ở sau.

[4] [LAM chú]: Đạo giáo Trung Quốc có nhiều tông phái (tức giáo phái). Thuật ngữ tông 宗 và phái 派 đồng nghĩa nhau và Đạo giáo hay dùng lẫn lộn phái và tông để đặt tên. Người Tây phương thường dùng chữ sect để dịch chữ phái và chữ school để dịch chữ tông. Thực tế, tuy tông và phái đồng nghĩa nhau, nhưng Phật giáo có xu hướng dùng chữ tông và Đạo giáo có xu hướng dùng chữ phái (Xem Isabelle Robinet, Taoist Meditation - The Maoshan Tradition of Great Purity [Thượng Thanh Mao Sơn Tông 上清茅山宗], Julian F. Pas và Norman J. Giradot dịch Pháp-Anh, State University of New York Press,

1993, tr. xv.). Trong vài chục tông phái của Đạo giáo Trung Quốc, ngoài thuật ngữ tông và phái, thuật ngữ đạo và giáo cũng được dùng. Nhưng các thuật ngữ này được dùng không theo quy tắc nào cả và cũng không hề có sự so sánh về qui mô lớn nhỏ giữa các thuật ngữ ấy.

[5] Phần khái lược này tham khảo từ:

– Holmes Welch, Syncretism in the Early Taoist Movement (Tính tổng hợp trong phong trào Đạo giáo sơ khai). đăng trong tạp chí Papers on China, vol 10, Cambridge (Mass.), 1956.

– Holmes Welch, Taoism: The parting of the Way (Đạo chi phân kỳ), Boston, 1966.

– Max Kaltenmark, Lao-tseu et le Taoisme (Lão Tử và Đạo giáo), Paris, 1956.

[6] Xem Holmes Welch, Taoism: The parting of the Way (Đạo chi phân kỳ), tr. 89. Ở đây tôi (R. Homann) bác bỏ sự nghiên cứu cho rằng Đạo giáo là sự tái hiện của tôn giáo cổ đời Thương. Đây là quan điểm của Werner Eichhorn, Zur Religion im ältesten China [Shang-Zeit] (Bàn về tôn giáo ở Trung Quốc cổ đại [đời Thương]), đăng trong Wiener Zeitschrift für die Kunde Süd- und Ostasiens (Tạp chí của thành phố Viên, nghiên cứu Đông Nam Á học) II, 1958. Ở trang 7 và đặc biệt là trang 28, Eichhorn viết: «Nhiều nơi trong xã hội bấy giờ, người ta vẫn tín ngưỡng vị thần xa xưa huyền bí của dân đời Thương và theo giòng lịch sử vị thần này vẫn còn được tín ngưỡng trong các tông phái Đạo giáo và trong sự thực hành tôn giáo của họ, như thể Đạo giáo xét theo nhiều phương diện chính là sự phản ảnh của tinh thần và nghi thức của tôn giáo đời Thương.»

[7] [LAM chú]: Văn Tử là tác giả của một đạo kinh mang cùng tên là Văn Tử. Cho đến nay người ta vẫn chưa minh xác được nhân vật Văn Tử là ai. Một vài thuyết cho rằng Văn Tử là Tân Kế Nhiên 辛計然 vốn là thầy của Phạm Lãi 范蠡. Cả hai được Việt Vương Câu Tiễn 越王勾踐 trọng dụng trước khi Câu Tiễn bị nguy khốn tại Cối Kê 會稽. Ban Cố 班固 viết trong Hán Thư 漢書 rằng: Văn Tử là đệ tử của Lão Tử. Văn Tử sống đồng thời với Khổng Tử. (Xem Trương Thanh Hoa 張清華 chủ biên, Đạo Kinh Tinh Hoa 道經精華, Thời Đại Văn Nghệ xuất bản xã, Trường Xuân, 1995, quyển 2, tr. 1270.) Ở Việt Nam chưa hề có sách báo nào viết về Văn Tử.

[8] Max Kaltenmark, Lao-tseu et le Taoisme (Lão Tử và Đạo giáo), Paris, 1956, tr. 135.

[9] Wilhelm Grube đã có sự phân biệt này trong quyển Religion und Kultur der Chinesen (Tôn giáo và Văn hóa của người Trung Quốc), Leipzig, 1910, tr. 88, 89. Tuy nhiên người ta không thể nhận định rằng có sự chuyển biến từ Đạo gia sang Đạo giáo, mà phải nói về một hệ thống tôn giáo có tính tổng hợp mà Đạo gia bị giải thích nhầm là mở đường cho Đạo giáo.

[10] Về sự xuất hiện của Đạo gia, xem Arthur Waley, The Way and its Power (Đạo Đức Kinh), London, 1965.

Tổng quan về Đạo gia, xem Fung Yu-lan 馮友蘭 (Phùng Hữu Lan), A History of Chinese Philosophy (Trung Quốc Triết Học Sử), (bản dịch Anh ngữ của Derk Bodde), Princeton, Vol.1, 1952, tr. 133, 170, 221.

[11] Xem Holmes Welch, Syncretism in the Early Taoist Movement, 1956. tr. 10 và 42. Ở đây Welch đã bảo Hán Thư [là sách] đầu tiên nói rằng Trâu Diễn có liên hệ với thuật luyện đan.

Joseph Needham, Science and Civilisation in China, vol 5, Cambridge, 1956, tr. 241, cho rằng đan đạo thực sự bắt đầu vào thế kỷ IV tcn.

Jerome Wilson, Ciba Symposia, Vol. 2, No 7, Oct-1940, tr. 605, cho rằng Tần Thủy Hoàng là người sáng lập [theo truyền thuyết] của đan đạo (der legendäre Gründer der Alchemie).

Homer H. Dubs, The Beginning of Alchemy (Khởi nguyên của thuật luyện đan), đăng trong tạp chí Iris, Vol 38 (chuyên san quốc tế về lịch sử của khoa học và văn minh), 1947/48, tr. 63, viết rằng đan đạo được đề cập đầu tiên trong một sắc dụ của triều đình vào năm 144 tcn.

[12] Homer H. Dubs, tạp chí đã dẫn, tr. 62, 63.

[13] Xem phần dẫn nhập ngắn gọn về đan đạo của Homer H. Dubs trong tạp chí đã trích dẫn.

[LAM chú]: Đời Tần Thủy Hoàng và các đời vua Hán rất sủng ái các phương sĩ (magicians). Đời Hán, đứng đầu các phương sĩ là Lý Thiếu Quân 李少君. Lý đề xướng một quan điểm mới. Muốn thành tiên thì phải luyện đan 煉丹. Đan tức là kim đan 金丹, ăn kim đan này ắt thành tiên, không những sống lâu không chết (trường sinh cửu thị 長生久視) mà còn có pháp thuật biến hóa khác nữa. Kim đan được tinh luyện từ thần sa 神砂 hay chu sa 朱砂. Theo Holmes Welch, thần sa (hay chu sa: cinabar) chính là Sulphide thủy ngân. Còn theo Arthur Waley, chu sa chính là một thứ phẩm màu đỏ, theo lời tương truyền, có thể ban cho sự sống nếu được tinh luyện và ăn vào. Nhưng thực tế, cả hai – sulphide thủy ngân hoặc phẩm đỏ chu sa – đều là những chất độc, không thể ăn được. Hán Vũ Đế bị Lý Thiếu Quân thuyết phục (năm 133 tcn). Phương pháp luyện kim đan của họ Lý là chuyển hóa chu sa thành vàng. Xét về cơ sở ban đầu, thuật luyện kim Đông và Tây giống nhau, nhưng tại Trung Quốc điều đặc biệt quan trọng chính là ăn thứ kim đan ấy, để có thể thành tiên trường sinh bất tử. Đó là điều khác biệt cơ bản của thuật đan Trung Quốc và thuật luyện đan (alchemy) Tây phương.

[14] Sử Ký hội chú khảo chứng 史記會注考證, Tōkyō, 1932, quyển 4, chương 28, tr. 24.

[15] Danh từ «Quy Khư» mang đầy ẩn dụ này được dịch rất khác nhau. A. C. Graham (The Book of Lieh-tzu, London, 1960, tr. 97) dịch là «Đi vào hư vô» (the entry to the void); Richard Wilhelm (Liä-Dsi: Das Wahre Buch vom Quellenden Urgrund [Liệt Tử Xung Hư Chân Kinh] , 1921, tr. 49) dịch là «gò đất lớn» (das große Grab).

[16] Trang Tử tập thích 莊子集釋, Bắc Kinh, 1961, quyển 3, chương 17, tr. 563, giải rằng đó là nước khắp nơi đổ về Vĩ Lư 尾閭. Theo lời bình giải, đó là Ốc Tiêu 沃燋, là nơi nước bốc hơi lên.

[17] Liệt Tử tập thích 列子集釋, Hongkong, 1965, tr. 94, 95. Xem thêm bản dịch của Graham (sđd, tr.97) và Wilhelm (sđd, tr.49).

[LAM chú]: Tôi dịch theo bản chữ Hán trong Đạo Giáo Thập Tam Kinh 道教十三經 (Ninh Chí Tân 寧志新 chủ biên), Hà Bắc, 1994, quyển thượng, tr. 326; và trong Trung Hoa Đạo Học Thông Điển 中華道學通典 (Ngô Phong 吳楓 chủ biên), Nam Hải Xuất Bản Công Ty, Trung Quốc, 1994, tr. 238.

Đây là lời của Hạ Cách 夏革 đáp Ân Thang 殷湯 trong thiên Thang Vấn 湯問. Nguyên văn chữ Hán: Bột Hải chi đông bất tri kỷ ức vạn lý, hữu đại hác yên, thực duy vô để chi cốc, kỳ hạ vô để, danh viết Quy Khư. Bát huyền cửu dã chi thủy, Thiên Hán chi lưu, mạc bất chú chi, nhi vô tăng vô giảm yên. Kỳ trung hữu ngũ sơn yên: nhất viết Đại Dư, nhị viết Viên Kiều, tam viết Phương Hồ, tứ viết Doanh Châu, ngũ viết Bồng Lai. Kỳ sơn cao hạ chu tuyền tam vạn lý, kỳ đỉnh bình xứ cửu thiên lý. Sơn chi trung gian tương khứ thất vạn lý, dĩ vi lân cư yên. Kỳ thượng đài quán giai kim ngọc, kỳ thượng cầm thú giai thuần cảo. Châu can chi thụ giai tùng sinh, hoa thực giai hữu tư vị, thực chi giai bất lão bất tử. 渤海之東不知几億萬里,有大壑焉.實惟無底之谷,期下無底,名曰歸墟.八紘九野之水,天漢之流,莫不注之,而無增無減焉.其中有五山焉:一曰岱輿,二曰員嶠,三曰方壺,四曰瀛洲,五曰蓬萊其山高下周旋三萬里,其頂平處九千里.山之中間相去七萬里,以為鄰居焉.其上台觀皆金玉,其上禽獸皆純縞.珠玕之樹皆叢生,花實皆有滋味,食之皆不老不死 (Đại hác = đại hải 大海 [Homann dịch là große Schlucht: hang động lớn, thung lũng lớn]; Bát huyền= bát

cực 八極; Cửu Dã = Bầu trời được phân chia làm 9 vùng [cũng gọi Thiên Dã], tương ứng với Cửu Châu dưới đất [tức là Trung Quốc]; Thiên Hán = Ngân Hà 銀河)

[18] [LAM chú]: Khát vọng trở thành tiên, tức là được trường sinh bất tử, ám ảnh đông đảo quần chúng. Tương truyền rằng Tần Thủy Hoàng Đế, người thống nhất Trung Quốc vào năm 221 trước Công Nguyên, đã triệu vời nhiều kẻ phương sĩ (magicians) từ vùng duyên hải Đông Bắc Trung Quốc về triều đình để làm cố vấn cho vua về thứ linh dược ấy. Những kẻ phương sĩ như Lư Sinh 盧生, Từ Phúc 徐福 đã mê hoặc vua Tần. Lư Sinh giải thích cho vua Tần rằng Chân Nhân là bậc đi vào nước không ướt, vào lửa không cháy, đằng vân, cùng trường thọ với trời đất [lời giải thích này giống lời giải của Trang Tử trong chương Đại Tông Sư]. Tần Thủy Hoàng nghe xong, thích chí muốn trở thành Chân Nhân. Lư Sinh còn hiến kế rằng vua phải có hành tung bí mật thì mới mong tìm được thuốc trường sinh, thế là vua Tần ra lệnh xây 270 cung điện xung quanh Hàm Dương trong phạm vi 200 dặm. Cung điện nối nhau, màn trướng trống chiêng cùng gái đẹp vô số. Ai tiết lộ chỗ vua ngự sẽ bị chém đầu. Còn Từ Phúc thì thuyết phục vua làm những cuộc hải hành tìm đảo Bồng Lai, tìm tiên dược. Nhưng rồi họ đi lạc mãi không về. Bọn phương sĩ làm công việc triều đình hư hỏng, công quỹ hao tốn đến nỗi Lư Sinh phải đào tẩu. Việc này làm Tần Thủy Hoàng thịnh nộ. Cùng với việc bị đám nho sĩ đặt điều sàm báng chỉ trích, Tần Thủy Hoàng bèn chôn sống 460 người, cả bọn phương sĩ và đám nho sĩ tại Hàm Dương. Hai năm sau, vua đi thuyền ở vùng duyên hải lần nữa (có lẽ lại tìm thuốc trường sinh) nhưng ngọa bệnh và mất. Từ tư liệu về các chuyến hải hành tìm kiếm vô vọng các đảo thần tiên nói trên, nữ tác giả Henriette Mertz đã căn cứ thêm vào Sơn Hải Kinh 山海經 (viết khoảng 2250 tcn) và bản đồ châu Mỹ cổ đại và các cổ vật mang dấu vết văn hóa Trung Quốc cổ đại được khai quật ở châu Mỹ mà chứng minh rằng chính những người Trung Quốc như nhóm Từ Phúc đã khám phá ra châu Mỹ trước Columbus gần 4000 năm. Nghĩa là họ là thế hệ Hoa Kiều thứ nhất tại châu Mỹ. (Xem quyển Gods from the Far East: How the Chinese discovered America? (Thần minh từ viễn đông: Người Trung Quốc đã phát hiện châu Mỹ như thế nào?) của Henriette Mertz, Ballantine Books, New York, 1975).

[19] R. Wilhelm, Dschuang Dsi – das Wahre Buch vom Südlichen Blütenland (Trang Tử Nam Hoa Chân Kinh), Jena, 1920, tr. 116; và Trang Tử tập thích 莊子集釋, Bắc Kinh, 1961, quyển 3, chương 15, tr. 535.

[LAM chú]: Nguyên văn chữ Hán (trong chương Khắc Ý): Xuy hu hô hấp, thổ cố nạp tân, hùng kinh điểu thân, vi thọ nhi dĩ hĩ; thử đạo dẫn chi sĩ, dưỡng hình chi nhân, Bành Tổ thọ khảo giả chi sở hiếu dã. 吹呴呼吸, 吐故納新; 熊經鳥申, 為壽而已矣; 此導引之士, 養形之人, 彭祖壽考者之所好也. (Xuy hu: cũng viết là 吹噓 = hô hấp dài và sâu; Kinh = treo, đu, trèo; Điểu thân = [như] chim duỗi cổ và cánh). Chữ hùng kinh nhiều người dịch không giống nhau: Wilhelm dịch là 'duỗi ra như con gấu' (sich recken wie ein Bär) [sđd.]; James R. Ware dịch là 'leo trèo như gấu' (make the climbing movements of the bear) [The Sayings of Chuang Chou, New York, 1963, p.103]; Clae Waltham (phỏng theo James Legge) dịch là 'trải qua thời gian như con gấu ngủ im' (passing the time like the dormant bear) [Chuang Tzu: Genius of the Absurd, New York, 1971, p.183]; Nguyễn Hiến Lê dịch là 'treo mình lên như con gấu' [Trang Tử, nxb Văn Hóa, 1994, tr.318]; Vương Phu Chi giải là 'như gấu leo cây' (hùng kinh như hùng chi phan thụ 熊經如熊之攀樹) [Vương Phu Chi 王夫之, Trang Tử giải 莊子解, Đài Bắc, 1972, tr. 321]; Ninh Chí Tân dịch là 'giống như con gấu vươn cổ lên' (tượng lão hùng điếu cảnh 像老熊吊頸) [Đạo Giáo Thập Tam Kinh, quyển Thượng, Hà Bắc, 1994, tr.189]; Ngô Phong dịch là 'dẫn khí giống như gấu leo cây' (tượng hùng nhất dạng phan thụ nhi dẫn khí 像熊一樣攀樹而引氣) [Trung Hoa Đạo Học Thông Điển, tr.156].

Sở dĩ Trang Tử mỉa mai đạo dẫn, vì nơi đoạn văn tiếp theo ông cho rằng: «Không cần phải rèn ý chí

(Khắc Ý) mà vẫn cao thượng; không đề xướng nhân nghĩa mà vẫn có thể tu thân; không truy cầu công danh mà vẫn trị thế được; không lánh giang hồ mà vẫn an nhàn được; không luyện đạo dẫn mà vẫn trường thọ; quên hết mà vẫn có đủ; điềm tĩnh cực điểm mà mọi điều hay đẹp đều tụ về mình, như vậy mới là đại đạo của trời đất và chân đức của thánh nhân.» Nghĩa là bất cố ý tạo tác mà sự tự nhiên thành.

[20] Tác giả Yü Ying-shih phân biệt hai quan niệm của Trung Quốc về sự bất tử. Quan niệm xa xưa – mà các văn tự khắc trên đồ đồng xưa (gọi là chung đỉnh văn) đã chứng minh – chỉ là sống lâu. Quan niệm về sau – xuất hiện khoảng thời Xuân Thu (722-481 tcn) – là bất tử. Vậy, Yü phân biệt sự bất tử tại thế (worldly immortality) với sự bất tử ở cõi khác (other worldly immortality) tức là thành Tiên 仙. Xem Yü Ying-shih, Life and Immortality in Han-China (Sự sống và sự bất tử ở Trung Quốc đời Hán), đăng trong Harvard Journal of Asiatic Studies (Á học chuyên san của Đại học Harvard), vol. 25, Cambridge (Mass.), 1965, chú thích ở tr. 87.

[21] Holmes Welch, Taoism: The parting of the Way (Đạo chi phân kỳ), Boston, 1966, tr. 99. Tuy nhiên ở đây Welch nêu ra sự dị biệt riêng với các nguồn nói trên. Thí dụ như Lý Thiếu Quân muốn thành tiên sống nơi Bồng Lai chứ không muốn sự bất tử chung chung.

[22] Thí dụ vị trí của Đông Phương Sóc 東方朔 vẫn chưa rõ ràng trong Đạo giáo.

[23] Welch, sđd., 1966, tr. 123 và Werner Eichhorn, Bemerkungen zum Aufstand des Chang Chio und zum Staate des Chang Lu (Nhận xét về cuộc khởi nghĩa của Trương Giác và các quận trị của Trương Lỗ), đăng trong tạp chí của Institut für Orientforschung 3/2 (Viện Nghiên Cứu Đông Phương), Berlin, 1955, tr. 308, 309: «Thanh đàm (đàm đạo về những điều thanh tao: plaudereien über die Reinheit) về sau đã trở thành đặc điểm Đạo giáo của giới thượng lưu.»

Ở đây ta nên tham khảo thêm ý kiến của Đường Trường Nhu 唐長孺, Ngụy Tấn Nam Bắc Triều Sử Luận Tùng 魏晉南北朝史論叢, Bắc Kinh, 1955, tr. 290: Trong giai đoạn quá độ từ Ngụy đến Tấn, phái Thanh Đàm gắn liền với [tư tưởng] Lão Trang.

Về sự liên hệ giữa phái Thanh Đàm và Phật giáo, xem: Zürcher, The Buddhist Conquest of China (Phật giáo chinh phục Trung Quốc), Leiden, 1959, tr. 93.

[24] Welch, sđd., 1966, tr. 124. Welch mô tả Phong Lưu (wind-floating) là một phái vừa có tính chất đạo giáo nhiều hơn vừa có tính chất lãng mạn trữ tình nhiều hơn. Phái này trái ngược với Thanh Đàm là phái mang nhiều tính chất triết lý hơn. Đại biểu cho phái Phong Lưu là Trúc Lâm Thất Hiền 竹林七賢 (die sieben Weisen des Bambushaines: the Seven Sages of the Bamboo Grove).

[25] Maspero, Le Taoïsme et les religions chinoises, Paris, 1950, tr. 85-116; và Needham, Science and Civilisation in China, vol. 2, Cambridge, 1956, tr. 143.

[LAM chú]: Tác giả Homann tham khảo Maspero và Joseph Needham và cải biên một chút. Theo Maspero, có nhiều phương thức tu luyện khác nhau, nhưng đại khái có 3 loại chính:

– Phục dược (absorption de drogues)

– Hành khí thổ nạp (circulation du souffle)

– Luyện đan (alchimie).

Rồi Maspero lại chia thuật tu tiên thành 2 giai đoạn:

a. Bước đầu tu luyện Tiên đạo phải tu tâm luyện đức, sống đời đạo đức và hành thiện (les premiers pas dans la voie de l'Immortalité = la vie morale et les 'actes' de vertue).

b. Luyện hình (pratiques physiologiques):

– Luyện đan (pratiques alchimiques)

– Tịch cốc (pratiques diététiques)

– Hành khí thổ nạp (pratiques respiratoires)

– Phòng trung thuật (pratiques sexuelles)

– Đạo dẫn (pratiques gymnastiques).

Cách phân chia của Maspero cũng chưa rõ ràng. Bởi vì Luyện đan bao gồm cả nội đan và ngoại đan. Nội đan bao gồm việc luyện khí vận chu thiên, xem thân mình là tiểu thiên địa, cố theo Dịch Lý mà khẩu quyết là luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, luyện hư hoàn vô 煉精化氣, 煉氣化神, 煉神還虛, 煉虛還無. Nhưng ngoại đan thì chủ yếu luyện ngoại dược làm thuốc trường sinh (tiên dược), bao gồm cả luyện đan sa và các dược thảo, như Cát Hồng 葛洪 đã nói trong Bão Phác Tử Nội Thiên 抱朴子內篇 (chương Tiên Dược 仙藥): Phục linh 茯苓, mạch môn đông 麥門冬, câu kỷ 苟杞, thiên môn đông 天門冬, hoàng tinh 黃精, hồ ma 胡麻, quế 桂, cam cúc 甘菊, tòng chỉ 松脂, v.v. Cho nên Maspero tách phục thực và phục dược ra khỏi luyện đan là không hợp lý.

Về 6 phép luyện sau, Homann tham khảo Needham (sđd., vol 2, tr. 143), đó là:

– Luyện khí (Respiratory techniques)

– Sái liệu pháp = Nhật bộc pháp (Heliotherapeutic techniques)

– Đạo dẫn (Gymnastic techniques)

– Phòng trung thuật (Sexual techniques)

– Luyện đan và phục dược (Alchemical and pharmaceutical techniques)

– Ẩm thực điều dưỡng (dietary techniques).

Đã thế thì phép tu luyện không chỉ có 7. Ta có thể kể thêm phép tắm nước nóng pha dược liệu (hương thang mộc dục 香湯沐浴), án ma pháp 按摩法, v.v. Thậm chí còn có cách tu riêng dành cho nữ phái mà đa phần bắt nguồn từ Tôn Bất Nhị nữ đan pháp 孫不二女丹法.

» mục lục ▸ Xem bài tiếp: Xác định niên đại của Huỳnh Đình Kinh

» mục lục

Xác định niên đại của Huỳnh Đình Kinh [1]

*** Rolf Homann (1941-2003)**
*** Lê Anh Minh dịch**

Trong các bản Huỳnh Đình Kinh, chúng ta không thể nào tìm được thông tin về tác giả. Viên Đốn Tử 圓頓子 trong tác phẩm Huỳnh Đình Kinh Giảng Nghĩa 黃庭經講義 của ông cũng nói như thế: «Huỳnh Đình Kinh bất trứ soạn nhân danh thị cập thời đại.» 黃庭經不著撰人名氏及時代 (Huỳnh Đình Kinh không ghi tên họ và thời đại của soạn giả). [2]

Ngay từ đời Tống người ta cũng không biết ai là tác giả của Huỳnh Đình Kinh. Âu Dương Tu viết: «Cả Nội Cảnh lẫn Ngoại Cảnh đều không nói về tên họ của tác giả Huỳnh Đình Kinh.» [3]

Chính một bản Huỳnh Đình Kinh có từ đời sơ Đường mà Mễ Phất 米芾 nêu ra trong quyển Thư Sử 書史 (Lịch sử Thư pháp) của ông cũng không công bố tên họ của tác giả bộ kinh này. [4]

Về sự khó khăn của việc xác định niên đại và tác giả của các thư tịch cổ Trung Quốc, Arthur Waley nói rằng: «Dân Trung Quốc cổ đại đã quen quan niệm rằng thư tịch là sách ghi chép về truyền thống [của họ]. Mục đích của họ là muốn bảo tồn những đồ vật cổ kính để chúng không bị người đời quên lãng. Hệ quả tất nhiên là những người ghi chép cần phải ghi chép những thư tịch đó với diện mạo là cổ tịch chứ không phải là sách trình bày những ý tưởng của họ như là các phát kiến riêng tư và mới mẻ.» [5]

Do đó, trong một vài tác phẩm viết về Huỳnh Đình Kinh đã bảo kinh này có vào thời các vị đế vương trong truyền thuyết. Chẳng hạn như quyển Hỗn Nguyên Thánh Kỷ 混元聖紀 của Tạ Thủ Hạo 謝守灝 đời Tống viết rằng dưới đời vua Đế Khốc 帝嚳 (2435-2365) đã xảy ra sự kiện sau đây: «Lão Quân 老君 giáng thế, cư ngụ tại Giang Tân 江濱, tự xưng là Lục Đồ Tử 錄圖子 […] Ngài giảng về những lời lẽ huyền diệu của Huỳnh Đình.» [6]

Đời Nguyên, Triệu Đạo Nhất 趙道一 trong tác phẩm Lịch Thế Chân Tiên Thể Đạo Thông Giám 歷世真仙體道通鑑 cũng viết tương tự: «Vào thời Đế Khốc, Lục Đồ Tử giáng trần tại Giang Tân. Ngài giảng Huỳnh Đình Kinh để dạy đạo thanh tĩnh và hòa đồng (thanh hòa chi đạo 清和之道) […] Ngài truyền kinh này cho Đế Khốc. Cũng có nghĩa là ngài soạn 50 chương Huỳnh Đình Kinh.» [7]

Henri Maspero đã mô tả một hình thức khác của sự truyền bá đạo kinh với các kinh sách khác như sau: «Đức Thái Thượng đã giảng những kinh này cho các vị thần tối cao nghe, và chư thần này, đến lượt mình, đã viết các lời kinh bằng chữ vàng trên các lá ngọc; đã giải thích các lời kinh này cho chư thần có ngôi vị thấp hơn họ. [...] Thỉnh thoảng, chư thần tối cao này còn giảng dạy những lời kinh ấy cho con người.» [8]

Chúng ta cũng tìm thấy chỉ dẫn tương tự có liên hệ với Huỳnh Đình Kinh. Đó là tác phẩm Huỳnh Đình Kinh Giải 黃庭經解 của Lưu Nhất Minh 劉一明: «Huỳnh Đình Kinh là bí văn của Đông Hoa Phù Tang Đế Quân 東華扶桑帝君. [9] Một tên khác của kinh này là Đại Đế Kim Thư 大帝金書. Gọi là Kim Thư vì kinh được khắc trên thẻ bằng vàng (kim giản 金簡). Kinh còn có tên khác là Đông Hoa Ngọc Thiên 東華玉篇. Gọi là Ngọc Thiên vì kinh cũng được khắc trên ngọc.» [10]



上清黃庭內景經 此經見錄智者觀文志及宋史藝文志

務成子注

上清章第一

上清紫霞虛皇前太上大道玉晨君。上清者，三清名也。虛洞總三元統梵炁而為言。太上，即高聖大道君也。玉晨者，大道所居之宮，猶紫微、太極之稱。理在上清紫霞之境，猶紫炁映徹。玉晨，猶紫空映徹。閑居蕊珠作七言。閑居，猶靜處。蕊珠，上清宮闕名。作此經，皆以七言。散化五形變萬神。散化五形，猶化形變體。變通萬神，即此經經營變通，是為黃庭內篇。言數變，又句也。琴心三疊傳胎仙。琴，和也。三疊，三開四。開兆經營者重疊也。胎仙，即大神，赤日胎男，紫明金中，感圓二炁，結成嬰兒之王。以其心和則神悅，故得結仙也。九氣映明出常閒。九天之氣，入於人身，謂腎肺上徹。故曰神靈。也常閒，九天生神經曰：三元育氣，九氣結形。童子生紫嫗。童子，目神。紫嫗，謂眉也。紫子，目神。也紫嫗，即目金氣。神。是曰玉書可精研。研，研之萬過，昇三天。此經亦曰玉書，謂精研之法，過滿萬遍。千災以消百病痊。不懼虎狼

Thượng Thanh Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, Vụ Thành Tử chú

Ngay từ đầu kinh của cả Nội Cảnh và Ngoại Cảnh đều khẳng định tác giả là một vị thần. Đầu Nội Cảnh viết: «Thượng Thanh Tử Hà Hư Hoàng tiền, Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân, nhàn cư Nhụy Châu tác thất ngôn.» 上清紫霞虛皇前, 太上大道玉晨君, 閑居蕊珠作七言 (Trước làn khí đỏ tía nguyên thủy hư vô nơi tầng trời Thượng Thanh, đức Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân nhân lúc thư nhàn nơi cung Nhụy Châu đã viết kinh bảy chữ.) [11]

Tôi không tra cứu được vị thần có danh hiệu như vậy. Theo lời chú của Vụ Thành Tử, đây là tên của một vị thần do ghép hai danh hiệu của hai vị thần khác: Tử Thanh Thái Tố Cao Hư Động Diệu Tam Nguyên Đạo Quân 紫清太素高虛洞曜三元道君 và Cao Thánh Thái Chân Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân 高聖太真玉晨玄皇大道君. [12] Tên của hai vị thần này đã được đạo sĩ trứ danh Đào Hoằng Cảnh 陶弘景 (452-536) chép vào thần phổ. [13] Mao Sơn Chí 茅山志 của Lưu Đại Bân 劉大彬 đời Nguyên cũng ghi chép về hai vị thần này. Đây là hai vị thần đứng đầu trong truyền thống của phái Thượng Thanh Mao Sơn Tông 上清茅山宗. [14] Lời chú khác kết luận rằng đây không phải nói về tên hai vị thần, mà chỉ là tên hiệu của một vị: đức Ngọc Thần Quân 玉晨君.

Lãnh Khiêm 冷謙 đời Tống nơi lời chú trong tác phẩm Huỳnh Đình Kinh Bí Nghĩa 黃庭經秘義 của ông đã nhắc đến địa vị của Hải Nội Thập Châu Ký và viết rằng: «Đức Ngọc Thần Quân cư ngụ nơi tầng trời Thượng Thanh. Ngài cai quản cung Nhụy Châu Bối Khuyết, nhân lúc thừa nhàn ngài soạn những câu thơ bảy chữ để thuyết giảng Đại Đạo.» [15]

Ngọc Thần Quân cũng là thần cư ngụ nơi Phổi (phế thần 肺神). [16]

Huỳnh Đình Ngoại Cảnh cho biết các tên hiệu khác nhau: Lão Quân 老君, [17] Thái Thượng 太上, [18] Lão Tử 老子. [19] Các nhà bình chú đều cho rằng Lão Quân và Thái Thượng tức là Lão Tử, do đó rốt cuộc tác giả của Huỳnh Đình Kinh chính là Lão Tử.

Học giả Vương Minh 王明 cương quyết bác bỏ sự gán ghép Lão Tử với Huỳnh Đình Kinh. Ông cho rằng sự gán ghép này là một nhầm lẫn có từ đời Đường. Các vua đời Đường có cùng họ Lý với Lý Nhĩ 李耳 (tức Lão Tử), do đó đã nhận Lý Nhĩ làm tổ tiên của mình. [20]

Tất cả những trích dẫn đến đây đều nhất trí tác giả của Huỳnh Đình Kinh là thần tiên. Qua đó, lời chú của Viên Đốn Tử (trích dẫn nơi đầu chương này) được xác minh rằng chúng ta không thể nào tìm ra tác giả đích thực của Huỳnh Đình Kinh.

Một nhân vật có thật trong lịch sử có liên quan đến Huỳnh Đình Kinh là Ngụy Hoa Tồn 魏華存 (252-334). Tuy nhiên Ngụy phu nhân được đề cập như là người tiếp nhận Huỳnh Đình Kinh từ tay của thần tiên, chứ phu nhân không phải là tác giả của kinh này. Trong lời tựa của Nội Cảnh, Vụ Thành Tử viết: «Phù Tang Đế Quân mệnh Dương Cốc Thần Tiên Vương, [21] truyền Ngụy phu nhân.» 扶桑大帝君命暘谷神仙王傳魏夫人 (Phù Tang Đại Đế Quân ra lệnh cho Dương Cốc Thần Tiên Vương truyền [Nội Cảnh] kinh cho Ngụy phu nhân.)[22]

Những chính sử về các triều đại Trung Quốc không ghi chép về tiểu sử Ngụy Hoa Tồn và tên tuổi của nhân vật này – theo sự tra cứu của tôi – đã không được đề cập ở đâu cả trong chính sử. Tuy nhiên, ngoài chính sử thì có một tiểu sử về nhân vật này, đó là Nam Nhạc Ngụy Phu Nhân Truyện 南岳魏夫人傳 do Nhan Chân Khanh 顏真卿 [23] đời Đường viết. Dựa trên tiểu truyện này mà có đến 4 dị bản khác. [24] Nhiều nơi trong Đạo Tạng chúng ta cũng có thể tìm ra nhiều tiểu sử giản lược của Ngụy phu nhân. [25]

Nhân vật Ngụy Hoa Tồn khiến người ta phải chú ý nhiều bởi vì bà là sơ tổ của Mao Sơn Tông 茅山宗. [26] Tông phái này được mô tả tỉ mỉ trong chương 10 của Mao Sơn Chí 茅山志. Trong lịch sử truyền thừa của Mao Sơn Tông, đứng đầu có 7 vị thần mà 2 trong các vị này có liên quan đến Huỳnh Đình Kinh (đó là Tử Thanh Thái Tố Cao Hư Động Diệu Tam Nguyên Đạo Quân 紫清太素高虛洞曜三元道君 và Cao Thánh Thái Chân Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân 高聖太真玉晨玄皇大道君). [27]

Cho đến đời Nguyên, Ngụy Hoa Tồn và 44 đời tổ sư của tông phái này đã truyền dạy giáo lý của các bậc thần tiên nói trên. [28] Từ các tiểu sử của Ngụy phu nhân hiện có, tôi chỉ trích dẫn những sự kiện quan trọng nhất trong đời bà. Ngụy Hoa Tồn sinh năm 252 cn tại Nhậm Thành 任城. [29] Bà là con gái của Ngụy Thư 魏舒 (mất năm 290 cn). [30] Trên đường khoa hoạn, ông đã vươn lên một trong những quan chức cao nhất. [31] Ngụy Hoa Tồn tự là Hiền An 賢安, từ thuở hoa niên đã hâm mộ và nghiên cứu Lão Trang. Bà sau đó cũng nghiên cứu kinh điển Nho giáo và các trường phái triết gia còn lại. Rồi bà chuyên tâm tu tập theo Đạo giáo và ước nguyện trở thành thần tiên. Bà tu theo phục thực: ăn phục linh 茯苓 và hồ ma 胡麻, [32] luyện đạo dẫn, thích ẩn dật. Năm bà 24 tuổi, bị cha mẹ ép buộc lấy chồng là Thái Bảo Lưu Văn 太保劉文 ở Nam Dương 南陽. [33] Bà sinh được hai con tên là Phác 璞 và Hà 瑕. Khi con khôn lớn, bà biệt cư để tĩnh tọa và chay tịnh. Sau ba tháng tu luyện, bà được nhiều thần tiên giáng hạ dạy đạo, truyền kinh và khẩu quyết. Trong những kinh đó có Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh.

«Cảnh Lâm Chân Nhân [34] truyền Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh cho Ngụy phu nhân. Ngài ra lệnh cho bà phải đọc tụng kinh này cả ngày lẫn đêm. Khi đọc đủ một vạn lần, bà sẽ thấy được thần tiên; sẽ cảm thấy dễ chịu ở lục phủ, và có thể hòa hợp được tam hồn. Ngũ tạng sẽ khang kiện và dung mạo sẽ tươi trẻ trở lại như hài nhi. Đó là đạo trường sinh bất tử.» [35]

Ngụy phu nhân soạn phần bình chú cho Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh. [36]

Sau khi chồng qua đời, bà dời về Lạc Ấp 洛邑 (nay ở Hà Nam) và rồi đến bờ phía Nam sông Dương Tử. Mỗi khi gặp gian khó, bà đều được thần tiên phù hộ. Năm 334 cn, bà liễu đạo, đang lúc 83 tuổi. [37]

Tương truyền, bà được thần tiên phong là Tử Hư Nguyên Quân 紫虛元君, Thượng Chân Tư Mệnh 上真司命, Nam Nhạc Phu Nhân 南岳夫人, xếp vào hàng tiên, cai quản núi Đại Hoắc Sơn 大霍山 trong rặng núi Thiên Thai 天台.

Các kinh sách và khẩu quyết mà chư tiên truyền cho Ngụy phu nhân về sau đã đến tay của một đạo sĩ nổi tiếng là Dương Hi 楊羲 (330-386 cn). [38] Có hai thuyết về sự truyền thừa này. Một thuyết nói Ngụy phu nhân truyền các kinh này cho con cả là Lưu Phác, rồi ra lệnh cho Phác truyền cho Dương Hi. [39] Một thuyết thì nói: «Nếu người ta tìm hiểu sự xuất hiện đầu tiên của Thượng Thanh chân kinh, [thì sẽ thấy] sự

truyền các kinh này bắt đầu từ năm Hưng Ninh thứ 2 đời Tấn Ai Đế (364 cn). Năm này, Nam Nhạc Phu Nhân (tức Tử Hư Nguyên Quân, Thượng Chân Tư Mệnh) giáng cơ truyền cho đệ tử là Dương Hi (vốn là xá nhân nơi công phủ của quan tư đồ của Lang Nha Vương 琅琊王).» [40]

Thượng Thanh Chân Kinh được nêu ở đây có quan hệ mật thiết với Huỳnh Đình Kinh. Trong Đạo Tạng Nguyên Lưu Khảo 道藏源流考 của Trần Quốc Phù viết: «Huỳnh Đình Kinh giải thích các chư thần trong thân thể con người. Đây là căn bản các pháp trong Thượng Thanh Kinh.» (Huỳnh Đình Kinh xiển thuật thân thần, vi Thượng Thanh Kinh pháp chi căn bản 黃庭經闡述身神為上清經法之根本). [41]

Trong Huỳnh Đình Kinh Khảo của Vương Minh, những kết quả có tầm quan trọng cho sự xuất hiện của Huỳnh Đình Kinh được ông toát lược thành 4 điểm như sau:

1. Trong khoảng từ đời Ngụy đến đời Tấn, ai đó đã sở hữu riêng một bản viết tay tương tự như Huỳnh Đình Kinh.

2. Ngụy Hoa Tồn sinh năm 253 cn. Khoảng năm 289 cn, bà nhận được Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh.

3. Ngụy Hoa Tồn mất năm 334 cn, lúc 83 tuổi. Thời gian Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh được sáng tác thật đáng nghi ngờ.

4. Trước tiên Ngụy Hoa Tồn nói về Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh. Người con tên là Phác của bà đã truyền pháp cho Dương Hi. Năm 365 cn, Ngụy Hoa Tồn với tư cách thần tiên giáng hạ nơi bàn thờ nơi nhà của Dương Hi và giảng cho Dương Hi về cuốn kinh này. [42]

Cho đến nay chưa ai rõ giữa Nội Cảnh và Ngoại Cảnh, kinh nào có trước. Maspero bảo Ngoại cảnh có trước; Vương Minh bảo Nội cảnh có trước. Nhưng tôi thấy hai thuyết này đều không có đủ chứng cứ vững chắc. [43]

Có lẽ thứ tự trước sau của Nội Cảnh và Ngoại Cảnh không quan trọng bằng chính nội dung của chúng như Kaltenmark đã chỉ ra: «Dường như Nội Cảnh Kinh là kinh mà người ta tụng đọc và luyện tập theo lời dạy của kinh trong phạm vi nội bộ của Mao Sơn Tông, và dường như Ngoại Cảnh Kinh là để dành cho những người chưa nhập môn [tụng đọc].» [44]

Liệt Tiên Truyện và Bão Phác Tử Nội Thiên không phân biệt Nội Cảnh và Ngoại Cảnh khi nhắc đến Huỳnh Đình Kinh:

– «… Lúc đó, ngài trao cho ông ta quyển Lão Quân Huỳnh Đình Kinh và bắt ông ta phải tụng mỗi ngày ba lần…» [45]

– «… Ông ta ngày đêm tụng đọc những kinh điển như Huỳnh Đình Kinh…» [46]

Như thế, Cát Hồng chỉ nói đến Huỳnh Đình Kinh trong danh mục các đạo thư, đề cập nơi Bão Phác Tử Nội Thiên.● [47]

CHÚ THÍCH

[1] Dịch từ nguyên tác Đức ngữ: Datierung des Huang-t'ing ching, trích dịch từ Rolf Homann, Die wichtigsten Körpergottheiten im Huang-t'ing ching (Chư thần quan trọng nhất trong nhân thể theo Huỳnh Đình Kinh), Verlag Alfred Kümmerle, Göppingen, Germany, 1971, tr.14-24. Chú thích riêng của người dịch được ghi là [LAM chú].

[2] Lý Lạc Cầu 李樂俅, Tiên Học Diệu Tuyển 仙學妙選, Đài Bắc, 1967, tr. 27.

[LAM chú] Viên Đốn Tử là hiệu của dạo gia hiện đại Trần Anh Ninh 陳攖寧 (1880-1969).

[3] Âu Dương Tu 歐陽修, Âu Dương Vĩnh Thúc Tập 歐陽永叔集, quyển 6, chương 1, tr. 60.

[4] Mễ Phất (1051-1107) viết trong Thư Sử rằng Huỳnh Đình Kinh là tác phẩm có từ thời Lục Triều 六朝 (222-587). Ngoài ra, Mễ Phất còn mô tả tỉ mỉ bản Huỳnh Đình Kinh mà ông có và nghiên cứu lịch sử truyền bá kinh này.

[LAM chú] Chữ 芾 trong 米芾 thường phiên âm là phế, phí, phất. Ở đây tôi đọc Mễ Phất, căn cứ Tân Hoa Tự Điển, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr. 182, phiên 芾 là /fú/ và giảng: (1) Thảo mộc mậu thịnh 草木茂盛: cây cỏ sum xuê tươi tốt. (2) Đồng phất, Tống đại thư họa gia Mễ Phất, dã tác Mễ Phất 同黻 /fú/. 宋代書畫家米芾亦作米黻 /Mǐ Fú/: đồng với chữ phất, thư họa gia đời Tống Mễ Phất, cũng viết là Mễ Phất. (3) Cũng đọc là /fèi/.

[5] Arthur Waley, The Life and its Power, London, 1965, p. 102.

[LAM chú]: Hiện tượng này hết sức phổ biến trong các cổ tịch, nhất là đạo kinh. Thông thường một đạo sĩ nào đó viết ra một quyển sách, và để tăng trọng lượng cho tác phẩm cũng như để người đời trân trọng và tụng niệm, đạo sĩ đã mượn danh một thần tiên nào đó làm tác giả.

[6] Đạo Tạng 道藏 551/W762, chương 1, tr. 10b/11a.

[7] Đạo Tạng 道藏 139/W293, chương 2, tr. 3b/4a.

[LAM chú] Rolf Homann dịch thanh hòa chi đạo là der Weg des reinen Friedens (đạo thanh bình) nhưng ý chỉ giảng dạy của Lão Tử là Thanh tĩnh vô vi 清靜無為 và Hòa kỳ quang đồng kỳ trần 和其光同其塵, vì thế tôi dịch là đạo thanh tĩnh và hòa đồng. Một chi tiết khác: không rõ bản Huỳnh Đình Kinh nào lại có đến 50 chương? Thông thường Nội Cảnh có 36 chương và Ngoại Cảnh có 3 bộ (thượng, trung, hạ), còn toàn văn của Trung Cảnh không phân chia thành các chương.

[8] Henri Maspero, Les dieux taoistes; comment on communique avec eux; đăng trong Academie des Inscriptions et Belles Lettres – Comptes rendus des séances de l'Année 1937, Paris 1937, p. 368. (Ces Livres, le Vénérable céleste les a récités aux dieux les plus hauts, et ceux-ci, à leur tour, les ont écrits en caractères d'or sur des feuilles de jade; ils les ont expliqués aux dieux qui sont audessous d'eux, ... De temps en temps, les dieux les enseignent aux hommes.)

[9] Thuật ngữ Đông Hoa được giải thích như là sự mô tả các cung thuộc hướng đông (xem Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 21: Đông Hoa chư phương chư cung danh 東華諸方諸宮名). Ở đây ta có thể dựa vào Richard Wilhelm để dịch thuật ngữ Đông Hoa (xem Richard Wilhelm, Dschuang-dsi Das Wahre Buch vom Südlichen Blütenland: Trang Tử Nam Hoa Chân Kinh, Jena 1920). Cây phù tang là loại cây huyền thoại, ở hướng đông. Trong các kinh văn thời Lục Triều, phù tang tượng trưng cho vùng đất huyền thoại ở hướng đông. Vị thần cai quản nơi đây là Đông Hoa Đế Quân (xem K. M. Schipper, L'Empereur Wou des Han dans la légende taoiste, Paris, 1965, tr. 69, 81).

[LAM chú] Vấn đề phù tang được tranh luận đã lâu nhưng vẫn chưa thấu đáo. Cách giảng của Wilhelm chỉ là một thuyết khá phổ biến.)

[10] Đạo Tạng Tinh Hoa 道藏精華, bộ 4, tập 7, tr. 1. (Huỳnh Đình Kinh giả, Đông Hoa Phù Tang Đế Quân chi bí văn dã. Nhất danh Đại Đế Kim Thư dĩ kỳ khắc ư kim giản. Nhất danh Đông Hoa Ngọc Thiên dĩ kỳ khắc ư ngọc. 黃庭經者, 東華扶桑帝君之秘文也. 一名大帝金書以其刻於金簡. 一名玉篇以其刻於玉)

[LAM chú] Homann không chép nguyên văn chữ Hán. Tôi tra lại câu trên trong Huỳnh Đình Kinh Giải của Lưu Nhất Minh trong bộ Đạo Thư Thập Nhị Chủng 道書十二種 và chép lại nơi đây.

Vụ Thành Tử 務成子 cũng giải thích tương tự trong Đạo Tạng Tinh Hoa 道藏精華, bộ 1, tập 9, tr. 21: Đông Hoa chư phương chư cung danh 東華諸方諸宮名. Một tên khác nữa của Nội Cảnh được nhắc đến nơi đây là: Thái Thượng Cầm Tâm Văn 太上琴心文.

[11] Đại Hán Hòa Từ Điển 大漢和辭典 của Tetsuji Morohashi, 31339/8, có ghi chú về một nơi chốn được chép trong quyển Hải Nội Thập Châu Ký 海內十洲記 của Tung fang-shuo (Đông Phương Sóc 東方朔 ?) mà ngày nay kinh văn này không thể tìm được. Đó là Ngọc Thần Đại Đạo trị Nhụy Châu bối khuyết 玉晨大道君治蕊珠貝闕 (đức Ngọc Thần Đại Đạo cai trị nơi cung bối khuyết Nhụy Châu). Trong Sở Từ 楚辭 có câu: «Tử bối khuyết nhi ngọc đường.» 紫貝闕而玉堂 (cửa khuyết đỏ tía chạm vỏ sò và điện ngọc) (xem Tứ Bộ Bị Yếu 四部備要 503, chương 16, tr. 4a) D. Hawkes, Ch'u Tz'u, the Songs of the South, Oxford 1959, p. 153, đã dịch sai là: «My tower of spotted shells, my hall of jade.» (Tháp vỏ sò có đốm và điện ngọc của ta.)

[LAM chú] Khuyết là hai cái lầu ở trước cửa cung điện, giữa hai cái lầu này là lối đi vào cung điện. Khuyết (cũng gọi là song khuyết 雙闕) giống như cửa để trống. Về sau, khuyết cũng phiếm chỉ cung điện, hoàng cung hay cửa hoàng cung. Người ta thường dịch là cửa khuyết. Bối 貝 (vỏ sò) ngày xưa là vật quý, dùng làm tiền; nên bối khuyết có thể là một cách nói ví von bày tỏ sự cao sang của cung điện, chưa chắc đó là cửa cẩn chạm vỏ sò.

[12] Đạo Tạng Tinh Hoa 道藏精華, bộ 1, tập 9, tr. 31. (Thái Thanh Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh)

[LAM chú] Vụ Thành Tử chú về tên hiệu Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân như sau: «Thái Thượng tức là Cao Thánh Thái Chân Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân.» Còn Hư Hoàng là nội hiệu của Tử Thanh Thái Tố Cao Hư Động Diệu Tam Nguyên Đạo Quân. Như vậy Homann đã nhầm khi bảo rằng Thái Thượng Đại Đạo Ngọc Thần Quân là tên ghép của hai tên khác. Lời chú của Vụ Thành Tử đâu có nói như vậy. (Nguyên văn: Hư Hoàng giả, Tử Thanh Thái Tố Cao Hư Động Diệu Tam Nguyên Đạo Quân nội hiệu dã. Thái Thượng, tức Cao Thánh Thái Chân Ngọc Thần Huyền Hoàng Đại Đạo Quân dã: 虛皇者,紫清太素高虛洞曜三元道君內號也.太上,即高聖太真玉晨玄皇大道君也; xem: Huỳnh Đình Kinh, Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 1990, tr. 25). Mục Lân 睦鱗 chú rằng: Hư Hoàng là bản hiệu của thần Nguyên Thủy Hư Vô 元始虛無之神; Ngọc Thần Quân 玉宸君 (theo Vân Cấp Thất Thiêm 雲笈七籤, chữ 宸viết là 晨) là danh hiệu của Thái Thượng Đại Đạo Quân. (Trung Quốc Khí Công Tứ Đại Kinh Điển 中國氣功四大經典, Giang Tây Cổ Tịch xbx, 1999, tr. 227)

[13] Đạo Tạng 73/W164, Động Huyền Linh Bảo Chân Linh Vị Nghiệp Đồ 洞玄靈寶真靈位業圖.

[14] Đạo Tạng 154/W301, Mao Sơn Chí 茅山志 chương 10, tr. 1b/2a.

[15] Đạo Tạng Tinh Hoa 道藏精華, bộ 3, tập 5, tr. 13. (Huỳnh Đình Kinh Bí Nghĩa 黃庭經秘義). Lãnh Khiêm đời Tống bình chú Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh. Bản bình chú này về sau được Cung Khánh Vinh 龔慶榮 hiệu đính và xuất bản năm 1928.

[16] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 7, tập 4, tr. 590. (Vân Cấp Thất Thiêm 雲笈七籤).

[17] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 85. (Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh)

[18] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 71. (Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh)

[19] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 3, tập 10, chương 1, tr. 1. (Huỳnh Đình Kinh Chú 黃庭經注 của Thạch Hòa Dương 石和陽 đời Minh)

[LAM chú] Câu đầu tiên của Ngoại Cảnh là: «Lão Quân nhàn cư tác thất ngôn, giải thuyết thân hình cập chư thần.» 老君閑居作七言解說身形及諸神 (Lão Quân lúc thư nhàn sáng tác các câu thơ bảy chữ để giải thích về thân hình con người và chư thần trong đó.) Vụ Thành Tử chú: Lão Tử là tinh hồn của trời, là đấng tự nhiên, tạo lập thần tiên, thường tồn muôn đời; viết thơ bảy chữ để dạy người đời sau. (Nguyên văn: Lão Tử giả, thiên chi tinh hồn, tự nhiên chi quân. Tạo lập thần tiên, vạn thế thường tồn. Tác tư thất ngôn dĩ thị hậu sinh. 老子者, 天之精魂. 造立神仙, 萬世常存. 作斯七言以示後生) (Huỳnh Đình Kinh, Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 1990, tr. 1).

[20] Vương Minh 王明, Huỳnh Đình Kinh Khảo 黃庭經考, in trong Lịch Sử Ngữ Ngôn Nghiên Cứu Sở Tập San 歷史語言研究所集刊, Vol. XX, 1948.

[LAM chú] Nhiều người ngộ nhận rằng Phật giáo cực thịnh vào đời Đường vì các sự kiện như Huyền Trang thỉnh kinh và sự phiên dịch kinh Phật đại qui mô, v.v... Nhưng thật sự chính Đạo giáo mới là cực thịnh.

[21] Theo quan niệm của Trung Quốc, mặt trời xuất hiện từ Dương Cốc. Trong Hoài Nam Tử 淮南子 (in trong Tứ Bộ Bị Yếu 四部備要 424, chương 3, tr. 9b) viết: «Nhật xuất vu Dương Cốc, dục vu Hàm Trì, phất vu Phù Tang thị vị thần minh.» 日出于暘谷浴于咸池拂于扶桑是謂晨明 Maspero dịch là: «Mặt trời ra khỏi Dương Cốc, tắm nơi ao Hàm. Khi mặt trời chạm đến Phù Tang, ấy là lúc rạng đông.» (Le soleil sort de Yang-kou et se baigne à l'étang Hien. Quand il touche au fou-sang, c'est l'aube.) (Henri Maspero, Legendes Mythologiques dans le Chou King; in trong Journal Asiatique CCIV, Janvier-Mars, Paris, 1924, p. 17)

[22] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 21 (Thái Thượng Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh) và Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 3, tập 5, tr. 3 (Huỳnh Đình Kinh Bí Nghĩa). Ngụy phu nhân tức là Ngụy Hoa Tồn.

[23] Tùng Thư Tập Thành 叢書集成 3435, (Cố Thị Văn Phòng Tiểu Thuyết 顧氏文房小說, tập 2).

[LAM chú] Chưa rõ Cố thị 顧氏 (người họ Cố) là ai, không phải là viết nhầm từ Nhan thị 顏氏, bởi vì Trần Quốc Phù cũng trích dẫn tựa sách này trong quyển Đạo Giáo Nguyên Lưu Khảo (tập thượng, tr. 31) của ông. Nhan Chân Khanh (709-785) tự là Thanh Thần 清臣, người đời gọi là Nhan Lỗ Công 顏魯公, quê ở Vạn Niên 萬年 thuộc Kinh Triệu 京兆 đời Đường (nay là Tây An 西安 thuộc Thiểm Tây 陝西). Ông là cháu đời thứ 5 của Nhan Sư Cổ 顏師古. Thuở nhỏ nhà nghèo, nên sự học của ông đều do mẹ dạy. Ông bác thông kinh sử, thờ cha mẹ chí hiếu. Nhan Chân Khanh phần nhiều được biết đến như một đại thư pháp gia hơn là một nhà luyện đan. Thư pháp ông học nơi Chử Toại Lương 褚遂良, về sau noi theo bút pháp của Trương Húc 張旭. Chữ Khải của ông (gọi là Nhan thể 顏體) đoan trang mộc mạc và mạnh mẽ, nổi tiếng như Liễu Công Quyền 柳公權 qua câu nói của người đời ví von truyền tụng «Nhan cân Liễu cốt» 顏筋柳骨 (chữ Nhan Chân Khanh như gân, chữ Liễu Công Quyền như xương). Kể từ đời Đường, chữ Khải trở thành một thư thể hoàn chỉnh với các đại thư gia như Liễu Công Quyền, Nhan Chân Khanh, Âu Dương Tuân 歐陽詢. Đời Nguyên có thêm Triệu Mạnh Phủ 趙孟頫. Họ tạo thành bốn phong cách khải thư (Liễu thể, Nhan thể, Âu thể, Triệu thể) được xem là mô phạm khải thư cho thế nhân nghiên tập từ đời Đường tới ngày nay. Liễu thể cứng cỏi quật cường, Nhan thể mộc mạc mạnh mẽ, Âu thể thanh tú trang nghiêm, Triệu thể yểu điệu kiều lệ. Nhan Chân Khanh đỗ tiến sĩ năm Khai Nguyên, từng làm quan giám sát ngự sử. Ông cũng là nhà luyện đan như Tô Đông Pha, Lý Bạch, Triệu Mạnh Phủ, v.v. Tương truyền sau khi ông mất, người ta thấy ông trên

núi La Phù Sơn 羅浮山. Bạch Ngọc Thiềm 白玉蟾 (khai sáng Kim Đan Phái của Nam Tông, tức Tử Dương Phái) đời Tống nói rằng Nhan Chân Khanh căn kiếp là Bắc Cực Khu Tà Viện Phán Quan 北極驅邪院判官. Ngoài các tác phẩm thư pháp, tác phẩm văn chương của ông có Nhan Lỗ Công Văn Tập 顏魯公文集. (tham khảo: Ngô Phong, Trung Hoa Đạo Học Thông Điển, Nam Hải xuất bản công ty, 1994, tr. 944)

[24] Các dị bản này in trong: Thái Bình Quảng Ký 太平廣記, chương 58; Ký sử Thông Giám 記史通鑑, chương 22; Khâm Định Toàn Đường Văn 欽定全唐文, chương 340, 4366ff; và Thái Bình Ngự Lãm 太平御覽, chương 678 (tiểu sử thật ngắn gọn).

[25] Đạo Tạng 75/W168, tr. 7a; Đạo Tạng 150/W295, ch. 3, tr. 7a; Đạo Tạng154/W301, ch. 10, tr. 4a; Đạo Tạng 330/W591, ch. 2, tr. 4a; Đạo Tạng 992/W1230, ch. 5, tr. 13b; Đạo Tạng 995/W1230, ch. 18, tr. 2a; Đạo Tạng 1019/W1292, ch. 4, tr. 7b.

[LAM chú] Xin chú ý: Homann dùng các ký hiệu theo thư mục về Đạo Tạng do Wieger lập (Léon Wieger, Taoisme, tome I, Bibliographie générale).

[26] Sự liên hệ giữa Huỳnh Đình Kinh và Mao Sơn Tông được nêu ra trong Annuaire (Niên Giám) 1967/1968, tr. 80.

[LAM chú] Homann thiếu chính xác khi bảo Ngụy phu nhân là sơ tổ (die erste Patriarchin) của Mao Sơn Tông. Thực ra, Ngụy phu nhân là sơ tổ của Thượng Thanh Phái 上清派 (sơ tổ gọi là Thái Sư 太師). Nhị tổ là Dương Hi 楊羲 (gọi là Huyền Sư 玄師). Tam tổ là Hứa Mục 許穆 (gọi là Chân Sư 真師). Tứ tổ là Hứa Hối 許翽 (gọi là Tông Sư 宗師; từ đời thứ 4 về sau đều gọi là Tông Sư). Ngũ tổ là Mã Lãng 馬朗. Lục tổ là Mã Hãn 馬罕. Thất tổ là Lục Tu Tĩnh 陸修靜. Bát tổ là Tôn Du Nhạc 孫游岳. Cửu tổ là Đào Hoằng Cảnh 陶弘景. Mao Sơn Tông lấy Mao Sơn (núi cỏ mao) làm tổ đình. Mao Sơn Tông kế thừa Thượng Thanh Phái. Đào Hoằng Cảnh là tổ sư đời thứ 9 của Thượng Thanh Phái (không chú trọng phù lục). Sau khi quy ẩn 10 năm tại Mao Sơn, ông sáng lập Mao Sơn Tông (coi trọng phù lục), lấy tên núi làm tên giáo phái. Cho nên đôi khi sách vở chép là Thượng Thanh Mao Sơn Tông. Có nhiều cách đặt tên giáo phái (đây là chủ đề thú vị mà tôi sẽ trình bày ở dịp khác). Một số giáo phái của Đạo giáo lấy một địa danh làm tên (có thể là nguyên quán của tổ sư hoặc khu vực phát khởi giáo phái) thí dụ như: Lâu Quán Đạo 樓觀道, Long Hổ Tông 龍虎宗, Mao Sơn Tông 茅山宗, Các Tạo Tông 閣皂宗, Long Môn Phái 龍門派.

[27] Đạo Tạng 154/W301, ch. 10, tr. 1a-4b (Mao Sơn Chí).

[LAM chú] Mao Sơn Chí do Lưu Đại Bân đời Nguyên viết. Ông là tổ sư đời 45 của Thượng Thanh Phái. Từ Lưu Đại Bân trở về sau, sử liệu thiếu sót nên không rõ sự truyền thừa của giáo phái này ra sao. Thứ tự 45 vị tổ của giáo phái này là: [1] Thái sư Ngụy Phu Nhân (252-334), [2] Huyền sư Dương Hi 楊羲 (330-386), [3] Chân sư Hứa Mục 許穆 (tức là Hứa Mật 許謐, 305-367). Từ đời thứ 4 trở đi mỗi vị tổ gọi là Tông sư: [4] Hứa Hối 許翽 (341-370), [5] Mã Lãng 馬朗 (?-?), [6] Mã Hãn 馬罕 (?-?), [7] Lục Tu Tĩnh 陸修靜 (406-477), [8] Tôn Du Nhạc 孫游岳 (398-498). Từ tổ đời thứ 9, giáo phái được gọi là Thượng Thanh Mao Sơn Tông: [9] Đào Hoằng Cảnh 陶弘景 (456-536), [10] Vương Viễn Tri 王遠知 (528-635), [11] Phan Sư Chính 潘師正 (584-682), [12] Tư Mã Thừa Trinh 司馬承禎 (647-735), [13] Lý Hàm Quang 李含光 (682-769), [14] Vi Cảnh Chiêu 韋景昭 (693-785), [15] Hoàng Động Nguyên 黃洞元 (697-792), [16] Tôn Trí Thanh 孫智清 (?-?), [17] Ngô Pháp Thông 吳法通 (824-907), [18] Lưu Đắc

Thường 劉得常 (?-?), [19] Vương Thê Hà 王栖霞 (881-943), [20] Thành Diên Chiêu 成延昭 (911-990), [21] Tưởng Nguyên Cát 蔣元吉 (?-998), [22] Vạn Bảo Xung 萬保沖 (?-?), [23] Chu Tự Anh 朱自英 (976-1029), [24] Mao Phụng Nhu 毛奉柔 (?-?), [25] Lưu Hỗn Khang 劉混康 (1035-1108), [26] Đát Tịnh Chi 笪淨之 (1068-1113), [27] Từ Hi Hòa 徐希和 (?-1127), [28] Tưởng Cảnh Triệt 蔣景徹 (?-1146), [29] Lý Cảnh Hợp 李景合 (?-1150), [30] Lý Cảnh Ánh 李景映 (?-1164), [31] Từ Thủ Kinh 徐守經 (?-1195), [32] Tần Nhữ Đạt 秦汝達 (?-?), [33] Hình Nhữ Gia 邢汝嘉 (?-1209), [34] Tiết Nhữ Tích 薛汝積 (?-1214), [35] Nhiệm Nguyên Phụ 任元阜 (1175-1239), [36] Bào Chí Chân 鮑志真 (?-1251), [37] Thang Chí Đạo 湯志道 (?-1258), [38] Tưởng Tông Anh 蔣宗瑛 (?-1282), [39] Cảnh Nguyên Phạm 景元范 (?-1262), [40] Lưu Tông Sưởng 劉宗昶 (?-?), [41] Vương Chí Tâm 王志心 (?-1273), [42] Địch Chí Dĩnh 翟志穎 (?-1277), [43] Hứa Đạo Kỷ 許道杞 (1237-1219), [44] Vương Đạo Mạnh 王道孟 (1242-1315), [45] Lưu Đại Bân 劉大彬(?-).

[28] Đạo Tạng 154/55/W301, ch. 10-12 (Mao Sơn Chí). Phó Cần Gia 傅勤家 (Trung Quốc Đạo Giáo Sử, in lại tại Đài Bắc 1967, tr. 213) nêu ra mối liên hệ giữa Huỳnh Đình Kinh và một giáo phái khác: «Đông Hoa Đế Quân 東華帝君 tức Vương Huyền Phụ 王玄輔 hay Vương Thiếu Dương 王少陽 đã giáng thế vào thời Chiến Quốc (475-221). Ngài nằm ngủ nơi căn phòng của Lão Tử nơi Chung Nam Sơn 終南山. Trong giấc mơ, ngài được truyền kinh này.»

[LAM chú] Homann không trích dẫn tên của giáo phái này là gì. Tôi kiểm tra trong ấn bản 1998 in lại Bắc Kinh, tr. 212, thì thấy Phó Cần Gia gọi đó là Thiếu Dương phái 少陽派, thuộc Ngũ Tổ phái 五祖派. Vương Huyền Phụ 王玄輔 (hay Vương Huyền Phủ 王玄甫, Vương Nguyên Phủ 王元甫, Tử Phủ Thiếu Quân 紫府少君, Hoa Dương Chân Nhân 華陽真人, Đông Hoa Đế Quân 東華帝君) sống đời Hán, truyền đạo cho Chung Ly Quyền 鐘離權; Chung Ly Quyền truyền đạo cho Lữ Động Tân 呂洞賓 và Lưu Hải Thiềm 劉海蟾 (Lưu Thao 劉操). Tất cả 5 vị gọi là Bắc Ngũ Tổ của Toàn Chân Đạo. Toàn Chân Đạo cực thịnh vào đời Nguyên. Kể từ đời Nguyên các vị này được triều đình phong là Đạo Quân và Đế Quân. Vương Huyền Phủ được triều Nguyên sắc phong là Toàn Chân Đại Giáo Chủ, Đông Hoa Tử Phủ Phụ Nguyên Lập Cực Thiếu Dương Đế Quân 全真大教主東華紫府輔元立極少陽帝君, từ đấy ngài có tên là Vương Huyền Phụ (chữ phụ này là phụ Nguyên: giúp đỡ triều Nguyên) và Vương Thiếu Dương. Trong Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ, Lữ Tổ khẳng định nơi chương 1 rằng đan pháp của ngài «Tự Thái Thượng hóa hiện, đệ truyền Đông Hoa, dĩ cập Nam Bắc nhị tông» 自太上化現遞傳東華以及南北二宗 (được truyền từ Thái Thượng Lão Quân đến Đông Hoa Đế Quân rồi phân làm 2 tông Nam và Bắc). Lưu Hải Thiềm 劉海蟾 truyền đạo cho Trương Bá Đoan 張伯端 đời Nam Tống. Trương Bá Đoan tức Tử Dương Chân Nhân 紫陽真人 làm giáo chủ của Nam Phái 南派 (tức là Tử Dương Phái hay Nam Tông). Nam Tông có ngũ tổ là: Trương Bá Đoan, Thạch Thái 石泰, Tiết Đạo Quang 薛道光, Trần Nam 陳楠, Bạch Ngọc Thiềm 白玉蟾). Đầu đời Kim, Lữ Tổ truyền đạo cho Vương Triết (Vương Trùng Dương 王重陽). Vương Trùng Dương sáng lập Toàn Chân Đạo 全真道 (tức là Bắc Tông) và truyền cho 7 đệ tử là Bắc Thất Chân 北七真 (hay Bắc Thất Tử 北七子): Mã Đan Dương 馬丹陽, Đàm Xứ Đoan 譚處端, Lưu Xứ Huyền 劉處玄, Vương Xứ Nhất 王處一, Hác Đại Thông 郝大通, Tôn Bất Nhị 孫不二, Khưu Xứ Cơ 丘處機. Theo Holmes Welch, sự phân chia Nam Bắc nhị tông có lẽ theo phương pháp tu tập chứ không theo khu vực địa lý. Không rõ Phó Cần Gia vin vào nguồn tư liệu nào mà cho rằng Lão Tử truyền Huỳnh Đình Kinh cho Vương Huyền Phủ. Nếu vậy, sao Vương Huyền Phủ không truyền Huỳnh Đình Kinh cho Chung Ly Quyền? Trong hệ thống truyền thừa từ Bắc Ngũ Tổ đến Nam Bắc nhị tông, Huỳnh Đình Kinh không được xem là tổ kinh.

[29] Nhậm Thành thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay.

[30] Theo Tấn Thư 晉書, chương 41 và H. A. Giles, A Chinese Biographical Dictionary, London, 1898, tr. 867 (Nr. 2291).

[31] Quan Tư đồ 司徒. Rotours dịch là «directeur de l'instruction»; xem Robert des Rotours, Traité des Fonctionnaires et Traité de l'Armée, hai tập, Leiden, 1947 và 1948, tr. 19.

[LAM chú] Từ điển Từ Hải giải thích đây là chức quan có từ đời Đường-Ngu. Đời Chu ấn định Địa quan đại tư đồ 地官大司徒 là một trong lục khanh. Đời Hán Ai Đế 漢哀帝 sửa đổi chức thừa tướng thành Đại tư đồ, cùng với Đại tư đồ mã 大司徒馬, Đại tư đồ không 大司徒空 cùng xếp vào hàng Tam công 三公. Đến đời Thanh, tục gọi Hộ bộ thượng thư là Đại tư đồ. (Sđd, tr. 247)

[32] J. Roi và Y. Ou, Le Taoisme et les Plantes d'immortalité (Đạo giáo và thảo mộc trường sinh), in trong Bulletin de l'Université l'Aurore, No 4, Tome 2, Shanghai 1941, tr. 540, 541, giải thích phục linh là Pachyma cocus và hồ ma là Sesanum indicum.

[33] Thái bảo là chức quan mà Rotours dịch là «le grand gardien». (Sđd, tr.19). Nam Dương là thành phố thuộc Tứ Xuyên ngày nay.

[34] Cảnh Lâm Chân Nhân 景林真人 đồng nhất với vua của Dương Cốc 暘谷 (der König der Heiligen vom leuchtenden Tal). Xem Tùng Thư Tập Thành 叢書集成 3435:1.

[35] Xem Tùng Thư Tập Thành 叢書集成 3435:2.

[LAM chú] Việc truyền kinh sách này xảy ra lúc Ngụy phu nhân 37 tuổi. Khanh Hy Thái chép: «Năm Thái Khang thứ 9 đời Tây Tấn (tức năm 288 cn), phu nhân 37 tuổi, chư tiên bỗng giáng hạ dạy đạo. Thanh Hư Chân Nhân 清虛真人 (tức Vương Bao 王褒) làm sư phụ, truyền cho phu nhân 31 quyển kinh, gồm: Thái Thượng Bảo Văn 太上寶文, Bát Tố Ẩn Thư 八素隱書, Đại Đỗng Chân Kinh 大洞真經, Linh Thư Tử Văn Bát Đạo 靈書紫文八道, Tử Độ Viêm Quang 紫度炎光, Thạch Tinh Ngọc Mã 石精玉馬, Thần Chân Hổ Văn 神真虎文, Cao Tiên Vũ Huyền 高仙羽玄, v.v. Ngài nói với phu nhân rằng các kinh sách này xưa kia do các chân quân Tây Vực truyền cho ngài, nay ngài truyền lại cho phu nhân. Cho nên việc truyền thụ kinh của phái Thượng Thanh bắt đầu từ đó. Về sau lại có Cảnh Lâm Chân Nhân biệt truyền cho phu nhân Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh.» Khanh Hy Thái cũng như Vương Minh không tin việc thần tiên giáng cơ dạy đạo là có thực trong Đạo giáo. Theo Khanh Hy Thái, Vương Bao tự là Tử Đăng 子登, quê ở Tương Bình 襄平 (thuộc Phạm Dương 范陽), là cháu 7 đời của An Quốc Hầu 安國侯. Vương Bao học đạo ở núi Hoa Âm 華陰. Vương sinh năm Kiến Chiêu 建昭 đời vua Hán Nguyên Đế 漢元帝 (tức năm 36 tcn), tính tới lúc Ngụy Hoa Tồn chào đời là 287 năm, nên việc truyền kinh này không đáng tin. Vương Minh cũng không tin, ông đưa giả thuyết: Giữa hai đời Ngụy và Tấn, trong dân gian đã có bản thảo Huỳnh Đình bí tàng, viết dạng thơ 7 chữ. Khoảng năm Thái Khang thứ 9, Ngụy phu nhân có được bản thảo này, bèn viết lời chú; hoặc cũng có thể một đạo sĩ nào đó đã đọc cho bà ghi chép. Sau đó bà chú thích, soạn thành bản cố định. Ngay cả việc Ngụy Phu Nhân truyền kinh cho Dương Hi 楊羲 (đệ nhị tổ của Thượng Thanh Mao Sơn Tông) cũng không đáng tin, bởi vì sự kiện xảy ra vào năm Hưng Ninh 興寧 thứ 2 đời vua Tấn Ai Đế 晉哀帝 (364 cn) tức là sau khi Ngụy phu nhân mất 30 năm. Do đó kinh sách của phái Thượng Thanh đều do tay Dương Hi sáng tác. Xem: Khanh Hy Thái, Trung Quốc Đạo Giáo (4 quyển), Thượng Hải, 1996; quyển 1, tr. 232-233. Chia sẻ quan điểm này có Lưu Lâm 劉琳, viết bài «Khảo về Dương Hi và cha con Hứa Mật tạo tác Thượng Thanh kinh» (Dương Hi dữ Hứa Mật phụ tử tạo tác Thượng Thanh kinh 楊羲與許謐父子造作上清經) in

trong tạp chí Trung Quốc Văn Hóa, số 8, Bắc Kinh, 1993, tr. 104-110. Nhưng điểm này nảy sinh một vấn đề quan trọng về phương pháp luận. Nếu người nghiên cứu phát xuất từ quan điểm vô thần, không tin vào thần tiên, không tin hiện tượng cơ bút hay đồng cốt là có thực, thì họ sẽ phủ nhận toàn bộ đạo kinh như là sáng tác của thần tiên và cho rằng đó chỉ là sản phẩm của con người mượn danh thần tiên mà viết ra. Nhưng nếu phát xuất từ quan điểm hữu thần, cũng như các đạo sĩ và tín đồ, họ chấp nhận ngay những hiện tượng đại loại như Ngụy phu nhân sau khi mất 30 năm giáng đàn nơi bàn thờ nhà của Dương Hi để mượn tay Dương Hi viết kinh. Việc Đạo kinh do thần tiên viết ra là không có gì phải hoài nghi, tuy rằng bên cạnh đó cũng có một số đạo kinh do con người ngụy tạo.

[36] Xem Tùng Thư Tập Thành 叢書集成 3435:3.

[37] [LAM chú] Địa danh này là Giang Nam. Trần Quốc Phù 陳國符 (Đạo Tạng Nguyên Lưu Khảo 道藏源流考, Bắc Kinh tái bản 1989, tập thượng, tr. 31) sử dụng cùng nguồn tài liệu với Homann là Cố Thị Văn Phòng Tiểu Thuyết. Trần Quốc Phù chép: «Sau khi [chồng là] Ấu Ngạn 幼彥 mất, gặp lúc loạn lạc, phu nhân bảo ban mọi người hai bên nội ngoại, giúp đỡ người cùng khốn, đó cũng là điềm chân tiên mặc thị cho. Biết Trung Nguyên sắp loạn, bà dắt hai con qua sông. [Người con cả tên] Phác 璞 [sau làm] quan tư mã ở Dữu Lượng 庾亮, rồi làm tư mã ở Ôn Thái Chân 溫太真, sau đó làm thái thú ở An Thành 安城. [Người con thứ, cũng là con út tên] Hà 遐 [sau] giữ chức trung lang lệnh, tùng sự nơi thái úy Đào Khản 陶侃. Phu nhân từ Lạc Ấp đến Giang Nam cư ngụ. Trong thời giặc giã trộm cướp, hễ bà gặp nguy khó thì đều được thần tiên giúp đỡ cho yên lành. Hai con đã nên người rồi, bà trai giới tu tịnh, mong thành thần tiên, [liễu đạo] lúc 83 tuổi.» (tức là năm Hàm Hòa 咸和 thứ 9, đời vua Tấn Thành Đế 晉成帝).

– Khanh Hy Thái chép tên người con út là Hà 瑕 với bộ ngọc, 王 (玉) không phải với bộ xước 辶 (辵) như Trần Quốc Phù. Phác 璞 là ngọc chưa giũa, Hà 瑕 là ngọc có tỳ vết. Vì có nhiều dị bản về tiểu sử của Ngụy phu nhân nên việc sao chép có chỗ bất đồng, nhưng tôi nghĩ có lẽ Khanh Hy Thái cũng như Homann đã chép đúng. Việc bà đặt tên hai con trai với bộ ngọc như vậy dường như là để gởi gấm nỗi niềm tâm sự. Chúng ta biết bà không chịu lấy chồng vì có lòng mộ đạo, tinh nghiên tam giáo, mong làm thần tiên. Mãi đến khi 24 tuổi bị cha mẹ ép buộc, bà mới sánh duyên với Ấu Ngạn (tức Lưu Văn 劉文, làm quan thái bảo duyện ở Nam Dương). Khi sinh con trưởng, đặt tên là Phác, có lẽ bà tự ví mình là viên ngọc chưa hoàn hảo, cần mài giũa (tức là tu luyện); đến khi sinh con thứ cũng là út, đặt tên là Hà, có lẽ bà tự ví mình là viên ngọc đã có tỳ vết rồi, muốn tu hành nhưng trần duyên đã vướng lụy. Nhưng về sau Lưu Phác cũng là một đạo sĩ, còn Lưu Hà không biết có đi tu hay không.

[38] [LAM chú] Homann lầm Dương Hi 楊羲 (330-386) với Vương Hi Chi 王羲之 (307-365), nên chép là Dương Hi Chi 楊羲之. Thực ra, Vương Hi Chi làm quan Hữu Quân đời Đông Tấn, cũng là đại thư pháp gia (người đời tôn là Thảo thánh). Vương không thích công danh, từ quan làm đạo sĩ. Vương Hi Chi từng chép Huỳnh Đình Kinh bằng chữ Khải và truyền bá kinh này. Nhưng Vương không thuộc phái Thượng Thanh Mao Sơn Tông. Gia đình Vương Hi Chi là thế gia, tu theo Ngũ Đấu Mễ Đạo, do đó Vương Hi Chi cũng tu theo tông phái này. Nguyên văn của Homann là: «Die Wei Fu-jen von den Göttern übergegeben Schriften und Amulette gelangten dann in die Hände des berühmten Taoisten Yang Hsi-chih 楊羲之 (330-386 n.Chr.)» Tôi chỉnh lại là Dương Hi. Homann dùng chữ Amulette (phù lục), nhưng thực tế từ tổ đời thứ 9 là Đào Hoằng Cảnh 陶弘景 mới chú trọng phù lục, đổi tên Thượng Thanh Phái thành Mao Sơn Tông; trở thành một trong phù lục tam tông là: Mao Sơn Tông 茅山宗, Long Hổ Tông 龍虎宗, và Các Tạo Tông 閣皂宗. Còn 8 đời tổ trước Đào Hoằng Cảnh thì chú trọng nội quán chư thần. Do đó tôi không dịch là phù lục, mà dùng chữ khẩu quyết (der Geheimausspruch) thay

vào đó.

[39] Xem Tùng Thư Tập Thành 叢書集成 3435:3.

[40] Đạo Tạng 640/W1004: (Chân Cáo 真誥) chương 19, tr. 9b.

[LAM chú] Nguyên văn trong Chân Cáo quyển 19 (Chân Cáo Tự Lục 真誥敘錄) do Đào Hoằng Cảnh viết: «Phục tầm Thượng Thanh Kinh xuất thế chi nguyên, thủy ư Tấn Ai Đế Hưng Ninh nhị niên thái tuế Giáp Tý, Tử Hư Nguyên Quân Thượng Chân Tư Mệnh Nam Nhạc Ngụy Phu Nhân hạ giáng đệ tử Lang Nha Vương tư đồ công phủ xá nhân Dương mỗ…» 伏尋上清經出世之源,始於晉哀帝興寧二年太歲甲子,紫虛元君上真司命南岳夫人下降弟子琅琊王司徒公府舍人楊某. – Homann dịch ra Đức ngữ: «Untersucht man das ursprüngliche Auftreten des Shang-ch'ing chên-ching 上清真經, 'wahrhafter Klassiker der oberen Reinheit', in der Welt, so beginnt es unter Kaiser Ai 哀, Tsin-Dynastie, und zwar im zweiten Jahr der Regierungsdevise Hsing-ning 興寧 (364 n.Chr.). In diesem Jahr kam die ursprüngliche Fürstin der Purpurleere, der Schicksalsgott der obersten Wahrhaftigkeit, die Wei Fu-jen des südlichen heiligen Berges herab auf die Welt und übergab diese Werke ihrem Schüler, dem König von Lang-yeh 瑯琊, dem Director des Instruktionswesens, dem Groß-Sekretär Yang...» Theo đó, Homann hiểu cụm từ «Lang Nha Vương tư đồ công phủ xá nhân Dương mỗ» cùng chỉ một người là Dương Hi: Lang Nha Vương = tư đồ = xá nhân = Dương Hi (330-387). Về chức tư đồ xin xem lại chú 31 ở trên (Homann dịch theo cách giải của Rotours là «directeur de l'instruction» [một chức quan về giáo dục?]). Xá nhân chính là môn khách (Homann dịch là «viên thư ký lớn». Còn Lang Nha Vương theo từ điển Từ Hải tức là tên gọi Tấn Nguyên Đế (trị vì 317-322 cn). Nhưng niên kỷ của Dương Hi trễ hơn, do đó tôi tạm dịch là: «... Dương Hi (vốn là xá nhân nơi công phủ của quan tư đồ của Lang Nha Vương).» Tuy nhiên giữa Nguyên Đế và Ai Đế còn 4 đời vua nữa, nên không chắc Lang Nha Vương là ai. Ngoài ra còn có một thông tin khác, theo Hán Ngữ Đại Từ Điển (quyển thượng, tr. 2393): «Lang Nha ngày nay thuộc dịa bàn Tây Nam thành phố Trù Châu, tỉnh An Huy. Thời Tây Tấn phạt Ngô, Lang Nha Vương Tư Mã Kiêm 司馬鵾 đóng quân tại đây do đó mới có tên gọi la Lang Nha (Tây Tấn phạt Ngô, Lang Nha Vương Tư Mã Kiêm binh trú thử, nhân danh).» Như thế Lang Nha Vương chắc chắn không thể là Dương Hi. Tư Đồ có thể là do viết sai chữ Tư Mã. Vậy câu trích dẫn về Dương Hi tạm giải thích là: «Dương Hi là xá nhân của Lang Nha Vương Tư Mã Kiêm.» Tuy nhiên đây cũng là phỏng đoán, tôi xin tồn nghi chi tiết này.

[41] Trần Quốc Phù, sđd., 1963, tr. 327.

[42] Vương Minh, sđd., 1948, tr. 547. Nơi đoạn này, Vương Minh tham khảo Thái Bình Quảng Ký 太平廣記, ch. 58, tr. 359. Như vậy, Ngụy phu nhân giáng hạ năm Hưng Ninh thứ 3 (tức là 365 cn). Trích dẫn này khác với chi tiết tôi đã dịch từ Chân Cáo.

[LAM chú] Vương Minh ấn định năm sinh của Ngụy phu nhân và năm truyền kinh cho Dương Hi trễ hơn 1 năm (tức là 253 và 365 thay vì 252 và 364). Theo Đào Hoằng Cảnh, Ngụy phu nhân truyền Đại Đỗng Chân Kinh cho Dương Hi chứ không phải Huỳnh Đình Kinh. Còn Lưu Phác, vâng lệnh mẹ là Ngụy phu nhân, truyền Linh Bảo Ngũ Phù Kinh 靈寶五符經 cho Dương Hi. Sau khi nhận lãnh Đại Đỗng Chân Kinh, Dương Hi chép lại theo kiểu chữ Lệ và truyền cho Hứa Mật 許謐 (tức Hứa Mục 許穆, tổ đời thứ 3 của Thượng Thanh Phái), rồi Mục truyền lại cho con là Hứa Hối 許翽.

[43] Maspero, Les Procédés de «Nourrir Le Principe Vital» dans la Religion Taoiste Ancienne, in trong: Journal Asiatique 229, Paris 1937, tr. 237-238. Xem thêm: Phó Cần Gia 傅勤家, Trung Quốc Đạo Giáo Sử 中國道教史, Đài Bắc in lại 1967, tr. 106.

– Vương Minh, sđd., 1948, tr. 547. Xem thêm: Âu Dương Vĩnh Thúc Tập 歐陽永叔集, quyển 6, chương 7, tr. 59: «Đa dĩ Nội Cảnh tam thập lục chương vi bản kinh.» 多以內景三十六章為本經 (Đa số đều xem Nội Cảnh gồm 36 chương là kinh gốc.)

[LAM chú] Nói chung các nhà nghiên cứu đều cho rằng Ngoại Cảnh có trước Nội Cảnh. Có nhiều quan điểm giải thích hai chữ nội và ngoại này. Kaltenmark nhấn mạnh sự nội truyền và ngoại truyền, tức là đặc điểm truyền thừa của Đạo giáo: Ngoại Cảnh dành cho người chưa nhập môn vào đạo; Nội Cảnh dành cho người đã nhập môn tức là các đạo sĩ Mao Sơn Tông. Khanh Hy Thái nói sự phân biệt nội-ngoại là từ câu «Trọc minh ngoại cảnh, thanh minh nội cảnh» 濁明外景清明內景 trong chương Giải Tế 解蔽 của Tuân Tử 荀子 (Sáng còn đục là cảnh ngoài; sáng trong vắt là cảnh trong). Khanh Hy Thái cũng nói sự phân biệt nội-ngoại là đặc điểm truyền thừa (nội giáo / ngoại giáo) của Đạo giáo. Tuy nhiên theo Lương Khâu Tử đời Đường, đó chỉ là cảnh giới bên ngoài và bên trong thân thể, đồng thời chỉ ra phương pháp tu luyện là nội quán chư thần trong thân thể. Ông giải: «Huỳnh giả, trung ương chi sắc. Đình giả, tứ phương chi trung dã. Ngoại chỉ sự, tức thiên trung nhân trung địa trung. Nội chỉ sự, tức não trung tâm trung tỳ trung, cố viết Huỳnh Đình. Nội giả, tâm dã. Cảnh giả, tượng dã. Ngoại tượng dụ tức nhật nguyệt tinh thần vân hà chi tượng dã, nội tượng dụ tức huyết nhục cân cốt tạng phủ chi tượng dã. Tâm cư thân nội, tồn quán nhất thể chi tượng sắc, cố viết nội cảnh dã.» 黃者中央之色.庭者四方之中也.外指事,即天中人中地中.內指事,即腦中心中脾中,故曰黃庭.內者心也.景者象也.外象喻即日月星辰雲霞之象也.內象喻即血肉筋骨臟腑之象也.心居身內存觀一體之象色.故曰內景也 (Huỳnh là màu vàng ở trung ương. Đình là chỗ giữa bốn phương. Ngoại là chỉ sự vật bên ngoài như sự vật trong trời, ở người, ở đất. Nội là chỉ sự vật bên trong như trong não, trong tim, trong lá lách. Do đó nói Huỳnh Đình. Nội là chỉ tâm, Cảnh là chỉ cảnh tượng. Cảnh bên ngoài ám chỉ cảnh tượng mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, mây, ráng. Cảnh bên trong ám chỉ cảnh tượng máu, thịt, gân, xương, ngũ tạng, lục phủ. Tâm ở bên trong thân thể, tồn tư quán tưởng các cảnh tướng hình sắc trong thân tức là nội cảnh). Trong bản Thái Thượng Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, khắc in năm Đạo Quang 27 (năm 1818), Đan Hà - Thanh Hà nhị Nguyên Quân bí bản 丹霞青霞二元君秘本; Viên Kiều Sơn Tử Hà Động Hàm Hư Tử 圓嶠山紫霞洞涵虛子 chú nơi chương 1 rằng: «Chương này là [Vương] Thiếu Dương tổ sư viết lời khen mở đầu kinh. Tổ sư nói: Lão Tử lúc thư nhàn, đem Nội Cảnh kinh giản lược lại, viết theo thơ 7 chữ. Để phân biệt [hai bản] Huỳnh Đình, gọi là Ngoại Cảnh. Nên Nội và Ngoại là gọi thứ tự trước sau. Không phải chỉ bên trong và bên ngoài thân thể.» 此章乃少陽祖師開經贊也.祖師曰:老子閑居無事.嘗即內景經刪繁就簡,作七言.仍名曰黃庭.別之曰外景.內外乃前後之稱.非指身中內外也 (Thử chương nãi Thiếu Dương tổ sư khai kinh tán dã. Tổ sư viết: Lão Tử nhàn cư vô sự, thường tức Nội Cảnh Kinh san phồn tựu giản, tác vi thất ngôn. Nhưng danh viết Huỳnh Đình. Biệt chi viết Ngoại Cảnh. Nội ngoại nãi tiền hậu chi xưng, phi chỉ thân trung nội ngoại dã.) Như thế, với các ý kiến trái ngược nhau này, ta chưa thể nào khẳng định thứ tự trước sau của hai bản. Còn quan điểm của Khanh Hy Thái và Kaltenmark về sự truyền thừa là phỏng đoán vô bằng. Thực tế nội dung Nội Cảnh và Ngoại Cảnh khá giống nhau từ lý luận đến phương pháp tu luyện, trừ dị biệt sau: Ngoại Cảnh nói vị trí Huỳnh Đình là khoảng trống: ở trên Quan nguyên (dưới rún 3 thốn), ở trước U khuyết (tức Sinh môn, Thần khuyết), và ở sau Mệnh môn (hai thận). Nội Cảnh nói Huỳnh Đình có 3 cung: Thượng cung ở não (thượng đan điền), Trung cung ở tim (trung đan điền), và Hạ cung ở lá lách (hạ đan điền). Theo Huỳnh Đình Kinh thì tỳ (lá lách) là bộ phận quan trọng nhất trong phủ tạng.

[44] Annuaire 1967-1968, Tome LXXV, École pratique des Hautes Études. Bài viết: Religions de la Chine, Paris, 1967, tr. 80.

[45] Max Kaltenmark, Le Lie-sien Tchouan (Liệt Tiên Truyện), Pékin, 1953, tr. 177-178.

[LAM chú] Nguyên văn: «Dữ Lão Quân Huỳnh Đình Kinh, lịnh nhật độc tam quá.» 與老君黃庭經,令日讀三過. Câu này nằm trong truyện nói về Chu Hoàng 朱璜. Tóm tắt: Chu Hoàng người Quảng Lăng, thuở nhỏ có bướu độc bèn tìm đến đạo sĩ Nguyễn Khâu 阮丘 ở núi Tuy 睢. Đạo sĩ thương, nói: «Ngươi phải trừ khử tam thi (tam trùng) trong bụng thì mới khỏi bệnh. Ngươi có căn tiên, ta sẽ dạy đạo.» Chu Hoàng nói nếu khỏi bệnh sẽ theo đạo sĩ 30 năm, không dám hồi gia. Đạo sĩ ban cho Chu Hoàng 7 loại thuốc, mỗi ngày uống 9 viên, sau trăm ngày thì khỏi bệnh. Dưỡng thêm 10 ngày, thân thể tráng kiện béo tốt, tinh thần minh mẫn. Đạo sĩ đưa cho Chu Hoàng quyển Huỳnh Đình Kinh do Lão tử viết, bảo tụng đọc ngày ba lần. Sau khi thông hiểu, Chu Hoàng theo đạo sĩ vào miếu Ngọc Nữ 玉女 trên núi Phù Dương 浮陽. 80 năm sau, có người gặp Chu Hoàng nơi quê cũ, tóc đen mượt, không ăn thực phẩm như ngày xưa đã từng. Ở đó mấy năm rồi đi mất. Đến cuối đời Hán Vũ Đế [có chép] chuyện này. (Xem: Liệt Tiên Truyện kim dịch - Thần Tiên Truyện kim dịch, Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xbx, Bắc Kinh, 1996, tr.107)

[46] James R. Ware, Alchemy, Medicine, Religion in the China of A.D. 320: The Nei P'ien of Ko Hung Pao-p'u tzu (Luyện đan, Y thuật, Tôn giáo ở Trung Quốc năm 320 cn: Cát Hồng Bão Phác Tử Nội Thiên), Cambridge (Mass.), 1966, tr. 324.

[LAM chú] Đây không phải là câu văn dịch, mà chỉ là tóm ý, không có trong chương Hà Lãm 遐覽 (xem xét rộng) của Bão Phác Tử. Đại ý chương này Cát Hồng để cho Bão Phác Tử đối đáp với một nhân vật tưởng tượng. Người đó trong thời ly loạn, quá ngao ngán kinh sách Nho gia và thi phú hoa mỹ. Ông ta hỏi về các đạo thư để tu học, mong thành thần tiên. Cát Hồng Bão Phác Tử chia sẻ khổ tâm đó, và nói mình may mắn có thầy là Trịnh Tư Viễn 鄭思遠 (Trịnh Ẩn 鄭隱). Sau khi ca tụng đức hạnh của Trịnh sư phụ, Cát Hồng trích dẫn danh mục đạo thư dồi dào của sư phụ, trong đó có Huỳnh Đình Kinh. Cát Hồng còn cảnh giác sự sao chép lầm trong đạo thư. «Kinh sách sao chép 3 lần, chữ ngư chép nhầm thành chữ lỗ; chữ hư chép nhầm thành chữ hổ.» 書三寫魚成魯虛成虎 (Thư tam tả, ngư thành lỗ, hư thành hổ). (Xem: Bão Phác Tử Nội Thiên trong Đạo Giáo Thập Tam Kinh, Hà Bắc, 1994, tập hạ, tr. 1301-1312).

[47] James R. Ware, sđd., tr. 380.

» mục lục ▸ Xem bài tiếp: Chư thần cư ngụ trong thân thể con người

» mục lục

Chư thần cư ngụ trong thân thể con người [1]

*** Rolf Homann (1941-2003)**

*** Lê Anh Minh** dịch

Chủ đề của Huỳnh Đình Kinh được khẳng định ngay từ đầu của bản Ngoại Cảnh: «Lão Quân nhàn cư tác thất ngôn, giải thuyết thân hình cập chư thần.» 老君閑居作七言,解說身形及諸神 (Lão Quân lúc thư nhàn, viết thơ 7 chữ, để giải thích về thân hình con người và các thần linh trong đó). [2] Sự mô tả về chư thần trong thân thể con người (nhân thân chư thần 人身諸神) này rất chi tiết và chiếm phần lớn nhất trong văn bản Huỳnh Đình Kinh. Sự trình bày này và các lý thuyết liên quan đã ảnh hưởng đến sự phát triển về sau của thuyết nhân thân chư thần. [3]

Tuy nhiên không phải thuyết nhân thân chư thần được phát triển đầu tiên trong Huỳnh Đình Kinh, mà Huỳnh Đình Kinh cho đến nay được biết đến như là một tác phẩm tối cổ nêu ra danh xưng chư thần quan trọng nhất trong thân thể con người và mô tả các chức năng của các ngài.

Từ đời Hán người ta đã biết đến nhân thân chư thần rồi. Tuy nhiên các lý thuyết dẫn đến sự phát triển thuyết nhân thân chư thần đã bắt nguồn từ các quan niệm xa xưa về sự hợp nhất giữa đại vũ trụ (Makrokosmos) và tiểu vũ trụ (Mikrokosmos).

Trong quyển Trung Quốc Đạo giáo sử 中國道教史, tác giả Phó Cần Gia 傅勤家 đã trình bày sự phát triển của thuyết chư thần trong thân thể nơi chương Nhân thân trung chi thần 人身中之神 (thần ngụ trong thân thể con người) như sau: «Thái Bình Kinh 太平經 đã nói rõ nhân thân chư thần. Thiên Tinh thần huấn 精神訓 của quyển Hoài Nam Tử 淮南子 đã phân khí làm hai loại thần: âm và dương. Khí là sinh mệnh của vũ trụ, cũng là hoạt động lực. Theo Đạo giáo, nếu khí bên trong thân thể con người tương giao qua lại liên tục với khí của vũ trụ, tức là con người sống. Do đó mới có công phu luyện thổ cố nạp tân 吐故納新 (nhả hơi cũ, nuốt hơi mới), tức là công phu luyện khí, luyện đan. Rồi họ lại xem khí là thần; nơi ngũ tạng trong thân thể mỗi tạng đều có thần lai vãng. Cho nên muốn sống lâu thì phải nhìn thẳng (trực quán 直觀) các vị thần này và phải hợp nhất (đồng thể 同體) với các ngài.» [4]

Phó Cần Gia cũng giải thích ở đây sự phát sinh nhân thân chư thần là từ cùng một khí mà khí này tạo ra nhân thân và vũ trụ. Về khía cạnh khí, Porkert đã giảng rõ trong quyển Thuật ngữ về Khí trong kinh sách y học Trung Quốc: «Sự biến đổi của sự sinh hóa đặt nền tảng trên khí. Trong muôn vật của vũ trụ không có gì mà không phát sinh từ khí. Khí bao trùm vũ trụ và khí tác động vũ trụ từ bên trong. Khí tác động những thứ khác: mặt trời, mặt trăng, hành tinh, định tinh chiếu sáng; sấm mưa mây gió hình thành; vạn vật suốt bốn mùa sinh, trưởng, thu, tàng. Sự hiện hữu của con người hoàn toàn tùy thuộc vào khí.» [5]

Ta có công thức ngắn gọn:

Khí = năng lực tạo ra đại vũ trụ.

Khí = năng lực tạo ra tiểu vũ trụ. [6]

Một câu phát biểu tương tự cũng có thể áp dụng với tinh 精. Haloun cũng nhìn nhận: «Khí tương đối đơn giản. Ý nghĩa ban đầu chỉ là «không khí» (air), là «không khí dày dặc» (thick air). Chúng ta có giả thuyết là: Khí là nền tảng vật chất của vũ trụ (the physical basis of the universe)... Thuyết của người Trung Quốc là: Khí tác động thông qua một tác nhân gọi là tinh 精, thường được phiên dịch là «tinh túy»

(essence).» [7]

Trong Quản Tử, sự tạo thành của tinh đối với vũ trụ và con người được nhấn mạnh rõ hơn: «Tinh của vạn vật ban cho chúng sự sống. Ở dưới đất thì tinh sinh ra ngũ cốc; ở trên trời thì tinh là la liệt tinh tú. Khi lưu chuyển giữa trời đất, tinh được gọi là quỷ thần. Khi tàng chứa nơi ngực của con người, tinh được gọi là thánh nhân.» [8]

Vì rằng khí và tinh chuyển hóa nhau nên tôi thấy không cần tiếp tục khai triển vấn đề này. Porkert cũng nhận thấy: «Tinh hóa thành khí (Tinh hóa vi khí 精化為氣).» và «Khí hóa thành tinh (khí hóa vi tinh 氣化為精).» [9]

Hai câu trên đưa đến kết luận rằng vũ trụ và thân thể con người được tạo thành bằng những chất liệu giống nhau. Nhưng điều này chưa thể dẫn đến kết luận rằng chư thần trong nhân thể phát sinh từ cơ sở của các giả thiết trên, mà điều này chỉ dẫn đến quan niệm về sự thống nhất giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ. Về khía cạnh này, Phó Cần Gia đã bảo: «... tức là tạng phủ đều có thần. Theo Đạo giáo, con người được xem là một tiểu thiên địa, cho nên thần trong trời đất đều hiện hữu trong thân thể con người chúng ta.» [10]

Phó Cần Gia chỉ nêu ra mà không giải thích điều này. Tôi muốn thử chỉ ra mối liên hệ giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ và thử giải thích chư thần trong thân thể con người đã phát sinh như thế nào.

Thiên Thiên văn huấn 天文訓 trong Hoài Nam Tử đã giảng: «Các khiếu (lỗ) và tứ chi của nhân thể đều có liên hệ với trời. Trời có cửu trùng (trung ương và 8 hướng) thì người có cửu khiếu. Trời có bốn mùa để bố trí thứ tự 12 tháng thì người có tứ chi để điều khiển 12 quan tiết. Trời có 12 tháng để xếp thứ tự 360 ngày thì người có 12 quan tiết để điều khiển 360 lóng xương và khớp xương. Cho nên khi làm việc mà ai không thuận theo trời tức là đi ngược lại sự sống của bản thân.» [11]

Thiên Tinh thần huấn 精神訓 trong Hoài Nam Tử còn giảng chi tiết hơn về sự thống nhất giữa trời và người: «Cho nên đầu tròn tượng trưng trời, chân vuông tượng trưng đất. Trời có bốn mùa, ngũ hành, cửu giải, 360 ngày; người cũng có tứ chi, ngũ tạng, cửu khiếu, 360 lóng xương. Trời có gió, mưa, lạnh, nóng; người cũng có tiếp nhận, cho tặng, vui vẻ, giận dữ. Thế nên, mật là mây, phổi là khí, gan là gió, thận là mưa, tỳ là sấm, để người cùng kết hợp với trời đất.» [12]

Bên cạnh những «đức tính» của trời, sự phân chia bầu trời thành từng vùng [13] cũng phóng rọi vào con người. Rõ rệt nhất là thí dụ về nhật nguyệt và các hành tinh. Chúng không chỉ được xem là các hiện tượng thiên nhiên mà còn được xem là hệ thống thứ tự các thiên quan 天官. Theo Karlgren, chữ quan 官 này là: «Nơi công thự, công sở (official's residence, office); chức việc hành chánh (public charge); quan lại (official, officer); chức vụ (function), thi hành chức năng (to function).» [14]

Lời chú của Sách ẩn 索隱 về thuật ngữ thiên quan 天官 [15] nơi quyển 27 (Thiên quan thư 天官書) của Sử Ký Tư Mã Thiên đã giải rằng: «Thiên văn có 5 quan. Quan tức là tinh quan. Chòm sao (tinh tòa) có tôn ti, nên những quan nơi con người cũng có địa vị khác nhau. Thế gọi là thiên quan.» [16]

Trong tác phẩm Tuân Tử 荀子, các thiên quan được chuyển sang cho con người: «Chức vụ của trời đã xác lập, công việc của trời đã thành, hình đủ thì thần sinh. Ưa, ghét, mừng, giận, thương, vui được chứa cả trong đó, thế gọi là thiên tình 天情 (tình cảm tự nhiên được trời phú bẩm). Tai, mắt, miệng, mũi, hình thể đều có thể giao tiếp với bên ngoài nhưng không thể thay thế nhau, thế gọi là thiên quan 天官. Tâm ở giữa, hư tĩnh, để làm chủ ngũ quan, thế gọi là thiên quân 天君.» [17]

Quan niệm tương tự trên đây cũng thấy xuất hiện nơi chương 13 của Quản Tử: «Trong thân thể con người, tâm là chủ tể. Nhiệm vụ của cửu khiếu là thể hiện các chức năng biệt lập của các quan năng. Tai

và mắt là các giác quan để nghe và nhìn.» [18]

Các quan niệm trên được Lương Khâu Tử 梁邱子 lập lại trong Huỳnh Đình Ngoại Cảnh: «Mắt trái là mặt trời (thái dương); mắt phải là mặt trăng (thái âm).» [19]

Trong Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn 黃帝內經素問, 12 bộ phận cơ thể được mô tả chi tiết là 12 quan: «Tâm là cơ quan của vua chúa, là nơi thần minh xuất ra. Phổi là cơ quan của đại tướng, ban ra sự trật tự và điều tiết. Gan là cơ quan của tướng quân, đề ra chiến lược và kế hoạch. Mật là cơ quan trung chính, cho ra sự quyết đoán. Trong lồng ngực là cơ quan của thần sứ, phát ra vui vẻ sung sướng. bao tử và lá lách là kho lúa gạo, phát ra năm vị. Ruột già là cơ quan truyền đi vật uế tạp, biến hóa chúng. Ruột non là cơ quan nhận lấy nhiều tạp chất để đưa vào ruột già, biến hóa chúng. Thận là cơ quan làm việc mạnh mẽ, phát sinh kỹ xảo. Tam tiêu là cơ quan dẫn lối âm dương khai thông ngòi nước cho khỏi bế tắc, nước từ đó thoát ra. Bàng quang (bọng đái) là cơ quan quản lý thủ đô và châu quận, nước tàng chứa ở đây.» [20]

Những thí dụ ít ỏi trên đây đã minh xác rằng: trên cơ sở là sự thống nhất giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ, các thiên quan trên trời cũng hiện hữu dưới đất và nơi thân thể con người.

Thiên quan, tức là các tinh tú, là nơi thần minh cư ngụ: «Nơi cung giữa là sao Thiên cực, là nơi sáng nhất, vốn là nơi thường trú của thần Thái Nhất.» [21]

Vì thiên quan có thần minh cư ngụ, nên thiên quan tương ứng ở con người cũng có thần minh cư ngụ. Quản Tử nói: «Có thần trú nơi thân thể con người, thần có lúc cũng đi, có lúc cũng đến. Nhưng không ai biết được điều này. Khi mất thần, con người mê loạn.» [22]

Quan niệm cụ thể về nhân thân chư thần đã thấy vào đời Hán, qua lời chú của Hà Thượng Công về «Cốc thần» 谷神 trong Lão Tử Đạo Đức Kinh: «Cốc là nuôi dưỡng. Nếu con người có thể nuôi dưỡng thần thì họ sẽ bất tử. Thần đây là thần của ngũ tạng. Thần của gan là hồn 魂, thần của phổi là phách 魄, thần của tim là thần 神, thần của thận là tinh 精, thần của tỳ là chí 志, ngũ tạng bị thương tổn hết thì năm thần này xuất ra khỏi nhân thể.» [23]

Sự liên hệ ngũ tạng với ngũ thần (gan-hồn, phổi-phách, tim-thần, thận-tinh, tỳ-chí) được nêu ra trên đây cũng tương đồng với quan niệm của y học Trung Quốc. [24]

Thần của ngũ tạng có liên hệ mật thiết với thần của bốn mùa và thần của ngũ hành. Thái Bình Kinh 太平經 có nói như vậy, nhưng không kể chi tiết tên của các vị thần này: «Thần của bốn mùa và thần của ngũ hành khi nhập vào thân thể con người thì thành chư thần của ngũ tạng, khi xuất ra thì trở thành thần của bốn mùa và thần của ngũ hành.» [25]

Thái Bình Kinh cũng nói như vậy ở một đoạn khác: «Khí của bốn mùa và ngũ hành nhập vào bụng của con người thì sinh ra chư thần của ngũ tạng, có màu sắc tương ứng với màu sắc của bốn mùa và trời đất.» [26]

Chư thần (ở đây gọi là «kỵ thần» 騎神) của trung ương và bốn phương hướng được mô tả trong Thái Bình Kinh như sau: «Kỵ thần hướng đông cầm cây mâu, kỵ thần hướng nam cầm cây kích, kỵ thần hướng tây cầm cung nỏ và cái rìu, kỵ thần hướng bắc cầm cái thuẫn mạ vàng và cây đao, kỵ thần trung ương cầm kiếm và cái trống. Khi nghĩ đến các vị thần này thì trước tiên hãy nhìn vào chư thần trong thân mình (nội thần) và hãy nhìn chư thần bên ngoài mình (ngoại thần); hoặc trước tiên nhìn dương thần, sau đó nhìn nội thần.» [27]

Những quan niệm xuyên qua ít ví dụ nêu trên đã được khai triển rộng hơn vào đời Đông Hán: Số lượng chư thần trong nhân thể phát triển đến 36000 vị; những vị thần quan trọng nhất được mô tả cụ thể về danh xưng, chức vụ, vóc dáng, y phục. Maspero đã viết rõ: «Thực sự toàn thân con người tràn ngập

thần linh. Không những mỗi đan điền, mỗi tạng, mỗi phủ đều có ít nhiều thần linh mà mọi cơ quan hay nói đơn giản là mọi thứ có vẻ có nhân tính đều hình thành một thực thể biệt lập, như mắt, tai, tóc, v.v. Mỗi vị thần này đều có tên họ, biệt hiệu, tước vị. Thần có y phục, nơi cư ngụ, chức nghiệp, và vai trò trong sự hài hòa chung của sự sống của thân thể đó.» [28]

Có nhiều phương hướng khác nhau trong sự phát triển chư thần trong nhân thể: «Nhưng trong tất cả chư thần trong nhân thể này, người ta phân biệt ngay hai loại khác nhau: một loại đơn thuần liên quan các bộ phận của thân người (ordre purement physiologique)… và một loại thần liên quan đến bản thể vũ trụ (ordre ontologique).» [29]

Loại thần thứ hai này phân làm hai nhóm: một nhóm ứng với 24 khí tiết và một nhóm được tạo sinh theo cửu thiên 九天. [30]

Trong loại thần liên quan đến các bộ phận của thân thể con người (die physiologischen Gottheiten), ta thấy có 7 vị thần đầu, 5 vị thần của ngũ tạng, và 6 vị thần của lục phủ. Đại Đỗng chân kinh 大洞真經 còn đặc biệt phát triển tiếp số chư thần này: từng bộ phận được ấn định có thêm nhiều vị thần nữa. Nhưng số chư thần được nêu ra trong Đại Đỗng chân kinh thì khác xa với số chư thần được nêu trong các đạo thư hay đạo kinh tương tự về sau đến nỗi người ta không thể suy đoán được. Để minh họa điều này, tôi trích dẫn Lão Tử Trung Kinh 老子中經: «8 vị thần phổi (phế thần) là Thái Hòa Quân 太和君, tên gọi [ở] phủ Thượng Thư 尚書 của Ngọc Chân Cung 玉真宮. Các quan tùy tùng có 3600 người, cỡi chiếc xe bằng khí mây trắng, do bạch hổ kéo hoặc họ cỡi bạch long (rồng trắng). 9 vị thần tim (tâm thần) là Thái Úy Công 太尉公, gọi là Nguyên Quang 元光, Thái Thủy Nam Cực Lão Nhân 太始南極老人, ở Giáng Cung 絳宮. Các quan tùy tùng có 3600 người, cỡi chiếc xe bằng khí mây đỏ; chim đỏ tạo thành cái lọng trên xe, rắn đỏ làm thành tay nắm. Xe do chim đỏ kéo hoặc họ cỡi xích long (rồng đỏ.) 7 vị thần gan (can thần) là Lão Tử Quân 老子君, tên gọi [ở] phủ Lan Đài 蘭臺 của Minh Đường Cung 明堂宮. Các quan tùy tùng có 3600 người, cỡi chiếc xe bằng khí mây xanh, do rồng xanh kéo hoặc họ cỡi nai trắng. 5 vị thần mật (đảm thần) là Thái Nhất Đạo Quân 太一道君, cư ngụ nơi Tử Phòng Cung 紫房宮. Họ cỡi chiếc xe bằng khí mây màu ngọc, trên có cái lọng che ngũ sắc, do 6 con rồng bay kéo. Các quan tùy tùng có 3600 người.» [31]

Về chư thần khác của đầu và các bộ phận trong thân, Lão Tử Trung Kinh còn cho những chi tiết tương tự.

Loại thần liên quan đến bản thể vũ trụ (ontologische Gottheiten) tương ứng với 24 khí tiết được Maspero mô tả như sau: «Một nhóm thần nổi tiếng khác là 24 thần (nhị thập tứ thần) mà mỗi vị cùng một lúc vừa cai quản một bộ phận trong thân thể con người vừa ứng với 24 khí tiết. Nơi thân thể con người (=tiểu vũ trụ), 24 khí tiết là 24 vòng tròn chồng lên nhau, phân đều từ đỉnh đầu xuống lòng bàn chân; và trong đại vũ trụ, chúng là 24 nửa tháng dương lịch do một năm được chia ra, sao cho tiết Hạ Chí là ngay đỉnh đầu, tiết Thu Phân và Xuân Phân là ngay rốn, và tiết Đông Chí là ở bàn chân.» [32]

Sự phân loại thông thường nhất là 3x8=24 thần căn cứ vào 3 bộ (tam bộ 三部 = đầu, ngực, bụng) của thân thể con người. Mỗi bộ có 8 cảnh thần.

Thượng bộ bát cảnh thần 上部八景神 gồm có:

1. Thần não (não thần 腦神) tên Giác Nguyên Tử 覺元子, tự Đạo Đô 道都;

2. Thần tóc (phát thần 髮神) tên Huyền Phụ Hoa 玄父華, tự Đạo Hành 道衡;

3. Thần da (bì phu thần 皮膚神) tên Thông Chúng Trọng 通眾仲, tự Đạo Liên 道連;

4. Thần mắt (mục thần 目神) tên Linh Giám Sinh 靈監生, tự Đạo Đồng 道童;

5. Thần tủy ở cổ (hạng tủy thần 項髓神) tên Linh Mạc Cái 靈膜蓋, tự Đạo Chu 道周;

6. Thần xương sống (lữ thần 膂神) tên Ích Lịch Phụ 益歷輔, tự Đạo Trụ 道柱;

7. Thần mũi (tỵ thần 鼻神) tên Trọng Long Ngọc 仲龍玉, tự Đạo Vi 道微;

8. Thần lưỡi (thiệt thần 舌神) tên Thủy Lương Trĩ 始梁峙, tự Đạo Kỳ 道岐.

Trung bộ bát cảnh thần 中部八景神 gồm có:

1. Thần yết hầu (hầu thần 喉神) tên Bách Lưu Phóng 百流放, tự Đạo Thông 道通;

2. Thần phổi (phế thần 肺神) tên Tố Linh Sinh 素靈生, tự Đạo Bình 道平;

3. Thần tim (tâm thần 心神) tên Hoán Dương Xương 煥陽昌, tự Đạo Minh 道明;

4. Thần gan (can thần 肝神) tên Khai Quân Đồng 開君童, tự Đạo Thanh 道清;

5. Thần mật (đảm thần 膽神) tên Đức Long Câu 德龍拘, tự Đạo Phóng 道放;

6. Thần thận trái (tả thận thần 左腎神) tên Xuân Nguyên Chân 春元真, tự Đạo Khanh 道卿;

7. Thần thận phải (hữu thận thần 右腎神) tên Tượng Tha Vô 象他無, tự Đạo Ngọc 道玉;

8. Thần tỳ (tỳ thần 脾神) tên Bảo Nguyên Toàn 寶元全, tự Đạo Khiên 道騫.

Hạ bộ bát cảnh thần 下部八景神 gồm có:

1. Thần bao tử (vị thần 胃神) tên Đồng Lai Dục 同來育, tự Đạo Triển 道展;

2. Thần ruột cùng (cùng trường thần 窮腸神) tên Triệu Đẳng Khang 兆騰康, tự Đạo Hoàn 道還;

3. Thần ruột già và ruột non (đại tiểu trường thần 大小腸神) tên Bồng Tống Lưu 蓬送留, tự Đạo Trù 道廚;

4. Thần trong ruột (động trung thần 胴中神) tên Thụ Hậu Bột 受厚勃, tự Đạo Hư 道虛;

5. Thần hoành cách mô (hung cách thần 胸膈神) tên Quảng Anh Trạch 廣英宅, tự Đạo Trung 道中;

6. Thần hai hàng xương sườn (lưỡng lặc thần 兩肋神) tên Tịch Giả Mã 辟假馬, tự Đạo Thành 道成;

7. Thần tả dương (tả dương thần 左陽神) tên Phù Lưu Khởi 扶流起, tự Đạo Khuê 道圭;

8. Thần hữu âm (hữu âm thần 右陰神) tên Bao Biểu Minh 包表明, tự Đạo Sinh 道生. [33]

Tên 28 vị thần này không thống nhất với tên các thần thuộc nhóm liên quan các bộ phận của thân người (physiologische Gottheiten) [đã kể trong Lão Tử Trung Kinh].

Chư thần liên quan bản thể vũ trụ (ontologische Gottheiten) tương ứng với Cửu thiên 九天 đã bắt nguồn từ một thuyết của Trung Quốc về sự sáng thế: «Cửu thiên có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng thế giới và cửu thiên sinh trưởng trong thân người.» [34]

Cửu thiên ở đây là 9 khí hình thành thế giới. Các khí này bắt nguồn từ nguyên khí 元氣. Trước tiên nguyên khí phân làm 3 khí, rồi phân thành 9 khí: «Cửu khí biến đổi một loạt . Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, âm dương, ngũ hành, đều tiếp nhận sự sống từ cửu khí.» [35]

Trong thân thể con người, cửu khí hay cửu thiên thể hiện ra là cửu cung 九宮. Cửu cung tọa lạc nơi mỗi ba bộ phận. Cửu cung nơi thượng bộ (=đầu) thường được mô tả chi tiết, còn cửu cung nơi trung bộ (=mình) và hạ bộ (=phần dưới) thì chưa được biết rõ. Chỉ trong một văn bản duy nhất sau đây là Thượng Dương Tử Kim đan đại yếu 上陽子金丹大要, tôi tìm thấy sự mô tả chi tiết về cửu cung ở trung bộ: «Tim (nơi thần cư ngụ) là Giáng tiêu cung 絳霄宮. Thận (nơi thần cư ngụ) là Đan nguyên cung 丹元宮. Gan (nơi thần cư ngụ) là Lan đài cung 蘭臺宮. Phổi (nơi thần cư ngụ) là Thượng thư cung 尚書宮. Tỳ (nơi thần cư ngụ) là Huỳnh đình cung 黃庭宮. Mật (nơi thần cư ngụ) là Thiên hoằng cung 天翃宮. Ruột non (nơi thần cư

ngụ) là Huyền linh cung 玄靈宮. Ruột già (nơi thần cư ngụ) là Mộc linh cung 木靈宮. Bàng quang (nơi thần cư ngụ) là Ngọc phòng cung 玉房宮.» [36]

Văn bản đời Nguyên trên đây rõ ràng là một cố gắng muộn màng nhằm hệ thống hóa cửu cung nơi trung bộ thân người. Qua sự tổng kết các cơ quan của trung bộ và hạ bộ nhưng lược bỏ cửu cung nơi hạ bộ, sự cố gắng này không có giá trị gì.

Huỳnh Đình Kinh có sự đặc biệt: với tư cách làmột đạo kinh xưa nhất nói về chư thần trong thân thể con người, kinh này dung chứa cả ba sự khai triển đã nêu trên đây. Trọng tâm của sự mô tả này là chư thần liên quan đến các bộ phận trong thân người (physiologische Gottheiten). Trong Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, thần ở đầu được liệt kê danh tính ở chương 7 (Chí đạo 至道) và các thần ngũ tạng được liệt kê danh tính ở chương 8 (Tâm thần 心神), nhưng các thần lục phủ thì không kể danh tính ra. Gần phân nửa của Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh mô tả tỉ mỉ nhất về chư thần ngũ tạng. [37]

Ở đây tôi muốn nêu ra một sự khai triển đặc biệt các thần lục phủ theo quan niệm đời Tống: «Theo một quyển sách khuyết danh tác giả vào đời Tống đã minh họa, mỗi phủ trong lục phủ của thân người được cho rằng có động vật cư ngụ. Hổ trắng ở phổi, rắn và rùa ở mật, rồng ở gan, phượng hoàng ở tỳ, chim đỏ ở tim, nai hai đầu ở thận.» [38]



Thần gan có hình rồng



Thần mật có hình rắn và rùa



Thần phổi có hình hổ trắng



Thần tim có hình chim đỏ



Thần thận có hình nai hai đầu

Ở đây danh xưng chư thần ngũ tạng nêu trong Huỳnh Đình Kinh được mô tả thêm hình dáng qua sự trình bày của Hồ Âm 胡愔 trong Huỳnh Đình Nội Cảnh Ngũ Tạng Lục Phủ Đồ 黃庭內景五臟六腑圖.

Nhóm chư thần tương ứng với 24 tiết khí được mô tả như sau trong Huỳnh Đình Nội Cảnh chương 23: «Phép đối trị sự sống thật đơn giản: chỉ cần học theo sách Động Huyền [của Lão Quân] và sách Ngọc Thiên (tức Huỳnh Đình Kinh). Ngoài ra, trong thân hình có bát cảnh thần [ở mỗi bộ trên, giữa, dưới], thống nhiếp khí toàn thân thì 24 vị thần này hiện ra.» [39]

Sự giải thích chư thần liên quan đến 24 tiết khí không phải duy nhất chỉ có ở sách này. Chẳng hạn Lãnh Khiêm 冷謙 trong Huỳnh Đình Kinh Bí Nghĩa đã giảng rằng bát cảnh tương ứng với bát quái tức là 8 quẻ cơ bản để hình thành 64 quẻ kinh Dịch. Còn 24 chân nhân ứng với 24 hào âm và dương của bát quái. [40] Ngoài ra người ta cũng có thể giải 24 chân nhân này ứng với 24 tiếng đồng hồ của một ngày (bát cảnh thần ứng với 8 tiếng, nhân với 3 [sáng, chiều, tối] là 24 thần).

Về các thần tương ứng với cửu cung của trời, chương 7 của Nội Cảnh đã viết: «Chư thần nơi mặt đều lấy nê hoàn làm tông chủ, [trời có cửu cung mà người cũng thế] nên nê hoàn [ở trung cung] và 8 cung xung quanh đều có 9 vị thần.» [41]

Đến đây, vấn đề vẫn còn chưa giải quyết xong: Chư thần trong thân thể con người để phục vụ mục đích gì?

Theo quan niệm của Thái Bình Kinh, khi chư thần tồn tại trong thân người mà không bị thương tổn thì con người ta khỏe mạnh, nếu chư thần rời bỏ thân ta thì ta bệnh hoạn và chết: «Cho nên thần gan đi mất mà không trở về thân ta, thì mắt ta không sáng. Khi thần tim đi mất thì môi ta xanh tái. Khi thần phổi đi mất thì mũi ta bị nghẹt. Khi thần thận đi mất thì tai ta điếc. Khi thần tỳ đi mất thì miệng ta không cảm nhận được vị ngọt. Khi thần đầu đi mất thì ta mắt ta tối sầm. Khi thần bụng đi mất thì bao tử ta rối loạn, không thể tiêu hóa thực phẩm. Khi thần tứ chi đi mất thì ta không thể cử động và di chuyển được.» [42]

Tuy nhiên, khi chư thần vẫn tồn tại trong thân thể con người thì, theo Thái Bình Kinh mô tả, người ta sẽ có tình trạng như sau: «Khi chư thần tồn tại trong thân thể ta, ta sẽ cảm thấy tươi vui, sẽ cảm thấy hạnh phúc và không truy cầu tài bảo hay ganh đua với đời. Vì không ham danh lợi, sau một thời gian dài, ta sẽ trông thấy hình ảnh chư thần.» [43]

Sau đó, điều quan trọng đối với sức khỏe con người chính là tam trùng 三蟲 – kẻ thù tự nhiên của con người cũng như của nhân thân chư thần – sẽ bị tiêu diệt thông qua sự hành khí và phục thực đúng đắn. Tam trùng cư ngụ nơi ba bộ phận của con người.

Kaltenmark viết: «Thượng trùng tấn công mắt và gây tai hại cho đầu. Trung trùng hại bụng và ruột. Hạ trùng gây bệnh thận, làm cạn tinh tủy, làm khô xương, gây thiếu máu.» [44]

Tam trùng được mô tả tỉ mỉ chi tiết và sinh động trong Thái Thượng Trừ Tam Thi Cửu Trùng Bảo Sinh Kinh 太上除三尸九蟲保生經: «Thượng trùng Bành Cư 彭琚 có tên trẻ con là A Ha 阿呵 ở trong đầu con người. Nó tấn công nê hoàn tức thượng đan điền, khiến cho người ta cảm thấy nặng đầu, mắt tối sầm, khóc chảy nước mũi, tai điếc, răng rụng, miệng hôi, khuôn mặt nhăn nheo. Nó làm con người mê loạn, yêu thích xe ngựa, say mê âm nhạc và nữ sắc... Trung trùng Bành Chất 彭質 có tên trẻ con là Tác Tử 作子, yêu thích ngũ sắc và ngũ vị. Nó cư ngụ nơi tim và bao tử con người. Nó tấn công tử cung (cung màu đỏ) và trung tiêu, khiến con người nhầm lẫn và mất trí nhớ. Nó làm giảm tinh. Khi khí sinh ra, tai họa đến. Mặt khác, nó gây sầu não. Khi âu lo thái quá, miệng khô, mắt trắng, răng sâu. Ngày đêm nó làm hại lục phủ ngũ tạng. Nó gây ra bệnh tật. Do nó mà người ta ngủ nhiều và thấy ác mộng... Hạ trùng Bành Kiểu 彭矯 có tên trẻ con là Lý Tế 李細, cư ngụ nơi bụng và chân con người. Nó làm hại khí hải đến nỗi khô cạn và làm cho bách bệnh sinh ra. Nó xúi con người trộm cướp, ham mê nữ sắc, danh vọng, và ham mê trụy lạc, gây tác hại. Người ta không thể cản được nó làm hại sinh mệnh của họ. Nó khiến con người kết hợp với ma quỉ, quay lưng với cuộc sống, cận kề cái chết, cạn kiệt tinh khí. Nó làm khô tủy, cơ bắp đau nhức, thịt nóng hực, ý chí bạc nhược, thân thể trống rỗng, mông nặng nề, bàn chân và đầu gối rã rời. Nước tiểu và xú khí thoát ra, và dần dần tai họa đến...» [45]



Tam thi (tam trùng) 三尸 (三蟲)

Tam trùng đã xuất hiện từ đời Đông Hán, như trong tác phẩm Luận Hành 論衡 của Vương Sung 王充 đã chép: «Người ta có tam trùng trong ruột. Côn trùng sống nơi đầm lầy gọi là con đỉa. Chúng ăn chân người, còn ở con người thì tam trùng ăn ruột.» [46]

Về sau, do ảnh hưởng của thuyết về chư thần tương ứng với cửu thiên, người ta lại phân biệt xa hơn nữa là tam thi cửu trùng (cũng là kẻ thù của con người). Về cửu trùng thì Thái Thượng Trừ Tam Thi Cửu Trùng Bảo Sinh Kinh cũng đã mô tả sinh động.

Chư thần trong thân thể con người là đối tượng của tĩnh tọa, gọi là nội quán 內觀: «Nội quán cũng cho phép người ta nhìn thấy các thần trong thân thể... Nhiều đạo kinh đã mô tả chính xác chư thần này, nêu ra danh tánh của thần và thường cho biết hình dáng của thần để dễ nhìn thấy và giao tiếp với thần.» [47]

Tuy chư thần theo quan niệm của Đạo giáo là có cung điện cả trên trời lẫn dưới đất, nhưng chư thần không thường trú nơi đó, mà luôn dạo chơi khắp nơi, nên thật là khó khăn cho các đạo sĩ được giao tiếp với chư thần. Điều đó cũng là một điều thực dễ dàng khi đạo sĩ luôn có khả năng giao tiếp chư thần nhờ tham thiền nội quán chư thần trong thân thể, mà các vị này tương ứng với chư thần trên trời.

Tóm tắt chư thần nơi ba bộ vị của thân thể

I. Thượng bộ 上部 của thân thể:

a/ Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh:

1- Thần Tóc = Thương Hoa 蒼華

2- Thần Trán = Tinh Căn 精根

3- Thần Mắt = Minh Thượng 明上

4- Thần Mũi = Ngọc Lũng 玉壟

5- Thần Tai = Không Nhàn 空閑

6- Thần Lưỡi = Thông Mệnh 通命

7- Thần Răng = Ngạc Phong 崿鋒

b/ Chư thần liên quan 24 khí tiết (Đạo Tạng 1051/W1388: 洞玄靈寶二十四生圖經 Động Huyền Linh Bảo Nhị Thập Tứ Sinh Đồ Kinh)

1- Thần Tóc = Huyền Phụ Hoa 玄父華

2- Thần Trán = Giác Nguyên Tử 覺元子

3- Thần Mắt = Hư Giám 虛監

4- Thần Mũi = Trọng Long Tử 仲龍子

5- Thần Lưỡi = Thủy Lương Trĩ 始梁峙

6- Thần Da = Thông Tượng Trọng 通象仲

7- Thần Tủy xương sống = Linh Mô Cái 靈謨蓋

8- Thần Xương sống = Ích Lịch Chuyển 益歷轉

c/ Chư thần liên quan cửu cung:

1- Chư thần cung Minh Đường 明堂: ở giữa là Minh Kính Thần Quân 明鏡神君; bên trái là Minh Đồng Chân Quân 明童真君; bên phải là Minh Nữ Chân Quân 明女真君. [48]

2- Chư thần cung Động Phòng 洞房: ở giữa là Hoàng Lão Quân 黃老君; bên trái là Nguyên Anh Quân 元英君; bên phải là Nguyên Bạch Quân 元白君. [49]

3- Chư thần cung Nê Hoàn 泥丸: bên trái là Thượng Nguyên Xích Tử 上元赤子; bên phải có Đế Hương 帝鄉 (chỉ có 2 thần đồng cư). [50]

4- Chư thần cung Lưu Châu 流珠: Lưu Châu Chân Quân 流珠真君. [51]

5- Chư thần cung Ngọc Đế 玉帝: Ngọc Thanh Thần Mẫu 玉清神母. [52]

6- Chư thần cung Thiên Đình 天庭: Thượng Thanh Chân Nữ 上清真女

7- Chư thần cung Cực Chân 極真: Thái Cực Đế Phi 太極帝妃.

8- Chư thần cung Huyền Đan 玄丹: Trung Hoàng Thái Ất Chân Quân 中黃太乙真君. [53]

9- Chư thần cung Thái Hoàng 太皇: Thái Thượng Quân Hậu 太上君后.

II. Trung bộ 中部 của thân thể:

a/ Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh:

1- Thần Tim = Đan Nguyên 丹元

2- Thần Phổi = Hạo Hoa 皓華

3- Thần Gan = Long Yên 龍湮

4- Thần Thận = Huyền Minh 玄明

5- Thần Tỳ = Thường Tại 常在

6- Thần Mật = Long Diệu 龍曜

b/ Chư thần liên quan 24 khí tiết (theo Đạo Tạng 1051/W1388: Động Huyền Linh Bảo Nhị Thập Tứ Sinh Đồ Kinh 洞玄靈寶二十四生圖經)

1- Thần Tim = Hoán Dương Xương 煥陽昌

2- Thần Phổi = Tố Linh Sinh 素靈生

3- Thần Gan = Khai Quân Đồng 開君童

4- Thần Thận trái = Xuân Nguyên Quân 春元君

5- Thần Thận phải = Tượng Tha Vô 象他無

6- Thần Tỳ = Bảo Vô Toàn 寶無全

7- Thần Mật = Long Đức Câu 龍德拘

8- Thần Cuống họng = Bách Lưu Phóng 百流放

c/ Chư thần liên quan cửu cung: (không có)

III. Hạ bộ 下部 của thân thể:

a/ Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh:

- Thần Mật = Long Diệu 龍曜

b/ Chư thần liên quan 24 khí tiết (theo Đạo Tạng 1051/W1388: Động Huyền Linh Bảo Nhị Thập Tứ Sinh Đồ Kinh 洞玄靈寶二十四生圖經)

1- Thần Bao Tử = Đồng Lai Dục 同來育

2- Thần Ruột già ruột non = Bồng Tống Lưu 蓬送留

3- Thần Ruột thừa = Phi Đằng Khang 非騰康

4- Thần Đầu ruột = Thụ Hậu Bột 受厚勃

5- Thần Cách (Zwerchfell: diaphragm: cơ hoành) = Quảng Anh Trạch 廣瑛宅

6- Thần Mông = Tịch Giả Mã 辟假馬

7- Thần Tả dương = Phù Lưu Khởi 扶流起

8- Thần Hữu âm = Bao Biểu Minh 包表明

c/ Chư thần liên quan cửu cung: (không có)

CHÚ THÍCH

[1] Nguyên tác Đức ngữ: Die Körpergottheiten, trích dịch từ Rolf Homann, Die wichtigsten Körpergottheiten im H'uang-t'ing ching (Chư thần quan trọng nhất trong nhân thể theo Huỳnh Đình Kinh), Verlag Alfred Kümmerle, Göppingen, Germany, 1971, tr. 24-51. Chú thích riêng của người dịch được ghi là [LAM chú].

[2] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, trang 89.

– Thuật ngữ thần 神 thường được dịch là dieu divinité (thần linh) hay god (thần linh) theo Maspero, Kaltenmark, Welch. Ở đây hãy so sánh các chú thích của Porkert trong Die energetische Terminologie in den chinesischen Medizin-klassikern (Thuật ngữ về Khí trong kinh sách y học Trung Quốc), trong Sinologica VIII, số 4, Basel 1965, tr.189; và chú của ông trong Untersuchungen einiger philosophisch-wissenschaftlicher Grundbegriffe und Beziehungen im Chinesischen (Khảo vài khái niệm cơ bản về triết học và khoa học và các liên quan của chúng trong Hán ngữ), trong Zeitschrift der Deutschen Morgenländischen Gesellschaft (Tạp chí Xã hội Đông phương [theo nghiên cứu của người] Đức), bộ 110, tập 2, Wiesbaden, 1961, tr. 429; đặc biệt là chú thích 19 (trang 431), ông đã chỉ ra sự khác biệt về khái niệm Thần của người Trung Quốc và khái niệm Thần của người Tây phương.

[3] Holmes Welch, Taoism: The Parting of the Way, Boston, 1966, tr. 106.

[4] Phó Cần Gia 傅勤家, Trung Quốc Đạo giáo sử 中國道教史, Đài Bắc, 1967, tr. 104.

[LAM chú] Tôi dịch theo bản của Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 1998, tr. 104: «Thân trung chư thần, Thái Bình Kinh dĩ tường ngôn. Hoài Nam Tử - Tinh thần huấn dĩ phân khí vi âm dương nhị thần, khí giả vũ trụ chi sinh mệnh, hựu vi hoạt động lực, cứ Đạo giáo sở thuyết, nhân loại thân nội chi khí, năng dữ vũ trụ chi khí tương vãng lai nhi bất tuyệt, tức đắc trường mệnh. Cố hữu thổ cố nạp tân, tức

luyện khí luyện đan chi công phu. Hựu dĩ khí vi thần, thể nội ngũ tạng, diệc các hữu thần lai vãng, cố dục trường thọ, đương trực quán thử thần, dữ chi đồng thể.» 身中諸神,太平經已詳言.淮南子精神訓已分氣為陰陽二神,氣者宇宙之生命,又為活動力,據道教所說,人類身內之氣,能與宇宙之氣相往來而不絕,即得長命.故有吐故納新即鍊氣鍊丹之工夫.又以氣為神,體內五臟亦各有神來往,故欲長壽,當直觀此神,與之同體.

[5] Porkert, Die energetische Terminologie in den chinesischen Medizinklassikern, 1965, tr. 185. Porkert dịch đoạn văn này trong Loại kinh 類經, nhưng tôi không có quyển này.

[6] Manfred Porkert, sđd., 1965, tr. 186.

[7] Haloun, Nachschrift eines Kollegs über die taoistischen Kapitel (36, 37, 49) im Kuan-tzu (Lời cuối của một khóa giảng về các chương Đạo giáo 36, 37, 49 trong Quản Tử), tr. 31.

– Lời cuối này không công bố, nhưng giáo sư Eichhorn đã cung cấp cho tôi. Nguyên văn tiếng Anh: «Ch'i 氣 is comparatively simple. The original meaning is 'air', 'thick air'. We have here a hypothesis that air is the physical basis of the universe… The Chinese theory is that air acts through an agent called ching 精, usually translated as 'essence'.»

[8] Quản Tử, trong Tứ Bộ Bị Yếu, tr. 365, chương 16.

– W.A. Rickett, Kuan-tzu, Hong Kong, 1965, tr. 158, dịch: «It is ever so that the essence of things is what gives them life. Below it gives life to the five grains; above it creates the ranked stars. When floating between Heaven and earth, we call it the spirit. When stored in the breast (of a person), we call it the sage.»

[LAM chú] Tôi dịch theo bản chữ Hán, chương Nội nghiệp 內業: «Phàm vật chi tinh, thử tác vi sinh, hạ sinh ngũ cốc, thượng vi liệt tinh, lưu thiên địa chi gian, vị chi quỷ thần, tàng ư hung trung, vị chi thánh nhân.» 凡物之精,此作為生,下生五穀,上為列星,流天地之間,謂之鬼神,藏於胸中謂之聖. (Ngô Văn Đào 吳文濤 & Trương Thiện Lương 張善良 biên tập, Quản Tử, Bắc Kinh, Yên Sơn xbx, 1995, tr. 339.)

[9] Porkert, sđd., 1961, tr. 424. Hai câu này Porkert dịch từ Vân Cấp Thất Thiêm 雲笈七籤.

[10] «Thử ngôn tạng phủ giai hữu thần dã. Nhiên Đạo giáo chi thuyết thị nhân thân vi nhất tiểu thiên địa, cố thiên địa chi thần giai tồn ngô nhân chi thân trung.» 此言臟腑皆有神也.然道教之說視人身為一小天地,故天地之神皆存吾人之身中. (Phó Cần Gia, sđd., tr. 106). Quan niệm về sự thống nhất giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ tuy vậy không thuộc phạm vi của Đạo giáo, mà quan niệm này đã phổ biến trong xã hội Trung Quốc cổ đại rồi. Maspero, Le Taoïsme, 1950, tr. 123, đã chỉ ra sự liên hệ này giữa đại và tiểu vũ trụ [qua chư thần trong vũ trụ và chư thần trong thân thể con người], nhưng ông không khai triển quan niệm này. Nơi trang 109, theo tôi thì Maspero đã lầm khi nói về Bàn Cổ 盤古. Ở đây là huyền thoại nói về sự sáng tạo vũ trụ mang tính đồng hình với con người chứ không phải là quan niệm về đại và tiểu vũ trụ.

[LAM chú] Maspero viết: «Nhiệm Phưởng 任昉, thế kỷ VI cn, đã viết chính xác huyền thoại Bàn Cổ trong quyển Thuật Dị Ký 述異記 rằng: 'Ngày xưa khi Bàn Cổ chết, đầu biến thành bốn ngọn núi, hai mắt biến thành mặt trời và mặt trăng, mỡ biến thành sông biển, râu tóc biến thành thảo mộc. Thời Tần và Hán, dân gian kể rằng đầu của Bàn Cổ là Đông Nhạc, bụng là Trung Nhạc, tay trái là Nam Nhạc, tay phải là Bắc Nhạc, và hai chân là Tây Nhạc. Các văn nhân ngày xưa kể rằng nước mắt của Bàn Cổ là sông, hơi thở là gió, giọng nói là sấm, đồng tử trong mắt là ánh sáng.'» (Ren Fang, au VIe siècle, rapporte exactement de même la légende de Pan Gu dans ses Récits Merveilleux: Autrefois, quan

Pan Gu mourut, sa tête devint les Quatre Pics; ses yeux devinrent le soleil et la lune; sa graisse devint les fleuves et les mers; ses cheveux et sa barbe devinrent les herbes et les arbres. A l'époque des Qin et des Han, on racontait vulgairement que la tête de Pan Gu était le Pic de l'Est, son ventre le Pic du Centre, son bras gauche le Pic du Sud, son bras droit le Pic du Nord, ses pieds le Pic de l'Ouest. Les anciens Lettrés racontent que les larmes de Pan Gu sont les fleuves, que son souffle est le vent, sa voix le tonnerre, la pupille de ses yeux l'éclair.) Rồi Maspero có một kết luận (mà Rolf Homann bác bỏ): «Huyền thoại này không nhất thiết có nguồn gốc Đạo giáo, bởi vì chính quan niệm nhân thể là tiểu vũ trụ không phải riêng của Đạo giáo: Nó là tín ngưỡng phổ biến mà tại chính Trung Quốc tín ngưỡng này được bắt gặp hầu như ở mọi giới thế tục cũng như tôn giáo mọi thời. Nhưng các Đạo sĩ đã đẩy mạnh sự đồng hóa của con người đối với thế giới xa hơn những người đương thời của họ đã làm.» (La légende n'est pas nécessairement d'origine taoïste, car la conception même du corps-microcosme n'a rien de spécifiquement taoïste: c'est une croyance universellement répandue et qui, en Chine même, se rencontre à peu près dans tous les milieux laïques et religieux, à toutes les époques. Mais les Taoïstes ont poussé cette assimilation du corps au monde plus loin que ne le faisaient leurs contemporains.)

[11] Hoài Nam Tử, Tứ Bộ Bị Yếu, 424, chương 3, tr. 16a/b.

– Thuật ngữ thập nhị tiết 十二節 (12 quan tiết) bao gồm: 2 cánh tay trong, 2 cánh tay ngoài, 2 bàn tay, 2 đùi, 2 ống chân, 2 bàn chân. Trung Y Danh Từ từ điển 中醫名詞辭典, Hongkong, 1964, tr. 4, giải: «Tứ chi các hữu tam đại tiết, hợp danh thập nhị tiết.» 四肢各有三大節合名十二節 (Mỗi chi của tứ chi đều có ba quan tiết lớn, gọi chung là 12 tiết). Lại có 360 (hoặc 366) tiết, Homann tôi vẫn chưa rõ, có lẽ là số lượng các đốt xương, khớp xương (Gelenke, Knochen).

[LAM chú] Tôi dịch theo Hoài Nam Hồng Liệt giải 淮南鴻烈解 in trong Đạo Tạng Yếu Tịch tuyển san (khan))道臧要藉選刊, Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 1995, quyển 5, tr. 27: «Khổng khiếu chi thể giai thông ư thiên. Thiên địa cửu trùng, nhân diệc hữu cửu khiếu. Thiên hữu tứ thời dĩ chế thập nhị nguyệt, nhân diệc hữu tứ chi dĩ sử thập nhị tiết. Thiên hữu thập nhị nguyệt dĩ chế tam bách lục thập nhật, nhân diệc hữu thập nhị chi dĩ sử tam bách lục thập tiết. Cố cử sự bất thuận thiên giả nghịch kỳ sinh giả dã.» 孔竅肢體皆通於天.天地九重人亦有九竅.天有四時以制十二月,人亦有四肢以使十二節.天有十二月以制三百六十日,人亦有十二肢以使三百六十節.故舉事而不順天者逆其生者也. – Nguyên tác viết cửu trùng (tức cửu thiên hay cửu dã hay cửu giải) là 9 vùng gồm trung ương và 8 hướng. Homann dịch là «9 tầng trời» (neun Stockwerke) là không đúng vì mâu thuẫn với đoạn ông trích dẫn kế tiếp từ chương Tinh thần huấn. Xem chú thích 12 và 13 dưới đây.

[12] Hoài Nam Tử, Tứ Bộ Bị Yếu, 424, chương 7, tr. 2a.

[LAM chú] Tôi dịch theo Hoài Nam Hồng Liệt giải 淮南鴻烈解 in trong Đạo Tạng Yếu Tịch tuyển san (khan) 道臧要藉選刊, Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 1995, quyển 5, tr. 50 và theo bản Hoài Nam Tử của Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1933, tr. 46: «Cố đầu chi viên dã tượng thiên, túc chi phương dã tượng địa. Thiên hữu tứ thời, ngũ hành, cửu giải, tam bách lục thập nhật, nhân diệc hữu tứ chi, ngũ tạng, cửu khiếu, tam bách thập tiết. Thiên hữu phong, vũ, hàn thử, nhân diệc hữu thủ dữ hỉ nộ. Cố đảm vi vân, phế vi khí, can vi phong, thận vi vũ, tỳ vi lôi, dĩ dữ thiên địa tương tham.» 故頭之圓也象天,足之方也象地.天有四時,五行,九解,三百六十日,人亦有四肢,五臟,九竅,三百十節.天有風雨寒暑人亦有取與喜怒.故膽為雲,廢為氣,肝為風,腎為雨,脾為雷,以與天地相參. Sách này chú rằng có bản chép 366 ngày và 366 lóng xương. Cửu giải = cửu thiên = 8 hướng và trung ương (bát phương trung ương vị chi cửu giải 八方中央謂之九解), Homann dịch là «9 phương hướng» (neun Richtungen). Xem tiếp chú thích 13.

[13] [LAM chú] Theo Thiên văn học Trung Quốc, bầu trời được phân thành 9 vùng gọi là cửu dã 九野 ứng với mặt đất là Cửu Châu 九州 (tức Trung Quốc cổ đại, Thượng Thư - Vũ Cống liệt kê 9 châu là: Ký 冀, Duyện 兗, Thanh 青, Từ 徐, Dương 揚, Kinh 荊, Dự 豫, Lương 梁, Ung 雍). Cửu châu theo Đạo giáo là 9 cơ quan trong thân thể con người. Tu chân Thái Cực hỗn nguyên đồ 修真太極混元圖 nói: Nhân thân chi trung vạn tượng tồn yên, dĩ cửu châu ngôn chi. Thận vi Ký châu, bàng quang vi Từ châu, can vi Thanh châu, đảm vi Duyện châu, tâm vi Dương châu, tiểu trường vi Kinh châu, tỳ vi Dự châu, phế vi Lương châu, đại trường vi Ung châu. 人身之中萬象存焉,以九州言之.腎為冀州,膀胱為徐州,肝為青州,膽為兗州,心為揚州,小腸為荊州,脾為豫州,肺為梁州,大腸為雍州 (Vạn tượng đều tồn tại trong thân thể con người, lấy cửu châu để nói điều này. Thận: Ký châu, bọng đái: Từ châu, gan: Thanh châu, mật: Duyện châu, tim: Dương châu, ruột non: Kinh châu, lá lách: Dự châu, ruột già: Ung châu.)

– Hoài Nam Tử gọi cửu dã 九野 là cửu giải 九解 hay cửu thiên 九天: gồm trung ương và 8 hướng. Trung ương là Quân thiên 鈞天; hướng đông là Thương thiên 蒼天; hướng đông bắc là Biến thiên 變天; hướng bắc là Huyền thiên 玄天; tây bắc là U thiên 幽天; hướng tây là Hạo thiên 顥天; hướng tây nam là Chu thiên 朱天; hướng nam là Viêm thiên 炎天; hướng đông nam là Dương thiên 陽天. Đó là 9 vùng trời theo sự phân loại trong Lã Thị Xuân Thu 呂氏春秋 (thiên Hữu thủy lãm 有始覽). Hoài Nam Tử gọi tên khác một chút ở 2 hướng: hướng đông bắc gọi là Mân thiên 旻天, hướng tây gọi là Hạo thiên 皓天. Còn 7 hướng kia thì cũng gọi y như vậy. Cửu dã trên trời ứng với cửu khiếu 九竅 nơi người. Đó là 9 lỗ, gồm 7 dương khiếu 陽竅 (2 mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, miệng) và 2 âm khiếu 陰竅 (lỗ tiểu tiện, lỗ đại tiện).

[14] Bernhard Karlgren, Grammata Serica Resensa, Stockholm, 1957, tr. 62.

[LAM chú] Bản tiếng Anh của Bernhard Karlgren (phiên âm là Cao Bản Hán 高本漢) được dịch ra Hán văn là Hán Văn Điển 漢文典, Thượng Hải Từ Thư xbx, tu đính bản, Thượng Hải, 1992. Nơi trang 81, các dịch giả (Phan Ngộ Vân 潘悟雲, Dương Kiếm Kiều 楊劍橋, Trần Trọng Nghiệp 陳重業, Trương Hồng Minh 張洪明) đã dịch Quan 官 /kwan; kuan; guān/ là: (1) phủ quan và nơi quan làm việc 官府, 辦事處; (2) công chức 公職; (3) nhân viên hành chánh 行政人員, quan viên 官員; (4) chức vụ 職務, nhậm chức 任職. Tôi đã kiểm lại lời dịch trên trong ấn bản Stockholm, 1964, tr. 62: kwán/ kuán/ kuan: official's residence, office (Li); office, public charge (Tso); official, office (Lunyü); function, to function (Li). Đó là các ý nghĩa mà Karlgren tìm thấy trong Lễ Ký (Li), Tả Truyện (Tso), và Luận Ngữ (Lunyü).

– Hứa Thận 許慎, Thuyết Văn Giải Tự 說文解字, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1996, tr. 304, giải: Sử sự quân dã, tòng miên tòng đôi do chúng dã, thử dữ sư đồng ý. 史事君也從宀從𠂤猶眾也此與師同意 (quan lại phục vụ vua; do chữ miên [mái nhà] ghép với đôi [nghĩa như đông người], cùng ý nghĩa với sư 師 [giả tá của sự 事 = phục vụ]).

Như vậy chữ quan có kết cấu hội ý = miên + đôi. Chữ đôi 𠂤/dui/ ngày nay thường viết là 堆, nghĩa là 'gò đống', ngụ ý 'đông đúc'. Ngay từ ban đầu, chữ quan ngụ ý [người] thay vua giải quyết công việc hành chánh cho nhiều người ở một nơi có mái che. Về sau, một nét trên đầu chữ đôi bị mất đi và chữ quan hiện nay là 官. Dưới bộ miên 宀 là hình hai cái miệng liền nhau. Người dân đen vốn thấp cổ bé miệng, thường than thở rằng dân không chống cự nổi hay tranh cãi với quan được vì quan có đến hai cái miệng liền nhau.

[15] Xem Chavannes, Les Mémoires sur les Historiques de Se-ma Ts'ien (Sử Ký Tư Mã Thiên), Paris, 1967, (5 quyển), quyển 3, tr. 339, chú thích 1: «Les gouverneurs du ciel sont le soleil, la lune, les planètes... Le soleil, la lune et les cinq planètes fournissent les principales indications astrologiques pour la conduite des hommes.» (Thiên quan là mặt trời, mặt trăng, các hành tinh, ... Mặt trời, mặt

trăng, và 5 hành tinh cung cấp những hiện tượng thiên văn chính yếu cho phẩm hạnh của con người.)

[16] Sử Ký hội chú khảo chứng 史記會注考證, Tōkyō, 1932, (10 tập), tập 4, quyển 27, tr. 1.

[LAM chú] Tôi dịch theo bản Sử Ký, Quảng Trí thư cục, Hương Cảng, năm ?, (6 tập), tập 3, quyển 27, tr. 98: «Thiên văn hữu ngũ quan. Quan giả tinh quan dã. Tinh tòa hữu tôn ti. Nhược nhân chi quan tào liệt vị. Cố viết thiên quan.» 天文有五官.官者星官也.星座有尊卑.若人之官曹列位.故曰天官.

[17] Tuân Tử, Tứ Bộ Bị Yếu, chương 11 (Thiên luận), tr. 10. Trang này có lời bình nơi chữ thiên tình: «Nghĩa là thân thể con người cũng có thiên chức, và công việc của trời được hoàn thành nơi nhân thể. Hình thể con người có trăm khúc xương và 9 lỗ (cửu khiếu). Thần là hồn 魂 tinh tế nhất. Thiên tình là những gì mà trời phú bẩm cho người.» Lại có lời bình nơi chữ thiên quan: «Tai phân biệt âm thanh, mắt phân biệt màu sắc, mũi phân biệt mùi, miệng phân biệt vị, và thân hình con người phân biệt nóng lạnh, bệnh tật. Các khả năng phân biệt này kết hợp tất cả nơi sự vật, và người ta không thể chuyển đổi các quan năng đó với nhau. Quan ở đây chỉ có nghĩa là bổn phận, tức là những bổn phận mà trời bảo ta làm.»

[18] Quản Tử, sđd., chương 13, tr. 2b: Chương Tâm thuật 心術 (thượng 上): «Tâm chi tại thể, quân chi vị dã. Cửu khiếu chi hữu chức, quan chi phân dã. Nhĩ mục giả thị thính chi quan dã.» 心之在體,君之位也.九竅之有職,官之分也.耳目者,視聽之官也.

[19] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 75.

[20] Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn, chương 3, tr. 1a/b.

[LAM chú] Homann dùng các bản dịch: Ilza Veith, Huangti Neiching Suwen, Berkeley, 1966, tr. 133; Chamfrault, Traité de Médicine Chinoise (Trung Y luận), (5 tập, từ 1954 đến 1963), Angoulême, tập 2 (1957), tr. 46-47; Hsieh, A Review of Ancient Chinese Anatomy, in trong: The Anatomical Record, Vol 20, No 2, Philadelphia, 1921, tr. 105-107. Tôi dùng bản chữ Hán và chú giải của Vương Băng 王冰 (đời Đường), in trong: Phương Xuân Dương 方春陽 chủ biên, Trung Quốc Khí Công Đại Thành 中國氣功大成, Cát Lâm Khoa Học Kỹ Thuật xbx, 1999, tr. 127. Đoạn trích trên đây từ chương Linh Lan Bí Điển Luận 靈蘭秘典論 «Tâm giả, quân chủ chi quan dã, thần minh xuất yên; phế giả, tướng phó chi quan, trị tiết xuất yên; can giả, tướng quân chi quan, mưu lự xuất yên; đảm giả, trung chính chi quan, quyết đoán xuất yên; đán trung giả, thần sứ chi quan, hỉ lạc xuất yên; tỳ vị giả, thương lẫm chi quan, ngũ vị xuất yên; đại trường giả, truyền đạo chi quan, biến hóa xuất yên; tiểu trường giả, thụ thịnh chi quan, hóa vật xuất yên; thận giả, tác cường chi quan, kỹ xảo xuất yên; tam tiêu giả, quyết độc chi quan, thủy đạo xuất yên; bàng quang giả, châu đô chi quan, tân dịch tàng yên, khí hóa tắc năng xuất hĩ.» 心者,君主之官也,神明出焉;肺者,相傅之官,治節出焉;肝者,將軍之官,謀慮出焉;膽者,中正之官,決斷出焉;膻中者,臣使之官,喜樂出焉;脾胃者,倉廩之官,五味出焉;大腸者,傳道之官,變化出焉;小腸者,受盛之官,化物出焉;腎者,作強之官,伎巧出焉;三焦者,決瀆之官,水道出焉;膀胱者,州都之官,津液藏焉,氣化則能出矣. Vương Băng chú: Trị nhậm mọi vật nên gọi là quân chủ chi quan; thanh tĩnh nên gọi là thần minh xuất; ngôi vị cao nhưng không phải là vua nên gọi là tướng phó; chủ về vinh vệ nên gọi là trị tiết xuất; dũng mãnh mà có óc phán đoán nên gọi là tướng quân; tiềm tàng chưa phát nên gọi là mưu lự xuất; ngay thẳng không hoài nghi nên gọi là quyết đoán xuất; đán trung là chỗ trong lồng ngực ở giữa hai vú, tức là khí hải, là chủ quản của tâm, ban lệnh và huấn giáo, đán trung chủ về khí để phân bố âm dương, hễ khí và chí thích hợp thì vui vẻ sung sướng phát sinh; truyền đạo là đường truyền đi chất uế tạp, biến hóa chúng [thành phân]; tác cường là tác dụng mạnh mẽ, kỹ xảo là hình dung sự biến hóa, ở nam thì tác cường, ở nữ thì kỹ xảo; quyết độc là khai thông ngòi nước cho khỏi bế tắc, để dẫn lối âm

dương, tạo ra đường nước chảy. (Tân dịch = nước miếng; ở đây tôi dịch thoát như Homann: die Flüssigkeiten= chất lỏng, nước [nói chung])

[21] Sử Ký hội chú khảo chứng 史記會注考證, Tōkyō, 1932, (10 tập), tập 4, quyển 27, tr. 3/4; Chavannes, sđd., quyển 3, tr. 339, dịch: «Dans le Palais central, l'étoile T'ien-ki (Faîte du ciel) est la plus brillante; elle est la résidence de T'ai-i (l'Unité suprême).»

[LAM chú] Bản in của Quảng Trí thư cục: «Trung cung Thiên Cực tinh, kỳ nhất minh giả, Thái Nhất thường cư dã.» 中宮天極星,其一明者,太一常居也.

[22] Quản Tử, ch. 16, tr. 3a/b. Chương Nội nghiệp 內業: «Hữu thần tự tại thân, nhất vãng nhất lai, mạc chi năng tư, thất chi tác loạn.» 有神自在身,一往一來,莫之能思,失之作亂.

[23] Đạo Đức chân kinh chú 道德真經注, Đạo Tạng 363/W676. ch. 6, tr. 5a.

[LAM chú] Tôi dịch theo bản Lão Tử Hà Thượng Công chương cú 子河上公章句, in trong Trung Quốc Khí công tứ đại kinh điển 中國氣功四大經典, Giang Tô cổ tịch xbx, 1999, tr. 15; và bản in trong: Phương Xuân Dương chủ biên, sđd., tr. 51. Hà Thượng Công chú câu «Cốc thần bất tử» 谷神不死 nơi chương 6 của Đạo Đức Kinh. Cốc là nuôi dưỡng; cốc thần là nuôi dưỡng thần; ta nuôi thần thì ta sẽ bất tử. Nguyên văn: «Cốc, dưỡng dã. Nhân năng dưỡng thần, tắc bất tử dã. Thần, vị ngũ tạng chi thần dã. Can tạng hồn, phế tạng phách, tâm tạng thần, thận tạng tinh, tỳ tạng chí, ngũ tạng tận thương, tắc ngũ thần khứ hĩ.» 谷養也.人能養神則不死也.神謂五臟之神也.肝臟魂,肺臟魄,心臟神,腎臟精,脾臟志,五臟盡傷,則五神去矣.

[24] Hoàng Đế Nội kinh tố vấn, ch. 3, tr. 7b, 8b.

[LAM chú] Homann chỉ nói thế, nhưng không trích dẫn câu văn. Có lẽ Homann muốn đề cập đoạn sau đây trong chương Lục tiết tạng tượng luận 六節臟象論: «Tâm giả, sinh chi bản, thần chi xứ dã, kỳ hoa tại diện, kỳ sung tại huyết mạch, vi dương trung chi thái dương, thông ư hạ khí. Phế giả, khí chi bản, phách chi xứ dã, kỳ hoa tại mao, kỳ sung tại bì, vi dương trung thái âm, thông ư thu khí. Thận giả, chủ trập, phong tàng chi bản, tinh chi xứ dã, kỳ hoa tại phát, kỳ sung tại cốt, vi âm trung chi thiếu âm, thông ư đông khí. Can giả, bãi cực chi bản, hồn chi cư dã, kỳ hoa tại trảo, kỳ sung tại cân, dĩ sinh huyết khí, kỳ vị toan, kỳ sắc thương, thử vi dương trung chi thiếu dương, thông ư xuân khí. Tỳ, vị, đại trường, tiểu trường, tam tiêu, bàng quang giả, thương lẫm chi bản, doanh chi cư dã, danh viết khí, năng hóa tao phách, chuyển vị nhi nhập xuất giả dã, kỳ hoa tại thần tứ bạch, kỳ sung tai cơ, kỳ vị cam, kỳ sắc hoàng, thử chí âm chi loại, thông ư thổ khí.» 心者,生之本,神之處也,其華在面,其充在血脈,為陽中之太陽,通於夏氣.肺者,氣之本魄之處也,其華在毛,其充在皮,為陽中太陰,通於秋氣.腎者,主蟄,封藏之本,精之處也,其華在髮,其充在骨,為陰中之少陰,通於冬氣.肝者,罷極之本,魂之居也,其華在爪,其充在筋以生血氣,其味酸,其色蒼,此為陽中之少陽,通於春氣.脾胃大腸小腸三焦膀胱者,倉廩之本,營之居也,名曰器,能化糟粕,轉味而入出者也,其華在唇四白,其充在肌,其味甘,其色黃,此至陰之類,通於土氣. (Tâm là gốc của sự sống, là chỗ thần cư ngụ, sáng rỡ tại mặt, bổ sung huyết mạch, là thái dương trong dương, thông với khí mùa hè. Phổi là gốc của khí, là chỗ phách cư ngụ, sáng rỡ tại lông, bổ sung da, là thái âm trong dương, thông với khí mùa thu. Thận chủ về nội tàng để sinh hóa, là gốc của sự cất giữ [tinh], là chỗ tinh cư ngụ, sáng rỡ tại tóc, bổ sung xương, là thiếu âm trong âm, thông với khí mùa đông, Gan là gốc của trừ bỏ sự mệt nhọc, là nơi hồn cư ngụ, sáng rỡ tại móng tay móng chân, bổ sung gân, để sinh huyết khí, có vị chua, có màu đen sẫm, là thiếu dương trong dương, thông với khí mùa xuân. Lá lách, bao tử, ruột già, ruột non, tam tiêu, bọng đái đều là gốc của sự thu nạp và tiêu hóa, là nơi doanh khí cư ngụ, tên là vật chứa đựng, có chức năng biến hóa cặn bã, chuyển hóa thực phẩm đã hấp thu và

bài tiết chúng, sáng rỡ tại thịt màu trắng quanh môi, bổ sung cơ bắp, vị ngọt (!?), màu vàng, thuộc loại chí âm, thông với khí của đất.) (Tôi dịch theo bản Phó Trinh Lượng 傅貞亮 chủ biên, Nội kinh giảng nghĩa 內經講義, Hồ Nam Khoa học Kỹ thuật xbx, 1995, tr. 42-43)

[25] Thái Bình Kinh hợp hiệu 太平經合校, sđd., tr. 292.

[LAM chú] Đoạn này trích từ chương Trai giới tư thần cứu tử quyết 齋戒思神救死訣; tôi dùng bản của Ninh Chí Tân chủ biên, Đạo giáo thập tam kinh, sđd., tr. 907. Nguyên văn: «Thử tứ thời ngũ hành tinh thần nhập vi nhân ngũ tạng thần, xuất vi tứ thời ngũ hành thần tinh.» 此四時五行精神入為人五臟神出為四時五行神精. Homann chú thích «tinh thần» và «thần tinh» nghĩa như nhau vì ông dựa vào chú giải của: Ōbuchi Numani (Đại Uyên Nhẫn Nhĩ 大淵忍爾), Taheikyō no chosō ni tsuite 太平經の思想について (Bàn về tư tưởng của Thái Bình Kinh), in trong tạp chí Tōyō Gakuhō 28/4, Tōkyō, 1941, tr. 161.

[26] Thái Bình Kinh hợp hiệu, sđd., tr. 292.

[LAM chú] Nguyên văn theo bản của Ninh Chí Tân: «Tứ thời ngũ hành chi khí lai nhập nhân phúc trung vi nhân tạng tinh thần, kỳ sắc dữ thiên địa tứ thời sắc tương ứng dã.» 四時五行之氣來入人之腹中為人臟精神,其色與天地四時色相應也.

[27] Thái Bình Kinh hợp hiệu, sđd., tr. 293.

[LAM chú] Nguyên văn theo bản của Ninh Chí Tân: «Đông phương chi kỵ thần trì mâu. Nam phương chi kỵ thần trì kích. Tây phương chi kỵ thần trì cung nỏ phủ. Bắc phương chi kỵ thần trì tương thuẫn. Trung ương chi kỵ thần trì kiếm cổ. Tư chi đương tiên đổ thị nội thần dĩ, đương đổ thị ngoại thần dã, hoặc tiên kiến dương thần nhi hậu kiến nội thần.» 東方之騎神持矛.南方之騎神持戟.西方之騎神持弓弩斧.北方之騎神持鑲楯.中央之騎神持劍鼓.思之當先睹是內神已,當睹是外神也,或先見陽神而後見內神. Kỵ thần là thần cỡi ngựa, vì phía trên đoạn văn này nói: «Chư thần đều đội mũ đội khăn, cỡi ngựa, và ngựa cũng có màu tùy theo ngũ hành.» (Giai đái quan trách thừa mã, mã diệc tùy kỳ ngũ hành sắc cụ 皆戴冠幘乘馬,馬亦隨其五行色具). Homann chú: «Theo Tham Đồng Khế 參同契, tập 3, tr. 34, Dương thần là hồn, âm thần là phách.» 陽神曰魂陰神曰魄 (Dương thần viết hồn, âm thần viết phách). Tuy nhiên lời chú của Trung Hoa Đạo Học Thông Điển 中華道學通典 hợp lý hơn lời chú của Homann: «Nội thần là thần của ngũ tạng; dương thần là ngoại thần (thần ngoài thân thể) vì ngoài là dương, trong là âm.» (Nội thần chỉ ngũ tạng thần tượng. Dương thần tức ngoại thần, ngoại vi dương, nội vi âm. 內神指五臟神象;陽神即外神,外為陽,內為陰) (Ngô Phong 吳楓 chủ biên, sđd., 1994, tr. 409). Đoạn trích này thuộc chương 109 (Trai giới tư thần cứu tử quyết), nói về ngũ thần là kỵ thần (thần cưỡi ngựa) do ngũ hành hóa thân, mỗi vị đều cầm binh khí. Nơi chương 111 (Ngũ thần sở trì quyết 五行所持訣) ở sau đã giải thích về binh khí của ngũ thần này như một loại tín phù 信符.

[28] Maspero, sđd., 1950, tr. 116.

[29] Gauchet, Un Livre Taoique, Le «Cheng-chen King» (Sinh thần kinh), sur la Génération des Esprits dans l'Homme, in trong: Bulletin des l'Université l'Aurore, No 37, Thượng Hải, 1949, tr. 71.

[30] Maspero, sđd., tr. 117, 118. Homann chú: «Gauchet dường như đã lầm khi liệt kê 24 thần này vào loại thần liên quan đến các bộ phận của thân thể con người.» («Mir scheint, daß hier Gauchet ein Irrtum unterlaufen ist, denn er rechnet diese 24 Gottheiten den physiologischen Gottheiten zu.») (Gauchet, sđd., tr.71)

[LAM chú] Chính Homann mới lầm lẫn vì ông theo kiến giải sai lầm của Maspero. Xem thêm chú thích 32 và 33 dưới đây.

[31] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 7, tập 2, tr. 278.

[LAM chú] Tôi dịch theo bản chữ Hán Lão Tử Trung Kinh, tức là quyển 18 của Vân Cấp Thất Thiêm (in trong Đạo Tạng Yếu Tịch tuyển san (khan) 道臧要藉選刊, Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 1995, quyển 1, tr. 140): "Phế thần bát nhân Đại (Thái) Hòa Quân dã, danh viết Ngọc Chân Cung Thượng Thư phủ dã. Kỳ tòng quan tam thiên lục bách nhân, thừa bạch vân khí chi xa, tham giá bạch hổ hoặc thừa bạch long. Tâm thần cửu nhân Thái Úy Công dã. Danh viết Giáng Cung Thái Thủy Nam Cực Lão Nhân Nguyên Quang dã. Kỳ tòng quan tam thiên lục bách nhân, thừa xích vân khí chi xa, chu tước vi cái, đan xà vi bính, tham giá chu tước hoặc thừa xích long. Can thần thất nhân Lão Tử Quân dã. danh viết Minh Đường Cung Lan Đài phủ dã. Kỳ tòng quan tam thiên lục bách nhân, thừa thanh vân khí chi xa, tham giá thanh long hoặc thừa bạch lộc. Đảm thần ngũ nhân Thái Nhất Đạo Quân dã. Cư Tử Phòng Cung, thừa ngũ thái huyền hoàng tử cái châu ngọc vân khí chi xa, tham giá lục phi long, tòng quan tam thiên lục bách nhân.» 肺神八人大和君也.名曰玉真宮尚書府也.其從官三千六百人,乘白雲氣之車,驂駕白虎或乘白龍.心神九人太尉公也.名曰絳宮太始南極老人元光也.其從官三千六百人,乘赤雲氣之車,朱雀為蓋,丹蛇為柄,驂駕朱雀或乘赤龍.肝神七人老子君也.名曰明堂宮蘭臺府也.其從官三千六百人,乘青雲氣之車,驂駕青龍或乘白鹿.膽神五人太一道君也.居子房宮,乘五彩玄黃紫蓋,珠玉雲氣之車,驂駕六飛龍.其從官三千六百人.

– Homann bỏ một đoạn về tỳ thần, tôi dịch bổ sung: «Tỳ thần ngũ nhân Huyền Quang Ngọc Nữ Tử Đan Vô dã. Thừa hoàng kim châu ngọc vân khí chi xa, tham giá phượng hoàng hoặc thừa hoàng long. Tòng quan tam thiên lục bách nhân. Chân nhân Tử Đan tại thượng ngọa, vị quản trung hoàng vân khí vi trướng, châu ngọc vi sàng, thực hoàng kim ngọc nhị, ẩm lễ tuyền ngọc dịch.» 脾神五人玄光玉女,子丹毋也.乘黃金珠玉雲氣之車,驂駕鳳凰或乘黃龍.從官三千六百人,真人子丹在上臥,胃管中黃雲氣為帳,珠玉為床,食黃金玉餌,飲醴泉玉液 (5 vị thần tỳ tên Huyền Quang Ngọc Nữ, Tử Đan Vô; cỡi chiếc xe bằng khí mây màu của vàng và ngọc, do phượng hoàng kéo hoặc họ cỡi rồng vàng. Các quan tùy tùng có 3600 người. Tiên Tử Đan nằm ở trên, có khí mây màu vàng nơi cuống bao tử làm màn, ngọc báu làm giường, ăn bánh bằng vàng bằng ngọc, uống nước suối ngọt.)

[32] Maspero, Taoïsme, 1950, tr.117-118.

[LAM chú] Lịch pháp Trung Quốc cổ đại căn cứ vào vị trí mặt trời trên vòng Hoàng Đạo 黃道 mà chia một năm thành nhị thập tứ tiết khí 二十四節氣 (24 tiết khí) hay nhị thập tứ khí 二十四氣 (24 khí). Một tháng âm lịch chia làm 2 phần: nửa đầu gọi là tiết khí 節氣, nửa sau gọi là trung khí 中氣. Tháng nhuần thì không có trung khí. Sau đây là 24 tiết khí: (1) Lập xuân 立春 (đầu xuân, 5/2 dương lịch, vị trí trên đường Hoàng đạo là Aquarius), (2) Vũ thủy 雨水 (ẩm ướt, 19/2, Pisces), (3) Kinh trập 惊蟄 (sâu nở, 5/3, Pisces), (4) Xuân phân 春分 (giữa xuân, 20/3, Aries), (5) Thanh minh 清明 (trong sáng, 5/4, Aries), (6) Cốc vũ 谷雨 (mưa rào như hạt thóc, 20/4, Taurus), (7) Lập hạ 立夏 (sang hè, 5/5, Taurus), (8) Tiểu mãn 小滿 (đầy ít, 21/5, Gemini), (9) Mang chủng 芒種 (tua rua, 6/6, Gemini), (10) Hạ chí 夏至 (giữa hè, 21/6, Cancer), (11) Tiểu thử 小暑 (nắng nhạt, 7/7, Cancer), (12) Đại thử 大暑 (nắng nhiều, 23/7, Leo), (13) Lập thu 立秋 (vào thu, 7/8, Leo), (14) Xử thử 處暑 (nắng ít, 23/8, Virgo), (15) Bạch lộ 白露 (sương trắng, 8/9, Virgo), (16) Thu phân 秋分 (giữa thu, 23/9, Libra), (17) Hàn lộ 寒露 (sương lạnh, 8/10, Libra), (18) Sương giáng 霜降 (sương sa, 23/10, Scorpio), (19) Lập đông 立冬 (sang đông, 7/11, Scorpio), (20) Tiểu tuyết 小雪 (tuyết ít, 22/11, Sagittarius), (21) Đại tuyết 大雪 (tuyết nhiều, 7/12, Sagittarius), (22) Đông chí 冬至 (giữa đông, 21/12, Capricorn), (23) Tiểu hàn 小寒 (chớm lạnh, 6/1, Capricorn), (24) Đại hàn 大寒 (giá rét, 21/1, Aquarius).

Trương Chí Triết, Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển, Giang Tô cổ tịch xbx, 1994, tr. 795, giảng rằng 24 thần

này không có liên quan đến 24 khí tiết như quan điểm của Maspero. Theo Trương Chí Triết, 24 thần (nhị thập tứ thần 二十四神) hay 24 chân (nhị thập tứ chân 二十四真) là chư thần trong thân thể con người. Thân thể con người chia làm 3 bộ, mỗi bộ có 8 vị thần (gọi là bát cảnh thần 八景神); tổng cộng là 24 thần. Con số 8 là ứng với tam nguyên 三元 và ngũ hành 五行. Homann cũng trích dẫn bát cảnh thần trong đoạn văn kế tiếp. Theo đó, ông theo kiến giải của Maspero, nghĩa là 24 thần ứng với 24 tiết khí chứ không phải là tổng số bát cảnh thần ở ba bộ. Nhưng Maspero đã lầm vì chính bát cảnh thần thuộc về nhóm thần mà Gauchet đặt tên là ordre physiologique.

[33] [LAM chú] Homann tham khảo Werner nhưng chép sơ sài, lược bỏ tên và tự của từng vị thần. Tôi kiểm tra lại mục này trong: Werner, A Dictionary of Chinese Mythology, New York, 1961, và trong Trương Chí Triết (sđd.) để bổ sung thêm chi tiết phần viết của Homann. Lời giải của Werner và Trương Chí Triết giống như lời giải trong Nhị thập tứ sinh đồ kinh 二十四生圖經 và Nhị thập tứ thần hành sự quyết 二十四神行事訣.

Về Bát cảnh thần và 24 chân (thần) thì Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh cũng đã nói nơi chương 23 (Trị sinh 治生): «Trị sinh chi đạo liễu bất phiền, đản tu động huyền dữ ngọc thiên; kiêm hành hình trung bát cảnh thần; nhị thập tứ chân xuất tự nhiên.» 治生之道了不煩,但修洞玄與玉天,兼行形中八景神,二十四真出自然 (Pháp trị sinh [tức cách đối trị sự sống] rất giản dị, chỉ cần chuyên tâm tu luyện theo kinh Động Huyền [của Lão Quân] và kinh Ngọc Thiên [tức Huỳnh Đình Kinh]; đồng thời [nội quán] các bát cảnh thần trong thân thể thì 24 thần này sẽ xuất hiện tự nhiên [cho ta thấy]). Chính chương này cũng chứng minh kiến giải của Maspero là sai.

[34] Gauchet, sđd., 1949, tr. 70.

[35] Đạo Tạng 186/W393: Động huyền Linh bảo tự nhiên Cửu thiên sinh thần chương kinh giải nghĩa 洞玄靈寶自然九天生神章經解義, ch. 1, tr. 8b.

[LAM chú] Vì chưa tìm được bản kinh chữ Hán này, tôi dịch theo lời dịch tiếng Đức của Homann. Thật ra còn có các giải thích khác nhau về cửu khí:

– Trong Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, chương 1 (Thượng thanh 上清), đã đề cập cửu khí: «Cầm tâm tam điệp, vũ thai tiên, cửu khí ánh minh, xuất tiêu gian; Thần cái, đồng tử, sinh tử yên, thị viết ngọc thư, khả tinh nghiên.» 琴心三疊儛胎仙,九氣映明出霄間,神蓋童子生紫煙,是曰玉書可精研 (Hòa khí thông thần, tích tinh lũy khí, dưỡng chí tồn thần, luyện thành đại dược, cổ vũ chân nguyên để kết thai tiên. Chân khí của cửu cung sáng chiếu đến chỗ tối cao thì thần mi và mắt tự nhiên phát; đây là yếu chỉ của Huỳnh Đình ngọc thư, kẻ có thực tâm tu luyện hãy nghiên cứu kỹ.) Nơi đây, mỗi đan điền có 3 nguyên khí, vị chi là 9. Vụ Thành Tử chú rằng: Khí của cửu thiên nhập vào mũi con người, chu lưu trong 9 cung của não, sáng chiếu lên trên nên gọi là 'xuất tiêu gian'. Cửu thiên sinh thần kinh nói: Nuôi dưỡng Tam nguyên, cửu khí kết hình. (Cửu thiên chi khí, nhập vu nhân tỵ, chu lưu não cung, ánh minh thượng đạt, cố viết xuất tiêu gian. Cửu thiên sinh thần kinh viết: Tam nguyên dục dưỡng, cửu khí kết hình. 胎仙,九氣映明出霄間,神蓋童子生紫煙,是曰玉書可精研). (Phương Xuân Dương, sđd., tr. 408).

– Trương Chí Triết, sđd., tr. 745, giải: «Cửu khí là do Thủy khí 始氣, Nguyên khí 元氣, và Huyền khí 玄氣 sinh ra. Thủy khí sinh Hỗn khí 混氣 màu xanh thẫm, Hỗn khí sinh Động khí 洞氣 màu đỏ, Động khí sinh Hạo khí 皓氣 màu xanh. Nguyên khí sinh Mân khí 旻氣 màu lục, Mân khí sinh Cảnh khí 景氣 màu vàng, Cảnh khí sinh Độn khí 遁氣 màu trắng. Huyền khí sinh Dung khí 融氣 màu đỏ tía, Dung khí sinh Viêm khí 炎氣 màu xanh bích, Viêm khí sinh Diễn khí 演氣 màu đen.» Trương Chí Triết giải theo Thái Thanh Ngọc Sách 太清玉冊, một đạo kinh đời Minh do Chu Quyền 朱權 soạn.

[36] Đạo Tạng 736/W1053, Thượng Dương Tử Kim đan đại yếu, chương 4, tr. 4b.

[LAM chú] Vì chưa tìm được bản kinh chữ Hán này, tôi dịch theo lời dịch tiếng Đức của Homann.

[37] [LAM chú] Nhận xét của Homann không đúng. Trước tiên, Huỳnh Đình Kinh không phải là đạo kinh cổ xưa nhất nói đến chư thần trong thân thể con người, vì Thái Bình Kinh (đời Hán) cũng đã giải thích rồi tuy chưa tỉ mỉ. Thứ đến, chư thần ngũ tạng và lục phủ đều được liệt kê danh tính đầy đủ trong Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, như chương 7 liệt kê tên chư thần nơi đầu, chương 8 liệt kê tên chư thần ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận). Các thần này còn được giải thích ở từng chương: chương 9 (phế thần), chương 10 (tâm thần), chương 11 (can thần), chương 12 (thận thần), chương 13 (tỳ thần). Còn lục phủ là ngũ tạng cộng thêm «đảm» (mật). Nơi chương 14 đã giải thích tên của đảm thần.

[38] E.V. Cowdry, Taoist Ideas of Human Anatomy, in trong: Annals of Medical History, Vol 3, No 4, New York, 1921, tr. 305.

[39] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 54 (Thượng Thanh Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, ch. 23): «Trị sinh chi đạo liễu bất phiền, đản tu Động Huyền dữ Ngọc Thiên; kiêm hành hình trung bát cảnh thần, nhị thập tứ chân xuất tự nhiên.» 治生之道了不煩,但修洞玄與玉篇;兼行形中八景神,二十四真出自然.

[40] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 3, tập 5, tr. 74/75 (Huỳnh Đình Kinh Bí Nghĩa 黃庭經秘義).

[41] Đạo Tạng Tinh Hoa, bộ 1, tập 9, tr. 54 (Thượng Thanh Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh, ch. 7): «Nhất diện chi thần tông nê hoàn, nê hoàn cửu chân giai hữu phòng.» 一面之神宗泥丸,泥丸九真皆有防.

[LAM chú] Nê hoàn vốn là thuật ngữ của Đạo giáo, viết là 泥汍. Khi Phật giáo Trung Quốc vay mượn chữ này để dịch chữ Phạn Nirvāṇa (Niết bàn) thì viết là 泥洹. Chữ Nirvāṇa còn được phiên âm là: Nê viết 泥曰, Nê bạn 泥畔, Niết bàn na 涅槃那, v.v. Dịch nghĩa là: tịch diệt, diệt, diệt độ, an lạc, giải thoát, bất sinh, v.v. (Xem Đinh Phúc Bảo 丁福保, Phật học đại từ điển 佛學大辭典, Thượng Hải, 1995, quyển hạ, tr. 1790; xem William Edward Soothill & Lewis Hodous, A Dictionary of Chinese Buddhist Terms (Trung Anh Phật học từ điển), Đài Bắc, 1962, tr. 265.) Như vậy nê hoàn của Đạo giáo khác với nê hoàn của Phật giáo. Trong Tu tập chỉ quán tọa thiền pháp yếu 修習止觀坐禪法要 của Thiên Thai tông (một bí kíp mà Đạo gia cũng rất xem trọng) có câu: «Nhược phù nê hoàn chi pháp, nhập nãi đa đồ. Luận kỳ cấp yếu, bất xuất chỉ quán nhị pháp.» 若夫泥洹之法,入乃多途.論其急要,不出止觀二法 (Pháp giải thoát có nhiều lối vào. Nói về đường lối nhanh và thiết yếu nhất thì không ngoài chỉ và quán). Nhân tiện, xin nói thêm: Tác giả của Tu tập chỉ quán tọa thiền pháp yếu là Trí Nghĩ 智顗 đại sư (không phải là «Trí Khải» đại sư). Chữ 顗 bấy lâu nay vẫn bị phiên âm sai là «Khải» trong kinh sách Phật giáo bằng tiếng Việt. Từ điển Từ Hải (tr. 1480) phiên thiết: nghi khởi thiết âm nghĩ vĩ vận 疑豈切音蟻尾韻, vậy đọc là nghĩ. Ý nghĩa: Cẩn trang mạo 謹莊貌 (dung mạo trang nghiêm). Âm Bắc Kinh hiện nay của 顗 là /yǐ/, không phải là /kǎi/.

[42] Thái Bình Kinh hợp hiệu, 1960, tr. 27.

[LAM chú] Tôi dịch theo Trung Hoa Đạo Học Thông Điển (sđd., tr. 286): «Cố can thần khứ, xuất du bất thời hoàn, mục vô minh dã. Tâm thần khứ bất tại, kỳ thần thanh bạch dã. Phế thần khứ bất tại, kỳ tỵ bất thông dã. Thận thần khứ bất tại, kỳ nhĩ lung dã. Tỳ thần khứ bất tại, lịnh nhân khẩu bất tri cam dã. Đầu thần khứ bất tại, lịnh nhân huyễn minh dã. Phúc thần khứ bất tại, lịnh nhân phúc trung ương thậm bất điều, vô sở năng hóa dã. Tứ chi thần khứ bất tại, lịnh nhân bất năng tự di dã.» 故肝神去,出游不時還,目無明也.心神去不在,其唇青白也.肺神去不在,其鼻不通也.腎神去不在,其耳聾也.脾神去不在,令人口不知甘也.頭神去不在,令人眴冥也.腹神去不在令人腹中央甚不調,無所能化.四肢神去不在,令人不能自移

也.

[43] Thái Bình Kinh hợp hiệu, 1960, tr. 722.

[44] Max Kaltenmark, Laotseu et le Taoisme, Paris, 1965, tr. 158.

[45] Đạo Tạng, 580/W864 (Thái Thượng Trừ Tam Thi Cửu Trùng Bảo Sinh Kinh 太上除三尸九蟲保生經), tr. 7a-7b.

[LAM chú] Tam trùng 三蟲 cũng gọi tam thi 三尸 hay tam bành 三彭. Tuy nhiên trong cách gọi «tam thi cửu trùng» của đạo kinh nói trên thì cửu trùng gồm: 1. Phục trùng 伏蟲, 2. Hồi trùng 回蟲, 3. Bạch trùng 白蟲, 4. Nhục trùng 肉蟲, 5. Phế trùng 肺蟲, 6. Vị trùng 胃蟲, 7. cách trùng 鬲蟲, 8. Xích trùng 赤蟲, 9. Khang trùng 蜣蟲. Người Việt Nam nói «nổi cơn tam bành» (ý nói nổi giận đùng đùng) nhưng ít ai biết tam bành là thuật ngữ của Đạo giáo. Về tam thi hay tam bành và tên gọi, có các thuyết khác nhau:

– Trung Hoàng Kinh 中黃經 nói: «Thượng trùng ở trong đầu não, trung trùng ở trong minh đường, hạ trùng ở trong bụng và bao tử.» 一者上蟲居腦宮,二者中蟲居明堂,三者下蟲居腹胃 (Nhất giả thượng trùng cư não cung, nhị giả trung trùng cư minh đường, tam giả hạ trùng cư phúc vị).

– Thái Thượng Tam Thi Trung Kinh 太上三尸中經 thì nói: «Thượng thi tên Bành Cư, thích báu vật, ở trong đầu con người. Trung thi tên Bành Chất, thích ngũ vị, ở nơi bụng con người. Hạ thi tên Bành Kiểu thích sắc dục, ở trong chân con người.» 上尸名彭倨,好寶物,在人頭中.中尸名彭質,好五味,在人腹中.下尸名彭矯,好色欲,在人足中 Thượng thi danh Bành Cư, hiếu bảo vật, tại nhân đầu trung. Trung thi danh Bành Chất, hiếu ngũ vị, tại nhân phúc trung. Hạ thi danh Bành Kiểu, hiếu sắc dục, tại nhân túc trung).

– Ngọc Xu Kinh Chú 玉樞經注 nói: «Thượng thi tên Thanh Cô, trung thi tên Bạch Cô, hạ thi tên Huyết Cô.» 上尸名青姑,中尸名白姑,下尸名血姑 (Thượng thi danh Thanh Cô, trung thi danh Bạch Cô, hạ thi danh Huyết Cô).

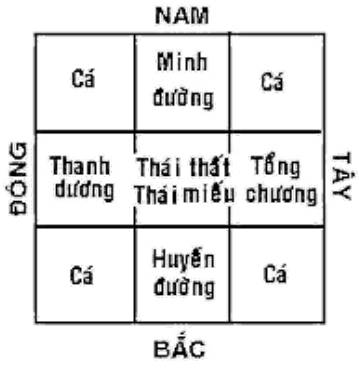
Tuy có các thuyết khác nhau như vậy, nói chung tam thi là mối nguy hại cho thân thể, vì tam thi bị giam giữ trong thân thể con người, chỉ khi con người chết đi thì tam thi mới được phóng thích khỏi thân thể con người. Theo Cảm Ứng Thiên 感應篇 và Vân Cấp Thất Thiêm 雲笈七籤, ngày canh thân 庚申, tam thi thần 三尸神 sẽ lên trời bẩm báo với Thiên Tào và xuống địa phủ thưa kiện, trình báo mọi tội lỗi của con người nơi thế gian để giảm bớt tuổi thọ của họ. Do đó các đạo sĩ có phép gọi là thủ canh thân pháp 守庚申法: Vào ngày canh thân họ phải trai giới, tĩnh tọa và không được ngủ để cho tam thi thần không thể xuất ra. Lại có thuyết cho rằng tam thi hay tam trùng sống là nhờ hơi ngũ cốc (cốc khí 谷氣), nếu con người không ăn ngũ cốc thì tam thi phải chết, nghĩa là thân thể sẽ dứt mọi bệnh tật. Thuyết này là cơ sở của phép tu tịch cốc 辟谷 cầu trường sinh. Thuyết tam thi hay tam trùng xuất hiện đã lâu, ngay trong Thái Bình Kinh đời Hán quyển 92 đã ghi chép, rồi đến đời Tấn cũng thấy chép trong Bão Phác Tử Nội Thiên 抱朴子內篇 (chương Vi Chỉ 微旨). Chính Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là mô phỏng theo chương Vi Chỉ này. Vân Cấp Thất Thiêm (chương 82) của Trương Quân Phòng 張君房 đời Bắc Tống cũng nói đến tam thi, tam trùng.

[46] Tứ Bộ Bị Yếu, 391: Vương Sung, Luận Hành, ch. 16, tr. 9a/b. Homann dịch theo bản tiếng Anh của Forke, Lun-heng, (2 tập), New York, 1962, tập 2, tr. 366: «Man has three worms in his intestines. The worms living in low marshes are called leeches. They eat man's feet, as the three worms eat his bowels.»

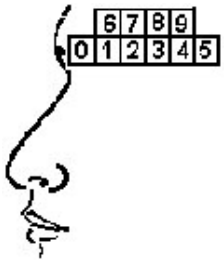
[47] Max Kaltenmark, sđd., 1965, tr. 177.

[48] [LAM chú] Homann chép nhầm: Minh Đồng Chân Quân 明童真君, Minh Nữ Chân Quan 明女真官, Minh Kính Quân 明鏡君. Thật ra nơi cung Minh Đường, ở giữa là Minh Kính Thần Quân 明鏡神君; bên trái là Minh Đồng Chân Quân 明童真君; bên phải là Minh Nữ Chân Quân 明女真君. Tôi chỉnh lại là Minh Kính Thần Quân [thêm chữ Thần] và Minh Nữ Chân Quân [không phải Quan]. Ở đây tôi cũng nói thêm: quan niệm Minh Đường của Nho giáo và quan niệm Minh Đường của Đạo giáo hoàn toàn khác nhau. Theo Nho gíáo, Minh Đường là nhà thái miếu của thiên tử để tế tự. Cổ Đại Hán ngữ từ điển (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr. 1075) giải ngắn gọn: «Cổ đại thiên tử tuyên minh chính giáo đích địa phương. Phàm triều hội, tế tự, khánh thưởng, tuyển sĩ, dưỡng lão, giáo học đẳng đại điển, quân tại thử cử hành.» 古代天子宣明政教之地方.凡朝會,祭祀,慶賞,選士,養老,教學等大典,均在此舉行 (Nơi thiên tử làm rõ chính trị và tôn giáo. Nói chung những việc lớn như triều hội [chư hầu], cúng tế, khen thưởng, tuyển chọn kẻ sĩ, dưỡng lão, dạy học, v.v. đều cử hành tại đây.) Tên gọi Minh Đường có từ đời Chu. Trước đời Chu, nhà thái miếu không gọi là Minh Đường, như đời nhà Hạ gọi là Thế Thất 世室, đời nhà Ân gọi là Trùng Ốc 重屋.

Thật ra có nhiều thuyết khác nhau về Minh Đường. Theo Nguyệt Lệnh 月令 trong Lễ Ký 禮記, Minh Đường có 9 cung: cung giữa là Thái Miếu 太廟 hay Thái Thất 太室; 3 cung phía Nam thì chính giữa là Minh Đường, hai bên là tả cá 左個 và hữu cá 右個; 3 cung phía Bắc thì chính giữa là là Huyền Đường 玄堂, hai bên là tả cá và hữu cá; 3 cung phía Đông thì chính giữa là là Thanh Dương 青陽, hai bên là tả cá và hữu cá; 3 cung phía Tây thì chính giữa là là Tổng Chương 總章, hai bên là tả cá và hữu cá. Cung Minh Đường ở phía Nam được lấy làm tên chỉ cho 9 cung. 9 cung này có 36 cửa một cánh (hộ 戶) và 72 cửa sổ (dũ 牖), và mái lợp bằng cỏ mao 茅. (xem: Từ Hải, tr. 632)



Minh Đường theo Nguyệt lệnh trong Lễ Ký



Minh Đường theo Đạo giáo:
Cửu cung: (0) = Thủ thốn song điền - (1) Minh Đường - (2) Động Phòng - (3) Đan Điền - (4) Lưu Châu - (5) Ngọc Đế - (6) Thiên Đình - (7) Cực Chân - (8) Huyền Đan - (9) Thái Hoàng

Theo Đạo giáo, Minh Đường là một trong 9 cung nằm trong đầu não. Từ giữa 2 chân mày đi vào một thốn 寸 là Minh Đường, vào một thốn 寸 nữa là Động Phòng. Đái Nguyên Trường, Tiên học từ điển, Chân Thiện Mỹ xuất bản xã, Đài Bắc, 1970, tr. 94, giải: «Tại Trùng Lâu chi hạ, Động Phòng chi thượng, vi Hạ Minh Đường, mi tâm nội nhất thốn, vi Thượng Minh Đường, Minh Đường Động Phòng, quân hữu thượng hạ nhị xứ, cố đặc tường chi.» 在重樓之下,洞房之上,為下明堂,眉心內一寸,為上明堂,明堂洞房,均有上下之處,故特詳之. (Dưới Trùng Lâu và bên trên Động Phòng là Hạ Minh Đường, từ mi tâm [=giữa 2 chân mày] đi vào trong 1 thốn là Thượng Minh Đường. Minh Đường và Động Phòng đều có 2 phần thượng và hạ, do đó phải đặc biệt hiểu rõ chúng.)

Nơi mục từ Nê Hoàn, Đái Nguyên Trường (sđd, tr. 99) nói thêm: «Chính lưỡng nhĩ giao thông chi huyệt, tiền Minh Đường, hậu Ngọc Chẩm.» 正兩耳交通之穴前明堂後玉枕 (Ngay nơi huyệt giao thông giữa hai tai thì phía trước là Minh Đường, phía sau là Ngọc Chẩm.)

[49] [LAM chú] Homann chép nhầm: Vô Anh Công Tử 無英公子, Bạch Nguyên Quân 白元君, Hoàng Lão Quân 黃老君.

[50] [LAM chú] Homann chép nhầm: Thượng Nguyên Xích Tử 上元赤子; Triệu Lặc Tinh 肇勒精.

[51] [LAM chú] Homann chép nhầm: Lưu Châu Chân Thần 流珠真神, Nhật Nguyệt Trung Nữ Tử 日月中女子.

[52] [LAM chú] Homann chép nhầm: Ngọc Thanh Thần Mẫu 玉清神母, Tam Tố Nguyên Quân 三素元君.

[53] [LAM chú] Homann ghi chú nhầm: «Không có tên thần ở cung này.» (Name fehlt).

Từ chú thích 48 đến 53, tôi căn cứ quyển Tồn Tưởng Thiên 存想篇 mà điều chỉnh lại tên chư thần trong bảng tóm tắt của Homann. (xem: Lục Cẩm Xuyên 陸錦川 chủ biên, Khí Công Truyền Thống Thuật Ngữ Từ Điển 氣功傳統術語辭典, Tứ Xuyên Khoa Học Kỹ Thuật xbx, 1991, tr. 60) – Tôi đã điều chỉnh bảng tóm tắt của Homann. Để độc giả tiện tham khảo, tôi cũng trích lại sau đây bảng tóm tắt của ông (tr. 47-51); chỗ khác biệt đánh dấu là [*]:

Schema der drei Hauptrichtung der Körpergottheiten
(Sơ đồ ba bộ vị chính có thân nội chư thần)

I. Obere Abteilung des Körpers =Thượng bộ 上部 thân thể:

a/ Physiologische Gottheiten nach dem Huang-t'ing-ching: Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh: 1- Thần Tóc (Haar) = Thương Hoa 蒼華, 2- Thần Trán (Gehirn) = Tinh Căn 精根, 3- Thần Mắt (Augen) = Minh Thượng 明上, 4- Thần Mũi (Nase) = Ngọc Lũng 玉壟, 5- Thần Tai (Ohren) = Không Nhàn 空閑, 6- Thần Lưỡi (Zunge) = Thông Mệnh 通命, 7- Thần Răng (Zähne) = Ngạc Phong 崿鋒.

b/ 24 Halbmonat-Gottheiten: Chư thần liên quan 24 khí tiết: 1- Thần Tóc (Haar) = Huyền Phụ Hoa 玄父華, 2- Thần Trán (Gehirn) = Giác Nguyên Tử 覺元子, 3- Thần Mắt (Augen) = Hư Giám 虛監, 4- Thần Mũi (Nase) = Trọng Long Tử 仲龍子, 5- Thần Lưỡi (Zunge) = Thủy Lương Trĩ 始梁峙, 6- Thần Da (Haut) = Thông Tượng Trọng 通象仲, 7- Thần Tủy xương sống (Mark der Nackenknochen) = Linh Mô Cái 靈謨蓋, 8- Thần Xương sống (Nackenwirbel) = Ích Lịch Chuyển 益歷轉.

c/ Neun-Himmel-Gottheiten: Chư thần liên quan cửu cung: 1- Cung Minh Đường 明堂 (Regierungshalle): Minh Đồng Chân Quân 明童真君; Minh Nữ Chân Quan 明女真官 [*]; Minh Kính Quân 明鏡君 [*]. 2- Cung Động Phòng 洞房 (Grottenzimmer): Vô Anh Công Tử 無英公子 [*]; Bạch Nguyên Quân 元白君 [*]; Hoàng Lão Quân 黃老君. 3- Cung Nê Hoàn 泥丸 (Zinnoberfeld): Thượng Nguyên Xích Tử 上元赤子; Triệu Lặc Tinh 肇勒精 [*]. 4- Cung Lưu Châu 流珠 (Fließende Perlen): Lưu Châu Chân Thần 流珠真神 [*]. 5- Cung Ngọc Đế 玉帝 (Jade-Kaiser): Ngọc Thanh Thần Mẫu 玉清神母; Tam Tố Nguyên Quân 三素元君 [*].6- Cung Thiên Đình 天庭 (Himmlische Halle): Thượng Thanh Chân Nữ 上清真女. 7- Cung Cực Chân 極真 (Äußerste Wahrhaftigkeit): Thái Cực Đế Phi 太極帝妃. 8- Cung Huyền Đan 玄丹 (Dunkles Zinnober): Không có tên (Name fehlt). 9- Cung Thái Hoàng 太皇 (Großer Erhabener): Thái Thượng Quân Hậu 太上君后.

II. Mittlere Abteilung = Trung bộ 中部 thân thể:

a/ Physiologische Gottheiten nach dem Huang-t'ing-ching = Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh: 1- Thần Tim (Herz) = Đan Nguyên 丹元; 2- Thần Phổi (Lunge) = Hạo Hoa 皓

華; 3- Thần Gan (Leber) = Long Yên 龍湮; 4- Thần Thận (Nieren) = Huyền Minh 玄明; 5- Thần Tỳ (Milz) = Thường Tại 常在; 6- Thần Mật (Galle) = Long Diệu 龍曜.

b/ 24 Halbmonat-Gottheiten: Chư thần liên quan 24 khí tiết: 1- Thần Tim (Herz): Hoán Dương Xương 煥陽昌. 2- Thần Phổi (Lunge): Tố Linh Sinh 素靈生; 3- Thần Gan (Leber): Khai Quân Đồng 開君童; 4- Thần Thận trái (linke Niere): Xuân Nguyên Quân 春元君; 5- Thần Thận phải (rechte Niere): Tượng Tha Vô 象他無; 6- Thần Tỳ (Milz): Bảo Vô Toàn 寶無全; 7- Thần Mật (Galle): Long Đức Câu 龍德拘; 8- Thần Cuống họng (Schlund): Bách Lưu Phóng 百流放.

c/ Neun-Himmel-Gottheiten: Chư thần liên quan cửu cung (không có)

III. Untere Abteilung des Körpers = Hạ bộ 下部 thân thể:

a/ Physiologische Gottheiten nach dem Huang-t'ing-ching: Chư thần liên quan các bộ phận thân thể theo Huỳnh Đình Kinh: 6 Nebeneingeweide (keine Namen der einzelnen Gottheiten): Lục phủ (không có tên của từng vị thần riêng lẻ), mit Ausnahme der Galle (ngoại trừ Đảm thần= Thần Mật (Galle): Long Diệu 龍曜).

b/ 24 Halbmonat-Gottheiten: Chư thần liên quan 24 khí tiết: 1- Thần Bao Tử (Bauch): Đồng Lai Dục 同來育; 2- Thần Ruột già ruột non (Dick-und Dünndarm): Bồng Tống Lưu 蓬送留; 3- Thần Ruột thừa (Darmansatz): Phi Đằng Khang 非騰康; 4- Thần Đầu ruột (Eingeweide): Thụ Hậu Bột 受厚勃; 5- Thần Cách (Zwerchfell: cơ hoành): Quảng Anh Trạch 廣瑛宅; 6- Thần Mông (Hüften): Tịch Giả Mã 辟假馬; 7- Thần Tả dương (linkes Yang): Phù Lưu Khởi 扶流起; 8- Thần Hữu âm (rechtes Yin): Bao Biểu Minh 包表明.

c/ Neun-Himmel-Gottheiten: Chư thần liên quan cửu cung (không có)

» mục lục